



TUYỂN TẬP BÚT KÝ VĂN HỌC

Tuyển chọn và làm ebook bởi: Quang Huy – Savatage

Thuvien-ebook.com 22/10/2007

Ai về Quảng Trị Đông Hà...35 năm sau Mùa Hè Đỏ Lửa

Mái chùa che chở hồn dân tộc... Đêm qua sân trước một cảnh mai

Vũ Hữu Định, rượu thơ trần thế

Một thoáng phù hoa

Sao rơi

Trăng đầu ngon nước

Chân dung văn nghệ : Nhà tôi số một trăm sáu chín...

Nguyễn Trọng Tào – Người tự sắm vai mình

Thành phố Gyeongju một lần tôi đến

Lên núi tìm hoa

Nén nhang cho người bạc mệnh

Chuyện chính ủy - nhà văn cắt tay ngắn, vẫn viết dài

Điều hò cách cảm

Tấm lòng của cha và con người lính

Nhà thơ Nguyễn Phan Thịnh :Độc hành lặng lẽ với xa xôi

Ngon lửa pro _ mê _ tê đã tắt .

Góc thân quen

Câu chuyện Hội An

Cà Mau quê xứ

Sự bình yên ở lại

Cái mẻ kho

Thăm Vườn quốc gia Yok Don - Tỉnh Đak Lak

Lang thang xứ Quảng

Đường đến Siem Reap – Angkor

Vết xăm của Thịnh

Me tôi

Trịnh Thanh Sơn và tôi

Sóc Trăng ngày nay

Thợ cầu thời WTO

Thầy tôi

Kỷ niệm 12 năm ngày mất nhà văn Phùng Quán (22.01.1995-22.01.2007) : PHÙNG QUÁN trong tôi

Trần Thương Xuyên – người Minh hương có công khai phá vùng Đồng Nai – Gia Định

Thơ Hữu Dao, tiếng hát của một thế hệ dân thân

Đất và người Bến Tre.

Người vượt qua những khó khăn chất chồng để sống

Cơ chi có một ngày...

Tặng em đôi chiều em nằm...

Nặng nợ với trầu cau

[Quê chồng](#)
[Vận rủi...](#)
[Rừng báo bão](#)
[Rượu cay, muối đời...](#)
[Thị dân...](#)
[Đi sẽ đến, tìm sẽ gặp](#)
[Canh Bạc](#)
[Paris, Mùa thu tím...](#)
[Thời Cửa Ngựa](#)
[Người H.Mông hôm nay.](#)
[Hai bên cửa khẩu Mộc Bài](#)
[Me - Mặt Đất Bao Dung](#)
[Về Cà Mau thăm Nguyễn Ngọc Tư](#)
[Biên giới Tây Nam, mùa nước nổi](#)
[Nơi Nguồn Sông Chim Hót](#)
[Tỏ tình với cuộc sống](#)
[Nấu lòng đất đai](#)
[Thư Sài Gòn](#)
[Mêkông trong trí tưởng](#)
[Xuôi ngược tàu TN 1/2](#)
[Kí sự đường xa :Bên dòng sông Thajin](#)
[Một ngày ở Côn Đảo](#)
[Đóa bạch lan trong mây trắng](#)
[Via Appia- Con đường làm nên đế chế](#)
[Tam Đảo sương mù](#)
[Nơi ấy bây giờ-phần 1](#)
[Nơi ấy bây giờ-phần 2](#)
[Nơi ấy bây giờ-phần 3](#)

Ai về Quảng Trị Đông Hà...35 năm sau Mùa Hè Đỏ Lửa

[Trần Kiêm Đoàn](#)

*Kỷ niệm 35 năm Mùa Hè Đỏ Lửa (1972-2007),
viết tặng các học sinh Nguyễn Hoàng
và thanh niên Hồng Thập Tự Quảng Trị
TKĐ
Ai về Quảng Trị Đông Hà,
Hỏi o lòng thả, heo bà... lật chưa ?!*

Hồi còn làm trưởng Thanh Niên Hồng Thập Tự Quảng Trị thời Hồi Cư năm 1973, các em học sinh và đoàn sinh của tôi vẫn thường đặt bày hát “đĩa” như thế để chọc mấy em nữ sinh bán quán lòng thả ở Hải Lăng, Diên Sanh. Và nghe đâu, giới giàu kinh nghiệm món lòng thả cho rằng, giống heo đực lật... tiết sau ba tháng, đem nấu lòng thả mới ngon tuyệt cú mèo (?).

Rồi không biết ai là tác giả, các em đã biến câu hát đùa thành điệu hò nện “Ai về Quảng Trị Đông Hà. Là hù, là khoan...” và thầy trò hát nghêu ngao cho vui miệng, vui chân trong những chuyến công tác cứu trợ vô sâu trong

các vùng quê mới hồi cư. Nhưng tiếng hát vui không che nổi cảm giác rờn rợn của bao nhiêu mảnh bom đạn chưa nổ còn ghim trong lòng đất khắp các nẻo đường quê hương Quảng Trị.

Tưởng cũng nên mở ngoặc nhỏ nơi đây để viết đôi dòng về một món ăn truyền thống Việt Nam mà rất có thể có nhiều người Việt hay kể cả một số người Quảng Trị “toàn ròn” vẫn chưa có dịp thưởng thức. Đó là món Lòng Thả (hay Lòng Sả). Món Lòng Thả là món ăn đặc biệt, một trăm phần trăm thuần Quảng Trị. Khắp nước Việt Nam và, có thể nói bạo miệng mà không sợ nhầm rằng, khắp thế giới không nơi nào có món lòng thả này cả. Lòng thả nấu bằng những phần chọn lọc lấy từ lòng, huyết, xương, tinh chất... của con heo cộng với bún, sả và các gia vị và phẩm vị mà, một thời, người viết bài này chỉ biết thích thú thưởng thức hơn là nắm vững công thức như món bún bò, cơm hến. Chỉ mới gần đây thôi, lần đầu tiên, tôi được biết một nơi ngoài Quảng Trị có món Lòng Thả này là quán *Rất Huế* tại Sài Gòn mà chủ nhân là một nhà thơ gốc Quảng Trị, anh Nguyễn Đăng Mừng.

Mới ngày nào còn thú vị với món Lòng Thả buổi sáng ở Diên Sanh; “là hủ là khoan” rộn rã tiếng cười, bắt chắp đạn bom còn rơi rớt đâu đó đầy đe dọa và dòng đời tạm bợ, trôi nổi chung quanh đó mà đã 35 năm trôi qua.

Mùa Hè năm 1972... hình ảnh cuối cùng của Đông Hà trong ký ức của tôi là con đường Quốc Lộ 1, đoạn băng qua phi trường Ái Tử cháy nắng, mịt mờ khói đạn bom pháo kích. Tôi đeo thầy Dương Đình Trọng – ông anh cùng dạy trường Nguyễn Hoàng – trên chiếc xe “Honda Đam” của tôi chạy chao đảo một đoạn ngắn rồi ngừng lại. Nhiều người cùng vất xe nằm sát bên vệ đường. Hàm trú ẩn là bầu trời xanh lồng lộng. Số phận sống chết của con người bọ bèo không hơn một xoáy cát bay bay. Cơn pháo kích đi qua. Khói đạn, khói bụi, khói nắng, khói trần gian... che khuất những nụ cười hanh nắng. Chẳng có mảnh đạn nào lạc lối ghim vào thể xác; mà chỉ có mảnh vỡ của cảm xúc ghim vào tâm tư. Tôi mang mảnh đạn vô hình đó mà đi về phương Nam.

Sau đó là Mùa Hè Đỏ Lửa 72 và Đông Hà nằm lại bên kia bờ Thạch Hãn, một vĩ tuyến mới của lịch sử; nhưng đồng thời cũng là một vết cắt mới của tâm hồn Việt Nam.

Những ngày tiếp theo... tôi chạy qua Cầu Dài cũng trong bão lửa pháo kích. Rồi tản cư, tạm cư, hồi cư, bảy lăm, lầy lắt bên xe Lam, chợ Trời, vượt biên, cu-li ta, cu-li Mỹ, thầy ta, thầy Mỹ... và một sớm mai vàng của tuổi mùa Thu, tôi dừng lại. Cuộc hành trình của một thế hệ chiến tranh Việt Nam bước chậm dần chờ ngày khép lại: Về hưu!

Hai tiếng “Về hưu” đối với người Mỹ là Golden Age, là Tuổi Vàng, là sự nở phào sung sướng. Vậy mà sao tôi nghe như trong tôi có tiếng thở dài rưng rưng thẳm lặng. Tôi là người viễn khách may mắn một cách xót xa đang về cuối chặng đường. Trong khi đó, hơn hai phần ba người thân, bạn bè đã nằm xuống mất hút trên những dặm đường mịt mù, bão liệt của quê hương.

Về Quảng Trị. Sau gần tròn 33 năm tôi mới có dịp đi lại trên con đường Quốc Lộ 1 dài 60 cây số từ Huế ra Quảng Trị vào mùa Hè năm 2007. Trước mắt tôi, con đường hiện ra lạ hoắt. Ba mươi năm trước, mỗi lần chạy xe Honda một mình trong cảnh trời mưa tối sầm hay chiều xuống âm u tôi thường vừa lo, vừa sợ. Lo, vì lỡ như xe bị hư bất ngờ thì chẳng có chỗ nào để dừng lại trú chân nhờ giúp đỡ. Sợ, vì đường vắng quá, hai bên là đồng không mông quạnh hay chỉ là những bãi cát lơ thơ trảm chồi mọc hoang nổi đuôi nhau không một bóng người. Nhất là chặng đường từ An Lỗ ra tới Mỹ Chánh; rồi từ Mỹ Chánh ngang ngã rẽ Diên Sanh, qua Cầu Dài cho tới Quảng Trị. Nếu có chẳng một bóng người hiếm hoi trên đồi cát hay trên đồng vắng thì sự cảm nhận “thỏ đế” của tôi thường cho đó là... ma! Bảo đảm khai đúng sự thật là vào những năm hồi cư sau 1972, tôi ngủ lại trường Hiền Lương Nghĩa Thực nằm trên vùng đồi cát Hải Trường đã nghe tiếng cười, tiếng khóc của ma từ Cầu Dài sầm sập chạy trên Quốc Lộ 1. Không rõ ảo giác ma quỷ làm cho tôi sợ ma một cách đầy “sáng tạo và nên thơ” như thế; hay hoàn cảnh chiến tranh đã làm cho người và ma cặp kè nhau giữa hai đầu sống chết đã tạo nên một tâm lý sợ ma từ trong vô thức của tuổi thơ...

Ngày ấy vắng thế mà bây giờ, cả hai bên Quốc Lộ 1 – con đường huyết mạch của quê hương – nhà cửa đã mọc lên san sát. Từ Huế ra Đông Hà, có rất ít khoảng trống hai bên đường để cho tầm mắt tìm ra những mảnh không gian trải dài tới ruộng đồng, làng mạc tít tắp về mé biển hay mé núi. Nhà cửa lấp đầy khi con người tìm về nguồn sống như cá tìm về sông. Cố gắng tìm về ven quốc lộ đã lữ lượt diễn ra như một khuynh hướng đô thị hóa mạnh mẽ từ Nam chí Bắc trong suốt 30 năm qua. Tôi bất ngờ đi trên khoảng đường dài ba mươi năm trước mà ngỡ như mình bị lạc. Lạc vì không tìm ra hướng mới hay chẳng tìm về lại được khung trời cũ đều có nỗi niềm riêng. Nhưng cái khoảng trống cô đơn trong cảm nhận lạc đường thì vẫn thế. Nó mất đi ý niệm “tìm thấy” hay “thuộc về” đã nằm sâu trong lòng mình.

Đến thành phố Quảng Trị cũ, tuy tất cả những chi tiết đều đổi khác, nhưng tôi vẫn mừng rỡ ngỡ ra con đường Trần Hưng Đạo, đường Quang Trung, khuôn viên trường Nguyễn Hoàng, bờ sông Thạch Hãn. Có chăng hình ảnh không thay đổi là dòng sông Thạch Hãn với những bãi sa bồi. Đất cát như mẹ hiền; nước tươi như dòng máu. Những gì ít thay đổi nhất vì được làm nên bằng nguồn tình, không bằng hình tướng.

Ở Quảng Trị gần 5 năm, có lẽ thời gian chưa đủ thắm để cho những gốc rễ ăn sâu vào mạch đất. Tôi đến và đi với Quảng Trị với nỗi vui buồn của một người tình hơn là một người ruột thịt. Người ruột thịt se lòng khi nhìn Cổ Thành tan nát; nhìn trường Nguyễn Hoàng yêu dấu từ thuở hoa niên chỉ còn là đồng gạch vụn; nhìn tất cả thành phố thân thương sau biến cố 1972 sau màn nước mắt và bóp chặt tay anh em hẹn ngày trở lại. Còn tôi, tôi mờ

nước mắt nhìn Quảng Trị và nuốt vào tâm khảm những hình ảnh tan nát sau cùng; rồi nhớ mãi để ra đi. Trước mắt tôi Cổ Thành đổ nát như chiếc áo quan của người tình áo trắng vừa qua đời. Nhưng đối với Lê Hữu Nam, Lê Hữu Thăng, Đỗ Tư Nhơn, Nguyễn Bảo, Lê Mậu Tâm, Hoàng Văn Liệu... thì Quảng Trị tan tành là hình ảnh đầy biểu tượng của ngôi mộ mẹ hiền bị sét đánh tang thương.

Mùa Hè năm 2007... Về lại Quảng Trị lần này, lòng tôi như một đại dương đã lặn sóng. Ở tuổi về hưu, tôi nhìn Quảng Trị qua dấu tích nghìn năm như Thăng Long với Cổ Thành, Cổ Lũy, Ái Tử, La Vang. Ngày xưa, sau những chiều dạy học, sống xa nhà, tôi vẫn thường đi loanh quanh trên những con đường phố xá Quảng Trị. Thành phố nhỏ nhắn ngày ấy mang một vẻ dịu dàng riêng của nó. Dòng Thạch Hãn không có nét xòa tóc về xuôi đầy lãng mạn như Hương Giang, nhưng buổi chiều mùa Thu vẫn in dấu mây trắng giăng ngang từ phía Trường Sơn về Nam Hải. Thạch Hãn không có “yên ba giang thượng” – khói sóng trên sông – nhưng lại có nét cau mặt của những vờn sóng đáng yêu khi những ngọn gió chướng sổ sàng quét mái trên sông. Ngày ấy, chân tôi bước đi trên phố xá Quảng Trị mà tâm lý “giang hồ vật” cứ hướng về những phương trời Tây, Tàu bao la mơ ước. Nhưng hôm nay về lại, khi chân đã mỏi, giày vệt gót qua những phương trời viễn mộng ngày xưa, tôi ước muốn dừng lại. Ước chi kiếm một gian nhà nhỏ trông ra bờ Thạch Hãn, tính thời gian qua con nước ròng, nước lớn trên những bãi sa bồi. Rồi những chặng đời sẽ qua đi. Về Quảng Trị là một hành trình rất thực như chân trần bấm trên đất phên làng xóm.

Lưu luyến chi rồi cũng phải ra đi như người du khách. Trong thơ Việt, có lẽ khó mà tìm ra một câu hay hơn Chế Lan Viên: *“Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở. Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn...”* Ba mươi năm trước tôi rời Quảng Trị như tạm biệt một vùng đất ở; ba mươi năm sau, rời nơi đó như rút áo ra đi từ nỗi níu kéo trong lòng.

Và lạ quá một điều mà tôi chưa hề nghĩ tới, Đông Hà lại có một ngày trở thành “thủ đô kinh tế” của Quảng Trị. Vâng, tôi vừa quên Đông Hà là cửa khẩu của đường 9 Nam Lào.

Nếu bất ngờ bị mất và được thả xuống Đông Hà, có lẽ tôi hoàn toàn mù tịt không biết mình đang ở đâu. Đông Hà thuở ấy trong tôi là khu phố nhỏ. Đi quanh, hút chưa tàn điếu thuốc đã lên dốc Ga tàu. Nhưng giờ đây Đông Hà đã biến thành một thành phố cỡ hạng nhì Việt Nam như Hải Phòng, Quảng Bình, Nha Trang, Phan Thiết, Cần Thơ... mà tôi vừa mới đi qua. Khung cảnh và bầu không khí của một Đông Hà mới làm tôi cảm thấy xa lạ. Mình không lạc phố, lạc nhà; mà phố xá lạc mình. Một Đông Hà đóng vai chợ phiên của Gio Linh, Cam Lộ, Lao Bảo... không còn nữa. Khi tôi về lại, những tiểu thư guốc mộc của ba thế hệ đàn chị, đàn bà cùng trang lứa và đàn em đã từng khoe sắc rực rỡ, làm tươi mát khu phố thị Đông Hà một thời nay “bất tri hà xứ khứ – không biết về mô...”. Những Phù Thị Lan, Huệ, Cao Thị Lành, Hiền, Túy... vang bóng một thời. Những Học, Tình, Cam, Chường, Lân, Hường, Lý... ngày ấy “xôn xao ngoài cửa thiếu gì yến anh” đang ở nơi mô. Thời gian dịu dàng trôi mà lại tàn nhẫn như những lọn tóc bạc, những đường nhăn xếp nếp quắt vào vùng thanh xuân tươi mát với vẻ lạnh lùng. Trong buổi tiệc vui tại nhà hàng Lạc Khanh ở Đông Hà với hơn bảy chục khuôn mặt bạn bè thân thương tới dự – mà hầu hết sinh ra ở vùng quê hương Quảng Trị, Đông Hà và cũng là học trò Nguyễn Hoàng một thời yêu dấu – đã cho tôi nét nhìn rõ hơn về vết quắt của thời gian.

Tôi và Lê (nhà tôi... bên chiếc cầu soi nước) từ California, cùng với cặp bồ tèo là hai người bạn thân, Nguyễn Tuấn Năng và Nguyễn Thị Học – gốc ở Đông Hà; gác ở Minesota – rủ nhau về thăm quê. Khách sạn “muôn sao” của chúng tôi ở Đông Hà là nhà của anh Tịnh, chị Mai. Đêm nằm trên gác của căn nhà xinh xắn mà cứ ngỡ ngỡ có dư âm tiếng đại bác từ phía Tây vọng về và mơ hồ có tiếng éch bên tai của vùng ruộng đồng ngày xưa nay thành phố chợ. Chặng đường 72 – 07, ba mươi lăm năm một thoáng phù du. Nếu tâm đắc với ý niệm một sát na đã qua bờ sinh tử thì mọi sự thay đổi đều là viễn du, thoáng qua, hồn nhiên. Bởi thế, sau đó khi trên đường ra Bắc, khi xe qua Đèo Ngang, tôi lại nhớ Bà Huyện Thanh Quan

Từ Đông Hà, tôi ra động Phong Nha theo con đường Trường Sơn Đông. Con đường tuyệt đẹp vắt qua nhiều sườn núi rộng rãi và phẳng phiu hơn cả Quốc lộ 1 ven biển dưới kia. Hai bên đường rừng cây cao su bạt ngàn, cây tiêu, cây hạt điều và các loại cây công nghiệp xanh mướt mà. Tất cả cây công nghiệp đều đang độ tuổi thanh xuân đầy sức sống. Xe vẫn chạy trong nắng mai, tôi cố rướn người ra nhìn bên này rồi bên kia đường không chớp mắt. Sự xúc động ở đâu ulla tới. Nếu không đi trên con đường này, có lẽ một Quảng Trị trong định kiến của tôi chỉ có những rừng tre, đồi tranh, độn sim, độn móc... còm cõi trong những cơn gió Lào nóng nung người và gió bắc lạnh rát mặt. Rừng cao su xanh tốt Quảng Trị vượt lên cả rừng cao su đất đỏ Long Khánh là điều gần như... hoang tưởng đối với tôi nếu chỉ có thời gian năm năm ở Quảng Trị, dạy trường Nguyễn Hoàng rồi ra đi khi chưa có cơ hội trở lại đất này ba mươi lăm năm sau đó. Nhưng trước mắt tôi rõ ràng là rừng Trường Sơn mở rộng. Khi có tình yêu – yêu người hay yêu quê hương – thì cái nhìn sáng tạo “thuở ban đầu” bao giờ cũng hướng đến những gì cao viễn nhất.

Ồi chao! Con sông Hiền Lương và chiếc cầu Bến Hải. Gần bốn mươi năm trước, là một sinh viên văn khoa Huế biết nói khá tiếng Anh, tôi ở phía đầu cầu phía Nam bên kia, làm công việc thông dịch cho những phái đoàn “thóc mách”, kẻ cả báo chí, báo cáo và báo đời. Họ muốn biết đến giòng sông chia cắt và chiếc cầu xây theo kiểu “phúc lợi” của Pháp, đơn điệu, đen đũi và buồn tênh đó có tác động gì lên tâm tình người xứ Việt. Với người phương Tây, khó mà giải thích cho họ hiểu vì sao mà “mẹ bồng con ra ngồi cầu Ái Tử; vợ trông chồng lên núi

Vọng Phu...” Nhưng trong tâm tư người sinh viên trẻ, lần nào tôi cũng quay mặt không dám nhìn thật kỹ chiếc cầu như một vết chém đứt lìa ngang thắt lưng chiếc áo tứ thân của tổ quốc, có bao nhiêu tấm ván, bao nỗi ưu tư – như Nguyễn Tuân – khi tôi tay chỉ chỗ, miệng bi bô “dzu mi tao mầy” để giới thiệu chiếc cầu với những người khách từ bên kia đại dương, râu ria xồm xoàm, nói cười hềnh hếch.

Rồi một buổi chiều, như chiều nay... trên tuyến đường bộ từ Bắc vô Nam, tôi xúc động dừng lại bên cầu. Nhìn chiếc cầu hiền lương (tĩnh từ, không viết hoa) vẫn lặng lẽ vắt ngang trên dòng sông không đục, không trong, gieo neo nước chảy dưới cầu như mẹ già tưới tắm cho những cánh đồng con cháu tương lai, tự nhiên tôi muốn khóc bằng những giọt nước mắt của Mẹ Gio Linh, của đời hoang Ái Tử, của vôi gạch Cổ Thành... Thế nhưng mắt tôi vẫn ráo hoảnh, buồn thiu. Nước mắt Việt Nam đã đổ xuống nhiều hơn sông hơn biển. Xương máu Lạc Hồng đã tưới tắm cả Trường Sơn. Thêm bớt một giọt, khô cạn một dòng thì đời em vẫn trôi, sông kia vẫn chảy. Tôi tự hỏi, có chăng trong ta một sự trở về. Chiều xuống thấp, trời ửng màu cam trên Trường Sơn. Trước mùa Hè 1972, bên bờ Bắc cầu Bến Hải – nơi tôi đang đứng nhìn chiều xuống 35 năm sau – Đông Hà Quảng Trị là một “nước” khác. Nước sông núi đã xa vời mà nước trong lòng người lại càng xa hơn nữa. Tôi dợm chân bước qua xứ ấy. Sông núi đã liền lặn. Vết thương có còn gì dấu tích trong tôi? Nắm tay Lê, tôi giục: “Đi thôi, em. Tối nay ở lại Đông Hà. Mai ta về Quảng Trị.”

Sacramento, mùa Hè 2007

Mái chùa che chở hồn dân tộc... Đêm qua sân trước một cảnh mai

Trần Kiêm Đoàn

Sáng nay, thứ Sáu 13-10-2006, chị Thái Kim Lan từ Đức báo tin thầy Thích Mãn Giác vừa viên tịch tại Los Angeles, tiểu bang California, Mỹ.

Tôi ở cách Thầy – Chùa Việt Nam – có một giờ bay hay 6 giờ lái xe mà biết tin còn chậm hơn người ở bên kia bờ Đại Tây Dương. Cũng thế, trong trận bão Xiangsane vừa qua, tôi ở Mỹ mà đóng vai người thông tin diễn tiến trận thiên tai cho thân nhân và bạn bè ở Sài Gòn. Có lẽ khoảng cách thế giới trong thời đại mới này phải đo bằng chiều sâu của tấm lòng hơn là chiều rộng của không gian và chiều dài của thời gian mới chính xác chăng?

Không gian và thời gian tâm lý không phải là một phép lạ biến đổi hoàn cảnh, nhưng nó giúp cho những con người “có duyên” gặp lại nhau trong từng khoảng cách dài bằng nửa đời người mà tưởng chừng như mới hôm qua. Sự gặp gỡ của những tâm hồn đồng điệu, mang dấu ấn tâm linh có khi cách nhau hàng chục thế kỷ mà vẫn gần nhau trong gang tấc hay có khi gặp nhau một cách tình cờ giữa cuộc đời vắng lặng. Có hai thiền sư Mãn Giác. Một thiền sư Mãn Giác đời Lý (1052-1096) và một thiền sư Mãn Giác đời nay (1927-2006) đã gặp nhau trong thi ca: “Mái chùa che chở hồn dân tộc...” hay “Đêm qua sân trước một cảnh mai...” cách nhau đến cả nghìn năm mà vẫn cùng nhìn thấy cái thường hằng rỗng lặng và hư ảo của cảnh mai sân trước hiên chùa. Một cách vô hình chung, tôi vẫn thường nghĩ đến những vần thơ Huyền Không (thi bút hiệu của thầy Thích Mãn Giác đời nay) một cách nhẹ nhàng và sượng khờ như thế.

Năm 1967, lần đầu tôi được gặp thầy Mãn Giác trong lớp triết học Đông phương ở Mô-Ranh, trường đại học Văn khoa Huế thời ấy. Ngày đó, Thầy là một giáo sư thỉnh giảng còn quá trẻ, mới tốt nghiệp ở Nhật Bản về. Trong chiếc áo tu sĩ màu nâu, Thầy có một dáng dấp rất tươi mát và thanh thoát. Nhất là nụ cười lúc nào cũng mở rộng. Thầy cười không chỉ bằng miệng mà bằng cả đôi mắt và dáng vẻ nhẹ nhàng, phóng khoáng. Thầy giảng về triết học Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản, Việt Nam và nhấn mạnh về sự tương quan của các nguồn triết học Đông phương trong bối cảnh triết học Phật giáo. Với kiến thức phong phú của một nhà nghiên cứu, một nhà Phật học và khả năng đa dạng về ngoại ngữ như Hán, Phạn, Pháp, Anh, Nhật... Thầy Mãn Giác thường biến những buổi học thành những buổi thuyết trình chuyên đề của một học giả có thẩm quyền chuyên biệt làm cho sinh viên thích thú và kính trọng.

Năm 1976, tôi gặp lại Thầy tại chùa Xá Lợi ở Sài Gòn trong ngày Phật Đản khi Thầy đang tiếp phái đoàn Phật tử Huế do Mặt trận Tổ quốc Bình Trị Thiên gửi vào. Thầy có vẻ nghiêm nghị và đăm chiêu hơn qua giọng nói và thái độ dè dặt cẩn trọng hiện lên rất rõ trong hàng chur tăng ni hiện diện trước tiền đình chùa Xá Lợi.

Và một buổi tối ngày 27 tháng 12 năm 2003, tôi gặp Thầy lần cuối cùng tại chùa Kim Quang, Sacramento. Về mặt thể lực, Thầy có vẻ yếu, đi phải có người theo bên cạnh. Thế nhưng Thầy cũng đã bay từ miền Nam California lên miền Bắc để tham dự nhân dịp chùa làm lễ đặt đá xây dựng lại ngôi chùa mới trên khu đất của ngôi chùa cũ đang đổ nát vì thời gian. Đêm hội ngộ, vẫn với nụ cười thanh thoát của một nhà thơ, Thầy đọc và ngâm thơ. Tôi không còn nhớ rõ nguyên văn bài thơ, nhưng nhớ đó là một bài thơ về quê hương. Bài thơ do Thầy sáng tác nói đến nỗi xúc động giữa quê nghèo với mái tranh, với liếp cửa mỏng manh không chắn nổi ngọn gió lạnh mùa Đông. Thầy vừa đọc vừa kéo dài cuối câu thơ ra như ngâm. Giọng nói trầm ấm của Thầy thuở đứng trên

bục giảng 40 năm trước không còn nữa. Nhưng sự xúc động lại dâng trào. Miệng Thầy vẫn cười nhưng thỉnh thoảng vẫn đưa chiếc khăn nhỏ lên chùi mắt...

Mỗi lần gặp lại Thầy, cách nhau cả 10 năm, 30 năm nhưng sao tôi vẫn thấy gần nhau quá, như mới hôm qua.

Khi sắp từ biệt Thầy, tôi nhắc lại những kỷ niệm cũ của thời còn học với Thầy ở đại học Văn khoa Huế làm Thầy cười sảng khoái. Tôi kể lại và hỏi Thầy còn nhớ không, Thầy gật đầu. Đó là buổi sáng khi linh mục Nguyễn Ngọc Lan (giáo sư thỉnh giảng dạy về lịch sử triết học Tây phương) chở Thầy từ cư xá giáo sư Viện Đại học Huế gần Ga Huế xuống đại học Văn khoa. Bọn con nít thấy một hình ảnh “đoàn kết tôn giáo” rất ngộ đã chạy theo reo hò:

“Ê, tụi bây ơi! Coi tề. Cha chờ Thầy! Cha chờ Thầy!”

Trong câu chuyện, thầy cũng nhắc lại lịch sử “thăng trầm” của hai câu thơ:

*Mái chùa che chở hồn dân tộc,
Giếng mối muôn đời của tổ tông.*

Tôi đã nói đùa với Thầy:

“Trong hai câu đó, con chỉ thích câu đầu vì mỗi Mãn Giác thiền sư chỉ có một câu thơ tuyệt tác.”

Ý tôi muốn nói đến bài “Xuân đi, Xuân đến” của Mãn Giác Thiền sư đời Lý.

Thầy hỏi:

“Mãn Giác kia câu chi?”

Tôi thưa:

“Bạch Thầy: *Đêm qua sân trước một cảnh mai...*”

Thầy lại cười rộng lượng:

“*Mái chùa che chở hồn dân tộc... Hôm qua sân trước một cảnh mai.* Ngộ hỉ.”

Tôi đợi chờ lời Thầy phê về sự liên tưởng và so sánh (rất có thể) khắp khiêng của tôi, nhưng Thầy chỉ nở nụ cười ấm áp và nói: “Ngộ hỉ”.

Có thể nói không riêng tôi mà tất cả mọi người biết và gần thầy Thích Mãn Giác từ khi thầy còn trẻ cho đến bây giờ đều hưởng được bầu không khí tươi mát của một phong thái bao dung và một tinh thần không bao giờ chấp nhặt những chuyện bé nhỏ. Nhờ đức độ của Thầy như thế nên chùa Việt Nam nổi tiếng là nơi bảo lãnh, hỗ trợ và cũng là trạm dừng chân đầu tiên đông đảo nhất cho quý tăng ni từ xa mới đến Mỹ.

Tin hoà thượng Thích Mãn Giác vừa viên tịch không làm ai ngạc nhiên vì tuổi tác đã cao và tình trạng thể lực ngày một yếu của Thầy. Nhưng tất cả mọi người, Phật tử cũng như thân hữu, đều cảm thấy có một sự mất mát rất lớn vì sự vắng bóng của Thầy. Thầy đã sống một cuộc đời thật trọn vẹn. Một đời tu sĩ cho Đạo; một nghệ sĩ thi ca văn bút cho Đạo, cho Đời; một sự dân thân cụ thể để bảo tồn và phát huy những giá trị tri thức và tâm linh cao quý giữa chốn bụi trần. Một đời Thầy tu hành trong tinh thần “tự giác, giác tha, giác hạnh, viên mãn” với phong thái khoan hòa đỉnh đặc của một thiện tri thức và sự hành xử công minh, vô úy vì đạo vì đời của một danh tăng qua những năm tháng thăng trầm nhất trong lịch sử dân tộc và đạo pháp.

Hướng về hoà thượng Thích Mãn Giác, phần đông Phật tử và thân hữu cũng giống như tôi. Chúng tôi tìm thấy ở Thầy một sự kết hợp hài hòa giữa tinh thần tu sĩ, nghệ sĩ và kẻ sĩ. Tinh thần tu sĩ để hành đạo giải thoát; tinh thần nghệ sĩ để cảm thông với cuộc đời; và tinh thần kẻ sĩ để dân thân vào đời mà hóa đạo giúp đời.

Văn phẩm mới nhất của Thầy mà tôi được đọc là bài tham luận gửi đến cuộc Hội thảo Phật giáo năm 2006, nhan đề: “*Thư ngỏ của Sa môn Thích Mãn Giác gửi chư vị tham dự khóa hội thảo Cơ duyên và Thử thách của Phật giáo thế giới và Phật giáo Việt Nam*”. Trong thư Thầy đã viết về tinh thần nhập thế cần thiết của người Phật tử:

“Kiên trì và tinh tấn bám sát con đường Đấng Từ Phụ đã đi. Qua những thời kinh nhật tụng, chúng ta thường chỉ thấy Phật ngồi Phật nằm mà quên rằng, gần nửa thế kỷ trụ thế, Phật là một kẻ lữ hành, luôn luôn lên đường. Phật đích thân đến với quần chúng chứ không ngồi đợi quần chúng tìm đến Phật. Phật tìm đến quần chúng để được quần chúng bố thí thức ăn quần áo thuốc thang, và để tạo cơ duyên cho Phật và thánh chúng bố thí giáo pháp lại cho quần chúng. Nhờ tinh thần có qua có lại tiến khởi đó mà đạo tràng chùa chiền tự viện mới không trở thành những hải đảo xa lánh hồng trần và các Trưởng Tử Như Lai không hành xử như những chủ quán, ngồi một chỗ chờ khách hàng tới để thù tiếp mà kiếm lợi, hay như những người lính đứng trong pháo đài lâu lâu lại kêu lên Pháp Nạn! Pháp Nạn! Đó là bài học đầu tiên chúng ta cần suy gẫm để rút tĩa hệ luận cho Phật sự.”

Phải chăng đây là một lời nhắn nhủ thiết tha của Thầy đối với những người còn ở lại trước ngày từ biệt?

Dấu ấn của một nghệ sĩ là tác phẩm. Dấu ấn của một vị chân tu là tấm gương soi cho thế hệ kế thừa.

Hòa thượng Thích Mãn Giác đã viên tịch nhưng những dấu ấn từ bi, trí tuệ và dũng mãnh của Thầy vẫn còn thấp sáng niềm tin cho thế hệ hôm nay và mai sau.

Là một người học trò cũ, con xin lắng lòng tưởng niệm Thầy.

Là một Phật tử, con xin cung bái Giác Linh Thầy một tâm thức hoàn toàn tự do và giải thoát, xả bỏ báo thân, an nhiên trở về miền an lạc.

Kính bái biệt Thầy!

Sacramento 14-10-2006

Tóm tắt Tiểu sử Hoà thượng Thích Mãn Giác

Hòa thượng Thích Mãn Giác sinh năm Kỷ Ty (1927) tại cố đô Huế. Nguyên gốc làng Phương Lang, quận Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Xuất gia học Phật từ thuở nhỏ. Đã đảm nhận nhiều trọng trách trong giáo hội Phật giáo:

Nguyên Tổng vụ trưởng Tổng vụ thanh niên. Tổng vụ Văn hóa và Hội viên Hội đồng Giáo phẩm Trung ương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Sau khi tốt nghiệp Đại học Phật giáo Bảo quốc, được Tổng hội Phật giáo Việt Nam Trung phần cử làm giảng sư, Hội trưởng Hội Phật giáo Đà Lạt từ năm 1953 và sau đó, vào năm 1957 đại diện Tổng hội ở 5 tỉnh cao nguyên Trung phần.

Năm 1960, được học bổng đi du học tại Tokyo, Nhật Bản.

Cuối năm 1965, tốt nghiệp tiến sĩ triết học, được Bộ Giáo dục Việt Nam Cộng hoà mời về làm Giáo sư Đại học Văn khoa Sài Gòn, chuyên phụ trách giảng dạy triết học Ấn Độ và triết học Đông phương. Trong khi đó, Viện Hóa đạo công cử trách vụ Khoa trưởng Phân khoa Phật học, Phó viện trưởng đặc trách điều hành Viện Đại học Vạn Hạnh.

Ngoài ra, hoà thượng cũng đảm trách giảng dạy Đại học Văn khoa Huế về triết học Đông phương và văn học đại cương.

TRẦN KIÊM ĐOÀN

Vũ Hữu Định, rượu thơ trần thế

Trần Tuấn*

*“Giang hồ đâu có ai phong ấn
Mà nghĩ từ quan trở lại quê ...”
(V.H.Đ)*

Bữa Rằm tháng Giêng Đinh Hợi vừa rồi, trong ngôi nhà trên đường Hải Sơn quanh co nhỏ bé gần mạn biển Thanh Bình - Đà Nẵng diễn ra một bữa rượu “vô tiền khoáng hậu”. Rượu và thơ. Thơ và rượu. Lai láng. Trần trề. Đổ bể... Hơn hai chục gã đàn ông mái đầu xanh ít bạc nhiều, lúc âm ào, lúc trầm lặng, lúc khóc lúc cười ngầy ngật như trẻ nít. “*Gối chai không mà thương nhớ nhau ...*”. Một người đọc to. Cả bọn buông ly, nghèn nghẹn. Thương quá, Định ơi, cái “**Đêm mưa thiếu rượu nhớ Lý Hạ**” hun hút sâu đầy khốn khó thuở ấy ! Hôm nay giỗ Định, trời quang mây bồng, bạn đông rượu chật, nhớ Định, Định đang ở đâu ?

Trần Phương Kỳ, tức Trần Kỳ Phương (vẫn được gọi là “Kỳ con”, vì thân hình chỉ nhỉnh hơn ... chai rượu, nhà Champa học hàng đầu Việt Nam, làm thơ vẽ tranh cũng vào loại “hạng nặng”), đứng bật dậy đọc thơ. Cao hứng thế nào, vung tay đánh văng chai rượu Tây xịn mới rót được lưng chừng xuống đất, bể tan. Thi sĩ, hoạ sĩ râu tóc rậm rộp bởi bởi Trần Từ Duy (hoạ danh là Đông Ki Rét) vừa bay ra từ Sài Gòn mang theo một giỏ rượu giỗ bạn, bật cười khà khà : “Định “về” rồi đó !”. Rồi Duy ... Từ Trần, như cách gọi đùa của anh em, kể : Khi còn sống, Vũ Hữu Định có đùa, mà cũng như thật với vợ, rằng khi anh chết, giỗ anh, em chỉ làm mấy đĩa mồi, sơ sơ thôi, còn rượu bạn bè ... mang đến, khỏi lo ! Bởi thời ấy quá nghèo, rượu luôn là “vấn nạn”. Chỉ duy nhất có một lần nhậu, Vũ Hữu Định “chơi ngon” thẳng tay đập bể nguyên một ... chai rượu, lại là chai Lúa Mới hần hoi ! Đó là một sự tày đình, vì thời đó chỉ toàn nước lã pha cồn. Vậy nên, như là định mệnh, trong bài thơ cuối cùng “*Bài thơ năm bốn mươi*”, viết vào trưa Mừng Một Tết năm Tân Dậu (1981), hai câu cuối thế này : “*Ta đang thêm đi để học làm thơ / chờ ta đến xin nhớ phần rượu tặng*”. Nay thì hồ hải ở cõi tang bồng nào đó đã 26 năm ròng, chàng thi sĩ có thể nào trưa nay lại không ghé về để “*sướng quá, nâng ly, khà một tiếng*” cùng anh em. Như anh từng hẹn ước : “*Cũng có khi nào anh trở lại/ Mai này, một nọ biết đâu chừng/ Và có một lời anh sẽ nói/ giữ gìn nhau một chút hồn chung*”.

Từ trước 1975, Vũ Hữu Định đã đề đời với bài thơ “**Còn một chút gì để nhớ**”, được Phạm Duy phổ nhạc và vút cao với tiếng hát Thái Thanh. “*Phố núi cao phố núi đầy sương/ phố núi cây xanh trời thấp thật gần/ anh khách lạ đi lên đi xuống/ may mà có em đời còn để thương/ phố núi cao phố núi trời gần/ phố xá không xa nên phố tình thân/ đi dăm phút đã về chốn cũ/.../ em Pleiku má đỏ môi hồng/ ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông/ nên mắt em ướt và tóc em ướt/ da em mềm như mây chiều trong ...*”. Nguyên vẹn cả bài thơ mềm mại dài 4 khổ trở thành ca từ, “phù thủy âm nhạc” Phạm Duy hầu như không phải sửa hoặc thêm thắt một chỗ nào. Nhà thơ Trương Văn Ngọc – một bạn chí cốt trong nhóm văn nghệ Quảng - Đà thời ấy, kể : Định đang đánh trống phòng trà mưu sinh, nghe hát thơ mình, sướng quá liền mượn tiền bạn bè chạy vào Sài Gòn gặp Phạm Duy. Phạm Duy

trả nhuận bút, kèm một băng cassette có những bài hát mới của mình, và cả ... *“10 bài Tự Ca”*! Tên tuổi Vũ Hữu Định nổi trong làng văn nghệ miền Nam từ ấy. Nhưng thực ra, thơ Vũ Hữu Định không chỉ có vậy, dù bây giờ nhắc đến cái tên ấy, sẽ có ít người biết, kể cả nhiều tên tuổi khác trong dòng chảy văn chương miền Nam trước 1975. Năm 1996, Nhà xuất bản Trẻ (TP HCM) đã in tập **“Còn một chút gì để nhớ”** gồm 41 bài của Vũ Hữu Định, nhờ tiền bạc, công sức đóng góp của anh em bạn bè. Sinh thời, Vũ Hữu Định chưa từng in tập nào, ngoài thơ lẻ đăng rất nhiều trên các tạp chí văn học sang trọng ở Sài Gòn thời trước như Văn, Bách Khoa, Nghệ Thuật ... Mới đây, nhân dịp giỗ lần thứ 25 của thi sĩ (2006), nhóm Thư ấn quán của Trần Hoài Thư – Phạm Văn Nhân ở Mỹ đã cất công đến các thư viện ở Mỹ sưu tập để cho ra tập **“Thơ Vũ Hữu Định”** gồm 80 bài chỉ dành riêng tặng người yêu thơ. Và sau đó ra tiếp tập II, gồm 40 bài, từ bản thảo, di cảo chép tay, đánh máy mà bạn bè, gia đình còn lưu. Đó là cách *“giữ gìn nhau một chút hồn chung”* đầy trang trọng.

Thơ Vũ Hữu Định điển hình nhất cho kiếp thi sĩ giang hồ, lận đận. Lận đận do thời thế, và do tính cách tạo ra. Nên thơ anh, những bài hay nhất là khi viết trên đường lang bạt kỳ hồ, bị nổi khốn khó truy đuổi. Tuổi Nhâm Ngọ (1942) – tên thật Vũ Hữu Định là Lê Quang Trung, quê gốc ở An Cựu (Huế), sinh ra và lớn lên ở Đà Nẵng. Ông Lê Quang Tấn – em ruột nhà thơ, kể : Nhà nghèo, anh phải vào đời sớm làm lụng phụ nuôi các em. Không còn thiếu nghề gì trên đời mà Vũ Hữu Định chưa nếm trải, từ bán báo, đánh giày, bán đậu phụng, bán bún xôi, vẽ bảng hiệu, chơi nhạc, đánh trống phòng trà ..., nhưng trong túi chưa bao giờ có đồng bạc dư, cả đến lúc chết. Lớn lên bị kêu quân dịch, thế là chui nhủi khắp nơi để trốn lính, nường nấu bạn bè. *“Trưa ngủ đậu – chiều đi - đêm đợi/ Mai lang thang, mốt biết về đâu ?”*. Nhà văn Nguyễn Nhật Ánh thua Vũ Hữu Định khoảng mười tuổi, nhưng chơi với nhau từ khi còn ở Tam Kỳ. Trong ký ức của Nguyễn Nhật ánh có một chuyện cười ra nước mắt thế này : Thời Vũ Hữu Định “đạt” vào Sài Gòn trốn lính, Định đến ánh mượn tiền, không có. Nguyễn Nhật Ánh sau đó đổi nhà trọ. Một hôm có tiền, nhớ đến Định nhưng không cách chi liên lạc được, bèn đăng tin nhắn trên tạp chí Văn. Đến khi hai người gặp được nhau thì Nguyễn Nhật Ánh lại ... nhẩn túi ! Để rồi về sau này, có lẽ chính những tháng năm rong ruổi ấy đã khiến Vũ Hữu Định mắc bệnh “nghiện” đi : *“Nhà anh ở gần ga/ đêm thao thức nghe còi tàu giục giã/ giữa đêm vắng chợt thấy lòng xa lạ/ mấy năm không đi trời đất nhỏ dần”*.

Trốn mãi không thoát, Vũ Hữu Định bị sung vào lính quân cụ (cơ khí) đóng ở Đà Nẵng. Thế nhưng lận đận cũng không buông tha chàng, bởi cốt cách và lối hành xử rất thi sĩ của mình. Trong bài thơ **“Cảm ân người vợ khổ”** viết cuối năm 1972, có nhắc đến một chi tiết ít người biết : *“Lần nào em sinh nở/ ta cũng phải vắng nhà/ Đưa đầu lòng, tù tội/ đưa thứ hai, đi xa...”*.

Chuyện “tù tội” theo lời kể của người nhà thi sĩ, là thế này : Cuối năm 1965, xảy ra lộn xộn về tôn giáo, nhóm lính thợ của Vũ Hữu Định được huy động đến ôm súng đứng gác trước cửa chùa Tĩnh Hội (đường Ông Ích Khiêm bây giờ). Một hôm, đang đứng gác, thi sĩ sực nhớ đã tới ngày ... cưới vợ, bèn gửi súng lại cho bạn, rồi cứ nhắm hướng quê vợ sắp cưới ở gần núi Tuý Vân (vùng đầm phá Cầu Hai, huyện Phú Lộc, Thừa Thiên - Huế bây giờ) mà ... cuốc bộ ! Người vợ trẻ xinh xắn Nguyễn Thị Kim Vân chẳng ai khác, chính là em ruột của anh rể Vũ Hữu Định, từng là nữ sinh Đồng Khánh (Huế), sau bị đau một bên mắt, vào Đà Nẵng sống với chị học nghề thêu đan. Vì tội “bỏ súng cưới vợ”, Vũ Hữu Định sau đó bị kỷ luật, giam mấy tháng, cũng là lúc người vợ trẻ ở nhà sinh hạ đứa con trai đầu Lê Quang Bảo Định. Sau khi mãn hạn giam, Vũ Hữu Định lại bỏ đi biệt, chọn một cuộc đời bất định. Giang hồ của Định là loại giang hồ thật, chứ không phải “giang hồ vật”. *“Giang hồ đâu có ai phong ấn/ Mà nghĩ từ quan trở lại quê ...”*. Nhưng cuối cùng, chàng thi sĩ cũng phải trở lại quê, chấp nhận tham gia đội Xây dựng nông thôn của chính quyền cũ. Được mấy năm, nhờ bạn bè, Vũ Hữu Định xin vào làm ở Trung tâm Trẻ bụi đời, cai quản dạy dỗ đàn hát cho lũ trẻ cũng “bụi đời” như mình. Sau giải phóng, qua mấy năm trôi nổi, anh xin được một chân nhân viên Nhà đèn (điện lực bây giờ). Tiếng là thế, nhưng như chị Vân kể, chưa bao giờ anh đưa về nhà được một đồng bạc. Được đồng nào, là rượu, đọc thơ với bạn bè, và đi “giang hồ”, có khi cả năm mới về nhà. 5 đứa con nhỏ neho nhóc, một mình chị Vân gồng sức buồn thúng bán bưng, rồi làm lao công trường học cang đáng.

Những ngày cuối cùng của Vũ Hữu Định, chị Vân kể : “Ba mươi Tết năm ấy (1981), nhà không còn đồng bạc. Anh loay hoay mượn được đầu đó ít tiền, rồi vừa làm thơ, vừa xắt xái giúp vợ làm mâm cơm cúng. Chuyện lạ, vì trước nay anh đâu quan tâm tới chuyện ấy. Xong anh đọc 2 bài thơ mới viết, trong đó có bài **“Bài thơ năm bốn mươi”** nhân dịp 40 tuổi, dài tới mấy đôi giấy, nghe rất tội, như là bản “kiểm điểm” đời mình. Tôi ứa nước mắt, nghĩ anh đã tình ngộ, bết sa đà. Nhưng sau Tết, anh ở mấy ngày liền nhà bạn bè ở Quận Ba bên kia sông Hàn. Vậy là vẫn chứng nào tật nấy, tôi chẳng còn biết giận là gì nữa. Nhớ mấy hôm trước anh bảo ảnh sẽ đi. Tôi cứ nghĩ anh lại đi dài ngày như những đợt trước. Giận quá tôi nói: Anh đi thì mang theo mấy đứa con đi luôn. Đâu có nghĩ đó là những ngày cuối cùng của anh ...”.

Về cái chết của Vũ Hữu Định, vốn gây nhiều đồn đãi nghi hoặc trong bạn bè văn chương nhiều năm qua, qua lời kể của ông Lê Quang Tấn, người trong cuộc, thì thế này : “Tôi khi đó ít khi nhậu. Tôi hôm ấy Tết Nguyên tiêu (16/1 âm lịch, 1981), tôi làm bốc xếp ở Nước Mặn, sau khi liên hoan có mang về ít mồi, gặp anh Định, bèn kéo thêm mấy anh em nhậu lai rai. Nhậu qua mấy chỗ, cuối cùng kéo qua nhà ông Mai Văn Ba gần bờ sông Hàn bên làng An Hải. Ông Ba làm nghề xay nước đá cho tàu cá, không làm văn nghệ, nhưng tính tình cởi mở, rất quý anh

em nghệ sĩ. Nhà ông Ba cách nhà tôi có mấy chục mét. Bữa nhậu chỉ còn lại vài ba anh em. Nhậu say, ông Ba bảo thôi để Định ngủ lại. Tôi về nhà nghỉ, một chập thì nghe anh Định bị té từ trên gác xếp xuống. Tôi chạy qua, thấy anh có vẻ mệt, bèn đưa về nhà mình, thay quần áo rồi để anh nghỉ. Sáng hôm sau, trước khi đi làm tôi lay ảnh dậy để đi ăn sáng, thì thấy anh mất rồi. Chị Vân từ bên kia sông chạy qua, thuê xe lam chở anh về ...". Bạn bè của Vũ Hữu Định kể thêm : Hôm ấy nhậu xong, anh nói đau đầu, bạn bè bảo lên gác xếp nghỉ. Tới tối anh đỡ mệt, lật đặt bước xuống thang để về nhà thì bị té, do gác xếp không có lan can. Tính anh vẫn vậy, hễ say thì nằm luôn, khi tỉnh dậy dù là đêm hôm vẫn tìm cách về nhà. Trần Từ Duy – người viết lời điệu khóc Vũ Hữu Định, nhớ lại : “Sáng ấy, chiếc xe lam tôi tàn chở anh chạy trên đường bên phà quận Ba về nhà, đường đá cát gập ghềnh, tôi chạy theo sau, thấy bàn chân anh trắng bạch lác lư ...”.

Chị Vân kể : “Anh chết, không đủ tiền mua quan tài. Bạn bè xúm góp lại được có 600 đồng, tôi vót vét mãi được một ít, trong khi cái rẻ nhất cũng 1.200 đồng. Tất cả đang ngồi chết đuối, không biết tính sao, thì bà chị của anh đi làm ăn xa bắt chợt về. Chị bảo không hiểu sao mấy hôm ruột gan cứ như lửa đốt, bèn ôm một số tiền lớn về Đà Nẵng, cũng chưa biết để dùng vào việc gì. Ai ngờ lại về để làm đám tang cho em... Mẹ con, chị em ôm nhau mà khóc không nổi. Đám tang anh đông lắm, gia đình, bạn bè một số phải nằm rạp trên rơ moóc chiếc xe công nông, vì sợ bị giao thông phạt. Còn hàng xóm, bạn bè, người xe máy, xe đạp, người lóc cóc chạy bộ theo sau ...”.

Hết mình vì thơ, rượu, và luôn gây “phiền toái” cho bạn bè hồn nhiên đến mức tự nhiên, đến mức thành giai thoại, đó là con người Vũ Hữu Định. Bạn bè lăm khi nổi khùng với Định, nhưng không ai giận lâu, vì bản tính hồn hậu, vô tư của anh, và đặc biệt vì ai cũng biết đó là một thi sĩ đích thực, sống và chết vì thơ. Đoàn Huy Giao – người bạn văn nghệ thân thiết một thời của Vũ Hữu Định đúc kết : “Toàn bộ con người Định là vì thơ. Và thơ của Định cũng là THƠ VI THƠ”. Bởi hiểu theo nghĩa nào đó, có những loại thơ không phải vì thơ, mà vì những thứ khác, dù rằng thời ấy, kể cả thời nay, thi sĩ nào cũng đều kiết xác như nhau. Chỉ trừ những kẻ dùng tên tuổi, thương hiệu của mình để mưu cầu chuyện khác. Và nữa, thơ Vũ Hữu Định là một thứ “tình thơ” gần gũi nhất với bản thể của nó, không phải “lý thơ” chuyên vắn vẹo uốn éo câu chữ để làm sang. Tình yêu trần thế trong một đời người nổi trôi, bất định đã tạo ra một giọng thơ phiêu bạt đầy ẩn tượng, trước đó chỉ có thể liên tưởng đến một người, đó là Nguyễn Bính. Đây là bữa rượu cuối năm giữa ngày tháng giêng hồ, khi chàng thi sĩ bất chợt gặp người em trai non dại cũng bị lốc bụi cuộc đời cuốn đi : “*Long lanh mắt chú sao đầy rượu/ mắt có xa quê với bóng thầy/ chú ạ ! vô tình anh mới khóc/ vô tình vuốt mắt để nghe cay*”. Đây là sự cô độc không thể diễn tả tận cùng hơn : “*Năm nay ăn Tết cùng ông quán/ mong Một đời cay miếng mút gừng*”. Đây là một thăm thăm tiếc nuối : “*Mù mù anh đang sống/ mờ mờ anh đang thờ .../ lữ đừ anh đang đi/ xa dần màu lúa mờ/ bạc hết màu trắng xưa/ không còn nghe em thở/ mờ mờ em mất anh/ thời xưa anh tuổi nhỏ .../ mờ mờ anh mất anh/ tấm nắng đông giữa ngọ*”. Để rồi trong “**Tiếng dội của sương chiều**”, thi sĩ cảm giác về cái mong manh vĩnh cửu : “*Anh ngồi trong lá xanh/ trên những hồn lá chết/ tay anh nắm tha thiết/ những chiếc lá còn tươi/ thả xuống suối mà chơi/ trôi đi còn tiếng dội ...*”. Những câu thơ - tâm trạng thơ ấy theo tôi sẽ còn sống mãi trong dòng thơ Việt.

Những năm sau ngày giải phóng, giữa vỡ oà, xáo trộn và gian khó của đất nước, thơ Vũ Hữu Định có nhiều trăn trở, về thơ, về đời sống với cái nhìn sâu lắng, trách nhiệm hơn. Khi lục tìm trong di cảo của Vũ Hữu Định ở nhà anh, tôi tìm thấy một bản thảo chép tay chưa in ở tập thơ nào, bài “**Thái độ**”, viết tháng 10/1979 : “*Nghiến răng cho thơ có tiếng kêu/ thơ làm tiếng nổ/ có tiếng nổ nào không cháy ngòi/ nên dù không vui anh vẫn ở đời/ chịu ô nhục làm thuốc nhồi/ tự trang bị cho mình chiếc ngòi/ cháy chậm*”. Giai đoạn này, sự trăn trở của Vũ Hữu Định thể hiện rõ nhất trong bài : “**Sống thế nào cho có ích đây em**”, cũng viết tháng 10/1979. Đây có lẽ là bài thơ dài hơi nhất của Vũ Hữu Định : “*Những đêm anh nằm nghe tiếng thời gian đi/ Tiếng gõ giờ chiếc đồng hồ hàng xóm/ .../ Những đêm anh ngồi với ánh đèn mờ/ Nghe em trăn trở/ Nghe các con đều đều hơi thở/ Giấc ngủ vô tư trong sáng các con yêu/ Đã làm anh ray rứt bao nhiêu/ Những bữa cơm của gia đình chúng ta đã tới thời kỳ thiếu thốn/ ăn chẳng đủ no mơ gì món ngon/.../ Những ngày anh lẫn lộn bê tha/ Những cơn say đốt đời cay nghiệt/ Những cơn say mỗi mệt/ Qua những phố xưa lạc mất bạn bè/ Những đêm ngơ ngác ngồi giữa vĩa hè/.../ Em ơi/ Biết phải sống thế nào cho có ích/ Khắc phục khó khăn và biết hy sinh/ Chúng ta đã sống những buổi hoàng hôn và những bình minh/ Bao lâu nữa cuộc đời sẽ đẹp ?/.../ Những năm tháng chiến tranh tức tưởi/ Vợ chồng ta đã mơ thấy hoà bình/ .../ Cuộc đời chúng mình vốn đã mong manh/ Mong hoà bình cho con được hưởng/ Chúng ta sống với quá nhiều tưởng tượng/.../ Chúng ta biết khinh những kẻ sống hèn/ Nhưng ta khổ vì suốt đời mơ ước/ Đôi khi anh bảo anh không thể được/ Còn thờ còn đấu tranh/ Dù một bài thơ không hay nhưng đủ ý đủ tình/ Cũng gửi tới đời câu hỏi/ Nhưng rồi anh không làm được những bài thơ/ Câu hỏi và bao nhiêu lần câu hỏi/ Chẳng có ai trả lời/ .../ Có những ngày anh thèm lang thang/ Xách giỏ cầm cần nhìn ra biển rộng/ Anh lắng nghe cái chết của con cá ăn mồi/ Cảm giác của đường giây cuộc sống/ Giữa sông nước mệnh mang/ Tâm hồn anh xúc động...*”. Có một chút gì ưu tư quặn thắt như Lưu Quang Vũ ở miền Bắc những tháng ngày ngơ ngác, bên nhà chật, con thơ, bên những cảnh đời sau chiến tranh...

Nhà văn Thái Bá Lợi nhớ lại, năm 1976, Khu V mở Trại sáng tác Trung Trung bộ (đóng tại số 10 Lý Tự Trọng, Đà Nẵng), dưới sự quản lý của các nhà văn Nguyễn Ngọc, Nguyễn Chí Trung, Phan Tứ. Hầu hết những cây bút

trong và ngoài quân đội của miền Trung đều được mời về, như Thu Bồn, Thanh Thảo, Trần Vũ Mai, Nguyễn Trí Huân, Ngô Thế Oanh, Thái Bá Lợi, Nguyễn Khắc Phục, Bùi Minh Quốc, Thanh Quế, Trung Trung Đĩnh, Đoàn Huy Giao ..., và sau này có thêm Ngô Thị Kim Cúc, Nguyễn Công Khế... Vũ Hữu Định không được tham gia, chỉ chơi “ngoài luồng” với anh em trong những cuộc rượu, thơ và những chuyến lang bạt đây đó, và được tất cả mọi người quý mến. Bởi tính tình hồn nhiên, và đặc biệt là máu văn thơ cuồng nhiệt. Không tham gia trại viết, nhưng Định lại có bài thơ **“Mùa gặt tháng Tư”** với bút danh Lê An Cựu được đăng và lấy luôn tit đề thành tên của tập thơ văn của trại sáng tác chào mừng ngày bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất (tháng 4/1976). Như Đoàn Huy Giao nhớ lại, thời ấy nhiều nhà thơ như Thanh Thảo, Nguyễn Trí Huân, Thu Bồn, Nguyễn Chí Trung ... từng đọc nhiều văn học miền Nam nghe tên Vũ Hữu Định, đã “liên tài, liên tình” ngay khi mới gặp mặt. Không chỉ quý trọng văn thơ, các nhà văn còn “chịu” được cả những trò oái oăm của Định, như có lần Định lên “quy đổi” cái bản viết của các nhà văn trong trại ra ...rượu, mời mọi người uống xong, ai nấy cũng đành phải ... cười trừ !

Qua dằng dặc thời gian, còn rất nhiều để nhớ Vũ Hữu Định. Cũng mừng cho chàng thi sĩ ngất ngư giang hồ và túng đố, nhờ sự táo tợn thương khó đến vô tận của người vợ, người mẹ – một bà Tú Xương thời nay, cả 5 người con tuy cũng phải bước ra đời sớm như cha, nhưng giờ đều đã phượng trưởng, có những người là doanh nhân thành đạt ở TP.HCM.

Cùng một nhóm chơi thân thiết với Vũ Hữu Định ở Đà Nẵng bên kia bờ sông Hàn thời trước và sau giải phóng là những tài hoa như bộ ba thi sĩ Tô Như Châu, A Khuê và nhạc sĩ Trần Quang Lộc – tác giả của những bài thơ phổ nhạc lừng danh **“Có phải em mùa thu Hà Nội”** (*Tháng Tám mùa thu lá khởi vàng chưa nhĩ/ Từ độ người đi thương nhớ âm thầm/ ... Có phải em là mùa thu Hà Nội/ Ngày sang thu anh lót lá em nằm ...*); **“Về đây nghe em”** (*Về đây nghe em, về đây nghe em/ Về đây mặc áo the, đi guốc mộc ...*). Là Phạm Phú Hải – một thi sĩ thiên sư mắc chứng điên một cách kỳ dị (*“Có bàn chân dài hơn con đường/Nên chân trời là những đốt xương/ Của ai bỏ lại ngàn năm trước/Sừng sốt kêu lên tiếng dị thương ...*”). Toàn những nhân vật âm thầm và rất đổi lạ lùng ...

Đà Nẵng, 4/2007

(* Toàn bộ trích dẫn thơ in nghiêng là của Vũ Hữu Định)

Bài đã đăng trên “Tạp chí Thơ – HNV Việt Nam, số 6-2007)

TRẦN TUẤN*

Một thoáng phù hoa

Trần Trung Sáng

Khó có thể hình dung được mối quan hệ gần gũi nào giữa nghề thợ mộc chân chất vốn được hình thành, truyền bá rộng rãi từ những làng mạc Quảng Nam với cái nghề điện tử được xem là hiện đại và khá mới mẻ ở chốn thị thành. Vậy mà điều kỳ diệu ấy đã xảy ra, kể từ đầu thập niên 60, khi ba tôi đến chọn một chỗ cắm dùi lập lán trại tìm kế sinh nhai ở mảnh đất thuộc Khu giải trí hầy còn đang thừa thớt vài ba kiốt hầu như bỏ không tại Đà Nẵng.

Cái lán trại đi vào lịch sử ấy, làm thay đổi cả gia đình tôi, đầu tiên cũng chẳng hề khác với cái xưởng thợ mộc nhỏ nhoi với dăm ba người thợ cùng ván, gổ, bào, cưa, dùi, đục... mà ba tôi đã trải qua chuyển dời hết nơi này sang nơi khác suốt thời trai trẻ. Chỉ có một điều thay đổi nhỏ : lán này, ngoài việc đóng giường, tủ, bàn, ghế..., ba tôi tập trung nhiều hơn vào mặt hàng buyp - phê, thùng ô-pạt-lơ (loại tủ gỗ dành để máy đĩa hát và radio). Lần đầu tiên, cơ sở làm ăn đặt giữa phố đông người qua lại, ba tôi phấn khích nỗ lực tạo sự chú ý bằng cách mở hết cỡ âm thanh các đĩa nhạc phát ra từ thùng loa gỗ làm rộn rã cả khúc đường. Công việc ngày một phát đạt thuận lợi. Cái lán trại tuyên toàng dần dần biến thành một cửa hiệu ngăn nắp. Một ngày kia, một người bạn cũ của ba tôi – ông Tường Quang, một chủ hiệu Radio ở Hội An ghé thăm, bàn ba tôi nên chuyển việc kinh doanh sang hẳn nghề điện tử. Rồi cũng chính ông dẫn ba tôi vào Sài Gòn tìm hiểu công việc kinh doanh các mặt hàng này và cho mượn vốn để mạnh dạn đổi nghề.

Vài năm sau, hầu hết những người thợ mộc còn gắn bó với gia đình tôi đều trở thành những người thợ vô tuyến điện. Kể đến, cửa hiệu Radio mang tên Anh Sáng của ba tôi trở thành đại lý bảo hành đầu tiên của hãng National (Nhật) tại Đà Nẵng. Gia đình tôi sở hữu một chiếc xe hơi có nhiều hình chữ rực rỡ, chói chang nhằm mục đích chính tuyên truyền cho các sản phẩm điện tử của hãng National. Bởi lúc này cũng là thời điểm vô tuyến truyền hình đang bắt đầu có mặt. Ngoài chương trình phát hình của quân đội Mỹ, cũng đã bắt đầu bắt hình thành các chương trình của Đài truyền hình Huế, Đà Nẵng. Nhà nhà đổ xô mua sắm Tivi, bắt các trụ cột ăngten... Nhịp sống của Đà Nẵng càng trở nên hối hả, sôi động, nhất là khi cuộc chiến đang ngày một đang lan rộng, dân cư tấp nập dồn về đô thị.

◆

Cái xóm nhỏ tôi được biết với tên gọi Khu giải trí, nghe nói xa xưa hơn nữa còn được gọi là Bến xe, hoặc Khu Hội chợ...mà dấu vết để lại là một ngôi nhà bát giác nằm giữa khoảng đất trống— có lúc được làm Sở vệ sinh, có lúc bỏ phế hoang tàn cho bọn trẻ đánh giày và những kẻ lang thang trú ngụ.

Nhớ những đêm đầu tiên, tôi cùng ba tôi đến nằm ngủ ở một chiếc ghế xếp dưới tấm bạt che của lán trại, tôi rất thích thú khi mỗi đêm khuya lắng nghe văng vẳng những điệu ca vọng cổ ngân dài cùng tiếng vỗ tay giục giã từng hồi từ rạp hát, làm những giấc mơ cũng chùng lấp lánh ánh sáng phồn hoa. Nhưng thời gian ấy cũng kéo dài không lâu. Sau cuộc đảo chính Ngô Đình Diệm 1963, người ta giải toả rạp hát trong Khu giải trí, dành toàn bộ khu đất trống để thành lập công trường Quách thị Trang – tên của người nữ sinh đã bỏ mình trong cuộc biểu tình chống đối triều đại họ Ngô.

Một đài phun nước nằm giữa khuôn viên. Rải rác những chiếc ghế đá nằm dọc theo các lối đi nhỏ trải đánh bê tông. Ấy vậy mà tuổi thọ công trường này cũng chẳng dài lâu. Sau vài lần được dành làm lễ đài cho ngày Phật đản và vài cuộc mítting thì hầu như những đài phun nước, ghế đá, cây xanh ...đều bỏ mặc chổng chơ, chẳng ai còn ngó ngàng. Không lâu sau, một đơn vị quân đội thuộc tiểu đoàn mãnh hổ Đại Hàn được điều đến, giăng rào cổng ngõ, thép gai bốn phía. Thế là một công trình mang dấu ấn Hàn quốc đầu tiên ra đời tại Đà Nẵng : Đình Hoà Bình.

Mảnh đất ba tôi đến cắm dùi ngày nào bấy giờ không còn là dãy phố vắng vẻ với vài kiốt quạnh hiu, mà trở thành một tụ điểm thương mại sầm uất, góp phần cho hoạt động kinh doanh của trung tâm Đà Nẵng thêm phong phú.

Nếu muốn nhắc đến những cuốn tiểu thuyết kiếm hiệp đầu tiên của Kim Dung đã có mặt tại Đà Nẵng như thế nào, thì người ta không thể quên được Bình Dân thư quán – cái kiốt của một gia đình người Hoa nằm ngay góc đường Hùng Vương- Nguyễn thị Giang (nay là đường Nguyễn thị Minh Khai). Thật lạ lùng, chẳng biết vì sao Kim Dung và những nhân vật của ông ra đời và gắn gũi với bối cảnh của cuộc chiến Việt Nam đúng lúc như vậy? Người ta say sưa theo dõi hành tung của những cao thủ võ lâm ở chốn giang hồ chẳng khác những kiểu biến hoá khôn lường của các chính khách trên chính trường miền Nam lúc này. Thế nhưng, cửa hiệu Bình Dân thư quán không phải là một điển hình thành công. Có một đêm tôi nhìn thấy một trong những người đàn ông rường cột của gia đình gốc Hoa này, say rượu vừa đi nghiêng ngả, vừa chửi rủa : “ Đả đảo Nguyễn văn Thiệu. Chính quyền Nguyễn văn Thiệu làm cho dân đen chết đói !... “ Một thời gian sau, cả gia đình này âm thầm bán nhà, lặng lẽ dọn đi trong đêm tối. Nghe nói họ vỡ nợ, vào lập nghiệp mới ở Sài Gòn.

Trái ngược với Bình Dân thư quán, ở phía đầu xóm, sát kề với lối vào công viên Đình Hoà Bình là gia đình của một người thợ hớt tóc được biết với cái tên chỏi tai : **Hoa mùa xuân**. Có lẽ đây là một hiệu hớt tóc nổi tiếng nhất Đà Nẵng, song người ta không hẳn biết nó vì chuyện hớt tóc, mà vì tại đây có bảy con trai 5 đứa là những người đầu tiên đem lại một nghề mới trên vỉa hè Đà Nẵng : Nghề làm chìa khoá và mở ổ khoá. Hùng “ chìa khoá “- người con cả trong gia đình vốn nằm trong một đơn vị kỹ thuật của không quân, có lần tình cờ học lỏm được nghề ổ khoá dùng để phục vụ trong quân đội Mỹ, đã đem nghề này về gia đình, rồi về sau truyền bá tràn ngập trên các ngã tư đường phố. Từ bàn tay trắng của một gia đình lao động, những người con của gia đình Hoa Mùa Xuân chẳng những làm thay đổi cho chính cuộc đời mình mà còn “ xoá đói, giảm nghèo “ cho nhiều cuộc đời khác. Về sau 1975, Hùng còn phát lên với nhà cửa, xe hơi, khiến nhiều người đồn đại là anh ta đã lấy được tiền trong một két sắt của chế độ cũ để lại.

Dãy phố của chúng tôi lại còn xô bồ và tấp nập hơn bởi sự có mặt của hai quán cà phê có tên Thanh Hải và Thủy Liên. Nó xô bồ đến mức chính quyền phải để mắt tới và ngay phía trước lề đường nơi đây được cắm một biển to tương tự biển hiệu giao thông: Cấm quân nhân (!). Sở dĩ có cái trường hợp cấm kỵ là vì suốt nhiều năm liền, khu vực này thường xuyên diễn ra các cuộc gây gổ, xung đột, bắn phá của nhiều binh chủng thuộc quân đội Sài Gòn. Và do vậy, cái biển cấm ấy chỉ thực sự được áp dụng mỗi khi có các đội tuần tiểu Quân cảnh thường xuyên ghé qua. Bình thường, mỗi ngày tình cờ hoặc cố ý hẹn trước, nhiều tốp lính vẫn xô xát, rượt đuổi...rồi giải tán rất nhanh. Có cả những lần các đơn vị lũng súc nhau, huy động những chiếc xe jeep cài đặt súng ống đạn dược chạy trên đường phố. Vậy mà ấn tượng mạnh nhất với tôi lại là một sự kiện nho nhỏ. Đó là một lần tôi nhìn thấy phía sau xóm, ở khu nhà bát giác bỏ hoang, có tiếng đánh đấm sầm sập. Tôi tò mò chạy theo một nhóm lính quần áo rằn ri về hướng đó để theo dõi. Ở sát bờ tường, một gã đàn ông mặc đồ lính lồi lõm đang cầm một thanh gỗ đập vào một thiếu niên đứng dang thẳng hai tay. Gã vừa đánh vừa hét : “ Mày có nghe tao không? Tao là Tony Hải (*)– đệ tam du đảng miền Nam. Dân bụi đời thì phải biết tên tao. Bây giờ tao ra lệnh mày phải về nhà, bỏ hút

sách nghe chưa?”. Đám lính tráng từ hai quán cà phê dồn đến đông hơn. Bỗng nhiên, gã lòi hổ xưng danh Tony Hải quay lại, chỉ tay vào đám đông gầm lên : “ Còn tụi mày nữa, cút hết ! “ Thật bất ngờ, cái đám đông tưởng hỗn tạp hung dữ mọi ngày, chẳng những không can thiệp mà lại giải tán thật nhanh.

Dù vậy, Tony Hải chỉ là kẻ ghé qua thoáng chốc, không phải cư dân thường trực tại đây. Có một nhân vật khác, một mình một ngựa, tưởng chừng như được sinh ra và lớn lên từ bãi cát trắng trước ngôi nhà bát giác. Nhân vật này có tên L. U.. Hồi ba tôi mới đến cấm dùi, tôi đã trông thấy gã đàn ông này thường quần áo bảnh bao, thất cả vạt cầm những bộ đồ nghề ảo thuật, đứng trước ngôi nhà bát giác thu hút đám đông bằng những bài hát lô - tô và những trò xiếc rở tiền. Người ta xầm xì, gã kiếm sống bằng nghề “hai ngón”, nhưng hầu như ở xóm tôi không ai quan tâm đến việc riêng của gã. Thỉnh thoảng gã đi biệt biệt vài ba tháng, rồi về lại nương nấu với đám thợ thầy trong hiệu bán giày da Hợp Lực. Những lúc gã có mặt, bọn trẻ con thường thích thú chào đón những trò ảo thuật mới lạ, nhưng người lớn đôi lúc dè dặt bởi điều đó có thể dự báo những cuộc bố ráp, mà nhà nào cũng chứa chấp dăm ba thanh niên trốn quân dịch.

Vào thời điểm này, công việc làm ăn của ba tôi càng phát triển thì nhu cầu hoạt động lại càng đòi hỏi phải đa dạng hơn, không chỉ bó hẹp trong phạm vi kinh doanh sửa chữa Radio, Tivi mà còn bước sang lĩnh vực băng đĩa nhạc, cassette, xe gắn máy...; song đồng thời cũng phải chịu đựng sự cạnh tranh và nhiều thử thách rủi ro, nguy hiểm. Đôi lần tôi thấy ba tôi đã phải đối phó cả với những vụ điều tra vì bị tình nghi có mối quan hệ hàng hoá các vùng do mặt trận giải phóng kiểm soát, phải chạy chọt tốn rất nhiều tiền mới thoát nạn.

Thế nhưng, cũng như những gia đình khác cùng xóm, sự khó khăn vì việc làm ăn thường qua rất nhanh, không đe dọa bằng một dạo mỗi nhà nhận được cái thông tư do Đại tá Thị trưởng Nguyễn Ngọc Khởi ban hành : Giải toả dây kiết Hùng Vương.

Dường như cái thông tư đó lặp đi lặp lại khoảng 3 lần. Lần thứ nhất, cả xóm xầm xì với nhau, rồi phớt lờ, mặc kệ (!). Lần thứ hai, sau khi phổ biến chủ trương bằng văn bản, có một đoàn xe cảnh sát cầm súng ống, rào kẽm gai đến vây quanh xóm, lúc ấy ba tôi cùng toàn bộ những người đàn ông trong xóm phanh ngực áo đến trước mũi xe GMC thách bắn, chứ không chịu đi đâu hết (!)... Lần thứ ba, mọi việc trở thành êm xuôi lạng lẽ, mà đến giờ này tôi vẫn không hiểu được đó là do sự mệt mỏi của một chính quyền sắp tan rã, hay là kết quả của một sự việc tâm linh (?)

Hồi đó, sau khi giải toả rạp hát ở Khu giải trí, người ta vẫn giữ nguyên lại một cây cổ thụ ở trước khuôn viên. Cây cổ thụ này thường xuyên được dân người Hoa ở các khu vực lân cận đến thắp hương thờ cúng. Dù vậy ở xóm tôi, mọi người chỉ bắt đầu chú ý và thần thánh hoá miếu thờ nơi này khi xảy ra sự kiện “ Đám cưới ma “ của gia đình hiệu thuốc bắc Vạn Sanh Đường (một ngôi nhà ở đối diện xóm). Nguyên gia đình Vạn Sanh Đường có lần nằm mộng thấy người con chết non của họ đòi làm lễ cưới với một vương hồn là con của một gia đình khác cũng nằm trên địa bàn thành phố. Hai gia đình bị thế giới vô hình thúc đẩy tìm đến gặp nhau, và xác định cả hai bên đều nằm mộng giống nhau. Họ đến trước gốc cây cổ thụ khấn vái và được chấp nhận ngày giờ tiến hành lễ cưới chính thức. Lễ cưới đó được xem là một cái “ đám cưới ma” trong thế giới có thật vô cùng đình đám tại Đà Nẵng, được báo chí miền Nam làm rùm beng một thời. Từ việc này, ở xóm tôi, gặp những lúc rắc rối khó khăn cũng thường đến cây cổ thụ cầu khẩn. Và sự việc khu kiết bị thông báo giải toả lần thứ ba đã được cúng kiếng xin xỏ nơi đây. Không rõ thần linh có thật và chứng giám ra sao, nhưng chính xác sau lần đó đến ngày hoà bình, không còn nghe ai nhắc đến việc dời nhà.

◆

Ít nhất, gần nửa năm trời kể từ 29.3.1975 ngày Đà Nẵng được giải phóng, gia đình nhà tôi hầu như chẳng chú tâm đến việc làm ăn, buôn bán. Ba tôi cứ mãi sống trong tinh thần phấn khởi, hồ hởi cứ y như là chính ông đã góp phần to lớn trong công cuộc giành được độc lập cho đất nước. Thỉnh thoảng, mỗi ngày một anh bộ đội chính quy miền Bắc nào đó vô tình lạc bước đến cửa hiệu nhà tôi ngắm nghía các loại máy móc điện tử trong tủ kính, lập tức sẽ được ba tôi mời một bữa cơm thân mật và tặng ngay một “ chiếc đài “ bọc vỏ da mới toanh. Những lần như vậy, tôi thường nghe ba tôi khoe với khách rằng suốt nhiều năm qua, ông đã thường xuyên chuyển lương thực, tiền tài về các vùng du kích ở miền quê Hội An và cứu mang con em những người đi tập kết làm nghề trong nhà, từng bị chính quyền nguy theo dõi, gây khó khăn rất nhiều. Sau thời gian các hoạt động của thành phố đã khá ổn định nề nếp, ba tôi sắp xếp giao hết việc nhà cho má tôi và thợ thầy quán xuyên, còn ông tập trung theo đuổi xây dựng các Hợp tác xã thâm len, áo mưa... của phường , quận giao trách nhiệm.

Tinh thần nhiệt tình cách mạng ba tôi không chỉ dừng lại ở đó. Ông còn quán triệt tất cả anh chị em chúng tôi : “ Gia đình mình là gia đình cơ bản, phải đi đầu làm gương trong mọi chủ trương của chính quyền cách mạng. Do đó, ba muốn các con phải tham gia nhận mọi công tác mà nhà nước đang cần “. Chẳng bao lâu sau, trong gia

đình tôi, những đứa con gái lớn đều nhận công tác trong ngành y tế tại các vùng miền núi. Bản thân tôi cũng thi hành nghĩa vụ quân sự trong đợt đầu tiên, và rời xa thành phố suốt một thời gian dài...

◆

Năm 1983, má tôi qua đời. Mọi thứ chung quanh dường như vẫn không nhiều thay đổi. Nếu có khác, là bây giờ dây phố lại mọc ra thêm vài cửa hiệu điện tử tương tự, mà nguy hại hơn cả, có một người thợ sang bằng nhạc đã sáng tạo ra một hệ thống thủ công rọc sợi băng nhạc 3600 feet (đây là loại băng cối có ruột mỏng, thời gian dài nhất) biến chế thành ruột băng cassette, gây khó cho những cửa hiệu buôn hàng chính thống. Từ đây, song hành với nghề “ độ “ mới vỏ các loại máy móc, băng cassette “ dõm “ đổ bộ ra chợ trời và tràn ngập thị trường miền Trung. Ngay cả gã L.U. cũng đã ổn định gia đình, xoá bỏ quá khứ làm than, gia nhập vào đội quân bán hàng “ Hồng Kông bên hông Chợ Lớn “. Khác hơn chút nữa, là các loại hàng điện tử phần lớn đã thay thế các linh kiện transistor bằng IC. Những người thợ sửa chữa ở nhà tôi vốn không trang bị cao về văn hoá, giờ không theo nghề nổi đều về quê quán làm nông, hoặc chuyển sang nghề khác. Công việc quản lý cửa hiệu thuộc về những đứa em út của tôi – một thế hệ mới kế thừa, đủ học vấn và sự lém lỉnh để đối phó với cảnh làm ăn chợ búa hiện thời.

Tuy nhiên, ở phía khuôn viên đất trống của Khu giải trí ngày nào thì liên tiếp có nhiều đơn vị nhà nước đổi nhau quản lý, nhưng không thấy một mô hình ổn định dứt khoát. Vì lý do đó, phía cổng sau của xóm có lúc được mở ra , có lúc bị bịt chặt. Rồi dăm ba năm một lần, phong phanh có tin: khuôn viên này sẽ bị giải toả quy hoạch để xây dựng thành một trung tâm thương mại quan trọng của thành phố. Cả xóm xầm xì bàn bạc. Nhưng ba tôi bảo: “ Phải chấp hành thôi. Đây là chính quyền của dân, không như chính quyền của địch trước kia. Chỉ mong sao mấy ông đền bù tương xứng “. Cũng không thấy ai đặt hy vọng vào thần linh, vì sau nhiều thập niên xáo trộn, cây cỏ thụ ngày nào trong sân Khu giải trí đã không còn. Mọi người vừa tiếp tục kinh doanh mua bán, vừa thấp thòm đợi chờ

...

◆

Sau nhiều lần các bộ phận có trách nhiệm của thành phố đến đo đạc và họp hành phổ biến chủ trương, vào một ngày giữa năm 2005, dây phố của chúng tôi nhận được quyết định chính thức về việc bàn giao mặt bằng cho nhà nước trước tháng 11 cùng năm. Đúng thời hạn, trong vòng một ngày, ba tôi là người đầu tiên cho tháo gỡ gần hết toàn bộ phần nội thất của ngôi nhà. Vậy mà điều này làm cả xóm rúng động, thất sắc. Thậm chí, có người đến trách cứ ông, tại sao cứ răm rắp chấp hành chính sách nhà nước, không để thư thả chờ, may ra...

Và họ vẫn cứ chờ. Một tháng. Hai tháng. Ba tháng... Có lời đồn đãi, chủ trương quy hoạch đã dừng lại. Ba tôi dỡ khóc, dỡ cười. Đi chẳng được, mà dọn về lại thì thật quá ê chề (!)

Nhưng rồi cuối cùng, chủ trương quy hoạch cũng được triển khai thực hiện. Hầu hết toàn bộ các hộ dân tại xóm tôi được chuyển đổi đền bù tại một khu đất mới trên tuyến đường Điện Biên Phủ vừa mới khai mở. Trong ngày nhận bốc thăm lô đất mới, vị Chủ tịch Quận vốn là chiến hữu cùng thi hành NVQS đợt đầu tiên với tôi giới thiệu ba tôi cùng vị lãnh đạo thành phố : “ Hộ này thuộc diện gia đình cơ bản. Từ xưa đến nay luôn đi đầu trong việc thực hiện các chủ trương của nhà nước, việc bàn giao đất ở dãy kiốt Hùng Vương, hộ này cũng là gia đình tháo gỡ đầu tiên... “. Chỉ có chừng ấy câu nói thôi mà ba tôi vui vẻ đến mấy ngày liền. Cho đến một lần, tôi đưa ông đi thăm nền gạch còn lại của ngôi nhà cũ chơ vơ giữa bãi đất đá ngổn ngang hiu quạnh, tôi mới thấy nét mặt ông thoáng buồn, nói vu vơ : “ Tất cả rồi cũng là phù hoa. Mọi thứ đi qua hết. Có vậy, cuộc sống mới không ngừng biến chuyển “.

Mai này, một cao ốc của Trung tâm thương mại hoành tráng sẽ mọc lên, thay chỗ cho cái xóm nhỏ một thời của tôi. Rồi sẽ có bao nhiêu trang đời mới, buồn vui mới...

Thoáng nhìn lại, mùa xuân đã vừa qua và ba tôi đã ngoài tuổi tám mươi./.

GC: Tony Hải là một trong ba nhân vật hàng đầu của băng du đảng Đại Cathay khét tiếng miền Nam thập niên 60, từng được Duyên Anh thần tượng hoá trong tiểu thuyết **Điều ru nước mắt**.

TRẦN TRUNG SÁNG

Sao rơi

Nguyễn Thụy Nhã

Tính đến nay tôi đã về đây được 8 năm rồi. Nhà Hoà ở cách nhà tôi không xa , Hoà nhỏ hơn tôi 12 tuổi , lúc tôi mới đến ở Hoà đã có bầu gần sanh , tôi có nghề may và mở tiệm ngay nhà để kiếm sống .Còn Hoà cũng vậy nhưng khác tôi Hoà may đồ kiểu còn tôi thì chuyên may áo dài.Có thể nhờ vậy mà nghề nghiệp chúng tôi không

đụng chạm nên dễ qua lại với nhau . Khi nào tôi có hàng may nhiều thì đưa qua cho Hoà phụ ráp .Cuộc sống của chúng tôi cũng tạm ổn. Tính tình Hoà rất vui vẻ thích kể chuyện và hay tâm sự .Còn tôi thì lúc nào cũng sẵn sàng lắng nghe những thông tin mà Hoà mang đến . Hầu hết những chuyện tôi biết trong xóm giềng đều được Hoà kể cho nghe . Hoà gọi tôi bằng chị.

Hoà sinh được một đứa con gái đầu lòng, chồng Hoà làm nghề xây dựng, cuộc sống cũng khá lên nhờ vợ chồng đều có công ăn việc làm. Có lẽ như thế mà trông Hoà ngày càng đẹp ra. Đó là những năm đầu quen biết của chúng tôi.

Một hôm đang ngồi may chung , bất ngờ Hoà nói với tôi “ *Chị Tư ! chị biết gì hông ?*”. Tôi ngạc nhiên hỏi “ *Biết gì ?*” Hoà chợt xuống giọng nhỏ lại như thì thầm : “*Thằng Huy nó bị sida !*”. Quá đỗi ngạc nhiên tôi kêu lên “ *Trời ! thật không ?! đừng có nói tầm bậy nha?!*” Nhưng cái giọng của Hoà thật quả quyết “ *Thật mà ! em nghe người ta nói đó với lại em ở sát nhà nó em biết mà ! Chị hông để ý chú đạo này nó ốm nhom hà miệng nó lở nhìn ghê lắm...!*” . Và những thông tin về thằng Huy tôi lại được nghe , Huy ở cặp vách nhà con Hoà . Tôi biết Huy , tuy ít nói chuyện nhưng cũng thường gặp mặt ,vì nhà chỉ cách nhau vài chục mét , ra vào gặp nhau nó vẫn hay gọi hai tiếng “ *Cô Tư*” như thay cho câu chào hỏi , cũng có lần tôi nói vui với Hoà “ *Thằng Huy nhìn cũng đẹp trai quá há! ...*” Đó là những chuyện “ *Đầu trên , xóm dưới*” mà mỗi lần ngồi may với nhau Hoà hay kể ...

Sau này thỉnh thoảng mới gặp Huy vì nó đã lên Sài Gòn học sau khi đậu đại học . Ai cũng mừng vì nó học giỏi và gia đình có điều kiện lo cho nó ăn học. Nhưng bây giờ sau lại thế này? . Đêm đó tôi trằn trọc không ngủ được khi nhớ lại gương mặt sáng sủa , cao ráo khoẻ mạnh của thằng Huy .Mà Hoà nói đúng, sau này tôi nhìn thằng Huy có vẻ tiêu tụy và ốm đi nhiều...

Tôi miên man suy nghĩ - “ *có lẽ nào ?! Nó chưa bước qua tuổi hai mươi kia mà?!*”.

Chừng 2 tháng sau tôi biết Huy đã nghỉ học về nhà trị bệnh . Tin Huy bị bệnh như thế làm ai cũng bàn tán xầm xì , người thì nói lên Sài Gòn không lo học chỉ ăn chơi mới bị vướng bệnh; có người thì nói với về hiểu biết hơn bệnh này lây qua nhiều cách lắm chứ đâu phải “ *ăn chơi*” là bị .Cái xóm thường khi ồn ào nay chùng như lắng đọng và lặng lẽ hơn .Thằng Huy như tâm điểm cho sự tò mò dòm ngó của mọi người . Thú thật tôi cũng bắt đầu âm thầm để ý những diễn biến bệnh tật của thằng Huy vì tôi chưa từng đối diện với người mang căn bệnh chết chóc ấy! .

Gia đình thằng Huy rất lo lắng chăm sóc cho nó trong thời gian đầu , buổi sáng tôi đều thấy nó ngồi băng ghế nhà , nó im lặng nhìn vào đâu đâu ...Mỗi ngày hai lần ,tôi đi ăn cơm thì phải ngang qua nhà nó. Tôi thấy nó gầy đi nhiều .Nhìn thấy tôi ánh mắt nó như ánh lên niềm vui khi tôi dừng lại hỏi thăm vài câu. Nó chỉ cười và gọi “ *Cô Tư*” nghe thật nhỏ. Tôi nhìn thấy vết trắng trắng lở ở hai góc khóe miệng của nó! .

Kéo dài gần hai năm, càng ngày nó càng tiêu tụy hơn, tôi nhìn màu da nó đã xám đen, mắt nó đỏ ngầu lên , nó không giữ nước miếng trong miệng lại được ,có thể sự lở loét làm cho nó đau đớn . Trong xóm có những người bắt đầu sợ sệt về hình ảnh của nó , có người dặn con họ không được đến gần... Tôi ít thấy ai trò chuyện với nó, chỉ có tôi với Hoà . Tôi nghe Hoà kể Gia đình để nó một mình ở nhà ,chỉ có mẹ nó nuôi nó thôi, còn những người khác đã đi ở chỗ khác rồi !Ban ngày mẹ nó cũng đi suốt ,chỉ đến giờ cơm thì mang về cho nó ăn thôi. Tôi tượng tượng đến sự cô đơn của nó và sự ghê lạnh của gia đình mà không khỏi chạnh lòng . Thật vậy ,có hôm tôi đi ngang nhà nhìn cảnh trống vắng và một mình nó ngồi im lặng bên trong với thân hình gầy chỉ còn da bọc xương , tôi không khỏi rùng mình...

Ngày hôm đó tôi và Hoà ngồi trong nhà may vá như mọi khi. ,tôi bỗng nghe tiếng lầu nhàu của vợ anh Bảy ngang nhà “ *trời ơi! Chỗ mua bán mà đứng đó ai dám ăn ?*” – Rồi tiếp đến tôi nghe tiếng của một bà mẹ gọi con “ *Đi về , nhanh lên !*” Tôi và Hoà cùng nhìn ra thấy thằng Huy đứng gần nồi bún riêu của vợ anh Bảy, nó có vẻ đói như muốn được ăn ,nhưng nó chỉ nhìn chằm chặp vào nồi bún mà không nói gì . Nước miếng nó rớt dài , hai mắt nó sâu hút .Tôi biết nhà nó không có ai mới để nó đi lang thang như thế . Hoà nhanh nhẩu nói “ *Chị Bảy bán cho nó ăn đi rồi mẹ nó về trả tiền cho*” . Nhưng chị Bảy nói “ *trời ơi ! bán cho nó ăn chắc nồi bún tôi đem đồ luôn quá , ai dám ăn ?*”

Lúc ấy tôi không làm sao chịu nổi cái cảnh thằng Huy nhìn nồi bún một cách thèm thuồng ,tôi liền vào trong bếp lấy cái tô đưa cho chị Bảy và nói “ *Chị bán đi ,rồi tui em kêu nó về cho*”. Chị Bảy như trút được gánh nặng cầm lấy cái tô ,nhưng thằng Huy bỗng khụy người xuống đất hai tay ôm bụng có vẻ đau đớn . Tôi nhìn xuống phía dưới cái quần nó sũng nước.

Thằng Huy được đưa về nhà.Kể từ hôm đó , mẹ nó khoá cửa không cho nó ra ngoài .Hình như cả nhà không còn ai tha thiết với nó nữa !

Một tuần sau ,tôi nghe Hoà kể lại(vì tôi không có ở nhà) . Thằng Huy nó trèo qua ban công ôm cột điện tuột xuống đất, té gãy cột sống. Nó hôn mê và bác sĩ bảo chờ về nhà. .Mấy ngày kế tiếp, nhà thằng Huy có nhiều người ra vào, có lẽ gia đình đang lo hậu sự cho nó ... Sáng hôm sau Hoà sang nhà tôi nói “ *Hôm nay em nghỉ qua*

may đồ tang cho thằng Huy". Tôi yên lặng chẳng nói được gì, trong lòng tôi chợt nghĩ: Liệu Thằng Huy có thể sống thêm vài tháng nữa hay vài năm nữa được chẳng nếu không vì sự cô đơn hay đói khát khiến nó phải tìm cách trèo qua ban công ôm cột điện tuột xuống đất! ? Cuối cùng tôi cũng không biết nó chết sớm vì bệnh tật hay nó chết sớm chính vì sự vô tâm thờ ơ của những người thân ?!

Có lẽ sau cái chết của thằng Huy tôi và Hoà có dịp trao đổi và tìm hiểu sâu thêm về căn bệnh này. Nghe nói làm móng dùng kèm kéo chung cũng có khả năng lây nhiễm nên từ đó Hoà sợ không dám làm móng tay, móng chân nữa, nó tự mua kèm kéo về tự làm.

Nhưng thật nghiệt ngã, một thời gian sau tôi không nghĩ rằng chính mình lại phải chứng kiến lần lượt hai con người, hai số phận phải ra đi vì căn bệnh Aids. hai năm sau đó Hoà bỗng phát bệnh không còn may được nữa. Thoạt đầu chỉ là suy nhược, rồi dần dần biến chứng, da dễ nổi lên những mảng sần sùi sậm màu. Ở nhà nói Hoà bị gan hốt thuốc cho uống nhưng chẳng thấy hết. Rồi những cơn ho kéo dài và nó sực ký thấy rõ trong thời gian không bao lâu. Ở nhà lại bảo bệnh nó chuyển qua phổi và tìm thuốc nam, thuốc bắc đủ thứ để uống nhưng chẳng ăn thua gì. Cuối cùng chẳng còn cách nào khác phải đưa vào bệnh. Sau đó tôi nghe người ta xầm xì bàn tán Hoà đã vướng Aids. Tôi thực sự sợ hãi hoang mang, không muốn tin vào những gì người ta nói.

Vì nếu thực sự người có bệnh như thế đều được giữ bí mật làm sao mà họ biết? Nhưng những người nói cho tôi nghe họ cả quyết là như thế. Còn tôi, tôi không bao giờ tin là sự thật, vậy nó bị lây bệnh từ đâu?!. Tự khi Hoà bệnh tôi luôn an ủi động viên tinh thần cho Hoà yên tâm điều trị gia đình cũng hết lòng chăm lo sức khỏe của nó, chỉ có chồng Hoà là cứ bỏ đi suốt, không quan tâm lo lắng gì, nó thường tâm sự với tôi như vậy.

Có thời gian tôi thấy sức khỏe nó có vẻ hồi phục Hoà tiếp tục may trở lại. Ai cũng mừng mừng dùm cho Hoà. Nhưng chỉ được vài tháng thì trở bệnh nặng. Cổ nó nổi hạch, luôn hành đau nhức khó ăn uống được. Gia đình không còn mang nó đến bệnh viện nữa, nói là để trị thuốc nam. Tôi vận động những người thân được ít tiền để tiếp lo bệnh tình cho Hoà...

Lúc này tôi biết ngoài gia đình thì Hoà không có ai gọi là bè bạn vì những người khác có vẻ né tránh, ngại tiếp xúc với nó. Lần cuối cùng Hoà trở bệnh nặng phải chở đi cấp cứu ở bệnh viện. Buổi tối hôm đó tôi đang nằm trên salon đọc sách, bên ngoài tối trời, tôi nhìn thấy một bóng người gầy gò đứng trước cửa nhà tôi. Loáng thoáng qua cửa kiếng, tôi cứ ngỡ những người đi xin vẫn thường như thế trước nhà tôi, tôi nói "*không có tiền chị ơi!*", nhưng người đó không đi, cái bóng như ngập ngừng không dám bước vào, tôi bật đứng dậy đi về phía cửa... Trời ơi! tôi không thể quên được hình ảnh cuối cùng của Hoà mà tôi nhìn thấy. Nó rũ rượi, tóc ngắn cũn cỡn, cái đầu trơ xương, cổ nó còn quấn gạc trắng (vì nó bó thuốc hạch nổi ở cổ) tẩm gạc thấm thuốc rỉ ra những vệt nước màu nâu sậm như máu chạy dọc theo cổ nó xuống tận vai... Tôi kêu lớn "*Trời ơi! bệnh hoạn sao còn đi đâu lung lung vậy? – Không ở ngoài bệnh viện à?*" Nụ cười héo hắt nó nói: "*ở bệnh viện buồn quá trốn về – Em nhớ chị!*". Nước mắt tôi bắt chợt trào ra, cổ như nghẹn lại...

Hoà đã nằm liệt giường, nhà nó không ai muốn vào thăm. Tôi chỉ hỏi thăm tình hình sức khỏe của Hoà mỗi ngày. Không hơn mười ngày sau, vào buổi trưa đang nằm ngủ mơ màng, tôi nghe có tiếng người lao xao phía trước, mở mắt không nổi vì còn say ngủ, tôi hỏi cháu tôi: "*Ái làm gì ồn ào phía trước vậy cháu?*" – Nó trả lời: "*người ta khiêng máy chạp kiếng cô à*". Lúc này không hiểu sao cái đầu tôi bỗng nhức lên dữ dội, hé mắt nhìn qua góc cửa nhà, tôi thấy ai đó đã dờn trống trơn những chạp kiếng trước sân nhà của Hoà. Tôi biết nó đã đi rồi!.

Sau ngày Hoà chết chồng nó bỏ đi luôn, đứa con gái nhỏ thì ở với dì, gần năm sau thì bên nội của đứa nhỏ kêu dất nó về để chịu tang ba nó! Chồng Hoà cũng chết sau đó, người nhà chỉ nói bệnh, còn tôi cũng không muốn tò mò để hỏi thêm ba nó chết vì sao? Nhưng đứa bé vẫn còn là những thắc mắc trong đầu tôi chưa được giải tỏa. Liệu nó có bị gì không nếu cha mẹ nó đã như thế?

Một lần, trong ngày cưới của cậu nó, mọi người bận rộn với công việc không ai để ý, nó chạy theo chiếc xe bán kem, trèo lên yên phía sau để ngồi, người bán kem không kịp dừng lại, bàn chân nhỏ xíu của nó thọc sâu vào dây sên của chiếc xe kem. Con bé được mang đến bệnh viện, trước khi cắt bỏ một ngón chân của nó người ta phải làm xét nghiệm. Mọi chuyện đã rõ!

Đứa bé năm nay đã 8 tuổi học lớp 3, nhà dì nó nghèo nên cũng gặp khó khăn, tôi tự cảm thấy như mình có phần trách nhiệm để lo lắng cho nó thông qua tình cảm của mẹ nó khi còn sống đối với tôi. Năm nào tôi cũng mua tập vở, quần áo mới vào mỗi khi tựu trường. Em gái tôi ở nước ngoài ngoài biết chuyện cũng gởi tiền về để giúp đỡ cho con của Hoà. Nó được các ngành các cấp quan tâm chăm sóc cho nó như thuốc men, học bổng hàng năm...

Có lần ban công tác xã hội ở đài truyền hình VTV1 đến khu vực tôi ở để phỏng vấn trực tiếp về “*thái độ của cộng đồng đối với những người bị lây nhiễm HIV và có nên công khai tên tuổi của những người bị lây nhiễm để dễ nhận biết trong việc phòng tránh hay không?*”. Nhân dịp này tôi cũng đã nói lên những suy nghĩ theo cách hiểu của mình: “*Tôi biết HIV là căn bệnh hiện chưa có thuốc chữa trị, đó là thứ bệnh không phân biệt hay từ chối bất kỳ ai, nếu có cơ hội để lây nhiễm do chúng ta vô tình hay thiếu hiểu biết để phòng tránh. Hãy tự đặt ta vào hoàn cảnh của những người kém may mắn đó. Tôi nghĩ ai cũng cần được cái nhìn thông cảm của mọi người, của cộng đồng xã hội, họ cần được sự sẻ chia. Chính những vòng tay nhân ái sẽ giúp họ vượt qua những mặc cảm, tự ti của bệnh tật để kéo dài thêm cuộc sống và sống có ích*”.

Còn ý kiến có nên công khai tên tuổi của những người bị lây nhiễm hay không? theo tôi: “*ngoài những cơ quan chuyên môn quản lý người bệnh cũng cần nên thông báo cho những người có trách nhiệm ở các cấp chính quyền địa phương, tại cụm dân cư, tổ NDTQ để họ có nhiệm vụ, vận động giúp đỡ người bệnh, và thái độ cư xử của của mọi người sẽ giúp cho người bệnh có thêm lòng tin để hoà nhập với cộng đồng xã hội. Đối với việc phòng tránh Aids, làm sao phổ cập thường xuyên để mọi người ý thức làm chủ được mọi hành vi sinh hoạt của bản thân và trong giao tiếp với môi trường chung quanh. Như thế mới hạn chế bớt sự lây nhiễm mà hiện tại chúng ta nhìn thấy chỉ mới có một phần nổi trong tảng băng chìm*”.

Sau câu chuyện của Hoà, có phần sa sút tinh thần, tôi phân vân về bản thân mình. Chúng tôi từng vui đùa, tiếp xúc với nhau, và còn nhiều sinh hoạt riêng tư của tôi ở những môi trường khác. Tôi muốn rõ về sức khoẻ của mình thật cụ thể. Sau nhiều lần đắn đo, cuối cùng tôi quyết định đến bệnh viện để làm một cuộc xét nghiệm.

Cũng vô tình thôi, ngày hẹn lấy kết quả lại là ngày giỗ của Hoà. Tôi sang dự và thắp nén nhang thắm khấn trong đầu: “*Hoà ơi! Phù hộ cho chị khoẻ mạnh, làm ăn khấm khá để chị có điều kiện tiếp giúp con em nha!*”

Thật hồi hộp. Vị Bác sỹ với vẻ mặt nghiêm nghị nhìn tôi rồi nói: “*mời chị sang phòng bên*”. Tim như thót lại, tôi căng thẳng vô cùng. Sau khi ngồi yên ổn trên ghế, tôi nhìn ngón tay trở của vị bác sỹ chỉ theo từng hàng của mỗi loại xét nghiệm... Sau cùng câu nói nhẹ nhàng của người bác sỹ làm cho tôi trút hết gánh nặng về sự lo lắng “*Tất cả đều Negative*” (tôi hiểu được từ tiếng Anh đó). Riêng phần gan bác sỹ nói tôi có dấu hiệu bị sơ nhiễm cần điều trị.

Đã gần đến Trung Thu!

Anh trắng non không đủ để soi khắp trần gian. Nhân thế vẫn còn đâu đó nỗi buồn! Qua ô cửa, tôi thấy đứa con gái nhỏ của Hoà đang đứng một mình nhìn những đứa trẻ khác xum xoe lòng đèn được cha mẹ mua cho sớm. Tôi luôn để mắt theo dõi tình hình sức khoẻ của con bé. Trông nó có vẻ ốm yếu nhưng không có biểu hiện gì đáng lo, thỉnh thoảng cũng cảm cúm, sốt ho như bao trẻ khác. Hy vọng cuộc sống sẽ có những điều kỳ diệu. Nào ai biết được? Tôi bùi ngùi, bước qua nắm tay nó đi ra đầu ngõ chỉ vào một rừng đèn đủ màu sắc đang bày bán. Tôi nói: “*Nè, con thích cái nào cô mua cho*”. Nó hớn hờ chỉ vào chiếc đèn ông sao. Tôi thấp nền vào đèn cho nó thăm nghĩ: “*Tình thương cũng là thứ ánh sáng kỳ diệu mang đến hạnh phúc cho con người*”. Hai cô cháu tôi cùng dắt nhau đi...

Ngày 14 tháng 9 năm 2006

NGUYỄN THUY NHÃ

Trăng đầu ngọn nước

Nguyễn Nguyễn An

Chúng tôi đến Nam Đông trong những ngày cuối hạ. Thị trấn Khe Tre rực rỡ cờ hoa long trọng kỷ niệm 60 năm Ngày thương binh liệt sĩ. Sau bão số 6 năm 2006, tôi lên Nam Đông, rừng cây hai bên đường xơ xác lá, hơn 700 ha cao su gãy đổ tơi bời và hơn 3.000 ngôi nhà bị sập hoặc tốc mái, đường vào huyện cơ man cây đổ rạp, lá rụng dày mấy lớp bốc thum thum, sức tàn phá của bão Xangsane quả ghê gớm! Bây giờ, chưa tròn một năm, xe lại bon bon giữa hai mái rừng keo và cao su vươn tán xanh ngút, tôi không khỏi xúc động bởi sự hồi sinh của những cánh rừng trên vùng đất từng căn cứ của tỉnh và khu VI! Cũng chính sức hồi sinh mãnh liệt này, thúc giục tôi trở lại Nam Đông, huyện Anh hùng Lực lượng Vũ trang và Anh hùng trong thời kỳ đổi mới của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tôi về thôn Dổi, xã Thượng Lộ, nơi toàn ròn bà con dân tộc Cơ tu sinh sống chan hoà bên nhau. Cơ tu là

nguồn sông đầu ngọn nước. Nơi đầu nguồn Tả Trạch chảy từ núi Mang và núi Atine về. Một chiều, tôi lội bộ ngược sông, đi hết đường thăm nhứa dọc dài thôn Dối, qua cột điện cuối cùng mạng lưới điện sông Đà trong vườn nhà anh Hồ Văn Hào và vất một góc "quăng dao" vượt đèo Tà Gùng. "Đèo Tà Gùng" tôi mạo muội tạm đặt, do đây là con đường đất dân sinh dài 7km, mới cày bạt taluy, vất qua đỉnh Tà Gùng, cho bà con trong thôn có con đường đến vùng Cha Moong chăm sóc rừng cao su nhà mình. Đứng ở đỉnh Tà Gùng bên mép vực sâu, mùi đất mới vỡ ngai ngái, tôi giật mình nhìn bóng đèn xe của anh thanh niên xuyên thủng chiều chạng vạng, hồi hải chạy về thôn, đường đèo chưa có rào chắn, nhớ sẩy tay lái, xong đời! Sau này, tôi biết anh Thực ở trong thôn, người đầu tiên bị sẩy chân té xuống vực, sống sót nhờ sức vóc trẻ trai của mình. Và... ô kìa trăng đã lên đầu ngọn sông, ánh trăng dùng dằng tiến biệt với bóng ngày le lói đang cố thắm đen dần làng Hương Lộc và Thượng Lộ trải dọc dài hun hút hai bên dòng Tả Trạch, người Cơ tu gọi "ka rung Pa Rang", chảy về Nam Đông. Tôi lại giật mình bởi vẻ đẹp phơi bày của ngày trăng treo đầu ngọn ka rung Pa Rang. Tôi liên tưởng đến đồi Vọng Cảnh ngoại ô Huế, nơi các vị vua triều Nguyễn làm chỗ ngoạn cảnh. Ai đến Vọng Cảnh trước năm giờ mùa này, sẽ thấy mặt trời mọc giữa dòng sông, toả ráng xuống mặt sông, khi những chiếc đò máy chạy qua làm vỡ gương sông, nở xoà muôn vạn ánh sao lung linh lấp lánh, cảnh sắc diễm lệ, uy nghi. Còn đây, bắt đầu vào đêm trăng lên, ka rung Pa Rang như dải gương thắm xanh uốn lượn, chỗ đầy bóng đêm non vương vấn, chỗ dát vàng trắng hoang lộng, như sự phơi bày nửa kín nửa hở của nàng công chúa ngủ muội trong rừng! Núi, rừng, sông và làng mạc yên ả trong bao la ánh trăng thuần khiết! Đang đứng mê mải trong mênh mông trăng, tôi gặp cô Hồ Thị Bon, năm này lên lớp 12 trường THPT Nam Đông. Bon bảo, cô đi chăm sóc ha cao su một tuổi của mình, đi bộ từ rẫy cao su về đến nhà mất một tiếng rưỡi. Tôi trở lại thôn Dối, ghé nhà anh Hào, mấy đứa nhỏ con anh đang xem Tây Du Ký từ chiếc ti

vi cũ kỹ. Anh Hào tâm sự: "Mình có 1ha5 keo và cao su. Vườn nhà 1500m² mình trồng cây ăn quả và 19 gốc cau. Bão số 6 nhà mình tốc mái, vườn thiệt hại hơn 50%, thành ra còn vất vả lắm". Đi giữa lòng thôn, ánh điện từ những căn nhà toả sáng hoà lẫn ánh trăng, thôn Dối chìm trong thanh bình êm ả. Tôi nghe phía nhà Gươl líu ríu tiếng nói cười, hoá ra hai đội văn nghệ thôn Dối dợt lại các điệu múa Gia Giả, Duyên Dáng. Tung Tung để mai đón đoàn khách du lịch. Dưới ánh trăng, mắt các cô thanh nữ đưng đầy trăng. Ôi những đôi mắt con gái Cơ tu sôi lộng mê hồn! Là người lẩn lộn, được thua, vấp vấp trong trường tình, tôi nhận ra rằng, đa số con gái Cơ tu, thường có đôi mắt đẹp, hình như các cô đưng hết cả nét thâm nghiêm núi, mãnh liệt sông và mênh mông trăng rừng vào những đôi mắt trong của mình?

Sớm mai tôi được đánh thức bởi tiếng chuông ngân từ bên sông vắng lại, lồm cồm ngồi dậy tôi tưởng mình đã ngủ ngon giấc trong ngôi làng Việt xưa cổ nào đó, Hoá ra thôn Dối. Mở cửa bước ra sân, tôi vấp một khoảnh sân bừng ánh trăng. Trăng vẫn đang thức, đang khoe bày, đang sóng soãi, đang nhuế nhoá cây cỏ. Tôi tự thẹn với trăng, vì mình ngủ thẳng giấc khi trăng vẫn kiên nhẫn chờ. Tôi cùng trăng đi vào thác Ka Dang. Thác Ka Dang huyền hoặc dưới ánh trăng luồn kẻ lá. Thác Ka Dang là điểm du lịch sinh thái thôn Dối. Từ đầu năm đến nay thu hút chín lượt người, chủ yếu người nước ngoài, thu nhập 9 triệu đồng. Và mặt trời lên, ánh trăng khê khàng tạm biệt ngày mới, trên bầu trời xanh, còn treo một đĩa gương trăng lạnh. Tôi ra cửa rừng, bất ngờ phát hiện mái dãy núi ôm ấp thôn Dối có hai màu, một xanh non của rừng keo tai tượng mới trồng và màu thắm xanh của rừng nguyên sinh, giữa rừng trẻ và già như có một dòng suối xanh quyến luyến chở che nhau. Dòng sông xanh lá này chính là cốt cách cần cù, chịu thương chịu khó của bà con Cơ tu, xưa kia họ thích canh tác "phát, cốt, đốt, trả", cư trú vùng đất cao "Pơ Phưong dai", nay họ quen định cư, biết trồng lúa nước, chăn nuôi, trồng cây gây rừng bảo vệ sinh thái làm du lịch để giảm bớt sự hung dữ của thiên nhiên khi nổi chứng! Về thôn, tôi gặp anh Hồ Văn Tân đang chăn cặp bò lai Sind. Tôi gọi chuyện? Anh nói:

- Ngoài 2 sào vườn này, tôi còn một ha rừng, trồng 800 cây keo đã 2 năm tuổi, từ gốc lên đến ngọn đã 2m⁵. Năm năm tới mới thu hoạch. Đất ha keo và 2 sào vườn đã được cấp thẻ đỏ.

Lại một đêm trăng tôi ngồi trò chuyện ông Trần Văn Cang bên cút rượu làng. Năm nay ông 68 tuổi, người thấp đậm, tay chân còn rắn chắc đen nhẻm. Bà con thôn Dối thường tổ chức lễ đâm trâu vào ngày mừng lúa mới và ngày 28 tháng Chạp âm lịch. Ông bảo rằng, không phải ai tuổi cao cũng được mời đâm trâu. Trước khi làm lễ đâm trâu, các bộ lão họp lại chọn mời người tuổi 60 trở lên, rồi sắm một mâm lễ vật rượu thịt đến mời ông. Ông Cang nhận lễ vật và bảo: "Cộng đồng tin tưởng mời tui, tui đâu dám chối". Đến ngày đâm trâu, bà con cột trâu trước nhà Gươl, nhảy múa, ca hát, cúng Giàng suốt đêm, sáng mai ông Cang cũng nhảy múa ca hát rồi đâm đúng vào nách phải con trâu, đâm thế nào để khi trâu ngã vật ra chết, phải cách cột đúng một mét, đầu phải gối núi, đuôi hướng ra sông và không được đụng cột hoặc nằm dài ngoài ba mét tính từ chân cột, năm ấy người làng được khoẻ mạnh, làm ăn phát đạt, khi có lễ đâm trâu các cụ lại mời. Ông Cang đã ba đời đâm trâu!

Đêm đã khuya, rượu đã nhạt, chào ông Cang tôi về. Trăng càng khuya, càng bịn rịn cánh rừng màu ghi cổ tích. Tôi lang thang với trăng và nhớ lại hôm mới đến thôn Dối, ở nhà anh Lê Văn Đạt. Đạt vừa tốt nghiệp trung học, hiện đang theo học lớp đối tượng Đảng. Ngôi nhà ngói, vách gỗ kiên rộng rinh bởi chỉ có Đạt và cô em gái học lớp 11 cùng mẹ Đạt. Cha Đạt là ông Lê Văn Nưng mất cách đây ba tháng. Ở Đạt toát ra một vẻ đẹp mạnh mẽ của núi rừng. Tôi lại nghĩ đến chàng Vội nhân vật của một nhà văn trong nhóm Tự lực văn đoàn. Vội vạm vỡ như

Đạt nhưng ngây ngô hơn. Ở với gia đình Đạt ba đêm trăng, tôi mới biết năm 1995, Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh đến thôn Dối, đã ghé thăm gia đình Lê Văn Nưng.

Tổng số hộ Thượng Lộ có 227 hộ, 1.128 nhân khẩu, riêng thôn Dối 118 hộ, 507 nhân khẩu; 90% nhà có tivi, chỉ 38 xe Honda. Thôn lại có hai đội văn nghệ, trong đó một thanh niên, một thiếu niên. Ngoài thu nhập theo vụ, theo mùa từ rừng, ruộng vườn, chăn nuôi, ao cá... bà con thôn Dối còn đón du khách về du lịch sinh thái thác Ka Dang. Nhưng thác Ka Dang chưa thu hút du khách, bởi chưa lều trại, hàng quán và các dịch vụ khác. Khách đến với Ka Dang trơ trọi dòng suối rừng! Thực sự họ đến với những điệu múa đậm đà bản sắc dân tộc Cơ tu do hai đội văn nghệ thôn biểu diễn là chính. Một lần biểu diễn mỗi diễn viên được 20 ngàn đồng, tháng vài lần, nên vẫn còn một số bà con thôn Dối nhiều khê chuyện cơm áo. Tôi nghĩ, giá như thác Ka Dang có các dịch vụ cần thiết và trên đỉnh đèo Tà Gùng có nhà Gươl cho du khách ngoạn cảnh, chắc cuộc sống của bà con thôn khởi sắc hơn.

Chia tay với mùa trăng đầu ngọn nước, bài hát "Trăng Nam Đông" của nhạc sĩ Minh Phương vừa sáng tác cứ ngân vang mãi trong lòng tôi theo nhịp bánh xe lăn về Huế "...Yêu mùa trăng Nam Đông...kiêng p ar rương Nam Đông"...

Nam Đông, tháng 8 năm 2007

Chân dung văn nghệ : Nhà tôi số một trăm sáu chín...

Trần Đức Tiên

"Nhà tôi số một trăm sáu chín/Đường Lê Hồng Phong... xanh mây trời".

Hai câu thơ suýt nữa rơi vào tầm thường. May mà còn có nửa cuối câu sau. Từ rõ ràng cụ thể và quá đối thật thà, thoát cái phiêu bồng trên mây trên gió. Hoàng Trung Thủy mất năm 54 tuổi âm. Gần mười năm sau, những bạn bè thân thiết của anh ở Vũng Tàu vẫn còn bất ngờ.

Sinh thời, Hoàng Trung Thủy nổi tiếng là người chân thành, hiếu khách. Bài thơ *Nhà tôi* có hai câu thơ nói trên giống như một tin nhắn, một lời mời mọc ân cần của anh gửi tới tất cả bè bạn xa gần. Không ai nghi ngờ gì "tính chân thực" của những câu thơ ấy. Nhưng tôi vẫn đùa: "Ông này lại giăng lưới bẫy người!"

Năm ấy Hội Văn nghệ đặc khu Vũng Tàu-Côn Đảo mới thành lập, số anh em viết lách ở vùng đất mới này còn thưa thớt, lại chưa biết hết về nhau. Hoàng Trung Thủy làm ở văn phòng hội, rất dễ tâm đến việc nghe ngóng, thăm dò. Mỗi lần tình cờ phát hiện ra một cây bút còn ở ẩn đâu đó, anh mừng như bắt được của.

Khi số báo văn nghệ đầu tiên của hội ra đời, Hoàng Trung Thủy lẳng lặng đem về nhà một xấp. Kiểm sợi dây dài, chẳng ngang khoảng hè phố trước cửa nhà. Đem xấp báo mới tinh vắt lần lượt lên sợi dây, cố tình để cho cái măng-set báo quay ra đường. Rồi sau đó rút vào góc căn phòng phía trong ngồi đợi.

Một buổi chiều có chàng trai trẻ phóng xe đạp qua. Nhìn thấy dây báo, như bị điện giật, chàng quay ngoắt xe lại. Tất cả những cử chỉ đó không lọt qua mắt Hoàng Trung Thủy.

- Ông chủ! Bán cho tờ báo.

Hoàng Trung Thủy thông thả đứng lên, lững thững bước ra cửa. Nghiêng mái tóc dài vô cùng thi sĩ, rước chàng trai vào nhà.

Trà nước xong xuôi đầu đầy, chủ mới cất giọng từ tốn hỏi. Khách định thần xưng tên, hào hứng xen lẫn bẽn lẽn.

Đặng Trung Nhân, cây bút văn xuôi, vừa đoạt giải B của báo *Văn Nghệ* (Hội Nhà văn Việt Nam) với chùm truyện ngắn viết cho thiếu nhi, đã được Hoàng Trung Thủy "bẫy" như thế. Một năm sau, Nhân bỏ nghề kỹ sư xây dựng chuyển sang làm biên tập viên cho chính tờ báo của hội.

Sau Đặng Trung Nhân là Lê Xuân Hoà. Sau Hoà là Phạm Duy Hiên. Là Trương Xuân Hoàng, Hiếu Tân, Trịnh Công Vương... và nhiều người khác. Cái dây treo báo hôm nào hoá ra là tiền thân của sạp sách báo có tên "VĂN THU' TÌNH QUÁN". Hoàng Trung Thủy lấy tên của ba đứa con ghép lại thành tên quán. "VĂN THU' TÌNH QUÁN" giống như "trụ sở" thứ hai của hội văn nghệ.

Chiều nào tôi cũng đạp xe tới quán báo của Hoàng Trung Thủy. Đó là thời kỳ khó quên trong sinh hoạt văn chương nước nhà. Báo *Văn nghệ* của Hội Nhà văn về đến Vũng Tàu từ nào hết veo từ ấy. Nhiều người phải phô tô những truyện ngắn, những bút ký hay để chuyển tay nhau. Chả cứ dân văn nghệ, mà trong giới bạn đọc bình thường đến đâu cũng nhắc nhỡm Nguyễn Huy Thiệp. Rồi "*Cái đêm hôm ấy đêm gì*", "*Được vật quý*", "*Ông vua lớp*"... Rồi "*Thiên sứ*", rồi "*Nỗi buồn chiến tranh*"... Rồi vụ om sòm xung quanh "lập trường" cụ khố Đặng Bữu.

Tôi đến quán báo của Hoàng Trung Thủy đọc báo "chùa", và nhất là để được tắm trong cái không khí đổi mới của văn học đang toả ra từ các trang sách báo nóng hôi hổi. Thấy khỏe ra và thêm phần tự tin.

Năm 1992, nhà thơ Xuân Sách cho ra mắt bạn đọc tập "*Chân dung nhà văn*". Ngay lập tức, vinh quang và phiên lụy cùng lúc ập đến ông. Trụ sở hội văn nghệ tỉnh - hội do ông làm chủ tịch - bị xuống cấp trầm trọng nhưng không được cấp kinh phí sửa chữa! Những mảng vữa trần trong các phòng bong tróc, thỉnh thoảng rớt xuống sàn vỡ tan. Anh em trong cơ quan được làm việc tại nhà. Khách khứa thưa vắng hẳn. Sáng sáng chỉ thấy nhà thơ chủ tịch hội lặng lẽ chấp tay sau đít, lững thững quanh quần ngoài hành lang. Nằm phủ phục cách đó một quãng là con chó của Đặng Trung Nhân, con chó già chỉ còn sức đớp gió và suốt ngày chìm đắm trong mộng mị...

Năm 1995, hội "được" chuyển đến trụ sở mới lấn vào nhà dân trong một con phố nhỏ. Xuân Sách về hưu. Anh em ở hội người nghỉ việc, người chuyển đi nơi khác gần hết. Tôi đang ngấp nghé vài chỗ làm mới. Hoàng Trung Thủy (lúc này được giao nhiệm vụ thường trực hội) gặp tôi, bảo: "Sắp đại hội. Cơ quan phải lấy thêm người. Mà tôi thì không biết nhìn người. Cậu bỏ đi lúc này gay lắm". Tôi lặng đi một lát rồi đưa ra điều kiện: "Thôi được. Tôi ở lại, nếu anh được bầu làm chủ tịch hội. Còn nếu anh trượt, chắc chắn tôi biến". Hoàng Trung Thủy cười hề hề.

Ông Thủy ơi ông Thủy! Lần này thì tự tôi đại đột chui đầu vào bầy! Ngót mười năm sau nghĩ lại cái khoảnh khắc tưởng như vô tình ấy, vừa thấy thương ông, vừa thấy giận mình.

■

Mất hai năm để chuẩn bị cho cái đại hội văn nghệ mà Hoàng Trung Thủy sẽ được bầu làm chủ tịch. Trong khoảng thời gian này, vui nhất là những lần tôi với anh đi chạy quảng cáo để in trên báo hội. Chạy được quảng cáo, anh em ở văn phòng sẽ có tiền "đời sống", còn chúng tôi được hưởng thêm phần trăm hoa hồng.

Chạy quảng cáo như tôi với Hoàng Trung Thủy giống như đi câu. May thì vớ cá, không may thì coi như... thư giãn. Có lần gặp một sếp, vừa nghe tôi vào đề, đã thủng thẳng: "Năm ngoái năm kia làm ăn được không thấy đâu. Năm nay thất bát lại mò đến". Nói thế, nhưng ông vẫn cho gọi cấp phó sang, giao nhiệm vụ ủng hộ chúng tôi. "Anh cho ý kiến xem bao nhiêu?" - ông phó hỏi. "Ông xem thử xem có thể bao nhiêu?" - ông trưởng hỏi lại. Ông phó ngẩn ra một tí rồi ngập ngừng: "Anh xem... hai trăm được không ạ? Ông trưởng vẫy tàn thuốc, im lặng. Tôi và Hoàng Trung Thủy không dám động đậy. Nghe hai ông xem xem xem xem, hồi hộp không thể tả, như xem kịch. Nhưng cuối cùng thì ông trưởng cũng kết thúc có hậu: "Có thì cho, không thì thôi. Cho hai trăm thì cho làm gì"! Ông phó thở dài đi ra. Lát sau ông quay lại với nét mặt ngượng ngượng và cái phong bì... lạy Chúa, nặng nặng.

Nhưng cũng có lúc mừng hụt, rồi sinh cáu. Một công ty lừng danh, giàu có nhất Vũng Tàu, đồng ý ủng hộ tờ báo. Hẹn ngày, tôi với Hoàng Trung Thủy hớn hờ phóng xe đến. Đến lĩnh tiền, không cần nói lại mục đích lý do, nên tôi ngồi ngoài. Bên trong, nhà thơ chờ cô thủ quỹ mở két. Qua khung cửa kính, tôi thấy cô ta đưa cho anh một tập tiền... ngờ ngợ thế nào! Hình như không phải tiền mệnh giá lớn. Lại hình như mong mỏng. Ra khỏi cửa tôi hỏi ngay. Hoàng Trung Thủy mặt tỉnh bơ, dắt xe, đợi tôi ngồi lên yên sau rồi phóng ra đường. Đi được một đoạn, anh hỏi: "Cậu đoán bao nhiêu?" "Giàu nứt đố đổ vách thế, bét cũng cho hai triệu". Hoàng Trung Thủy rồ ga, phóng tuốt đi một đoạn xa nữa mới lấy lại hơi, nói thật khế: "Hai trăm". "Đùa à?" "Thật. Tớ cũng hơi... choáng". Suýt nữa thì tôi nhảy phắt xuống đường: "Thế mà anh cũng cảm? Sao không vứt trả chúng nó"? Hoàng Trung Thủy cười nhún nhún: "Thôi, mất mặt người ta. Mình biết thế để lần sau... cách".

Có một điều nói ra thì thấy tức cười, vô lý. Đã mất ngày mất buổi lê la chỗ này chỗ khác để có tiền, ai chẳng mong ký được hợp đồng? Muốn ký hợp đồng thì phải gặp giám đốc, gặp thủ trưởng. Ấy thế mà mỗi khi dừng xe ngoài cổng, người nọ lại đọc thấy trong mắt người kia: "Chỉ mong cho hần... không có nhà"! "Hần" ở đây là giám đốc hay thủ trưởng cái đơn vị bên trong cổng kia. Khi bảo vệ thông báo "hần" đi vắng là chúng tôi chẳng cần biết thực hư, quay ngoắt xe. Lý do chính đáng để thêm một lần tránh được mặc cảm đi xin. Nhẹ cả người.

■

Hiếu khách và cả nể, nhiều khi Hoàng Trung Thủy tự chuốc vào mình những phiền lụy. Đến cơ quan khách cơ quan, về nhà khách nhà. Khách bình thường không nói làm gì, chứ khách thơ thì chúa ngồi dai, tốn nước chè và điếc tai vợ. Tôi viết văn xuôi nhưng cũng thích đọc thơ. Giở tờ báo, quyển sách nào có thơ là dừng lại đọc trước. Nhưng khoản ngồi im để các nhà thơ *phát thanh trực tiếp* thơ cho nghe thì... yếu! Hơn mười năm làm ở hội văn nghệ tỉnh, chưa bao giờ nghe trọn bài thơ nào của ai theo kiểu này. Hoàng Trung Thủy thì khác.

Một lần tôi tạt qua hội vào buổi trưa, thấy anh ngồi ngửa người trên sa-lông, hai chân duỗi dài, hai tay dang rộng vắt trên thành ghế, đầu ngoẹo sang bên. "Trưa rồi mà anh chưa về à"? Tôi hỏi, không thấy anh trả lời. Hỏi tiếp câu nữa vẫn bất động. Hoảng, lại gần, nhìn hai mắt lim dim nhưng gương mặt bạc phếch. Tôi chạm tay vào người. Anh rùng mình, đôi đồng tử đảo lên lơ lơ. "Suốt từ sáng đến giờ tôi chưa ăn". "Thế ngồi ở đây làm gì"? "Nghe ông F. đọc thơ"! Thôi, tiêu rồi! Tôi nghĩ nhanh. Ông F. thì tôi không lạ. Người bé, giọng choang choang, đánh như búa lò rèn. Ngồi với ông này, câu trước câu sau là ông ấy chồm lên, chỉ thẳng ngón tay vào mặt mình: "Đọc nhá"! Rồi lập tức mở van, thơ tuôn xối xả. Vuốt mặt không kịp. Hết bài này đến bài khác. Trường ca cũng đề ngửa ra nghiêng ngấu!

Hoàng Trung Thủy uể oải đứng dậy, moi trong túi xách gói bột ngũ cốc, dốc vào ly, chế nước sôi, thông thả khuấy thìa. Anh vừa mổ cắt hai phần ba dạ dày, hút chết, phải gượng ăn tí một. Húp một ngum cho hoàn hồn, anh quay sang tôi: "Vừa sáng ra đã khai hỏa. Đến mười giờ tôi ù hết hai tai. Mười một giờ điếc đặc, mê mẩn. Ông ấy về lúc nào tôi cũng chả biết".

Chuyện ông F. đọc thơ tuy thế chưa căng thẳng bằng chuyện thi sĩ Q. đến nhà tá túc. Phải nói ngay Hoàng Trung Thủy không hề quen biết Q. Trước khi giáp mặt Q. lần đầu, chúng tôi chỉ nghe loáng thoáng hành tung về thi sĩ này. Chuyện kể rằng: nhà thơ M. ở tỉnh bên một lần đi công tác xa về, vừa lò dò vào đến cửa thì thấy một gã đàn ông lạ hoắc đang ngất ngưỡng ngồi nhậu với vợ. M. chưa kịp ú ớ, liền bị người kia chỉ tay vào mặt, quát: "Mày là thằng nào? Định đến đây mè nheo à? Cút"! Khi chủ khách phân định ngôi thứ rõ ràng, khách "biết điều" tỉnh ra khăn gói chuồn lẹ, M. mới té ngửa vì bà xã quá tôn thờ thơ nên đã trót hào hiệp tháo ở tay chiếc nhẫn hai chỉ vàng tặng cho thi sĩ vắng lại làm tiền lộ phí...

Q. cao to, mặt mũi bặm trợn, bộ quần áo lính tẩy xộc xệch, nhếch nhác. Đường đột xông vào nhà, chẳng rào đón gì, quăng uych cái ba lô xuống góc phòng: "Thủy cho mình ở nhờ". Nói xong lẩn ra sàp ngay ông ọc.

Tôi bảo: "Cho ông chết. Ai bảo làm thơ khoe số nhà... Hắn mò đến đúng tổ con chuồn chuồn". Hoàng Trung Thủy tái mặt: "Nhìn cái cách ông ấy quăng ba lô vào góc nhà, sợ lắm cậu ạ. Cứ như là khẳng định chủ quyền. Kiểu này thì ăn dầm nằm dề không biết đến khi nào". "Thế chưa nói gì với anh à"? "Có. Bảo đi vận động tài trợ. Đi hết các doanh nghiệp ở Vũng Tàu". Các doanh nghiệp ở Vũng Tàu chả đại móc hầu bao cho mấy ông thơ phú phát vãng! Chỉ tổ mang tiếng oan cho những người làm văn nghệ đang hoảng. Mà trước mắt là khổ, là phiền cho Hoàng Trung Thủy... Nhưng cũng may! Khi tôi chưa kịp nghĩ ra kế gì để "cứu" anh thì Q. lại dùng dùng vác ba lô ra đi. Có thể anh ta cảm nhận được điều gì đó từ thái độ của chủ nhà. Hoặc "mánh" làm ăn bị bể... Chỉ ít ngày sau, trên một tờ báo ở Sài Gòn đăng ảnh Q. kèm một tin ngắn: "Nhà thơ dỏm vừa bị trục xuất khỏi tỉnh Bến Tre".

■

Tôi không bao giờ quên được những lần chứng kiến Hoàng Trung Thủy bị đối xử tệ.

Một đêm khuya, tôi ra đóng cổng chuẩn bị đi ngủ thì anh xịch đến. Quăng chiếc Honda 50 rách tã vào bờ rào, anh thất thểu bước vào nhà, ngồi phịch xuống ghế, thờ. Hoàng Trung Thủy bị hen nặng từ nhiều năm nay. Lúc nào cũng thủ sẵn ống thuốc xịt trong túi. Đang ngồi làm việc lên cơn, xịt. Nửa đêm tắc thở choàng dậy, xịt. Hát karaoke với bạn bè đang lúc "cao trào" cũng dừng lại, một mình lẳng lặng chui vào toilet, xịt. Bệnh của anh kị bia rượu, khói bụi, thời tiết thay đổi, rất kị cả những cơn xúc động bất thường. Nhìn Hoàng Trung Thủy lúc ấy tóc tai bơ phờ, mặt mũi như thấm đờn, tôi đoán anh vừa phải trải qua cơn chấn động tinh thần ghê gớm.

- Có chuyện gì thế? - Tôi sốt ruột.

- Lúc chập tối, ăn cơm xong, tôi đến nhà anh ấy...

- Anh nào?

Hoàng Trung Thủy ngắc ngắc trong cổ:

- Ăn cơm tối xong, tôi đến nhà anh ấy...

Tôi sực nhớ, ngồi ngay lại, không dám giục. Hoàng Trung Thủy không bao giờ từ bỏ cái nét kể một câu chuyện cho có đầu có đuôi. Có lẽ do thói quen anh có được trong nhiều năm làm thầy giáo. Kể chuyện hay trình

bày một vấn đề gì, bao giờ cũng tuân tự *1 nhỏ, 2 nhỏ*... Đang nói mà bị người khác ngắt lời, anh im bật, để người kia nói xong, lại thông thả bắt đầu lại từ đúng cái chỗ bị ngắt, không ăn bớt một dấu phẩy.

Anh kể dài, tỉ mỉ chi tiết, nhưng đại khái như sau: buổi tối, anh phóng xe đến nhà ông bạn họa sĩ. Hai người vốn có mối quan hệ khá thân thiết. Vào nhà, chưa kịp nước nổi gì, ông họa sĩ đã "đề nghị" ông cán bộ hội ra để căn vặn chuyện công việc của hội. Cụ thể là việc xin kinh phí cho các họa sĩ. Ông này bảo: tại cuộc triển lãm tranh hôm nọ, có vị lãnh đạo tỉnh đến dự đã đọc diễn văn, hứa hẹn tạo điều kiện tốt cho các họa sĩ hoạt động. Thế mà ông Thủy không biết tận dụng sự quan tâm ưu ái của lãnh đạo. Ông Thủy lười biếng, không biết làm việc. Ông Thủy mãi lo cho cái ghế của mình, không thêm để ý đến phong trào, đến anh em hội viên. Ông Thủy làm thui chột cảm hứng sáng tác v.v... Một thôi một hồi chan tương đổ mề vào mặt ông Thủy. Và khi khách định mở mồm thanh minh thì chủ gạt phắt, đẩy khách ra sân rồi đóng sầm cửa.

Hoàng Trung Thủy bị ông họa sĩ đuổi ra khỏi nhà.

Vì cái tội không năng động xin tiền tài trợ cho ông ấy vẽ tranh. Tội không biết có thứ văn nghệ èo uột chỉ những những bám vú nhà nước.

Tôi gắng nuốt cục nghẹn, bảo: "Ông còn cái tội to nữa là không biết tin vào diễn văn của đồng chí lãnh đạo".

Đại hội văn nghệ tỉnh lần ấy, một tay Hoàng Trung Thủy lo liệu mọi việc. Dự kiến nhân sự, lập kế hoạch, xin kinh phí, viết báo cáo, chuẩn bị các văn bản... Tôi trốn việc, phất phơ bên ngoài, còn giờ cả mảnh để tránh ngồi trên ghế chủ tịch đoàn, tức là không phải tham gia điều hành đại hội. Buổi tối trước ngày khai mạc, rủ một ông bạn đi nhậu để tự thưởng cho cái sự khôn lỏi của mình. Nhậu về, 9 giờ tối, điện thoại kêu. Đầu dây đằng kia, em vợ Hoàng Trung Thủy báo tin ông anh rể vừa thổ ra máu, đưa vào viện cấp cứu. Tôi hoảng hồn lao đến bệnh viện. Hoàng Trung Thủy hồi hồi lại, nắm hờ tay tôi: "Ngày mai... đại hội... cậu giúp..."

Thế là hết! Tường phui tay, ai ngờ vẫn phải nhận ấn tín một cách bất đắc dĩ. Đành thức trắng cả đêm để chuẩn bị.

Tôi đã lường trước sự tồi tệ, nhưng không ngờ nó diễn ra ở mức độ như vậy. Một số người, vì động cơ nào đó, đã xúm vào "bê hội đồng" Hoàng Trung Thủy. Thủy cơ hội. Thủy bè cánh. Thủy thanh lý xe cơ quan lấy tiền đút túi. Thủy là đảng viên mà tán thành đa nguyên... Đến thế là cùng! Mơ hồ kết hợp với dựng đứng. Vỗ mặt đi kèm với hung hiểm. Rất mặt thay cho anh, nhưng tôi cũng chột mừng. May mà anh thổ huyết sớm từ tối qua. Chứ nếu bây giờ anh ngồi đây thì không biết sự thế sẽ như thế nào. Giữa lúc đó lại có tin báo từ bệnh viện: Hoàng Trung Thủy phải mổ gấp. Thế là trong vòng một buổi sáng, Hoàng Trung Thủy phải hai lần lên bàn mổ, trải qua hai cuộc mổ xẻ bầm dập.

Cuối cùng anh vẫn trúng chủ tịch hội. Sau này ngẫm lại, tôi thấy cái đau nhất không đến từ trận đòn. Cái đau nhất chính là sự im lặng của số đông. Số đông có thể nhận ra điều này điều nọ, nhưng họ vẫn im lặng...

Dường như anh cũng hiểu điều đó. Những ngày tiếp theo, anh trở nên trầm lặng hẳn.

■

Cuộc thi thơ của báo *Văn nghệ* (Hội Nhà văn VN) năm 1969-1970 kết thúc, Hoàng Trung Thủy là một trong số những người được giải thưởng. Hoàng Trung Thủy viết ít. Có khoảng thời gian cả gần chục năm hầu như anh không viết gì. Những năm cuối đời, khi đã định cư hẳn ở Vũng Tàu, Hoàng Trung Thủy tìm lại được cảm hứng và bắt đầu một nhịp độ sáng tác mới không dồn dập nhưng đều đặn. Những bài thơ hay nhất của anh cũng ra đời trong khoảng thời gian này.

Hoàng Trung Thủy luôn tỏ ra kinh ngạc và bất phục những tìm tòi mới về hình thức, nhưng khi làm thơ vẫn trung thành với cái tạng giản dị, khiêm nhường vốn có của mình. Đó là sự trung thành, sự tự biết mình rất cảm động. "*Chao ôi, hỡi, ô hay, phải chăng, người ơi, mùa hạ ơi*"... thỉnh thoảng vẫn có mặt trong thơ anh, nhưng nói chung không gây cảm giác ố ẹo giả dối. Chúng là những lời buột thốt từ tâm trạng của một thi sĩ lãng mạn theo kiểu truyền thống. Những bài thơ hay của Hoàng Trung Thủy bao giờ cũng có "vị" nghẹn ngào của xúc cảm.

Năm 2004, lần đầu tiên trao giải thưởng văn học nghệ thuật của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Nhà thơ Nguyễn Duy được mời tư vấn cho hội đồng nghệ thuật (phần thơ). Khi đọc xong và đưa trả các tác phẩm tham dự giải cho tôi

cùng với bản nhận xét, Nguyễn Duy nói thêm đúng một câu: "Thơ lão Thủy hay nhất".

Nhưng Hoàng Trung Thủy cũng có lúc bị chi phối bởi sự... sốt ruột. Có thể vì anh đã có tuổi. Anh viết vẫn còn ít, vẫn còn nhần nha. Và có thể còn vì một sự hồi thức vô hình nào khác mà chính Hoàng Trung Thủy cũng chỉ mới mơ hồ nhận thấy. Một năm trước khi mất, anh đôn đáo cho in tập trường ca "*Hoa bằng lăng*". Đây là tập bản thảo anh hoàn thành từ thời còn trai trẻ, nhân một cuộc vận động sáng tác nào đó. Suốt từ ngày ấy nó vẫn nằm im trong tủ trong hòm. Bây giờ có người tài trợ, anh vội vã đem ra sửa chữa lại rồi đưa in. Sách in xong, Hoàng Trung Thủy vui mừng tặng cho bạn bè. Tôi đọc, và không nói gì với anh.

■
Hoàng Trung Thủy ở ngôi chủ tịch hội chưa đầy một năm.

Buổi trưa, như thường lệ, anh giờ mấy tờ báo đem từ cơ quan về, khoan khoái ngả người trên ghế bố. Trang giữa báo *Lao Động* hôm ấy đưa tin nhà văn Tô Ngọc Hiến ở Quảng Ninh vừa mất. Hoàng Trung Thủy liếc thấy, ném tờ báo xuống đất, quay ra bảo con trai: "Bác Hiến cùng thời với bố, đi rồi".

Năm giờ chiều tôi đạp xe đến nhà Hoàng Trung Thủy. "VĂN THƯ' TÌNH QUÁN" đóng cửa từ lâu, nhưng gian nhà dưới của anh giờ cho thuê bán vật liệu xây dựng. Tôi hỏi mua mấy viên gạch Tàu về sửa bếp. Nghe tiếng tôi, anh từ tầng hai chạy xuống. Hai anh em đứng nói với nhau vài câu rồi anh nhảy lên chiếc Honda 50, bảo đi đón vợ chiều nay ra viện. Chị Liên, vợ anh, mấy hôm trước ngã cầu thang trượt tay.

Bây giờ tối. Tôi đang ăn dở miếng cơm thì cháu Tình, con gái út của anh, meo meo nói qua điện thoại: "Bố cháu nôn ra máu". Tôi hoảng hốt gọi vài người thân rồi nháo nhào chạy đến anh. Taxi đã đưa anh đi rồi. Chúng tôi phóng đến bệnh viện.

Hoàng Trung Thủy nằm trong phòng hồi sức cấp cứu, mái tóc dài xoã ra đầy gối. Mấy nhân viên y tế đang gấp gáp thực hiện các thao tác. Tôi tìm cách lách được vào bên trong đứng cạnh anh. Thời gian trôi rất nhanh. Một bà nhân viên bỗng ngừng tay, mở mí mắt anh nhìn vào một thoáng rồi quay sang tôi, thản nhiên: "Bác ấy đi rồi".

"Bác ấy đi từ lúc nãy cơ, lúc đang ngồi trên taxi - Ông hàng xóm của anh, người đã bế anh lên xe đến bệnh viện, thì thăm bên tai tôi - Tự nhiên tôi thấy bác ấy ươn người lên mấy cái, rồi nằm im".

Suốt mấy tuần sau đó, tôi thường xuyên nằm mơ thấy Hoàng Trung Thủy. Thấp thoáng đi về, không nói không rằng. Chỉ đến lần cuối cùng, tự nhiên anh đưa tay ra cho tôi: "Ồ dưới ấy buồn quá...". Tôi rút ngay tay lại, kêu to: "Không! Tôi còn nhiều việc lắm".

Tôi sợ chết. Hẳn rồi.

Chứ công việc thì vẫn kéo kẹt những nhặng qua ngày thế thôi.

Mười năm qua làm được gì?

Mười năm nữa thì làm được gì?

Những bạn hăm hở ngày đầu thành lập hội đâu rồi?

Hoàng sớm về với cát bụi.

N. trở lại nghề cũ, làm thầu xây dựng, vợ đẹp con khôn.

K. phụ vợ buôn bán, phát lên xe hơi nhà lầu, nhớ văn chương xin tiền vợ tự in cho mình cuốn sách đóng bìa cứng cất đi để dành làm của gia bảo.

H. quay ra nghiên cứu thiên, hỏi còn viết còn dịch gì nữa không chỉ cười ngơ ngẩn.

T. thôi viết từ lâu.

V. bỏ bút.

L. bỏ bút.

Nhiều người nữa bỏ bút.

Văn chương bạc bẽo. Làm việc khác làm việc khác.

Gặp lại nhau bây giờ thông cảm cười, xuê xoa cười, meo meo cười.

Như thế để thấy chuyện đi ở cũng nhẹ nhõm thường tình anh Thủy nhỉ?

Vũng Tàu, tháng 8-2007

TRẦN ĐỨC TIẾN

Nguyễn Trọng Tạo – Người tự sắm vai mình

Lê Huy Mậu

Nguyễn Trọng Tạo thuộc lớp nhà thơ tiêu biểu thời kỳ chống Mỹ. Nếu phải phát biểu ngắn gọn về thơ của lớp nhà thơ này thì thơ Hữu Thỉnh là thơ lấp lánh. Thơ Phạm Tiến Duật là thơ thông minh. Thơ Nguyễn Đức Mậu là thơ đậm đà. Thơ Nguyễn Duy là thơ thuần Việt. Thơ Bằng Việt là thơ trí tuệ. Thơ Vũ Quần Phương là thơ sang trọng. Thơ Nguyễn Trọng Tạo là thơ tài hoa. Thơ tài hoa là thứ thơ khiến người ta có cảm tưởng như đó không phải là kết quả logic của tư duy mà là sự thăng hoa của ngôn từ.

Đã và sẽ còn có nhiều công trình nghiên cứu nghiêm túc về họ. Tôi chỉ “Kính nhi, viễn chi”, cứ bạo miệng nhận xét vắn tắt thế. Đúng hay là sai, ý kiến của tôi cũng không mấy quan trọng.

Tôi gặp nhà thơ, nhạc sĩ Nguyễn Trọng Tạo lần đầu tại Hội nghị viết văn trẻ toàn quốc lần thứ III (tháng 12-1985). Đây là đêm đi xem ca nhạc do Nhà hát Ca-Múa-Nhạc Việt Nam biểu diễn phục vụ hội nghị tại Cung Văn hóa lao động, Hà Nội. Khi nhà văn Chu Lai giới thiệu tôi với nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo, anh nói ngay: Lê Huy Mậu phải không? Bài thơ “Cầu Tiên” in trên Văn Nghệ Quân Đội của Mậu là mình biên tập đấy. Hồi đó, được một nhà thơ nổi tiếng như Nguyễn Trọng Tạo nhớ đến tên, nhớ đến tác phẩm của mình là sướng lắm. Tôi mừng rơn!

Cùng dự Hội nghị viết văn trẻ toàn quốc lần thứ ba với tôi có 156 đại biểu chính thức. Nhiều tác giả trẻ nhưng tên tuổi của họ đã lẫy lừng khắp trong Nam, ngoài Bắc như Nguyễn Quang lập, Nguyễn Đức Thọ, Y Phương, Hồ Anh Thái, Đinh Thị Thu Vân, Nguyễn Trọng Tín... Tôi lọt thỏm vào cái hội nghị “toàn sao” ấy nên không để gì gặp được Nguyễn Trọng Tạo lần nữa.

Sau lần đó, tôi có gặp Nguyễn Trọng Tạo một hai lần ở Huế. Chính xác là hai lần. Một lần là khi tôi tham gia đoàn cán bộ văn hóa Đặc Khu Vũng Tàu-Côn Đảo ra Huế thăm định mỷ vở cải lương mới dựng của đoàn cải lương Trùng Dương, và một lần là cùng đoàn cán bộ Tuyên Giáo đi tham quan các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.

Nguyễn Trọng Tạo là người dễ gần. Anh không cố tạo khoảng cách để phân biệt đẳng cấp với người đi sau, với người ngưỡng mộ mình. Tôi nguyên là một Chánh văn phòng. Có thâm niên trong việc tiếp các loại khách. Ngoài khả năng tổng hợp, viết văn bản, tôi còn có khả năng tự biết mình phải ngồi vào vị trí nào trong bàn tiệc. Không ai dạy cả. Không ai bắt mình phải ngồi chỗ này, hay chỗ khác trong bàn tiệc. Nhưng nếu mình lấu tấu ngồi sai vị trí là có người khó chịu ngay. Là nhà văn, nhưng không phải nhà văn nào cũng dễ tiếp xúc, dễ gần. Tôi nhớ mãi, lần tôi dự hội nghị Văn hóa - Văn nghệ toàn quốc tại Cửu Long. Nhà thơ Hữu Thỉnh có tổ chức một buổi tham quan, tiếp xúc với Hội Văn nghệ Cửu Long. Đoàn chỉ có mấy người, trong đó có nhà thơ TT. Tôi cũng lịch sự bắt tay nhà thơ, rồi đi gần cạnh nhà thơ, nghe nhà thơ chuyện trò với nhà thơ Hữu Thỉnh suốt cả buổi. Nhưng tuyệt, ông không hề hỏi tôi công tác ở tỉnh nào, có viết văn hay làm thơ gì không? Nhà thơ Hữu Thỉnh, có lẽ là do thương tình tôi, thỉnh thoảng ông có quay sang nói với tôi một câu gì đó cho đỡ tẻ. Tôi không có cách nào “đi chỗ khác chơi”, đành phải làm chú cún con, lẻo đẻo theo chân hai nhà thơ lớn.

Với Nguyễn Trọng Tạo thì khác. Nguyễn Trọng Tạo nâng niu tất cả. Anh từng viết lời tựa, lời bạt cho các tập thơ trẻ, viết lời giới thiệu in báo cho nhiều tác giả mới có sách đầu tay. Bằng tất cả sự trân trọng cần thiết, mà không phân biệt người ấy đã nổi tiếng hay chưa nổi tiếng. Nguyễn Trọng Tạo khen chê rất chân thành, nhiều khi chân thành đến cực đoan. Người thiếu bản lĩnh, hay người luôn “quan trọng hóa” đẳng cấp của mình thường không dám mạnh dạn thế. Tôi biết, có nhiều nhà thơ đã thành danh hiện nay, nhưng những bước chập chững vào nghề luôn nhận được sự khích lệ, sự quan tâm đúng mực của Nguyễn Trọng Tạo. Không phải chỉ có tấm lòng, Nguyễn Trọng Tạo còn là “nhà” phát hiện tài năng văn học có đẳng cấp trong cả nước. Anh nhanh nhạy, sâu sắc, có khả năng “đọc” được các tiềm năng văn học dù chỉ mới đọc qua họ một bài, một chùm bài sáng tác đầu tay của họ. Chính nhà thơ Ngô Minh cũng rất khâm phục tài “đọc” tiềm năng văn học của Nguyễn Trọng Tạo.

Sau này, được quen biết, được uống rượu nhiều lần với Nguyễn Trọng Tạo, tôi thấy, anh luôn luôn quên mình là Nguyễn Trọng Tạo. Vui đến giọt rượu cuối cùng. Nhớ hôm liên hoan bế mạc trại sáng tác âm nhạc của Hội nhạc sĩ Việt Nam tại Vũng Tàu, Giám đốc nhà sáng tác Đỗ Mão cắn vào áo Nguyễn Trọng Tạo làm rách toạc cái áo anh đang mặc. Đỗ Mão cởi ngay cái áo của mình đưa cho Nguyễn Trọng Tạo và nói: Đây! Ông mặc cái áo này, đưa cái áo tôi cắn rách đây, cho tôi làm kỷ niệm. Kiến trúc sư Trần Tam Thiên - bạn Đỗ Mão thấy thế, bèn cởi ngay quần dài của mình ra để đổi quần với Nguyễn Trọng Tạo. Tôi thấy, cuộc đùa vui đã có phần hơi “quá trớn”, đã đến lúc phải dừng lại. Tôi sợ Nguyễn Trọng Tạo khó chịu, sợ anh nổi nóng lên thì có mà mất vui. Nào ngờ, anh cũng vui vẻ cởi quần dài ra trao đổi với Trần Tam Thiên ngay tại chỗ. Độ dài của hai vị khá là bằng nhau, nhưng vòng bụng của Trần Tam Thiên phải thua Nguyễn Trọng Tạo vài số. Một anh thì không cài khuy bụng được, còn một anh phải thắt túm quần lại.

Nguyễn Trọng Tạo là người đa tài. Điều đó nhiều người biết. Nhưng tôi còn nể anh ở sức làm việc, năng lực

làm việc. Nhớ lần tôi theo chân Nguyễn Trọng Tạo đến nhậu ở nhà họa sĩ Văn Sáng. Dọc đường, có điện thoại của báo Gia đình trẻ em hẹn đầu giờ chiều xin anh bài viết về Đại hội Nhà văn Việt Nam lần thứ VII vừa bế mạc. Nhậu riết, hết chai nọ đến chai kia, đến chiều, tôi sực nhớ ra anh còn nợ bài viết như đã hứa và nhắc anh. Nguyễn Trọng Tạo uống nốt ly rượu dở rồi mới ngồi vào bàn viết – khi anh cầm bài viết, chừng hai trang đánh máy A4 ra, nhậu tiếp, tôi phục lắm. Lại một lần khác, tại nhà khách Dầu khí cạnh nhà tôi, lúc nhậu về, cũng đã khá khuya. Tôi nằm lăn ra giường. Còn Nguyễn Trọng Tạo lôi máy laptop ra gõ cạch cạch. Tôi thiếp đi lúc nào không biết. Khi tôi tỉnh dậy, thấy Nguyễn Trọng Tạo gục đầu lên màn hình máy laptop ngủ ngon lành. Tiếng ngáy nghe êm đều như tiếng xe máy chạy rồ rồ. Tỉnh thức anh dậy lên giường ngủ nhưng thấy anh đang ngủ ngon lành quá, đành thôi. Gần sáng, thức dậy, tôi lại đã nghe tiếng gõ máy laptop lạch cạch rồi. Anh vừa làm xong cái trả lời phỏng vấn cho một tờ báo nào đó - để ngày hôm sau đã có thể “ngồi” với bạn bè cả buổi được!

Mỗi nhà văn có một phong cách lao động sáng tạo riêng. Các nhà văn lớn, theo chỗ tôi biết, thường có chút gì đó hơi đồng bóng, khác thường. Trời phú cho họ một trí nhớ tuyệt vời, một trí tưởng tượng tuyệt vời. Quá trình sáng tạo là quá trình nhập đồng, là sự thăng hoa của trí tưởng tượng. Tôi không định so sánh Nguyễn Trọng Tạo với những tài năng lớn, tôi chỉ muốn nói về phong cách lao động sáng tạo của Nguyễn Trọng Tạo có gì đó cũng nhập đồng, cũng thăng hoa khác thường. Anh làm việc trong một trạng thái không chuẩn bị sẵn, không theo một kế hoạch trước (hay chí ít anh cũng gây cho tôi cảm giác như vậy) mà bằng những cảm hứng.

Trường hợp ra đời của bài hát “Khúc hát sông quê” là một minh chứng cho điều đó. Đêm trước, khi tôi chờ Nguyễn Trọng Tạo về Nhà sáng tác, Nguyễn Trọng Tạo đã ở trong trạng thái lâng lâng bia rượu. Tôi bỏ tập bản thảo chừng 5 bài thơ trên bàn làm việc rồi về. Rượu là ngà, phòng mát mẻ anh ngủ một giấc ngon lành. Sáng hôm sau, khi tắm biển về, anh mới cầm mấy bài thơ của tôi đọc thử. Và, theo anh nói, chừng khoảng 30 phút, anh đã “ký âm” xong và anh hát thử bài hát “Khúc hát sông quê” và gọi điện cho tôi. Như mọi người đều biết, bài hát “Khúc hát sông quê” nhanh chóng tìm được cảm tình của người hâm mộ. Tôi luôn được anh coi là đồng tác giả, nhưng tôi biết, nhiều lắm, tôi cũng chỉ đóng vai trò gây cảm hứng sáng tạo cho anh. Cái làm nên âm hưởng ngọt ngào, vang vọng của bài hát chính là phút thăng hoa Nguyễn Trọng Tạo. Tôi đã học về học thuyết phản ánh của Lênin. Nhưng, tôi thấy, trong lao động sáng tạo đặc thù, đem học thuyết phản ánh của Lênin để giải thích là hơi bị khiên cưỡng. Cảm hứng sáng tạo là cái gì đó gần với duy tâm hơn. Nó ma thuật, vô thức lắm! Khi đọc cuốn “Tích hợp đa văn hóa Đông-Tây cho một chiến lược giáo dục tương lai” của Giáo sư Hoàng Phương, tôi thấy, ông giải thích về cơ chế hoạt động sáng tạo có phần đúng. Hình như ngoài con người Nguyễn Trọng Tạo bằng xương, bằng thịt như mọi người đều biết, còn có một Nguyễn Trọng Tạo, ở ngoài Nguyễn Trọng Tạo nữa. Một cơ thể Otten-lích trừu tượng nhưng có thực, đứng bên ngoài, đứng đằng sau Nguyễn Trọng Tạo sáng tạo ra các tác phẩm.

Đành thì tài hoa nào, sự thăng hoa nào cũng đều bắt nguồn từ một kiến thức thượng thừa. Mà kiến thức thì không thể bằng cách nào khác có được ngoài sự học, sự đọc, sự tích lũy, sự cày cuốc chăm bẵm trên từng trang sách. Có chăng, đây là sự hơn đời trong sự đọc, sự học của họ. Nguyễn Trọng Tạo đã tự học như thế nào, tôi không rõ. Nhưng tôi đã vô cùng ngạc nhiên khi đọc tạp chí Văn Học Nước Ngoài của Hội Nhà Văn, thấy anh có tên trong danh sách các nhà dịch thơ. Tạp chí Văn Học Nước Ngoài còn in một lúc gần bốn chục bài thơ dịch của anh. Tôi lại ngạc nhiên hơn, khi đọc cuốn “Văn chương cảm và luận” hơn ba trăm trang của anh. Ngoài cái khả năng phát hiện như tôi đã kể ở trên, Nguyễn Trọng Tạo còn bộc lộ một sức đọc, sức nhớ và sức vận dụng những tri thức khoa học để lý giải nhiều vấn đề mang tính học thuật của văn học, khiến các nhà lý luận phê bình văn học phải nể phục.

Tôi từng nghe bạn bè, người thân Nguyễn Trọng Tạo kể lại, Nguyễn Trọng Tạo vốn là một học sinh giỏi toán của trường cấp III Diên Châu. Đại sứ Ngô Quang Xuân cũng xác nhận, hồi cùng học cấp III với nhau, Ngô Quang Xuân cũng giỏi như Nguyễn Trọng Tạo, nhưng thua Nguyễn Trọng Tạo ở cái ngón đàn hát. Vì vậy, có một người đẹp mà cả hai cùng theo đuổi thì cuối cùng Nguyễn Trọng Tạo cuồn mát. Ngô Quang Xuân cú lắm. Ra nước ngoài, anh mày mò học thêm nhạc và học hát. Ngày tôi và Nguyễn Trọng Tạo gặp Ngô Quang Xuân tại khách sạn Mường Thanh (Hà Nội) Ngô Quang Xuân ôm đàn hát “Khúc hát sông quê” ngon lành.

Tôi có ông anh con bà cô ruột, nguyên là Trưởng ban Tuyên huấn đoàn 22, nơi mà Nguyễn Trọng Tạo từng làm trưởng đoàn văn công ở đó. Anh tôi, nhiều lần ca ngợi Nguyễn Trọng Tạo với tôi. Khi biết được ông em quen biết Nguyễn Trọng Tạo, lại có bài thơ được Nguyễn Trọng Tạo phổ nhạc hát trên tivi, ông anh tôi tự hào lắm! Ngày tôi và Nguyễn Trọng Tạo đến thăm anh, anh lôi chai rượu Tây ra và tuyên bố: Từ ngày anh bị tai biến mạch máu não đến nay, anh bỏ rượu, nhưng hôm nay anh phải uống với hai chú đến say mới thôi!

Từ Bắc chí Nam, Nguyễn Trọng Tạo có nhiều bè bạn. Không ít người mắc chứng “nghiện” Nguyễn Trọng

Tạo. Tôi từng chứng kiến có người, tiền Nguyễn Trọng Tạo lên tàu cánh ngầm xuống Vũng Tàu đi dự trại sáng tác xong, anh ta lại cưỡi con đi xe máy xuống Vũng Tàu, chờ đó, khi nào bác Tạo cần đi đâu thì chờ bác đi! Tôi cũng đã nhiều lần lảng lảng quan sát Nguyễn Trọng Tạo giữa đám đông, và thấy, ở đâu Nguyễn Trọng Tạo cũng là tâm điểm chú ý của đám đông. Hôm ăn thịt chó nấu theo kiểu Diên Châu tại khách sạn Mường Thanh, tôi thấy, ngoài ông Đại sứ WTO Ngô Quang Xuân, còn có anh Ngô Trí Nhân (anh ruột Ngô Quang Xuân) là thiếu tướng cục trưởng cục chiến tranh từ xa, lại có cả một ông thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và nhiều người nổi tiếng khác, nhưng Nguyễn Trọng Tạo vẫn “oách” nhất, được nhiều người nể phục nhất. Chẳng những Nguyễn Trọng Tạo có tài chinh phục đám đông, mà chính anh còn là người mang lại “hồn vía” cho đám đông. Trong bạn bè văn nghệ cũng vậy, Nguyễn Trọng Tạo đến đâu là làm cho câu chuyện ở đó, không khí ở đó bớt tẻ nhạt đi.

Vui là thế, nhưng khi cần Nguyễn Trọng Tạo cũng nóng nảy, quyết liệt. Anh không chấp nhận sự khoe giàu, hãnh tiến về địa vị hay tiền bạc trước đám đông. Anh có thể ngồi cả ngày (chính xác là 25 tiếng đồng hồ) được, nhưng sẵn sàng đứng dậy khi tiệc vừa bắt đầu, nếu không thích. Theo một hệ quy chiếu nào đó, thì Nguyễn Trọng Tạo cũng là người gặp không ít gặp ghềnh trên đường đời. Nhưng suy cho cùng, tất cả những khó khăn, khúc khuỷu, gặp ghềnh mà người nghệ sĩ phải nếm trải nó cũng chỉ làm cho họ thêm đầy đủ hơn “gia vị” ngọt, lạt, chua, cay của cuộc đời, để hun đúc nên chính họ. Hãy hình dung một Nguyễn Trọng Tạo chính khách, một nhà quản lý, một giáo chức, v.v... thì chưa hẳn đã có một Nguyễn Trọng Tạo hiện diện trong tâm hồn họ, trong sự quý mến của họ như là Nguyễn Trọng Tạo nhà thơ, nhạc sĩ, như là Nguyễn Trọng tạo là tác giả “*Làng quan họ quê tôi*” và “*Khúc hát sông quê*” nổi tiếng.

Tôi thăm nghĩ, làm Nguyễn Trọng Tạo cũng mệt thật. Vừa nhận được tin nhắn của anh đang ở Điện Biên, đang uống rượu, múa xoè với các em Thái Trắng ở Điện Biên, ít hôm sau lại nhận được tin anh và Nguyễn Thụy Kha đang trên đường hành phương Nam. Đi đến đâu Nguyễn Trọng Tạo cũng được săn đón, và, nhậu thâu đêm suốt sáng. Ngay như ở Hà nội, ở Huế, ở Vũng Tàu...hễ Nguyễn Trọng Tạo có mặt là lại vui như tết. Tôi không hiểu anh lấy đâu ra sức lực để vui với tất cả hàng lô, hàng lốc bạn bè khắp cả nước như vậy! Nguyễn Trọng Tạo còn rất mệt với điện thoại di động. Người hâm mộ anh khắp cả nước. Họ hừng lên lúc nào là gọi cho anh lúc ấy. Rất nhiều trong số họ chưa từng gặp Nguyễn Trọng Tạo lần nào. Họ có số điện thoại của anh là vừa điện hỏi thăm đâu đó, tệ hơn, họ gọi cho anh lúc đã say ngất ngưỡng, giọng rượu khê đặc. Nhiều cuộc điện thoại dai như đĩa, dứt không ra. Tôi cũng không ít lần gây phiền toái cho anh, chỉ vì người ta mê bài “Khúc hát sông quê” quá, gặp Lê Huy Mậu chưa đã, phải nói được vài câu với Nguyễn Trọng Tạo mới chịu. Có lúc tôi cũng “buồn” anh, đang ngồi với mấy ông quan khách nhưng mê “sông quê” như điếu đổ, nhận hết công lênh về mình thì xấu hổ, đành phải khai là của Nguyễn Trọng Tạo thôi, và thế là người ta đòi nói chuyện với Nguyễn Trọng Tạo. Tôi run lẩy, nhớ Nguyễn Trọng Tạo đang bực bỏ điều gì, lão câu tiết lên thì bỏ mẹ. Nhưng hình như Nguyễn Trọng Tạo biết mình là Nguyễn Trọng Tạo, nên chấp nhận “thương đau”, hầu chuyện khắp cả nước. Anh còn kể, khi ra nước ngoài, phải mở máy liên hệ, làm việc gì đó với bạn bè trong nước, nhưng làm việc thì ít mà phải nghe điện thoại thăm hỏi, chuyện trò và hò hát thường xuyên. Anh là người phải trả tiền cho tất cả những cuộc gọi đi từ trong nước. Vậy mà vẫn nghe...

Làm Nguyễn Trọng Tạo mệt thật! Và, biết làm sao được, Nguyễn Trọng Tạo lại vẫn phải đóng vai Nguyễn Trọng Tạo trong cái đất nước Việt Nam tươi đẹp này thôi. Và hơn thế nữa, anh còn phải đóng vai Nguyễn Trọng Tạo vì người Việt Nam yêu nước ở nước ngoài, bởi Nguyễn Trọng Tạo là của họ, là niềm tự hào của họ trước bạn bè thế giới../.

Vũng Tàu, 3/8/07

LÊ HUY MẬU

Thành phố Gyeongju một lần tôi đến

Võ Quê

Hàng năm vào dịp tháng 4, người dân Hàn Quốc trong cả nước cùng du khách trên thế giới về thành phố Gyeongju dự lễ hội truyền thống mang tên “Lễ Hội Rượu Và Bánh Hàn Quốc 2007” (Korea Traditional Drink And Rice Cake Festival 2007 In Gyeongju). Năm nay là năm thứ 10, ban tổ chức lễ hội đã mời thêm rượu, bánh của hai thành phố di sản thế giới Tây An (Trung Quốc), Nara (Nhật Bản). Riêng Huế, thành phố di sản thế giới của Việt Nam được mời tham dự với Nhã nhạc cung đình Huế, Ca Huế và biểu diễn mở đầu chương trình khai mạc lễ hội. Ngài thị trưởng thành phố Gyeongju đã trang trọng chào mừng đoàn nghệ thuật Huế đến từ Việt Nam: “Chúng tôi được biết Nhã nhạc cung đình Huế, Việt Nam đã được Unesco công nhận là một di sản văn hóa nghệ thuật

quý của thế giới và Festival Huế là lễ hội có quy mô nổi tiếng và mang tính quốc tế. Nhân dịp này, xin mời đoàn hãy tự giới thiệu sự nguy nga tráng lệ của Nhã nhạc cung đình Huế tại lễ hội bánh và rượu của chúng tôi”.

Tại lễ hội này chúng tôi đã được nghe người Gyeongju giới thiệu: “ Với người Hàn Quốc, vui uống rượu, buồn cũng uống rượu. Và bánh là một loại thực phẩm đặc sắc, luôn gắn bó trong cuộc sống thường nhật của người Hàn Quốc. Năm nay, lễ hội được tổ chức quy mô hơn. Hướng tới, lễ hội sẽ mang tính quốc tế hơn với sự tham dự của nhiều nước anh em. Nếu như rượu được chế biến bằng phương pháp truyền thống, có sức quyến rũ từ hương và vị thì bánh được làm với không khí dân gian, khi buồn, lúc vui cùng nhau san sẻ và lễ hội rượu và bánh của người Hàn Quốc chúng tôi được xem là một trong những phong tục đẹp.”

Trong không gian thoáng đạt, cờ hoa rực rỡ muôn hồng nghìn tía, chúng tôi đã có dịp nhìn ngắm hàng trăm gian hàng giới thiệu tại chỗ từ nguyên liệu làm bánh đến các khuôn mẫu, khâu chế biến, các công đoạn ban đầu đến khi hình thành sản phẩm. Hàng trăm loại bánh được làm từ bột gạo tẻ, gạo nếp, khoai tây, bột ngô, bột kê, cao lương, chuối, các loại đậu đỗ...với nhiều hình thức, sắc màu, hương vị khác nhau. Và rượu thì cũng rất phong phú, đa dạng chủng loại được chứa đựng trong nhiều hình thức mẫu mã chai, lít, hũ, bầu...bằng gốm, sành sứ, thủy tinh rất tinh xảo, đẹp mắt có sức lôi cuốn thu hút, kích thích sự ham muốn được nhấp cạn men nồng của người đến dự lễ hội.

Và không chỉ được nhìn ngắm rượu và bánh, chúng tôi còn được các chủ gian hàng mời nhâm nhi nhiều thứ rượu đậm đà hương vị lạ, kỳ thú; mời thưởng thức các loại bánh mặn ngọt rất hấp dẫn. Các gian hàng rượu, bánh của Trung Quốc, Nhật Bản cũng được sự hưởng ứng nhiệt thành của công chúng Hàn Quốc bởi hai thành phố Tây An và Na Ra đã mang đến những hương vị ẩm thực lạ cho người bản địa.

Trong những ngày ở thành phố Gyeongju, các chương trình biểu diễn Nhã nhạc cung đình, Ca Huế đã tạo sự quan tâm đặc biệt của công chúng hàn Quốc và du khách tại lễ hội. Hòa thanh,, tiết tấu của nghệ thuật âm nhạc cổ truyền Huế đã có sức cuốn hút tình đồng điệu, mỗi đồng cảm từ người thưởng ngoạn. Các tiết mục đại nhạc Mã Vũ, Du Xuân, Tàu Mã...những bài tiểu nhạc Ngũ Đối Thượng, Ngũ Đối Hạ, Long Ngâm, Tiểu Khúc... cùng các làn điệu Ca Huế đã mang đến lễ hội một sắc thái mới lạ, truyền cảm. Hình ảnh nón lá Huế, áo dài tím Huế trong tiết mục “Nón quê em” cũng hòa sắc sinh động giữa không gian lễ hội chứa chan tình hữu nghị Việt-Hàn. Những chiếc nón bài thơ xứ Huế được tặng cho khán giả ngay sau khi kết thúc phần biểu diễn đã được người Gyeongju hân hoan tiếp nhận với những nụ cười thân thiện, hiếu khách.

Thành phố Gyeongju ngày nay trong lịch sử đã từng là cố đô thuộc triều đại Sinla kéo dài hàng ngàn năm và được mệnh danh là “thành phố bảo tàng không có mái” hay “thành phố bảo tàng mở” vì có nhiều di tích lịch sử văn hóa, nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng được Unesco công nhận là di sản văn hóa thế giới như Khu lăng mộ Gumgwangchong và Cheomachong, Làng cổ Yangdong nằm ở thung lũng Seolchong, Đài Thiên văn Cheomseongdae...Với một hệ thống nhiều di sản văn hóa thế giới như thế, người dân Gyeongju đã ra sức tập trung gìn giữ bảo tồn cũng như quảng bá, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc một cách triệt để, có hiệu quả. Chúng tôi đã có dịp chứng kiến không khí nhộn nhịp, đông đảo ở một số bảo tàng lịch sử, văn hóa của thành phố này với hình ảnh các đoàn thanh niên, thiếu niên, nhi đồng, các đoàn sinh viên học sinh đến tham quan một cách chí thú khác hẳn không khí trầm lặng của những bảo tàng ở xứ mình. Chính sự trân trọng bảo tồn, giáo dục truyền thống ấy mà thành phố Gyeongju đã trở thành một điểm đến lý tưởng cho các tầng lớp nhân dân Hàn Quốc và du khách trên thế giới.

Trong những ngày ở Gyeongju, ngoài các chương trình biểu diễn giới thiệu âm nhạc truyền thống Huế, đoàn chúng tôi còn được mời tham quan, tìm hiểu, học hỏi những công trình văn hóa, những giá trị lịch sử của một trong những thành phố cổ, xinh đẹp của xứ sở kim chi. Qua những gì tiếp thu được từ thành phố Gyeongju, tôi không khỏi liên tưởng đến Huế, thành phố cố đô yêu dấu của mình. Huế không những có nhiều loại rượu, bánh ngon, độc đáo mà còn rất nhiều loại hình văn hóa vật thể, phi vật thể khác có thể tổ chức nhiều lễ hội định kỳ quanh năm mang tính quốc tế. Để làm được điều ấy, theo tôi Huế đang hướng tới việc định hình một đội ngũ có trình độ chuyên nghiệp cao về tổ chức lễ hội. Thêm nữa, những người có trách nhiệm luôn chân thành, tâm huyết, có tầm nghĩ, tầm nhìn nhằm tập hợp trí tuệ, chất xám của những người tài hoa từ muôn phương về với Huế, một thành phố đang có nỗ lực mong muốn là thành phố festival của cả nước. Đã có thời Huế từng là nơi giàu lực hút và tỏa tài năng, trí tuệ, tôi tin Huế đang tích cực để cho sức hút và tỏa ấy ngày càng sung mãn, ngày càng hoàn thiện nhằm có một “Huế luôn luôn mới” trong tâm thức những người yêu Huế.

[võ quê](#)

Lên núi tìm hoa

[Bích Ngân](#)

Từng người lần lượt xuống xe. Nhà văn Cao Duy Thảo, Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Khánh Hoà, với tư cách “chủ nhà” và là người trực tiếp đưa đoàn khách văn - những trại viên của trại viết tiểu thuyết năm 2003 của Hội nhà văn TP.HCM, đến khu du lịch Ba hồ, nơi cách thành phố Nha Trang hơn 20 cây số. Dừng lại bên lối đi, anh Thảo thân thiện nói với mọi người: “Cứ thông thả để đủ sức đi hết ba hồ!”.

Đoàn người, kẻ trước, người sau, chậm chậm đi theo con đường mòn nằm dọc theo dòng suối. Tiếng suối rì rào. Tiếng chim ríu ra ríu rít, không sao phân biệt được đâu là tiếng hót của chích choè, của chim sáo, chim cu v.v... chỉ biết đó là bản hòa âm tử mở cửa rừng và suối trong nắng mai.

Nặng lệt qua kẽ lá. Nặng vương trên vai, trên tóc. Nhìn nặng, nhìn những mái tóc ngả màu sương, tôi chợt nhận ra, đa số thành viên trong đoàn đều cao tuổi. Và có lẽ, một phần do sức nặng của tuổi tác mà nhiều người, dù rất muốn, cũng đành dừng lại bên những tảng đá được thời gian đục đẽo, bào mòn có thể làm chỗ ngồi, chỗ dựa hoặc chỗ nằm thoải mái giữa lòng suối cạn. Nhà văn Thùy An, trước khi lên xe trông chị tươi trẻ hăm hở, bởi trước đó mấy phút, chị nhận được cú điện thoại từ Hà Nội của đạo diễn Lê Đức Tiến, giám đốc hãng phim Giải phóng, chính thức báo tin kịch bản phim truyện: *“Tiếng dương cầm trong mưa”* của chị đã được duyệt và chuẩn bị thực hiện; vậy mà chỉ sau gần hai cây số đi trên con đường thoai thoải dốc, trông chị bơ phờ. Nhà văn Kim Hải, người viết khá sung sức với hàng loạt truyện dài không chỉ dành cho thiếu nhi, lại dễ dàng đuối sức sau hai mươi phút lên dốc. Nhìn gương mặt đỏ lựng vì mệt của Thùy An, Kim Hải, hai cây bút quen thuộc của *“Tuổi hoa”* ngày nào, tôi thấy se lòng, biết tuổi hoa đã rời xa hai chị, dấu kỷ ức tuổi hoa, tình yêu tuổi hoa vẫn chan chứa trên từng trang viết của các chị. Khác với Thùy An, Kim Hải; nhà văn Minh Quân như quên đi tuổi tác. Bốn ngày sống bên chị (tôi gọi chị bởi tâm hồn trẻ trung của chị, chứ về tuổi đời, tôi chỉ bằng con út của chị) ở Nhà sáng tác Nha Trang, tôi được chị “tiếp sức” mới có thể đuổi kịp chị: chạy ra bãi tắm, vùng vẫy, nô đùa; chạy dọc theo bờ biển đón bình minh hay nhìn hoàng hôn... Chị chân thành bộc bạch, nhất là bộc bạch niềm khao khát được đi, được cảm, dù chị đã chu du nhiều nơi, nhiều nước. Nhìn Thùy An, Kim Hải thở ngắn thở dài, lão nhà văn Minh Quân nói khích: “Hai mi dựa nhau mà ngủ, tau leo núi lên tắm nước hồ đây!”. Dứt lời, tác giả của *“Những ngày cạn sữa”* quay lưng, bước đi. Bất ngờ, đôi chân bỏ dép vấp vào một gờ đá, trượt té. Chân phải của chị chuối xuống một khe đá. Thùy An, Kim Hải bật dậy, lật đật kéo nhà văn Minh Quân lên. Bàn chân chị đỏ tấy, đầu gối phải cũng xây xát. Chị xoa chỗ đau, nhìn tôi, âm ỉ tiếc: “Em đi đi, nhớ mức nước hồ về cho chị!” rồi chị lôi từ trong túi ra chiếc bọc ni-lon dúi vào tay tôi. Cầm chiếc túi nhựa trong tay, tự dưng, tôi thấy cay cay nơi sống mũi. Niềm háo hức được leo núi tắm hồ của chị Minh Quân chỉ còn là ao ước. Thế là, sau hai mươi phút đi theo con đường mòn thoai thoải dốc, đoàn người tiếp tục leo núi chỉ còn lại các nhà văn: Thanh Giang, Trần Thanh Giao, Cao Duy Thảo, Lê Văn Duy, Tố Hoài, tôi và hai nữ cán bộ của Hội VHNT Khánh Hòa là chị Lan, chị Ngọc.

Càng lên cao địa hình càng hiểm trở. Gần như chưa có lối mòn. Cỏ cây và nhiều loại dây leo phủ kín lối đi. May là có những mũi tên chỉ đường. Những mũi tên bằng nước sơn màu đỏ được vẽ lên những phiến đá. Những phiến đá rong rêu, trơn trượt với hình dáng, kích cỡ khác nhau, chông xếp lổ xồ hoặc rời rạc, lờm chờm. Lăn theo những mũi tên, leo lên, tụt xuống, mồ hôi vã ra, ngoảnh lại, thấy đoạn đường vừa đi được chỉ chừng mười mét. Cứ thế, người sau lần theo dấu chân người trước, chúng tôi đến được hồ thứ nhất.

Gọi là hồ chứ thực ra là cái ao nước trong soi rõ mây trời, soi rõ sắc màu những cánh bướm rập rờn, lúc la đà trên mặt hồ, lúc chấp chới bám vào vách đá, lúc nhả nhả đáp trên những cành lá trổ hoa tím tím. Sau những tảng đá và những lùm cây rậm rịt thấp thoáng hai bóng người lúi húi vớt lá rụng và các thứ rác mà khách vớt lại trong chuyến du ngoạn. Sau một lúc nghỉ chân, đoàn tiếp tục đi.

Khoảng cách giữa hồ thứ nhất và hồ thứ hai càng khó vượt. Dù chưa một lần đặt chân đến triền núi này, nhà văn Cao Duy Thảo vẫn xung phong đi trước. Không còn nhìn thấy những mũi tên sơn đỏ, anh Thảo vừa đi vừa mở đường. Nhiều đoạn quá cheo leo, chúng tôi vừa bám ngón chân vào đá, vừa nắm lấy những thân le ngã rạp trên lối đi. Khi xuống dốc, lại càng thận trọng. Ai cũng bám và nương theo những thân le dẻo dai.

Đến được hồ thứ hai, đếm quân số thấy thiếu hai người. Chúng tôi ngồi thở và lau mồ hôi trên những phiến đá lộ nhô quanh bờ hồ. Không nói ra nhưng có lẽ ai cũng ngóng chờ anh Thanh Giang và anh Thanh Giao, hai nhà văn vốn miệt mài đi, miệt mài viết, đã có số “vốn liếng” lên đến hàng ngàn trang sách với cuộc hành trình hàng vạn dặm dọc ngang đất nước; và không dừng lại đó, sau trại viết lần này, anh Thanh Giang sẽ hoàn tất bộ tiểu thuyết *“Sóng Hàm Luông”* hoành tráng chất sử thi, anh Thanh Giao thì như đang dồn hết tâm lực cho một tác phẩm dài hơi.

Đợi gần nửa giờ chẳng thấy bóng dáng anh Giang, anh Giao; anh Thảo nhìn những người có mặt, hỏi: “Chúng ta có đi tiếp lên hồ ba?”. Chị Lan, chị Ngọc, hai người phụ nữ lần đầu tham gia cuộc leo núi, cùng nói: “Các anh đến đâu, chị em chúng tôi đến đó!”. Nghe cánh phụ nữ nói như thế, anh Thảo, nhà văn ngấp nghé tuổi lão như trẻ và khoẻ ra. Rời chỗ ngồi, anh Thảo nhẹ nhàng tụt xuống một gờ đá gie ra mặt hồ và nhảy sang bên kia bờ hồ. Men theo bờ đá anh đi thêm một đoạn nữa và đành khựng lại vì mất lối. Vách đá sừng sững bao bọc chung quanh, trông anh Thảo như đứng chênh vênh trên miệng vực. Thấy lo, tôi vội ngăn: “Anh Thảo ơi, quay lại đi, nguy hiểm lắm!”. Anh Duy đang căng mắt tìm đường, lên tiếng: “Nguy hiểm cũng có thể vượt qua, chỉ sợ lạc đường, đi hoài không tới!”. Nhìn vẻ mặt bồn chồn của anh Duy, tôi đoán chắc anh đang nhớ lại những năm tháng vượt sông băng rừng, nhớ những ngày tháng khốc liệt của cuộc chiến tranh. Dự trại viết lần này, anh Duy miệt mài chỉnh sửa bộ tiểu thuyết dày 500 trang, trong đó tái hiện phần nào nổi gian truân thần thánh mà con người phải vượt lên trong cuộc kháng chiến vệ quốc.

Anh Thảo trở lại ngồi trên phiến đá, cũng bồn chồn đưa mắt nhìn quanh. Tôi cũng đưa mắt tìm kiếm với hy

vọng lối lên hồ đầu đó quanh đây, có thể bị che khuất bởi một tảng đá hay một thân cây cổ thụ. Tuy nhiên, cái lối đi chưa tìm thấy khiến mọi người thắc thỏm. Nhà văn - bác sĩ Tố Hoài thốt lên: “Thôi, đành ngồi đợi hai người vớt lá đến đây nhờ họ chỉ đường!”.

Trong lúc chờ người vớt lá rừng, tôi lại nhớ cái điều tưởng như không ăn nhập gì với “hoàn cảnh” hiện tại; tôi nhớ lời phát biểu của nhà văn Nguyễn Gia Nùng trong cuộc Hội thảo về tiểu thuyết (do Hội Nhà văn TP.HCM và Nhà sáng tác Nha Trang tổ chức) cách mấy ngày trước đây. Anh Nùng khẳng định: người viết chúng ta có tài nhưng bị ức chế nhiều quá; ngồi bút chưa được giải phóng không phải do tác động bên ngoài mà do chính bản thân, do thói quen giấu mình, thói quen né tránh, thói quen không dám bộc lộ...

Và cái thói quen tự giới hạn mình cũng đang có trong tôi. Khi không thấy bóng dáng của hai người đàn ông vớt lá (có lẽ họ quay lại hồ), tôi thở phào, thấy như nhẹ người và trầm nghĩ: nếu có người chỉ đường thì sẽ phải trầy trụa thịt da đây! Tôi vội nói với anh Thảo: “Đừng chờ nữa, anh em mình về thôi!”. Nói xong tôi men theo một gò đá, định cúi xuống mặt hồ mức đầy một bịch nước như lời dặn của chị Minh Quân; tới lúc đó, tôi mới biết cái túi ni-lon đã rơi mất trên đường.

Quay xuống hồ 1, chúng tôi gặp hai đứa trẻ trạc tuổi mười một mười hai. Chúng nhảy chân sáo từ phiến đá này sang phiến đá khác. Tôi dừng lại, bắt chuyện với chúng và được biết, ngày nào anh em hai đứa trẻ cũng leo núi lên hồ lợm vỏ lon, vỏ hộp về đổi gạo; khi ít, khi nhiều, ngày nào cũng góp phần phụ giúp mẹ cha. Tôi hỏi chúng khoảng cách từ hồ 2 sang hồ 3. Thằng em nhanh nhẩu trả lời: “Tụi cháu đi khoảng mười phút, đi tắt còn lẹ hơn. Tụi cháu cũng lên đó, cô đi không?”. Nhìn mồm hôi lấm tấm trên vai trên cổ những người cùng đi, tôi biết không một ai còn đủ hào hứng để quay trở lại, để lại đi tiếp con đường chưa đi, dù chỉ phải mất có 10 phút, chỉ 10 phút sẽ đến được cái hồ nước cuối cùng - cái khoảng thời gian thật quá ngắn, ngắn như một tích tắc so với cuộc hành trình đằng đẵng của một đời người; hơn nữa, mặt trời đã lên cao.

Chúng tôi trở lại chỗ lòng suối cạn và gặp lại đủ mặt. Anh Thanh Giang, Thanh Giao đang ngồi ghéch chân trên một mỏm đá. Thấy chúng tôi, hai anh cũng mở rộng nụ cười. Nhưng hình như cười mà trong ánh mắt không lóng lánh niềm vui.

Thức ăn được bày ra. Có rất nhiều thứ: xúc xích, patê, giò lụa, bánh mì Đức Phát, nước suối La vie...nhưng hình như thiếu cái gì đó. “Cái gì đó” có lẽ là thiếu sự hứng khởi của một chuyến du ngoạn, thiếu cái cảm giác được phiêu lưu, được khám phá và chinh phục. Còn tôi, lại cảm nhận rất rõ sự khuất phục của con người trước thời gian. Tảng đá này, con suối này, cánh rừng này, khoảng trời này và cả những cái hồ nho nhỏ trong veo trên lưng chừng triền núi nữa... dẫu mười năm, năm mươi năm hay trăm năm nữa có lẽ chúng chẳng thay đổi là bao. Nhưng những người ngồi đây, những mái đầu đã bạc, những đôi chân đã mỏi, liệu còn có dịp để một lần nữa, quay lại nơi này! Và tôi cũng hiểu vì sao nhà văn Minh Khoa với biệt danh là “Tám Khoẻ” (tên một nhân vật trong tác phẩm *Người ven đò* của ông) giờ đã không còn đủ khoẻ để đến được lòng suối cạn này (ông đang ở lại Nhà sáng tác) cứ tranh thủ từng giây cặm cụi bên trang bản thảo, bởi ông biết thời gian phía trước còn ít lắm.

Vừa nhai bánh, vừa dõi mắt theo sự di chuyển nhẹ nhàng của những con gọng vó trên mặt nước, nhà văn Cao Duy Thảo chợt nói: “Ước gì con người ta cũng nhẹ như thế để bay lên!”. Tôi thì lại ước, nếu được bay, tôi sẽ bay lên hồ 3, cái hồ cuối cùng mà chúng tôi chưa tới được, để mức đầy bịch nước trong veo đem về cho chị Minh Quân.

Nha Trang, 09/06/2003

BÍCH NGÂN

Nén nhang cho người bạc mệnh

Phạm Ngọc Lư

Con đường nhỏ tráng xi măng vào nhà cổ thi sĩ Nguyễn Nho Sa Mạc ở thôn Bồng Lai khá thơ mộng với hai hàng cau thẳng tắp, những hàng chè tàu trồng đã lâu đời được cắt tỉa tỉ mỉ, công phu. Anh Nguyễn Nho Châu (em ruột của NNSa Mạc) chống gậy ra cổng đón chúng tôi. Châu thoát chết sau cơn bạo bệnh nhưng nay chân tay run rẩy yếu ớt, đi đứng không được bình thường như trước nữa. Ngôi nhà ngói cũ, tường vôi, cột kèo bằng gỗ, nơi mà NNSa Mạc đã sống thuở thiếu thời vẫn không thay đổi mấy qua đặng đặng bề dâu. Thấy chúng tôi đến, mẹ anh bật khóc khiến mọi người rơm rớm nước mắt theo. Đa số anh em chúng tôi đều đã mất mẹ từ lâu nên rất bồi hồi khi bất ngờ được thấy thân mẫu tác giả Vàng lạnh còn tại thế. Châu cho biết, bà cụ sinh năm 1910, Tết Đinh Hợi này đã 98 tuổi, tuổi đại thọ. Đây là bà mẹ quê chơn chất nhân hậu đã sinh ra một nhà thơ trẻ tài năng và chính NN Sa Mạc đã rưng rưng nhắc đến trong bài *Cuộc đời* :

Mẹ già ăn khoai sắn
Nuôi con lớn chừng này
Đời vẫn còn tay trắng
Nuốt từng quả đắng cay.

Chúng tôi đặt ít lễ vật đạm bạc lên bàn thờ anh cùng với tập Vàng lạnh và Thư Quán Bản Thảo số 26 do cơ sở Thư Ấn quán của Trần Hoài Thư và Phạm Văn Nhân ấn hành *“như là một tấm lòng... về một nhà thơ tài hoa bạc mệnh”*. Trước di ảnh của NN Sa Mạc, Uyên Hà đại diện anh em, đốt nhang, rót rượu và “thưa” với anh về những gì mà lâu nay các thân hữu trong nước và ngoài nước đã làm để phục hồi tên tuổi của anh và thơ anh, dấu rằng hơi muộn nhưng chắc rằng hôm nay, trong ngày giỗ thiêng liêng này, hương hồn anh sẽ toại nguyện... Nhìn lên ảnh NN Sa Mạc, chúng tôi thấy anh đang cười, cười nhưng có vẻ còn suy tư gì đó...

Rất tiếc chúng tôi không thể đến xã Điện Nam, cách Vĩnh Điện hơn 10 cây số để viếng mộ anh, xem nơi anh yên nghỉ đời đời có đúng như anh từng linh cảm khi còn sống :

*“Máu sẽ khô xin tim này đừng rung.
Giữa hư vô phần mộ nhỏ yên nằm”.*

Mấy năm nay quán cà phê Thạch Trúc Viên của Đinh Trầm Ca ở Vĩnh Điện đã trở thành nơi thỉnh thoảng gặp nhau của một số bạn bè văn nghệ gần xa, cũ và mới. Quán được kiến trúc và trang trí rất thơ mà cũng rất dân gian : hầu như toàn thể đều bằng vật liệu mây tre nửa lá; tả hữu lại có mấy cánh đồng lúa xanh và những lũy tre già phối cảnh. Mới tháng trước, Lê Văn Trung từ Đồng Nai mang tập thơ Cát bụi phận người của mình về đây giới thiệu, đông đảo bằng hữu đã đến tham dự. Chiều nay, nhân ngày giỗ thứ 43 của NN Sa Mạc, cũng ở Thạch Trúc Viên, lại tề tựu một số bạn văn chương cùng thời, bạn đồng môn và những người yêu thơ NN Sa Mạc ở Điện Bàn, từ Đà Nẵng vào, từ Hội An lên cùng với các người em trai em gái và bà con của anh.

Đinh Trầm Ca dẫn chương trình, chậm rãi, trang trọng. Trước chân dung NN Sa Mạc có tập Vàng lạnh, TQBT 26, hoa và rượu. Sau khi “tương tiễn tửu” hương hồn cố thi sĩ, NN Châu thay mặt gia đình tri ân mỗi thâm tình văn chương mà bằng hữu gần xa đã dành cho anh mình. Tựa hai tay vào chiếc gậy để giữ thể đứng, giọng Châu nghẹn ngào cảm xúc khi kể lại thời niên thiếu của NN Sa Mạc cũng như cái chết bất ngờ của anh trai mình, *“... cả đêm hôm đó, không hiểu sao tôi cứ bồn chồn không ngủ được. Sáng hôm sau, tôi còn nhớ, đó là buổi sáng ngày chủ nhật, trên bộ phận giữa nhà, ba tôi và bác tôi đang ngồi uống trà chờ anh Bửu ở Đà Nẵng về ăn Tết... 8 giờ sáng có người ở Đà Nẵng đạp xe vào báo tin anh Bửu đã chết... Ba tôi ngã xuống đất bất tỉnh, còn bác tôi nằm ngửa ra giữa nhà kêu trời than khóc...”*. Có lúc giọng Châu trở nên khảng khái hùng hồn khi anh phản bác một cây bút của miền Bắc sau 1975 đã viết rất sai lệch và xuyên tạc NN Sa Mạc. Anh nói, *“cũng may, bây giờ cha con tôi không còn nóng nữa, bằng không, nhà văn nọ sẽ “mệt” với tôi”*.

Sau những năm dài lặng lẽ làm ăn, bước vào tuổi lục thập, bỗng dưng Uyên Hà “nổi máu” văn nghệ lại, dĩ nhiên chín chắn hơn, cẩn trọng hơn, chứ không thể tung hê hết mình như thời thanh xuân cùng Phương Tấn, Xuân Thao, Lữ Thứ, Yên Nguyên Thanh... làm Rừng và Vỡ. Có thể nói sự ra đời của Vàng lạnh có sự đóng góp tâm huyết và công sức rất lớn của anh, sau khi nghe anh Luân Hoán gợi ý. Khi nhận được 2 tập Vàng lạnh do TH Thư và PV Nhân gửi về, Uyên Hà đã bỏ tiền ra nhờ người in lại 20 tập nữa gửi cho gia đình NN Sa Mạc như là một nén nhang dâng lên hương hồn cố thi sĩ trong ngày giỗ thứ 43 này. Cũng chính Uyên Hà lâu nay đang xin giấy phép để xuất bản Vàng lạnh; anh nói, *“nếu như cả tập thơ không bị xoá bỏ bài nào, câu nào thì anh sẽ kết hợp với NN Châu để in và phổ biến rộng rãi trong năm 2007 này”*.

Hai mươi tập Vàng lạnh ít ỏi ấy chiều nay được NN Châu “thay mặt hương hồn” anh mình, ký tặng cho những bằng hữu yêu thơ NN Sa Mạc. Rất tế nhị, những người bạn khi nhận Vàng lạnh đều bỏ ít tiền vào bì thư gửi lại cho gia đình gọi là *“một chút lòng”* để sau này nhang khói cho nhà thơ tài hoa bạc mệnh. Quả như Nguyễn Du đã chiêm nghiệm, xưa nay, *“chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau”*; từ cái cảm xúc bùi ngùi đó, Vàng lạnh 1, Vàng lạnh 2, Sinh nhật, Mùa xuân của một người và các bài thơ khác lần lượt được các bạn bè tham dự diễn ngâm với lòng băng khuâng, nỗi ngậm ngùi cùng tiếng sáo, tiếng đàn tranh phụ họa. Đặc biệt bài Sinh nhật được đọc và ngâm đến mấy lần. NN Sa Mạc viết Sinh nhật vào tháng 1 năm 1964, trước khi anh từ trần năm ba hôm gì đó thôi, nên có thể đây là bài thơ tuyệt mệnh với hai câu kết gần như là một tiếng than não nuột của một người biết mình sắp tới giờ lâm chung :

*“Hỡi ơi khi ở trong lòng mẹ.
Ta muốn đi cho trọn kiếp người”.*

Theo chúng tôi, Sinh nhật là bài thơ hay nhất trong tập Vàng lạnh.

Thời gian trôi qua nhanh quá, mới đó mà một cái Tết nữa sắp đến, mới đó mà NN Sa Mạc ra đi đã 43 năm rồi, những người bạn còn lại của anh chiều nay cùng nâng ly rượu bồi hồi nhìn nhau : tóc đã bạc, ý chí đã mòn ! Chúng tôi lại nhìn lên di ảnh NN Sa Mạc: chỉ có anh là trẻ mãi, bởi vì anh chỉ “*sống trên đời vừa đúng hai mươi năm*”. Bên ngoài, nắng chiều vàng tươi ấm áp, nắng rọi thẳng vào Thạch Trúc viên, đan vào những bàn ghế mây tre chúng tôi đang ngồi, đọng lại trên chân dung NN Sa Mạc và tập Vàng lạnh. Chiều nay và có lẽ từ nay, Vàng lạnh sẽ không còn “lạnh” nữa. Người bạn ngồi cạnh tôi chợt nói, “*giả như ngày xưa NN Sa Mạc là cử nhân tiến sĩ, hoặc là quan lớn này ông lớn nọ thì hôm nay cũng đã vô danh cùng cát bụi. Nhờ có thơ mà tên tuổi anh còn sống. Đó là hạnh phúc của người làm văn chương...*”. Đúng vậy. Tất nhiên phải là thứ văn chương chân chính, trung thực !

PHAM NGOC LƯU

Chuyện chính ủy - nhà văn cắt tay ngắn, vẫn viết dài

Nguyễn Khắc Phê

Huế, một chiều mưa rả rích. Trong căn nhà - vườn vắng lặng, tiếng chuông điện thoại vang lên lảnh lỏi ... Tôi là Việt Phương... - A! Chào lão tướng! Nghe nói anh đi Quảng Trị về, bị “tai biến”, liệu còn viết lách gì được nữa không?

Nhà văn Nguyễn Việt Phương (trái) và tác giả

- Nhờ Trời, chưa chết! Vừa in xong cuốn sách về “đường Hồ Chí Minh” trên những dòng sông Quảng Trị, đem vào tặng bạn đây.

- Anh đang ở đâu đó?

- Đang ở Huế đây...

Thế là tôi lên xe, tuy trời đang mưa và con mắt còn lại của tôi dạo này đang bất ổn (con mắt kia của tôi đã “hy sinh” cho “mặt trận” cầu đường năm xưa). Tôi đang mong có dịp được gặp lại ông...

Tròn 40 năm trước - quãng năm 1965 -1966, thời kỳ giặc Mỹ tập trung đánh phá ác liệt vào đường 12A dưới chân đèo Mụ Dạ (một đầu mối quan trọng của đường Hồ Chí Minh), khi tôi còn là một cán bộ kỹ thuật phụ trách công tác bảo đảm giao thông thuộc công trường 12A, tôi đã nghe danh tiếng Nguyễn Việt Phương (NVP) - vị Chính ủy Binh trạm 12 thuộc Đoàn 559.

Chúng tôi cùng ở quanh khu vực lèn đá bên Khe Ve (huyện Minh Hoá, miền tây Quảng Bình) - nơi ngày xưa vua Tôn Thất Thuyết và vua Hàm Nghi lập căn cứ chống Pháp sau khi rời kinh đô Huế.

Cùng một địa bàn, nhưng tôi là anh kỹ thuật ngành dân sự, lại còn là “bạch đinh” dễ gì làm quen được với một Chính ủy lừng danh. Tôi chỉ thấp thoáng thấy ông đôi lần khi ông ghé thăm cô cán bộ kỹ thuật T., nghe đâu là đồng hương Hà Nội với ông...

Bốn mươi năm, hết lần lộn trên những con đường ra trận, ông lại tiếp tục cuộc chiến đấu mới trên hàng ngàn trang sách nhằm tôn vinh những con người đã làm nên huyền thoại đường Trường Sơn - Hồ Chí Minh, mặc dù cánh tay cầm bút từng bị cắt ngắn mất 5cm!...

Câu chuyện như huyền thoại này tôi cũng mới biết trong dịp đại tá - kỹ sư Trần Phúc, nguyên Phó Tư lệnh Binh đoàn Trường Sơn, dẫn tôi tới thăm ông. Căn nhà khiêm tốn của ông ở làng Bưởi, trong một ngõ xóm vòng vèo, không có “giao liên” dẫn đường khó mà đến đích.

Thay vì “thống kê” các tác phẩm của ông, xin mượn bài thơ của Trần Phúc viết năm 2001, mừng ông thọ 80 tuổi, trong đó tên những cuốn sách của ông đã xuất bản được để trong “ngoặc kép”:

“Tám mươi Xuân, tuổi đã già/ Nhưng trang sách viết vẫn là sức trai.

Con đường Binh trạm 12/ “Tình trong thung lử” thương hoài tháng năm.

“Cổng Trời” in dấu xe lăn/ Vẫn “Hoa mua tím”, “Phong lan nở” vàng.

Nhớ thời “Xẻ núi” dọc ngang/ Nhờ ai “Vượt đỉnh” thì sang với mình.

Thôi đừng “Day dứt” vì tình/ Ngàn năm “Đất Thánh” vẫn mình với ta.

“Hạt muối đỏ”, nhớ “Hồng Hà”/ Đã nghe “Đất chuyển” bài ca anh hùng...

Bài thơ viết năm 2001, nên tất nhiên còn thiếu bộ sách hai tập “Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh huyền thoại” dày trên 700 trang (NXB Trẻ, 2004) và cũng chưa ghi hết tên sách của ông đã xuất bản như “Đường qua vùng cắt cổ”, “Túi lửa” (2 tập truyện ký, NXB Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh in năm 1983 và năm 1986);

“Những chặng đường về thành phố tên Người” (tiểu thuyết 2 tập, NXB Văn nghệ TPHCM, 1989), “Phẩm giá” (tiểu thuyết, NXB Quân đội nhân dân, 1997), “Có một ngày xưa” (tiểu thuyết, NXB Công an nhân dân 2006) và tất nhiên chưa có tên cuốn “Dòng sông rực lửa”, NXB Quân đội nhân dân vừa ấn hành.

Nhìn chồng sách toàn viết chuyện “thiên hạ” dày hàng ngàn trang, trong đó nhiều cuốn tái hiện cuộc chiến đấu anh hùng trên đường Trường Sơn, trên tường thì Huân chương Độc lập kề bên Huân chương Quân công, tôi hỏi:

- Trên tám chục rồi, bao giờ thì anh viết chuyện đời mình?

Ông tùm tùm cười, nói một ngạn ngữ tiếng Pháp, rồi cất nghĩa luôn:

- “Cái tôi là đáng ghét” mà anh. Chuyện Trường Sơn viết cả đời không hết... À, anh từng ở đường 12A, còn nhớ cô Lan không?...

Thế là anh sôi nổi kể lại việc tình cờ gặp lại cô “Lan-trọng-diểm” trong một cuộc gặp truyền thống của Binh trạm 12. Vào lúc chiến dịch oanh tạc “Sấm rền 48” của Mỹ đang diễn ra ác liệt, Binh trạm nhận chỉ thị chờ gặp loại hàng “đặc biệt” vào Nam.

Thủ trưởng Binh trạm phải trực tiếp chỉ huy, giao nhận hàng. Nguyễn Việt Phương ngồi xe của Thảo, đi đầu. Đại đội xe vừa vượt ngầm E. thì bị máy bay Mỹ phát hiện đón đánh, bom đạn ngút trời, pháo sáng trắng rừng. Giữa phút hiểm nguy tột cùng, bỗng có tiếng hét: “Lan ơi! Hút nó đi!”

Lập tức, một cô gái nhỏ nhắn nhảy bám bên cửa xe đi đầu, hỏi: “Anh có dám đi không?” Thảo gắt lên: “Sao hỏi thế? Đi lối nào?” Cô gái đưa tay chỉ: “Hướng cây cụt ngọn tề, quay phải!” – “Thế cô vào xe đi”- “Đừng nói nữa. Chạy đi! Lẹ lên!” Thảo đánh vô-lãng theo tay cô gái, tách khỏi đường chính –“Bật pha lên anh!”– “Được! Cô xuống đi!”

Thảo muốn đỡ phần nguy hiểm cho cô, bảo mấy lần, nhưng cô gái cứ bám bên buồng lái hướng dẫn xe, lúc rẽ phải, khi quay trái tránh hết loạt bom này đến luồng đạn khác, đến lúc bị trúng mảnh bom vào bả vai, máu tuôn đầm đìa, vẫn dẫn xe thoát vào một suối cạn, đánh lạc hướng, cứu được cả đoàn xe...

- Chắc anh đã nghe chuyện tương tự, nhưng chứng kiến tận mắt, ngay bên cạnh, kỳ diệu quá!... Chuyện đời mình thì có đáng gì...

- Thì anh cứ kể thêm những đồng đội của mình như cô Lan. Hồi ký ông Tô Hoài, những đoạn viết về người khác rất hay. Còn viết về mình, thì nếu anh trung thực, đừng tô vẽ, dám viết cả những lẫn lờ của bản thân thì ngại gì. Ví như hồi ở Trường Sơn, xa vợ lâu ngày, lỡ có “tình cảm” với ai đó...

Tôi chưa nói trọn câu thì chị Yến, người bạn đời của ông bê mâm cơm ra mời khách.

- Cũng đến bữa rồi, chẳng mấy khi, mời hai anh uống cốc bia với nhà em cho vui...

Đây là “chương trình” ngoài dự kiến, nhưng là đồng đội cũ, tôi và Trần Phúc không thể chối từ. Trời lại đang mưa. Quả là “vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách”. Bữa ăn tình cờ mà có cả nem rán uống với bia thì sang quá!

Chắc là bà chủ đã nghe câu tôi vừa nói, nên tôi đành biến thành chuyện đùa, cười bảo:

- Có phải không chị? Tuổi tác “cổ lai hi” cả rồi, còn ghen tuông làm gì cho mệt...

Chị Yến cũng cười, vui vẻ nói:

- Ôi! Ông ấy đi biệt biệt, ai biết đây là đâu!

Ngồi cùng Nguyễn Việt Phương trên ghế dài sa-lông, tôi bỗng đưa tay đập khẽ lên cánh tay to bặm của ông, định nhân chuyện đang vui, “xúi” ông “thú tội” với bà chủ, nếu như “ngày xưa” có tình tang đầu đó; nhưng tôi chưa kịp lên tiếng, đã cảm thấy cái thân hình vững chãi của vị “tướng” Trường Sơn khẽ rung động; và ông nói, giọng dịu nhẹ bất ngờ:

- Có...có chuyện này có thể bà chưa biết. Với một cô y tá...Hơn nửa thế kỷ rồi, sau ngày tôi bị thương ở trận An Khê...

Trần Phúc bỗng xen vào bảo tôi, giọng đầy vẻ thú vị:

- À, anh chưa biết chuyện anh Việt Phương bị thương gãy tay. Không kém gì cảnh Hoa Đà nạo xương cho Quan Vân Trường trong “Tam quốc” đâu !

Thế là bất đắc dĩ, ông đành phải công bố “trích đoạn” vắn tắt hồi ký. Nhân chuyện bị thương thiếu thuốc men, Nguyễn Việt Phương mới tiết lộ ông nội mình là một thầy lang nổi tiếng, có nhà ở phố Huế, thân phụ thì sau khi đỗ Tú tài khoa cuối cùng triều Nguyễn, chuyển sang Tây học, rồi làm thợ...

Vừa đỗ “Tú tài 1”, ông lên chiến khu Đình Cả, tham gia Tổng khởi nghĩa ở Thái Nguyên, rồi sung vào đoàn quân Nam Tiến, khi giặc Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ. Trong trận đánh ở An Khê năm 1946, ông bị trúng đạn ở bụng và ngay cổ tay phải. Như thế, bị cưa cụt là chuyện thường và cũng đơn giản nhất, nhưng chính trị viên trung đoàn Trần Hoài Ân bảo bác sĩ Nguyễn Thúc Tùng:

- “Đây là một cán bộ có triển vọng. Anh cố gắng giữ bàn tay cho anh ấy” - “Chúng tôi sẽ cố gắng, nhưng anh ấy có chịu nổi không?...”. Lúc đó thuốc kháng sinh chưa có, mọi thứ đều thiếu thốn, chỉ có cách lấy “ruột tượng” (bao đựng gạo) cuốn lại, rồi chuyển về tuyến sau bằng thuyền. Vết thương sưng tấy, đau nhức vô cùng...

Không nghe ông nhắc gì đến câu chuyện với “cô y tá”, tôi sốt ruột hỏi:

- Anh bảo có chuyện gì đó với cô y tá, chưa kể với bà chị, định đánh bài “lò” à?

Ông cười nhẹ, bộ mặt ửng đỏ nhưng không hấn vì bia:

- Anh uống đi. Dạo này tôi không dám uống nhiều...Tôi sẽ kể ngay đây, nhưng không có gì “giật gân” đâu. Tôi còn nhớ cô ấy tên là Sa. Do bị thương ở bụng, tay thì đau như thế, khát nước khô cổ mà tôi không sao ngồi dậy được.

Ngày ấy thì đâu đã sẵn ống hút như bây giờ. Trên thuyền một chiếc thìa cũng không có. Loay hoay chán chừ một lúc, cô ấy đành ngậm từng ngụm nước rồi chuyển trực tiếp vào miệng tôi...Đó! Chuyện chỉ có vậy thôi. Tùy nhà văn tưởng tượng. Còn tôi chẳng có dịp nào gặp lại cô ấy nữa...

Một câu chuyện như thế chẳng thể là đề tài để trêu đùa. Chỉ có thể ngẫm nghĩ và tưởng tượng. Phải! Với một chàng trai Hà Nội vừa qua tuổi đôi mươi thời ấy, có thể đó là lần đầu tiên anh biết hương vị đôi môi một người con gái. Cho dù là trong tình thế ngặt nghèo, cho dù cái chết cận kề, cõi lòng anh (và cả cô y tá nữa) hẳn là không tránh khỏi xốn xang và mãi còn nhớ về nhau.

Có phải vì chờ nhau, vì tìm nhau mà gần mười năm sau chiến thắng Điện Biên Phủ, đuổi sạch quân xâm lược Pháp khỏi miền Bắc, anh mới trở về về quê và tìm thấy hạnh phúc với cô du kích xinh đẹp, chính là bà chủ hiếu khách vừa ý nhị liếc nhìn chồng với ánh mắt tràn đầy hạnh phúc, trước khi xuống nhà bếp để lấy thêm thứ gì đó... Phải! Vợ bộ đội, có mấy người đủ “tiêu chuẩn” tổ chức đám cưới “kim cương” mừng nửa thế kỷ hạnh phúc như họ.

Nguyễn Việt Phương ngồi lặng giây lát. Chẳng ai biết được tâm trí ông đang hướng về đâu. Trần Phúc thì gọi chuyện ông bị thương không phải để nghe một chuyện tình, nên khẽ nhắc:

- Chuyện anh Việt Phương nói lại tay chưa đến hồi gay cấn đâu!...

Hẳn là trải mấy chục năm chiến trận, từng chứng kiến vô vàn sự chịu đựng đau đớn của các thương binh, Nguyễn Việt Phương kể tiếp câu chuyện một cách bất đắc dĩ.

Sau khi chuyển về bệnh viện Phú Phong, tuy thịt da dần nối liền, nhưng hai ống xương nơi cổ tay bị gãy của anh vẫn chưa có điều kiện ghép lại, nên tạm thời phải lấy da quần quanh cổ tay cho bàn tay khỏi sưng nề, mỗi lúc sưng tấy lên lại phải rạch ra nạo xương, vết mủ, cắt thịt thối...

Mãi đến năm 1947, đang mùa luyện quân ở Quảng Ngãi, vết thương lại làm mủ, ai cũng bàn cắt đi, nếu không sẽ bị hoại tử, có khi nguy đến tính mạng, nhưng anh tha thiết xin được giữ lại. Vậy là phải mổ lần nữa.

Những ngày đầu kháng chiến thiếu thốn đủ thứ, đến thuốc tê cũng không có, các thầy thuốc quân y chỉ còn cách dựa vào nghị lực của thương binh. Anh Phương bình tĩnh nói với bác sĩ Hoàng: “Các đồng chí cứ cột tôi lại. Rồi cần mổ xẻ chấp nổi thế nào, xin cứ làm. Tôi chịu được!”

Khi chiếc dao mổ rạch da, rồi cắt bỏ phần xương bị hư hại, để khỏi kêu la và cũng để các y bác sĩ an tâm, Nguyễn Việt Phương cất tiếng hát: “Đoàn vệ quốc quân một lần ra đi. Nào có mong chi đâu ngày trở về. Ra đi, ra đi bảo tồn sông núi...”.

Nhắc qua chuyện “ngày xưa”, nâng li bia chạm cốc với tôi và Phúc, uống một ngụm nhỏ rồi ông nói:

- Chỉ thế thôi, có gì đâu... Sau lần mổ ấy, cánh tay phải của tôi ngắn đi 5 cen-ti-mét. Lúc đầu, làm việc, viết lách khó khăn vô cùng, nhưng kiên trì tập luyện, rồi cũng quen. Có chuyện vui là cách đây 5 năm, đến thăm anh M.T.P. một đồng đội cũ ở Trường Sơn, không ngờ vợ anh lại là chị Phúc, người phụ mổ với bác sĩ Hoàng năm xưa!...

Lúc này, tôi mới để ý đến cánh tay không bình thường của ông, đến dòng chữ xiên mềm mại, rất đẹp - kiểu chữ của lớp người được học các trường lớp “ngày xưa” - khi ông viết tặng tôi cuốn tiểu thuyết “Phẩm giá”, càng thêm quý trọng vì “chính uỷ-nhà văn” với hàng ngàn trang sách đã sinh thành nên từ bàn tay ấy.

“Tướng” Nguyễn Việt Phương thì lại muốn tôi lưu ý đến công lao và sự hy sinh thầm lặng của những người phụ nữ trong chiến tranh. Tôi bỗng nhớ đến những trang viết trong tiểu thuyết “Những chặng đường về thành phố tên Người” của ông:

“...Khi tôi đi, vợ tôi không khóc, nhưng đôi mắt thâm sâu, làn môi se lại, vàng trán cui cúi, mấy sợi tóc mảnh như tơ rối tung loà xoà xuống má.

Tôi chợt nhớ tới cảnh gia đình chị Thuần -vợ một đồng chí cùng đơn vị. Chiếc nhà cũ đã bị bom đánh, mọi thứ bay đi hết, cả những đứa con lớn đang học. Chỉ còn sót đứa bé nhất lúc ấy đang ở lớp mẫu giáo.

Hôm tôi đến thăm, đưa phong thư của anh Thuần, hai mắt chị mở to không chớp, chị sững sờ mấy giây, rồi mới nhìn lại phong thư đã cầm ở tay, bỗng nấc lên, chơi vơi. Nhưng chỉ một chút, chị ấy trấn tĩnh, nói giọng hỗn hển: “Anh ạ, hôm nay tôi mới hoàn hồn. Từ hôm hai cháu bị bom Mỹ giết, đêm nào tôi cũng mê thấy anh ấy chết...”.

Vậy mà khi viết thư cho chồng, chị không hề nhắc đến những mất mát đau thương phải gánh chịu và tác giả đã phải thốt lên: “Nếu không có người vợ người mẹ như thế thì làm sao có chiến thắng”.

Nguyễn Việt Phương đã nghĩ như thế, nên ông chưa chịu viết hồi ký và chẳng muốn nói nhiều về mình.

Và hôm nay, cánh tay bị cắt mất 5 cm ấy lại có thêm một tác phẩm mới viết về cuộc chiến đấu trên những dòng sông rực lửa ở vùng đất Quảng Trị anh hùng...

Theo TPO

NGUYỄN KHẮC PHÊ

Điều hò cách cảm

Trương Hoàng Minh

Sau ba mươi lăm năm tôi mới trở lại cố đô Huế lần thứ nhất. Xa vắng một thời gian dài hơn nửa đời người mới tái ngộ, chắc Huế bây giờ đã đổi thay nhiều lắm? Tôi hỏi cô gái lễ tân xinh đẹp. Cô trả lời nhỏ nhẹ dễ thương :

-*Dạ thưa xứ Huế bây giờ, Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương (*)* chú ạ.

-Quá tuyệt vời! Một câu trả lời không chệ vào đâu được. Đúng là tài tử gặp giai nhân. Nhà thơ Nguyễn Bạch Dương buộc miệng khen nức nở.

-Chẳng những giai nhân mà còn thi nhân nữa chứ, anh Bạch Dương? Văn Quốc Thanh phụ hoạ.

Bạch Dương gục gặc đầu ra về đồng tình. Cô gái lễ tân mỉm cười e thẹn trông càng dễ thương hơn. Người Huế là vậy, lúc nào cũng dịu dàng nhỏ nhẹ pha chút mộng mơ. Cô gái lễ tân lại mặc chiếc áo dài của những nữ sinh Đồng Khánh xưa kia, màu trắng nhẹ nhàng thanh khiết, càng làm tăng thêm nét duyên dáng, trữ tình của những cô gái Huế.

Nhìn cô gái lễ tân tôi chợt nhớ Tôn Nữ Kim Luông. Trước kia nàng cũng là nữ sinh Đồng Khánh. Đậu Tú tài toàn phần nàng cùng người anh chú bác – Tôn Thất Chiển – vào Sài Gòn học Đại học Quốc Gia Hành Chánh cùng tôi. Chiển là cầu nối giữa tôi và Kim Luông. Chúng tôi yêu nhau và hứa hẹn sau khi ra trường sẽ thành hôn. Không ngờ tôi với nàng có duyên mà nợ không bền...

Năm Mậu Thân, tôi ra Huế ăn tết với Chiển và Kim Luông. Nhà họ ở gần sân bay Tây Lộc, trong thành nội. Được ăn tết với người yêu ở xứ sở của sông xanh nước biếc và nhiều "vẻ đẹp mơ mộng của Á đông huyền bí tự ngàn xưa" thì có gì vui và hạnh phúc cho bằng. Nào ngờ, ngay đêm giao thừa, chiến tranh đã cướp mất cái niềm vui và hạnh phúc của tôi một cách tàn nhẫn. Vâng! Chiến tranh là con ác quỷ đầy nanh vuốt, tàn bạo và khát máu nhất trần gian. Trên đường nó đi, nó giết tất cả không chừa một ai, tàn phá tất cả những gì nó gặp, kể cả hài nhi trong bụng mẹ và xác chết nằm trong quan tài cũng không thoát khỏi nanh vuốt của nó. Sau bước chân nó là máu đổ thịt rơi, ruộng đồng xơ xác, cầu đường hư gãy, vườn tược tan hoang, nhà cửa, đền đài, cung điện trở thành đồng gạch vụn. Đình chùa, miếu mạo và những nơi thờ tự tôn nghiêm khác nó cũng không chừa. Ngay cả đêm giao thừa là đêm thiêng liêng nhất của dân tộc, mùa xuân là mùa đẹp nhất của nhân quần nó còn biến thành đêm thê lương, mùa tang tóc thì sá gì tình yêu và hạnh phúc con con của tôi!

Cả vùng Tây Lộc chìm trong biển lửa và máu. Gia đình Chiển chết thiêu. Ba Kim Luông tan xác trong mưa bom bão đạn. Tôi và nàng may mắn thoát chết, bồng bế cả gia đình tản cư sang khuôn viên trường đại học Sư Phạm bên bờ nam sông Hương. Kim Luông có bốn chị em, toàn gái. Tôi bắt đắc dĩ trở thành cột trụ trong gia đình, là chỗ dựa cả vật chất và tinh thần của họ trước và sau khi con ác quỷ bị tống ra khỏi thành phố Huế. Hai vai tôi bỗng nặng trĩu, con đường trở về Nam xa ngút ngái, bao nhiêu mộng đẹp tiêu tan theo mây khói, ông phò Đốc sự tương lai phút chốc thành kẻ ăn mày! Mang thuê, vác mướn, đập xích lô...Lão trời già quá ư cay nghiệt sắp xếp cho tôi làm con rết đất Thần Kinh hết sức cơ cầu? Bắt tôi phải nhắm mắt xuôi tay tuân theo định số, chẳng chừa một con đường nhỏ thoát thân. Mà, khi mọi việc đã được an bài rồi nếu mình chạy trốn trách nhiệm thì còn gì là đáng mày râu, còn đâu là cội *tùng quân* cho...năm giây *cát đằng núp bóng*. Thôi thì đến đâu hay đến đó. Tôi tự an ủi mình.

Một hôm, tôi đi làm thuê trong chợ An Cựu bị bọn Quân Cảnh hỏi giấy tờ. Tôi không còn một tấm giấy lộn để trình cho chúng vì đã mất sạch trong lúc chạy loạn. Giữ lại được thân thể này là quý lắm rồi. Tôi chỉ còn cách nói thật với chúng về hoàn cảnh của mình. Thấy tôi là người miền Nam hiếm hoi ở đây, không có thân thuộc, thân thể, bọn chúng bèn đòi tôi một trăm ngàn, nếu không sẽ bắt đi quân dịch. Trời ơi! Làm thuê làm mướn nuôi sáu miệng ăn còn đói lên đói xuống thì tiền đâu lo cho chúng? Tôi năn nỉ. Chúng hạ xuống bảy chục rồi năm chục ngàn tôi vẫn không thể nào đáp ứng được. Thế là tôi trở thành móng vuốt của con quỷ tàn bạo khát máu, lê bước chinh nhân khắp vùng Khe Sanh, A Sao, A Lưới...gieo đau thương mất mát cho dân lành vô tội và núi rừng vô tư suốt một thời gian dài. *Cùi đầu sợ lở*, tôi làm đơn khiếu nại để được đi sĩ quan. Sau mười tám tháng huấn luyện tôi lại bị ném vào chiến trường cũ. Thời gian này tôi thường xuyên thư từ với Kim Luông và thỉnh thoảng về phép thăm nàng. Vào mùa hè đỏ lửa năm một chín bảy hai, tôi bị phía bên kia bắt làm tù binh sau một trận công đồn ác liệt. Ở bên này, đơn vị báo tôi mất tích. Tôi mất liên lạc với Kim Luông từ ấy. Mãi đến sau ngày giải phóng miền Nam tôi mới được trả tự do đoàn tụ với gia đình. Tôi đã gửi cho Kim Luông bốn năm lá thư nhưng không hề nhận được hồi âm. Tôi độ chắc nàng đã xuất ngoại.

Ra Huế lần này ngoài chuyện đi thực tế sáng tác cùng đoàn văn nghệ sĩ tỉnh, tôi còn có ý định dò tìm tông tích Kim Luông. Tuy nhiên, thời gian ở đây chỉ ba ngày, tôi lại không có thông tin gì của nàng nên Văn Quốc Thanh đùa :

-Những người có mộng làm giàu bằng vé số kiến thiết người ta thường ví như người mò kim đáy biển. Mộng của anh tuy không giống như họ nhưng tôi thấy anh cũng là người đáy biển mò kim, anh Trương Hoàng Minh ạ?

-Văn Quốc Thanh nói cũng có lý nhưng tôi nghĩ anh không nên bi quan, anh Trương Hoàng Minh. Biết đâu thần giao cách cảm sẽ dẫn anh tới gặp chị ấy hoặc dẫn chị ấy tới gặp anh rồi sao? Vả lại, *em ơi trái đất vẫn tròn, chúng mình hai đứa vẫn còn gặp nhau* mà lị? Nguyễn Bạch Dương khôi hài động viên tôi.

-Không bi quan cũng không được vì thời gian ngắn quá. Tôi nói giọng buồn buồn. Nếu thời gian dài hơn tôi hy vọng sẽ tìm được Kim Luông, ngoại trừ nàng xuất ngoại và...đã chết!

Nói đến điều xấu nhất bỗng dưng lòng tôi nghe bồn chồn lo lắng. Có phải chẳng đó là thần giao cách cảm mà Bạch Dương vừa nói cho tôi nghe? Hay là linh hồn nàng về mách bảo? Có thể là đây. Vì, dù tôi và nàng chưa

chính thức làm lễ thượng đăng bái đường, hợp cần giao bôi, động phòng hoa chúc nhưng đã thật sự thành thân. Cổ ngữ có câu : *Nhứt nhứt đồng sàng chung dạ ái. Nhứt dạ phu thê hề bá dạ ân* . Theo đó thì chỉ một ngày một đêm làm vợ chồng thôi mà nợ ái ân còn nặng như trăm đêm hưởng hò tòi và Kim Luông đã ăn ở với nhau cả tháng thì đạo phu thê nghĩa nặng biết đến đường nào? Xem ra chắc nàng đã chết thật rồi! Nếu không tại sao tôi lại bồn chồn lo lắng khi nghĩ đến điều này? Tôi cố nén tiếng thở dài nhưng không dấu được hai người bạn thân rất nhạy cảm và tế nhị. Văn Quốc Thanh đề nghị đi uống cà phê. Nguyễn Bạch Dương đồng ý ngay.

-Du khách đến Huế có rất nhiều thứ để tham quan. Nguyễn Bạch Dương vừa quây ly cà phê đá vừa chuyển câu chuyện sang hướng khác. Ai muốn tìm lại dấu vết lịch sử một thời vàng son của triều Nguyễn thì đến Kinh thành cổ kính xem thành quách, đền đài, cung điện và các lăng tẩm của các vị vua. Ai muốn thưởng ngoạn thì tìm đến những danh lam thắng cảnh. Còn ai muốn hoà mình vào thiên nhiên cây xanh nước biếc thì hãy đến những vùng vườn cặp theo đôi bờ sông Hương. Đây là điểm đặc biệt của Huế, thành phố của những vùng vườn mà ít người biết và không thành phố nào có được.

-Ngoài những thú vui trên, Huế còn thú vui nào nữa không? Văn Quốc Thanh hỏi.

-Còn chứ. Nguyễn Bạch Dương gạt đầu phấn khởi. Ai muốn thưởng thức các món ăn và các món chè Huế thì đến Đông Ba, Gia Hội, Nam Phổ, Ngự Bình... Trái cây đặc sản có quýt Hương Cẩn, thanh trà Nguyệt Biều nổi tiếng thơm ngon. Còn ai muốn biết tâm tư tình cảm và niềm vui nỗi buồn của người dân xứ Huế thì hãy xuống thuyền nghe ca Huế, một thú vui thanh bai tao nhã đã tồn tại ba bốn thế kỷ qua. Hai anh có nghe ca Huế lần nào chưa? Đến Huế mà không nghe ca Huế là một thiếu sót đấy nghe.

-Anh có thể tạo điều kiện cho tôi và Trương Hoàng Minh nghe ca Huế không? Văn Quốc Thanh lại hỏi.

-Tất nhiên là được thôi. Nguyễn Bạch Dương khẳng định.

-Trước khi nghe ca Huế, anh hãy nói sơ về nghệ thuật này cho tụi tôi nghe đi? Văn Quốc Thanh đề nghị.

-Ca Huế là một loại ca nhạc cổ truyền dân tộc mang âm hưởng riêng của vùng đất Huế. Nó có nguồn gốc từ cung đình, là loại nhạc "thính phòng" của vua chúa, quan lại và giới danh gia vọng tộc. Lúc đầu ca Huế chỉ phổ biến chốn cung đình, là thú vui của các tầng lớp thượng lưu, dần dần về sau mới được phổ biến rộng rãi trong dân gian và trở thành một sinh hoạt văn nghệ đặc biệt được mọi người ưa thích. Bài bản ca Huế rất nhiều, tiêu biểu có các bài *Long ngâm, Đăng đàn cung, Cổ bản, Phú lục, Nam ai, Nam bình...* Sau khi được dân gian hoá, ca Huế lại hoà nhập vào những làn điệu dân ca nên có thêm những điệu Lý, điệu Hò như lý *Qua đèo, lý Huế tình, hò Mái Đầy, hò Giã gạo...* Nhạc cụ thì có các loại đàn *Tranh, Kim, Tỳ bà, Độc huyền, trống, bộ gõ...* Có thể nói ca Huế là món ăn tinh thần của người Huế, diễn tả niềm vui nỗi buồn, nhớ thương, mừng giận của cả người Huế xưa và nay.

Tôi đưa mắt nhìn Nguyễn Bạch Dương. Trời sanh anh làm thi sĩ thật không nhầm. Anh biết về Huế nhiều quá. Tôi đã từng ở Huế cả tháng nhưng mức hiểu biết còn hạn chế hơn anh nhiều. Có lẽ do phải vật lộn với cuộc sống nên tôi không có thời gian ngắm cảnh xem hoa, nghiên cứu sách vở thành thử dốt nát hơn anh.

Nguyễn Bạch Dương còn vô tình chạm phải một kỷ niệm vừa đẹp vừa buồn trong lòng tôi khiến nó bùng sống lại. Hồi học Quốc Gia Hành Chánh, Kim Luông thường hát cho tôi nghe những bài ca Huế như *Nam Ai, Nam Bình, lý Năm Canh, lý Tử Vi và hò Mái Đầy*. Tuy giọng hát hò của nàng chưa điêu luyện bằng những nghệ nhân chuyên nghiệp nhưng nghe vẫn ngọt ngào, hiền dịu, trang nhã và sâu lắng vô cùng. Hay nhất, cảm động nhất khi nàng hò Mái Đầy bài thơ của cụ Ưng Bình Thúc Giạ cảm thán vua Duy Tân mưu toan khởi nghĩa chống Pháp không thành. Khi tôi bị bắt quân dịch trong Trung tâm nhập ngũ số 1 nàng có vào thăm và hò cho tôi nghe một lần nữa. Có lẽ nàng linh cảm được đấy là cuộc chia tay vĩnh viễn nên vừa hò vừa khóc khiến tôi cũng không cầm được nước mắt.

*

Nhờ tài giao thiệp của Nguyễn Bạch Dương, đoàn chúng tôi được chị trưởng đoàn đồng ý cho nghe một suất ca Huế trên thuyền giữa giòng Hương Giang thơ mộng. Buổi biểu diễn sẽ bắt đầu vào lúc mười chín giờ. Xế chiều. Tôi rủ hai bạn đi dạo phố. Huế bây giờ khác xưa khá nhiều. Đường nào cũng có khách sạn, nhà hàng và hàng dãy nhà cao tầng uy nghi lộng lẫy. Tuy nhiên, các kiến trúc trên dù có hiện đại đến đâu vẫn lạc lõng, thô cứng trong một thành phố có muôn ngàn cây xanh và nước biếc như thành phố Huế. Hay nói cách khác, những kiến trúc trên như một nút ruồi to quá cỡ trên gương mặt mịn màng, kiều diễm của một giai nhân vậy.

Nguyễn Bạch Dương nói đúng. Về nên thơ của Huế bắt nguồn bằng cây xanh, nước biếc. Bất cứ con đường nào cũng có cây xanh bóng mát. Đặc biệt con đường Lê Lợi cặp theo bờ nam sông Hương nằm dưới một cái hầm khổng lồ bởi hàng ngàn tán lá hai bên đường tạo nên. Một khu vườn tượng nằm bên phải dốc cầu Trường Tiền, trước cửa trường Đại học Sư Phạm cũng phủ đầy cỏ xanh và bóng mát là nơi nghỉ chân của khách nhàn du. Ban đêm nó lại biến thành thế giới riêng của các bạn trẻ, lãng mạn, trữ tình, ấm cúng làm sao. Vài đôi tình nhân thì thăm tâm sự. Vài đôi khác ôm hôn nhau thắm thiết... Tôi đưa mắt thẫn thờ nhìn ngôi trường cũ, lòng ngùi ngùi nhớ đến Kim Luông. Những kỷ niệm xưa rần rật kéo về như đoàn xe đang băng băng trên phố. Ba mươi lăm năm trước, tại nơi này, dù thời gian ngắn ngủi và cuộc sống quá cơ cực nhưng tôi và Kim Luông đã sống bên nhau tràn đầy tin yêu và hạnh phúc. Còn bây giờ... Tôi bước sang bên kia đường. Cửa trường đóng kín. Tôi đến

vịn song sắt nhìn vào. Sân trường vắng hoe. Chỉ có sắc hoa hồng tươi rói, hoa cúc vàng rực rỡ trong chiều hoàng hôn. Bốn dãy phòng học dưới trên đều lặng ngắt, *trước sau chẳng thấy bóng người. hoa đào năm ngoái còn cười gió đông (Kiều) !* Tôi định ngày mai, ngày mốt sẽ không theo đoàn mäsang Tây Lộc dò hỏi tin nàng.

Tối. Đường phố rực rỡ ánh đèn. Từng đoàn khách dạo mát dập dìu trên đôi bờ sông Hương. Cầu Trường Tiền sắc màu lộng lẫy, mỗi nhịp mỗi màu trông như sáu cái cầu vồng. Bến Phú Văn Lâu cổ kính trầm mặc như còn vang vọng dư âm hàng trăm năm lịch sử. Phía sau là Kỳ đài đồ sộ cao vút giữa trời mây như còn khẳng định uy lực đã mất của một vương triều. Chợ Đông Ba đông vui tấp nập kẻ mua người bán. Hàng quán nào cũng chật ních người. Huế bây giờ là như thế đấy. Hiện đại. Văn minh. Tuy nhiên, khi nhìn kỹ hơn thì Huế vẫn giữ được diện mạo cổ hữu của mình. Nhịp sống của người dân không có vẻ căng thẳng ồn ào như những thành phố công nghiệp khác. Tính cách của họ cũng ít đổi thay, vẫn mềm mỏng, ngọt ngào, dịu dàng, nhỏ nhẹ.

Đến giờ hẹn, khán giả đầy đủ, thuyền rời bến ra neo giữa giòng sông Hương. Đoàn nghệ nhân có bảy người. Ba nhạc sĩ đàn tranh, kim và độc huyền. Bốn ca sĩ toàn nữ. Họ biểu diễn phía trước mũi, khán giả ngồi đối diện. Mở đầu, ban nhạc hoà tấu bài *Long Ngâm* chào khách. Kế đến một nữ nghệ nhân độc tấu đàn tranh bài *Đặng Đàn Cung*. Khi âm thanh của những tiếng đàn vang lên, hoà quyện vào nhau khi bổng khi trầm lúc khoan lúc nhặt thì cả thính phòng im phăng phắc, *người trên ghé khen tài châu ngọc, khách dưới đèn đấm khúc tiêu tao (**).* Rất tiếc là tôi bắt tài, không đủ bản lãnh ngôn từ để diễn tả cái hay của điệu đàn, sự điêu luyện của người đánh đàn. Sau đó, bốn ca sĩ lần lượt trình bày các bài *Cổ bản, Phú lục, Tứ đại cảnh, Châu văn* cùng các điệu *Lý mười thương, Lý qua đèo sang Lý ngựa ô, Lý Huế tình* và các điệu hò *Mái nhì, Giã gạo*. Nếu âm hưởng của các bài *Cổ bản, Phú lục, Tứ đại cảnh* êm đềm sâu lắng qua giọng hát truyền cảm của các chị Ngọc Trâm, Thanh Trúc thì bài *Châu văn* lại vui nhộn rộn ràng qua làn hơi khoẻ khoắn, trẻ trung của Diễm Trang, cộng với tài gõ đũa, gõ tách gồm sũ tuyệt vời của Kim Phúc, Thanh Trúc khiến cả thính phòng tràn ngập tiếng suối reo róc rách, tiếng vỗ ngựa dập dồn. Còn các điệu *Lý* thì điệu nào cũng thể hiện chất lãng mạn trữ tình. Đặc biệt, Kim Phúc rất duyên dáng và nhí nhảnh dễ thương trong điệu *Lý Huế tình* và ngọt ngào tình tứ với điệu *Lý mười thương*. Nghe xong bài này, hồn thơ của Nguyễn Bạch Dương ngẫu hứng, xuất khẩu thành thơ rồi đọc lên cho cả thính phòng nghe : "*Hát chi đến chín mười thương. Một thương cũng đủ quên đường về quê*". Quá tuyệt vời! Tiếng vỗ tay tán thưởng vang lên đồng loạt một hồi lâu mới dứt.

Gần cuối chương trình, tay MC giới thiệu nữ nghệ sĩ Kim Minh vừa mới đến trình bày điệu *Hò mái đầy* hay còn gọi là *hò mái nhì*. Kim Minh bước ra cúi đầu chào khán giả. Đó là một người đàn bà ngoài năm mươi, rong rỗng cao, mặc chiếc áo dài màu tím đậm thêu hoa kim tuyến trên ngực áo. Đầu chị đội mấn vàng, mặt trang điểm nhẹ. Trông chị trang nhã, thanh thoát nhưng trên mặt phảng phất chút u buồn. Thấy chị mặc áo màu tím tôi chợt nhớ một lần Kim Luông nói với tôi có thời "màu tím Huế" được xem là biểu tượng của sự tinh tế, trang nhã và được chọn làm đồng phục của nữ sinh. Đặc biệt người ta hay mặc áo màu tím trong những dịp giao tiếp và ký gĩa. Chắc Kim Minh cũng có dụng ý đó?

Kim Minh mỉm cười tự giới thiệu sự có mặt bất ngờ của mình :

-Kính thưa quý quan khách. Theo chương trình thì đêm nay tôi không được hân hạnh phục vụ quý quan khách tại buổi biểu diễn này. Tuy nhiên, tôi có người bạn thân ở cùng quê hương với quý quan khách rất thích nghe ca Huế. Tôi đã từng ca cho anh nghe cách nay mấy mươi năm. Hôm nay, sẵn dịp quý quan khách ra đây tôi tranh thủ đến mượn lời ca tiếng hát của mình gởi chút tâm tình về cho anh. Quý quan khách có vui lòng mang giúp tôi về trong nớ không hỉ ?

"Rất sẵn sàng!". Mọi người đồng loạt hô vang và vỗ tay tán thưởng nhiệt tình.

Kim Minh tiếp :

-Đặc biệt, anh rất thích tôi hò *Mái đầy* bài thơ của cụ Ưng Bình Thúc Giạ nên tôi sẽ hò bài nớ và cũng để tặng quý quan khách luôn.

Mọi người lại vỗ tay. Kim Minh quay lại nói gì đó với những nhạc sĩ. Ban nhạc cất lên khúc dạo đầu. Chị cất tiếng hò :

-Hò...ơ...ơ...ơ...*Chiều chiều...Trước bến Văn Lâu, ai ngồi ai câu, ai sầu ai thảm...Ai thương ai cảm, ai nhớ ai trông... Thuyền ai thấp thoáng bên sông. Nghe câu mái đầy...nghe câu mái đầy chạnh lòng nước non.*

Giọng hò của Kim Minh nghe ai oán, thất ruột làm sao! Dĩ nhiên trong đó có nghệ thuật diễn cảm và có cả nỗi lòng của chị ấy. Tôi giật mình và nghe lòng nôn nao xao xuyến. Kết hợp những lời nói hoài nãy và điệu hò vừa qua, thật ra chị ấy là ai? Có phải Kim Luông không hay là một sự trùng hợp ngẫu nhiên nào đó? Không! Trên đời này làm gì có sự trùng hợp y chang như vậy, cũng bài thơ ấy và điệu hò ấy? Chắc chắn là Kim Luông rồi. Nếu không phải nàng sao giọng hò quá thiết tha, ai oán? Tôi căng mắt nhìn Kim Minh mong tìm vài nét quen thuộc. Nhưng, ánh đèn néon chạy bằng bình ắc qui không sáng lắm, lại ngồi hơi xa nên tôi không thấy rõ mặt chị ấy. Hơn nữa, nếu là Kim Luông, bây giờ nàng cũng xấp xỉ tuổi tôi, già rồi, má hóp da nhăn, khó mà nhận ra trong cảnh tranh tối tranh sáng như thế này.

Hò xong Kim Minh lui vào phía sau. Tôi đứng lên ngồi xuống mấy lần định đến gặp Kim Minh nhưng thấy bất

lịch sự quá. Chương trình được tiếp tục với điệu hò *Giã gạo* do Kim Phúc cùng một nam nhạc sĩ trình bày. Tôi không còn tâm trí đâu nghe hát hò nữa mà trông cho chương trình sớm chấm dứt để đến gặp Kim Minh. Lòng tôi như đang bị lửa đốt. Mặt ghế như có chông. Một phút của tôi lúc này bằng một giờ trên thực tế.

Thật may cho tôi, sau điệu hò *Giã gạo* đến thả hoa đăng là hết chương trình. Trong khi mọi người xúm nhau đến bàn đốt đèn cầy gắn vào hoa giấy thả xuống sông Hương, tôi lách mình tìm đến chỗ Kim Minh. Chị ấy đang lum khum thả đèn cùng chị trưởng đoàn. Tôi gọi nhỏ :

-Chị Kim Minh!

Kim Minh đứng lên quay lại phía tôi. Bốn mắt nhìn nhau sững sờ, chết lặng. Tôi gọi khẽ khàng :

-Kim Luông!

Nàng xúc động nghẹn ngào :

-A..an...anh...Minh! Anh Trương Hoàng Minh phải không?

Tôi gật. Nàng đưa hai tay lên ngực. Tôi nắm lấy tay nàng để tìm cảm giác ngày xưa. Mắt nàng chớp chớp, đôi môi run run. Tôi cũng nghe hai mắt mình cay cay. Nàng mấp máy đôi môi định nói gì đó thì Kim Phúc bước đến hỏi :

-Ai rứa mạ?

Kim Luông buông tay tôi ra, lấy khăn chậm nhẹ lên mặt, lên mắt, cố lấy lại bình tĩnh trả lời Kim Phúc :

-Bác Trương Hoàng Minh, bạn học của mạ ba mươi lăm năm về trước. Con em đó anh. Chào bác đi con.

Kim Phúc gật đầu chào tôi. Tôi hỏi Kim Luông có mấy con. Nàng nói chỉ một mình Kim Phúc. Tôi đưa mắt nhìn Kim Phúc rồi nhìn Kim Luông. Nàng khẽ lắc đầu. Đã khá khuya lại đông người khó nói chuyện nên tôi hẹn gặp lại Kim Luông sáng mai tại phòng lễ tân khách sạn.

Hôm sau Kim Luông đến khách sạn. Tôi giới thiệu nàng với Bạch Dương và Quốc Thanh. Bạch Dương vui vẻ kể lại chuyện hôm qua cho nàng nghe rồi khoe :

-Chị thấy tôi tài không? Tôi biết thể nào thần giao cách cảm cũng dẫn hai người gặp nhau mà.

-Anh nói còn thiếu. Quốc Thanh chen vào. Cuộc hội ngộ kỳ thú của họ không chỉ do thần giao cách cảm mà còn do điệu hò Mái đẩy nữa, đúng không?

Cả bọn nhìn nhau cười xoà.

Kim Luông đưa tôi về nhà nàng để dễ dàng hàn huyên tâm sự. Nàng lại sai

Kim Phúc đi chợ mua thức ăn và biểu con tự tay nấu nướng đãi tôi. Trong căn phòng nhỏ nhắn, ấm cúng, hai đứa tôi thay phiên kể lại quãng đời xa cách cho nhau nghe. Nàng nói, giọng vẫn nhỏ nhẹ êm đềm, chỉ khác là ít thanh trong hơn trước :

-Anh bị bắt quân dịch không lâu, thành phố Huế cũng dần dần ổn định. Biết không thể học tiếp tục, em xin làm giáo viên tiểu học, chị Kim Lai cũng làm việc trở lại trong toà thị chính. Cuộc sống gia đình tạm ổn. Bước ngoặt thứ hai trong đời em là sau khi anh mất tích. Mất tích có nghĩa là chưa chết, nghĩ vậy nên em vẫn một lòng chờ đợi anh về, lấy nghề gõ đầu trẻ làm vui. Nhưng, gần hai năm sau, mạ sợ em không chồng mà trở thành goá phụ, hoá đá vọng phu thiên hạ chê cười nên ép em lấy thiếu úy Sơn, lính dù. Khi em mang thai Kim Phúc sáu tháng thì Sơn tử trận.

Kim Luông chợt dừng, nghiêng đầu ngó vào nhà trong có ý xem chừng Kim Phúc rồi nhỏ giọng :

-Khi hôm đông người quá lại có Kim Phúc bên cạnh nên em chỉ lắc đầu với anh chứ không dám nói cho anh nghe Kim Phúc là con của Sơn.

-Anh biết. Tôi nói xuôi xị.

-Anh có buồn không?

Tôi lắc đầu gượng gạo. Kim Luông mỉm cười :

-Em biết anh chẳng những buồn mà còn bị thiệt thòi nữa tề. Mạ và chị Kim Lai nói em có số "sát phu". Em lại cho đó là điều may mắn. Anh biết tại rằng không nào?

Tôi lắc đầu. Nàng tiếp :

-Tại vì như rứa sẽ không còn ai dám đến thay thế hình bóng anh trong cuộc đời em nữa. Rứa vẫn chưa đủ mô. Sau nhiều lần dò hỏi em vẫn không có tin tức về anh nên em lấy tên Kim Minh để phối pha nỗi nhớ. Đây cũng là cách bù đắp cho sự thiệt thòi của anh cho anh được mãi mãi ở bên em.

-Em có thường hò bài thơ của cụ Ưng Bình trong các buổi diễn không?

-Mô có thường. Khi nào có khách miền Nam em mới hò và nói như rứa.

Nỗi buồn của tôi chợt tan biến ngay. Thay vào đó là sự sung sướng và hạnh phúc tuyệt vời sau khi nghe Kim Luông thổ lộ tâm tình. Giá mà không có Kim Phúc trong nhà tôi sẽ ôm chặt Kim Luông vào lòng, hôn nàng cả ngàn cái cho thoả lòng thương nhớ nên chỉ nói một câu triu mến "Anh cảm ơn em" (Kim Phúc hoàn toàn không biết dĩ vãng của Kim Luông).

Sau ngày giải phóng Huế và miền Nam, chị em Kim Luông đều bị thôi việc, gia đình lại lâm vào cảnh nghèo khó túng thiếu. Mẹ nàng bán ngôi nhà ở Tây Lộc dọn về chợ An Cựu buôn bán. Vì vậy tôi mới không liên lạc được với nàng. Hiện mẹ nàng đã mất, các chị em đều đã có gia đình, nàng sống với Kim Phúc, lấy việc ca hát làm vui.

Hôm tôi trở về Nam, Kim Luông và con gái đến tận khách sạn đưa tiễn, mua nón bài thơ, nhiều loại bánh kẹo đặc sản xứ Huế gửi về tặng vợ con tôi./

Tháng 5.2003-

(*) thơ Bùi Giáng

(**) bài tựa truyện Kiều của Mộng Liên đường chủ nhân.

TRƯƠNG HOÀNG MINH

Tấm lòng của cha và con người lính

Nguyễn Nguyên An



Bất ngờ và xúc động khi cha con anh bộ đội năm xưa tìm đến nhà tôi, thăm tôi. Tôi và anh tay bắt mặt mừng, líu ríu trò chuyện bởi sau hơn ba mươi năm có lẽ, nhiều nơi bãi biển hóa nương dâu, chúng tôi vẫn còn sống gặp lại nhau, là vui lắm rồi! Hồi ấy (1975), Đặng Xuân Hạnh chiến sĩ đơn vị 500^C tỉnh đội Thừa Thiên Huế, 26 tháng 3 giải phóng Huế, đóng quân sát nhà tôi. Hạnh, tôi, Phùng Phương Quý, Lê Hoà (Hải) công an và anh Nam Phương trình sát thường đến nhà tôi đàm đạo văn chương hai miền Nam, Bắc. (Nam Phương và Phùng Phương Quý giờ là hội viên Phân hội Văn học Hội Văn nghệ Phú Thọ) Sau đó, thi thoảng có nhà thơ Hoàng Nhuận Cầm đạp xe đạp Phượng Hoàng, chở sau yên xe những trang thơ bộ đội in từ Măng Cá sang nhà tôi. Nhắc Hoàng Nhuận Cầm không phải tôi thấy *"người sang bắt quàng làm họ"* để đánh bóng mình. Quả thật, tôi thanh niên miền Nam như tôi, không tự hào sao được, khi Hoàng Nhuận Cầm nổi tiếng đến chơi! Các anh bộ đội bạn tôi hồi đấy rất hiền, ai cũng trong sáng, chân tình. Nam Phương viết một bài thơ về lăng Khải Định, anh đi thực tế lên lăng, đếm mấy chục bậc cấp... làm tôi cười! Không ngờ bài thơ ấy được đăng Tạp chí Sông Hương; Hoà làm thơ cũng mượt, lại là tay dồi bột mì nhanh nhuyển nhất và Hạnh trắng trẻo, nhỏ thỏ, lúc nào cũng ăn nói nhỏ nhẹ, rụt rè như gái. Hôm nay, Hạnh đứng trước tôi với mái tóc chưa sợi bạc, mặt sạm nắng và nhiều vết xước thời gian. Dù là vậy, giọng nói, nụ cười vẫn hồn hậu như xưa. Anh bảo: *"Tuởng ông sang Mỹ rồi chứ"*. Tôi cười: *"Không có điều kiện được đi. Nhưng đi mà ở luôn thì không. Quê mình đâu cũng đẹp, cũng dễ thở. Và lại người viết văn thơ như mình xa quê, viết cái gì cũng không ra hồn vì khát tình quê"*.

Hạnh chuyển về tỉnh đội Thái Bình vào tháng 10 năm 1975, đi học Đại học ngành Ngoại thương năm 1977, nay anh làm chủ một cơ sở sản xuất tranh sơn mài tại Bắc Ninh, giải quyết thường xuyên mười lăm lao động. Hoạ sĩ Đặng Mạnh Hà con trai đầu của Hạnh, hiện là giáo viên trường Tiểu học Trung Nghĩa, Yên Phong, Bắc Ninh. Hà vừa tham dự triển lãm tranh ở thành phố Hồ Chí Minh, ghé Huế. Đây là lần thứ 5 hàng năm GALLA DINNER và Chương trình từ thiện của Nghệ thuật đương đại Châu Á tổ chức cuộc triển lãm mang tên: **"Nụ cười 2007"** tại khách sạn **Park Hyatt Sài Gòn**. Phòng triển lãm gồm 17 tác phẩm của 17 tác giả trong đó có 2 tác phẩm của hoạ sĩ người pháp và 15 tác phẩm của hoạ sĩ Việt Nam. Hoạ sĩ Đặng Mạnh Hà. Sinh năm 1978 tại Thái Bình. Hoạ sĩ trẻ tuổi nhất, tác phẩm tham dự. **COOKING IN HIGHLAND** Lacquer On Wood (100cm+100cm). (*Chuẩn bị bữa cơm chiều ở nhà sàn*). Bức tranh **"Chuẩn bị bữa cơm chiều ở nhà sàn"** của Hà được đặc biệt chú ý bởi gây nhiều thiện cảm cho người xem, hoạ sĩ đã thể hiện tình yêu thương tha thiết biển cả của mẹ dành cho con và cảnh gia đình ấm cúng trên chất liệu tranh sơn mài Việt Nam. Hà vẽ một cách vững vàng và phóng túng với các mảng vàng, son trứng trắng đầy chất thơ... Tác phẩm này đã được bán đấu giá cho ngài **Kevin J. Beauvais** người Mỹ với giá **4.500USD**. Đây là bức tranh có giá cao nhất trong cuộc đấu giá. Hà đã gửi tặng toàn bộ số tiền đó cho tổ chức từ thiện, góp phần nhỏ bé của mình giúp các em làm phẫu thuật hở hàm ếch, mang lại nụ cười cho trẻ thơ. Đây cũng là thiện ý của anh Đặng Xuân Hạnh. Hạnh có mặt bốn năm sáu tháng trên Trường

Sơn, nơi nhiều chất độc Dioxin nhưng mừng cho mình đã sinh được những người con lành lặn, vẹn toàn !

Tính đến nay họa sĩ Đặng Mạnh Hà đã có tác phẩm tham dự năm cuộc triển lãm, trong đó ba cuộc cá nhân tại **Trung tâm Giới thiệu và Trao đổi Nghệ thuật** - 43 Tràng Tiền, Hà Nội:

1/ **Dung dị và lãng mạn** (2003)

2/ **Hạnh phúc và bình yên** (2004)

3/ **Mặt trời của mẹ** (2006)

4/ **Triển lãm tranh tượng hiện đại** (2006)

Họa sĩ Đặng Mạnh Hà là giáo viên nhiều năm đạt giáo viên dạy giỏi, anh còn là người nhân hậu, bởi tôi chứng kiến anh hai tay trần trọng đưa mấy ngàn đồng cho người ăn xin. Mừng cho bạn cũ Đặng Xuân Hạnh của tôi đã sinh được người con tài đức, có lòng nhân ái với những mảnh đời bất hạnh!

Huế, tháng 6 năm 2007

NGUYỄN NGUYỄN AN

Sương khói Tây Hồ

Nguyễn Thanh Mừng

Vượt qua ngàn dặm đường từ phương Nam ra Bắc, đặt hành trang xuống chốn Tây Hồ, giữa mịt mù khói sóng tôi lắng lòng để nghe một tiếng chuông. Tiếng chuông mà tôi dọn mình đón nhận là tiếng chuông minh triết từng vang lên và đọng lại trong tâm thức vạn thuở. Có nền là đất, đỉnh là trời, tiếng chuông ấy xa xôi mà gần gũi lắm, bất chấp cuộc hí trường của tạo hóa, nói theo ngôn từ Bà huyện Thanh Quan, một nữ sĩ hoài cổ sang trọng và điêu luyện trong nền thơ nước Việt.

Tiếng chuông ấy là tiếng chuông Mẹ, cất tiếng gọi thương nhớ quất quay để đưa con hiếu thảo Trâu Vàng guồng chân qua vực Kim Ngưu. Đường như từ giờ Tý, nó đã trôi lên theo tấm sóng Tây Hồ và đến hừng đông, nhập thân với chuỗi âm thanh thực giữa bến đò và bờ đê. Tôi cúi nhặt những mảnh vỡ của trời xanh, những mảnh vỡ bao hàm tiết diện của huyền thoại phiêu bồng và thơm ngát và tin rằng, bất cứ ai cần mẫn nâng niu, nó sẽ hóa thành những đóa sen dịu dàng lan tỏa.

Nghe nói thuở hồng hoang, Tây Hồ được bao bọc bởi cánh rừng tiền sử và cuộc nước mênh mang của nó ăn thông với cả sông Hồng. Đó là chuyện của những nhà địa chất, những người cầm trên tay mùi vị của hàng vạn hàng triệu năm qua một vết chân chim hay chiếc lá hóa thạch. Với một ký ức lưu giữ cả muôn trùng như thế, Tây Hồ cho tôi nổi xao động thăm thẳm khiến mỗi cơn gió băng quơ của nó cũng phả vào da thịt mình chút hồn cổ tích. Bất chợt, linh giác tôi thừa nhận rằng hội thi vượt Vũ Môn do nhà trời tổ chức vẫn còn được diễn ra định kỳ nơi này để mọi kiếp thủy tộc đều có giây phút khấp khởi với cuộc ứng thí đầy hy vọng. Cuối cùng là những con cá chép đăng quang hóa rồng, đuôi vẩy râu sừng mọc lên trợn về oai linh, bước sang công cuộc hô phong hoán vũ cho hạ giới. Có điều là, nó vẫn khôn nguôi ngoảnh về bản quán với biết bao bạn bè thương mến cũ. Ở mặt hồ xưa, hình ảnh nó đã một thời gọi nguồn cảm xúc cho những bức tranh **Lý ngư vọng nguyệt**, những bức tranh từng gieo niềm sáng khoái thanh khiết cho các tao nhân mặc khách lẫn những người chân bùn tay lấm.

Giai thoại xưa kể rằng các bậc vua chúa thỉnh thoảng đến Tây Hồ mong tìm chút gì đó giải thoát những hệ lụy trong căn cơ bôn mạng đế vương, hiểu thêm lẽ nhiệm màu của chữ nhân, chữ đức ngộ hầu lúc hồi triều bàn tay sẽ dịu mát hơn khi cầm nắm ấn kiếm trị quốc bình thiên hạ. Các nho sĩ cũng thường xuyên đến đây, tìm sự hứng khởi cho ngòi bút vốn bị câu thúc bởi tính chất văn chương cử tử, hòng nghiêng về phía ảo diệu của nhân tâm. Dưới cảnh trúc la đà, canh gà rộn rịp của Tây Hồ bỗng trở thành điểm lý tưởng kiến tạo cuộc gặp gỡ giữa con người và trời đất, rắc chút băng lãng lên bậc thêm tư duy, tiếp sức cho sự bay bổng của trí tưởng.

Nếu Hà Nội là một bài thơ thiên nhiên được hình thành bởi những nhịp điệu ý niệm của cây xanh, của mây nước thì Tây Hồ là khổ chuyển tiếp cho vĩ thanh sông Hồng miên man. Và nếu các hồ khác đẹp ở sự uẩn súc, cổ điển thì Tây Hồ đẹp ở sự khoáng đạt, cách tân. Về đẹp Tây Hồ đưa tôi liên tưởng đến sự hun đúc vóc vạc và tâm hồn nữ sĩ Nguyễn Thị Lộ, một nét mẫn tiệp bổ khuyết cho cuộc đời uyên minh và bão táp của thi hào Nguyễn Trãi.

Đến thăm đình, chùa và phủ Tây Hồ, một quần thể trong làng Tây Hồ – ngôi làng thơ mộng nối tiếp với Nghi Tàm Quảng Bá, những làng hoa và cây kiểng nổi tiếng của đất nước mà mới nghe tên tất cả sự thơm và ngọt đã ủa về trong ngũ giác – tôi như lạc vào một cung bậc khác của đời sống. Tôi vừa muốn kiếm tìm những tia sáng của vàng trắng văn hóa qua vạn lý phong rêu, vừa muốn níu kéo những con người hiện tại cùng chia sẻ với không khí huyền hoặc của ngàn năm. Tôi sà xuống bên bờ hồ cạnh hai gốc vối cổ thụ, nơi có một trung niên râu tóc ơ hồ, nửa như chìm đắm nửa như lơ đãng với chiếc cần câu. Những con cá rô to lơ lửng nơi đầu dây rồi lọt vào chiếc giỏ lưới như thể vô tình và bản thân tôi cũng thành một khái niệm vô tình trước ánh mắt anh, nếu như không có câu nói băng quơ như thả vào mây trắng:

- Trước khi muốn tìm hiểu về Tây Hồ, ông hãy kể lại cho tôi nghe về mối tình Nguyễn Trãi – Nguyễn Thị Lộ.

Tôi chợt hiểu, chân Ưc Trai đã từng đi trên con đường làng này, mắt đã từng ngắm phong cảnh này, miệng

từng uống bát nước vối từ nụ và lá của cây này, hồn từng thả lời bóng gió với giai nhân đất này và còn để lại trong lòng người địa phương niềm tự hào về chàng rể quý đất Tây Hồ. Ôi, những dòng thơ mộc mạc nhưng tình tứ hãy mãi còn : “*Ả ở đâu mà bán chiếu gon – Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn – Xuân xanh nay độ bao nhiêu tuổi – Đã có chồng chưa được mấy con*”. Gái thuyền duyên không bỏ lỡ vận hội trao duyên với khách anh hùng, Nguyễn Thị Lộ sắc sảo đáp từ : “*Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gon – Có chi ông hỏi hết hay còn – Xuân xanh vừa độ giăng tròn lẽ – Chồng còn chưa có có chi con*”.

Chỉ có bấy nhiêu. Lịch sử không thấy ghi thêm một dòng *lý lịch trích ngang* nào về nữ sĩ thời đầu Lê – người mà cả văn chương lẫn nhan sắc đồ quán xiêu đình đã làm lay động dữ dội tâm hồn Ưc Trai- ngoài đời dòng về việc vua phong chức Lễ nghi học sĩ, ngày đêm ra vào cung khuyết. Sau đó là bức rèm thâm cung bí sử với những mưu toan của hoàng hậu Nguyễn Thị Anh cùng đám hỗn thần bày ra vụ án Lệ Chi Viên thảm khốc ! Bây giờ tôi vô vọng khi có ý định tìm một dòng gia phả hay một cái tên khắc vào những bảo vật văn hóa phi cung đình mà dân gian thường làm đối với các nhân vật bị cấm kỵ nhưng không bao giờ mất đi trong lòng vạn đại. Nhưng cảnh hăm oan đã đeo đẳng Nguyễn Thị Lộ cho đến hôm nay. Câu chuyện truyền kỳ **Rắn báo oán** mà người ta giành để lý giải số phận đại vinh quang và đại bi thảm của Nguyễn Trãi đã đưa Nguyễn Thị Lộ vào tình thế nhân vật *phải gánh lấy, phải chịu đòn* trước bia miệng !

Dù thế nào đi nữa, Nguyễn Thị Lộ trong tâm trí tôi cũng như anh chàng câu cá đang ngồi tán gẫu chuyện thể nhân đây cũng nguyên vẹn một Nguyễn Thị Lộ tài hoa, ngọn gió lung linh rười rượi của Tây Hồ. Và lòng chúng tôi luôn hướng về cuộc xướng họa trữ tình của họ, buổi hai người mới thắp trong lòng nhau cái sự người này muốn *khép mở* giùm bàn tay của người kia khi chèo lái con thuyền vận mệnh để vượt qua cuộc bể dâu. Ừ thì chàng là bậc đại thần, là người từng thay mặt xã tắc, chấp bút cho áng thiên cổ hùng văn của một dân tộc đau khổ và quật cường. Ừ thì thiếp là kẻ quê mùa với gánh chiếu dãi dầu dọc ngang châu quận. Nhưng ai dám bảo rằng Sao Khuê chỉ lấp lánh ở gác tía thêm châu, bỏ quên vàng tóc thè và trái tim đông đầy hương đồng gió nội của người thôn nữ đa cảm và bé bỏng nơi bùn lầy nước đọng ?

Thăm Tây Hồ, đi trên những con đường mang tên các nhà văn hóa lớn của thế kỷ: Xuân Diệu, Đặng Thai Mai, Tô Ngọc Vân, lòng khách xa thêm chút bồi hồi, dịu ngọt. Dọc các con đường, hoa dâu da xoan nở trắng, thi thoảng những nhị hoa li ti rơi trên vai áo thoáng một mùi hương đặc trưng của Hà Thành. Phía trên vàng trắng dâu da xoan dịu nhẹ, mùa hè đã thắp trong vòm phượng vĩ và bằng lăng cao vút những ngọn lửa luân phiên màu đỏ cuồng nhiệt cạnh sắc tím thẳng thốt. Tôi thật khó dứt cái ý nghĩ về những tâm hồn muốn gửi cho nhau một điều gì đẹp để giữa cõi mang mang trời đất. Tây Hồ làng trong phố, phố trong làng. Nhưng cuộc luân chuyển từ làng qua phố những kiến trúc building, hotel, restaurant bây giờ với bước chân quá mạnh dạn của nó có thể làm ai đó giật mình ngậm ngùi trước tiếng ếch hồi niệm, ẩn thân một giọng gọi dò của cõi ngàn xa. Dù đời sống kinh tế có quy luật riêng của nó, nhưng sự điều chỉnh nhuần nhuyễn là hết sức cấp thiết để cuộc hòa hợp của văn hóa cổ và kim được êm thấm, khỏi trầy vi tróc vảy, thậm chí khỏi cả nguy cơ tuyệt diệt. Vâng, chỉ một chút sương mù, một làn khói mỏng, một bóng thuyền lững lờ trong tiếng chuông ngân êm đềm qua sóng nước Tây Hồ cũng đủ lay động đến tâm can muôn người như mọi âm thanh và hình ảnh biểu trưng của hồn cốt dân tộc.

Nhớ mùa thu năm Sửu, vợ chồng tôi có đưa các cháu dạo quanh Tây Hồ, đi trên đường Thanh Niên, xưa là Cổ Ngự, ghé thăm chùa Trấn Quốc có hàng cau thẳng tắp đẹp như nét vẽ. Tôi đã kể cho các con tôi về chuyện ông Không Lỗ đúc quả chuông vĩ đại bằng đồng đen. Quả chuông này thân tóm được anh ba trời đất qua tiếng ngân có quyền uy tối thượng của tâm linh. Vượt qua mọi âm thanh dâu bể, tiếng chuông cổ tích vẫn vẹn nguyên sức mạnh kỳ diệu của nó, len vào cõi tiềm ẩn huyền vi trong mỗi con người hiện tại, buộc một nuốt tư vẩn vút với nguồn cội, với cả thiên hà.

Tôi hòa hợp với tuổi thơ các con tôi, thả trí tưởng theo dấu chân Trâu Vàng thuở ấy. Bóng nó mãi còn lung linh trên mặt hồ, kết tụ qua tiếng chuông huyền ảo, đồng vọng giữa một hiện thực hồn nhiên nhưng đầy mẫn tuệ của dân tộc Việt buổi bình minh.

NGUYỄN THANH MỪNG

Nhà thơ Nguyễn Phan Thịnh :Độc hành lặng lẽ với xa xôi

Trần Hữu Dũng

Trong giới văn nghệ thành phố, nhà thơ Nguyễn Phan Thịnh và họa sĩ Rừng có mối giao tình gắn bó keo sơn từ thuở tuổi trẻ dong ruổi cho đến khi vào Sài Gòn lập nghiệp vẫn không rời. Truyện ngắn *Mùa xuân vĩnh cửu* của Kinh Dương Vương (bút hiệu của họa sĩ Rừng) đăng ở tạp chí Văn năm 1971, ghi lại những kỷ niệm đẹp của họ : “Buổi sáng cuối thu ở cao nguyên trời lành lạnh...Người bạn vừa từ mặt trận biên giới Miền Việt về phép, ghé lại ở chơi mấy hôm nay. Chúng tôi dậy sớm, cảnh vật hãy còn chìm trong màn sương mù trắng đục...Những cánh nước phù du. Và đó thật là một hình ảnh thơ đẹp. Tôi âu yếm nhìn bạn đang mơ màng. Anh nhìn qua bên kia bờ sông, khe khẽ ngâm, mắt dõi vợi dõi theo một hình bóng nào : *Dakbla nước ngược chia dòng / Lòng em biết*

mấy ngả hòng anh theo...(Thơ Nguyễn Phan Thịnh). Đó là tâm sự của anh, theo lời anh kể.”

Nhà thơ Nguyễn Phan Thịnh, sinh năm 1943, tại Hà Nam, có những ngày tháng phiêu bạt, gian nan trong thời chiến tranh và cuộc sống ẩn nấp của nhà giáo Anh văn lúc đất nước thống nhất. Năm 26 tuổi nhà thơ cho trình làng tập thơ *Hư ngôn*, in typo ở Huế năm 1969, lần lượt ra mắt *Mơ một sớm mai hồng*, in ronéo ở Phan Rang tháng 1/1975, *Tình ca mưa* NXB Thanh Niên năm 2002. Ngoài công việc dạy Anh Văn ở Đại học Mở, các Trung tâm Sinh ngữ ở Thành phố để kiếm sống, anh còn miệt mài dịch thơ, truyện, tiểu luận ... đăng các báo, tạp chí như Thế Giới Mới, Kiến thức Ngày nay, Tri Thức, Văn Nghệ Tp. HCM... Khi viết báo anh thường dùng các bút hiệu khác là Thăng Trầm, Nguyễn Phan, Sơn Ca, Quyên Quyên.

Anh viết sớm nhưng đăng rải rác trên các báo, thất lạc lung tung, nhớ năm 2001, anh được thân hữu động viên ra mắt tác phẩm mới, bèn tìm đến tôi nhờ đưa đến NXB Thanh Niên xin giấy phép tập *Tình ca mưa*. Dáng cao gầy gò khắc khổ, ăn nói nhỏ nhẹ mực thước, anh chậm rãi bảo : *“Mỗi bạn góp một ít tiền đưa cho, nay phải có tập hợp lại in một tập, Dũng cố gắng giúp mình...”*. Thật ra là bạn vong niên văn nghệ, anh lớn hơn tôi hẳn một con giáp, nên tôi chỉ loáng thoáng biết qua cuộc sống gia đình, những ngày anh lang bạt, hăm hiu khốn khó của anh ở miền Trung trong năm tháng chiến tranh. Nhiều lần có dịp gặp nhau trong buổi tiệc, góc quán cà phê vắng bàn chuyện văn chương, anh lặng lẽ ngồi nghe, uống chậm từng ngụm rượu, có cái cười vô ưu đến nao lòng. Gánh vác một gia đình có đến “ngũ long công chúa”, anh miệt mài dạy học, cày cật ngày lẫn đêm để mong tạo dựng một mái ấm đàng hoàng cho các con. Đến lúc cuộc sống tạm ổn, mấy đứa con lớn lập gia đình ra riêng, có công việc đàng hoàng, anh Nguyễn Phan Thịnh hớn hở báo tin vui, bảo rằng năm tới xin nghỉ dạy dồn sức vào việc viết lách, dịch thuật, hưởng chút nhàn nhã cuộc đời, hưởng vị văn chương ! Nào ngờ giai đoạn này anh lại vướng vào bệnh ung thư gan, loét bao tử nặng nằm bẹp dí ở bệnh viện Trưng Vương nửa tháng rồi chuyển sang bệnh viện Chợ Rẫy. Thời gian này tôi thường nhờ anh dịch thơ truyện, thơ của Dana, R.Frost... đăng báo Văn Nghệ Tp. HCM nên liên lạc trao đổi thường xuyên, cách 5 ngày trước khi anh mất, anh nhắn tin qua điện thoại : *“Đau quá, nó hành suốt ngày. Xin lỗi không gửi tiếp bài cho bạn được”*. Vội vã tôi nhắn lại : *“Cố gắng sống, yêu đời đi. Còn nhiều việc phải làm lắm...”*. Không ngờ sáng chủ nhật ngày 27.05 anh Ngô Nguyên Nghiễm gọi điện thoại báo tin : *“Anh Nguyễn Phan Thịnh mất lúc 7 giờ 15’ ngày 27/05/2007. Lễ động quan an táng tại Bình Hưng Hòa lúc 7 giờ 30’ ngày 30/05/2007, Dũng nhớ báo tin cho các anh chị em khác đến viếng, chia buồn cùng gia đình”*.

Lặn lội kiếm sống, chăm lo gia đình, anh Nguyễn Phan Thịnh không bao giờ nguôi ngoai trần trở với văn chương. Hết sức ủng hộ họa sĩ Rừng “tái xuất giang hồ” sau bao năm cầm cọ với triển lãm “Bình Minh Mới”, gây tiếng vang khá tốt trong giới mỹ thuật Tp., lo kiếm phụ bản tranh cho tập thơ Tổ Ấm của Ngô Nguyên Nghiễm... Các buổi tiệc thân hữu khi có các anh Lâm Chương, Phạm Nhã Dự ở Mỹ về thăm quê nhà, anh luôn có mặt vui vẻ đọc thơ, bàn luận sôi nổi, làm một chiếc cầu nối tình nghĩa giữa các thế hệ làm văn nghệ.

Lúc đến thấp nhang viếng anh lần cuối, chị Thịnh có đưa cho tôi xem bài thơ [Tuyết Xưa](#), do một thân hữu lục đăng lại trên tờ Phố Vắn, bảo rằng trước đây anh từng đi tu nghiệp ở Oklahoma, có làm bài thơ tình này :

*Xưa lắm rồi, bên cầu gỗ ở Indian Park
Chúng ta nhìn xem đàn vịt trời
Bờ ngõ quang quác dưới mưa tuyết
Và trên lưng ngựa cười lãnh lút không thôi*

....

*Quê tôi nắng gắt và quê em tuyết rơi
Nhưng đã có lần em hát với tôi, xưa lắm rồi
(Tuyết Xưa)*

Bây giờ nhà thơ Nguyễn Phan Thịnh đi xa, độc hành lặng lẽ, bỏ cả xứ sở nắng ấm chứa chan miền Nam, lẫn những cánh rừng phong lá đỏ xa xôi với những kỷ niệm tình yêu trong sáng, bao nhiêu dự tính dở dang trong đời. Đâu đó câu thơ anh nhắc nhớ : *“Em mong sinh con ra đời / Như bài thơ anh ao ước viết xong / Sau những ngày đêm chúng mình cưu mang trần trở / Có ngọn đèn của Prô-mê-tê soi cho chúng ta sống làm người”* (Ngọn lửa Prô-mê-tê, 1982). Anh Nguyễn Phan Thịnh ở cõi vĩnh hằng nào khác, chắc hẳn anh vẫn làm thơ ? Tôi vẫn tin như thế !.

[TRẦN HỮU DŨNG](#)

Ngọn lửa prô_mê_tê đã tắt .

[Ngô Nguyên Nghiễm](#)

(nguyên cầu vồng linh nhà thơ NGUYỄN PHAN THỊNH siêu thoát)

Em mong sinh con ra đời

Như bài thơ anh ao ước viết xong.

Sau những ngày đêm chúng mình cưu mang trần trở

Có ngọn đèn của prô_mê_tê soi cho chúng ta sống làm người vào cuối những năm 2000 thống khổ

Trên hành tinh chưa thể kỷ bình an

Kinh điển chất chồng
Mặt đất đầy hầm bom
Có người cỡi truồng chạy rong phản kháng đời sống dư thừa no đủ.
Có người liếm láp khúc xương dẹt dành với chó
Có lão già qua đời rượu đổ thành sông
Có em bé chào đời mút vú mẹ bầy nhầy đang chết đói hè đường
Ồi phải đâu prô_mê_tê xa xưa ăn cắp lửa
Cho con người sự sống để làm than !
(trích đoạn 6 – NGỌN LỬA PRÔ_MÊ_TÊ – Nguyễn phan thịnh 1982).

Khuya 26.05.2007, ngồi trên quầy thuốc dược phòng, đọc lại thơ NGUYỄN PHAN THỊNH ,tôi lại xúc động như ngày nào đã chiêm ngưỡng bài NGỌN LỬA PRÔ_MÊ_TÊ.nhiều lần,đối diện với NPT,tôi thường bày tỏ đây là một trong những bài thơ hay nhất của anh.Trong một hoàn cảnh trống trước hụt sau,anh làm thơ bên ngọn đèn nhỏ bé,những cánh hoa lung linh đỏ ngời nở,như vỗ về người vợ đang trần trở bên bốn thước vuông chật hẹp,mong bình an cho con được khai hoa nở nhụy với đời .

Linh tính không phải là điều vô lý với đời sống tâm linh,sáng sớm chủ nhật hôm sau (27.05.2007).Tôi mang quả lên Tân phú thăm anh.Điều tâm đắc nhất của người làm văn nghệ,là được ngồi uống chung trà nóng rượu nồng,tâm sự cùng nhau những bài thơ mới sáng tác.Xấp bằng thảo còn thơm mùi giấy trong tay tôi,bỗng dưng rụng rời nghẹn ỡ.NGUYỄN PHAN THỊNH vừa trút hơi thở cuối cùng tại tư gia lúc 7g15 phút sáng này,bỏ rơi lại những bài thơ thống thiết bên ngọn lửa prô_mê_tê đã tắt .

Đoạn đường đi tới đã tử biệt,nhưng nhà thơ NPT chắc chắn sẽ để lại biết bao tác phẩm thi ca,dịch thuật,tiểu luận có giá trị cho kho tàng văn nghệ. Trước năm 1975,tôi đã từng đọc nhiều sáng tác NPT trên nhiều tập san nghệ thuật tại miền nam. Thơ văn anh,đăng rải rác đều trên bách khoa,văn học,văn đề,văn...

Tôi nhớ không lầm trước năm 1975 thật tình tôi chỉ biết anh qua tạp chí và truyền khẩu của các bằng hữu văn nghệ sĩ,mỗi khi quá giang đến thăm tôi.những lúc hàn huyên,tọa đàm văn nghệ,anh em thường nhắc nhau những cái tên bạn bè cầm bút dù không cần gặp mặt bắt tay,trí nhớ thân quen cũng khắc ghi sâu tâm tình chân thành cho nhau ,dù phải 5-10 năm nữa gặp gỡ như cổ tri tâm đắc rồi.với NPT cũng vậy,định lệ đó cũng đâu phải chừa anh,nhiều lần RỪNG, PHẠM NHẢ DỰ và LÂM CHUÔNG thỉnh thoảng từ chiến trận trở về,ghé ngang,đàm phán là có vài lời nhắn của NPT từ miền trung gửi vào.Anh gửi tôi tập thơ HƯ' NGÔN in tyro và nhờ LC chuyển lời muốn tôi tặng lại tập thơ THIÊN THU CA ,LC cười bảo ông thịnh ngại xin thẳng ông.tôi thật sự xúc động,vì lúc đó NPT đã là một nhà thơ nổi tiếng rồi,chính tôi cũng thầm quý trọng.

Từ ngày đất nước liền một cõi,băng đến năm 1988,trên đường lên thăm họa sĩ CHÓE ở Gò Vấp,tôi chạy tạt ngang Tân bình,ngay phòng tranh tư gia của họa sĩ RỪNG KINH DƯƠNG VƯƠNG,dự trù xem những tác phẩm mới sắp triển lãm của RỪNG.một mặt cổ võ cho cuộc triển lãm bốc lửa đầu tay sau vận hội mới của RỪNG,một mặt dự trù sẽ đề nghị RỪNG cho phép tôi chọn một trong hai bức tranh trong tập thơ TỔ ẤM của tôi,sau 13 năm tôi im lặng với văn chương.định mệnh đã điểm,ngoài chuyện RỪNG và tôi sắp sẽ được dấu ấn với tác phẩm trình làng. Lần đầu tiên sau 16 năm biết nhau,thân quen.không cần tư liệu,là diện kiến trực tiếp NPT,anh đang nghiêng nằm ngủ vờ trên căn gác nhỏ đầy tranh của RỪNG. Biết ai không?

RỪNG chỉ tôi lác đầu.NGUYỄN PHAN THỊNH. Rừng cười ,chúng tôi diện kiến từ đó,bên chai rượu thuốc đang dở của họa sĩ nhà văn RỪNG_KINH DƯƠNG_VƯƠNG.

NPT nhỏ nhả như một nhà nho,kín đáo và hiền dịu trong lời đối thoại ít ai ngờ tới.Mọi việc anh rất nghiêm túc và ngay thẳng giây phút ngắn ngủi mà như thân thiết ngàn xưa.NPT hào hứng đọc vài bài thơ mới nhất vừa sáng tác,khẩu khí thi ca vẫn âm vang hào phóng của dòng thơ NPT trước năm 1975 nhưng có phần chưa chất bi thương,như một ngọn bút lông chấm phá tuyệt vời cho thủy mặc.tôi nhớ NPT nghe tôi dự trù in tập thơ TỔ ẤM,đánh dấu 13 năm trở lại,anh lấy tập bản thảo đọc nghiền ngẫm.G iây khắc phải tới,NPT hào phóng đề nghị chọn tôi hai bức sơn dầu của Rừng (tóc xưa+dâng lửa) để làm phụ bản.Tôi chân thành cảm ơn hai bằng hữu cổ tri. Sau đó sau cuộc triển lãm BÌNH MINH MỚI DƯ' DỘI CỦA RỪNG (1988)chính NPT và RỪNG,gới thiệu tôi với nhà thơ CHÍNH VĂN,để NXB trẻ cấp giấy phép in,thì tập TỔ ẤM (12-1988).

NPT chân thành và rất tài hoa,ngoài hiểu biết thâm sâu uyên bác về nghệ thuật anh cũng là người khoáng đạt toàn vẹn đức tính khiêm cung.Nhiều lúc như đi trong bóng đêm hang huyệt mang cuồng vọng ngu điên,cứ ngỡ ngọn đuốc soi đường lừa phỉnh ta,nhưng khí phách nho gia vốn khiến anh ung dung thơ thới trên đường độc hành như PHẠM THÁI múa gươm cho đất trời nghiêng ngửa để tìm bóng dáng một QUỲNH NHƯ',mà đâu từng đoạn với văn chương máu ứa ra đầu ngọn bút,âm thầm hơn chi giọt sương bay.

Cuộc sống của anh và những người thân yêu trong giai đoạn quá khốc liệt.Khổ đó nhưng không than vãn,mang khí phách ngàn đời của người thơ chống chọi sôi sục kiêu hãnh,với đỉnh cực lạnh lùng chờ tiếp tục ră bằng.

Tôi hay quan sát sự đổi đời suốt cuộc hành trình của tri kỷ trong gần 20 năm nay.Những lúc gần ngã quỵ,anh vẫn đứng cảm đứng lên,vịn vai bạn hữu và bằng đôi chân khối óc mình,càng lúc thơ NPT càng khốc

liệt tuyệt diệu hơn nhiều .anh cộng tác với nhiều tạp chí mới trong nước như : MỸ THUẬT THỜI NAY – VĂN CHUÔNG – VĂN UYỂN – VĂN NGHỆ TPHCM – KIẾN THỨC NGÀY NAY- THẾ GIỚI MỚIvà được nhiều tạp chí hải ngoại trịnh trọng đăng lại thường xuyên và nghiêm túc.năm 2002 nxb thanh niên giới thiệu thi phẩm TÌNH CA MÙA của NPT như dấu ấn sâu sắc trên khu vườn nghệ thuật của riêng anh ngoài hai tập thơ chưa ấn hành THƠ VIẾT TRÊN VÁCH LỬA và SUỐI Ở ĐẦU NON.Anh còn nhiều bản thảo tiểu luận,dịch thuật giá trị.

Cách đây hai tuần lễ,những ngày NPT trở bệnh nặng,từ Mỹ PND và RỪNG nhả về,tôi vội vã lên thăm. NPT nằm lặng lẽ trên giường bệnh,anh nắm tay tôi nói ít nhưng vẫn cương nghị chịu đựng,hỏi và gởi lời thăm anh em.Bây giờ 7g15 phút ngày 27.05.2007 NPT đã tắt bước ra đi như thơ anh báo trước.

Bốn hướng cuồng phong quay bơ vơ lốc bụi

Ta độc hành lặng lẽ với xa xôi.

Yên nghỉ đi NGUYỄN PHAN THỊNH cầu nguyện cho nhà thơ,sống đỉnh đạt làm thi nhân,thác siêu thoát với thiên nhiên vĩnh cửu....

(viết tại thư trang QUANG HẠNH)

Trưa 28.05.2007

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

Góc thân quen

Bích Ngân

Tôi cứ chùng chình. Lẽ ra tôi đã phải mang hết đồ đạc riêng tư về chỗ làm mới từ hơn một tháng nay, lẽ ra tôi phải nói lời từ biệt với những gương mặt thân quen và với cái góc thân quen, nơi gieo vào tôi những cảm xúc bình yên; thứ bình yên giản dị của kiếp cỏ cây âm thầm tồn tại, âm thầm sinh sôi. Mấy lần tôi đã xếp gọn sách, vở, mấy đĩa nhạc, hộp cầm bút, lọ cắm hoa... nhưng rồi lại bịn rịn trả về chỗ cũ.

Chỗ cũ là chiếc bàn làm việc đặt ở gian trước của ngôi biệt thự nhỏ nằm ở một góc phố, nơi có hai con đường lớn giao nhau ồn ã xe cộ ngược xuôi. Từ chỗ bàn làm việc, bước mười bước ra góc sân bên phải là chiếc dù bày bán nước giải khát với vài bộ bàn ghế bằng nhựa của chị H, vợ nhạc sĩ N.H.P, người đang phụ trách đoàn ca múa nhạc của Thành phố. Sáng sáng, trước giờ làm, tôi hay uống cà phê nơi quán cóc của chị H, nhờ chị í ới gọi tô bún tô hay tô phở từ những gánh thức ăn đặt bên kia đường. Dần dà, tại cái góc nhỏ này, tôi nhận ra nhiều gương mặt tên tuổi quen trong giới sáng tác âm nhạc như nhạc sĩ T.B, nhạc sĩ P.M.T, nhạc sĩ V. Đ.T...và khách thường xuyên luôn là những người bán vé số, bán trái cây, bán đậu rang khoai luộc, bán xăng, sửa xe, chạy xe ôm và những đứa trẻ đánh giày. Những gương mặt lam lũ nhọc nhằn nhưng dễ mến, nhất là ánh mắt, những ánh mắt gần gũi thân thiện. Thân thiện với lũ chim sâu dạn dĩ sáng nào cũng riu ran chạy nhảy tung tăng quanh gốc lim xẹt xoè rộng cành lá. Thân thiện với chú cún con tinh nghịch đùa nắng, đùa với “những bông hoa rút cánh rơi không thành tiếng”, những cánh sứ trắng muốt xoay vài vòng trong khoảng không xao lao trước khi run rẩy chạm vào bụi đất, thứ bụi đất ít nhiều có trong ký ức mỗi người. Và họ thân thiện đùa giỡn với nhau. Đôi lần tôi thấy người sửa xe chùi bàn tay lấm lem dầu mỡ vào vạt áo rồi khều một cái vào “chim” thẳng bé “người miền Trung” bán vé số trước khi mua giúp nó một tờ. Rồi người chạy xe ôm, người bán trái cây, chị chủ quán và cả ông lão từng là sếp cơ quan tôi làm việc đã hưu nhiều năm vẫn thường lui tới cái góc quen thuộc này cũng sốt sắng mua những tấm vé số giúp con bé, thẳng bé xa quê. Nhìn cái cách họ mua, tôi tin, họ mua vì vận may thì ít mà mua vì niềm vui, niềm vui được làm điều gì đó cho người khác trong khả năng mà họ có thể. Rồi “thằng bé miền Trung” lại móc trong túi ra mớ bạc lẻ, hào phóng mua cho “con bé miền Tây” mấy củ khoai, lon đậu phộng và bày cả lên bàn cà phê chị H, gọi một lúc mấy ly trà đá. Cũng có khi người “khao” là chú bé đánh giày trôi dạt từ đồng đất Nam Ninh...

Và mỗi lần nhìn và nghe tiếng cười đùa hồn nhiên của lũ trẻ xa quê, cái miền quê xa khuất của tôi bỗng đâu đó thật gần. Tôi lại nhớ hình ảnh của một đêm thơ Hà Nội. Đêm thơ ấy vào mùa đông. Giữa cái rét căm căm và giữa bao bài thơ tình yêu với nhiều cung bậc và lóng lánh sắc màu thì lời thơ giản dị của Giáng Vân, một cô gái nhỏ bé gầy gò lại át đi tất cả: “*Ta là con gái nhà quê. Một mình bước đi trên phố dài. Lòng nhớ nắng và nhớ gió... Ta là con gái nhà quê. Đã lâu rồi ở phố...*”. Những câu thơ của cô gái xứ Nghệ như phả hơi ấm của bếp lửa, của trái bắp luộc, của củ khoai lùi, của bàn tay xiết chặt bàn tay... hơi ấm của ngày hôm qua, hơi ấm của những khoảnh khắc lưu mãi trong cuộc hành trình hữu hạn của đời người. Ai đó từng nói, có thể tách một người ra khỏi quê hương nhưng không thể tách khỏi quê hương trong họ. Cũng như tôi, thời gian và nghề nghiệp có thể tách tôi rời xa quê nhà nhưng không thể tách khỏi quê nhà trong tâm khảm và cái chất nhà quê trong máu thịt tôi.

Và chẳng đâu xa, tôi lại bắt gặp hơi hướm quê nhà nơi cái góc nhỏ thân quen.

BÍCH NGÂN

Câu chuyện Hội An

Thái Kim Lan



“Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, thì đời nào mẹ con cũng gặp nhau...”

“Khi tâm chúng sinh tưởng nhớ đến Phật thì tâm ấy là Phật, tâm ấy làm Phật” (Quán kinh)

Lần này chúng tôi hẹn gặp nhau tại Hội An.

Mai Lan đang bận bịu với nhóm nhạc Jazz đến từ Frankfurt sắp trình diễn vào buổi tối hôm ấy tại khu phố cổ. Em một mình cáng đáng mọi chuyện tổ chức do viện Goethe ủy nhiệm giúp 30 nhạc công và ca sĩ trẻ Đức thực hiện trình diễn, lại thêm trước buổi hòa tấu, có cuộc khai mạc cắt băng khánh thành tác phẩm điêu khắc của các nghệ sĩ điêu khắc Đức và Hội An do Cộng đồng Âu châu bảo trợ trong chương trình “tháng văn hóa Đức” của viện Goethe.

Công việc tưởng không có chi, ấy thế mà bề bộn. Nội việc lo kỹ thuật dựng sân khấu và chuẩn bị âm thanh chuẩn xác cho buổi hòa nhạc Jazz khá tầm cỡ ở một thành phố chưa được trang bị kỹ thuật hiện đại, nói đằng này cho người Đức, giải thích đằng kia cho người Việt, cũng đủ bở hơi tai.

Lại thêm con người, mà mỗi người một ý! Không kể người Hội An nói tiếng chi lạ nhiều khi Bé nghe không hiểu, xoay quần với đám nhạc sĩ Đức cũng đủ chóng mặt! Họ còn trẻ, lêu nghêu có, vạm vỡ có, thiếu nữ đẹp lạ lắm đến níu chân mấy người Quảng không “ra Huế đi thi” dừng lại lơ ngơ nhìn! Cả phố Hội nhộn nhạo hẳn lên và hầu như thun lại bé hơn một chút từ khi cái khối đồ sộ 30 người kia đến đứng chật góc đường nhỏ hẹp hun hút hoang sơ đó, đứa này cần cái này, đứa kia cái nọ, cứ là tíu tít như trẻ con, lao xao đến tận con sông Hoài đang bình yên.

“Con rất bận”, Mai Lan cảnh báo trước, nhưng con muốn gặp mẹ, còn tôi thì giờ nào gần được con là vui giờ ấy nên vội vã đến Hội An.

Gặp nhau mà “an” mới là “hội”! Mà “hội” rồi thì có “an” không? Hội An! Tôi nôn gặp con.

Trên đường đã nghe con báo trước trong điện thoại, “Mami, chắc con không có giờ về khách sạn gặp Mami, gần giờ khai mạc mà chuyện chi cũng chưa xong cả. Mami tự đi đến nơi biểu diễn nghe!”. Điện thoại tắt phụt như thể con vừa vụt chạy. Tôi đã nghe gai gai hai chữ “không có giờ”. Có đời mô mẹ nói không có giờ với con chưa? Nhưng cẩn thận, tôi cũng chuẩn bị tư thế “không có giờ” của con, để đừng có cái giận lẫy vùi vĩnh mà những người mẹ thường cho mình có quyền.

Đến khách sạn bỗng thấy đứa con tất tưởi chạy về, từ bờ sông phía bên kia thành cổ, nơi triển lãm điêu khắc sắp khai mạc, một hình chữ S bằng đá nằm cạnh bờ sông với địa danh các thành phố VN, còn nhùng nhằng nhùng nhằng chưa xong, cứ người này nói, người kia chưa hiểu hết nên sửa đi rồi sửa lại (mà mãi sau khai mạc vẫn còn chưa hoàn tất), nơi nên mài nhẵn thì không mài, nơi không nên mài thì mài nhẵn bóng... - nghe nói công trình đã kéo dài hằng tháng...

Ôm con, thật mừng, nhưng trong tiếng hôn đã nghe con bảo: “Con phải đi ngay, mấy người làm chưa xong mà gần đến giờ khai mạc rồi. Mẹ nghỉ một chút rồi đi sau, mà đừng có đi trễ hì!”. Nó cười, đuôi con mắt tinh quái, biết rõ tim đen của tôi. Tôi níu kéo vì không muốn đi một mình giữa phố lạ: “thì chờ một chút có răng không!”. Con chịu mạ, ngồi chờ, nhưng nhấp nha nhấp nhồm, nóng nảy dục phải mau mau. Hình như nó nghĩ, vài phút dành riêng cho mình giữa hai công việc là quá nhiều... Cho nên cả sự hiện diện của mẹ cũng đã thấy hơi nhiều...

Thay cái áo vừa xong là đã bị kéo chạy. Khi đến nơi, nghe người này kêu Mai Lan người kia réo Mai Lan... mà “xốp phốp. Không phí một giây, nó đã thót vào giữa đám người và túi bụi với công việc, quên bẵng cả chính mình, nói chi đến bà mẹ đang lẻo đẻo theo đuôi.

Cứ thế suốt hai ngày gặp nhau, nào có được phút nào bá vai nhau đi chơi phố rõ lâu ngoài giờ ngủ. Tôi xót rỏ bên công việc của Bé như một kẻ vô tích sự. Sợ gần quải con, tôi thu mình tối đa làm một người chỉ đứng nhìn, và thấy bên tôi là một con vụng đang quay. Không chỉ bằng lực mà bằng cả tâm. Tự dưng nghe ái ngại trong lòng. Hẳn nồng nhiệt quá, thì khổ, nghĩ theo cách của các bà mẹ trên đời, là khổ quá!

Tim tôi cứ thót theo con. ML lo quần quẩn khi trời đổ mưa, đúng hai phút trước giờ khai mạc. ML cười tíu tít khi trời tạnh mưa, năm phút trước hòa tấu Jazz. ML kêu trời vì nghệ nhân không làm đúng lời chỉ dẫn. ML nhăn mặt vì âm thanh chưa hoàn chỉnh. ML dậm chân vì ông Giám đốc chưa đến... Và dậm chân luôn cả vì...tôi... không đúng giờ, chỉ một lần thôi nhé trong hai ngày ở Hội An mà đã nghe càu nhàu: “Tụi Đức hẳn đã làm con stressig mà mami còn làm con stressig thêm nữa đó!”. Ui chao, tôi thấy một pho bản của tôi đang ngọ nguậy bên

tôi,

Khi bản hòa tấu Jazz trở lên loạt kèn vui nhộn yêu đời rộn rập ủa ra bờ sông, tôi quay sang nhìn con vừa thò phào ngời xuống với ánh mắt lấp lánh, nghe tim chùng xuống vì thấy nó giống mình, nghe chao đảo vừa tội vừa thương, thấy rõ là con lo lắng hết lòng cho công việc là điều tốt, nhưng xót vì sợ con nhọc nhằn lại chán chát trong dạ.

Đêm về nó lăn quay ra ngủ vì mệt, tôi chỉ còn ôm đầu nó hôn lên trán và thè thệ áp tay em giữa hai tay mình mà ngủ.

Ngày thứ hai, thì “mami phải tự lo liệu” vì ML phải đưa đoàn ra Đà Nẵng biểu diễn.

A, mình đã đi nhiều, thế mà sao hôm ấy thấy bơ vơ như CON vắng MẸ!

Hội An một mình, thì tâm thật khó an! Tôi lang thang qua các phố lụa và nhớ đủ thứ chuyện trên đời. Bên giòng sông nhánh Thu Bồn, Hội An nhỏ bé, nên thơ, an bình nhưng cũng khắc khoải buồn. Đèn lồng trái ú gỏi nhiều ánh mắt nhớ nhưng long lanh trong bóng sông như gọi người bên nó về mau. Đến tối khuya, khi con về thì tôi đã ngủ “bén”...nói theo tiếng Quảng- mất rồi

Ngày cuối cùng, theo chương trình, cả đoàn hòa tấu được đưa đi du ngoạn núi Bạch Mã, chiều trở về Hội An và sáng hôm sau ML dẫn đoàn đi Hà nội. Tôi phải vào Huế vì có chương trình dạy ở Học Viện Phật học Huế nên không theo con ra Hà nội được. Chúng tôi còn một đoạn đường chung nhau đi đến Bạch Mã, sau đó khi đoàn trở về Hội An, tôi sẽ đi tiếp ra Huế. Để chắc chắn, tôi đã lấy vé trước tại văn phòng du lịch Hội An, chẳng đường từ Cầu Hai, dưới chân núi Bạch mã về Huế. Theo lịch đi, xe sẽ đến đón ở chân núi lúc 15 giờ 15 nơi một trạm nào đó không tên, chỉ biết chừng dưới chân núi.

Ngồi bên con một quãng đường dài là thích, nhưng trong bụng thì ngay ngáy lo. Chỉ lo không biết khi xuống núi có kịp đón xe như đã hẹn, bởi vì tôi chưa lần nào đón xe theo kiểu ấy.

Quảng đường Đà Nẵng- Huế ngày nay xuyên qua hầm địa đạo, du khách không còn được dịp ngắm cảnh trời biển mênh mông khi xe lên tới đỉnh đèo Hải Vân, cũng uống! Bỗng thấy ML đứng lên đề nghị chuyển về sẽ không đi đường hầm mà đi đường đèo cho mọi người ngắm cảnh. Một ý hay! Tôi cũng sẽ làm như thế ở địa vị của con! Nhớ lần nào qua đèo trong những chuyến đi ngày trước, bao giờ tôi cũng đánh thức bé Mai Lan dậy xem cảnh đại dương lồng lộng dưới chân đèo. Nhưng lần này nghe thì hoảng.

Tôi bảo con: “Con tính như rứa là đoàn phải về sớm mới xem phong cảnh được, vì trời 4 giờ đã tối, một hay hai giờ trưa là phải đi về, rứa thì con không ở với mẹ đợi xe đến rước mẹ hay rằng? Nhớ xe đến trễ...”

Mai Lan trả lời đơn giản: “Mami phải đợi xe một mình chứ, vì con phải đi theo đoàn, làm sao con bỏ đoàn được.?” Nó nghĩ như một thanh niên, đứng đón xe đò thì có gì khó, nhất là đã mua vé rồi và tôi cũng là một ... thanh niên!

Tôi nghe con có lý và vô lý mà lặng cả người, nếu mình nói chi thêm là hấn kêu mình “stressig” đấy. Tôi lặng thinh, nhìn ra cây rừng đang từng đoàn chạy ngược lại, trong tâm lờn vờn cảnh đứng đón xe giữa một nơi xa lạ mà vừa khiếp sợ vừa buồn phiền, nhớ xe không đến thì phải làm sao? Hình như hai ngày ở với con, tôi như một cây leo, cứ tựa vào con mà vui, nên ý nghĩ đứng một mình ở quảng đường lạ lại càng ghê người. Một lát, thấy tôi im lặng không nói năng, mặt không quay về phía em như thường lệ, ML cất tiếng: “Mẹ giận con há?”

Không dấu diếm, tôi nói một hơi: “Ừ”, mami giận con, chờ rằng mà không giận được? Mẹ giận con đó tề, con nghĩ rằng mà muốn bỏ mẹ đứng đó một mình chờ, lỡ có chuyện chi, xe không đến thì làm rằng? Mẹ cứ nghĩ là con cùng đợi với mẹ, đoàn đợi con một tí có sao đâu!”. Đưa con im lặng, nó đã không nghĩ đến khả năng yếu ớt của người mẹ. Tôi bảo con: “Đừng lỡ thấy mẹ đứng một mình, có đứa tâm bậy giựt xách của mẹ thì rằng?” Bao nhiêu võ nghệ hùng dũng, bấy lâu dày công tập luyện nội công ngoại kiếm mà tôi đã từng rùm beng rêu rao, đều theo câu nói ấy tan thành khói mây, nhưng nói được là hả dạ. Mai Lan cũng không cãi như mọi khi có gì không đồng ý. Cả hai mẹ con đều yên lặng

Xe đi một quãng, cơn giận nguôi ngoai, có ai giận con lâu được? Hết giận thì thương, tôi quay sang nắm tay con, gọi chuyện, để làm ngắn đường dài.

Tôi kể cho con nghe đêm xem hát chèo “Thị Mầu lên chùa” ở Hà nội mà Mai Lan vì bận viết chương trình cho tháng văn hóa Đức nên không xem được. Tôi kể tiếp chuyện Quan Âm Thị Kính Việt nam chịu mọi hàm oan nuôi con Thị Mầu. Rồi như bị thói quen chế ngự - những năm thơ ấu trên các chuyến xe đò du lịch, bất cứ đi nước nào, tôi thường kể đủ thứ chuyện cho bé ML cho đến khi em gục ngủ trên tay, - tôi lại huyền thuyên kể cho con những công án Thiền thâm sâu của nhà sư Hakuin (thế kỷ thứ 17) có liên quan đến tích tuồng nói trên, lại kể giai thoại về thiên đường và địa ngục của vị thiền sư Nhật này và nhiều công án Thiền có ý nghĩa phá chấp trước.. Đến chuyện hai nhà sư qua dòng suối gặp cô gái, một ông cõng trên lưng, một ông cõng trong ý tưởng, chúng tôi đã hòa làm một trong tiếng cười.

Con đường đi đến thác Đỗ Quyên thật là ngoạn mục với nhiều cây lạ miền nhiệt đới. Tre lá ngà xanh thắm vượt núi chen tìm ánh sáng, dương xỉ thì cao như cây dừa xiêm xoè tán to như mái lều tranh. Chúng tôi dừng trưa bên thác nước, trước cảnh núi mây băng lạnh.

Đỗ Quyên đã tàn theo gió, nhân diện đào hoa không còn, chỉ còn lá xanh son sắc soi bóng suối ngân nga.

Mấy chàng nhạc sĩ đã không quên đem theo kèn Saxophon lên núi, cả đám trẻ đùa vui, nghịch nước, tắm nắng, hưởng những giây phút yên tĩnh sau những ngày lưu diễn ở ạt từ Sài Gòn đến Hội An. Và trước khi xuống núi, một nhạc công trẻ đã đem hết hơi bình sinh thổi kèn, thân tặng núi rừng Bạch Mã âm thanh mang đến từ phương trời xa xôi.

Tiếng kèn rền rĩ hòa với suối reo, dội lên tầng mây trắng đang bay trên đỉnh núi...Không biết có đám mây nào, con ngựa trắng nào dừng lại không bay?

Chỉ nghe tiếng vọng “trường khiêu”, Đông hay Tây, cũng vẫn là “nhất thanh” như tiếng vang của nước núi mây ngàn, làm cho Bạch mã nghìn năm mây trắng vẫn còn trắng bay!

Đó là khúc tấu Jazz hay nhất trong đời tôi từng nghe.

Khi đoàn người lục tục lên xe để xuống núi trở về, tôi lại nôn nao với chuyện đón xe dưới núi. Tôi đã bỏ khả năng MLan cùng đón xe với tôi từ lâu và loay hoay thầm tính một mình mà cũng đang chưa biết tính làm sao, chuyện sẽ ra thế nào, đứng đợi xe ở đâu cho tiện, xe có đợi mình hay mình đợi xe không bao giờ tới...

Đoàn người lục tục lên xe, chọn rộn tìm chỗ ngồi. Tôi rảo mắt tìm con, bỗng nghe tiếng Mai Lan nói với người trưởng đoàn Đức, phía đầu xe, rõ ràng mà chững chạc:

“Khi đến chân núi, các anh chị cứ theo xe về Hội An trước, còn tôi về sau, vì tôi sẽ ở lại với mẹ tôi đợi chuyến xe về Huế và sẽ đón xe ngược về Hội An sau đó!”

Tôi sửng sốt, tim rộn trong lồng ngực! Quá bất ngờ nên chưa tin hẳn, quay lại nhìn thì thấy tên trưởng đoàn mặt mày nhăn nhó, hần bảo giọng nhỏ nhẹ như năn nỉ, tốt hơn Mai Lan nên theo đoàn về cùng. Nhưng Mai Lan thì về mặt quả quyết:

“Không sao đâu, tôi sẽ về ngay, các anh chị về đến phố Hội, tắm rửa rồi chúng ta sẽ gặp nhau tại tiệm ăn, tôi đã đặt sẵn buổi cơm ở phố cổ. Hôm nay chúng ta được Viện mời.”

Nghe con nói mà thương con quá đỗi! Con đã đổi ý hồi nào mà tôi không hay? Lúc nghe câu chuyện Thiên hay khi ngấm thác Đỗ Quyên? Bối rối không ít trước mấy chục con mắt đổ dồn, tôi đến chen giữa hai người, nói gạt đi:

“Ồ không, không, Mai Lan đi với đoàn chứ!”

Quay sang con, tôi cương quyết:

“Con đi với họ đi, chừ mẹ hết sợ rồi. Mẹ chờ xe một mình được, miễn sao mình xuống đó trước 15 giờ để khỏi lỡ chuyến xe con à. Mẹ chỉ sợ xe chạy qua mà mình chưa đến chân núi!”.

Trong xe, tôi nói với con: “Mẹ đợi được, con đừng lo, đừng sợ mẹ giận. Mẹ đã bỏ cơn giận trên đèo Hải Vân rồi...như ông sư nọ”. Hần cười nhưng vẫn chưa chịu bỏ ý định: “Để tránh mọi nguy hiểm, tốt nhất là con ở lại với mẹ, không thôi con lo!”.

Riêng tôi, đột nhiên mọi sợ hãi biến mất. Mai Lan phải đi theo đoàn. Điều ấy chắc chắn.

Khi xe đến chân núi, Mai Lan bảo anh tài dừng lại, và em xuống theo, tôi nhất quyết bảo con phải đi theo đoàn, tôi chỉ cái quán bên đường bảo:

“Mẹ ngồi chờ nơi ấy, con yên tâm, lên xe đi!”.

Mai Lan vẫn chưa chịu đi, quay số gọi điện cho hãng xe để biết xe của tôi đang ở đoạn đường nào, em lấy bút ghi số điện thoại cho tôi. Khô thay, cái handy của tôi lại hết điện, rất đúng lúc! Vậy là em phải gọi tài xế đang chạy chiếc xe, mà không bắt được. Nhìn thấy mọi người trên xe đều hướng về phía chúng tôi, mắt chờ đợi, tôi dục Mai Lan:

“Con lên xe mau cả mọi người chờ. Lên mau đi con!”

Mai Lan chưa bắt được liên hệ với chiếc xe sẽ đón tôi nên chưa chịu lên, em quay sang gắt lại với tôi:

“Thì tại nó phải chờ con không được à? Mấy bữa ni tại hần cũng bắt con chờ bức mặt đó tề! Chừ họ chờ con một chút (tí) có sao đâu!”

Buồn cười vì lý luận trẻ thơ của con, mà nước mắt đã tràn mi, tôi lóng ngóng, sốt ruột nhìn mấy cái đầu tóc vàng lố nhố trên xe rồi nhìn con. Nó quay lưng, không thèm để ý đến chiếc xe buýt vẫn đang nổ máy và bọn người chờ đợi, bám hết số này đến số khác. Điện thoại mãi cho đến khi được tin xe đang đi đến, chưa vượt quá Cầu Hai, Mai Lan mới chịu lên xe.

Tôi nhìn theo con trong bụi mù bỏ lại của chiếc xe vừa lẩn bánh, người lão đảo như chân vừa bị một cơn sóng xô vào, nhưng nụ hôn của con còn nóng trên má đã đỡ tôi không ngã. Trên đường xe chạy vùn vụt qua lại không ngớt, tiếng người gọi nhau ới ới khi có xe dừng, bóng đen của những người xe thò ập đến tranh khách như những cánh dơi đập loạn trong nắng. Gió rừng rức hơi nóng thốc vào cơ thể, bụi u mê quất vào mắt từng loạt xót cay.

Tôi đứng đó, xa bên kia đường là phá Túy Vân chập chùng khói sóng, sau lưng là núi Bạch Mã mây bay thoát tục, đằng trước mang mang quốc lộ, đằng sau hư ảo chân trời, với cái va li, thùng quà lồng chông, ba lô sau lưng, bỗng thấy mình như một chấm nhỏ trong cõi hồng trần mù khơi từ bao đời đời kiếp kiếp, tình cờ xuất hiện nơi đây, Cầu Hai – ai đặt tên này thật ngộ, “cầu hai” chứ đừng cầu “một” nghe!!! – mà mỗi xuất hiện, mỗi hiện hữu

không gì khác hơn là một cuộc chờ đợi, “đứng đó mà chờ”! Chờ một chuyến xe như hôm ấy, hay trong đời người chờ gặp lại nhau, tìm lại một nửa hay phần tư của mình trong muôn kiếp trước... Trong hằng hà “bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ” cuộc chờ ấy có thể biệt mù khắc khoải, từ kiếp này sang kiếp khác, đục hiện sinh khao khát lang thang trong cõi luân hồi. Cơn khát có thể gây lo âu, sợ hãi, nghi ngờ, ganh ghét, oán thù, nóng nảy tranh dành, gây mầm chết chóc, tiêu diệt lẫn nhau, hồi hải dành tới đích.

Thời gian đợi chờ hầu như thuộc về bóng tối, là sự vắng bóng ánh sáng của người hay vật ta chờ, nó có thể là vực thẳm hư vô lôi cuốn người chờ nhảy vào tự hủy, tự sát trong vô vọng, nếu không có một điều gì có thể níu ta đứng vững bên bờ vực thẳm, cho ta sức kiên nhẫn đợi chờ.

Điều gì ấy may thay tôi đã nhận được nơi bến đợi Cầu Hai: tiếng nói của con đã kéo tôi đứng vững và đang vang dội trong tôi vừa êm ái, vừa khích lệ, vừa dỗ dành vừa thúc dục. Nghe tươi mát như tia suối nhỏ bé len lỏi khắp châu thân, tình thương của con đang xua nắng, gió, bụi mờ cho tôi, làm dịu cơn nóng nảy hoang hốt trong tâm, chặm khô mồ hôi nhễ nhại trên lưng, biến sự chờ đợi không còn gay gắt nữa. Tôi thấy mình sẵn lòng chờ, sẵn sàng đối phó với mọi bất ngờ có thể xảy đến với tâm bình an, chịu đựng.

Và hơn thế nữa, trong tình thương ấy, mỗi phút giây đợi chờ bỗng trở nên nổi bật hời hợt của phiêu lưu sáng tạo. Nó khơi sức chỗi dậy ra khỏi mọi thụ động tất nghẽn vì lo âu nghi hoặc, làm cho tứ chi linh hoạt, trí óc nhạy bén, để đối phó ngoại cảnh, đổ đầy khoảng trống thời gian bằng hành động có ý nghĩa xây nhip “cầu hai”, làm ngắn khoảng cách, làm gần cách xa.

Chính trong lúc không thấy nhau, cái tình ấy khích lệ mỗi người “gìn vàng giữ ngọc” cho nhau – hay nói nôm na là phải cẩn thận đừng trật chân vấp ngã trầy da u trán có thể làm xót dạ người kia, đừng để một giọt mưa rơi trúng có thể làm đau – như B. Brecht có lần nhắc nhở. Và có lẽ còn hơn thế, ánh sáng của tình thương ấy có sức thu hút của một thứ từ trường, một thứ “nhớ” bùng, trong đó con người tự nhiên “không quên” dụng tâm đầy lùi bóng tối, để được là “sáng” như ánh sáng kia, được xứng đáng với tình thương ấy. Hình như đó là hướng đi về nơi phát tâm “tránh dữ làm lành”. Và với tâm “băng tâm” ấy như dấu hiệu tin yêu, cuộc tương ngộ không còn nan giải.

Biết bao điều tôi đã học được từ đứa con, trong 45 phút chờ xe nơi “Cầu Hai” ấy, mà mỗi phút “chờ” bỗng trở nên một điểm “khởi tâm đi”, đến gần với con, gần với Phật.

Trích TiaSang

THÁI KIM LAN

Nơi Bắt Đầu Đô Thị

Nguyễn Nguyên An

Chúng tôi linh kinh đồ dùng cá nhân về cuối nguồn phá Tam Giang trời cũng đã gần chiều. Nắng thu vừa mới nhạt màu đầy thôi, giờ ngấm thêm hương biển trở vàng sánh, mặn mòi phủ trên cây lá, ngã xanh rêu trên mái đình cong vút cổ tích. Chợ Hiền An I đã tan, vẫn lèo tèo, lơ thơ đôi ba quán sá bày bán hàng tạp hoá, gia vị, phê pháo giải khát hai bên quốc lộ 49B. Khu dân cư chen chúc hiền hoà, nhip sống ít sôi động thanh bình đậm nét đặc trưng dải đất cát bên biển, bên đầm sâu sắc xanh tươi. Từ phút giây này, chúng tôi được sống ba cùng với nhân dân.

Thôn Hiền An, xã Vinh Hiền là một thềm đất cát bạch sa cuối phá Tam Giang phía Bắc vào. Như một ốc đảo ba bề, bốn bên là nước, nếu không có đường 49B chạy dọc phá đến cùng đường, tận biển. Và mỗi ngày, hai chuyến xe đò chở khách cùng mấy chục chuyến đò ngang phá qua lại Lộc Bình đem chút xô xao thị tứ, phố chợ về với thôn, xã thì Hiền An càng xa xôi heo hút. Rẻo đất cát bãi ngang Hiền An nằm cuối hệ thống đầm phá nước lợ Thừa Thiên Huế (bao gồm phá Tam Giang, đầm Sam, đầm Chuồn, đầm Thủy Tú, đầm Đá Bạc, đầm Cầu Hai...) liên lạc một mạch từ tỉnh Quảng Trị vào Thừa Thiên Huế, vốn nhiều tôm rần, cá mú, cá hồng...thích ăn rong tảo, phù du mọc trong tràm tích đá vôi trôi ngoài cửa Tư Hiền vào, có diện tích mặt nước rộng hơn 22.000ha, vùng đầm phá rộng nhất Châu Á. Theo ông Ngô Quang Thành cư dân Hiền An kể rằng, ông Tổ họ Ngô làm nghề ngư, theo đuổi con cá đến làng Phụ An, phường Phụ Luy, tổng Diêm Trường, phủ doãn Thừa Thiên này vào năm 1776, Cảnh Hưng thứ 36 đời vua Lê Hiển Tông. Và các họ: Huỳnh, Phan, Phạm, Lê, Ngô, Đỗ, Nguyễn, Trần, Hồ...đến từ thời Trịnh Nguyễn phân tranh. Như vậy, quá trình hình thành, thành lập làng cũng đã trên dưới 300 năm.

Cửa Tư Hiền nằm giữa xã Vinh Hiền và Lộc Bình nơi thông phá Tam Giang với biển Đông. Bà con ở đây còn gọi là cửa Tư Dung. Ông Ngô Quang Toái, năm nay đã ngoài 80 tuổi kể: "Đất này xưa kia thuộc **Châu Ô**, cửa này tên là **Ô Long Hải Khẩu**. Sư Tử Dung phái **Thiên Tông** Trung Quốc sang đây truyền đạo **Phật**. Sư viên tịch người sùng đạo gọi cửa **Tử Dung**. Sau này, **Công chúa Huyền Trân** con vua Trần Nhân Tông em vua Trần Anh Tông trước khi xuất giá sang Chiêm Thành ghé lên đây bái vọng tổ tiên. Từ đó cửa có tên **Tư Dung**. Tư Dung do lòng thương nhớ dung nhan kiều diễm của **Huyền Trân Công Chúa** mà thành. Đây là cửa biển trọng yếu, dãy núi giáp biển thiết lập hệ thống phòng thủ rất mạnh, được gọi: "**Bách Nhị Quan Hà**", có nghĩa 02 người phòng thủ với tên lửa, gỗ, đá lăn chống được 100 người tấn công. Ngày trước, chúa Nguyễn Phúc Ánh trên

đường kéo chiến thuyền vào cửa Thuận, ngược gió thuyền lên không nổi, mới cho quân thám thính cửa này, quân thám thính thấy ánh sáng lập loè báo lại cho chúa Nguyễn. Chúa cho quân theo ánh sáng lập loè vào cửa, sau mới biết ánh sáng đó phát ra từ mắt đoi rái cá. Khi lên ngôi, vua Gia Long cho rằng, nhờ cặp rái cá dẫn đường quân vào cửa trót lọt, dựng nên cơ đồ nhà Nguyễn, vua phong cặp rái cá: **Lang Lại Nhị Đại Tướng Quân** và cửa biển là **Cửa Biện**. Đến đời vua **Minh Mạng** cửa bị lấp, vua coi đó là điềm lành, kẻ địch không đánh thọc nách kinh thành được, bèn đổi tên cửa **Tur Hiền...**. Ông Thanh cho rằng **Huyền Trân Công Chúa** mở cõi đất này. Ông đọc đoạn đầu bản trường ông viết:

*Thuở Huyền Trân quy Chiêm mở cõi
Đây Ô Lý xứ sở lạ lùng
Trải xuân thu tang điền dâu biển
Lấp, lỗ mấy lần hải khẩu Tư Dung
Làng tôi thuộc phường Phụ Luy
Đông cửa Tư Dung, tây Đá Cột, Đông Đò
Một rẻo cù lao trong đầm ngoài biển
Canh khản tiền hiền Phan, Phạm, Lê, Ngô...*

Về những hòn núi ở Vinh Hiền dân gian tương truyền rằng, ngày xưa có ông Mục thủy Tổ họ Lê có biệt tài biến chiếc nón thành ghe, biến lưỡi mác thành mái chèo vượt phá, có một lần ông gánh hai hòn núi về lấp cửa biển làm đường cho con cháu sau này tiện việc đi lại, ông gánh ngang Vinh Hiền giống đứt, hai hòn núi rớt xuống cái àm; một thành núi Linh Thái, một thành núi Rùa. Trên núi Linh Thái có một cái giếng không đáy, thả một trái dừa khô, trái dừa chạy tuột ra ngoài khơi...

Chúng tôi đi dò máy tham quan cửa Tur Hiền. Đò máy nổ ục ục chở chúng tôi ra cửa Tur Hiền, bên kia sừng sững dãy núi liền nhau: Gành Quên, gành Lãng, gành Con Vội, Đông Đò, bên này lẻ loi núi Rùa. Chiều ngang cửa Tur Hiền tính từ mép cát thôn Hiền An II sang rẻo cát dưới chân núi Lộc Bình chỉ ngoài 120 mét. Anh Tâm chủ đò đang điều khiển chiếc đò chạy vòng vèo tránh cạn rầu rầu nói, cửa chỉ sâu hơn 2 mét, nhưng vì nơi đây linh thiêng và nước chảy rất mạnh, rất xoáy nên chưa có ai dám cả gan lội qua. Đò máy dập dềnh sóng biển chừng 45 phút đưa chúng tôi đến **Cảng Chân Mây**. Đúng là cảng nước sâu, nước xanh ngắt một màu và kín gió bởi tầm mắt chúng tôi đứng ba bề toàn núi to đùng chạng ạng. Cảng đang có tàu **Grand Blue PANAMA** cập bến, neo đậu trong Bến số 1. Tôi biết công trình Bến số 1 - Cảng Chân Mây là một công trình lớn với tổng mức đầu tư **277,47 tỷ đồng**, hạng mục kéo dài **120 mét**. Bến số 1 đã hoàn thành 96% khối lượng công trình. Sáu tháng đầu năm nay, cảng đã tổ chức đón **30 chuyến tàu cập bến (5 chuyến tàu ngoại trọng tải từ 15 ngàn - 20 ngàn DWT)** với lượng hàng thông qua cảng gần **100 ngàn MT**. Chúng tôi về lại Hiền An, ngoài khơi xa trông vào, thấy núi Đông Đò và núi Rùa như hai chú voi phục chầu cửa Tur Hiền. Thế núi, thế biển xứng danh **Bách Nhị Quan Hà**. Buổi tối, tôi lọ mọ ra ngồi chén chén anh với anh Tâm chủ đò. Anh Tâm thiết tha tâm sự: "*Cửa Tur Hiền là nơi giao thoa các dòng hải sản, tôm, cá...và tuyến đường thủy huyết mạch cho cư dân đi lại đây đó, thông thương thương mại, ra lộng vào khơi nhưng nay như gần bị lấp, anh thấy hỏi thưa tôi phải chạy chữ u mới vào được đó à. Vì vậy cá tôm ít vào phá nên những gia đình chuyên nghề bữa sáo, giăng câu trong đầm làm suốt đêm, suốt con nước cũng chỉ được vài chục ngàn. Nếu cửa sâu hơn vài chục mét, rộng hơn thì bà con sinh sống trên đầm dễ thở hơn..."*

Ngày 17-7-2004 tại km 88+600 quốc lộ 49B thuộc thôn Hiền An, xã Vinh Hiền, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên đã làm lễ động thổ **khởi công công trình thế kỷ cầu Tur Hiền với tổng kinh phí gần 150 tỷ đồng**. Cầu sẽ được xây dựng cách cửa biển Tur Hiền 800m về phía đầm Cầu Hai, chiều dài 915,5m, đường hai đầu cầu 1200m, theo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng. Và được xây mới vịnh cửa, bằng bê tông cốt thép dự ứng lực, tải trọng xe ô tô H30, xe bánh xích XB80, người 300kg/m², khổ cầu 12m cho 2 làn xe, khổ thông thuyền H=9m, B=60m. Cầu gồm 6 nhịp chính, 2 nhịp 55m và 4 nhịp 90, thi công theo phương pháp bê tông cốt thép dự ứng lực liên tục bằng phương pháp đúc hẫng cân bằng, mặt cắt ngang dạng hộp, phần nhịp dẫn dùng dầm bê tông cốt thép dự ứng lực giản đơn kiểu "SU PERT" gồm 11 nhịp khẩu độ từ 39 đến 40m, kết cấu phần dưới toàn cầu có 2 móng và 16 trụ, móng dùng cọc đóng bê tông cốt thép cho phần cầu dẫn và cọc khoan nhồi F1,5m cho phần cầu chính. Cầu vượt qua cửa biển Tur Hiền nối với đường quốc phòng Lộc Bình, gặp quốc lộ 1A tại km 869+500 chân đèo Phước Tượng. Thời gian thi công **24 tháng**. Đây là công trình quan trọng, nối liền dải đất cát ven biển, ven phá với đất liền bên kia Phú Lộc, Cầu Hai... để nhân dân Khu III không còn cách trở, thoát cảnh ốc đảo ngàn đời nay, vừa đảm bảo an ninh, phòng bão lũ, phát triển kinh tế, nhất là du lịch, nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản và nông nghiệp... tưởng như chuyện thần thoại có thực trên đời!

Ở thôn Hiền An I tôi cũng thấy xáng đang nạo vét ven đầm chuẩn bị thi công Cảng cá Vinh Hiền với tổng kinh phí 28 tỷ đồng. Trong thời bình, cảng cho tàu bè nhân dân ra vào trao đổi mua bán sản phẩm; thời chiến cho các tàu quân sự cập bến sẵn sàng chiến đấu và giữ gìn an ninh trật tự khu vực... Theo cấu trúc cảng có vịnh tránh mưa, tránh gió và bình thường độ sâu từ mặt nước lên đến chiều cao mặt cảng khoảng 3 mét, cho các thuyền

nhỏ chui dưới gầm cảng tránh mưa. Độ sâu lòng nước được nạo vét hơn 3 mét, khi mới nạo vét luồng lạch còn thông thoáng cảng có thể đón tàu 400 tấn theo thiết kế kỹ thuật, nhưng trong quá trình nước chảy bồi đắp độ sâu cạn lại nên chỉ đón tàu 200 tấn. Vì những lợi ích của xã nhà, huyện nhà và bà con sinh sống trên đầm phá, trên dải đất cát bãi ngang ven biển mà 33 hộ dân có nhà trên khu vực làm đường vào cầu Tư Hiền và 7 hộ dân sống ven phá trong phạm vi Cảng cá Vinh Hiền thuộc thôn Hiền An I chấp thuận đến tái định cư ở vùng trũng Hiền Hoà thuộc xã, cách nhà cũ 1,5km và 7 hộ chấp nhận xén đất vườn, xén nhà bếp để giải phóng mặt bằng thi công cầu Tư Hiền. Đó cũng là một sự hy sinh trong thời bình, hy sinh nơi chôn rau cắt rốn, nơi bán quán thân quen cũng là sự góp phần tích cực cho sự đổi thay, lớn dậy tròn lành, hiện đại của quê hương, bản xứ.

Xã Vinh Hiền là một xã vùng thấp trũng xa nhất của huyện Phú Lộc. Cũng là một xã trong số 22 xã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là địa phương đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển. Thu nhập bình quân chưa đầy 70 ngàn đồng/người/tháng. Toàn xã có 1700 hộ, gần 9000 nhân khẩu, trong đó hơn 500 hộ thuộc diện nghèo. Do vậy, Nhà nước đã và đang quan tâm xây dựng Khu đô thị mới nơi đây với nhiều dự án khả thi như cầu Tư Hiền, Cảng cá Vinh Hiền và Khu du lịch sinh thái... để nâng cao, cải thiện đời sống nhân dân Khu III Phú Lộc. Về mặt du lịch, địa phương có mấy ngọn núi Linh Thái, Hàm Rồng, Thủy Vân và bên kia Lộc Bình, Chân Mây núi non chập chùng, hùng vĩ ẩn tàng linh thiêng, huyền thoại. Một dải nước non, bờ bãi, mây thủy tuyệt vời. Tôi từng tha thẩn trên bãi cát ven biển chạy dọc theo dải thủy dương xanh ngan ngát đến núi Hàm Rồng, tôi nghĩ đất nước mình thật sâu sắc một màu xanh. Bãi cát này đẹp như cô Công chúa kiều diễm ngủ muện trong rừng đang chờ chàng Hoàng Tử hào hoa, đức độ đến đánh thức. Công chúa trở dậy đẹp lòng lòng như bà hoàng thời hiện đại. Và tôi không quên lối bộ lên chùa Thánh Duyên trên núi Túy Vân đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận Di sản Văn hoá quốc gia. Gặp thầy Thích Chơn Thành trụ trì chùa đang tọa thiền vào hạ, thầy vui lòng xả thiền giảng tôi nghe sự tích chùa: "Xưa, chùa tên Mỹ Am Sơn Tự. Đời chúa Nguyễn Phúc Tần (1644) cho đặt nền móng điện Đại Hùng và đặt tên chùa Thánh Duyên. Chúa Nguyễn Phúc Chu tu sửa và chu cấp hương khói hằng năm. Đến triều Minh Mạng, vua cho xây thêm Đại Tự Cát, tháp Phước Duyên và lầu Nghinh Phong. Chùa thành quốc tự và có tên là Thủy Hoa. Năm 1841 vua Triệu Trị lên ngôi đổi tên chùa là Thủy Ba, cũng như chợ Đông Hoa thành Đông Ba và tỉnh Thanh Hoa thành Thanh Hoá, vì tên mẹ vua là bà Hồ Thị Hoa. (1847-1883) vua Tự Đức cho rằng tây Bạch Mã (ngựa trắng) thì đông mây xanh nên đổi tên chùa là Thủy Vân quốc tự. Sau, nhóm cụ Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế... đổi thành Túy Vân. Đến ngày nay, nhân dân gọi núi Túy Vân, chùa Thánh Duyên...". Tôi phi phò leo lên các bậc cấp ngọn núi Túy Vân có đỉnh cao 60 mét so với mặt nước đầm phá, đã thấy một khu rừng đại ngàn rậm rịt cây lá cổ thụ gần như nguyên sinh, phần lớn cây xoài và mít nài sù sì to lớn (Xưa kia các vị vua triều Nguyễn cho trồng xoài và mít nài để lấy bóng mát và lấy quả cúng dường đức Phật trong những ngày lễ, kỵ, sóc vọng, muôn rằm tháng quý) bao bọc um xanh, mát mẻ vô cùng, biển nóng mênh mông 35°C dưới đầm không hề bén mảng lên đây. Và trông vời ra xa, trước mắt tôi nào đầm phá, mây xanh, nước biếc, non, núi hữu tình dễ say lòng lữ khách được một lần hành hương vắng cảnh chùa Thánh Duyên và ngoạn cảnh Vinh Hiền, núi Túy. Người xưa gọi Túy Vân quả chính xác!

Năm 2006, kỷ niệm 700 năm thành lập Thuận Hoá - Phú Xuân. Cùng năm, cầu Tư Hiền đã vươn dài ngang phá nâng bước muôn dân thên thang đi lại làm ăn, học hành thăm thú đó đây. Cảng cá Vinh Hiền cũng đã cập rập đón tàu vào ra thông thương, trao đổi, mua bán sản phẩm... Hiện nay, cái cũ và cái mới còn dùng giằng tiến biệt nhau, rồi mai đây sẽ còn lưu lại trong ký ức mỗi người một dòng kỷ niệm mù mờ xa ngái, nhưng tất cả đều vận hành theo một quy luật, cánh cửa quá khứ khép lại để mở toang cánh cửa hiện tại và tương lai, để đón bình minh xán lạn của một khu đô thị mới... Đứng bên cửa Tư Dung gió lộng, ngoảnh về quá khứ, tôi cung kính rưng rưng quỳ lạy đánh lễ cô Công chúa hiền trung vì dân vì nước ra đi mở cõi đất này, khởi đầu cuộc Nam tiến. Mảnh đất cát nhỏ nhoi của tổ quốc này, đã được vinh dự một lần duy nhất, đầu tiên và cuối cùng đón Công chúa ghé lên hành lễ bái vọng tổ tiên, đất nước trước lúc chia xa...

NGUYỄN NGUYỄN AN

Cà Mau quê xứ

Trần Tuấn*

Ra Mũi Cà Mau, nhiều người hỏi "Đi làm gì?". Trời đất, còn câu hỏi nào lố hơn thế không? Tôi đều trả lời một câu: "Đi chơi?". Đi chơi, thế thôi! Làm gì là làm gì, khi bạn đặt chân tới Mũi? Có lẽ trừ những anh bạn đồng nghiệp và không đồng nghiệp hộ khẩu đặt ngay xứ này thì mới dám nói: "Nào, hôm nay, ta ra Mũi làm cái này, cái nọ". Đi chơi, tôi thực ra nói vậy cũng là để đánh lừa cái ổ cứng xúc cảm đã áp úp tự bao giờ, đánh lừa bộ xi đi võng mạc, đánh lừa bộ khứu giác, vị giác đã nghen bụi đời quá lâu rồi đang khát thèm hạt phù sa rờn rờn tươi mới trong trí tưởng tượng thuở xa lắc. Để khi khoác ba lô lần đầu về Đất Mũi, rằng, thôi thì, ta cứ lỏng tay thơ thẩn với Cà Mau...

Trong ổ cứng cũ mềm của tôi từ thuở nào còn lưu những cái *phai* Nguyễn Tuấn, Anh Đức, Xuân Diệu từ hơn bốn mươi năm trước. Những trang ký trang thư trang thơ gieo mầm dưới mỗi câu mỗi chữ là hạt hy vọng ứ ngẹn khát khao bung nở cây trái hoà bình. Và trong những cái *phai* ấy là ngón ngang xác giặc, hàm chông loang

máu sinh lây, là những đoàn người tranh đấu, máu và nước mắt của bà má Năm Căn, là vệt than đước đen nhức nhối trên má em bé Cà Mau mà nụ hôn cuối cùng của người cha lưu dấu lại ... Những cái *phai* ấy, bây giờ thực tình mở ra xem lại, thấy thật khó và chậm. Bởi nó quá nặng. Tới bây giờ tôi ưa những dòng này của cô Tư (nhà văn Nguyễn Ngọc Tư) hơn : *“Trẻ con chạy rượt, u hơi ở trên sàn nhà, nhảy lò cò bên những bụi hẹ, bụi ớt lơ thơ trổng trong thùng. Cá thoi lòi dạn dĩ theo con nước chạy rột rết dưới sàn nhà, có lúc ngóc đầu lên, nhìn thom lom, ý hỏi ai đây ta, ai mà lặn lội tới xứ bùn sinh rừng rú này, ai mà ngó tui thiếu điều lòi con mắt ra, lạ lắm sao ?”*. Và tôi cũng ưa nhớ tới câu chuyện này hơn, của lão làng Sơn Nam kể về chúa đảng Cánh Buồm Đen và ngọn roi kỳ hiểm chuyên trị ác độ nhờn của Tư Hiền dọc ngang vùng đất Mũi thời mặt pháp, nhớ “Đạo phát cỏ” dóc tổ đến lạ lùng của ông Thầy Quýt ...

Mà cũng thiệt lạ ! Bàn chân tôi từng đặt trên núi non hùng vĩ địa đầu đất nước, từng đi xa Tổ quốc hàng vạn dặm, vậy mà một doi đất con con bằng phẳng hao hao một góc Gò Nổi miền Trung này lại khiến tôi và anh bạn thi sĩ đồng hành mau chóng trở thành những kẻ nông nổi kỳ quặc. Giữa buổi trưa nắng từng bừng muốn khô quần mảy đọt phù sa bên mồm non sông, chúng tôi hì hục lúi lúi tập thơ còn thơm mùi mực của anh bạn ra để ... đốt và thả xuống biển ! Chỉ vì trong tập ấy có bài thơ về đất phương Nam anh bạn hứng khởi viết trong tưởng tượng từ khi nào. Từng nghe anh bạn nhà văn đất Mũi kể đã chứng kiến đủ kiểu xúc động của các vị khách khi ngược ngàn cây số về thăm đất Mũi. Người ôm cây cột mốc, kẻ ôm cây đước, kẻ lại nằm lăn xuống bùn lầy để ... khóc vì sướng ! Còn vô khối người vốc nắm đất, mang chai nước biển về đặt trên giá sách hoặc tặng người thân ở nhà. Giờ tới lượt bạn tôi gửi lại nơi này mấy đọt phù sa thơ kèm chút gió Lào cổ quận. Trương Lệ Duyên, cô bé ở Ban quản lý Khu du lịch văn hoá Mũi Cà Mau bật cười : “Các anh ngộ thiệt, em chưa từng thấy !”. Áo trắng của Duyên hất vào tôi một mảng mây nghìn tuổi.

- Hay là chính chỗ này Nguyễn Bình dần chén hắt rượu qua đầu buổi hành Phương Nam ấy, Thảo ơi ! *“Quê nhà xa lắc xa lơ đó / Ngoánh lại tha hồ mây trắng bay”*.

- Nhớ nhà rồi à, mới đi có 6 ngày – chàng thi sĩ thâm thì - *“Giang hồ như ... người giang hồ vật / Nghe tiếng com sôi đã nhớ nhà”*. Như Nguyễn Bình mới là thứ thiệt, 6 tháng ngang dọc miền Tây không buồn ... đánh răng !

Thế là cãi nhau, hai thằng miền Trung, giữa cái nắng miệt mài bên những hạt phù sa sinh nở khởi từ hai chữ “quê nhà” ấy của thi sĩ đất Bắc. Chúng tôi bắt gặp ở chốn tận cùng này hai chữ thiệt hay, đó là “quê xứ”. Cả tuần nay, lang thang từ Tiền Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, xuống Sóc Trăng, Bạc Liêu ... rồi xuống miệt biển Kiên Giang, ra Phú Quốc vòng lên Long Xuyên, Cao Lãnh ..., dọc đường chúng tôi đều nghe từ chợ tới thuyền, từ xe lam, xe lôi tới thổ mộ một con chữ thật du dương mà xa vắng lắt : “Xứ”. “Nhà em ở Ngã Năm Sóc Trăng, xứ ấy qua đây mất gần một buổi đờ” – cô hàng trái cây trên chợ nổi Phụng Hiệp kẹp hai đứa nhỏ chao chao cái rổ rau sầu đâu xanh mướt. “Tui từ xứ Bạc Liêu qua” - ông lão xe lôi nằm ghéch chân hút thuốc gặp ở Long Xuyên. “Em đi lấy chồng, về nơi xứ xa ...” – lãnh lớt câu hát buồn vẫn thường nghe đây đó. *“Cà Mau là xứ quê mùa/Muối bằng gà mái cạp tủa bằng trâu”*. Không biết nhà văn xứ Quảng Nguyễn Thành Long - tác giả Lặng Lẽ Sa Pa đã về thấu miệt này chưa mà dịch *Terre des hommes* của Saint Exupéry (Bùi Giáng dịch Cõi Người Ta) ra thành “Quê xứ con người” hay đến vậy ?

... Giờ thì mấy anh em tôi ngồi cời trần lai rai với gió trong ngôi nhà số 1. Cảm giác về xứ thật chon von, khi được ngồi trong chính ngôi nhà cuối cùng của dải đất hình chữ S, ngôi nhà được đánh số 1 trong hộ khẩu mà như thừa nhận của chủ nhà, anh Nguyễn Hoàng Phúc, nó là nhà đầu tiên tính từ Mũi trở vào của ấp Mũi, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, Cà Mau này. Ngôi nhà sàn thương lá dừa nước nằm theo leo giữa biển, tách bạch hẳn với xóm nhà bên kia, được dẫn ra bởi cây cầu lắt lẻo kết từ thân cây đước. Trên sàn nhà có đôi chục đàn bà con gái đang ngồi lột ghẹ lấy thịt, nói cười chọc ghẹo nhau rộn ràng. Nhà anh Phúc chị Tuyết là cơ sở gia công mặt hàng này, dân nơi này vẫn gọi là vựa. Ghẹ anh chị mua về phân loại, loại nhất, nhì và thấp nhất là loại ghẹ vạt. Một ký ghẹ loại nhất giá mua 43.000 đồng, loại nhì 23.000 đồng, loại vạt chỉ 6.000 đồng. Hấp lên, mỗi ký ngót xuống còn 8 lạng, lột ra thịt cứ 10 ký tươi mới được 1 ký thịt. Cùng đám chị em, chị Tuyết thoăn thoắt xếp từng lát thịt ghẹ chắc nịch vào từng hộp nhựa, rồi xếp vào thùng xốp. Thịt ghẹ được ướp đông rồi bán qua Hà Tiên, và cả xuất khẩu sang Campuchia. Vào vụ, vựa ghẹ nhà anh chị mướn khoảng 20 đến 30 nhân công, chủ yếu là chị em, có cả các em gái nhỏ quanh ấp Mũi, ngày làm giỏi mỗi người được 5-6 chục ngàn đồng, bình thường cũng 3 chục ngàn...

- Ngưng tay làm với anh em một ly, anh Ba ! - Anh bạn đồng nghiệp của tôi thường trú ở Cà Mau cất tiếng mời

Ba Phúc vốc thêm mấy con ghẹ mới hấp thiệt ngon bỏ vào đĩa, xề lại “xây chừng” một ly rồi đứng dậy:

- Mấy anh cứ *lai gai* đi, em mấy hôm ể mình, phải nghỉ ít hôm.

Có tiếng điện thoại reng, chị Tuyết đứng dậy nghe điện, là khách hàng gọi. Từ thuở nào, ông Nguyễn Văn Cóm - ông già chị Tuyết chống xuống từ miệt Vĩnh Lợi - Bạc Liêu về xứ này lập nghiệp, mười năm trước giao lại cho vợ chồng con gái cùng chàng rể Sóc Trăng hiền lành chịu thương chịu khó. Tôi bước ra chái bếp, nước biển lưng chừng chân cột nhà sàn ngợp nắng. Hai đứa nhỏ con của anh chị, đứa tám tuổi, đứa ba tuổi đang trần truồng nhảy nhót xối nước ồm ồm. Ba Phúc ở trần, cánh tay rắn chắc gặt lên gặt xuống chiếc cần bơm giếng

đóng, nước vọt lên trắng loá mắt. Tôi vốc một hớp, ngọt lừ.

- Sâu thấu 180 mét đó anh, cả ấp Mũi chỉ có mình giếng này là nước ngọt nhất.

Nhìn xuống biển dưới sàn, thấy cả bầy cá bơi lượn lơ giương mắt nhìn lên, lại nhớ tới câu văn của cô Tư. Hôm tôi về Cà Mau, cô Tư rục rịch soạn đồ ra phố cổ Hội An dự hội với các nhà văn trẻ. Nghe nói là lần đầu tiên cô được đi xa đến vậy. Có một lần cô Tư trả lời trên báo Tiền Phong Chủ Nhật, giọng từng từng mà tôi cứ nhớ mãi, đại ý : “Nếu sinh ra ở thành phố, chắc gì tui đã ... viết văn. Ở đó cuộc sống sôi động lắm, làm sao tui cô đọc đến nỗi phải viết để khỏi phải nói chuyện một mình !”...

Bên cạnh tôi, những cây đước đóng mình xuống phù sa một dáng trầm ngâm, bình minh và hoàng hôn của một ngày treo trên cùng một cây đước. Lúc nãy ngồi ở nhà “Phó Mũi” Lê Hoàng Liêm (Chúng tôi gọi đùa về chức danh Phó Chủ tịch xã Đất Mũi của anh Liêm như vậy), chợt nghe câu chuyện bề bộn về con tôm và cây đước. Một dạo khi con tôm Cà Mau còn “ôm gốc đước”, cơ man những vật rừng đước cường tráng xanh rậm rì đã phải dời chỗ nhường cho tôm. Nhưng rồi đến lúc con tôm ngạt thở vì sinh lầy, người ta lại kéo nhau đồn hạ đước để cho ra những vuông tôm sạch sẽ trong lành. Những vật đước lui dần, cứ thế lui dần, mang theo những bình minh, hoàng hôn lụi xa con người. Anh bạn đồng nghiệp của tôi giờ sở tay đọc vanh vách quyết định kỷ luật của huyện uỷ Ngọc Hiển đối với hàng trăm đảng viên vi phạm, nghe se sắt làm sao. “Phó Mũi” Lê Hoàng Liêm vốn xuất thân từ lính biên phòng vận tẩm lưng gầy gò trên ghế, gương mặt đen sạm cứ quặn lại : “Khó lắm các anh à. Là cả một cuộc đấu tranh lớn của chúng tôi đấy ! Cà Mau mà không còn đước thì còn gì nữa đâu”. Tôi ngồi đó chợt hình dung về những trái đước bắt gặp khi ngồi trên thuyền xuyên qua những vàm những lạch. Những trái đước đeo trên cây như những hạt phù sa, đến một ngày cắm thẳng xuống phù sa, mọc lên những thân đước mới.

Về Sài Gòn, tôi lẩn mẩn với câu hỏi, không biết sau khi nước non liền dải cụ Nguyễn có về thăm Cà Mau chưa, mà để ý thấy sau này cụ hình như chưa một lần viết lại về xứ này. Anh bạn thi sĩ Phan Hoàng mách : “Hồi già Sáng ! Nguyễn Tuân xuống miền Tây thì chỉ có Nguyễn Quang Sáng tháp tùng”. Bên đầu kia điện thoại, giọng già Sáng khề khà rất chất *Cánh Đồng Hoang*:

- Năm 1976, tui có đưa Nguyễn Tuân xuống miền Tây, nhưng lần ấy ông chỉ dừng ở Châu Đốc (An Giang), không *dia* Cà Mau. Những lần sau ông vào Nam, nhưng tui nhớ cũng chỉ ở lại Sài Gòn, hình như cũng hồng xuống xứ đó.

Nguyễn Tuân chưa về tới Cà Mau ? Hay là Nguyễn đi theo cách của mình, một mình thơ thẩn dò đường ra Mũi không để ai biết ai hay, như kiểu ông từng vào miền Trung tha thẩn với Cửa Đại một đêm ? Riêng chi tiết Nguyễn Tuân về núi Sam Châu Đốc cũng rất một kiểu của Nguyễn. Nơi ấy thờ Bà Chúa Xứ và Lăng Thoại Ngọc Hầu Nguyễn Văn Thoại - người có công khai khẩn vùng đất mới này với công trình kỳ vĩ là con kênh Vĩnh Tế dài 90 cây số đào suốt 5 năm trời. Nguyễn đã tìm về đây, để tạ ơn người khai sinh ra quê xứ ...

Tôi về, mang theo cái nhìn lánh đen như than đước của cô gái không tên gặp ở bến Năm Căn. Than hầm từ thân cây đước xứ này nghe nói tốt hơn mọi thứ than củi trên đời, đượm bèn hơi lửa và không hề có khói. Không có khói, mà sao bước chân lên tàu rời Mũi, mắt tôi chợt cay nhoe ...

Đất Mũi, tháng 5/2006

Ghi chú : Bài này đã đăng Tiền Phong Chủ Nhật (2006), nhưng một số đoạn đã bị biên tập.

TRẦN TUÂN*

Sự bình yên ở lại

Nguyễn Mỹ Nữ

Cái cấm bút ở ngay trong tầm nhìn và tôi thường dừng lại ở đó mấy giây, mỗi lần ngồi vào cái bàn viết quen thuộc của mình để làm việc. Đó là một món quà mà Sơ Sayer đã tặng cho tôi vào năm 1965.

Sơ Sayer khi đó là người Mỹ - một bác sĩ khoa nhi - thuộc đoàn thanh niên chí nguyện quốc tế, được điều đến Việt Nam và phục vụ ở bệnh viện Thánh Gia (Holy Family Hospital) Qui Nhơn. Sơ gầy, cao, hay cười, yêu trẻ con và cũng nói được tiếng Việt lỗm bỗm. Tôi, hồi ấy đang học lớp nhất (tức lớp năm bây giờ) và là một bé gái ốm yếu và bệnh tật quanh năm. Tháng nào tôi cũng phải vào, ra bệnh viện Thánh Gia và chính bởi đó nên mới có nhiều cơ hội gặp gỡ và gần - thân với Sơ. Có lần, trong phòng khám, Sơ hỏi lớn lên tôi thích làm gì và tôi trả lời ngay không cần suy nghĩ, là: tôi thích đi tu. Tôi thích trở thành “Ma soeur” như Sơ Sayer. Nghe vậy, Sơ mở to mắt, tròn miệng: Ô, rất thích thú và lấy ngay cái cấm bút đặt trên bàn tặng tôi. Món quà tuyệt vời quá và được tặng bất ngờ quá, khiến tôi sung sướng bắt run người và sau đó, không dừng được, đã đi khoe khắp cùng. Cái cấm bút theo tôi từ lúc đấy và được tôi nâng niu cất giữ cho đến tận bây giờ. Kỷ vật của Sơ Sayer rất độc đáo với hình Chúa Giêsu và Đức Mẹ Maria được khắc bằng bạc hết sức tinh xảo. Ngày trước hầy còn cái ống nhỏ để cấm bút cũng bằng bạc nhưng sau này bị mất và chỗ trống ấy được dán đề lên bằng chữ N (là vắn đầu của tên tôi). Phía sau thấy có dấu ấn của tòa thánh Vatican.

Sau năm 1975, bệnh viện Thánh Gia ngừng hoạt động. Sơ Sayer chẳng rõ được điều đến phục vụ ở những nơi nào. Tôi mất bất tin tức của Sơ và cũng không thực hiện được ước mơ thời trẻ dại của mình, là trở

thành một nữ tu. Nhiều năm tháng đã trôi qua và có biết bao kỷ vật thiết thân của tôi đã bị mất đi nhưng hạnh phúc làm sao cái cảm bút Sơ tặng cho vẫn còn. Để mỗi lúc được nhìn vào đó, tôi thấy tâm hồn mình nhẹ nhõm hẳn đi. Lòng dậy lên bao yêu thương ấm áp... Cũng đã bao lần, ngồi trước kỷ vật này tôi bổng nghĩ - nhớ đến Sơ khi nhìn ngắm, soát xét, soi rọi lại chính mình một cách tỏ tường, thấu đáo và nghiêm khắc. Để tự hổ thẹn cho những ích kỷ, day dứt cho những nhỏ nhen, dằn vặt cho những sai lầm... Kỷ vật của Sơ đặc biệt có ý nghĩa những khi tâm hồn tôi bị thương tổn vì một cái gì đó, cảm thấy ghét bỏ hay căm giận một ai đó... Khi mà sự cay độc lóe lên trong ý tưởng của tôi... Khi mà sự nản chán xâm chiếm trí óc tôi và nỗi tuyệt vọng tràn lan hết cả con người tôi... Tôi hay lại cái bản viết thân thiết của mình, ngồi xuống và nhìn rất lâu vào kỷ vật. Bao giờ cũng vậy, dần từ rồi tôi sẽ cảm nhận ra những u uẩn ở trong mình đã bị nhòa phai, tan biến. Có thể niềm tin yêu nơi cuộc đời và tha nhân chưa kịp trở lại nhưng ít ra thì tôi cũng tìm được sự cân bằng cần thiết cho tâm hồn mình. Bởi kỷ vật của Sơ hãy còn đây và cũng có nghĩa sự bình an, chỉ đôi khi, bỏ tôi mà đi đâu đó trong thoáng chốc, rồi lại về. Sự bình an không mất đi. Sự bình an luôn ở lại.../.

NGUYỄN MỸ NỮ

Cái mẻ kho

Nguyễn Môt *

1- Ngày còn nhỏ ở quê tôi, bà ngoại tôi chỉ thích ăn cơm nồi đất, cá mẻ kho, uống nước chè xanh trong niêu. Tôi thường bị mắng vì vô ý làm bể nồi. Nồi đất nấu cơm đang nóng để trên đất ướt, nồi nứt cái tách và bể làm đôi, bà tôi dùng những mảnh bể để kho cá. Sự tích con Thạch Sùng tôi cũng thường nghe bà ngoại tôi kể từ nhỏ. Chuyện rằng: *Có người tên Thạch Sùng khi giàu lên đập phá hết vật dụng thuở hàn vi và đến khi thi đấu của cải với nhà giàu khác vì không có cái mẻ kho nên thua hết tài sản và chết vì tiếc của, biến thành con Thạch sùng (dân miền Nam gọi là con thần lằn) suốt ngày tặc lười vì nuối tiếc.* Bà cũng thường hát ru tôi câu ca dao : “ *Giàu như Thạch sùng còn thiếu mẻ kho. Huống chi em bậu so đo chuyện đời*” Chuyện “ cái mẻ kho” là chuyện của ngay xưa, chứ bây giờ chẳng còn ai dùng mẻ kho nữa. Nhưng cũng may là món mắm kho quẹt vẫn còn. Bây giờ, nghề làm nồi đất sống được là nhờ nhà giàu. Phong trào cơm niêu, cơm đập, cá kho tộ, mắm quẹt... nở rộ trong các nhà hàng, nên làng nghề này làm không đủ cung cấp cho Biên Hoà, Sài Gòn. Xóm Lò nồi nằm ngay trong lòng thành phố Biên Hoà có lịch sử hàng trăm năm nay. Theo bà Năm Thừa thì từ đời ông nội của bà nghề này đã rất hưng thịnh. Hồi ấy, mỗi ngày hàng chục chiếc thuyền cập bến sông Đồng Nai để chở nồi đi cung cấp cho cả miền Nam.

Đất sét khu vực Bửu Long là loại đất đặc biệt, những cái nồi được nặn từ đất này ra, sau khi nung lên đỏ tươi, trông rất bắt mắt. Ngày xưa đất tha hồ lấy, bây giờ phải mua vì các khu vực có đất sét đều nằm trong khu quy hoạch. Những mảnh đất có chủ quyền tư nhân được đào lên bán với giá một trăm năm mươi ngàn một khối. Bình quân cứ bốn khối đất cho ra một ngàn sản phẩm, bán được khoảng ba triệu, trừ tiền đất, tiền công, tiền chất đốt, chủ lò còn lời được một triệu. Xóm lò nồi ngày nay còn được hai lò với gần mười lao động. Làm ngày nắng, ăn ngày mưa, nên dù sản phẩm không đủ cung cấp cho thị trường, cuộc sống của họ cũng chỉ ở mức trung bình. Ông Trần Văn Tám em ruột của bà Năm Thừa là một người đàn ông duy nhất ở xóm kiên định theo nghề. Lò của ông cho ra khoảng ba chục loại sản phẩm khác nhau, loại nào cũng được thị trường ưa chuộng. Vào giai đoạn những năm tám mươi xóm này tan tác, sản phẩm làm ra không ai mua. Thợ nồi chạy khắp nơi, tìm nghề khác mưu sinh, chị em ông vẫn cặm cụi làm nồi. Hàng làm ra ông đèo trên xe đạp đi rao bán cùng các làng quê ngõ hẻm. May mà hương vị cơm nấu từ nồi đất bao giờ cũng ngon hơn, miếng cơm cháy vàng ươm từ nồi đất vẫn còn hấp dẫn, nên nhiều người dân quê vẫn mua sản phẩm của ông. Nồi đất Bửu Long còn có loại hoa mè mà nơi khác ít có. Kỹ thuật nung nồi hoa mè, hiện nay còn có vài người làm được, loại này rất được khách nước ngoài ưa chuộng. Mùa khô năm hai ngàn xóm Lò Nồi sống lại không khí sôi nổi của một thế kỷ trước, người xe nườm nượp. Đó là khi mà một số doanh nhân người Hàn Quốc đến đặt hàng vạn món hàng bằng đất nung. Những mẫu mã mà họ đưa ra chưa hề có ở Việt Nam, nhiều mặt hàng khá cầu kỳ như bình rượu cổ, ly cổ của người Hàn. Xóm Lò nồi họp lại và giao cho bà Năm Thừa làm thủ. Bà già gần bảy mươi tuổi mà bàn tay khá điêu luyện, cục đất vào tay bà sau vài phút là thành nồi, thành chảo, thành khuôn bánh...Sau mẻ đầu tiên ra đời, khách hàng cực kỳ hài lòng và họ đặt số lượng lớn, tất nhiên ngoài sản phẩm theo ý họ, họ còn mua nồi đất hoa mè của xóm. Lần đầu tiên xóm Lò Nồi mướn người ngoài vào làm phụ. Trước lúc giải nghệ bà Năm Thừa có thể tự hào rằng sản phẩm của xóm Lò Nồi lần đầu được xuất ngoại. Nhưng rồi sau đó vì thua lỗ họ đã không quay trở lại xứ này. Tuy nhiên theo ông Tám thì hơn trăm năm trước các "chủ khách" đã mua nồi đất ở đây chở về bán tại quê hương của họ bên Tàu.

Bây giờ làng nồi đất xơ xác lắm, nói làng theo thói quen vậy thôi chứ nó chỉ còn lèo tèo vài ba nhà trong xóm nhỏ, mà chủ lực là ba chị em bà Năm Thừa, ông Tám, bà Chín. Bà Chín buồn rầu nói: “Chị Năm dạy nghề cho tôi từ năm lớn tám tới giờ, cuộc đời của tôi không may mắn như người ta, chồng chết sớm nhờ mấy cục đất sét này mà nuôi cả bảy con, bây giờ trưởng thành hết rồi. Chỉ có mỗi đứa con gái theo nghề này” Cô con gái Lê Thị Tĩnh con gái bà Chín, là thợ làm nồi trẻ nhất vùng này tuổi cũng đã ngoài bốn mươi, cũng nhọc nhằn như mẹ

mình. Cô tâm sự: “ Em thiếu nợ ngân hàng mấy triệu bạc mà chưa trả nổi, em ước gì mình được tham gia chương trình “vượt lên chính mình” của Đài truyền hình thành phố Hồ Chí Minh một lần, không phải em ham tiền thưởng mà em muốn được đưa nghề truyền thống lên truyền hình cho bà con mình biết với. Chứ vài năm nữa Biên Hoà phát triển khu này giải toả thì làng nòi đất cũng chẳng còn.”

Bà Chín phụ hoạ lời con gái: “ Mà giả như chẳng giải toả thì vài năm nữa khi chị em tôi theo ông bà thì chẳng ai theo cái nghề lảm lạp này nữa chú ời”.

Nắng quái xiên xiên, bóng râm trên dãy nòi đất nung đỏ rực bên đường, tạo nên bức trên buồn bã lạc lõng giữa phố thị ồn ào, cuối con đường làng, dòng sông Đồng Nai trầm mặc chảy, bình thản trước biến động của cuộc đời. Cô Lê thị Tĩnh ngược mắt nhìn tôi. Đôi mắt buồn quá!

2 - Rời làng nòi đất, tôi lang thang khu vực Bửu Long để tìm đến với những người thợ cầm cưa để gìn giữ nghề truyền thống đã tồn tại ba trăm năm nay. Đến cơ sở Tân Vĩnh Quang, gặp Ông Chung Văn Thọ người thợ đá tài hoa của làng đá Bửu Long, gần ba mươi năm trong nghề, từ đôi bàn tay chai sần, nứt nẻ ông đã tạo ra hàng ngàn tác phẩm, nhiều sản phẩm của ông chu du tận châu Âu. Ba mươi cầm búa đến nay đã qua cái tuổi “tri thiên mệnh” ông vẫn vác đồ nghề đi làm thuê cho người khác. Ông bảo cái nghề “bạt đá phá rừng” này không ai giàu đâu anh ơi! Anh Huỳnh Văn Lương chủ cơ sở Tân Vĩnh Hưng cười, phụ hoạ với anh Thọ: “Dòng họ tôi bốn năm đời theo nghề đá, đến thời tôi nhờ trúng số mới xây được nhà đó anh ạ!” Từ năm lên mười, ông Thọ đã theo thầy Xắc Phạ học nghề đá, đến năm hai mươi tuổi ông mới có thể cầm búa đục tạo ra sản phẩm đầu tiên. Khi chúng tôi đến thăm, ông đang đục tượng phật Di Lặc bằng đá xanh. Dù chưa hoàn thành nhưng nụ cười của “ người cai quản niết bàn” đã toát lên vẻ phúc hậu thánh thiện lạ lùng. Có lẽ không có nghề nào phải mất thời gian học việc lâu như nghề làm đá mỹ nghệ. Cho đến nay nghề này vẫn dạy theo phương pháp bí truyền, mỗi người thầy chỉ truyền lại cho một vài học trò sau khi đã thử lòng kiên nhẫn của họ. Anh Hưng cho biết: “ Ngày xưa lúc mới vào học nghề của thầy La Khiêm, suốt cả tháng ông bắt tôi ngồi chẻ đũa cho thật thẳng, khi đã thành thực ông đưa cho tôi tảng đá gồ ghề bảo phải cắt đục cho thật vuông vức sắc cạnh, sau đó ông mới chính thức nhận tôi vào học việc.

Tại làng đá có một người thợ đá khá nổi tiếng là hội viên chi hội điêu khắc, Hội Mỹ thuật thành phố HCM đó là anh Nguyễn Thanh Tiên. Là người Việt sinh ra ở làng đá, ngay từ nhỏ Nguyễn Thanh Tiên đã say mê với những tác phẩm mà cha ông tạo ra từ tảng đá vô tri, Năm 13 tuổi, Tiên xin theo thầy Năm Lện để học nghề. Năm 1982 Hội Mỹ Thuật thành phố về tuyển thợ khắc đá để cùng các nghệ sĩ điêu khắc làm tượng đá, nhờ khéo tay Tiên được chấp thuận. Năm 1982 anh cùng nhà điêu khắc Nguyễn Hải thực hiện pho tượng đá Thủ Khoa Huân cao bảy mét đặt tại thành phố Mỹ Tho. Nguyễn Thanh Tiên tâm sự : “Kỷ niệm sâu sắc nhất trong đời làm đá của anh là được cùng nhà điêu khắc nổi tiếng Diệp Minh Châu chạm khắc tượng đá Bác Hồ đặt tại Bộ Tư lệnh TP HCM.” Ông Chung Văn Thọ cho biết “Làng đá tồn tại không chỉ nhờ vào các sản phẩm mỹ nghệ, trước đây cả làng hơn một trăm hộ sống được chủ yếu là nhờ các sản phẩm phục vụ cho đời sống con người như cối xay bột, cối giã gạo, cối giã tiêu, cột đình chùa và những sản phẩm phục vụ cho con người khi không còn sống như bia mộ, trụ đá hoa sen...Bây giờ chỉ có làm đá mỹ nghệ bán cho người trong và ngoài nước cùng với đình chùa mới sống được, các vật dụng khác đã bị các sản phẩm của nền công nghiệp hiện đại đánh bật nên làng đá tan rã dần. Thời trước làng đá Bửu Long cực kỳ phồn thịnh nhưng đến nay cái nghề nặng nhọc và công phu này chỉ còn khoảng hơn chục gia đình với vài chục thợ đá.

3 Làng nòi đất và làng đá Bửu Long như vệt nắng nhỏ nhoi còn sót lại cuối ngày sót lại bên sông Đồng Nai và nó đang dần thu hẹp lại bởi chiếc bóng khổng lồ của nền công nghiệp, âu đó cũng là quy luật phát triển của xã hội, biết làm sao được. Sau khi viết xong đoạn ghi chép này tôi đưa cho một người bạn xem, anh bảo : “ Nếu cậu viết về làng nghề ở xung quanh Thành phố Biên Hoà thì nên viết thêm về làng Nai ở ngã ba Trị An vì nó cũng sắp biến mất khi KCN Trảng Bom đưa vào hoạt động. Làng này mới hình thành nhưng nó rất độc đáo, bởi nó gắn liền với địa danh Đồng Nai” Nghe anh nói tôi lên đường tìm đến Ngã ba Trị An và ở đó tôi đã gặp một con người kỳ lạ

4 -“ Ngày xưa nơi này nai nhiều vô kể nên được gọi là Đồng Nai. Sau hơn ba trăm năm vùng đất bao dung đón nhận hàng triệu cư dân về sinh sống, cùng với sự phát triển của con người, những con vật hiền lành ngoan ngoãn của núi rừng dần dần biến mất...” - Sau khi mời tôi ly rượu ngâm nhung nai, ông già chậm rãi tâm sự như vậy.

Ông tên là Nghiêm Xuân Tý, người được bà con coi là ông tổ của làng nghề non trẻ nhưng duy nhất mang tên của xứ sở này: Làng Nai. Sinh ra làng Sơn Phố, Hương Sơn- Hà Tĩnh quê ngoại của ông tổ thuốc Nam - Hải Thượng Lãn Ông. Quê hương ông có truyền thống sử dụng thuốc Nam, nhiều thầy thuốc ở miền núi này cấp tráp đi chữa bệnh khắp nơi. Đã hơn năm trăm năm trước, các cụ lang đã biết được tác dụng đại bổ của cặp nhung hươu và sớm ý thức được sự tuyệt diệt của loài thú không có vũ khí tự vệ này nên đã đưa những chú hươu sao về nhà nuôi để lấy nhung, chữa bệnh cho nhân dân. Trải qua bao đời, nhung hươu Hương Sơn chu du khắp trong và ngoài nước, ba làng Sơn Giang, Sơn Phố, Sơn Trung là nơi có số lượng đàn hươu lớn nhất nước. Từ nhỏ ông Tý đã quen thuộc với những vật “...ngươi ngác, đập trên lá vàng khô” này, ông dành cho chúng tình cảm đặc biệt không chỉ vì giá trị kinh tế trên cái đầu xinh xắn ấy. Ở làng quê Sơn Phố, ông nổi tiếng là người có nhiều

kinh nghiệm nuôi hươu dù tuổi của ông lúc ấy mới ngoài bốn mươi, bởi ông luôn tìm tòi học hỏi các bậc trưởng lão. Từ ngày còn ngồi trên ghế nhà trường, ông đã chú ý đến địa danh Đồng Nai, một vùng đất trù phú ở miền Đông Nam bộ. Sau khi đất nước thống nhất ông có ý định đưa con hươu vào đất Đồng Nai, nhưng thời kỳ ấy còn “ngàn sông cấm chợ” ông âm thầm học hỏi, làm một luận chứng kinh tế có tên gọi: **“Phát triển nghề nuôi hươu và thuần hoá con nai vàng Nam bộ”**. Đất nước mở cửa, ông gửi ngay luận chứng này cho UBND Tỉnh Đồng Nai. Chưa đầy một tháng sau, ông đã nhận được hồi âm của các vị lãnh đạo, ông không ngờ cái luận chứng của người nông dân xa xôi như ông lại được chấp thuận nhanh chóng như vậy. UBND tỉnh Đồng Nai đã cho xe về tận quê hương Hà Tĩnh để đón đàn hươu cùng gia đình của ông về vùng đất mới. Tỉnh cho phép ông chọn bất kỳ nơi nào để nuôi hươu, ông đã chọn vùng đất phù sa ở thượng nguồn sông Đồng Nai, nơi có hồ thủy điện Trị An mênh mông nước, mênh mông cỏ, mênh mông rừng... Tại đây ông đã cứu sống nhiều chú nai ở vùng “Mã Đà Sơn cước” đang bị dân nhậu chuẩn bị đưa lên bàn mổ...

Vài năm sau đàn hươu và nai vàng Nam bộ của ông lên đến hàng trăm con... Thấy sinh sống được nhiều đồng hương của ông lần lượt về vùng đất mới, và tại đây họ đã tạo dựng nên một ngôi làng mới đặc thù Đồng Nai và bây giờ tên tuổi của nó lan rộng cả nước – Làng Nai Trị An.

Nai- hươu mỗi năm cho nhung một lần. Vào mùa xuân khi những con nai và con hươu cho lộc thì cũng là lúc chúng chịu cuộc hành quyết đầy đau đớn. Những thanh niên khoẻ mạnh sẽ trói gô chúng lại và cắt cặp nhung trong tiếng kêu la vang động núi rừng. Những cặp nhung phải lập tức được tiêu thụ ngay sau đó, nếu để vài ngày sẽ bị nhiễm khuẩn và hư, lúc ấy nhung trở nên cực độc. Cặp nhung hươu nặng khoảng bốn đến tám trăm gam, giá hiện nay mỗi lạng khoảng sáu trăm ngàn. Cặp nhung nai nặng từ một ký hai đến hai ký hai, giá mỗi ký nhung nai giá ba triệu rưỡi. Đó là mức lợi nhuận khá cao.

Đất Đồng Nai có khí hậu và nguồn lương thực dồi dào hợp với các loài động vật hoang dã, đúng như tên gọi của nó nên từ bảy con hươu ban đầu của ông Nghiêm Xuân Ty, đến nay có gần một trăm hộ nuôi hươu, nai với số lượng ước tính lên đến gần một ngàn con và số lượng nai chiếm khoảng hai phần ba. Một thời gian dài, nhung bán đắt nên nhiều nhà giàu lên trông thấy. Thời điểm từ năm 1990 đến năm 1995 giá nai, hươu tăng vùn vụt đến chóng mặt, thời điểm cao nhất một con nai cái có giá khoảng hai mươi lăm triệu đồng, người ta đổ xô đi mua nai để nuôi. Nhưng chỉ một năm sau, cơn sốt hạ xuống, mỗi con nai chỉ còn khoảng vài triệu, nhiều gia đình phá sản, làng Nai tan tác. Nhưng may mắn, hươu, nai vốn dễ nuôi, hầu như không bệnh tật nên người nông dân vẫn vớt vát được cặp nhung của nó cho hàng năm. Đến nay giá cặp hươu, nai con khoảng năm triệu, làng Nai đang dần dần đi vào ổn định, thì được tin làng nằm trong quy hoạch khu công nghiệp hai trăm sáu mươi hai héc ta! Nhưng chẳng nên bàn chuyện ấy làm gì. Ông Ty cũng chỉ nhắc qua rồi say sưa kể chuyện hươu nai.

Ông Nghiêm Xuân Ty năm nay đã thất thập, ông được coi là ông tổ của làng Nai Trị An. Trong thời điểm khủng hoảng nhất của làng Nai, ông đã bình tĩnh cho di dời đàn hươu, nai ra gần khu vực thị trấn, lập trại ngay trên 2 ha đất mà UBND tỉnh đã cấp cho ông. Tại đây ông dành nhiều thời gian tiếp cận thị trường để giúp bà con trong Trị An tiêu thụ những sản phẩm mà họ thu hoạch hàng năm. Bên cạnh việc nuôi hươu, nai kiếm sống ông còn là người đam mê duy trì những giống hươu, nai quý hiếm. Hàng chục năm qua ông đam mê việc đi tìm con hươu xạ mà nhiều người khẳng định loài hươu này đã từng có trên đất Việt. Đây là loài hươu nhỏ cao khoảng năm chục xen ti mét nặng từ bảy đến mười lăm ký, hươu xạ không có sừng, nhưng hươu xạ cái có túi da dưới bụng toát mùi hương rất mạnh. Khi trang trại ổn định, ông rong ruổi hàng tháng trời trên chiếc xe máy đi suốt chiều dài đất nước để tìm con hươu xạ. Nhưng cho đến nay **“con vật nhỏ nhắn, mỗi bước đi để lại mùi hương thơm ngát núi rừng”** vẫn không hề xuất hiện ở đâu cả! Bù lại, một trong những chuyến rong ruổi ông cứu được một loài Hươu đã được thế giới đưa vào sách đỏ. Một lần về Phú Yên tình cờ vào trong một quán phở, chủ quán mời ông xơi thử phở hươu, ông giật mình nhận ra miếng thịt trên bán phở thơm nức và đậm hơn thịt những hươu mà ông nuôi ở nhà. Ra sau nhà ông phát hiện ra bộ lông vàng óng của con thú vừa bị giết thịt, trong chuồng còn con thú khác đang nằm chờ lên thớt. Với con mắt nhà nghề ông nhanh chóng nhận ra đây là con hươu vàng, một giống hươu quý hiếm đang trên đà diệt chủng mà vườn bách thú Hà Nội đã từng mua ở nước ngoài chuyển về bằng chuyên cơ. Ông bỏ ra hàng tháng lụng sức các thợ săn trong vùng và đặt giá gấp ba lần để mua giống hươu vàng. Từ vài con mua được ông đã nhân lên đàn hươu vàng được tám con, vừa qua Sở VHHTT Gia Lai đã mua lại đàn hươu này, ông chỉ giữ một cặp làm giống. Đưa chúng tôi xem hai cặp sừng lạ, ông Ty cho biết: “Trong một thế kỷ qua, cả thế giới chỉ phát hiện mười con thú chưa có tên, trong đó có hai con ở Hà Tĩnh – Việt Nam, chính là hai con vật này đây. Các nhà khoa học đặt tên chúng là: Sao la và Mang lớn, hai cặp sừng này tôi mua lại của một nhóm thợ săn trước khi nó được đặt tên. Dù bây giờ chúng được bảo vệ bằng dự án bảo tồn động vật quý hiếm, nhưng tôi rất lo lắng, bởi quê tôi là nơi mà thợ săn trộm hoạt động rất táo tợn. Vì vậy tôi chỉ mơ ước làm sao tôi được chính quyền cho phép tôi tìm mua và nuôi hai con thú này. Loại này không sinh lợi gì cả, nuôi nó chỉ để bảo tồn mà thôi. Tôi tin rằng với kinh nghiệm cả đời nuôi nai, hươu tôi sẽ có thể bảo vệ và duy trì được nó... Tôi chịu ơn núi rừng tôi muốn có một chút đóng góp trong những ngày xế bóng!”

5 - Tôi đã đi và tôi đã viết một cách thật hồn nhiên, sau khi đọc lại tôi nhận ra đây là một văn bản khá buồn cười, bởi nó chẳng theo quy luật của bút ký mà tôi thường hay viết, hoặc ít ra thì cũng như bài tập làm văn đã học

hồi còn nhỏ là phải có mở đầu, thân bài, kết luận! Quá nhiều con người, quá nhiều chuyện lật vật trong mấy trang giấy, nên nó thô tháp, vụng về. Tôi ngồi vào máy tính sửa chữa lại, nhưng càng sửa nó lại càng kém, nên đành để nguyên vậy và nghĩ: “ **Nếu không được làm cái nồi đất thì đành làm cái mề kho**”. Và không hiểu sao tôi lại thấy những làng nghề trên đường sắp biến mất, cũng lạc lõng tội nghiệp như cái mề kho trong câu ca dao của bà ngoại tôi hay hát. “ **Àu ơ, chứ giàu như thạch sùng xưa còn thiếu mề kho...**”

Tặc tặc, con Thạch Sùng tắc lưỡi trên vách tường nhà bê tông, đồng hồ chỉ một giờ sáng! Đêm chuyển mùa.

NGUYỄN MỘT *

Thăm Vườn quốc gia Yok Don - Tỉnh Đak Lak

Nguyễn Đức Hiệp

Môi trường thiên nhiên và con người có mối liên quan hữu cơ mật thiết với nhau: con người là một thành phần của thiên nhiên nhưng lại có khả năng tác động to lớn đến môi trường theo sự lựa chọn và quyết định của mình. Có thể nói là ở Việt Nam trong vài thập niên vừa qua với sức ép về dân số và phát triển kinh tế, rừng ở Việt Nam giờ đây bị thu hẹp rất nhiều và vì thế môi trường sống cần cho sự đa dạng sinh học bị mất, kéo theo sự tuyệt chủng cho một số sinh vật và đe dọa sự sống còn cho nhiều loài thú hiếm. Các năm qua, sự thành lập các khu Vườn quốc gia như Nam Cát Tiên, Yok Don, Tràm Chim, U Minh Thượng, Phong Nha-Kẻ Bàng .. là một bước tiến ban đầu ngăn chặn sự biến mất hoàn toàn của rừng mà mỗi năm mỗi bị thu hẹp dần. Hiện tại ở Việt Nam, con người tiếp tục lan ra các khu hẻo lánh phá rừng lập rẫy. Con người có mặt ở khắp nơi, ít còn chỗ nào gọi là hẻo lánh nữa.

Tây Nguyên có một môi trường thiên nhiên trù phú với sông, núi, thác, rừng nơi nhiều loài động thực vật trú ngụ và nhiều dân tộc đã sống từ bao ngàn năm với những nền văn hóa đặc trưng cổ xưa. Nhưng đây cũng là biên giới cuối cùng của hoang dã, nơi đang bị sức ép dân số chủ yếu từ đồng bằng dồn lên. Chúng ta phải ý thức bảo vệ và bảo tồn di sản thiên nhiên, dân tộc và văn hóa đa dạng và rất đặc thù mà chỉ ở Tây Nguyên mới có.

Tôi đã từng đi vài nơi ở Lâm Đồng, tiếp cận với đồng bằng của xứ Đồng Nai, nhưng chưa đi sâu vào miệt trên thuộc các tỉnh Dak Lak, Gia Lai, Kontum. Nhân dịp về Saigon tháng giêng năm 2007, tôi quyết định đi thăm vườn quốc gia Yok Don và vùng phụ cận ở tỉnh Dak Lak.

Có hai đường từ Saigon đi Buôn Mê Thuột, thuộc tỉnh Dak Lak. Đường ngoài phía đông qua các tỉnh Đồng Nai, Lâm Đồng hướng đi Đà Lạt. Và đường trong phía Tây qua các tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Đaknong.

Từ bến xe miền đông, rất có nhiều chuyến xe đi Buôn Mê Thuột mỗi ngày. Chuyến tôi đi thuộc loại xe nhỏ rước khách từ Saigon đi tỉnh Gia Lai, và ghé Buôn Mê Thuột. Vì là xe nhỏ nên phải dừng lại ở nhiều nơi để rước khách. Qua kinh nghiệm đi xe này, lúc về đi tôi đi xe lớn của công ty Rạng Đông. Mặc dù đắt tiền hơn nhưng không chật chội và nhàn hơn, không mất thì giờ rước khách dọc đường, phục vụ tốt và cho phép dừng lại trên đường đi để nghỉ ngơi, ăn uống, đi toilet.

Hết Đồng Xoài của tỉnh Bình Phước, mà xưa kia trong thời chiến tranh đã xảy ra những trận chiến khốc liệt. Đây là đoạn ta bắt đầu từ già đồng bằng để đi lần lên dốc đến cao nguyên đất đỏ. Kinh tế ở tỉnh Bình Phước dựa vào canh nông mà chủ yếu là trồng cây tiêu và cây điều. Trong tỉnh Bình Phước, về hướng Tây bên trái quốc lộ, gần biên giới Cambodia có Vườn quốc gia Cù Gia Mật. Qua thị xã Kiến Phước của tỉnh Bình Phước, đường sẽ dẫn đến tỉnh Daknong. Bắt đầu từ các huyện Dak Song, Dak Mil, Cu Jun thuộc tỉnh Dak Nong là đến biên giới tỉnh Daklak, qua sông Krong No là đến thành phố Buôn Mê Thuột.

Sau khi đã đến khách sạn Công đoàn Ban Mê ở phía bắc thành phố, tôi nhờ nhân viên khách sạn liên hệ với bên ngoài để mượn xe Honda làm phương tiện di chuyển đi Vườn Quốc gia Yok Don và khu du lịch Bản Đôn sáng mai. Vườn quốc gia Yok Don cách Buôn Mê Thuột khoảng 42km.

Ngay trong trung tâm Buôn Mê Thuột, gần chợ, có rất nhiều khách sạn, phần lớn tập trung ở đường Lý Thường Kiệt. Ngày đầu đến Buôn Mê Thuột, theo sách chỉ dẫn du lịch Lonely Planet, tôi chọn khách sạn Ban Mê (của công đoàn) ở đường Nguyễn Chí Thanh, cách trung tâm thành phố 3km. Buôn Mê Thuột nay là thành phố lớn và khá hiện đại ở Tây Nguyên, có Đại Học Tây Nguyên và trụ sở của nhiều công ty trong và ngoài nước. Kinh tế chính ở Buôn Mê Thuột vẫn còn dựa vào cao su, trà và cà phê. Cà phê Buôn Mê Thuột nổi tiếng là thơm và ngon. Gần đây dịch vụ du lịch phát triển với nhiều điểm thăm quan đặc trưng ở vùng Tây nguyên: thác nước, sinh thái Yok Don, Bản Đôn, Hồ Lak, văn hóa dân tộc Tây nguyên .. Người Ede gọi làng của họ là buôn, sống trên nhà sàn dài và tên làng thường lấy tên của người thủ lãnh buôn. Xưa kia tù trưởng Ama Thuột và dân người buôn ông sống trong làng lớn nhất vùng, khu làng này nay gọi là Buôn Mê Thuột, thành phố thủ phủ tỉnh Dak Lak.

Buôn Mê Thuột về đêm vào tháng Giêng rất mát và hơi chút lạnh. Đường Nguyễn Tất Thành là đường chính, mới, rất rộng lớn hoành tráng dẫn đến quảng trường chiến thắng, thuộc khu trung tâm thành phố gần bưu điện và chợ. Nơi giữa quảng trường có tượng kỷ niệm chiến thắng năm 1975 với một chiếc xe tăng. Buôn Mê Thuột là thành phố đầu tiên được giải phóng năm 1975, dẫn đến sự sụp đổ toàn diện của chính quyền Saigon. Dọc bên đường Nguyễn Tất Thành khi xưa là căn cứ và phi trường quân sự, nay đã được xây dựng thành những công

viên, cơ quan chính phủ, trụ sở của các công ty. Lúc chiều tối, tôi ăn ở nhà hàng Saigon, nơi ăn ngon và nhiều khách du lịch trong và ngoài nước đến. Sau đó tôi đi bộ dọc phố chợ, ở các đường Lý Thường Kiệt, Hai Bà Trưng. Đường Lý Thường Kiệt có nhiều khách sạn và phương tiện (Internet, fax...) cho du khách. Trên đường Lý Thường Kiệt, tôi hỏi thăm vài khách sạn và biết được giá cả rẻ hơn ở Ban Mê và lại gần phố, nên tôi quyết định ngày mai sẽ đến khách sạn Song Trà cho gần.

Nhận xe Honda ở khách sạn vào buổi sáng sớm, tôi đi trở lại thành phố để mua đồ ăn trưa mang theo khi vào rừng. Từ đó tôi đi vườn quốc gia về phía tây bắc Buôn Mê Thuột theo đường Phan Bội Châu bắt đầu gần trung tâm thành phố

Buổi sáng lạnh nhưng trời rất đẹp, khí hậu và cảnh quang ngoài thành phố rất giống Úc. Quá Buôn Đôn nơi có 5 dân tộc chính sống chung với người kinh: Ede, M'Nong, Gia Rai, Xê Đăng, Lào, Tày. Về hướng bên trái, qua bảng chỉ dẫn bên đường, tôi vào rừng quốc gia. Qua cổng hơn 100 mét là văn phòng tiếp khách và chỉ dẫn của Vườn quốc gia Yok Don. Vườn quốc gia Yok Don được thành lập từ năm 1992, với diện tích ban đầu 58,000 hecta, nằm giữa sông Serepok và biên giới Cambodia, là vườn quốc gia lớn nhất Việt Nam. Đến năm 2002, diện tích được mở rộng thêm lên đến 115,545 hecta. Hiện nay trong rừng có hơn 500 loài thực vật, nhiều động vật hoang dã với hơn 70 loài thú, 200 loài chim.

Tôi nói chuyện với nhân viên kiểm lâm và hướng dẫn viên, trước khi quyết định đi bộ vào rừng đến thác 7 nhánh. Để định hướng, ở đây chỉ có một bản đồ rất thô sơ trên tường trong phòng tiếp khách, rất ít tư liệu thông tin về vườn Yok Don và tuyệt nhiên không có sách hướng dẫn hay giới thiệu về tài nguyên thiên nhiên của vườn. Đây là một thiếu sót lớn, nên được bổ túc. Theo qui luật ở vườn quốc gia Yok Don, thì tất cả khách tham quan vào rừng phải có hướng dẫn viên đi kèm. Trong vườn quốc gia, du khách có thể mượn đi cưỡi voi trong rừng, nhưng hôm nay theo nhân viên thông báo cho biết là chưa liên lạc được với người quản tượng và có thể ông ấy còn đang đi tìm voi thả trong khu để nó kiếm ăn.

Khu rừng cấm (restricted area) gồm núi Yok Don và vùng giáp giới với biên giới Cambodia có nhiều thú hiếm: voi, hổ, vượn, bò tót .. nhưng không được vào, chỉ được thăm quan ở khu ngoại vi. Tôi mượn một hướng dẫn viên dẫn đường đi bộ theo tuyến 8km dọc bờ rừng quốc gia đến thác 7 nhánh.

Trước đây vào năm 2001, có 6 con voi từ Bình Thuận, Tánh Linh được đưa lên vườn quốc gia Yok Don. Sáu con này là trong một nhóm tổng cộng 8 con cuối cùng ở Bình Thuận, các chuyên gia từ Mã Lai cùng các nhân viên chính quyền Bình Thuận đã bắn thuốc gây mê để chuyển lên Dak Lak. Chỉ có 7 con bắn được, còn một con được lớn nhất không bắt được. Tiếc thay trong 7 con, có một con đã bị chết vì liều thuốc mê quá cao do ước lượng sai. Sau khi mang đến rừng Yok Don, 4 con đã vào rừng trở lại. Qua vệ tinh từ máy phát sóng gắn vào voi thì 4 con này đã ở sâu trong rừng qua biên giới Cambodia thuộc tỉnh Modulkiri, nhưng hai con nhỏ đã có kinh nghiệm (xấu) với người nên quay trở lại phá rẫy, đe dọa vì đã quen tìm ăn gần chỗ người định cư. Bắt buộc rừng quốc gia Yok Don phải giữ và nhờ các "dũng sĩ" M'Nong dạy chúng trong một thời gian và nay chúng đã thuần không muốn trở về rừng. Rừng quốc gia Yok Don đã phải đệ đơn lên chính phủ để giữ lại hai con voi này.

Rừng Yok Don khác với rừng Nam Cát Tiên (thuộc Đồng Nai – Lâm Đồng) là rừng khô, thưa (rừng khộp) mà cây chủ yếu là họ dầu. Tôi cùng anh hướng dẫn viên và một người bạn qua phà sang sông Sre Pong là đến khu vực vườn. Chúng tôi đi bộ và gặp nhiều giống cây nguyên sinh. Đa số là cây dầu thuộc nhiều loại khác nhau (cùng loại với cây dầu trồng dọc hai bên đường lớn ở Saigon). Thỉnh thoảng có vài cây Kơ nia cao, đặc trưng ở Tây nguyên, mà nhiều người biết qua bài hát nổi tiếng. Cây Kơ nia có rễ rất sâu. Các cây rong dại, mai rừng, mã tiền cam (trái giống như trái cam) mọc rải rác cạnh các cây dầu, hạt cây này được dùng bỏ vào rượu, chữa trị các chỗ bầm, thâm. Các giống phong lan (như phong lan tai tượng) sống bám vào đủ loại cây.

Lúc này là mùa khô nên nhiều chỗ trong rừng đang được đốt để giảm lượng lá khô, tránh cơ nguy cháy rừng lớn có thể xảy ra. Các tổ mối đục đất lên rất dễ nhận ra, chúng có ở nhiều nơi trong rừng. Tôi để ý thấy có rất nhiều tre mọc như cỏ, voi rất thích ăn tre và măng. Cách đây vài năm, một con voi đực 3 tuổi bị một số thợ săn người dân tộc bắt được trong rừng và định thuần hóa nó. Chính quyền tỉnh Dak Lak đã đưa cho vườn quốc gia quản lý con voi này và đã thả lại vào rừng. Hiện nay số voi trước đây bắt được và được các dân tộc M'Nong, Ede trong vùng nuôi còn ít, khoảng hơn 30 con. Nhiều con đã được bán cho các cá nhân, cơ sở phục vụ dịch vụ du lịch. Vì hiện nay voi là động vật hiếm được bảo tồn không được săn bắt, nên số voi nuôi ở Dak Lak càng ít đi và đa số đã già. Những thợ săn voi và biết thuần voi ngày càng hao một, không còn nhiều như xưa. Săn voi và thuần voi là một hoạt động truyền thống của người M'Nong. Năm 2005, một số thợ săn voi ở Bản Đôn vì quá nhớ ngày săn voi hàng năm trước đây đã lén vào rừng bắt được một con voi. Khi được biết chuyện, chính quyền đến để xử lý thu voi. Khi đến nơi thì chỉ thu được xác voi. Gần đây nhất, giữa năm 2006, cũng một số lén đi bắt được một con voi con nhỏ bị thương ở chân. Lần này rút kinh nghiệm, vườn quốc gia đã giải quyết không xử phạt và cho phép chủ voi con được nuôi và chữa bệnh. Trước đây khi lùa bắt để di chuyển số voi ở Bình Thuận thì đàn voi nuôi ở Bản Đôn do các "dũng sĩ" điều khiển đã được mượn dùng để lùa và chế ngự đàn voi rừng trước khi chúng bị bắn thuốc gây mê. Hiện nay chính sách về vấn đề bảo tồn thú hiếm và hoạt động truyền thống văn hóa của người dân tộc cần được hài hòa một cách tối ưu cho cả hai phương diện.

Phía sâu trong rừng là khu vực rừng cấm giáp với biên giới Cambodia, vẫn còn hổ nhưng rất ít. Cách đây 2 năm, một camera đã chụp được hổ lúc ban đêm ở Mondulkiri giáp ranh với vườn Yok Don (xem hình). Hổ còn sót lại ở Việt Nam không nhiều. Đa số chúng sống trong rừng dọc biên giới Lào giáp các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên đến Tây Nguyên. Hổ nhiều nhất là ở Lào và 3 tỉnh Cambodia, Rattanakiri, Stung Treng, và Mondulkiri, giáp với Lào và Việt Nam. Vừa rồi, đầu năm 2007, ở Bình Dương có vài cá nhân nuôi hổ (trong đó có người nuôi đến hơn 30 con). Các con hổ này được đưa từ Cambodia sang qua đường dây buôn lậu từ Tây Ninh, liên hệ đặt hàng với các thợ săn từ Sway Rieng lên bắc Cambodia săn bắt cộp đưa về Việt Nam tiêu thụ.

Ngoài các loài thú, còn có nhiều giống chim quý trong rừng Tây nguyên và các vùng phụ cận. Năm 2002, ở tỉnh Mondulkiri, Cambodia, giáp giới với vườn Yok Don đã chụp hình được một con trĩ cổ cam (*Arborophila davidi*) bởi một camera tự động đặt trong rừng. Trĩ cổ cam trước đây được coi là loài đặc biệt chỉ có ở vùng (endemic) nhỏ bé phía Nam Việt Nam tại 3 nơi, trong đó rừng Cát Tiên, nơi mà chúng có nhiều, là một. Năm 2005, con trĩ cổ cam được tìm thấy ở vườn quốc gia Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Vào đầu năm 2003, tại Yok Don đã khám phá ra loài chim Quắm lớn, lâu nay tưởng đã bị tuyệt chủng ở Việt Nam. Sự kiện này đã gây một tiếng vang lớn. Các nhà sinh học trong nước và quốc tế đã phát hiện được một quần thể nhỏ loài Quắm lớn, trong khi các nhà sinh học đang tiến hành dự án tạo dựng các khu bảo tồn tài nguyên Vườn quốc gia Yok Don. Quắm lớn, tên khoa học là *Pseudibis gigantea*, là loài chim được xếp vào cấp tuyệt chủng cao nhất của châu Á. Cách đây khoảng nửa thế kỷ, Quắm lớn vẫn tồn tại ở một số khu rừng rậm nhiệt đới ở nước ta nhưng đã bị tiêu diệt dần do nạn phá rừng và săn bắn. Hiện nay trên thế giới loài chim này cũng chỉ còn khoảng 500 con, tập trung chủ yếu ở Cambodia và Lào.

Đến thác bảy nhánh, chúng tôi dừng lại ăn trưa nghỉ ngơi trước khi quay trở lại. Cảnh ở đây rất hoang dại, và yên tĩnh. Gần khu này có vài nơi, trước kia có người dân tộc trú ngụ. Hiện nay họ đã dời đi khỏi rừng do ban quản lý rừng đề nghị và bồi thường họ. Nhưng rừng quốc gia Yok Don sau đó khoán cho họ (người dân tộc Ede) cai quản khu vực để họ có chút ít thu nhập và cùng lúc bảo vệ rừng như thông báo khi có người vào làm việc trái phép. Đây là mô hình quản lý rừng có lợi cho tất cả.

Ra khỏi rừng sau cuộc hành trình gần 4 tiếng, chúng tôi rất mệt mỏi nhưng rất vui là đã học hỏi được rất nhiều.

Quá vườn quốc gia Yok Don khoảng 1 km là khu du lịch Bản Đôn, đa số du khách Việt nam đến khu này. Nơi đây có cầu treo, nhà sàn, tiệm ăn, cửa hàng bán đồ lưu niệm, rượu cần, dịch vụ cưỡi voi lội suối. Nơi đây có thể mượn nhà sàn ở lại qua đêm với chương trình biểu diễn văn hóa dân tộc Ede và M'Nong. Từ đây, ở phòng tiếp tân khu du lịch Bản Đôn, du khách có thể mua vé tham quan nhà sàn cổ 120 năm và khu nhà mồ của các Gru, các dũng sĩ tay săn voi kỳ cựu trong vùng Bản Đôn. Cuối năm 2006, ở Bản Đôn xảy ra một tai nạn do voi vật một người hướng dẫn viên du lịch làm chấn thương sọ não, do anh ta đến gần trước mặt voi để chụp hình giùm cho một du khách mà không để ý đến quá gần voi.

Đi vào sâu trong làng bản Đôn, quá khu du lịch chính một chút, là đến ngôi nhà sàn cổ nhất trong tỉnh Dak Lak. Nhà sàn cổ hiện nay được con cháu "vua voi", Khun Su Nốp (hay gọi là Y Thu), chăm sóc, cháu ông thu vé mà tôi mua ở lễ tân của khu du lịch Bản Đôn. Y Thu được coi là "vua voi" vào thế kỷ 19, bắt được hơn trăm con và thuần hoá chúng. Trong số những voi ông bắt được có con voi trắng như trong huyền thoại, được coi là cực kỳ quý hiếm, và dâng cho vua Thái Lan năm 1861. Vì thế ông được vua Thái ban cho tước hiệu Khun Su Nốp. Ông là tù trưởng đầu tiên sáng lập làng Bản Đôn. Trong nhà sàn tất cả các đồ đều được giữ nguyên như xưa: giường, các dụng cụ săn voi, bắt thú, chiêng, cồng, các dụng cụ âm nhạc v.v.. Trên tường gỗ là thông tin về lịch sử ngôi nhà sàn gỗ đặc biệt này bằng chữ Khmer và Việt. Nhà sàn cổ được khởi công xây ngày 7/10/1883 và hoàn thành ngày 19/3/1885. Huy động tổng cộng 12 con voi để kéo và mang gỗ, và sau khi xây xong đã mổ 22 con trâu để ăn mừng. Nhà sàn hoàn toàn được xây bằng gỗ, ngói là những tấm gỗ và vẫn còn tốt sau 120 năm.

Trong ngôi nhà sàn cổ, còn có các dụng cụ săn voi của ông vua voi, các vật dụng trong nhà như lúc ông này còn sống. Đặc biệt là thanh bảo kiếm của vua Bảo Đại tặng cho cháu vua voi Khun Su Nốp, tên là Ama Pơ Pho Kham Súc, khi vua Bảo Đại đến rừng Me Van trong vùng này để săn thú. Năm 1942, kiếm bị gãy 1/3 do lúc săn voi, Lang Ama bị một voi tấn công, nên phải dùng kiếm để chống đỡ, và đánh vào ngà voi nên bị gãy. Kham Súc (hay gọi là Rleo Knun) cũng là tù trưởng giỏi săn bắt voi rừng. Ông cũng bắt được một con bạch tượng dâng tặng cho vua Bảo Đại. Để trả ơn, Bảo Đại đã xây khu nhà mồ cho Rleo Knun. Trong những ngày tháng loạn lạc năm 1945 trước cách mạng tháng 8, con voi trắng của vua Bảo Đại đã xông mất về rừng ở Lâm Đồng. Không biết nó ra sao và từ đó có nhiều huyền thoại chung quanh con bạch tượng của vua Bảo Đại.

Đi ra khỏi làng Bản Đôn, về hướng Tây Bắc, gần đến trạm kiểm lâm gần sông Sre Pong (mà bên kia là khu vực rừng quốc gia Yok Don) là khu nhà mồ. Khu nhà mồ là nơi chôn cất các "dũng sĩ" săn voi người M'Nong. Có khoảng hơn chục ngôi mộ mà ngôi lớn nhất với tháp nhà nhỏ là của "vua voi" Y Thu. Trên các mộ, có ghi thành tích bắt voi rừng của các dũng sĩ trong đó người bắt voi ít nhất là cũng được hơn 10 con. Cạnh một số mộ có các tượng voi với ngà lớn, tượng chim công được sơn phết đẹp để nhiều màu, để làm vui lòng người đã mất. Trước đây còn có các tượng gỗ đàn ông, đàn bà với bộ phận sinh dục được tự nhiên phô bày, độc đáo với các đường

riu, nhát dao rất thô thiển. Nhiều du khách nước ngoài đến đây rất thích thú và đánh giá cao về nghệ thuật chạm khắc dân gian Tây Nguyên. Nhưng vào năm 2006, các tượng đó đã bị cưa đi, đánh cắp mất. Sự đánh cắp các tượng nghệ thuật này đã gây xôn xao trong giới người M'Nong và các dân tộc khác ở Bản Đôn. Hiện nay còn rất ít người M'Nong có tay nghề và khả năng làm những tượng gỗ nghệ thuật như vậy, và họ đều đã lớn tuổi.

Sau khi thăm nhà mồ, tôi đi về phía xã Ea Bung dẫn đến biên giới, qua hồ Dak Minh (trước kia là miệng núi lửa). Cảnh rất đẹp, qua các đường dốc đồi với rừng khộp nguyên sinh của các cây dầu hai bên đường. Nhưng tôi không tiếp tục đến biên giới vì đã xế chiều và quay trở lại, bắt đầu cách hồ Dak Minh khoảng vài cây số. Nếu tiếp tục đi khoảng 30km nữa là sẽ đến một di tích Tháp Chăm Yang Prong (Thần vĩ đại), trong rừng gần cạnh đường, thuộc huyện Ea Sup. Ít người biết là ở trên Tây Nguyên, tỉnh Dak Lak lại có tháp Chăm. Sự hiện diện của tháp Chăm ở Tây nguyên chứng tỏ có sự liên hệ mật thiết từ lâu đời giữa người Chăm và các dân tộc miền núi. Thật ra ngôn ngữ của một số dân tộc miền núi Tây Nguyên rất gần với ngôn ngữ Chăm thuộc họ Austronesian, nhóm ngôn ngữ này được gọi là Chamic. Tháp Yang Prong được vua Simhavarman II (tức Chế Mân, người cưới công chúa Huyền Trân thời Trần) xây vào thế kỷ 13. Tháp cao 9m, làm bằng gạch đỏ gồm 1 cửa chính và 3 cửa giả. Năm 1995, tháp Yang Prong được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia, tuy vậy vì ở chỗ hẻo lánh và ít người đến nên tháp Yang Prong bị bỏ quên không có chi phí bảo tồn, không được quan tâm và xuống cấp theo mưa nắng.

Phía bên kia hồ Dak Minh, thuộc xã Krông Na, huyện Bản Đôn, nay đã trở thành khu du lịch sinh thái Bản Đôn mới mở cách đây 2 năm do một công ty cao su nhà nước thành lập và quản lý. Tôi dừng chân ở đây để nghỉ ngơi trong khu vực rất rộng lớn vẫn còn đang được xây dựng với nhà chòi, bến thuyền, trạm cưỡi voi.. chung quanh hồ Dak Minh trước khi trở về Buôn Mê Thuột.

Với chuyến đi thăm vườn quốc gia Yok Don này, tôi đã học hỏi được nhiều và cảm nhận được là Dak Lak là trung tâm văn hóa Tây nguyên, nơi đây con người từ cổ xưa đã có nền văn minh, văn hóa đa dạng đặc trưng sống rất hài hòa hòa hợp với thiên nhiên và đặc biệt nhất là nơi đây chính là xứ sở của voi.

NGUYỄN ĐỨC HIỆP

Lang thang xứ Quảng

Nguyễn Môt *

Một buổi chiều, bỗng dưng nắng rực vàng trùm xuống thành phố Biên Hòa, tôi da diết nhớ những buổi chiều miền Trung. Ở miền đất nghèo, khúc ruột đất nước, trong ký ức tuổi thơ tôi, nắng cũng vàng như thế, vàng đến nao lòng! Bỗng dưng máu *giang hồ* lại trỗi dậy. Tôi gọi điện cho nhạc sĩ Cao Hồng Sơn, một người anh ham chơi không kém gì tôi:

- Alo đi miền Trung chơi không?
- Đi thì đi!

Thế là “ Một ba lô, cây đàn trên vai chúng tôi lên đường”. Nghe tin tôi về miền Trung, anh bạn Trần Bá Dương, một doanh nhân có máu nghệ sĩ rủ rê: “ Về Chu Lai chơi đi, nhà máy của tôi ở đó, hơi bị lớn đấy. Chu lai cũng khá lãng mạn ” . OK! Nơi đầu tiên chúng tôi đặt chân đến là Chu Lai. Vùng đất ven biển Núi Thành mênh mông cát trắng, trắng đến nhức cả mắt. Trước đây là trung tâm quân sự lớn nhất miền Trung , từ khu căn cứ quân sự này, lính Mỹ điều phối, quân đội và vũ khí cho toàn bộ chiến trường miền Trung. Cát trắng và nóng cháy người, lúc mới đổ quân xuống đây, nhiều lính Mỹ đã lăn ra chết bởi cái nóng của nó. Xứ sở nghèo và xơ xác, nhưng con người lại hùng hực sức sống. Đàn ông săn chắc, ăn sòng nói gió, đàn bà tròn trịa và nồng nàn. Sự tròn trịa hấp dẫn mà chỉ có phương ngữ của xứ Quảng mới diễn tả được đó là từ “*múp rụp- ngon cơm*”. Đàn ông bình phẩm về họ bằng cụm từ “Cô nớ con nhà ai mà *múp rụp* rứa hỉ?” “Cô bé kia con nhà ai mà *ngon cơm* rứa hè”. Bọn lính Mỹ rất khoái cách diễn tả về phụ nữ của những người đàn ông bản địa, chúng hỏi tay thông ngôn về cách diễn tả ấy, không cách gì dịch được những phương ngữ không có trong từ điển, tay thông ngôn dịch liêu là “good rice”. Mỗi lần đám phụ nữ đi chợ bọn Mỹ khoái trá gào lên “good rice!, good rice!”. Bọn chúng cuồng cả người lên nhưng không làm gì được, vì họ thường đi thành nhóm. Một hôm, có tay lính Mỹ to lớn nặng cả tạ, say rượu, liêu mạng vật cô gái Núi Thành (Chu Lai), hì hục mãi vẫn không làm gì được. Cuối cùng, hấn dùng cái xác to lớn của hấn đè lên người cô gái theo kiểu đồ vật, con gái trong làng chạy đến cứu, nhưng hấn ở trần, mồ hôi ra bóng nhẫy cả người, các cô không làm sao kéo nó ra được. Một cô bèn lấy đòn xóc, xỏ qua bụng hấn khiêng lên. Cô gái bị hấn đè vùng dậy được, áo quần rách tả tơi chẳng thêm che đậy, giật cây đòn phang tới tấp, tay lính Mỹ ôm đầu máu bỏ chạy. Bọn lính xằng bậy thế, nhưng mấy tay Sĩ quan vốn là dân có học, muốn lấy lòng dân bản xứ theo lời khuyên của “tâm lý chiến” nên ra lệnh cấm ngặt chuyện cưỡng hiếp. Tuy nhiên đám lính Mỹ vẫn háo hức, khao khát chiêm ngưỡng cái “múp rụp” của đàn bà xứ Quảng, nên tranh thủ canh me lúc các cô đi chợ, chúng lấy trực thăng rượt theo, bắn đạn xung quanh vây họ lại và yêu cầu tên thông ngôn bắt họ cởi áo quần để khám, xem có giấu vũ khí trong người mang ra cho Việt Cộng không? Sợ trễ buổi chợ, mấy cô có chồng cởi đồ tung vào mặt chúng, ban đầu chúng khoái trá cười hớ hớ, nhưng tay thông ngôn bảo rằng những người đàn bà ấy đang tỏ thái độ khinh bỉ những người lính viễn chinh, nên chúng quay máy bay bỏ đi...Những chuyện tưởng chừng như bịa đặt,

có thật xảy ra thời chiến tranh trên vùng cát trắng này do bà ngoại tôi kể lại và chính bà là người trong cuộc.

*

Chu Lai bây giờ khác xưa nhiều lắm, từ khi khu kinh tế mở hình thành miền cát cháy đã thực sự hồi sinh, màu xanh cây cối, màu xanh áo thợ và những nụ cười rạng rỡ đã mang lại cho Chu Lai một gương mặt mới. Trần Bá Dương đưa chúng tôi về công ty của anh, nơi mà anh đã dồn hết tâm huyết của nửa đời người cho nó. Là Tổng giám đốc, anh làm việc quần quật như cái máy, nhưng vẫn tranh thủ thời gian chơi với anh em văn nghệ sĩ, đặc biệt anh rất say mê văn học, chúng tôi đã từng tranh luận sôi nổi về một tiểu thuyết mà cả hai tâm đắc. Anh là người cuồng nhiệt đối với bất cứ thứ gì mà anh dính tới, Chính nhờ sự cuồng nhiệt ấy mà Công ty ô tô Chu Lai - Trường Hải đã ra đời trên vùng cát trắng mệnh mang này. Khi tiến hành xây dựng, công ty phải bỏ ra khá nhiều công sức, anh đã cho công nhân đào hố mang đất từ nơi khác về để nuôi dưỡng thảm xanh trong khuôn viên, làm hồi sinh vùng đất chết.

Tay doanh nhân trẻ này vốn dân gốc Huế rất yêu miền Trung, anh ta xuất thân nghèo khó. Chuyện đời và vốn văn hoá của anh ta làm tôi thay đổi suy nghĩ cực đoan truyền thống “trọng nông, khinh thương” của dân Việt, ăn sâu vào đầu óc của tôi.

Không có ai sống tẻ nhạt trên đời

Mỗi số phận chứa một phần lịch sử

Câu thơ uyên bác của nhà thơ Nga trên đây vận đúng vào cuộc đời của Trần Bá Dương và một công ty gắn liền với anh trong suốt mười năm qua. Ngày mà công ty ô tô Trường Hải ra đời là thời điểm đất nước chuyển mình sau mười năm đổi mới. Có những công ty mà cái mốc thời gian chỉ mang tính vật lý, nhưng đối với Dương những cái mốc thời gian lại mang ý nghĩa thiêng liêng về dấu ấn của lịch sử. Nếu chỉ nhìn sự bề thế của công ty Chu Lai - Trường Hải hôm nay, khó có thể hiểu được nó được ra đời từ đôi bàn tay, chai sạn bởi cay cú và lấm lem dầu mỡ của một con người giàu nghị lực đã tạo ra nó. Ngược dòng thời gian, tìm về với sự hình thành của một công ty, cũng như ngược lên thượng nguồn của dòng sông để hiểu được dòng sông vượt qua bao nhiêu ghềnh thác để tạo ra vùng hạ lưu ngút ngàn phù sa.

Trảng Bom vùng đất bạc màu của tỉnh Đồng Nai, sau ngày đất nước thống nhất người dân sống chủ yếu nhờ sản xuất khoai sắn mọc lên giữa những tảng đá ong khô khốc. Trong căn nhà nhỏ của xứ đạo Quảng Biên, người mẹ loay hoay chăm sóc đàn heo, cậu con trai đi học về chào mẹ, lừa vội chén cơm, rồi vác cuốc đi ra vườn. Người mẹ nhìn theo con bằng ánh mắt hiền từ âu yếm. Ngày mai thằng Dương thi Đại học rồi, chiều này phải bán con heo cho nó làm lộ phí. Dù cuộc sống hết sức khó khăn, Dương phải nghỉ học nhiều ngày để phụ việc nhà nhưng bà vẫn cứ tin tưởng bé sau này sẽ làm được cái gì đó lớn lao lắm, bà không hình dung ra được, nhưng linh cảm của người mẹ mách bảo với bà điều ấy. Bà còn nhớ trước đây khi còn ở Đà Lạt gia đình bà là đầu mối cung cấp rau lớn nhất Lâm Đồng, sau những biến động của lịch sử gia đình bà suy sụp kinh tế, chồng qua đời, bà nuôi các con bằng nghị lực của phụ nữ Á Đông và bà truyền cho chúng niềm tin và nghị lực ấy. Nhiều lần bà quan sát con trai bà dạy học cho bạn của nó, bà ngạc nhiên sau thằng Dương cùng học lớp với thằng Mộc mà lại có thể dạy lại cho thằng Mộc được nhỉ?

Bà suy nghĩ lung về tương lai của con mình, nhưng việc trước mắt là lo cho nó ngày mai thi vào đại học.

Cái tin Trần Bá Dương đậu vào đại học bách khoa TP HCM, một trường đại học danh tiếng, là niềm vui cho xóm đạo nhỏ Quảng Biên, mọi người đến chia vui, đôi mắt người mẹ sáng ngời niềm hạnh phúc. Bốn năm trời cậu con trai miệt mài trên giảng đường đại học là thời gian người mẹ tảo tần lao động, bà tần tảo chi tiêu để dành chút vốn liếng cho các con. Bà còn nhớ khi cha mất đứa nhỏ còn sống, trong mỗi bữa cơm ông đều truyền dạy cho các con ý thức làm chủ, ông hay nói: “Các con lớn lên nếu làm kỹ sư thì mở xưởng, làm giáo viên thì mở trường nhé!” Là phụ nữ xứ sở cung đình nhạy cảm, theo chồng trải qua bao biến cố thăng trầm của đất nước, bà hiểu được điều mà chồng bà ước muốn cho tương lai của các con. Bà tiếp tục truyền lại cho các con “ý thức làm chủ” này, bằng những việc làm thiết thực của mình. Là phụ nữ ngoan đạo bà còn dạy cho các con mình lòng yêu thương con người và tin tưởng vào cuộc sống. Năm 1983, giữa lúc đất nước đang ráo riết thực hiện “thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội” thì Trần Bá Dương ra trường. Nền kinh tế ọp ẹp của thời kỳ bao cấp khiến cuộc sống hết sức khó khăn. Anh xin vào làm ở Nhà máy đại tu ô tô, lương ba cọc ba đồng nhưng anh không quan tâm lắm, niềm vui lớn nhất của anh là được các người thợ lành nghề giao cho công việc sửa chữa. Anh trăn trở nhiều đêm và nhận ra rằng anh chỉ thiếu kinh nghiệm nhưng anh có kiến thức, cần phát huy thế mạnh của mình. Ngoài giờ làm anh tìm đến các người thợ lành nghề để học những kinh nghiệm. Chính người thợ và cũng là “người thầy” bây giờ đang làm việc trong công ty của anh đã kể lại cho chúng tôi nghe câu chuyện ngày xưa của anh đã chịu khổ để theo học tập kinh nghiệm thực tế

Khi đã vững vàng về thực tế anh nghiên cứu những chi tiết sửa chữa theo phương pháp khoa học. Những phát minh thiết thực của anh như: máy chạy rà động cơ và các loại đồ gá để gia công sơ mi, pít tổng ... giúp cho người thợ đỡ nhọc nhằn hơn, nên anh đã thuyết phục được họ tin vào tấm bằng kỹ sư của anh. Năm 1985, sau hai năm ra trường, anh thợ sửa xe có bằng đại học được giao hẳn cho một tổ sửa chữa lưu động, tự chạy việc làm. Lúc ấy, anh em gọi đùa tổ sửa chữa lưu động là: gánh hát rong của ông bầu Trần Bá Dương.

Bằng nỗ lực và kiến thức một thời gian ngắn lưu diễn khắp nơi trong và ngoài tỉnh bằng cờ lê, mỏ lết, gánh hát rong đã thu hút một lượng khán giả khá đông, thu nhập tăng, đời sống anh em nâng cao và tất nhiên ông bầu Trần Bá Dương cũng được anh em nhìn bằng ánh mắt kính nể. Lúc ấy, mẹ anh thấy con trai cưng của mình quá khổ, bà lên thăm, giục con trai bỏ việc về nhà với mẹ, nhưng Dương cúi đầu xin mẹ cho anh theo đuổi cái nghiệp đã dính vào đời anh. Không thuyết phục được, mẹ anh dúi vào tay con trai lúc vài trăm bạc, lúc chỉ vàng để con bời đường. Dù làm có tiền, nhưng để mẹ vui lòng anh cũng nhận rồi cố giấu nước mắt tiễn mẹ ra về.

Khi phong trào xe tay lái nghịch ở nước ngoài ồ ạt nhập về. Biết trước loại xe này không phù hợp với đường Việt Nam và thế nào cũng phải chuyển đổi. Anh năn nỉ mấy ông anh gom tiền mua hẳn một chiếc xe về nghiên cứu. Cuối cùng, anh đã thành công nhờ chính kiến thức đã học, đề tài được Bộ Giao thông cho phép thực hiện. Trần Bá Dương, nổi tiếng người tìm ra phương pháp hiệu quả nhất chuyển đổi tay lái nghịch. Tổ của Dương làm không hết việc... Đây là bước ngoặt đầu tiên trong đời anh

Thời gian làm công nhân, anh luôn mơ ước có ngày anh sẽ có một công ty cho riêng mình. Bằng nghị lực của người mẹ truyền lại, anh nung nấu ý chí ấy cho đến ngày anh thực hiện được ước mơ của mình. Khi thời cơ đến, đất nước mở cửa, năm 1997 anh dồn tất cả tài lực của gia đình, bà con nội ngoại để lập công ty. Đó là cái mốc thời gian quan trọng cho công ty ô tô Trường Hải hôm nay và tương lai.

Những ngày đầu mới thành lập Công ty ô tô Trường Hải, đứng trước sự non trẻ của ngành công nghiệp ô tô Việt Nam với những cơ chế không phù hợp Công ty ô tô Trường Hải như “cây non mới qua mùa bão giông”. Có lúc tưởng chừng như phá sản, nhưng người dẫn dắt đầy nghị lực, nhạy cảm cùng với những cộng sự đặc lực, “cây non” này dần dần lấy lại thăng bằng và căng tràn nhựa sống vươn lên mạnh mẽ, trở thành cây lớn vươn tâng rộng muôn mầu.

Và cái cây lớn ấy chính là “Nhà máy ô tô Chu Lai - Trường Hải” hôm nay, nơi mà tôi vừa đặt chân đến. Trần Bá Dương tự hào và hạnh phúc với những gương mặt rạng rỡ của hàng ngàn công nhân, họ đã làm việc bằng tất cả sự cuồng nhiệt, say mê của con người xứ Quảng. Dương tâm sự: “Tôi quý những công nhân ở đây chính ở thái độ làm việc của họ, họ làm không phải vì mức thu nhập cao, mà họ làm việc với tinh thần xây dựng quê hương”.

Buổi chiều, Trần Bá Dương đưa chúng tôi ra biển Chu Lai, nắng vàng rực, biển xanh ngăn ngắt, bãi biển trắng muốt, chúng tôi đi nhiều chưa thấy bãi biển nào đẹp và hoang sơ như vậy, Những bụi chà là gai mọc lúp xúp trên triền núi, những chú dã tràng nhớn nhợ dưới chân người, cứ ngỡ mình đang trở lại thời hồng hoang. Chúng tôi hét lên, tung giày ra và chạy chân trần trên cát để tận hưởng sự khoan khoái hoang dã mà chúng tôi thêm khát, trong những tháng ngày tù đọng ở trong thành phố ồn ào chật hẹp. Buổi tối những cô công nhân đến chơi với chúng tôi bằng tất cả sự hồn nhiên trong trẻo, họ đàn hát, những bài hát ca ngợi quê hương, ca ngợi tình yêu, ca ngợi con người xứ Quảng. “Đất Quảng Nam chưa mưa đà thấm, Rượu hồng đào chưa nhấm đà say”

*

Chúng tôi chia tay Chu Lai vào buổi sáng, bầu trời trong vắt, nắng chan chất, về Mỹ Sơn để tìm chút không gian huyền thoại của ngàn năm trước. Mỹ Sơn là một trong hai di sản văn hóa thế giới ở Quảng Nam, ở đó cũng là nơi chôn nhau cắt rốn của tôi, nơi mà cha mẹ tôi đã vĩnh viễn yên nghỉ, nơi tôi đã trải qua những tháng ngày tuổi thơ nhọc nhằn, khổ ải, trên cánh đồng sỏi đá, nơi ăm ắp kỷ niệm và tình người. Mỹ Sơn trong ký ức tuổi thơ của tôi là một nơi huyền bí với “muôn ma hời sờ soạn đất nhau đi” Ngày xưa, theo cậu vào núi Chúa đồn củi, mỗi lần đi ngang Mỹ Sơn cậu tôi luôn bỏ nón xuống và lẩm rầm khấn vái với thái độ đầy thành kính. Ông rót vào tôi bao câu chuyện huyền thoại xung quanh những ngọn tháp cổ kính giữa đại ngàn trầm mặc. Ông kể: Vào những đêm trăng, các Chiêm nữ hiện về múa hát bên ngẫu tượng Linga, những bày heo bằng vàng ròng đứng đỉnh ăn hoa trắng và những trái sim rụng. Không ai dám bắt những con heo vàng ấy, vì nó sẽ mang lại sự xui xẻo cho con người. Có lẽ nhờ vậy bọc bởi những huyền thoại, nên các ngọn tháp vững chãi tồn tại qua hàng trăm năm, giữa biến động của lịch sử. Sau mỗi câu chuyện kể, cậu tôi thường kết luận: “Con người sống không chỉ cần có cơm gạo mà còn phải có văn hóa, lịch sử và huyền thoại, ngày xưa cha ông bắt đắc dĩ mới mở đất về hướng Nam, nhưng người Việt không bao giờ phá hoại những dấu ấn văn hóa của dân tộc khác, việc phá hoại đền chùa miếu mạo của thời ấu trí sẽ phải trả giá hàng trăm năm sau. Khi con người bị phá vỡ những không gian sống tinh thần đầy huyền thoại quanh mình, con người sẽ trở nên tàn bạo với thiên nhiên và với đồng loại của mình!”. Mỹ Sơn bây giờ không còn u uẩn như xưa, bởi mỗi ngày nó đón hàng ngàn du khách từ khắp nơi trên thế giới, nhưng có một điều kỳ lạ là giữa sự ồn ào của con người, nó vẫn cứ trầm mặc và huyền bí. Vào trong khu tháp cổ không ai dám cười đùa, bỗ bã. Những pho tượng Chiêm nữ vẫn lung linh, sống động, khiến con người không dám thờ ơ mạnh khi đối diện với nó. Nhạc sĩ Cao Hồng Sơn là anh chàng Bắc Kỳ quý tộc, nhạy cảm và yếu bóng vía, nên lần đầu đến Mỹ Sơn, anh bước rất khẽ bên tôi và thì thầm: “Chưa có nơi nào mang lại cho mình những cảm giác lạ như thế này cả”

Chiều, những bầy cò Ngán chấp chới bay về tổ, ngày nhỏ tôi thường nghe giải thích: Loài cò này chỉ có ở Quảng Nam và cái tên của nó có nghĩa là ngán ngẩm sự đời. Đến mùa giao phối con trống dùng sức mạnh chiếm đoạt con mái. Sau đó con mái tìm hốc cây làm tổ. Con trống dùng đất bịt kín hốc cây và tha mồi về nuôi con

mái. Qua hết mùa đông lạnh giá con trống rụng trơ trọi cả lông. Mùa xuân ấm áp, cò mái và các con phá tổ chui ra, thấy con trống xơ xác, liền xúm lại cắn và đuổi đi, có khi con trống bị cắn đến chết. Chúng đối xử với nhau tàn bạo như vậy nên gọi là cò Ngán.

Nắng vàng rực dần trùm xuống những ngọn tháp cổ, thoáng sau, bầu trời chuyển qua màu đỏ bầm của máu, những bụi sim nở hoa tím ngát, chuyển mình dưới những cơn gió nhẹ, khiến cho không ít du khách rừng mình khi tưởng tượng các Chiêm Nữ đang lướt đi trên những ngọn cây chà là um tùm xung quanh tháp. Cao Hồng Sơn nín thở nói trong hơi thở nhẹ: “Về thôi”. “Ừ thì về!” Cái tiếng “về thôi” làm tôi xúc động, về quê tôi, về nhà những người bà con của tôi, chứ đâu phải quê anh, mà anh bảo “về” chứ không phải “đi”. Phải chăng chỉ mới một ngày mà quê hương tôi, đã mang lại cho anh cảm giác thân thiện như nơi đây chính là quê hương của anh. Trên đường quay ra nhà chị tôi ở cách tháp 5km, tôi miên man nghĩ cái tiếng “về thôi” của Cao Hồng Sơn. Mảnh đất phía Nam của đèo Ai Vân, nằm giữa cái eo của đất nước mà năm trăm trước được vua Lê Thánh Tông đặt cho một cái tên khá hào sảng: Quảng Nam, có nghĩa là mở về hướng Nam. Chính nhờ cảm giác thân thiện mà nhạc sĩ Cao Hồng Sơn đã cảm nhận, giúp cho tổ tiên của người Việt bỏ xứ và sống và xây dựng bảo vệ quê hương này.

Sau một ngày đi bộ mệt nhoài, chị Ba của tôi đón hai anh em bằng những tô mì Quảng ngon lành, món đặc sản, mang đậm dấu ấn tính cách con người ở đây. Sợi mì to, nước nhưng đậm đà, rau sống làm bằng chuối cây, ăn bằng đũa, ăn ào ào chứ không ăn bằng muỗng nhỏ nhẹ như thức ăn của nền văn hóa cung đình xứ Huế, xứ Bắc. Đưa mì vào miệng, cắn trái ớt xanh đáng rộp, “cay xè, đột ngọt, hả hê”. Có lẽ ít nơi nào trên thế giới này có món ăn thể hiện tính cách con người của vùng đất như xứ Quảng Nam. Con người mang đậm dấu ấn của nền “văn hóa khai khẩn”. Ăn to, nói lớn, hồn nhiên, hài hước và quyết liệt.

*

Và một con người mang đậm tính cách ấy nhất là: Người Hùng phố cổ : Nguyễn Sự – Một người anh, người bạn thân thiết của giới văn nghệ sĩ.

Mỗi lần điện thoại cho tôi, anh đều kết thúc bằng câu dặn dò rất giọng Quảng: “*Mi về Quảng Nom nhớ ghé tau chơi nghen!*” Cái giọng đặc cứng nhưng chứa chan tình cảm, vì vậy mà mỗi lần về thăm quê tôi đều tranh thủ ghé thăm anh. Hội An quá quen thuộc với tôi từ thuở ấu thơ, nhưng Hội An luôn hấp dẫn tôi không phải bởi những căn nhà cổ nhỏ xíu rêu phong trầm mặc trước thời gian. Tôi nói với nhạc sĩ Cao Hồng Sơn: Phong cảnh dù đẹp như bồng lai thì cũng sẽ vô hồn và nhàm chán nếu không có con người. Nguyễn Sự là con người đã góp phần làm nên linh hồn của Hội An, khi nhắc Hội An người ta nghĩ ngay đến Nguyễn Sự và ngược lại. Anh là *Thị trưởng* duy nhất ở Việt Nam được phong anh hùng. Trước khi anh được phong “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới” Nguyễn Sự đã mang trong mình tố chất của một anh hùng. Trong những lần rong ruổi ở Hội An từ những anh chạy xe ôm, những chị hàng rong, những người dân bình thường, tôi đã nhặt được những câu chuyện lạ lùng như sau:

Chuyện thứ nhất:

Hôm đó trời u ám tầm tã suốt mấy ngày liền, nước từ trên nguồn cuộn cuộn đổ về, các con sông ở Quảng Nam đổ ngầu, con sông Hoài không đủ sức đưa kịp nước ra biển khơi. Hội An chìm trong nước, Nguyễn Sự mình trần dầm mưa trèo lên ca nô hò hét chỉ đạo bà con bảo vệ con người, bảo vệ tài sản, bảo vệ phố cổ. Một người dân bị nước lũ cuốn trôi, trước mặt một thương lái đang điều khiển chiếc xuồng lớn chở hàng hóa. Anh này bỏ mặc người bị nạn để chạy. Nguyễn Sự cho dừng ca nô cứu người và tức tốc đuổi theo gã lái xuồng kia, khi đuổi kịp anh nhảy qua xuồng của hắn xáng cho hắn mấy bạt tai vì cái tội phản bội đạo lý của dân tộc “Thấy chết mà không cứu”

Chuyện thứ hai:

Một anh nhà báo trẻ tí toe về lòng sục Hội An và gặp Nguyễn Sự vùi vĩnh, nếu không sẽ viết bài về không hay về Hội An, Nguyễn Sự nhẹ nhàng bảo: “Cứ viết, đúng sự thật anh cảm ơn, còn sai sự thật anh kiện, chứ vùi vĩnh anh, anh ném cổ chú xuồng sông Hoài.” Tay nhà báo hốt hoảng lùi mất.

Chuyện thứ ba:

Dân vùng ven Hội An có thói quen không làm nhà vệ sinh, Nguyễn Sự vận động kinh phí từ nhiều nguồn phát cho mỗi gia đình bốn trăm ngàn để giải quyết chuyện tế nhị. Thời gian sau anh đi qua vùng này thấy vẫn còn cảnh chướng mắt. Tức giận anh gọi tay chủ tịch xã và chỉ đạo kiểu giang hồ: “Tao cho mi một tuần, tuần sau tao đi ngang mà thấy cái mông mô giò ra đường là tao đề nghị cách chức mi”. Biết Nguyễn Sự nói là làm nên chính quyền địa phương thực hiện triệt để.

Chuyện thứ tư:

Thời kỳ bao cấp, đói nghèo, chiến tranh biên giới khốc liệt. Lúc ấy, anh nào được học sư phạm ra trường đi dạy học là may mắn lắm. Nguyễn Sự lúc ấy là thầy giáo giỏi. Trong cuộc họp hội đồng mọi người tranh cãi chuyện đường sá. Nguyễn Sự đứng phắt dậy và nói: “Anh em người ta chiến đấu chết sống ngoài biên giới, ở đây bay cãi nhau về chuyện nhỏ mọn nớ, chẳng đáng mặt trượng phu. Tao nghĩ dạy đi nghĩa vụ đây” Nói xong Nguyễn Sự rời trường và đi thẳng ra ủy ban đăng ký vào quân đội.

Chuyện thứ năm:

Ở ngoài đời ngang ngạnh như vậy, nhưng Nguyễn Sự sợ mẹ một phép, từ lúc đi dạy học, làm cán bộ Đoàn, rồi làm chủ tịch Huyện, mỗi lần có lỗi làm mẹ giận, Nguyễn Sự cúi đầu xin lỗi mẹ hàng giờ liền. Khi mẹ có tuổi không đi được, trong ngày lễ hội “Công nhận di sản văn hóa”, mẹ muốn xuống phố đi bộ xem đèn. Nguyễn Sự cõng mẹ trên lưng đi hết các khu phố. Dân Hội An không cho đó là điều lạ, bởi ai cũng hiểu rõ Nguyễn Sự làm việc đó bằng chữ hiếu thực sự chứ chẳng màu mè gì cả.

Còn nhiều chuyện nữa chúng tôi nghe kể bên vĩa hè, chẳng biết chuyện nào thật, chuyện nào người dân thêu dệt nên, nhưng tôi chẳng cần xác minh. Như bao Anh hùng khác trên đất nước đầy huyền thoại này, xung quanh họ không ít chuyện do nhân dân yêu mến mà tạo ra những huyền thoại. Dù thế nào đi nữa cũng cho thấy một điều là Nguyễn Sự được người dân Hội An yêu mến vô cùng. Có người bảo với tôi: “Làm lãnh đạo được dân yêu mến là quý nhất, hoặc dân sợ cũng tốt, chứ người nào lên, người nào xuống dân không quan tâm thì buồn lắm”

*

Chúng tôi kết thúc chuyến du hành Chu Lai – Mỹ Sơn – Hội An của Quảng Nam bằng một buổi chiều nắng vàng rực rỡ xuống mái nhà cổ kính bên sông Hoài. Nhạc Sĩ Cao Hồng Sơn cao hứng hát ca khúc anh vừa sáng tác: “*Bạn đến rồi đi như mây trắng, ta ngồi đọc âm vịnh bài ca...*”

NGUYỄN MỘT *

Đường đến Siem Reap – Angkor

Nguyễn Thi Hậu

1. Tản mạn dọc đường

Khi nghe tôi háo hức khoe *Tuần sau em đi Siem Reap – Angkor*, anh bạn đồng nghiệp ngạc nhiên *Chưa đi Siem Reap à, làm khảo cổ mà...kém thế! Bây giờ mới biết Angkor thì quá muộn đấy!* Tôi đành tự bào chữa theo kiểu rất AQ Kệ, *muộn còn hơn không bao giờ...* Mà chẳng cứ việc tôi bây giờ mới đến Angkor, ở đời những gì đến sau bao giờ cũng làm cho ta có cảm giác tiếc nuối, rằng mình biết điều đó là quá muộn màng!

Vương quốc Campuchia có diện tích hơn 181 ngàn km², dân số khoảng 13 triệu người, gồm 24 tỉnh và thành phố trong đó tỉnh Kongpong Cham có số dân đông nhất. Một số thành phố lớn là thủ đô Phnom Penh, pay Linh, Kep và thành phố cảng Shihanoukville. Phía Bắc Campuchia giáp Thái Lan và Lào, Tây – Tây Nam giáp Thái Lan và Vịnh Thái Lan, Đông và Nam giáp Việt Nam. Du khách có thể qua lại đường biên giữa hai nước bằng nhiều cửa khẩu quốc tế: Bonuê – Trapeang Srê, Xa Mát – Trapeang Plong, Mộc Bài – Ba Vet, Vĩnh Xương và Thường Phước – Khaom Samnor, Tịnh Biên – Phnom Den.

Qua cửa khẩu Mộc Bài khoảng 10 giờ sáng, trước mắt tôi là cửa khẩu Ba Vét – tuy chỉ là một tòa nhà trệt nhưng cấu trúc ngôi nhà hiện rõ nét đặc trưng của kiến trúc truyền thống Campuchia. Đoàn chúng tôi được công ty du lịch ViệtMark đăng ký trước nên hải quan Ba Vét đã làm sẵn những hồ sơ cần thiết, nhờ đó thủ tục nhập cảnh tại đây nhanh chóng hơn thủ tục xuất cảnh bên cửa khẩu Mộc Bài (điểm đầu tiên gây được cảm tình đối với du khách!). Theo quốc lộ mới được nâng cấp chúng tôi đi qua tỉnh Svayriêng, một phần các tỉnh Kongpong Cham và Kongpong Thom khoảng đường dài hơn 400km để đến Siem Reap – trung tâm du lịch lớn nhất Campuchia. Gần một ngày rong ruổi trên đường với quang cảnh nửa quen nửa lạ. Thỉnh thoảng trong xe có người thốt lên *Giống in miệt Trà Vinh, Sóc Trăng bên mình* ha khi nhìn thấy tháp thoáng phía sau hàng cây thốt nốt vài ngôi nhà trệt lợp lá dừa, cây rơm lớn trong sân, hàng rào bông giấy đỏ rực, nhất là những ngôi chùa màu vàng rực rỡ, bậc thềm tam cấp cao với mái ngói cong vút duyên dáng luôn hiện ra dọc hai bên đường. Với hơn 95% dân số theo đạo Phật Tiểu thừa, ngôi chùa là công trình kiến trúc phổ biến nhất và có một vị thế vô cùng quan trọng trong đời sống tinh thần và văn hóa của người dân Campuchia. Hai bên đường nhà cửa khá thưa thớt, ít có nơi nào nhà dân ngoi ra kín mặt tiền đường lộ như ở nước ta. Nhà cửa ở đây đặc trưng là kiểu nhà sàn cột nhỏ và sàn khá cao, cách mặt đất đến 3 – 4m, cầu thang gỗ dốc đứng bên ngoài ngôi nhà. Một vài nhà sàn xây bằng vật liệu kiên cố (cột bê tông, tường gạch) thì cầu thang có thêm bậc “chiếu nghỉ” để giảm độ dốc. Một vài ngôi nhà tuy mới dựng bộ khung nhưng bên trên mái ngói đã lợp xong. Hỏi ra mới biết trình tự làm nhà ở đây bắt đầu từ dựng cột, dựng khung, lợp mái, lát sàn, dựng vách và làm cầu thang sau cùng. Với sàn nhà cao như vậy, ngôi nhà là sự thích nghi một cách “tối ưu” với điều kiện tự nhiên: mùa nắng thì tránh được hơi nóng hầm hập bốc lên từ mặt đất nứt nẻ, đồng thời đón gió mát cho cả trên nhà dưới sàn, mùa nước ngập thì nhà luôn cao vượt mặt nước nên không phải “chạy lũ”, lại còn tránh được hơi ẩm, chuột bọ, rắn rít. Dưới sàn nhà vẫn là không gian có thể sinh hoạt và để đồ đạc (ghe xuồng, nông cụ, có khi là bộ ván hay bộ bàn ghế, chiếc võng mắc toong teng...). Khi cần thiết có thể dựng vách là tầng dưới trở thành ngôi nhà một trệt một lầu ngon lành! Hầu hết những ngôi chùa, ngôi nhà đều được lợp mái ngói đỏ sẫm. Chúng tôi được biết việc lợp ngói gần như là một quy định bắt buộc đối với nhà ở, đền chùa, công sở, khách sạn... trên khắp đất nước, để thể hiện và duy trì kiến trúc truyền thống ở Campuchia. Rất ít nhà cao quá 3,4 lầu và hầu như không thấy kiểu nhà mặt tiền ốp kính xanh kính đen (đang là mode ở nhiều thành phố nước ta). Hai loại công trình dễ nhận biết nhất là những ngôi chùa (nhiều nơi cổng chùa

cũng là cổng làng) và ngôi nhà làm trụ sở chính quyền xã vì về hình thức mỗi loại khá thống nhất. Hai bên đường thỉnh thoảng nhìn thấy những tấm biển khiêm tốn trên cổng chào nhỏ hay cổng một ngôi nhà, thường có màu xanh nhạt chữ trắng, ghi chữ Khmer và chữ Anh thông tin cho biết khu vực này ủng hộ Đảng phái nào trong chính phủ Campuchia. Theo đó chúng tôi nhận thấy Đảng Nhân dân Campuchia của Thủ tướng Hun Sen có nhiều khu vực ủng hộ nhất (chiếm khoảng 60% cử tri cả nước).

Mùa khô ở Campuchia kéo dài từ tháng 11 đến tháng 5, nắng gay gắt và nhiệt độ có thể đến 40 oC. Thời gian này ruộng đất ở đây hầu như bỏ hoang, trơ trọi những gốc rạ. Vài bầu nước cạn lác đác những bông hoa súng đỏ tíu... Dọc đường chỉ thấy những đàn bò lông trắng đang lang thang gặm cỏ. Anh hướng dẫn viên của công ty Carnavan Tourist cho biết, phần lớn đất đai ở Campuchia chỉ trồng một vụ lúa vào mùa mưa, tuy năng suất không cao lắm nhưng người nông dân cũng đủ ăn. Mùa nắng cũng là mùa du lịch, nông dân có thêm một nghề là bắt dế và bắt bọ cạp mang bán, đây là những “đặc sản” mới phổ biến ở Campuchia. Trong vài ngôi chợ nhỏ ven đường những người bán dế trên đầu một mâm đầy dế, bò cạp chiên giòn, con nào con nấy... đen thui (thấy ớn). Vậy mà nhiều ông khách du lịch cả Tây lẫn ta vẫn mua... ăn thử và còn khen ngon quá!

Đường quốc lộ khá rộng, không có bảng báo hiệu tốc độ cũng chẳng thấy bóng dáng công an giao thông nhưng xe khách “nội địa” rất thưa thớt và vẫn chạy với tốc độ từ tốn. Những chiếc xe khá cũ kỹ, lại chở rất nhiều khách chưa kể hàng hóa, theo kiểu “ngồi được thì chờ được”. Nhiều thanh niên nằm, ngồi trên mui xe, đầu trần: *ngồi trên đây vừa mát lại vừa rẻ tiền, mà không có rớt xuống đường đâu!* Một điều lạ là hai bên đường không thấy những cột điện và dây điện chằng ngang dọc, thì ra ở Campuchia chưa có lưới điện quốc gia, mỗi nơi vẫn dùng máy phát điện chạy bằng xăng dầu, giá xăng dầu thì đắt gấp 2 lần Việt Nam do hoàn toàn phải nhập khẩu và vận chuyển bằng đường thủy. Vì vậy giá điện rất đắt (gấp 4 lần nước ta) kéo theo đó là giá nước (giếng nước khoan và bơm) và các dịch vụ liên quan. Vì vậy, đèn điện và Tivi, tủ lạnh là những đồ dùng “xa xỉ” đối với phần lớn dân chúng.

Chúng tôi tới Siem Reap vào lúc hoàng hôn nhưng thành phố không có đèn đường, chỉ có ánh sáng hắt ra từ những khách sạn, cửa hàng, nhà hàng lớn. Trong nhà hàng khách sạn vẫn có máy lạnh, quạt máy nhưng vừa đủ mát, không làm du khách lạnh run như trong nhiều nhà hàng khách sạn ở Sài Gòn (hình như như vậy mới là sang trọng?!). Chợt nhớ ánh đèn rực rỡ thâu đêm suốt sáng trên những con đường, tiếng nhạc ào ào khu bán đồ điện máy, các siêu thị rộng mênh mông tầng trên tầng dưới luôn mát lạnh, và lịch cúp điện triền miên vào mùa khô... Có lẽ Sài Gòn chỉ cần xài điện một cách tiết kiệm như ở đây thì sẽ không có cảnh “đến hẹn lại...cúp” từ bao năm nay như vậy!

Sau bữa cơm tối chúng tôi tản bộ trên những con đường chính ở trung tâm thành phố, cũng là khu chợ buôn bán tấp nập ngày đêm. Khu phố Tây với khách sạn nhà hàng là những ngôi nhà còn lưu lại kiến trúc thời thuộc địa, trông khá quen thuộc như những con phố nhỏ ở Hà Nội hay Sài Gòn. Một số khách sạn 4 – 5 sao mới xây dựng cũng không lớn lắm, chỉ cao 3,4 lầu nhưng nằm trong khuôn viên rất rộng và tràn ngập màu xanh của cây cỏ, điểm thêm màu sắc rực rỡ của những khóm hoa. Những khu vực trong thành phố mà tôi có dịp đi qua thể hiện rõ một “bàn tay” quy hoạch và điều hành khá bài bản, tạo nên vẻ đẹp của sự hài hòa, giản đơn mà sang trọng.

Ngoài chợ trung tâm và khu phố Tây có khi sáng đèn đến khuya, phần còn lại của thành phố sớm chìm vào màn đêm và giấc ngủ, để rồi chỉ khoảng 3 – 4 giờ sáng, tiếng xe hơi, xe máy, tiếng người nói đã xôn xao... Siem Reap thức dậy để cùng du khách bắt đầu cuộc hành trình đến với quần thể di tích Angkor.

2. Thời gian ở Angkor

Quần thể di tích Angkor nằm giữa vùng rừng già nguyên sinh cách Siem Reap 7km về phía Bắc. Nơi đây từng là trung tâm của đế chế Khmer hùng mạnh vào thời hoàng kim từ thế kỷ IX đến thế kỷ XIII, khi vương quốc Kampuja – khởi nguồn tên gọi Campuchia ngày nay – cai quản vùng Angkor rộng lớn phía Tây Nam đất nước. Vị vua đầu tiên là Yasovarman I đã quyết định dời chuyển kinh đô cũ mà ông đã từng ngự trị trong 27 năm. Kinh đô mới tại khu vực Angkor được xác định bằng việc ông cho xây dựng ngôi đền trên núi Phnom Bakheng. Đồng thời ông còn cho xây dựng hồ chứa nước Baray khổng lồ dài rộng 2km và tới 7km, vừa tăng cường khả năng phòng thủ cho kinh đô, vừa là công trình thủy lợi cho nông dân canh tác trong mùa khô. Angkor là một quần thể kiến trúc đô thị và đền tháp gồm hơn 100 ngôi đền bằng đá, diện tích toàn khu vực khoảng 40km², được các vị vua trị vì vương quốc Khmer cổ xây dựng từ thế kỷ IX đến thế kỷ XII. Từ khoảng thế kỷ XIV Angkor vĩ đại dần bị lãng quên, rồi hàng trăm năm sau bị bao phủ bởi đại ngàn rừng nguyên sinh. Mãi đến năm 1860 một nhà thám hiểm Pháp là Hessi Mouhot đã tình cờ phát hiện công trình này. Từ đó đến nay hàng trăm nhà khảo cổ học trên thế giới đã đến với Angkor để tiếp tục tìm hiểu và khám phá những bí ẩn vô tận của nó. Năm 1992 UNESCO đã công nhận quần thể di tích Angkor là *Di sản văn hóa thế giới*. Hàng triệu lượt du khách tham quan, chiêm ngưỡng và không ít người đã nhiều lần quay lại Angkor.

Trên một Webside về Angkor tôi đọc được thông tin một cách ngắn gọn nhưng khá đầy đủ về lịch sử và giá trị của quần thể di tích này bằng vài dòng tóm tắt như trên. Theo chương trình của nhiều công ty du lịch, ngày đầu tiên du khách sẽ tham quan khu đền Angkor Wat từ sáng sớm để được chiêm ngưỡng một cảnh tượng thơ

mộng và đầy vẻ uy nghi: Bình minh trên Angkor Vat.

Angkor Vat là một kiến trúc kiểu đền núi duy nhất trong quần thể kiến trúc Angkor, và cũng duy nhất ở Campuchia, có lối vào là hướng chính Tây – hướng mặt trời lặn. Vì vậy, vào mỗi buổi sớm mai đứng từ phía cổng chính ta sẽ được chứng kiến cảnh tượng vô cùng kỳ vĩ và tuyệt đẹp khi mặt trời dần nhô lên từ phía sau năm ngọn tháp của ngôi đền đồ sộ này. Khoảng gần 5 giờ sáng chúng tôi đến đây nhưng khó mà tìm được một chỗ trống trên những bậc thềm bằng đá bao quanh đền cổng và hàng lan can dọc con đường dẫn vào đền chính, bởi vì hàng ngàn du khách có mặt ở đây sớm hơn đã ngồi kín mít... Trong khuôn viên chu vi rộng đến 5,6km bao quanh khu đền những nhóm du khách đứng ngồi rải rác trên thảm cỏ còn ẩm sương đêm. Rì rầm tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Hoa, tiếng Hàn... dường như ai cũng sợ chỉ một tiếng nói lớn thôi cũng làm phá vỡ sự tĩnh lặng thiêng liêng của khoảnh khắc mặt trời xuất hiện... Trong màn sương mù thâm u của hàng ngàn năm đền đài và rừng thẳm, năm ngọn tháp in bóng trên nền trời màu xám đang hửng lên, những tia sáng đầu tiên xuất hiện như những ngón tay mảnh mai vắt một dải lụa phớt hồng lên ngọn cây thốt nốt cao vút... Và mặt trời từ từ hiện ra, trang nghiêm một màu đỏ cam, huyền bí và tinh khiết... Trong phút chốc dường như gương mặt những con người hiện diện nơi đây, bất kể quốc tịch, tôn giáo, ngôn ngữ nào bỗng trở nên hướng thiện và trong sạch lạ lùng...

Vượt qua cây cầu đá dài bắc qua đường hào bao quanh, chúng tôi đi vào khu đền còn khá nguyên vẹn. Được xây dựng từ thế kỷ XII đền Angkor Vat mô tả cuộc sống thế giới bên kia theo sử thi An Độ Ramayana và là lăng vua Suriavarma II. Ngọn tháp chính cao 64m tượng trưng cho nơi ngự trị của Thần Visnu và năm tháp phụ cao 42m đều có 3 tầng tượng trưng cho thế giới trần tục, tâm linh và thần linh theo quan niệm An Độ giáo. Tại đây đền đài với hàng ngàn tấm phù điêu chạm khắc thành một pho sử bằng đá đồ sộ nhưng vô cùng giản dị và thanh thoát, hoành tráng trên tổng thể lại vô cùng mềm mại, gợi cảm trong từng chi tiết. Theo những bậc thang nhỏ hẹp, dốc đứng tôi leo lên tầng đỉnh tháp. Bầu trời xanh trong vắt bỗng gần hơn, nắng bỗng vàng lung linh trên những pho tượng cổ, và gió dường như đang thổi thì kể về những huyền thoại xa xưa... Từ trên cao nhìn toàn cảnh Angkor Vat, phóng tầm mắt ra khắp khu di tích với những ngôi đền còn khá nguyên vẹn hay chỉ là phế tích, vượt lên mọi cảm giác là sự choáng ngợp tưởng như thời gian hiện tại đang ngừng lại, phút chốc ta trở thành nhân chứng của một thời cực thịnh rồi suy vong của những vương triều đã khuất.

Kinh thành Angkor Thom cách đền Angkor Vat khoảng 1km. Đây là kinh đô của vua Jayavarman được xây dựng vào thế kỷ XII theo phong cách nghệ thuật Phật Giáo. Angkor Thom có nghĩa là Thành phố Vĩ đại. Kinh thành có 5 cổng vào ở chính bốn hướng và một cổng Khải hoàn dẫn thẳng đến cung điện chính giữa kinh thành. Trên đỉnh của mỗi tháp cổng (gopuras) là 4 khuôn mặt nhìn ra bốn hướng, được tạc vào đá với đôi mắt khép hờ trên khuôn mặt gợi nhiều bí ẩn. Riêng cổng phía Nam, một con đường lớn dài đến khoảng 200m nằm giữa rừng cây xanh dẫn vào gopuras, với hai hàng tượng đá mỗi bên 54 vị thần cùng trong tư thế nắm giữ thân rắn thần Nagar, những đầu rắn vươn cao xòe rộng hình nan quạt ở phía đầu con đường. Hàng tượng thần và rắn thần Nagar diễn tả sự tích “khuấy biển sữa” hình thành nên vũ trụ. Kinh thành Angkor Thom xây dựng trong khuôn viên hình vuông chu vi khoảng 12km, bao quanh là các bức tường cao, ngoài có hào sâu, chính giữa là ngôi đền Bayon, xung quanh có những công trình đền tháp và cung điện khác. Quy hoạch Angkor Thom thể hiện triết lý tôn giáo An Độ: Vũ trụ hình vuông được bao bọc bởi những ngọn núi thiêng xung quanh, bên ngoài là đại dương mênh mông. Trung tâm vũ trụ là ngọn núi Meru linh thiêng nhất – nơi ngự trị của các vị thần linh, con đường dài dẫn đến mỗi Gopuras tượng trưng cho dải cầu vồng dẫn dắt con người đến với thế giới của thần thánh.

Ngôi đền Bayon là một trong những công trình kiến trúc kỳ vĩ nhất của toàn bộ khu di tích Angkor. Ngôi đền có mặt bằng hình chữ nhật, kích thước 80m x 57m, chính giữa là điện thờ hình tròn có 12 gian tỏa ra xung quanh, nối liền với 54 ngôi tháp khác kích thước lớn nhỏ khác nhau. Trên mỗi ngôi tháp là 4 khuôn mặt thần Lokesvara với đôi mắt và nụ cười Bayon nổi tiếng. Tổng cộng 216 khuôn mặt có những nét riêng nhưng đều dịu dàng trầm mặc, đầy vẻ an nhiên thoát tục. Trên khuôn mặt của những vị thần Bayon – mà nhiều nhà nghiên cứu đều cho rằng chính là hình ảnh của nhà vua Jayavarman VII – sự bao dung thông tuệ của thần linh, sự thông minh quyết đoán của nhà vua như hiển hiện trong từng nụ cười bí ẩn, nhẹ nhàng và có gì đó như là một nỗi u uẩn mơ hồ. Vẻ đẹp hùng vĩ, thanh thoát và vô cùng lãng mạn của kiến trúc và điêu khắc khu đền Bayon dường như vượt qua mọi biến cố thời gian, tiếp thay lại là những tác phẩm vĩ đại cuối cùng của nền nghệ thuật Angkor.

Ngôi đền Ta Prohm chỉ còn là một phế tích giữa rừng già vì hầu như đã đổ nát gần hết. Trước đây ngôi đền có ít người vào thăm viếng bên trong mà chỉ đứng bên ngoài chiêm ngưỡng một cảnh tượng độc đáo: hàng chục cây cổ thụ và những loài cây tầm gửi mọc ngay trên những bức tường của đền tháp, bộ rễ khổng lồ bao phủ khắp nơi như những con trăn, con rắn ngoằn ngoèo bò dọc hàng trăm hành lang mờ tối, xuyên qua mái vòm, vắt vèo trên các đền tháp... Cuộc chiến hàng trăm năm giữa cây và đá bất phân thắng bại, để lại cho con người một kỳ quan hoang dã, thâm u và vô cùng kỳ lạ. Đền Ta Prohm do vua Jayavarman xây dựng vào cuối thế kỷ 12 để tưởng niệm người mẹ đáng kính của mình hóa thân trong bức tượng Quan Âm Bồ Tát hiện còn thờ trong đền. Thời kỳ đó đền Ta Prohm còn là một trung tâm Phật giáo với hàng ngàn tăng sư tu hành nơi đây.

Ngôi đền Ta Prohm đã trở thành địa điểm tham quan nổi tiếng và quen thuộc của du khách từ sau khi

Hollywood lấy nơi đây làm bối cảnh chính cho bộ phim *Bí ẩn ngôi mộ cổ*.

Banteay Srei là một ngôi đền nhỏ được xây dựng vào thế kỷ X, quy mô thật khiêm nhường nhưng đây là ngôi đền duy nhất trong quần thể di tích Angkor xây dựng bằng vật liệu đá ong và sa thạch hồng. Sự kết hợp giữa hai loại chất liệu khá khác biệt về tính chất (đá ong rất cứng rắn, hầu như không thể chạm khắc được và sa thạch hồng khá mềm, phù hợp cho điêu khắc trang trí) đã tạo nên cho ngôi đền nhỏ này một vẻ đẹp của sự tương phản: trên nền đá ong thô ráp, vững chãi là những hàng cột, bức tường, mi cửa...bằng sa thạch hồng phủ kín những bức phù điêu lộng lẫy về các nhân vật trong thần thoại, sử thi, những hoa văn trang trí tinh xảo, sắc nét và vô cùng mềm mại như bức tranh với hàng ngàn chi tiết được thêu bằng tay vừa mới hoàn thành, dù đã hơn ngàn năm trôi qua. Ngôi đền Banteay Srei dành riêng cho đội nữ binh thời đó, vì vậy kiến trúc và trang trí của nó cũng mang dáng dấp uyển chuyển và dịu dàng như một người phụ nữ đẹp khoác trên mình bộ trang phục được may thêu tỉ mỉ kỹ lưỡng đến từng đường kim mũi chỉ. Trong ánh nắng mặt trời nhiệt đới màu hồng của sa thạch toát lên cảm giác ấm áp và gần gũi, khác hẳn vẻ đồ sộ oai nghiêm của những ngôi đền tháp khác xây bằng sa thạch xám phủ đầy rêu phong.

Buổi chiều cuối cùng ở Siem Reap, chúng tôi đến ngôi đền Phnom Bakheng trên một ngọn đồi ở độ cao khoảng 1300m so với mực nước biển. Đền Bakheng xây trên ngọn đồi nằm giữa Angkor Wat và Angkor Thom. Được xây dựng từ cuối thế kỷ IX theo quan niệm Hindu giáo, đền Bakheng tượng trưng cho đỉnh núi thiêng Meru ở trung tâm vũ trụ, đứng ở trên đền này có thể nhìn toàn cảnh Angkor về bốn hướng. Đền tháp ở đây đã sập đổ hết, những phiến đá ngồn ngang trên mỗi tầng tháp như chứng thực cho ghi chép trong sử sách: nơi đây từng có một ngôi đền vĩ đại 7 tầng tháp tượng trưng 7 tầng vũ trụ, tầng dưới có 44 ngọn tháp, 5 tầng giữa có 12 tháp mỗi tầng và tầng trên cùng có 4 ngọn tháp. Tổng cộng 108 ngọn tháp biểu thị 4 chu kỳ mặt trăng với 27 ngày mỗi chu kỳ.

Đến Phnom Bakheng vào buổi chiều tà để được chứng kiến cảnh mặt trời lặn sau đường chân trời. Trời quang mây, từ sân đền này tôi đã có một khoảng khắc tuyệt vời: khi tôi để ngửa bàn tay ngang vai, khối cầu đỏ rực ấy đậu xuống lòng bàn tay tôi như một viên hồng ngọc khổng lồ do thần linh ban tặng... Mặt trời khuất dần. Những đền tháp và phế tích ngả bóng trên nền trời tím sẫm... Hoàng hôn đang phủ xuống Angkor.

Mỗi ngày ở Angkor là một ngày đầy ắp những cảm xúc mới mẻ và mãnh liệt... Hàng trăm năm lịch sử cường thịnh nay chỉ còn lại những đền đài hoang vắng và phế tích cổ kính mà ta có thể chiêm ngưỡng trong vài ngày hạn hẹp. Lòng chợt thấy ngậm ngùi. Thời gian là vĩnh cửu nhưng cũng là hữu hạn với từng đời người, từng thời đại. Thời gian mãi mãi trôi đi và xóa nhòa tất cả. Những con người, những sự kiện, những công trình sẽ chỉ còn lại với đời sau những **giá trị Văn hóa đích thực** mà thôi. Và đó cũng chính là Lịch sử!

NGUYỄN THỊ HẬU

Vết xăm của Thịnh

Nguyễn Thị Minh Ngọc

1

Hôm gặp lại Thịnh ở đám tang thầy Hà Bay, Thịnh hào hứng nói về những ngày vừa làm việc với Bùi Thạc Chuyên ở Ninh Thuận xong:

“Ê, Minh Ngọc, sau khi đã tham gia bao nhiêu phim, bây giờ tôi mới dám nghĩ mình là một diễn viên điện ảnh thiệt thụ mà không thấy xấu hổ”; rồi Thịnh hạ giọng, “Tôi sẽ lấy lại tên của tôi, Mai Văn Thịnh”.

Chúng tôi ngồi trên vỉa hè đường Bàn Cờ, đợi những anh chị em khác đến, đó là những người đã trôi từ Trường Quốc gia âm nhạc và kịch nghệ cũ sang Trường Nghệ thuật sân khấu 2 rồi sau này là Trường cao đẳng Sân khấu - điện ảnh. Bao kỷ niệm của những ngày nghiệt ngã sau 1975 được nhắc lại.

Những chuyện mà bây giờ dù mang tiếng là người giàu tưởng tượng, tôi cũng không thể tưởng tượng nổi. Ngay lúc đó tôi đã mong cho Thịnh được một giải gì đó trong phim này, mong còn hơn mong cho Chuyên hay tôi, chỉ bởi một chuyện mà Thịnh vẫn chưa biết: tôi có mượn một số chi tiết thật của Thịnh viết thành một chương hẳn hoi trong cuốn tiểu thuyết dở dang mang tên Ký sự người đàn bà bị chồng bỏ. Tôi khởi viết từ 1985 rồi bỏ ngang.

2

Trong tiểu thuyết đó tôi kể chuyện một anh chàng có vết xăm trong góc háng. Đưa con nít có người cô bị chết vì chiến tranh, nghe người lớn xúi bầy định xăm bầy mẫu tự của hai chữ nhưng mới được bốn mẫu tự thì bỏ dở vì... đau quá. Anh lớn lên, đi lính cộng hòa, được mớ nổi nhận công tác của những người trong rừng. Và anh cũng được theo học Trường Quốc gia âm nhạc Sài Gòn vài năm trước 1975.

Vì là địa phương quân, anh không phải đi học tập nhiều. Rồi bạn bè rủ thi vào lại trường xưa, tên mới. Trong lớp anh thường được giao những vai ác, xấu như Iago, như Bá Kiến, Nghị Hách, Mã Giám Sinh, hoặc kẻ chuyên mở ổ khóa, các loại cướp lớn cướp nhỏ... Vai vận vào người, đa số học viên trong trường nhìn anh qua những vai đó và cứ tin vai có ảnh hưởng từ người hay người cung cấp chất liệu sống cho vai.

Tốt nghiệp, anh được phân công về đoàn nghệ thuật của một tỉnh xa. Giờ nghỉ, chơi bóng chuyền, khi rớt

cao có người thấy vết xăm, hỏi chuyện, anh hồn nhiên kể. Rồi anh về trường thi vào lớp đạo diễn, học đến năm cuối, được chi đoàn đề nghị làm đơn xin vào Đoàn. Rồi có người đem chuyện vết xăm ra, cô giáo dạy chuyên môn tiếc tài anh, đề nghị anh tìm cho ra người giao công tác ngày xưa để xác nhận. Anh tốn bao nhiêu tiền của, công sức đi tìm vì người ấy đã trôi giạt đâu dưới Năm Căn, Cà Mau.

Tìm đến nơi thì đầu mỗi cuối cùng đã chết mà bản thân người ấy cũng đầy oan khuất, không được xác nhận nên mới buồn tình bỏ hết về quê.

Không được vào Đoàn, ngày anh chuẩn bị thi tốt nghiệp, có người đặt vấn đề tại sao lại cho một anh lính ngục có vết xăm đầy sự căm thù như vậy làm đạo diễn. Phe bên anh dù đông hơn nhưng không có thể bằng phe chống nên cuối cùng anh bị cho thôi học chỉ vài ngày trước khi cả lớp anh thi tốt nghiệp.

Trong truyện của tôi, nhân vật ấy đi về một đoàn hát làm diễn viên; vì nghèo nên thường cùng vợ rim mứt me đem vào hậu trường bán thêm để lấy tiền nuôi con. Anh em thương - lại thương - đề nghị kết nạp Đoàn cho anh. Câu chuyện cũ được lặp lại, anh được phòng tổ chức kêu lên đề nghị tự viết đơn xin nghỉ diễn. Đoạn cuối chương đó, tôi viết:

“Lần đầu tiên tôi thấy một người đàn ông khóc nức lên như vậy, có cái gì giống như đứa trẻ con đang bú bị giật đi bầu sữa đang căng của mẹ nó, có cái gì ma quái như chúng tôi thường nói đùa với nhau là bị hồn ai nhập, có cái gì không giống đời thường.

Tú nghỉ được một tuần thì chúng tôi hay tin Liên Hương chuẩn bị được kết nạp Đảng. Và trước khi là đảng viên chị còn được đi cùng với đoàn văn nghệ sĩ VN sang Pháp tham quan một tháng. Cầm lá đơn xin nghỉ của tôi, bà Bích Ngà, ông Tám Tâm và Liên Hương hốt hoảng thật sự. Họ nói tôi ráng gánh giùm một tháng cho Liên Hương.

Đẩy cô đào hạng ba lên hạng nhất thì quá yếu. Kiếm đào mới thì còn gay hơn kiếm vàng. Tôi cương quyết không nhận lời. Tôi nói đó là chuyện của họ. Phần tôi, lý do sức khỏe buộc tôi phải tạm xa sân khấu một thời gian. Bọn họ lại giờ luật buộc tôi phải cho họ một tháng để kiếm người thay. Nếu không thì phải bồi thường gì đó. Tôi bằng lòng tiếp tục một tháng nữa.

Và tôi rất mong có một dịp nào để xin khán giả trong vòng một tháng đó tha thứ cho tôi. Tôi đóng không ra hồn ra vĩa chi cả dù tôi rất cố gắng. Tôi không tin vào những giọt nước mắt của Liên Hương trên sân khấu nữa... Tôi không tin mớ khói giả bộ sương mù, tấm lưới mỏng quét màu lục non vờ làm tàng lá cây xanh mát. Có lẽ tôi đã được chứng kiến một điều quá thật: giọt nước mắt trong giờ phút hấp hối cuộc đời nghệ thuật của bạn tôi!”.

3

Chính tôi giới thiệu Thịnh cho Chuyên. Hôm nghe Thịnh được giải, sau Thịnh có lẽ tôi là người vui nhất. Nhớ không, hôm đám tang thầy Hà Bay, ngồi ôn chuyện xưa ở vĩa hè đường Bàn Cờ, chúng tôi đã nhắc lại những chuyện mà bây giờ nhớ lại chỉ mong các kỷ niệm đó là mộng cho đỡ đau... đời.

Nhiều người quen cũ nay nên danh phận đã một thời hành xử với nhau phi lý hơn bất cứ loại kịch phi lý nào, khiến chúng tôi cứ muốn nhắc lại lời thoại của vai Êdôp trong vở kịch cùng tên mà chúng tôi đã cùng làm: “Con thú dữ có ác như thế nào đi nữa vẫn không tệ hơn con người, vì nó đã không ăn thịt đồng loại”.

Đó là chưa kể những người ngày nào cùng lê la vĩa hè với chúng tôi, nay có chức quyền, học vị đã có những biến tướng bất ngờ. Thịnh nói với tôi đọc làm gì thơ Bùi Giáng Những tưởng đầu đường thương xá chợ/Ai ngờ xá chợ cũng chơi nhau. Vì những người ấy khi gắn chức quyền, học vị vào người, coi như đã tự xóa tên trong danh sách bụi đời chứ chẳng phải mãi là phó thường dân đầu đường xá chợ như chúng ta.

4

Khi viết những dòng về Thịnh, tôi lại liên tưởng đến nụ cười thiếu răng của nhân vật Ngô Đức Nhật ở xã Vĩnh Hải, huyện Tuy Phong mà Chuyên đã quay thành phim tài liệu Tay đào đất, và về sau này là mẫu cho nhân vật chính trong phim Sống trong sợ hãi.

Tôi nhớ cả người phụ nữ là mẫu cho nhân vật của Mỹ Uyên trong phim, người đã chở tôi bằng chiếc Honda dành cho đàn ông ra thăm mộ của anh chiến sĩ người dân tộc chết vì mìn trong thời hậu chiến - là mẫu của vai Đức mà Thịnh đã đóng. Khi thấp nhang cho anh, tôi vẫn một lời như bao giờ, sao cho số phận con sâu, cái kiến nhẹ bốt oan khiên trong kiếp này và cho những người cùng là nòi Việt giảm hận thù nhau.

5

Trước ngày tôi sang Mỹ với chồng, khi đi dọc đường, đổ xăng, sửa khóa... có khoảng trên dưới 30 người tôi chưa hề quen tên, biết mặt đã chân tình dặn dò tôi, cô ơi, có đi thì nhớ về, đừng có đi luôn. Ở nơi xa, sau má tôi, chồng tôi, đó là những người làm tôi nhớ nhất, và là những người giúp tôi tựa vào sống tiếp sau những cú đánh chí tử của người quen.

6

Trước khi phim được giải thưởng; với riêng tôi, được làm việc với nhóm làm phim chuyên nghiệp và yêu nghề như nhóm Sống trong sợ hãi, lại làm một bộ phim có dính líu tới vùng đất quê nhà Bình Thuận, đã là một hạnh phúc.

Đang cùng với nhà thơ Inrasara và đạo diễn Song Chi chuẩn bị cho một kịch bản phim về người Chăm, phần

lớn cốt truyện lại xảy ra trên vùng đất đầy nhạy cảm đó, tôi không quên vở Người đàn bà thất lạc đã dự liên hoan sân khấu ở Philippines và đang được một liên hoan sân khấu châu Á ở New York mời, nhân vật Huyền Trân của tôi phải đổi thành Kiều Nguyệt Nga (pho tượng Dương Văn Nga phải đổi thành Trưng Trắc), còn phim Hải Nguyệt - cũng xảy ra ở Bình Thuận - khi dựng rồi, sau khi duyệt còn phải quay lại một đoạn kết khác để đem ra duyệt lại; và Sống trong sợ hãi thì chỉnh lại gần cả chục lần.

Nếu dự án phim về người Chăm đó thành, hi vọng Thịnh sẽ có một vai trong đó nhờ màu da bẩm sinh của anh. Hình như anh là người lai Khơme, người mẹ hiện sống với vợ chồng anh là mẹ nuôi, bà thương những bạn của Thịnh như chính con mình. Chúng tôi không quên được mơ ước độc nhất của Thịnh là lo cho mẹ có một chỗ trú thân tử tế.

NGUYỄN THỊ MINH NGỌC

Mẹ tôi

Võ Đắc Danh

Có một đêm tôi giật mình thức giấc thấy mình nằm trong mấy tấm lá chằm, ngoài trời mưa to gió lớn, mưa xuyên qua mái nhà rớt lên những tấm lá chằm nghe lộp bộp. Mẹ tôi vẫn ngồi chấp chân bên ngọn đèn dầu lập lòa trong gió, tiếng ống bả kêu o o như một khúc nhạc buồn.

Hồi ấy, có lẽ người ta chưa có sáng kiến để chế ra chiếc xa quay như bây giờ mà phải dùng hai bàn tay xe từng sợi bố, gọi là chấp chân. Sợi bố được vòng qua một ống tre treo lên mái nhà, ống tre ấy gọi là ống bả, sợi bố đi vòng qua ống tre tạo nên một âm thanh buồn như tiếng nhạc. Năm tháng đi qua, ống tre mòn khuyết tạo thành những vòng tròn, đường khuyết càng sâu thì khi sợi bố đi qua cái âm thanh ấy càng to và càng ngân nga, buồn da diết. Để có đủ chân cho một đôi chiếu, mẹ tôi phải xe hàng trăm mét dây bố, và mỗi năm mẹ tôi dệt hàng trăm đôi chiếu, có nghĩa là hai bàn tay mẹ tôi phải xe hàng chục vạn lần để có hàng vạn mét dây. Và một đời dệt chiếu, xe từng sợi bố, chẻ từng cọng lát, đời mẹ tôi còn lại chiếc lưng còng, những lưỡi dao cau mòn khuyết, những chiếc ống bả mòn khuyết và những khung dệt cũng mòn khuyết. Nhưng cái âm thanh buồn toát ra từ chiếc ống bả cứ bôn ba theo cuộc đời tôi như một bản trường ca.

Năm tôi lên bảy tuổi, đó là một buổi sáng tháng 5 năm 1967, sau một cuộc giao chiến ở một vùng ven trên đồng Phong Thạnh, khi tiếng súng vừa dứt, cũng như thường lệ, mẹ tôi đi thăm từng nhà trong xóm xem ai còn ai mất. Nhưng rồi bất ngờ, chúng tôi nhìn thấy mẹ tôi ngồi gục trên bờ đám mạ giữa đồng. Trên đường chúng tôi chạy ra, có những xác người vừa tử chiến nằm giữa lối đi. Một người đàn ông đi qua, giúp mẹ tôi khiêng ba tôi đặt lên bờ mầu. Ba tôi bị một viên đạn súng trường xuyên qua cổ và hai mươi viên carbin lia trên ngực áo.

Sau khi gom xác những người tử trận – tất cả mười một người – xuống một chiếc ghe để đưa đi làm lễ truy điệu, mẹ tôi trở về mang hết mấy chục đôi chiếu xuống xuống, những đôi chiếu vừa dệt xong còn thơm mùi lát mới. Không ai bảo, nhưng tôi biết mẹ tôi muốn dành những đôi chiếu ấy cho cả những người đồng đội của ba tôi. Hôm ấy trời mưa, mưa tối trời tối đất. Tôi ngồi trùm cao su trước mũi xuồng, mẹ tôi còng lưng chèo trong mưa gió, từng mái chèo nặng nhọc chống chọi với những cơn dòng, những con sóng cuộn tròn trên dòng sông Phụng Hiệp mà điểm đến là cái nhà tang lễ để làm một cuộc chia ly đầy tang tóc sau cùng.

Cũng tháng Năm năm ấy, mẹ tôi chính thức ra đồng để thay thế cho ba tôi.

Nhà tôi có năm anh em nhưng anh Hai tôi lúc ấy chỉ mới mười sáu tuổi, cái tuổi chưa gánh vác nổi việc nhà nhưng lại ngấp nghé trước món nợ núi sông. Hôm ấy – một năm sau khi ba tôi mất – một buổi sáng tôi đang leo đèo theo mẹ ra đồng thì gặp bác Tư Nghiệp – một người bạn cùng làm việc với ba tôi trên xã – ông dừng lại, ngồi trên bờ ruộng nói với mẹ tôi những điều gì đó mà tôi linh cảm là hệ trọng. Khi tôi đến gần thì nghe mẹ tôi nói nhỏ, giọng trầm buồn: “Có người mẹ nào lại muốn con mình xông ra lần tên mũi đạn đầu anh Tư, hơn nữa tôi cũng hy vọng nó lớn lên sẽ giúp tôi lo chuyện ruộng đồng. Nhưng chiến tranh mà, biết làm sao giữ được. Thôi thì tôi giao nó cho anh”.

Nói rồi, mẹ tôi quay đi trong nước mắt. Hôm ấy mẹ tôi bỏ công việc ngoài đồng để về xúc mấy gia lúa chèo ra chợ bán, mua cho anh Hai tôi mấy khúc vải xanh.

Ba năm sau, vào một ngày giữa tháng giêng, tôi đang hí hục bắt cá đìa cho chú Bảy gần nhà thì một thằng bạn cùng xóm tìm đến, nó đứng trên bờ đìa ra hiệu cho tôi lên rồi nói nhỏ: “Về đi, anh Hai Mây chết rồi!”. Tôi băng đồng chạy về, cả nhà im lặng, những người hàng xóm đến thăm cũng im lặng trong nước mắt chảy dài. Lần này mẹ tôi không gào khóc như lần tiễn ba tôi, bà ngồi trơ như pho tượng, không nhìn ai, cũng không nói với ai, thỉnh thoảng đưa tay lên vuốt ngực, nước mắt nhỏ từng giọt nặng nề.

Anh Hai tôi vừa mất thì anh Ba tôi cũng đến tuổi trưởng thành. Anh là một người lao động giỏi, giỏi đến mức cả xóm đều khen. Đào đất, phác cỏ, nhổ mạ, cấy lúa, gặt lúa . . . anh làm suốt từ hừng đông đến mặt trời lặn mà không biết mệt. Nhưng anh làm thay mẹ tôi chưa được bao lâu thì xóm tôi trở thành vùng tạm chiếm, đồn đóng gần nhà, nạn bắt lính đồn quân làm cho dân tình náo loạn.

Mẹ tôi lại xúc lúa chở ra chợ bán, mua về cho anh Ba tôi mấy khúc vải xanh.

Phía sau nhà tôi, cách vài cây số có một ngôi chùa lớn gọi là Tòa Thánh của Cao Đài Minh Chơn Đạo.

Ngôi chùa bị bom Pháp đánh sập từ năm 1945, chỉ còn lại một bức tường cao, và trên bức tường cao ấy có một cây gừa cổ thụ. Những người trong xóm tôi theo kháng chiến đều đi về phía ấy, và mỗi lần về thăm nhà họ cũng về từ phía ấy. Tôi nhớ ba tôi cũng trông về phía ấy, mẹ tôi tiễn anh Hai tôi cũng dõi mắt về phía ấy cho đến khi anh Hai tôi khuất dạng trong lùm cây. Rồi ngày ngày, mẹ tôi cũng ra cửa sau trông về phía ấy. Từ ngày anh Hai tôi mất, mẹ tôi cố tránh cái nhìn về phía ấy. Nhưng từ ngày anh Ba tôi ra đi, mẹ tôi lại ngóng trông về phía ấy, một nửa chờ mong và một nửa đau buồn. Nhưng rồi hai năm sau, mẹ tôi không dám nhìn về phía cây gừa ấy nữa khi một người quen đến báo hung tin. Lần này, mẹ tôi lại ngồi như pho tượng, lại vuốt ngực với từng hơi thở nặng nề. Có nhiều đêm trở giấc, tôi giật mình thấy mẹ tôi vẫn còn ngồi đó, tay đầm nhẹ vào ngực và cố đè nén hai tiếng “Trời ơi!”

Năm tôi lên mười sáu tuổi, mẹ tôi không xúc lúa chở ra chợ bán để mua mấy khúc vải xanh như hai lần trước nữa mà bà bán hết lúa trong nhà để ra Cà Mau thuê người làm cho tôi cái giấy khai sanh giảm xuống cho tôi hai tuổi để tôi tiếp tục đến trường. “Có người mẹ nào lại muốn con mình xông ra lần tên mũi đạn đầu anh Tư . . .”. Khi mẹ tôi gọi người hàng sáo đến đóng những tảo lúa cuối cùng trong bồ, tôi chợt nhớ đến câu nói ấy.

Thời đó, tôi chưa đủ trí khôn để hiểu rằng, để có được tờ khai sanh giả, để chiến tranh không phải cướp mất tôi, mẹ tôi phải ra đồng từ lúc hừng đông cho đến khi hàng xóm lên đèn, tắm thân gầy lèn mòm trên bờ mầu giữa tiếng nhái bầu đồng thanh một khúc nhạc buồn trên đồng nước bao la khi trời chạng vạng. Đêm đêm, tôi ngủ bằng điệu ru của tiếng ống bả chấp chân trong căn nhà dột nát, mẹ phải che cho tôi bằng những tấm lá chằm.

Cái tờ khai sanh giả ấy đã giúp tôi vượt qua nạn bắt lính đồn quân cho đến ngày chiến tranh kết thúc. Ngày hôm ấy, sau giây phút mừng vui, bỗng mẹ tôi lặng người đi, rồi run rẩy đôi tay khi đốt ba nén nhang cắm lên ba chiếc lư hương giữa bàn thờ, bà lại cố nén hai tiếng “Trời ơi” thốt ra từ trong hơi thở.

Sau chiến tranh, tờ khai sanh ấy không còn nằm trong hồ sơ pháp lý của tôi nữa, nhưng trong hành trang của cuộc đời tôi, nó vẫn là một tờ khai sanh vô giá.

Sài Gòn, tháng 01 năm 2007

VÕ ĐẮC DANH

Trịnh Thanh Sơn và tôi

Nguyễn Đức Thiện

Ngày ấy, chúng tôi : Trịnh Thanh Sơn và Nguyễn Đức Thiện cùng làm việc ở Đài truyền thanh Khu gang thép Thái Nguyên. Lúc thì Sơn ở trong một căn phòng tập thể ngay cạnh trạm máy của đài. Lúc thì ra ở một căn phòng chật hẹp ở công viên Đồi Cỏi. Sau này khi tôi về ở tại cơ quan chúng tôi mới ở chung với nhau. Căn phòng nhỏ xíu chứa hai chúng tôi. Chỉ kê đủ hai chiếc giường một, một cái bàn nhỏ chỉ dành để đặt chuyên nước. Còn việc viết lách, chúng tôi kéo nhau sang phòng làm việc ở cách đó mấy căn. Hồi ấy, tôi mới tập tọng vào nghề viết. Thích thú lắm với những chuyện dong chơi với Trịnh Thanh Sơn, Chu Hồng Hải đến anh Xuân Cang, lên Vũ Duy Thông, đến Hồ Thủy Giang, Ma Trường Nguyên. Và tôi cũng ghen tỵ với họ, vì hề gặp nhau là họ toàn nói chuyện viết lách, còn tôi, bầm bở với những tin, nhưng bài cho Đài truyền thanh Gang Thép. Hồi đó Trịnh Thanh Sơn chọn tôi: “Cái thằng “ chương trình”, khóc cười gì cũng chương trình. Mới giận vợ đó cũng “các bạn thân mến” . Hồi đó tôi nghe nói Trịnh Thanh Sơn còn làm thợ lái cầu trục. Nhưng tôi chưa từng thấy Trịnh Thanh Sơn lái cầu trục bao giờ. Mà chỉ thấy Sơn viết. Với Sơn, viết cái gì cũng rất thận trọng. Chữ đẹp và sáng sủa thẳng băng trên những trang giấy. Mà hồi đó làm gì có giấy tử tế mà viết. Những tờ giấy đen thui lui được sản xuất từ nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ. Nhưng với Sơn, tất cả vẫn cứ sạch sẽ và thơm tho. Cái gì viết ra, Sơn cũng trân trọng. Tôi nhớ có một lần, chúng tôi cãi nhau một trận nổ trời. Chẳng là Sơn có một bài viết phải đọc đến ba kỳ trên Đài truyền thanh mới hết. Tôi làm biên tập. Bữa đó các có thể nào lại có một sự kiện khác tôi phải gác bài của Sơn lại. Thế là Sơn đổ quạu, vặc tôi một trận ra trò. Tôi bảo Sơn: “ Bài phát Đài truyền thanh mà ông làm gì ghê thế”. Sơn kêu lên: “ Thế Đài truyền thanh không cần chữ viết hả. Mà đã là chữ viết ra thì chỗ nào cũng phải tôn trọng nó chứ”. Mất một ngày chúng tôi không thèm ngó mặt nhau.

Ngày ấy, Sơn đang viết văn xuôi. Lâu lâu lại thấy Sơn có truyện ngắn in trên báo Văn Nghệ, trên Văn nghệ quân đội. Tôi phục lắm. Nhưng quả thực nếu tôi không viết văn thì cũng không thể gần cái anh chàng khái tính Trịnh Thanh Sơn được. Sơn có một trí nhớ khiến tôi kinh ngạc. Có những đêm, mất điện. Trời tối đen như mực. Chúng tôi “ đọc truyện” cho nhau nghe. Tức là đọc thuộc lòng những truyện mà chúng tôi thích. Tôi mê Thủy Hử , đọc Thủy Hử cho Sơn nghe. Còn Sơn. Hết chương này đến chương khác của Ruồi Trâu, hết khúc này đến khúc khác của Truyện Kiều. Sau đó là thơ. Không biết cái đầu của Sơn chứa sao được nhiều thơ đến thế. Hết Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính đến Quang Dũng, Hoàng Cầm... Đêm không điện mà cả thế giới thơ ủa vào căn phòng không một chút ánh sáng của chúng tôi. Sơn đọc thơ không giống người ta. Người ta thì trầm trầm, nhẩn nhá, còn Sơn thì phải đọc thực lớn, thực vang, và thực truyền cảm. Thấy được niềm vui , nỗi buồn, thấy được cả nỗi da diết trong từng câu thơ Sơn đọc. Hình như sau này, Nguyễn Trọng Tạo thì phải, bảo Sơn có giọng đọc thơ hợp hồn người nghe. Sau khi rời Khu gang thép, không còn lúc nào được nghe Sơn đọc thơ nữa. Phải đến khi gặp lại nhau ở Đồ Sơn trông kỳ liên hoan phim truyền hình, tôi mới lại được nghe Sơn đọc: “ ... anh buồn rớt biển vào

chai...”*.

Có một lần, không biết bằng cách nào, chúng tôi kiếm được một ít tiền. Mua được một bó gạo, một mớ rau muống và một ít tép khô. Nhắc lại ngày ấy cực thật. Hết thời hạt bo bo, là đến thời 70% bột mì. Không ăn cơm tập thể được, chúng tôi làm cái bếp điện và tự nấu ăn. Hết bột mì luộc lại đến cán bột mỳ thành sợi mà nấu. Anh Xuân Cang phổ biến cho chúng tôi một cách làm bánh mỳ. Đó là trộn bột mỳ trong một ngăn cặp lồng. Bỏ vào đó một viên thuốc cấm, để bột nở ra. Sau đó đặt lên bếp điện mà nướng. Tiện thật, tiện cho mấy anh biếng nhác như chúng tôi. Thế là chúng tôi ăn hoài cái thứ bánh đó và đặt luôn cho nó cái tên: bánh mỳ XC (gọi tắt từ tên anh Xuân Cang). Thế mà hôm đó có cả một bó gạo. Chúng tôi lao vào bếp. Nấu cơm, lật rau, xào tép. Nói ra thật ngượng. Xong bữa rồi nồi cơm còn nóng, đĩa đựng rau cũng còn nóng, và chỉ còn vài ba con tép khô rớt ra ngoài không tiện luộc bỏ vào miệng mà ăn. Ăn xong, trời vừa tối. Chẳng đứa nào bảo đứa nào, mỗi thằng biến vào một góc. Sơn ra căn phòng nhỏ ngoài công viên Đồi Kèn. Tôi về căn phòng ở gần sân vận động Gang Thép. Hai giờ sáng, tôi chạy đi tìm Sơn. Đến giữa đường “ba sáu mét” thì gặp nhau. Cả hai thằng cùng như một lúc nói : “Tao vừa viết xong...”. Trên tay chúng tôi mỗi đứa một xấp bản thảo. Sơn thì truyện ngắn “ Vết nứt chìm sâu”, tôi thì “ Vẩn trong dòng thác Tha Ly”. Hình như lúc đó không có gì sung sướng bằng việc chúng tôi vừa viết xong một cái truyện ngắn. Kéo nhau về cái phòng ngủ chung. Pha một ấm chè. Đọc cho nhau nghe những truyện mới viết. Nghe xong truyện của tôi Sơn phán: “ Cậu bỏ mấy chữ thừa của tên truyện đi. Lấy Thác Tha Ly thôi”. Tôi nghe. Đêm ấy đã vui, những ngày sau còn vui hơn. Thác Tha Ly của tôi ít lâu sau được in trên báo Văn nghệ. Còn Vết nứt chìm sâu của Trịnh Thanh Sơn in trên Văn nghệ quân đội. Cảm ơn bó gạo, cảm ơn mớ rau muống, cảm ơn mấy con tép khô và văn chương muôn năm.

Chúng tôi thích những cuộc lang thang. Ngày ấy chỉ có xe đạp. Trên hai chiếc xe đạp, chúng tôi dong duổi khắp thành phố Thái Nguyên, lên La Hiên, đi Đại Từ. Ban ngày thì đi, ban đêm ngồi gò mình mà viết. Nhưng thời gian Sơn dành nhiều nhất là cho việc đọc. Anh đọc tất cả các dòng văn học trên thế giới. Nga thì Lép Tônxtôi, Lécmanốp, Sôlôkhốp, Puskin. Văn học Pháp anh đọc Víchto Huygô, Đôđê, Xtăngđan, Gôgôn... Anh không bỏ qua văn học Việt Nam. Anh đọc bất cứ cái gì khi trong tay anh có. Sách mà vào tay Trịnh Thanh Sơn bao giờ cũng được gìn giữ cẩn thận. Hoặc nằm ngay ngắn trên bàn, hoặc xếp gọn gàng trên đầu giường. Những hôm rét đậm, chiếc chăn bông trùm lên đến cổ,Trịnh Thanh Sơn nhướng mắt đọc cho đến khuya, dưới ánh đèn điện đỏ đọc. Có lẽ vì thế ngoài viết văn, làm thơ, bây giờ Trịnh Thanh Sơn lại năng nổ lao vào việc làm phê bình. Trịnh Thanh Sơn có một cái vẻ bề ngoài có vẻ ngang ngạnh. Mà đã nhắc đến sự ngang ngạnh thì phải kể đến chuyện này: hồi đó, cứ chiều thứ bảy, cơ quan lại tổ chức lao động xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi phải bới móc sỏi đá quanh bờ rào cơ quan để trồng xuống đó những cây cao lương. Chẳng thấy cao lương mọc, chỉ thấy cỏ mọc um tùm. Thằng hoặc có cây mọc cũng không cao được hơn ngọn cỏ. Chiều thứ bảy đó đúng giờ lao động thì Sơn dắt xe đạp ra đường. Ông trưởng ban hành chính kêu Sơn: “ Đồng chí Sơn, sao không lao động xã hội chủ nghĩa?” Sơn trả lời thẳng băng: “ Tôi không làm. Muốn lao động xã hội chủ nghĩa thì làm ngoài giờ. Không ai lại lao động vào giờ hành chính cả. Tôi còn đi công tác.” Công tác gì đâu, chúng tôi ra đường ngồi uống nước chè năm xu một chén. Gi chứ, trồng cao lương, cao lương không mọc đi uống nước chè bàn chuyện văn chương có khi còn có ích hơn. Người không hiểu Sơn có khi phát ghét vì lối nói trố trượng của Sơn. Nhưng khi viết phê bình, Sơn có giọng điệu riêng rất mềm mại, không đao to búa lớn. Tất cả những trang viết của Sơn thể hiện một sự ưu ái rất riêng với tất cả những người viết mà Sơn đã đọc. Xin trích một đoạn anh viết về những người làm thơ mà không phải là nhà thơ: “ Tôi có một anh bạn, chơi với nhau đã ba mươi năm, anh chuyên làm nghề Tuyên giáo, là trưởng ban tuyên giáo một tỉnh lớn, xưa nay chưa thấy anh làm thơ bao giờ, vậy mà Tết vừa rồi , anh đem tặng tôi một tập thơ dày dặn, in rất đẹp, tôi cứ trợn mắt lên vì bất ngờ. Lại một anh bạn khác, vốn là thợ thủy tinh, chuyên chế tạo những đồ dùng thí nghiệm cho Viện Khoa học, cũng đúng đúng làm thơ, rồi đánh vi tính, đóng thành tập đem tặng tôi. Chơi với nhau ba chục năm, tôi hiểu về bạn còn ít quá, phải đến khi đọc thơ, tôi mới sững người: thì ra, bạn tôi là người như thế”. Đọc những dòng này những người làm thơ chưa thành danh hẳn cũng mỉm cười và nhâm nhi sự sung sướng đến vài ngày. Với cách viết phê bình như thế, khiến Sơn có rất nhiều bạn. Và cũng không thiếu người tìm đến Sơn, nhờ anh có đôi lời về thơ của mình, nhất là lớp người làm thơ còn trẻ.

Cái cuối cùng còn lại ở Trịnh Thanh Sơn là Thơ. Cái khoảng còn lại quý giá nhất một đời người này của Trịnh Thanh Sơn tôi không có cái may mắn gần Sơn. Mỗi lần ra Hà Nội, loanh quanh rồi cuối cùng tôi cũng tìm Trịnh Thanh Sơn. Vẫn ồn ào thế, vẫn bỗ bã thế, vẫn ngất ngưỡng say thế mà vẫn Cọng rơm vàng, Giậu cúc tần, Đoá tầm xuân, rồi Giàn thiên lý... ** có cái gì đó cứ trái ngược giữa một con người Trịnh Thanh Sơn bằng xương bằng thịt và một Trịnh Thanh Sơn thi sĩ. Có phải vì thế những ngày xưa sống chung từng có những cuộc cãi nhau kịch liệt rồi vẫn cứ phải tìm đến nhau. Bây giờ xa nhau, kẻ Bắc người Nam lâu lâu mới gặp, mà đã gặp nhau rồi bê bối với nhau đến mấy ngày. Và đương nhiên, trong những lúc gần nhau phải khoe với nhau những gì mới viết và những gì còn đang ấp ủ. Có lẽ, Sơn là một trong số ít bạn bè giúp tôi giữ được cảm hứng sáng tác suốt bao nhiêu năm qua.

TÂY NINH 9-2004

NGUYỄN ĐỨC THIÊN

<http://tieulun.hopto.org>

Sóc Trăng ngày nay

Nguyễn Đức Hiệp

Đồng bằng sông Cửu Long, là nơi hội tập, nơi đất lành chim đậu, của các dân di cư đến khẩn hoang lập nghiệp từ đầu thế kỷ 17. Người Việt từ miền Trung (chủ yếu là vùng ngũ Quảng), miền Bắc cùng với người Hoa Minh hương đến vùng đồng bằng còn hoang vu, sông ngòi chằng chịt, cây cối um tùm để định cư. Họ bỏ quê hương vì hoàn cảnh nghèo khó, loạn lạc hay tị nạn chính trị để lập lại một cuộc sống mới. Họ sống chung với dân bản sứ Khmer và sau bao nhiêu năm chung sống, một sắc thái Nam bộ đặc biệt được tạo ra từ ba nguồn văn hóa chủ yếu: Việt–Hoa–Khmer, trong hoàn cảnh ưu đãi với môi trường thiên nhiên rộng lớn, đất đai trù phú. Tượng trưng cho sự hòa trộn đó thì không có nơi nào được thể hiện rõ hơn là ở khu vực bao gồm tỉnh Sóc Trăng và Bạc Liêu. Vì thế tôi đã đi đến Sóc Trăng để học hỏi và tìm hiểu thêm cho một đề tài nghiên cứu về người Minh hương ở Việt Nam.

Từ Cần Thơ qua Cái Răng trên quốc lộ 1A đi qua các thị xã Ngã Bảy, Tân Hiệp, Phụng Hiệp thuộc tỉnh Hậu Giang và Đại Hải, Kế Sách, Mỹ Tú, thuộc tỉnh Sóc Trăng. Sóc Trăng là phiên âm của tiếng Khmer “Srok Khléng” - nghĩa là xứ (xóm) kho bạc hay xứ giàu kho tàng, nơi đây xưa kia là ngân khố của tỉnh Bassac (Ba Thắc) đặt tại đền vua ở Bãi Xâu (nay là chợ Mỹ Xuyên). Người Hoa gọi Sóc Trăng là “Khốc Lăng”. Sóc Trăng chính thức trở thành lãnh thổ Việt Nam năm 1757 dưới thời chúa Nguyễn Phúc Khoát

Ngoài thị xã Sóc Trăng, có rất nhiều cửa hiệu bán bánh pía từ các cơ sở làm bánh pía An Thành, Tân Hưng, Công Lệ Thành... bánh pía là đặc sản Sóc Trăng của người Hoa Triều Châu làm ra. Khách sạn Ngọc Sương, ngoài thị xã Sóc Trăng, mới xây rất đồ sộ với một phần nguồn vốn từ một số người Việt ở nước ngoài. Khách sạn đẹp, thuộc loại 3 sao nhưng trông rất vắng người vì vị trí khách sạn không thuận lợi. Vừa đến Sóc Trăng, qua sách hướng dẫn du lịch “Lonely Planet, Vietnam”, tôi đi thẳng đến khách sạn Phong Lan 2 trên đường Nguyễn Chí Thanh. Khách sạn gần bến xe cũ, nay đang được phá bỏ để nối liền với khu Hồ nước ngọt gần đó thành một khu du lịch cây sanh lớn trong thị xã. Khách sạn Phong Lan vừa mới được khoán cho tư nhân, và nay rất vắng vẻ không như trước đây là rất đông như đã được mô tả trong quyển sách du lịch. Ở Sóc Trăng không có chỗ nào tìm được để mượn xe Honda, vì thế để đi thăm quan tôi phải dùng phương tiện xe ôm hay đi bộ.

Vì thời gian có giới hạn, tôi vội đi viếng chùa Kh'leang, gần khách sạn, cùng với người bạn ở Sóc Trăng. Trong khuôn viên chùa Kh'leang, học viện tiếng Pali đang được xây cất thay thế Trường Bồ tát Văn hóa Pali Trung cấp Nam bộ tọa lạc ở gần đó trên đường Nguyễn Chí Thanh. Học viện cũ sẽ trở thành thư viện. Có thể nói đây là trường dạy chữ Pali có chất lượng và lớn nhất ở Nam bộ. Trong chùa Kh'leang hiện có nhiều sinh viên học sinh Khmer nghèo tá túc. Họ từ các làng, xã khắp nơi trong tỉnh lên thị xã học hành. Báo Thanh Niên có đăng phóng sự về các học sinh nghèo này trong số ngày 26/1/2007. Đối diện với chùa Kh'leang là nhà thờ công giáo xây từ thời Pháp với khuôn viên rộng lớn. Nhà thờ có kiến trúc cổ điển, đẹp nhưng trông rất cũ, có vẻ như không được sửa sang bảo trì từ nhiều năm qua. Tỉnh Sóc Trăng có công đồng công giáo cũng đáng kể. Ta có thể thấy là ở Sóc Trăng, các dân tộc và các tín ngưỡng sống đan kể với nhau ở mọi nơi.

Gần chùa Đất Sét, trên đường đi về hướng cồn Mỹ Phước, ở phía bên trái là chùa Khmer Som Rong. Chùa rất đẹp trong khuôn viên vườn rất rộng. Chùa được xây vào năm 1961. Tôi được sư họ Sơn còn trẻ tiếp chuyện và dẫn đi thăm chánh điện và chung quanh chùa. Sư nói về sinh hoạt hàng ngày của các sư trong chùa và trong những ngày lễ hội. Dưới ánh sáng của buổi sáng sớm, cây cối chung quanh chùa rất đẹp và quang cảnh thật thanh tịnh. Chùa như ẩn mình trong yên lặng, tập trung thiền trong cõi Phật. Cũng như những chùa Khmer khác, nếu ta để ý thì sẽ thấy là hầu như tất cả các chùa Khmer và viện bảo tàng, trung tâm văn hóa Khmer đều có trồng cây bông sứ. Tên khoa học của cây hoa sứ là *Michelia champacca*, hay gọi là hoa champa thường được trồng ở các đền thờ ở Ấn Độ

Trở về khách sạn nghỉ ngơi, đến chiều tôi đi bộ đến Bảo tàng văn hóa Khmer ở kế chùa Kh'leang, góc đường Nguyễn Chí Thanh và Mậu Thân 68. Lúc này đã 4:30 chiều, tòa nhà chính đã đóng. Hơi thất vọng, nhưng tôi nói với nhân viên trong viện là tôi muốn tìm hiểu về văn hóa Khmer để viết bài cho các tạp chí trong và ngoài nước. Anh quản thủ viện, tên là Thạch Đông, người Khmer cao lớn rất vui vẻ mở cửa viện dẫn tôi đi tham quan. Tòa nhà rất đẹp được xây vào năm 1936, bên ngoài kiến trúc Khmer, bên trong kiến trúc như trong một dinh thự Pháp. Tòa nhà trần rất cao, kiên cố chắc chắn, chỉ một tầng. Theo anh Thạch Đông cho biết chi phí xây là 50,000 tiền Đông Dương, một số tiền lớn thời đó. Trước đây chùa Kh'Leang bên kia đường và Viện bên này đường nằm trong cùng một khu đất, rất vắng vẻ người thưa. Sau này con đường Nguyễn Chí Thanh được mở ra cắt chùa Kh'Leang và Viện ra thành hai nơi. Trên tường giữa viện về phía trái của cổng vào vẫn còn ghi tên các nhân vật, sư sãi, cơ quan tặng tiền đóng góp xây lên Viện văn hóa Khmer. Đứng đầu bằng là ông Sihanouk với số tiền 1000 tiền Đông Dương, sau đó là tên các người Hoa, Việt, Khmer, Pháp đóng góp xây viện.

Trong số các hiện vật trình bày có mô hình sân khấu Dù Kê, Rô Băm, các khí cụ, gậy chống chạm chỗ rất đẹp, các đồ gỗ trạm trổ rất tinh vi của nghệ nhân Khmer, các tượng Khmer và một linga cổ xưa tìm được trong tỉnh Sóc Trăng không rõ xuất xứ, một số sách thời Pháp (tự điển Khmer) xưa mà theo anh Đông thì ngay cả ở

Cambodia cũng không có. Các nhà nghiên cứu từ Phnom Penh đến Sóc Trăng xin được photo hay in lại. Các cuộn sách lá buông được xếp đặt ngăn nắp trong một tủ gỗ tốt có chạm trổ hình chim thần Kinnari ở chân tủ. Anh Đông cho biết lúc tiếp quản năm 1975, một số tủ đã bị mất. Các tủ này mang từ chùa Kh'Leang qua Viện trước kia. Những di tích thuộc văn hóa Óc Eo trong tỉnh được tìm thấy ở Mỹ Xuyên vào năm 1990, khi dân địa phương trong lúc đào đìa nuôi cá đã tìm thấy một pho tượng Phật bằng đá với tư thế ngồi, đầu đầu đội mũ chóp với các nắm xoay nổi. Tại nơi đây cũng tìm được các sành, gốm vỡ thuộc nền văn hóa này. Đáng kể hơn là di tích Xuân Hòa, huyện Kế Sách ở một nơi gọi là "Giồng Đá". Giồng Đá hình tròn, đường kính ở chân nơi gò khoảng 12m. Trên mặt giồng có nhiều tảng đá lớn, cây cối mọc nhiều. Nơi đây có di tích những ngôi mộ cổ và gốm Óc Eo. Điều này chứng tỏ xưa kia Sóc Trăng là nơi đã có dân định cư và có nền văn hóa lâu đời.

Trước khi ra về, tôi đã viết vào sổ lưu niệm của bảo tàng văn hóa Khmer, mong là văn hóa Khmer trong tỉnh Sóc Trăng sẽ được bảo tồn tốt và phát triển thêm mãi với những đặc thù riêng biệt trong một xã hội đa văn hóa hiện nay.

Tôi cũng nói với anh Đông là một trong những mục đích thăm Sóc Trăng là tìm hiểu về người Minh Hương và Hoa. Anh Đông nói ở Vĩnh Châu, nơi có nhiều vườn nhãn, có rất nhiều người Khmer và Hoa cư ngụ, hơn cả người Việt. Đa số dân ở vùng này nói 3 thứ tiếng Khmer, Triều Châu, Việt. Đây là vùng hội tụ của 3 văn hóa Việt-Hoa-Miên tạo nên thành một văn hóa đặc thù tượng trưng cho cả lịch sử khẩn hoang Nam bộ. Như ta biết, những người Hoa đầu tiên đến Nam bộ theo các tướng nhà Minh: Mạc Cửu, Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch đến Đồng Nai, Mỹ Tho và Hà Tiên. Lần lần nhóm người Minh Hương này đi dọc theo sông rạch đến các tỉnh vùng Ba Thắc như Đại Ngãi, Ba Xuyên, Mỹ Thanh... Họ đã khai hoang giữa rừng, sông nước lau sậy um tùm, mở làng lập ấp cùng với lưu dân người Việt và dân bản xứ Khmer. Thương cảng Bãi Xàu gần mé sông xưa kia từ thế kỷ 18 đã là nơi tập nập thuyền buôn bán, chuyên chở hàng hóa mà đa số là của người Hoa đến từ nhiều nơi.

Năm 2006, Hội tương tế người Hoa được thành lập ở Sóc Trăng. Qua sự tiếp xúc với một số người Việt gốc Hoa ở Saigon thì tôi được biết Hội tương tế ở Sóc Trăng là lớn và mạnh nhất trong nước, hơn cả các hội người Hoa ở Saigon-Chợ Lớn hay các nơi khác. Tôi có người quen, anh Trang Dân Kiệt (sáu Kiệt) người Việt gốc Hoa ở Chợ Lớn, trong thời kháng chiến chống Mỹ, đã có thời gian trong tù Côn đảo, nay đã về hưu và làm thương mại. Anh Kiệt nói về Hội tương tế Hoa ở Sóc Trăng lớn mạnh vì nơi đây người Hoa sống lâu đời chung với 3 sắc dân của 3 nền văn hóa, hoà trộn từ nhiều thế kỷ nên những lãnh đạo trong chính quyền địa phương vì cũng xuất thân từ các hoàn cảnh như vậy nên ủng hộ, rất khác với hội người Hoa ở vùng Saigon-Chợ Lớn, không được thuận lợi và đoàn kết như ở Sóc Trăng.

Gần chùa Kleang là Bửu Sơn Tự (chùa Đất sét), nơi cụ Ngô Kim Giang năm nay 88 tuổi chăm quản, cụ thuộc đời thứ 4 dòng họ Ngô thành lập chùa. Dòng họ Ngô là người Triều Châu đã đến nơi hẻo lánh trong khu vực nhiều người Khmer lập chùa cách đây hơn 200 năm (nay khu vực này đã đông đúc). Cụ Giang nay đã mất mờ, từ trong nhà cạnh ngay đền, ra ngồi ghé gần chính điện ngồi giải thích cho chúng tôi biết về lịch sử chùa. Anh của cụ, ông Ngô Kim Tông người đã xây các tượng (Kim Lân, Hồ, Voi, đền thờ với hàng ngàn tượng Phật nhỏ ngồi trên hoa sen...), tất cả bằng đất sét. Cụ Giang nói nhiều người không tin là tất cả làm bằng đất sét nên sờ mó vào, một số vì thế bị gãy. Đặc biệt là có 8 cây đèn cầy nặng tổng cộng nặng 1.4 tấn (mỗi cây nặng khoảng 200kg). Hai cây đang đốt, vẫn còn cháy từ ngày ông Ngô Kim Tông mất năm 1970, đến nay đã được hơn 36 năm. Cụ Giang nói con trai cụ năm nay tuổi hơn 40, sẽ tiếp tục nối dõi dòng họ Ngô ở Bửu Sơn Tự. Chung quanh chùa là các mộ của dòng họ Ngô và tháp 12 tầng với nhiều tượng Phật nhỏ bên trong. Đền lợp bằng mái tôn, nên bên trong nóng vào lúc trưa nắng. Gần chùa Đất Sét là khu nghĩa trang rất rộng lớn của người Triều Châu, thiết lập từ năm 1975.

Từ chùa Đất Sét, tôi tiếp tục dùng xe ôm đến chùa Khmer Mahatup (chùa Dơi) thăm quan. Chùa Dơi đẹp với khuôn viên cây cối um tùm, có dơi đậu rất nhiều trên các cành cao gần ngọn. Các con dơi này ở đây, mỗi chiều tối bay đi ăn trái cây khắp nơi trong vùng. Hiện nay số dơi đã giảm nhiều do người ta bắt ăn khi chúng đi xuống những vườn trái cây kiếm ăn. Đây là một nguy cơ mà chính quyền địa phương nên lưu ý đến vì tác hại ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và cảnh quan. Ngoài cảnh quan ở chùa, trong thiên nhiên ở Việt Nam và nhiều nơi trên thế giới, dơi ăn trái cây có vai trò phát tán gieo hạt giúp cây cối phát triển sản sinh trong môi trường, giống như vai trò của ong đơm trái qua nhụy hoa. Xưa kia vùng Sóc Trăng còn có nhiều cá sấu trên các sông rạch, bờ rừng (con đin) ở cù lao Dìn và cả cộp ở cù lao Ông Hồ (nay là cù lao Dung). Nhưng như ta biết, hiện nay tất cả đều đã biến mất.

Ở Sóc Trăng các di tích lịch sử nằm khắp trong thị xã. Trên đường Mậu Thân 68, góc đường Lê Lợi là trường Taberd ngày xưa. Nay là nơi lưu niệm, địa điểm đón các anh hùng cách mạng bị Pháp bắt tù ở Côn Sơn trở về đất liền vào ngày 23/09/1945, ngay sau cách mạng tháng tám. Trong số những người từ Côn Sơn về ngày đó có các ông Phạm Hùng và Lê Duẩn. Từ viện văn hóa Khmer, tôi đi bộ dọc phố đường Hai Bà Trưng, khu chợ Sóc Trăng và đến đường Ngô Quyền ăn tối ở quán Hiệp Lợi. Phố xá ban đêm rất đông đảo xe cộ, nói chung Sóc Trăng ngày nay đã trở nên phồn thịnh phát đạt. Đường Hai Bà Trưng gần chợ có nhiều cửa tiệm người Hoa hoạt động sầm uất, không khác gì đường Trần Hưng Đạo ở Chợ Lớn. Quán ăn Hiệp Lợi của người Tiều rất ngon và nổi tiếng, như trong sách nói, ở đây có bán bánh bao làm tại chỗ và bánh pía. Nói đến Sóc Trăng là phải nói đến

đặc sản bánh pía. Bánh pía do một số người Minh hương mang sang khi đến miền Nam. Đầu thế kỷ 19, ông Đặng Thuận ở Vũng Thơm, huyện Mỹ Tú Sóc Trăng là người đầu tiên sản xuất bánh pía để kinh doanh và truyền nghề cho con cháu. Hiện nay hầu hết các lò sản xuất bánh pía tập trung ở Vũng Thơm. Lò bánh Tân Hương là lò lớn nhất nhưng nổi tiếng hơn là lò của ông Công Lập Thành, nay đã truyền nghề cho các con và mỗi người có lò riêng của mình.

Sự cộng cư của các dân tộc ở Sóc Trăng dẫn đến sự hội nhập tự nhiên trên nhiều phương diện như tín ngưỡng, văn hóa là việc tham dự lễ hội trong vùng, không phân biệt đó là của dân tộc nào. Điều này tạo nên tính tương trợ được mở rộng và đoàn kết giúp nhau trong cộng đồng được thể hiện rõ rệt. Khi có ngày Tết Chol Chnam Thmay của người Khmer, thì mọi người rủ nhau đi chùa Khmer. Người Hoa vào chùa Khmer làm công quả, còn người Khmer một số thờ Quan Công của người Hoa mà họ gọi là ông "Thao Kôg". Trong ngày lễ hội Ok Om Bok tạ ơn thần Mặt Trăng, vào ngày 10 tháng 10 âm lịch, có cuộc thi chèo ghe trên sông, thả đèn giấy lên trời và bè chuối có lễ vật trên sông. Mọi người không phân biệt Khmer, Việt, Hoa đều vui mừng tham dự như ngày lễ hội chung của tất cả cộng đồng. Phụ nữ Khmer đã quen dần với y phục của người Việt, để tóc dài kết thành bím, tựa như phụ nữ Khmer lai Hoa. Có nhiều gia đình Khmer lai Hoa đã lấy một số tập tục của người Hoa như cách ăn, mặc và thờ cúng. Ngược lại ở xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu, ở sân nhà nhiều người Tiều có đặt ngôi miếu nhỏ bằng lá thờ ông Tà (neak Ta) hoặc Thổ địa cùng bàn thờ Thiên Quan. Ông Tà của người Khmer đã du nhập vào tín ngưỡng thờ Thổ địa của người Hoa. Một số miếu thờ Bà Mã Châu ở Vĩnh Châu có ngôi miếu nhỏ trong sân thờ ông Tà. Theo Trần Hồng Liên, trong "Văn hóa người Hoa ở Nam bộ", qua quá trình cộng cư hiện nay đã có vài hộ người Tiều áp dụng tục thiêu xác khi chết của người Khmer, nhất là đối với thân nhân là người chết trẻ, vì không muốn lưu lại dấu vết gọi nhớ.

Trong một số chùa Phật giáo của người Việt, trên trang thờ có Quan Thánh và bà Thiên Hậu. Tại Vũ Đế Thánh Điện ở thị xã Sóc Trăng trước đây có miếu thờ Quan Thánh của người Tiều và ngôi đình thờ hai vị đại thần Võ Đình Sâm và Trần Nhơn Hoa có công chống Pháp. Sau này cả hai nơi thờ xuống cấp, người Tiều và người Việt sáp nhập hai ngôi đền thành một, gọi là Võ Đế Thánh Điện (Tiều) hay Đình Năm Ông (Việt).

Sáng sớm hôm sau, trước khi trở lại Cần Thơ, tôi đi bộ dọc bờ sông đến đường Đồng Khởi dạo quanh khu chợ Sóc Trăng và quảng trường gần đường Nguyễn Huệ. Ở đường Ngô Quyền (song song với đường Hai Bà Trưng) gần quán ăn Hiệp Lợi và một tòa nhà thời Pháp rất đẹp nay là tòa án nhân dân có chùa Vĩnh Phước (Minh Nguyệt Cư sĩ Lâm). Minh Nguyệt Cư Sĩ Lâm Phật Học là một tổ chức Phật giáo, hội Phật học của người Triều châu, thành lập vào năm 1967. Đây là một trong năm chi nhánh ở các tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cần Thơ, Sa Đéc và Cà Mau. Chi nhánh ở Sóc Trăng là đệ nhất hội. Đến đường Trần Minh Phú góc cuối đường Ngô Quyền là Hội tương tế người Hoa gần bờ sông Sóc Trăng.

Một trong những mục đích tôi đi xuống Sóc Trăng là thu thập tư liệu về người Minh hương và Hoa ở Nam bộ. Vì thế tôi đến trụ sở Hội Tương tế người Hoa ở số 18-20 Trần Minh Phú, tiếc là hôm đó tôi không gặp những người trong hội, chỉ gặp thư ký hội và lấy được tập san đầu tiên của hội vừa xuất bản và nói chuyện trên điện thoại với ông hội trưởng lúc đó đang ở Long Xuyên. Dù sao tôi cũng lấy được một số thông tin quý giá trong những ngày ở Sóc Trăng.

Sóc Trăng quả thật là đất hội tụ văn hóa và tượng trưng cho sự hài hòa phóng khoáng rất phong phú tạo thành một sắc thái Nam bộ đặc sắc ở đồng bằng sông Cửu Long, một mô hình lý tưởng cho một xã hội đa văn hóa.

NGUYỄN ĐỨC HIỆP

Thợ cầu thời WTO

Lê Vũ Tuấn

Nắng như đổ lửa. Tôi cùng các kỹ sư (KS) Cty B.O.T cầu Rạch Miếu kết thúc chuyến thăm công trường vào lúc 12h00. Bụng đói, mắt hoa, chân bước rã rời mang theo hình ảnh cây cầu dây văng đầu tiên do VN đầu tư, thiết kế, thi công có "chiều dài vượt xa và khẩu độ nhịp chính tương đương cầu Mỹ Thuận" nhìn từ độ cao của trụ tháp chữ A, thẩm thía thế nào là "công nhân (CN) công nghiệp nặng"...

Đi tìm "phong cách Việt"

Sẽ có 1 năm "hậu" WTO trên khoảng vượt thời gian để thợ cầu VN chứng minh bản lĩnh chinh phục sông Tiền, trước khi đội hình quốc tế do Nhật Bản đảm trách đưa cầu Cần Thơ băng qua sông Hậu.

Trong hơn 600 KS, CN tham gia thi công cầu Rạch Miếu, không ít người từng sát cánh với chuyên gia Australia trên công trường cầu Mỹ Thuận vào những năm 1997-2000 nên "phong cách Úc" được mang ra so sánh với "phong cách Nhật" và "phong cách Việt".

Động tác mang ủng và đội mũ bảo hiểm bắt buộc cũng khiến tôi nhớ lại các chuyến thăm Liên danh Baulderstone Honirbrook Engineering (BHE) - Tổng Cty Xây dựng công trình giao thông 6 (Cienco6) với những thời khắc không thể nào quên:

Ngày 26.6.1998, bỏ qua mọi quy định, chuyên gia BHE khui sâmbanh ngay tại hiện trường cùng KS, CN

Cienco6 uống mừng Cty bê tông 620 đúc thành công cây dầm super T đầu tiên "có chất lượng không thua kém bất cứ quốc gia nào trên thế giới", chấm dứt kế hoạch vận chuyển đầy tốn kém từ Thái Lan. 0h00 ngày 17.12.1999, mẻ bê tông cuối cùng đổ xuống mặt cầu, hoàn tất kỷ lục cầu dây văng 1.535,2m - dài nhất VN trong thế kỷ XX. Và ngày 21.5.2000, "con rồng thép" Mỹ Thuận chính thức "hợp long" cùng với đất "chín rồng", rút ngắn tiến độ tới 7 tháng so với điều công bố tại lễ khởi công trên bờ bắc sông Tiền. Đó là "phong cách Úc"!

Còn "phong cách Nhật"? Dưới chân trụ tháp chữ A trên bờ bắc sông Hậu, ông Jin Watanabe - Phó Giám đốc Liên danh Taisei - Kajima - Nippon Steel (TKN), đơn vị đảm nhiệm gói thầu chính gồm cầu dây văng có "khẩu độ nhịp chính dài nhất Đông Nam Á" và 2 cầu dẫn đạt tổng chiều dài 2.750m, vượt hơn cầu Mỹ Thuận 1.214,8m - nói thật nhẹ nhàng: "Thời gian thi công của TKN chỉ gói gọn từ ngày 18.10.2004 đến hết ngày 14.12.2008".

Sự chính xác đến mức tỉ mỉ của vị chuyên gia đến từ đất nước mặt trời mọc khiến tôi chợt nhớ Ban quản lý dự án (PMU) Mỹ Thuận từng khẳng định với lãnh đạo TP.Cần Thơ: "Kế hoạch thông xe ngày 30.12.2008 không có gì thay đổi. Theo hợp đồng đã ký, đơn vị thi công chậm sẽ chịu phạt mỗi ngày từ 3-4 tỉ đồng". Hoá ra, "phong cách Úc" hay "phong cách Nhật" đều có chung ưu điểm: Tác phong công nghiệp, ý thức trách nhiệm của đơn vị đạt đẳng cấp quốc tế.

"WTO ư, nhà báo phải hỏi lãnh đạo PMU cơ!" - không hiểu sao tất cả các KS, CN mà tôi tiếp xúc trên công trường cầu Rạch Miễu đều trả lời giống y như vậy. Đúng rồi, đây là... "phong cách Việt"!

Phải thay đổi "chiến thuật", bỏ qua mọi khó khăn, ách tắc về kinh phí, về cơ chế quản lý vốn không thuộc trách nhiệm người thợ, tôi mới ghi được vào sổ tay đôi điều về đội ngũ "CN công nghiệp nặng" vừa góp phần làm nên kỷ lục "cầu dây văng một mặt phẳng dây lớn nhất thế giới" (Bãi Cháy - Quảng Ninh) và "cầu vượt biển dài nhất VN" (Thị Nại - Bình Định).

Những gương mặt

42 tuổi, quê gốc Nam Định, 1 vợ 2 con, 22 năm quen đời "phiêu bạt" - Lê Thanh Liêm được XN 2, Cty CP bê tông 620, Cienco6 điều về làm Đội trưởng đội xây lắp trên công trường nổi đôi bờ Tiền Giang - Bến Tre ngay từ những ngày đầu. Từng có mặt ở cầu Mỹ Thuận, chứng kiến sự kiện "khui sâmbanh", không riêng gì anh mà toàn thể đội viên đều hãnh diện khi nghe nhắc thương hiệu "620": "Sau khi tiếp thu công nghệ đúc dầm super T, chúng tôi không ngừng cải tiến nó để hôm nay cung cấp sản phẩm "made in VN" cho toàn bộ công trình. Như đầu dầm mình tăng thép gia cường chống nứt hay quai cầu đổi từ 2 ti thành 1 cáp, tận dụng cáp ngay trong thân dầm giúp hạ giá thành. Còn ván khuôn thân trụ trước phải nhập ngoại tốn mấy chục ngàn đô, giờ tự làm chỉ 2-3 trăm triệu đồng/cái mà thân trụ đúc ra rất đẹp, tháo khuôn là để luôn, khỏi trám trét gì hết. Làm ván khuôn xà mũ trụ khó hơn do ở trên độ cao, nhưng mình vẫn... ngon lành, trước mất cả tuần, giờ chỉ cần 1 ngày".

Rồi "thợ cả" khoát tay: "Mời nhà báo cứ việc tận mắt! Cầu Mỹ Thuận sai số quá 5 ly, giám sát nước ngoài bắt làm lại. Cầu Rạch Miễu khác rồi, bởi kết quả cải tiến được phổ biến đến tất cả đơn vị".

Chỉ mười phút sau, điều Liêm nói được Chỉ huy trưởng công trường Cty cầu 12, Cienco1 là KS Phạm Văn Hùng xác nhận, khi điều khiển thang máy đưa tôi lên trụ tháp chữ A. Từ đốt thứ 17 trong tổng số 26 đốt, toàn cảnh công trường bề thế hiện ra dưới nắng trưa, gây cảm giác choáng ngợp. Tôi bấm máy lia lịa, với ý nghĩ đang đứng trên đỉnh cao kỹ thuật của ngành cầu vào thời điểm Quốc hội VN thông qua Nghị định thư gia nhập WTO. "Có phải thi công trụ tháp là thách thức kỹ thuật lớn nhất?". Thật ngạc nhiên, trả lời tôi là một cái... lắc đầu: "Với 26 năm làm việc trong ngành cầu, tôi xin nói thiệt, không có thách thức nào hết! Công nghệ đúc hẫng mình đã nắm vững từ năm 1995 khi xây cầu Phú Lương - Hải Dương. Từ chỗ phải mua xe đúc của nước ngoài, mình tiến tới tự chế, tự cải tiến sao cho hợp lý nhất trong điều kiện cụ thể VN. Riêng Cty cầu 12, đến giờ phút này, đã tự chế 16 xe đúc".

Vâng, chỉ còn công đoạn căng cáp là phải thuê nước ngoài (giống như cầu Bãi Cháy). Ngay Liên danh TKN cũng đã có quyết định tương tự đối với cầu Cần Thơ. Người cung cấp cho tôi thông tin vừa nêu sau khi trao đổi bằng tiếng Anh với chuyên gia Nhật Bản là Huỳnh Kim Thanh Phong - 24 tuổi, quê gốc Phú Yên, vừa tốt nghiệp Đại học Bách khoa TPHCM với luận văn về kỹ thuật căng cáp đã được TKN tuyển dụng ngay vào làm việc tại nhóm xây dựng tháp. Phong cho biết: "Được làm việc ở đây là cơ hội lớn để bổ sung kiến thức, tôi mơ ước sẽ tiếp tục làm việc cho TKN hoặc đơn vị nước ngoài nào khác để theo đuổi luận án thạc sĩ về kỹ thuật căng cáp sau khi cầu Cần Thơ hoàn thành".

Vốn quý để cạnh tranh

Qua Liêm, qua Phong, tôi nhìn thấy sự kè kè trong đội ngũ thợ cầu VN đang dọn mình "băng qua biển lớn". Sau 5 năm gia nhập WTO, Trung Quốc đã đưa KS, CN ra nước ngoài xây cầu. Ngay trên công trường này, gói thầu đường dẫn phía bờ nam do Tổng Cty Xây dựng Trung Quốc đảm trách. Bao giờ sẽ tới lượt VN?

"Nếu có cơ hội ra nước ngoài làm việc, tôi tin thợ cầu VN sẽ phát huy rất tốt nhờ đức tính siêng năng, chăm chỉ" - chuyên viên cao cấp của TKN là ông Akinori Horai nêu nhận xét. "Với khoảng 800 KS, CN làm việc tại đây, tôi không hề lo lắng bất cứ vấn đề kỹ thuật nào mà anh em không thể tiếp thu".

Song, câu nói ý nhị của Phó Giám đốc TKN là ông Jin Watanabe lại khiến tôi động lòng: "Lương thấp có thể là ưu thế cạnh tranh, nhưng theo tôi, cũng... không hẳn là vậy".

Không hề biết đến câu nói này, trước đó mấy ngày, tôi đã nghe KS Hà Ngọc Nam - Trưởng ban Điều hành Cienco5 trên công trường cầu Rạch Miễu - thổ lộ: "Giả dụ công trình này do nước ngoài thi công, chắc chắn giá thành sẽ cao hơn gấp đôi, gấp ba mà vẫn cho kết quả tương đương. Thợ cầu mình chịu thương chịu khó, là nguồn vốn quý của ngành cầu. Nhưng tôi lo nếu không chăm sóc tốt, nguồn vốn quý ấy sẽ bị thu hút sang khu vực tư nhân hoặc có vốn đầu tư nước ngoài".

Nỗi lo trên mang đầy đủ sức nặng thực tế. Như Phong mới ra trường, hưởng lương từ 6-7 triệu đồng/tháng, ăn ở được bố trí bài bản, đi phép được thanh toán tiền máy bay, nuôi chí nghiên cứu khoa học để làm chủ kỹ thuật căng cáp, nhưng mong muốn làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài. Còn Liêm vượt khỏi bậc thợ 7/7 cách nay hàng chục năm, liên tục nhiều năm là "chiến sĩ thi đua", không ít lần nhận bằng khen cấp "tổng" nhờ giỏi ứng dụng công nghệ nước ngoài vào điều kiện cụ thể VN, nhưng mức sống, điều kiện làm việc thấp hơn gấp nhiều lần.

Còn nhiều so sánh nữa được anh em chỉ ra, nhưng càng so, trong tôi càng sáng lên cái gọi vui là "phong cách Việt": Thợ cầu mình chịu thương chịu khó không phải chỉ vì đồng lương mà sâu xa hơn, còn vì lòng yêu nước. Với lòng yêu nước, dù làm việc ở loại hình doanh nghiệp nào, họ đều có thể đóng góp phần mình vào sự lớn mạnh của ngành cầu VN thời WTO!

(Bài đã đăng trên Báo Lao Động ngày 14.2.2007)

LÊ VŨ TUẤN

Thầy tôi

Nguyễn Phan Thịnh

Tôi ngồi sát mép sông An Cựu nhìn sang nhà Thầy. Trời chiều đang tàn, gió đầu thu lùa theo dòng sông nhỏ bé uốn cong hiu hắt lạnh. Nhà Thầy có tường và cổng, trước sân trồng hoa, thoáng bóng một cô gái hiện ra trên thềm nhà rồi mờ hồ biến mất dưới bóng lá. Dáng cô mỏng mảnh. Tóc đen dài chảy xõa sau lưng.

Mắt tôi đắm đắm ngắm nhìn như muốn ghi tạc vào trong trái tim mình hình dáng ngôi nhà Thầy ở. Tôi đã ngồi như thế mấy chiều nay. Tôi quyết định đi xa và biết từ những chân trời vô định của tương lai mình, tôi không hy vọng sẽ quay về và không hy vọng còn gặp lại Thầy nữa.

Chỗ tôi đang ngồi gần một con cầu nhỏ. Gần đó, bên này sông, có nhà chàng trai họ Trịnh, tác giả Ướt mi, giờ này chắc hẳn đã đi Quy Nhơn để kịp năm thứ hai ở Trường Quốc gia Sư phạm khai giảng rồi. Tôi không biết nói những điều nghĩ suy khắc khoải trong lòng với ai. Giữa hè, tôi thi Sư phạm, giám thị hành lang là thầy Hoàng Phủ... nổi tiếng, dù không hề dạy tôi, đợi tôi nộp bài đi ra, nắm tay tôi giữ lại bên lan can tầng lầu, hỏi thi cái này làm chi, tương lai đại học đầy hứa hẹn... Trong lúc bàn tay Thầy bóp chặt vai tôi, tôi nắm chặt lan can sắt lạnh, ứa nước mắt: Em phải, em phải... Không có cách nào khác... Chiều, tôi trở lại thi tiếp. Kết quả niềm yết cả tháng tôi không đi xem. Hai thằng bạn từ Đà Nẵng ra xem bảng, đến nhà báo tin cả ba đều thi đậu và rủ tôi đi Quy Nhơn. Tôi không đi, tôi muốn học đại học ở ngay Huế này. Nhưng giờ này tôi lại quyết định đi, cũng vì không có cách nào khác khác hơn cho tôi chọn lựa nữa. Nỗi niềm này tôi biết nói với ai. Tôi muốn được tâm sự với Thầy, nói hết với Thầy những suy nghĩ chọn lựa đau đớn về tương lai của mình và tưởng tượng nghe được lời Thầy tiếc rẻ cho tôi trong hoàn cảnh riêng và vận nước chung này, và khuyên dạy, khuyến khích tôi luôn luôn cố gắng với niềm tin ở bản thân và cuộc sống. Vì thế trước khi đi, tôi đến ngồi bên bờ con sông nhỏ này để nhìn sang nhà Thầy. Để âm thầm nghĩ đến Thầy. Để gửi Thầy tất cả tấm lòng kính yêu của tôi như với một người Cha.

Ấy là năm 1961. Người Thầy cựu giáo sư Trường Bưởi (Hà Nội) ấy đã già lắm. Hình dáng Thầy quanh năm như một vớ bộ đồ vét bạc màu và khăn len quàng cổ. Thầy gầy ốm lắm và giọng Thầy nhỏ nhẹ yếu ớt như không được bao hơi từ hai lá phổi đã cống hiến suốt cả đời mình. Thầy hay cầm sách đi lên đi xuống ngay giữa lớp để mọi học sinh đều nghe được tiếng Thầy giảng bài. Thầy dạy Pháp văn. Tôi rất dốt Pháp văn; tất cả thì giờ tôi đã đều dành cho tiếng Anh với lòng đam mê tuổi trẻ và đã dịch mấy truyện ngắn Mỹ đăng trên Tiểu Thuyết Tuần San ở Sài Gòn. Tôi không chỉ ngưỡng mộ tài năng tiếng Pháp tuyệt vời của Thầy mà còn nảy sinh một lòng yêu kính chân thành vì đức độ và tình cảm cao cả thiêng liêng trong hình vóc còm cõi nghiêm trang ấy còn hơn của một người thầy. Từ tính gần bướng bỉnh lơ tiếng Pháp, tôi khao khát học giỏi để không khiến Thầy thất vọng. Tôi linh cảm Thầy đặc biệt muốn tôi phải giỏi thứ tiếng Thầy dạy, ngoài vì thiên chức nhà giáo có lương tâm còn bởi tình thương yêu như của một người cha. Từ điểm 1, 2 tiếng Pháp học kỳ I, cuối năm tôi đã đạt điểm cao nhất lớp, ngang điểm với L., dịch thủ tiếng Anh lâu nay của tôi. Sau năm học, L. đi du học nước ngoài, còn tôi... nhắm về một thành phố biển nghèo miền Trung đi theo nghề giáo như định mệnh của mình. Và tôi ao ước được nhìn thấy người Thầy yêu quý ấy của tôi một lần cuối cùng trước khi đi xa, cũng là đi theo con đường của Thầy.

Ngày nay, sau hơn 40 năm dạy tiếng Anh, tôi vẫn giữ thói quen của Thầy đi đi lại lại giữa lớp và chắc chắn ai cũng nghe rõ giọng tiếng của mình. Tôi cũng có phản ứng như Thầy khi có một học sinh không ham học, buồn bã và thất vọng, lòng thiết tha em đó biết cảm động mà vượt qua khó khăn, luôn luôn hỏi han và cho điểm chính xác công bình để giúp em tự biết đánh giá trước khi có ý chí tiến bộ. Tôi cảm thụ được lòng Thầy tôi, trái tim tôi nhen

lên ngọn lửa ấm áp từ tình Thầy và tràn ngập tình cảm của một đứa con mồ côi cha suốt đời làm lụi cô đơn.

Chắc hẳn Thầy không hề biết những suy nghĩ của con. Dưới ánh chiều đang tắt, tôi thấy Thầy bước ra trước nhà. Thầy mặc quần áo vải trắng, trông càng gầy ốm hơn. Tôi nhòm đứng lên, nhìn theo bóng thầy bước xuống sân, khom mình bên mấy chậu hoa lá. Rồi Thầy đứng thẳng lên, ngẩng đầu tóc bạc nhìn xa xa sang bên này sông. Mắt tôi nhòa lệ. Từ trong đáy lòng tôi dâng lên mấy tiếng nghẹn ngào, chỉ có tôi và trời chiều bên sông nghe được: Thầy ơi! Con chào Thầy...

Tên Thầy là Dương Đốc Khánh. Hẳn nhiên Thầy qua đời đã lâu lắm rồi, gần nửa thế kỷ rồi. Từ ngày đó, trong cuộc đời bôn ba khổ cực của mình tôi chưa một lần trở lại Huế. Tất cả những gì tôi biết về Thầy chỉ có thế. Tôi không muốn tưởng mặt mũi Thầy như thế nào. Ngay cả dáng thiếu nữ xuất hiện trước nhà chiều ấy có thể là Diễm, con gái Thầy, mà cũng mãi gần đây tôi mới tình cờ được biết chính là Diễm xưa của Trịnh Công Sơn. Thôi, tôi chỉ biết Thầy tôi. Con xin dâng nén hương lòng kính viếng hương linh Thầy, và biết đâu nhờ những dòng này Thầy mới biết được lòng con mãi mãi kính yêu và nhớ Thầy như Cha con vậy!...

20/11/2006

NGUYỄN PHAN THỊNH

Kỷ niệm 12 năm ngày mất nhà văn Phùng Quán (22.01.1995-22.01.2007) : PHÙNG QUÁN trong tôi

Vinh Nguyên

Nhập tỉnh, với lòng hăng say vốn có, anh chị em văn nghệ xông vào làm tạp chí “ văn nghệ Bình Trị Thiên “ (hai tháng một số).

Tôi được cử về xã Thủy Dương viết bài cho báo. Tôi thích lắm. Tôi nhận đi liền. Bởi nơi đó là quê hương Phùng Quán – Vượt Côn Đảo, nơi ấy phong trào nông nghiệp đang lên.

Anh cán bộ văn hóa xã dẫn tôi đi tham quan “ trước đồng sau rẫy “, thăm đình làng, thăm ô Bàu Choàng – cá rô to bằng bàn tay to béo hết ý, nhưng hàng năm dân làng phải đấu úng mới kịp vụ cấy nên khó khăn vất vả nhất, tốn nhiều công sức nhất, dân còn nghèo, quê “ ăn mắm muối dòi “ nhưng dân ca thì hay tuyệt “ ai không lấy con gái Thanh Thủy Thượng là ngơ, trước đồng sau rẫy không bao giờ thiếu ăn “. Tôi tới thăm nơi Phùng Quán sinh ra. Gặp chú Đệ - chú ruột Phùng Quán. Chú Đệ nói chuyện rất dí dỏm. Tôi rất thích.

Ở Thủy Dương một ngày một đêm, hôm sau về Pát-Van – hầm nhà (tiếng Nga) tôi ở và bút ký “ Thủy Dương – quê hương anh Phùng Quán “ ra đời. Chép lại sạch sẽ, tôi mang đi nộp cho ban biên tập. Sáng hôm sau một ông trong ban biên tập đọc duyệt bài gặp tôi, nói : “ Bài ký hay đấy, nhưng (ông chất lưỡi) ghi tên Phùng Quán thì thật rầy rà. Hay thôi thế này, ông chịu khó mang về bỏ hết các chữ Quán trong bài, cứ nói anh Phùng là được rồi, và cái tit bài cũng đổi “.

Tôi mang bản thảo về Pát – Van đọc lại một lần nữa, “ có gì đâu mà phải đổi nhĩ “, với ý nghĩ ấy, tôi mang bản thảo lên gác trên đưa lại cho ông biên tập. “ Tôi nghĩ không có gì phải gạch tên thật của người ta “. Nói xong tôi về phòng ngủ, chốt chặt cửa trong.

Thế rồi, bài bút ký ấy cũng được in. Nhưng cái tit thì sửa thành “ Vùng quê hứa hẹn “ còn trong bài thì chỉ (anh Phùng) như ý của ông ta đọc duyệt trước đó.

Đọc lại bài của mình được in nhưng tôi không vui mà buồn.

Hồi này tôi chưa có gia đình. Việc đi lại rất dễ. Tôi được hai số tạp chí. Tôi mua chai rượu làng Chuồn rồi xin đi ra Hà Nội vài ngày.

Và, lần đầu tiên tôi gặp Phùng Quán ở số 3 Hàng Cân.

Ồi ! Đã hai bảy năm rồi tôi không thể nào quên được cái đêm hôm ấy trong ngôi nhà ấy !

Là bởi tôi yêu Phùng Quán từ những thập niên sáu mươi với “ Vượt Côn Đảo “. Từ những ngày dưới tàu thủy, tôi đã nghe, đã đọc nhiều bài báo nói về phê phán nhân văn. Tôi đã tìm đọc “ Lời mẹ dặn “ (chống tham ô, lãng phí) xem thử nó như thế nào mà bị (đánh). Đọc bài thơ này tôi thấy tác giả nói thẳng nói thiệt như là tuyên ngôn. Mà đã gọi là tuyên ngôn thì phải có cái hay cái đúng của người ta. Thế thì sai ở chỗ nào mà (đánh) người ta ? về tôi, lúc đó tôi chưa viết được gì nhiều nên anh chưa biết tôi là ai? Nhưng khi tôi đứng trước số nhà 3 Hàng Cân, gọi : “ anh Quán ơi em là Vinh Nguyên ở Huế ra thăm anh đây “ thì, tay anh buông chòm râu đi ra cửa ô mở choàng lấy tôi, rồi một tay vỗ vỗ lên vai tôi, dẫn tôi vào nhà. Tôi chào chị Bội Trâm đang đứng ở phòng trong rồi ngồi xuống ghế đối diện anh ở phòng ngoài. Tôi đặt xuống bàn chai rượu làng Chuồn và hai cuốn tạp chí. Nhìn chai rượu anh mỉm cười rồi cười rung rung chòm râu rồi đứng lên : “ em chờ anh tí “. Nói rồi, anh đi ra qua nhà ai đó và vội quay về liền lấy ra hai cái chén đặt xuống bàn. Đoạn anh cầm chai rượu vuốt soa ngắm nghía rồi mở nút lá chuối khô rút ra chén. Anh nháy mắt như cười ra hiệu cho tôi cầm cái chén. Và chúng tôi nâng chén cụng vào nhau. Lòng tôi vui sướng vô cùng vô tận !

Anh nhấp chút rượu rồi đặt chén xuống bàn nhìn tôi thân ái : “ rượu quê miền ngon thiệt hí ? ”

Bà bán quán đưa sang một đĩa đồ mời tú ụ đó là đĩa củ kiệu trộn với thịt đầu heo dội tươi tương ớt vàng rộm

lại lảng . cạn xong chén rượu , tôi rót chén thứ hai rồi nói với anh : “ thừa anh Quán , em xin tặng anh hai số tạp chí này , trong đó có bài em viết về quê hương Thủy Dương của anh ,có cả tên anh Phùng Quán hẳn hoi nhưng người ta đã bỏ đi chữ Quán “ . Tôi nói đến đây thì giọng đã ngùi ngùi như chực khóc anh lật mở xem qua tờ tạp chí “ Bình Trị Thiên “ . Anh nhìn lướt bài “ vùng quê hứa hẹn “ . Và tôi cảm thấy anh hình như cũng ngùi ngùi . Anh đặt tờ tạp chí xuống bàn , nói : “ Không sao, em, không sao cả rửa là tốt rồi. Minh mà làm căng thì người ta không in cho . Dẫu tâm mình đúng nhưng phía họ thì họ chưa ưa . Rồi đến một lúc nào đó họ sẽ nghĩ lại , họ sẽ mềm mại , lỏng tay và mình sửa lại theo ý mình “ . Anh nói tiếp : “ Anh cũng rửa . anh có nhiều tập truyện như truyện lịch sử văn hóa vĩnh Linh anh ca ngợi nhân dân và mảnh đất kiên cường nhưng đâu được ký tên Phùng Quán anh phải lấy một bút danh lơ lơ mơ mơ là Nguyễn Huy tác phẩm mới ra đời”

Đêm đó nghỉ lại nhà anh chị . tôi nằm trên cái tràng kỷ . Anh chị nhường cho cái máy quạt . Anh chị ở phòng trong, không quạt chắc là nóng lắm ? nhưng tôi không sao ngủ được . Tôi thao thức hoài về hai chữ Nhân Văn .

*

Từ đó anh quý tôi .Anh quý nhiều bạn bè ở Huế dù họ rất ít tuổi . Anh vào Huế . Anh tìm tới tôi .Tôi chờ anh trên chiếc xe đạp nam thống nhất cộc cạch bị mẻ .Về Thủy Dương – nơi “chân trâu cát cỏ “ của anh , anh thấp ba nén hương lên bàn thờ tổ. Anh mời chú Đệ ra cái chõng tre dưới góc ổi cho mát .Ở đó đã sẵn bộ ấm chén uống trà .Anh Quán với tay hái xuống mấy trái ổi và moi trong cái giỏ xách tay lôi ra chai rượu làng Vân trong vắt .

Và ba chú cháu nâng chén .

Nhìn ra cánh đồng trước làng , anh Quán chắt chắt miệng có vẻ tiếc rẻ điều gì ? Và anh nói : Giá bài bút ký của em được anh kể thêm cho nghe để em bồi vào thì sôi động lắm . Thế này nhé : Vùng quê này vốn là một vùng rộng lớn có tên gọi chung Thanh Thủy . Làng Thanh Thủy quá lớn . Hai vùng dân cư đông đúc chủ yếu thì ở hai phía , giữa là cánh đồng thẳng cánh cò bay . Địa thế rất thuận lợi để tách đôi . Khi tách , phía xã Thủy Thanh bây giờ họ đã đặt tên trước là làng Thanh Thủy Chánh . Phía Thủy Dương thì cho rằng họ họ đã đặt Chánh là muốn hạ thấp mình (phó chẳng hạn) . Bàn tính thấy có lý mới đặt tên làng Thanh Thủy Thượng , là để tránh đi chữ phó cho ngang hàng chữ Chánh và có thể ngầm hiểu bởi chữ Thượng là không phải vừa ?

Đang sôi nổi anh tiếp : Việc chia lại ruộng cho hai làng Chánh – Thượng mới thật kỳ khu . Không cấm cộc thả dây cho thẳng mà trường hai làng bắt tay chơi một cuộc kéo co . Ra chính giữa đồng , họ chia ra nhiều tốp thanh niên trai tráng . Mỗi bên mười người cứ thế thi nhau kéo . Khi bên nào thắng , cái khăn trắng buộc ở giữa vượt qua được ở đâu thì cho đóng cọc ngay ở chỗ đó (anh kể đến đây thì phì cười như là để xả hơi cho đỡ mệt) . Nên biên giới giữa hai làng giờ là một đường dích dắc là dấu tích cuộc độ sức kéo co thuở ấy .

Anh Quán có tài kể chuyện rất hấp dẫn . Nhiều chỗ có thể anh hư cấu nhưng đều hợp lý hợp tình . Anh kể về thuở thiếu thời của anh ở quê , chuyện lên đường tham gia Vệ Quốc Quân khi còn ít tuổi, chuyện trinh sát , bắn tỉa, gài mìn , chuyện cấp trên cấp dưới, chuyện tập thể cá nhân , chuyện thủ đoạn ném đá giấu tay , chuyện giành giật ghế đạp ngã đối phương , chuyện luồn lách lên chức lên quyền làm vương làm tướng Chuyện nào anh kể cũng hay . Ngồi bên anh, nghe anh kể tình đời mệnh mang dồn dập như sóng tấp vào mình . Sự bản lĩnh , trí tuệ từ anh như sóng truyền lang nên ai cũng muốn được gần anh . Cách đọc thơ của anh thì đồng dục , câu chữ rõ ràng , không gấp gáp đi thẳng vào lòng người nghe ý tứ , nhịp chuyển của tác phẩm .

Nghe tin anh không còn ở Hàng Cầm mà chuyển lên Tây Hồ , tôi lại Bắc du tìm anh . Tôi leo lên chòi ngắm sông – cái chòi sau này được bạn bè giúp sức , hỗ trợ nó mới tươm tất , phòng trong phòng ngoài khang trang, xung quanh đóng đồ bằng gỗ, trần lát ván gỗ ép, có những đến hai cửa sổ mở ở hướng Tây Hồ nên rất mát , rất thú vị. Trên đỉnh mái ngói , anh cho gắn hai chai rượu lít rượu đông đầy gắn nút cáp chì thứ rượu gọi cực ngon cất nước đầu chín mươi độ cháy cổ - anh nói thế. Còn cái chòi buổi đầu tôi tới , tay anh dựng thì dựa vào một góc có hai cạnh của tường thành (trường Chu Văn An), anh chỉ chôn một cái cột gỗ , dùng dây nài nịu đòn cát bằng lên tường là ra một cái chòi như cái nhà chồ hình vuông của dân chài giữa phá Tam Giang . Anh ghép gỗ đóng đỉnh kèo cột lên tận mái tòn nên xiêu vẹo chống chến lắm. Gió to là sợ . Thế nhưng anh nói : Thế này là hạnh phúc lắm rồi , không như hồi nũa túp lều nát ở rừng Thái Nguyên hay ở Nghi Tàm , anh phải dùng những chạt hai , chạt ba cạnh ổi gát đòn làm ghé , đặt tấm ván làm bàn viết .Nói đoạn , đôi mắt anh rưng rưng ...

Khổ sở thế mà anh vẫn viết được “ Đêm Nghi Tàm đọc Đỗ Phủ cho vợ nghe “ mới tài . Để bây giờ anh đồng dục :

... Tựa lưng ghé cạnh ổi
Vai khoác áo bông sòn
Tôi ngồi đọc Đỗ Phủ
Vợ vừa nghe vừa đan

Đến hai câu kết : đừng buồn nữa em ơi

Chuyện ngàn năm ngàn năm ...

Hai tiếng “ ngàn năm ... ” “ngàn năm ... “ kéo dài mà khúc khắc trong cuống họng anh và cái đầu , chòm râu bạc cùng ngúc ngắc là cách diễn đạt nổi thống khổ của lớp người dưới đáy xã hội đen bạc mãi mãi cam chịu không thể nào ngoi lên được .

Về Hà Nội, tôi thích ăn phở.

Anh Quán dẫn tôi đến Hàng Bún. Từ xa, chảo mỡ bốc nghe xèo xèo um khói hấp dẫn kẻ sành ăn phở tái chín. Chúng tôi chọn hai chiếc ghế ngồi xuống. Anh quán gọi hai chén rượu trắng. Đoạn anh mời điều thuốc vào điều cày, quẹt diêm rít sòng sọc một hơi dài nhả khói khoan thai. Chưa vừa, và để tiết kiệm, anh dùng que đóm tém tém số thuốc chưa cháy hết quẹt diêm rút một hơi dài nữa. Anh nhìn tôi tìm tìm vui sướng nâng chén rượu. Tôi cũng nâng chén lên. Lại gọi hai chén nữa, lúc này hai tô phở tái chín được bưng tới anh vắt chanh, cho thêm tương ớt, dùng đũa đảo qua, đảo lại, đang nóng thể mà anh bưng cả tô lên húp đến cạn khô. Đoạn anh vẩy tay ông chủ quán cho xin thêm nước. Và anh được đáp ứng tức thì. Tô phở của anh nước béo lạnh đầy tràn,

Tôi cùng anh đi chợ. Tôi nói tôi thích ăn cá. Anh nói anh chị cũng thích ăn cá. Đầu tiên là anh mua mớ cá diếc bằng hai ngón tay đang nhảy. Mớ cá đổ vào bao, anh đưa tôi xách ra chỗ vắng, anh giải thích: cá này nhiều xương dân Hà Nội chê nhưng Huế miếng là cá ngon mát bỏ. Nó có cái mật đắng ăn thú vị lắm. Người cảm sốt mua mớ cá diếc tươi nấu cháo với nem (hành tằm) là bát đọc ra ngoài, tháo mồ hôi có khi lành luôn. Ta mua mớ diếc về luộc lên, gỡ xương từ từ chấm muối tiêu nhấm rượu. Những con có trứng, ta cầm lên cánh ngập luôn cả bụng trứng. Anh kiểu dân chài đã lắm, còn nước thì nấu canh cà chua hành. Anh lại dạo vòng chợ và mua thêm mớ cá thát lát, gia vị...

Tôi chờ anh về.

Đến nhà, anh bảo tôi ra áo, ra cả mai-ô, quần dài. Anh bảo tôi đánh vẩy mớ cá thát lát, moi ruột đầu, đuôi, anh bảo trong đầu cá thát lát có cục sạn, lại xương nên bỏ đi đừng tiếc. Rửa lại sạch sẽ, tôi bỏ mớ cá lên một tấm ván to làm thớt, hai tay hai dao tôi bắt đầu vằm. Trong lúc tôi vằm cá thì anh rửa rau, hành ngò, pha nước mắm, tiêu muối ớt và rửa mớ cá diếc cho vào nồi luộc. Anh vo gạo thổi cơm làm món sau cùng. Là thủy thủ, tôi đã từng vằm cá mồi, cá mồi làm chả cho cả tàu ăn. Nay vằm mớ cá thát lát thì nhằm nhò gì, ấy vậy mà anh kiểm tra, hai ngón tay anh bóp bóp vào thịt cá, anh bảo vằm thêm chút nữa. Tôi phải dàn cá rộng ra mặt thớt.... Vằm, đảo cá... lại vằm. Anh lại bóp bóp lại lần nữa: tuyệt mịn rồi – anh nói, đoạn anh cho cả mớ cá vằm vào soong, tra nước mắm ngon, tiêu ớt, vị tinh rồi cho tay nhồi đều, tôi thêm củi, tăng lửa cho chảo dầu sôi. Tay anh nắn nắn từng miếng chả cá đẹp hơn chiếc bánh dày từ từ cho vào chảo rán.

Tất cả bếp núc, bàn ăn đều quay quanh dưới chân cầu thang lên chòi. Nếu mưa thì bưng bê vào dưới chòi còn bình thường cứ sinh hoạt ở ngoài cho thoáng mát.

Ở đây có một cây nhót tỏa bóng che cả vùng bếp và lối lên cầu thang. Quả nhót chín rụng đồ ối khắp nơi. Đặc biệt anh nuôi đến hai con khỉ, một đực một cái. Chúng nó ôm nhau suốt buổi. Khi hứng tình chúng kêu chiếc chiếc, đu cành nhót nhảy tứ tung. Anh nói: Chúng muốn yêu nhau lắm rồi đấy!

Mâm cỗ dọn lên bàn. Anh bưng thẩu rượu mơ ra. Chúng tôi nâng chén nhâm nhi. Ăn một miếng chả cá thát lát (đặc sản Huế) thịt nó thơm lừng. Ăn mấy cánh rau mùi, nhấp chút rượu, ôi ngon quá! Lại gỡ một con cá diếc, thịt trắng tươi chấm vào đĩa tiêu muối, lại nhấp chút rượu. Anh tu một bát nước canh. Tôi cũng tu theo anh. Ăn uống thế này thì đã lắm. Khỏe và tăng tuổi thọ là cái chắc. Làm gì có chuyện đau dạ dày. Đau dạ dày thường là người uống rượu khang với quả ổi xanh quả bàng, quả trám. Thờ ỉ đó như anh nói là đã qua rồi!

Tôi thấy khi đã có thể “nhập cuộc” vào cung cách uống rượu của anh, cả sự “nhập cuộc” và mối tình thâm có nghĩa là anh coi tôi như một đứa em thực sự, tôi mới lựa lời hỏi chuyện nhân văn và anh “dính” vào là sao?

Bỗng nhiên anh không nói gì. Anh nâng chén rượu lên môi nhấp chút rồi lại đặt xuống bàn. Tôi cố gắng chờ đợi một điều hệ trọng từ anh nói ra, có thể. Và anh nói nhỏ như đủ cho tôi nghe: “Àu cũng chỉ là cái quyền thôi em ơi! Khi người ta có quyền hành trong tay, người ta có thể làm đủ mọi chuyện tốt và xấu” Ngừng một lát anh nói tiếp: “Nhưng anh không thể nào ngờ được là có một người mang danh nhà thơ mà ăn nói: “hãy khóp mồm chúng nó lại!” – Khóp mồm! Sao mà ác đến thế?”

Sáng hôm sau, sau khi ăn sáng như sáng hôm trước, địa chỉ hôm trước, anh dẫn tôi đi thăm nhạc sĩ Văn Cao. Anh Văn Cao đang mệt – anh nói thế - Ghế chợ mua cân cam đã anh – tôi đề nghị. Anh gạt đi – Không cần đâu!

Anh Văn Cao đang nằm ngửa, tay gác qua trán.

- Anh Văn Cao ơi! Thăng Vĩnh Nguyên ở Huế ra thăm anh – anh Quán kêu lên.

Nghe vậy Văn Cao co người ngồi lên.

- Ô không, anh cứ nằm. Anh đang mệt. Tôi nói nhanh.

- Mệt thì mệt, Có Vĩnh Nguyên ở Huế ra thăm mà chịu nằm à? Văn Cao vừa nói vừa tiện tay vớ chai rượu trắng. Anh Quán đỡ lấy chai rượu trên tay Văn Cao và rót ra ba chén. Ba chén rượu được nâng lên quá trán.

- Xin chúc anh Văn Cao chóng khỏe – chúng tôi nói và cạn chén.

Tôi vốn chóng mũi lòng, như chực khóc. Bởi tôi là ai, là gì mà nhạc sĩ Văn Cao đang bệnh mà vẫn ngồi lên uống rượu? Nghĩ thế rồi tôi cùn hiểu ra rằng, nhờ anh Phùng Quán tất cả. Anh Quán đã nói gì, giới thiệu ai là buộc đối tác phải tin. Phùng Quán là người quyết liệt, khẳng khái chân thật như thơ anh:

...Con ơi một người chân thật

Thấy vui muốn cười cứ cười
Thấy buồn muốn khóc cứ khóc
Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu...

Ồi thơ hay đến thế thì phải đưa vào sách giáo khoa PTCS để dạy cho con em chúng ta có tính chân thật từ nhỏ, như dân gian thường nói: uống tre phải uống từ măng!

Anh Quán cầm chai rượu rót một lượt nữa. Tôi nghe hai anh trao đổi, nhận xét về một ai đó. Chợt đôi mắt anh Văn Cao sáng long lanh, anh nhìn lướt qua tôi rồi qua Phùng Quán, tay rung rung chén rượu thờ dài: “Ờ, cái thằng ấy người ta tìm lâu rồi!”

Xong chén rượu thứ hai, chúng tôi tạm biệt nhạc sĩ Tiến Quân Ca quý mến!

Chúng tôi đỡ cho Văn Cao nằm xuống gối. Đôi mắt anh giờ như sáng hơn, chòm râu rung rung hơn và đôi môi nhấp nhấp không phải muốn nhấp rượu mà thể hiện lời cảm tạ sâu kín khi có người thân tình đến thăm ông.

Phùng Quán đưa tôi đi thăm Trần Dần.

- Em chào anh Trần Dần! Tôi thốt lên.

Đôi mắt rất sáng, Trần Dần nhìn tôi đăm đăm, gật đầu. Trần Dần cầm lấy xe điều, châm lửa rít một hơi dài, nhả khói khoan thai. Như lời Phùng Quán kể, giờ tôi đã để ý phía sau lưng ông là cái bóng trắng Trần Dần trên tường “30 năm không thay đổi chỗ ngồi” thì đúng y chang. Bởi khi ông rít thuốc lào thì rướn người lên, lưng tựa vào tường nên không bị khói thuốc ám, nên thành cái bóng Trần Dần thứ hai trên vách.

Đến lượt Phùng Quán vỗ điệu súc điệu và rít điệu sông sọc như bắn đạn liên thanh. Xong đâu đấy, Phùng Quán mới giới thiệu tôi với Trần Dần. Anh nói:

- Vĩnh Nguyên – làm thơ, em mình ấy mà, ở Huế ra, mình dẫn đến thăm Trần Dần.

- Quý hóa quá – giọng khào khào Trần Dần nói: mình là Bính Dần, chữ Bính có bộ khung như cáo cũi, con hổ bị nhốt, Bính Dần chi tù ấy mà. Nói đoạn Trần Dần lại cầm lấy điệu, mồi thuốc. Nhưng lần này ông không châm lửa rít mà cứ cầm điệu nhìn sang tôi. Ông nói thông thả:

- Ấu cũng là cái số. Nói thẳng nói thật cũng gay lắm. Mồng hai tháng chín năm đó Hà Nội rợp cờ hoa. Nhưng mưa rất to kéo dài. Người đi đường ướt hết. Cờ đứng dưới mưa đẹp lắm chứ! Và mình thể hiện “mưa sa trên màu cờ đỏ”. Đó là một thực tế đúng với thiên nhiên đất trời. Nhưng vời thơ, khi ấy, người ta cho là biểu tượng hai mặt nên mình phải khổ một đời...

Tháng 5 – 1988 Trần Dần vô Huế gặp lại tôi, ông vô cùng cảm kích. Anh Nguyễn Quang Trinh lái xe con của Hội Văn nghệ đưa Trần Dần, tôi và đứa con gái tôi là Nguyễn Hoàng Anh bốn tuổi đi thăm nhiều lần thăm, chủ chiến. Đến đâu, tôi chỉ dẫn, giới thiệu rạch ròi cho ông, ông khoái lắm. Ngồi uống nước dưa “giải lao” nơi bến đỗ xe chùa Thiên Mụ, thi sĩ Trần Dần mua một bộ vòng con ốc biển quảng vào cổ cho con gái tôi làm quà tặng. Đoạn Trần Dần rút trong bao. Gói đưa cho tôi tờ carton với những dòng chữ viết tay nắn nót, hai chữ đầu đề là SOMME to đậm và phía dưới là gạch đầu dòng liệt kê các tác phẩm của ông.

Phùng Quán dẫn tiếp tôi thăm ông Lê Đạt.

Lê Đạt thấy ông thì kêu lên sời lời “vào đây, vào đây”. Ông chìa tay ra trước bắt tay tôi là bởi tôi đi với Phùng Quán. Có thể trong thâm tâm của ông, ai đã đi với Phùng Quán, người ấy là bạn tốt. Nhà Lê Đạt là nhà bán hàng, nệm kín hàng nên khách chủ đều ngồi trên các bao hàng uống nước nói chuyện.

Tôi thổ lộ với hai ông anh thi sĩ tầm cỡ:

- Tôi là tên “lính thủy đánh bộ”. Hồi ở Hải Phòng tôi mê sách lắm. Có quán sách cũ nơi vườn hoa Sông Lấp cho thuê sách. Người thuê sách phải trả gấp năm lần giá bìa. Tôi ôm chồng sách thuê về khoang tàu trong đó có tập thơ “bài thơ trên ghế đá”. Xem một lần đã thích. Tôi mới chép vào sổ tay được hai bài là “Bài thơ trên ghế đá” và “Đu”. Không biết tay nào bẻm mép hay tâu báo gì đó mà vài ngày sau, thiếu úy Nguyễn Văn Kiệt – Quê miền nam, chính trị viên tàu tới vỗ vai tôi: “nghe nói Vĩnh (tên tôi là Nguyễn Quang Vĩnh) tôi có tập thơ “đá đá” gì đó mà tập sách đó nghe nói là sách cấm”. Tôi cự nự lại: “tôi có tập thơ “bài thơ trên ghế đá”, nhưng sách này tôi mua ở hiệu sách vườn hoa Sông Lấp.

Như vậy là họ bán và tôi mua có ai nói cấm đoán gì đâu?

- Nhưng sách này là sách của Nhân Văn nên Vĩnh vui lòng đưa tôi để tôi nộp lên trên – chính trị viên nói dứt khoát.

Và, tôi mất tập thơ “bài thơ trên ghế đá” của Lê Đạt vào khoảng năm 1968 trên tàu chiến đấu mang số hiệu T. 171.

Nghe xong, Lê Đạt cười rạng rỡ và ôm choàng lấy tôi, một tay vỗ vỗ lên lưng tôi, miệng nói như lắp: “hay lắm! ghê lắm!”

Ngàn lần cảm ơn anh Phùng Quán ! Chuyển đi Hà Nội ấy tôi như trở thành người khác nhờ có anh mà chỉ trong một buổi sáng tôi được tiếp xúc đến ba vị tổ sư văn chương .

Sau đó , nhạc sĩ Văn Cao đã có dịp trở lại Huế . Gặp gỡ anh chị em văn nghệ sĩ nơi đây . Văn Cao kể chuyện rất hay , rất hóm . Rồi tiếp đến Trần Dần vào Huế như đã nói . Còn Lê Đạt , sao ông mãi nấp “ Bóng chữ “ , Hà Nội ? – Huế mong anh vô lấy một lần !

Chuyển ra Hà Nội lần ấy , tôi mang quà về thật nhiều , thật nặng tay :

Chị Bội Trâm mua tặng vợ tôi can dấm thanh và năm kí lô mơ Hương Tích . Chị nói chị phải chọn từng quả vừa chín . Chị dặn : Đưa về rửa qua , để ráo nước là cho vào thầu ngâm . Cứ một mơ – một đường , đầy kín nắp . Suốt mùa hè năm ấy các con tôi được uống nước mơ còn lại chắt ra để pha uống dần . Tiếp theo là tôi đổ rượu vào là thành rượu mơ bù khú với bạn bè ...

Tôi mua lai trọn bộ Tam Quốc Chí(tám tập) mới tái bản cho thằng út tôi bởi nó rất thích.

Anh Quán lục trong túi ra một cái cặp da đi học của thiếu nhi liên Xô mới keng mà Quyên (con gái đầu của anh chị) học ở bên ấy mang về . Anh Quán dùng bút vẽ đậm mực viết vào trong nắp đây với dòng chữ và ký tên : (yêu thương tặng cháu Nguyễn Hoàng Linh – Phùng Quán “ .

Thằng cu út tôi học lớp một, gầy gò, đeo cái cặp da nặng trĩu, lệch vai, vẹo cả sườn, nhưng nó vẫn thích đeo đi học là bởi “ quà của bác Quán “ . Nó nói vậy.

Tin Phùng Quán đến Huế. Chúng tôi lên ga đón anh.

Phùng Quán mặc chiếc áo chàm xanh như ông già Nùng. Tay ôm xách một cái bị cói to tướng. Trong bị cói là chiếc xe đạp gấp thiếu nhi Liên Xô. Anh hể hả lôi xe ra kéo thẳng hai cái bánh đang chùng gập. Anh ngồi lên xe đạp đi.

Thế là lần này không có ai phải chờ anh nữa. Chúng tôi đạp theo anh về nhà thi sĩ Hải Bằng.

Cuộc chơi này có nhà thơ công nhân Tạ Vũ cùng vào với Phùng Quán.

Sáng hôm sau, như đã hẹn, tôi tới chỗ Tạ Vũ cùng nhiều người kéo về Thủy Dương – nhà chú Đệ tổ chức đánh chén. Tạ Vũ nói rất hăng, đọc thơ cũng rất hăng. Nhưng chàng vạng tối thì Tạ quá say nói lung tung, chữ bới cũng lung tung. Anh Quán rất giận. Sao lại đi giận người say? Dẫu biết thế nhưng không làm căng thì ông Tạ vẫn chữi. Bao người yêu thơ trong đó có các bạn gái mới gặp lần đầu, lung tung xềnh như thế này thì tệ quá. Cuộc trò chuyện, thi tứ không có chiều sâu, không còn cảm hứng. Buộc lòng Phùng Quán phải quát lên, tay chỉ :

- Tạ Vũ đi ra khỏi nhà! Đi ngay !

Nhà thơ họ Tạ khóc òa, mếu máo nói:” Anh Quán không cho Vũ ở thì Vũ đi (hu hu), Vũ lên cầu Tràng Tiền Vũ nằm “(hu hu) . Tạ Vũ bước ra khỏi nhà chú Đệ vừa đi vừa khóc . Anh Quán bảo tôi đi theo Tạ Vũ . Tôi dắt xe đạp quyết định chờ Tạ Vũ trở lại nhà Hải Bằng . Tạ Vũ bước loạng choạng dọc bờ ruộng lúa , được khoảng hơn trăm mét, đến một cái cống xả nước , bỗng Tạ Vũ reo lên : “ A! Cầu Tràng Tiền đây rồi !” và , nhà thơ nằm vật xuống , tay ôm lấy tai cống , ngủ ngon lành . Tôi quay trở vào nhà đánh ly nước chanh đưa ra, Tạ Vũ đã ngáy pho pho

Đêm hôm sau, dân làng Thủy Dương lập một cái sân khấu giữa sân kho hợp tác xã rộng mênh mông mà Phùng Quán tự hào với sân kho hợp tác xã quê anh như sân đại triều nhà Nguyễn để văn nghệ sĩ nói chuyện , đọc thơ phục vụ nhân dân xã nhà do nhà thơ Phùng Quán – người con của quê hương tổ quốc .

Mười chín giờ ba mươi bắt đầu nhưng sân kho quá rộng , người quá đông ồn ào như ong vỡ tổ . Tổ dân quân tự vệ cầm loa a lô (lúc đó chưa có micrô) dẹp trật tự mãi mà vẫn không được . Và Phùng Quán lừ lừ đi lên . Vừa thấy Phùng Quán , nhiều người đã hô to :

- A, ông Quán ! A, bác Quán ! A, chú Quán ! có người hỏi lại : Quán nào hè? – Quán nhà thơ , Quán cháu ông Đệ chứ còn Quán nào ! người hỏi, kẻ đáp nháo nhào cả lên .

Đứng giữa sân khấu, Phùng Quán không nói không cười , hướng về kháng giả, rồi , ông chấp tay quỳ rạp trán đánh cốp xuống sàn gỗ . Ông lại đứng lên lại quỳ rạp trán đánh cốp xuống sàn gỗ lần thứ hai. Cứ thế, trán ông tấy đỏ nhưng trán phải cốp sàn gỗ lần thứ tư (sau bốn lạy) ông mới đứng lên đĩnh đạc mỉm cười . Lúc này kháng giả đã im như thóc . Và Phùng Quán đồng đặc đọc thơ :

...Con tạ đất làng quê

Thắm đẫm máu bao anh hùng đã khuất

Con tạ ơn cha

Đã yêu đằm thắm mẹ con

Con tạ ơn mẹ

Đã sinh con đúng lúc

Con tạ trời

Tạ đất ...

Vẫn cái thể hùng hồn dong dạc ấy , Phùng Quán đọc xong bài” Tạ “ . Tiếng vỗ tay hoan hô như sấm . Kế đó , ông cầm chịch giới thiệu từng nhà thơ lên tham gia đọc thơ . Có người đọc một bài, người hai bài, có người đọc đến ba bài cho đến khi kết thúc đêm thơ , mọi người rất trật tự vỗ tay hoan hô nhiệt liệt và vui sướng ra về .

Tối đó , mỗi nhà thơ chúng tôi được hợp tác xã Thủy Dương bồi dưỡng hai quả trứng vịt lộn và một tô cháo .

Đang ăn , ông trưởng làng Thanh Thủy Thượng nói : “ Té ra bác Quán nhà miềng vừa có tài thơ vừa có tài dẹp trật tự !”

Trưa hôm sau , Phùng Quán ghé nhà tôi nói nhỏ : hai giờ chiều đi chơi với anh . Tôi hỏi lại đi đâu . – đi đọc thơ chớ đi đâu , chuẩn bị bài cho thuộc mà đọc . Anh dặn thế .

Ấy là khoa văn trường cao đẳng sư phạm Bình Trị Thiên mời anh nói chuyện . Anh kéo tôi thêm bởi anh nói : Phải hai người thay nhau mà đọc mà nghĩ chứ đọc diễn rồi cứ dồn sức mà đọc là nhọc lắm !

Đúng giờ . Lời giới thiệu của thầy trưởng khoa Văn , đại ý : hôm nay khoa ta rất hân hạnh đón tiếp nhà thơ Phùng Quán và Vĩnh Nguyên đến nói chuyện và đọc thơ , đặc biệt , nhà thơ Phùng Quán vừa từ Hà Nội vào . Mọi người vỗ tay hoan hô nhiệt liệt .

Nhà thơ Phùng Quán bước lên bục trong tiếng vỗ tay .

Gọi cuộc mời nói chuyện là chính nhưng bây giờ trở thành phụ , bởi Phùng Quán khéo léo dẫn dắt chuyển đổi : “ các thầy , các bạn là những người học tập nghiên cứu văn học nước nhà nên vụ Nhân Văn Giai Phẩm diễn ra như thế nào thì báo chí đã đề cập quá nhiều , với tư cách cá nhân tôi đâu có quyền nhận định người này người kia ra sao . Là nhà thơ , chúng tôi được mời đến đây , chúng tôi xin bày tỏ những cảm nghĩ , xuất xứ một số bài thơ , xin được bình thơ và trình bày thơ “ . (vỗ tay)

Nói thế , nhưng anh bình rất ít .Anh cũng không dông dài xuất xứ những bài thơ anh . Anh nói qua cho có lệ để tập trung “ trình diễn thơ “ . Ai đã từng nghe Phùng Quán đọc thơ một lần đều nhận xét : Phong cách đọc thơ của ông giống phong cách đọc thơ quảng Trường của Maiacôpxki .

Phùng Quán đọc nhiệt thành , dồn sức và không khéo có thể kiệt sức.

Vừa nói vừa đọc xong năm bài thơ dài liên tục , trán anh cũng r rỉ mồ hôi , chiếc áo chàm xanh ướt đầm .Anh ngừng về phía tôi :” Xin mời nhà thơ trẻ Vĩnh Nguyên lên tiếp ứng “ .

Và tôi cũng “ chơi “ luôn một mạch năm bài .

Tôi chào đi xuống . Anh tiếp đi lên bục giảng trong tiếng vỗ tay .

Các thầy cô ngồi hàng trên thương anh , sợ anh mệt nên nói với sau lưng anh : “ Anh cứ đọc nhỏ nhỏ cho khỏe ! “ .

Anh mỉm cười .Anh vẫn biết thế nhưng cái tạng của anh , dù chỉ ba , bốn người bạn trong căn phòng nhỏ , hể đọc thơ là anh vẫn lớn giọng hùng hồn . Còn lúc này trên giảng đường rộng lớn trên hai trăm người thì làm sao bảo anh vắn nhỏ “ âm lượng “ .Anh hay tâm sự với bạn thơ cả nước : “ dân thơ xứ Huế miềng chúng nó thềm đọc thơ đến chảy nước miếng ra ! “ Với sự thèm khát ấy, nếu có cơ hội là anh trình diễn thơ hùng hồn còn nói chuyện là anh thường tránh . Có lần anh tâm sự với tôi : “ Mình nói thì người ta phải hỏi . Mà cách chi họ cũng hỏi chuyện Nhân Văn . Nó lòi thôi ra . nên cứ đọc thơ là hay nhất .”

Anh tiếp “ chơi” năm bài nữa thì trời đã gần chiều . Cuộc tiếp xúc giữa khoa văn cao đẳng sư phạm Bình Trị Thiên với chúng tôi dừng lại .

Khi có phong bì rồi , ra khỏi cổng trường , tôi đề nghị : Ta ra chợ ăn cái gì đi anh Quán . – ừ , phải đấy , nhưng chờ nào ? Tôi nói ở đây gần chợ An Cựu . Anh gạt đi , nói : ta lên chợ Bến Ngự hơn , biết đâu ngày trước Ông già Bến Ngự cũng hay ra đó ăn hàng ?

Chúng tôi đồng xe đạp tuốt luôn vào giữa chợ Bến Ngự (Chợ bây giờ đã vắng). Anh Quán lật lật con vịt béo lẫn hỏi bà Quán : tra hay non ? – Vừa tra bác ạ - bà quán đáp .

- Bà chặt cho nữa con hí ?

- Dạ !

Chúng tôi ngồi xuống ghế , gọi xị rượu trắng .

Anh Quán mở đầu : “Dân ta đúc kết hay lắm “vịt ăn tra , gà ăn non “ , mình rằng đang khá chịu khó nhai dai dai một tí nhấm rượu mới ngon “ . Anh dùng cả hai tay rút từng miếng thịt chấm nước mắm gừng bỏ vào miệng nhai , đôi mắt hấp hiếng tỏ vẻ thú vị lắm . Vừa ăn anh vừa sôi nổi kể chuyện ngày xưa cùng lũ chần trâu cắt cỏ , tát cá đĩa , khi nước rút lại nhặt được khối trứng vịt chúng để rơi . Cả lũ lấy rá rơm đốt lửa nướng cá rô , cá tràu ăn ngầu nghiêng . Cầm miếng thịt , anh nói : “ ngon quá , như con cá rô nướng ngoài đồng ngày xưa”

Nhìn cung cách uống rượu , nói chuyện của anh , các bà bán hàng quanh đó cứ tằm tắc hoài . Họ như nói : “ Giá được những vị khách như thế này mở hàng ho buổi sáng thì hên lắm ! “ .

Đang uống , bỗng anh hỏi :

- Nghe nói em có nhà ngoài Đồng Hới ?

- Đúng .

- Ở được chưa ?

Thấy anh hỏi sốt sắng , tôi nói thật : sợ người ta lấn chiếm đất nên em mới xây cái lô – cốt , đặt cái giường đơn , cửa ra vào có bấm khóa .Thình thoảng em ra ghé thăm nhưng ở thì phải nhờ nhà các cháu bởi em chưa có tiền tô trét chưa bắt điện, nước ,chưa có hố xí nên bất tiện lắm !

- Không sao ! – Anh nói : Có phòng , có giường , có khóa cửa là tốt rồi . Cho anh mượn một thời gian . Khó khăn anh khắc phục . Anh tính , ăn thì ăn quán cơm bụi. Ăn xong mua chai nước về luôn .Lâu lâu anh sang

Thuật tắm giặt (Nhà Hoàng Vũ Thuật gần nhà tôi , cùng đường Nguyễn Đình Chiểu). Đi vệ sinh thì anh có cách . Anh mua thật nhiều túi ni lông...nói đoạn ông mỉm cười rồi tiếp : ngày nóng quá thì anh ra bờ sông Nhật Lệ hóng mát . Đêm đêm anh thắp đèn dầu . Anh kê viết trên đầu gối được mà .

Nguyện vọng của anh chí thiết quá làm tôi chạnh lòng xao xuyến bồi hồi . Anh lại muốn dọn mình để viết một cái gì đó có thể ẩn ức lắm , gan ruột lắm .Lúc này anh được phục hồi hội tịch Hội nhà văn (8.1988). Anh quá mừng nên ập về quê hương ngay. Đã ba mươi năm treo bút rồi còn gì và Huế đã hớp hồn anh . Sẵn chiếc xe đạp mini, anh dòng dòng Huế dài dài rồi trở ra Hà Nội anh chưa hỏi lại tôi chia khóa cái lô cốt của tôi với những dự định “ dọn mình “để viết sách . Mà có thể bởi Huế mộng Huế mơ nên anh đã “ xả thân “ vào Huế trước chăng? – Có thể như thế lắm !

Anh Quán vào Huế lần này , tạp chí Sông Hương vừa có cuộc họp cuối năm và mời anh đến dự .Sau đó có liên hoan đậm . Ăn xong mọi người thư thả ra về . Chủ quán bên kia đường Đinh Tiên Hoàng cho người sang bưng bê dọn dẹp , quét tước lau chùi khoảng sân thượng có cây hoa giấy tả bóng mát rất trữ tình .

Ba người ra về sau cùng là tôi, Phùng Quán và một nữ thi sĩ. Tôi thấy anh Quán và nữ thi sĩ này mới gặp nhau nhưng cái nhìn của họ đã khang khác, nghĩa là họ đã có mối giao hòa nào đó nên tôi chân tình nói với anh: “ Anh Quán ơi, em về trước nhé. Mai gặp anh ở Thái Phiên:.

- Ông không không, anh vội vàng đáp lại tôi như khẩn cầu, nói: “Em phải ở lại với anh rồi đi chơi với anh!”

Và tôi chấp thuận.

Ba chúng tôi thông thả đạp xe ra khỏi thành phố. Anh Quán muốn về thăm gia đình cô bạn gái.

Gia đình nữ thi sĩ chỉ có hai mẹ con. Bà cụ đã ngoài bảy mươi tuổi. Nhà rộng, sân vườn đều rộng. ngoài vườn có kê bàn ghế đá cho bạn bà ngồi chơi, nhưng tối rồi, sợ muỗi nên cô bạn tiếp nước chúng tôi trong nhà. Anh Quán đã đưa điều cây ra kéo sòng sòng, nhả khói bay mù, mùi thuốc缭绕 nòng nặc phòng khách.

Gia phong nữ sĩ nề nếp, nhưng tôi không hề thấy cô bạn tỏ ra khó chịu bởi cái việc nhả khói, vô điều bồm bộp của anh. Trong thâm tâm, tôi đã muốn anh Quán ở lại. Tối rồi. Tôi phải về. Tôi đã có gia đình, các cháu đang nhỏ. Tôi nói ra điều này nhưng anh không chịu. Anh dứt khoát không cho tôi về. Cô bạn cũng vậy. Cô đã đi mót mùng, sắp hai cái gối cho hai người nằm chung trên chiếc giường đôi khá rộng ở buồng gian trái nhà. “Sáng mai mới về chắc vợ sẽ rầy đây ?” Nghĩ thì nghĩ vậy nhưng bởi tôi yêu anh Quán nên thôi cứ mặc, đến đâu thì đến (giả có điện thoại như bây giờ thì khỏi nói).

Bà cụ đã đi ngủ .

Chúng tôi chuyện trò khá lâu rồi cô bạn cũng chào chúng tôi đi ngủ trước.

Đã khuya lắm. Đến lượt tôi ngáp vặt mệt mỏi vào giường nằm,nhưng anh Quán không chịu vào ngủ. Anh cứ ngồi nguyên gối sa-lon chốc chốc lại kéo điều sòng sọc và cô bạn từ trong buồng mẹ đi ra kêu toán lên:

- Anh Quán, anh Quán (chữ Quán có “g” sau bởi giọng Huế) đi ngủ đi!

Nhưng thi sĩ si tình Phùng Quán vẫn thức. Bởi có thể anh đang đợi ngọn lửa tình bùng cháy? Tôi nằm. Tôi cũng không ngủ như anh nhưng tôi giả im lìm không cự quậy để đánh lừa họ là tôi đã bí tỉ bởi cuộc rượu chiều.

Phùng Quán lại rít điều sòng sọc. Càng về khuya tiếng sòng sọc rít điều càng vang.

Nữ thi sĩ chắc cũng không ngủ được, có thể tôi suy từ mình mà ra, cô đi tới chỗ anh Quán vẫn ngồi rít thuốc, giọng vẫn giục giã nhưng nhỏ nhẹ hơn,nhưng vẫn về hơn.”Anh Quán, anh Quán, vào ngủ đi một chút, trời sắp sáng rồi!”

Và trời sáng bạch.

Tôi mặc áo, nai nịch gọn gàng đi ra,Phùng Quán vẫn ngồi tỉnh bơ,đầu ngúc ngúc,chòm râu rung rung,miệng tùm tùm

Rửa mặt xong đâu đấy,chúng tôi vào chào bà cụ,chào nữ sĩ rồi lên xe. Chúng tôi đạp về phía chợ Mai ăn bát cháo lòng nóng sốt.

Đến cầu Trường Tiền,anh – tôi chia tay nhau. Hẹn mai gặp lại. Tôi về hội văn nghệ Bình Trị Thiên – Nơi gia đình tôi cư trú dưới pát – van hằm nhà 26 Lê Lợi,còn anh, anh qua cầu Trường Tiền về đường Thái Phiên – Tây Lộc, nơi có gia đình thân quen cho anh cư trú.

Có thể nói ,chuyện bầu bạn giữa Phùng Quán với nữ thi sĩ ấy đi đến đâu thì tôi không được rõ. Nhưng tiểu thuyết diễn tình thơ mười ba chương “ Trăng Hoàng Cung” Của Phùng Quán thì tôi quá biết rõ bởi Phùng Quán viết “ Trăng Hoàng Cung” Là sau những lần tới Huế và ông quan hệ với một nữ văn sĩ Huế khác vậy.

Huế, 19.5.2006

VĨNH NGUYỄN

Trần Thượng Xuyên – người Minh hương có công khai phá vùng Đồng Nai – Gia Định

Nguyễn Đức Hiệp

Tôi cùng nhà văn Võ Đắc Danh lên đường đi Tân Uyên, nằm ở hữu ngạn sông Đồng Nai, thuộc tỉnh Bình

Dương, thăm mộ của tướng nhà Minh, Trần Thượng Xuyên, người khai phá miền Nam khu vực Saigon, Gia Định, Đồng Nai.

Ông là tổng đốc ba châu ở Quảng Đông, sau khi nhà Minh mất và "bài Mãn phục Minh" thất bại đã cùng gia quyến và 3000 binh lính đi thuyền, cùng với tướng Minh khác là Dương Ngạn Địch xuống Đại Việt thần phục chúa Nguyễn Hiền (Nguyễn Phúc Tần). Ông được coi là một trong những người Minh hương đầu tiên xuống miền Nam (năm 1679) khai phá cùng thời với Mạc Cửu ở Hà Tiên (1671). Ông đến Cù Lao Phố ở Biên Hòa lập nghiệp và biến nơi đây thành phố sầm uất, nơi định cư đầu tiên của lưu dân xuống đất Đồng Nai-Gia Định trước khi có Bến Nghé và Chợ Lớn. Cù lao Phố là trung tâm của lưu dân đến khẩn hoang quanh vùng (bao gồm Saigon sau này). Cho nên phải nói ông có công khai phá và là người tiên phong chứ không phải Nguyễn Hữu Cảnh được biết phái đến sau này để lập trạm thu thuế.

Vì người Việt (nhất là các người viết sử) có thiên kiến với người Hoa và Minh hương nên vai trò của họ không được coi trọng nhiều so với người Việt trong công cuộc khẩn hoang miền Nam.

Cách đây 13 năm, mộ Trần Thượng Xuyên được khám phá trong một đất hoang ở Tân Uyên, nhưng không nhiều người biết (ngoài những nhà nghiên cứu) và được báo chí nói đến.

Đi về hướng Thủ Dầu Một, quẹo trái vào huyện Tân Uyên, hỏi thăm để đến xã Tân Mỹ, làng Mỹ Lộc. Theo anh Danh, cách đây chỉ 13 năm, chung quanh đây vẫn còn hoang vắng, nay thì nhà cửa đã nhiều. Chung quanh mộ Trần Thượng Xuyên còn có các mộ khác, được người quản đền Tân Lâm (nơi thờ ông Trần Thượng Xuyên) ở Biên Hòa, gần Cù Lao Phố cho biết là của các binh lính cận thần của ông.

Các mộ rất hoang tàn, rêu phong vì đã trải qua bao thế kỷ. Các dòng chữ trên cục đá đầy phong rêu nay đã mờ mất (cách đây 13 năm, ty văn hóa tỉnh Bình Dương và 1 số các nhà nghiên cứu đến lấy được chữ Hán qua giấy in lên đá và xác định được đây là mộ ông).

Mộ phần của Trần Thượng Xuyên, nay có khoanh cổng rào và Bác Tư Để, Lê Văn Để, chăm sóc. Đất này và các phần đất chung quanh thuộc gia đình bác, và vùng này xưa kia được biết qua ông bà bác Tư Để là "mã Chệt". Sau khi mộ phần của Trần Thượng Xuyên được khám phá cách đây 13 năm do sự dò hỏi của Minh Hương hội ở đình Tân Lâm qua gia đình bác Tư Để, ban văn hóa của huyện và tỉnh đã cử người xuống xem xét và nghiên cứu khu "mã Chệt" này. Qua các chữ viết hán tự còn sót lại, mới xác định đúng là mộ phần của ông.

Nhà văn Võ Đắc Danh, Sơn Nam và 1 số nhà nghiên cứu đã đến đây năm 1993 và anh Danh đã quay và mang vào tập tư liệu "Đất Lành" cho đài truyền hình. Xây dựng khuôn viên, bia và chi phí bảo tồn được đình Tân Lâm bỏ ra, bác Tư Để chăm sóc không công khu di tích. Nghe bác Tư Để nói là khu mộ phần đã được công nhận là di tích lịch sử, nhưng không thấy ghi ở cổng vào mộ phần. Theo ghi chú ở bia trước cửa đền thì bộ Văn Hóa Thông tin (quyết định ngày 25/3/1991) công nhận đình Tân Lâm là di tích lịch sử. Bác Tư Để nói là tướng họ Trần còn cháu 12 đời ở Mỹ đã già và người cháu 13 đời đang dạy học ở Cần Thơ có đền thăm mộ phần, từ khi mộ phần được khám phá.

Trần Thượng Xuyên mất ngày 8/1/1720 năm Canh Tý (hôm tôi đến ngẫu nhiên cũng đúng là ngày giỗ ông). Bác Tư Để nói hôm qua Minh hương hội ở đền Tân Lâm từ Biên Hòa lên cúng giỗ ông sớm 1 ngày. Theo ông quản đền Tân Lâm (lúc về có ghé đền, rất lớn, được xếp hạng là một di tích lịch sử, nhìn ra sông Đồng Nai với cây cổ thụ to lớn ngay cạnh sông bên kia đường) thì ông mất trong trận đánh Chân Lạp và bị phục kích trúng tên mất). Nhà Nguyễn đặc phong "Nguyễn Vi Vương, Trần Vi Tướng, đại đại công thần bất tước", được vua Minh Mạng, Thiệu Trị sắc phong "Thượng Đẳng Thần".

NGUYỄN ĐỨC HIỆP

Thơ Hữu Đạo, tiếng hát của một thế hệ dân thân

Lê Văn Nuôi

Trong những năm 1968-1972, xã hội miền Nam nước ta chìm trong khói lửa chiến tranh. Người dân Sài Gòn sống trong tâm trạng lo âu, bất trắc của một đô thị tao loạn đầy bóng lính Mỹ và quân đội Sài Gòn.

Tâm trạng đó được phản ánh phần nào qua một dòng văn chương và âm nhạc miêu tả thảm cảnh chiến tranh và than thân trách phận mình đã "sinh làm thế kỷ", hoặc mặc cảm cho đất nước mình là "nhược tiểu da vàng".

Nhưng cũng vào thời điểm sau cuộc tổng tấn công - tổng khởi nghĩa Mậu Thân 1968 của cách mạng ở các đô thị miền Nam chưa giành được thắng lợi trọn vẹn, đã xuất hiện một phong trào đấu tranh đòi hòa bình, độc lập dân tộc, đòi tự do - dân chủ, đòi tự trị đại học... mà lực lượng chủ lực là sinh viên, giới trí thức, học sinh và thanh niên lao động.

Một dòng văn chương - âm nhạc mới đầy sức sống, nóng bỏng nỗi khao khát hòa bình và giục giã thế hệ trẻ hãy xuống đường, hãy lên đường giành lấy tương lai, đã xuất hiện ngay trong lòng cuộc chiến đấu trên đường phố của những người trẻ SVHS Sài Gòn.

Đó là hàng trăm bút nhóm, thi văn đoàn ở các trường trung, đại học với những cây bút tiêu biểu như Chánh

Sử Trần Quang Long, Triệu Từ Truyền, Nguyễn Kim Ngân, Nhất Chi Mai, Lê Nhược Thủy, Thái Ngọc San..., đó là những bài ca truyền lửa như Hát cho dân tôi nghe, Hát từ đồng hoang, Tự nguyện... của đội ngũ các nhạc sĩ Tôn Thất Lập, Trần Long Ẩn, Nguyễn Văn Sanh, Trương Quốc Khánh, Trịnh Công Sơn...

Trong những ngòi bút thơ ca, đặc biệt đã xuất hiện một nhà thơ ký tên Hữu Đạo, với một phong thái ngôn ngữ hào sảng, tràn đầy sự tự tin và tinh thần bất khuất của một dân tộc anh hùng:

Ta đã lớn lên bên này châu Á
Với ruộng đồng xanh lúa Cửu Long
Ta đã đi trong lửa đốt những thôn làng
Ta đã lớn bên nổi hờn xâm lược
Ta sống gượng với nhục nhằn mất nước
Rồi hiên ngang bảo gặt lệ mà đi
Những khổ đau sẽ chẳng ích gì
Khi chẳng biết đun sôi bầu máu nóng...

Đây là đoạn đầu của bài Ta đã lớn lên của nhà thơ Hữu Đạo, bài thơ mà tôi cho rằng tiêu biểu cho phong cách thơ, cho khẩu khí thơ của Hữu Đạo; bài thơ gây ấn tượng sâu sắc và có sức thôi thúc mãnh liệt với thế hệ mười tám - đôi mươi chúng tôi vào thập niên 1970. Thế hệ những người trẻ đang mang áo trắng học đường nhưng lại sống trong khói lửa chiến tranh, sống trong khói đạn cay của những cuộc biểu tình, xuống đường chống Mỹ đòi hòa bình, độc lập dân tộc.

Ta đã lớn lên vang vọng tâm huyết của một người cầm bút trẻ tuổi 20 (Hữu Đạo sinh năm 1950 và sáng tác bài thơ này năm 18 tuổi) gửi đến bạn bè trang lứa ở miền Nam Việt Nam như một lời kêu gọi hãy xuống đường, hãy lên đường:

Hỡi những người vai rộng, tóc xanh
Đời như hoa thắm nở trên cành
Như chim giữa khoảng trời cao rộng
Khinh những lồng son, lưới bủa quanh
Đạp cả gông tù ta bước lên
Cờ ươm máu hận thề không quên
Tầm vông chuyển động mùa sông núi
Giục lớp người đi phá xích xiềng...
(trích Ta đã lớn lên - thơ Hữu Đạo)

Những lời thơ này thấm thấu vào tâm hồn một chàng trai tuổi 17 như tôi lúc ấy, đến nỗi giữa những cuộc mitting hay trong những đêm “Hát cho đồng bào tôi nghe” của các nhạc sĩ phong trào sinh viên, tôi hay núp trong cánh gà sân khấu để đọc vang những lời thơ dữ dội này, như thúc giục công chúng và báo hiệu một cuộc xuống đường sắp bùng nổ.

Có lần, trong một đêm biểu diễn văn nghệ ở sân Trường đại học Khoa học Sài Gòn, vừa đọc xong bài thơ Ta đã lớn lên, tôi lẫn vào ngòi chung với khán giả SVHS thì bất ngờ một đàn anh của tôi, anh Võ Ba, vỗ vai tôi, thì thầm: “Cậu đọc thơ ai, hay nhưng nghe “tả” quá, anh ngồi nghe rợn cả người, nhưng mà lo cho chú em bị bọn mật vụ để ý!”.

*

Nhóm làm báo Tiếng Gọi Học Sinh, làm các tuyển tập thơ văn của học sinh sáng tác, gồm tôi, anh Lê Văn Triều, anh Nguyễn Văn Vĩnh... thỉnh thoảng nhận được bản thảo một bài thơ, một bài báo của Hữu Đạo gửi qua đưa tay của một anh em học sinh Pétrus Ký - những đoàn viên TNCS hoạt động bí mật ở trường này như Nguyễn Thanh Tân, Nguyễn Hữu Phước, Lê Văn Nghĩa... do anh Hữu Đạo phụ trách, chỉ đạo. Bài anh gửi thường đánh máy, ký nhiều bút hiệu như Hữu Đạo, Yên Thao, Rạch Gầm...

Năm 1971, chúng tôi tuyển những bài thơ hay của học sinh để in tuyển tập Ta đã lớn lên bên này châu Á - tựa tập thơ này lấy ý từ câu thơ đầu trong bài Ta đã lớn lên của Hữu Đạo. Trong tuyển tập này, thơ Hữu Đạo chiếm khoảng phân nửa, chứ không phải tất cả là thơ Hữu Đạo, như lời giới thiệu về anh trong tuyển tập Tiếng hát những người đi tới (do NXB Trẻ - báo Tuổi Trẻ - báo Thanh Niên xuất bản năm 1993).

*

Ngoài thơ, Hữu Đạo còn là một ngòi bút lý luận - phê bình về nghệ thuật làm báo, viết báo. Ngòi bút lý luận của anh có sức khái quát và định hướng cho phong trào làm báo - báo in typo, báo in ronéo giấy sếp, báo tường - đang nở rộ với hàng trăm tờ ở hàng chục trường trung học như Pétrus Ký, Gia Long, Cao Thắng, Trưng Vương, Bò Đe, Lê Văn Duyệt...

Hữu Đạo đã viết một áng văn bất hủ là “Tuyên ngôn đoàn học sinh” (hiện thất lạc, tôi chưa tìm ra). Năm 1972, Hữu Đạo tổ chức cho ra một tập san lý luận, phê bình, sáng tác, lấy tên Làm Báo, với phần trình bày bìa 1 tập san bằng toàn chữ viết của anh và 2/3 bài đăng trong tập san này là của Hữu Đạo, dưới nhiều bút hiệu.

Thời gian này, tôi chỉ biết và ngưỡng mộ Hữu Đạo qua thơ, văn, chứ chưa hề gặp mặt anh, vì hai người hoạt

động cách mạng ở hai cánh khác nhau, phải ngăn cách bí mật.

*

Rồi đến một ngày, tôi gặp được anh, nhưng không phải ở chiến khu, mà trong nhà tù Chí Hòa, nơi tôi bị địch bắt giam từ cuối năm 1971 và đúng một năm sau, nhà thơ Hữu Đạo cũng bị tổng giam vào đây - ở nhà tù khổng lồ cao năm tầng, xây dựng theo hình bát giác trông như chiếc đèn kéo quân, có sức chứa đến năm, sáu ngàn tù nhân. SVHS bị bắt vào đây do biểu tình chống chính quyền Sài Gòn hoặc do có liên hệ với “Việt cộng”, bị giam làm hai nhóm: một nhóm ở phòng giam lớn khoảng 50 người và một nhóm khoảng 10 người gồm Huỳnh Tấn Mẫm, Nguyễn Ngọc Phương, Nguyễn Tấn Tài và tôi.

Không hiểu vì lẽ gì Hữu Đạo bị đưa vào giam chung phòng tôi. Chúng tôi giới thiệu nhau một cách ngắn gọn, nhỏ nhẹ; rồi lui về chiếc giường của mình, nơi ăn, ngủ, đọc sách, viết lách của mỗi người trong phòng giam đặc biệt rộng khoảng 25m², không cửa nẻo, chỉ ngăn cách với lối đi bằng những rào song sắt trông cứ như những chuồng giam thú dữ. Hữu Đạo có đôi mắt to, sáng, ẩn sau đôi kính cận gọng đen to bản.

Gần một năm ở chung tù với anh, tôi được đọc nhiều bài thơ tình anh viết cho chị Xuân Hương, hôn thê của Hữu Đạo, bị địch bắt cùng anh, nhưng được trả tự do sớm và hằng tuần vào thăm nuôi anh ở Chí Hòa, tạo cảm hứng cho anh sáng tác “những bài thơ viết cho Xuân Hương”.

Năm tháng có bao giờ ghi hết
Mừng vui, giận tủi cuốn theo đời
Còn em có bao giờ hiểu được
Trăm mối lòng ray rút không nguôi

...

Còn bày cướp đứng giăng ngoài phố
Hết đêm nay, dài lại ngày mai
Giấy bút, chợ buôn người bỏ ngõ
Dòng thơ tôi biết gởi về ai.
(Tâm sự - thơ Hữu Đạo)
Em ơi, hai đứa rất yêu nhau
Mà hạnh phúc sao chỉ là đuổi bắt
Cuộc sống nơi đây, tình yêu chân thật
Sao chỉ đây một giấc mơ
Những gì thân mật như thơ
cũng choán đầy bóng chúng
Cắt ngang nhịp tim, đục khoét dần sự sống...
(Đồng xuân - thơ Hữu Đạo)

Tình riêng trong thơ Hữu Đạo lại phản ánh được tâm trạng yêu đương của thế hệ chúng tôi lúc ấy, thế hệ những người đang dần thân vào cuộc đấu tranh giải phóng đất nước: yêu, chưa dám yêu, cưới, chưa dám cưới vì sợ kẻ thù bắt bớ, hành hạ cả người mình yêu để tạo áp lực, mua chuộc, ngăn cản bước chân của người chiến sĩ - như chúng đã từng làm với nhiều cặp tình nhân.

*

Trái tim Hữu Đạo còn dành cả một dòng thơ cho những người lao động nghèo khổ, những kẻ khốn cùng:

... Những bà mẹ suốt một đời lam lũ
và những em thơ đói sữa khóc vùi
Hãy ngẩng đầu lên môi nở nụ cười...
(Ta đã lớn lên - thơ Hữu Đạo)

Hay một bài thơ độc đáo khác, bài Tim Việt Nam, tựa do tôi đặt, vì khi đang làm tuyển tập Ta đã lớn lên bên này châu Á, tôi nhận được bài thơ này gửi đến nhưng “không đề” nên tôi tự ý đặt tựa mà không có cách nào liên lạc để hỏi ý tác giả Hữu Đạo:

Sáng nay con ra phố
thấy người nằm chết co ro vỉa hè giữa chợ đời lẩn chen
Má ơi,
Nếu con vớt được trái tim và bôi bùn lên óc
thì đời con hạnh phúc biết bao nhiêu.
(Tim Việt Nam - thơ Hữu Đạo)

Hậu quả của những đòn tra tấn tù đầy và kiệt sức với công việc bẽ bộn của những tháng đầu giải phóng Sài Gòn 1975, Hữu Đạo bị phù tim. Khi tôi hay tin chạy vào bệnh viện, buồn bã nhìn anh nằm thoi thóp rồi ra đi sau đó vài ngày ở tuổi 26.

Hữu Đạo ra đi khi còn quá trẻ, nhưng sự nghiệp sáng tác của anh thật đồ sộ so với tuổi đời. Dòng thơ ca của Hữu Đạo nghe như tiếng hát của cả một thế hệ những người dần thân đi tới giành lấy tương lai, tiếng hát mãi còn

vang vọng đến thế hệ mai sau.

12-2006

Trích TTO

LÊ VĂN NUÔI

Đất và người Bến Tre.

Nguyễn Thị Hậu

Bằng đi một thời gian dài tôi mới có dịp về lại Bến Tre, nơi tôi từng thực tập khi là sinh viên năm thứ hai. Hồi đó chúng tôi có nhiệm vụ sưu tầm sử liệu thời kháng chiến chống Mỹ và thường nói đùa với nhau: Bến Tre nhiều phần “cách mạng” mà quá ít phần “lịch sử”! Thời gian ấy các tỉnh miền Tây Nam bộ đã phát hiện nhiều di chỉ khảo cổ học thời tiền sử cũng như di tích kiến trúc thời kỳ Văn hóa Oc Eo... vậy nhưng hầu như không ai nghĩ rằng, Bến Tre cũng có một giai đoạn lịch sử xa xưa đến thế! “Khoảng trống” này trong lịch sử Bến Tre chính là mối “cơ duyên” dẫn đến những chuyến công tác của tôi vài năm gần đây ở xứ dừa.

Bến Tre nằm ở hạ lưu Tiền Giang, con sông ta gặp “trước” khi đi từ miền Đông về đồng bằng miền Tây Nam bộ. Tiền Giang là con sông nhận đến 2/3 lưu lượng nước sông Cửu Long và có lòng sâu hơn nên là con sông mang nhiều nước và phù sa nhất. Còn cách biển chừng 100km (ngang Vĩnh Long) Tiền Giang chia làm 2 nhánh là sông Mỹ Tho và Cổ Chiên. Sông Mỹ Tho lại chia thành các con sông Hàm Luông, Ba Lai, sông Cửa Tiểu, sông Cửa Đại. Như vậy Tiền Giang đổ ra biển bằng 6 cửa từ Bắc xuống Nam là Cửa Tiểu, Cửa Đại, cửa Ba Lai, cửa Hàm Luông, cửa Cổ Chiên và cửa Cung Hầu (nhưng nay cửa Ba Lai đã bị chặn dòng nên chỉ còn “ngũ long”). Tiền Giang cũng như Hậu Giang đều chịu tác động của chế độ bán nhật triều mạnh mẽ của biển. Một lượng phù sa rất lớn ở ven bờ dưới tác động của sóng trên đáy biển nông đã tạo thành các dạng tích tụ cồn cát ven biển, nằm chần song song với bờ biển. Địa hình cơ bản khu vực này là những đảo lớn nhỏ ở các cửa sông, kết quả sự bồi tụ phù sa ở rìa châu thổ, mà ta thường gọi là cồn, giồng hay cù lao... Bến Tre do hai cù lao lớn hợp thành là Cù lao Bảo và cù lao Minh có sông Hàm Luông chảy giữa. Ngay các tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long, Sa Đéc và một phần Long Xuyên cũng là những cù lao cực lớn nằm giữa Tiền Giang và Hậu Giang.

Từ trước đến nay công tác khảo cổ học ở Bến Tre gần như không có gì vì một quan niệm phổ biến: Đây là khu vực cồn cát biển mới thành tạo khoảng 3 – 4000 ngàn năm nay, vì vậy ít có khả năng tìm thấy những di tích khảo cổ có niên đại sớm ở đây. Chính vì vậy, trên bản đồ Khảo cổ học Nam bộ khu vực miền Đông dày đặc các di tích tiền sử, miền Tây là trung tâm phân bố của những di tích văn hóa Oc Eo, trong khi các tỉnh liền kề như Long An, Tiền Giang, Trà Vinh từ lâu đã phát hiện những di tích nổi tiếng thì Bến Tre vẫn là một “vùng trắng” về khảo cổ học. Vậy, phải chăng lịch sử Bến Tre chỉ bắt đầu từ khi những lưu dân người Việt, người Hoa vào khai phá từ khoảng thế kỷ 17, 18 mà dấu tích để lại là một số ngôi mộ cổ, những hũ sành, gốm Sài Gòn, gốm Hoa... mà thi thoảng người dân tìm thấy trong quá trình canh tác?

Từ năm 2004 đến năm 2006 Viện Khảo cổ học phối hợp với Bảo tàng Bến Tre đã phát hiện, đào thám sát và 3 lần khai quật di chỉ Giồng Nổi thuộc xã Bình Phú, thị xã Bến Tre. Đây là một phát hiện vô cùng quan trọng, được lãnh đạo Tỉnh và nhân dân Bến Tre rất quan tâm cũng như các nhà nghiên cứu ở Nam bộ và Trung ương rất chú ý, bởi đây là di chỉ thời Tiền sử đầu tiên được tìm thấy ở Bến Tre. Trên diện tích khai quật khoảng 470 m², tầng văn hóa di tích chỉ dày khoảng 30 – 40cm song đã lưu tồn nhiều dấu tích cư trú của người xưa như tàn tích bếp lửa, bãi nung gốm, lỗ cột nhà, những cụm gốm dày đặc... Số lượng di vật thu thập được rất phong phú và đa dạng: hàng trăm công cụ đồ đá, hàng chục ngàn mảnh gốm và đồ đất nung, công cụ bằng xương... Đặc biệt số lượng di cốt động vật tìm thấy ở đây lên đến hàng trăm kg với nhiều giống loài trên cạn dưới nước như heo, rùa, cá sấu, chim, chuột, rắn... Tổng thể hiện vật ở di chỉ Giồng Nổi phản ánh nội hàm văn hóa rất phong phú với nhiều biểu hiện liên quan đến nhiều nền văn hóa cổ: Công cụ đá mang truyền thống văn hóa Đồng Nai, đồ gốm thể hiện mối quan hệ với văn hóa Giồng Phệt khu vực ven biển miền Đông Nam bộ và xa hơn, đồng thời nhiều hiện vật được coi là đặc trưng riêng biệt của Giồng Nổi nhưng mang “yếu tố Oc Eo” như vôi ám, nắp có núm cầm... Giồng Nổi có niên đại Cacbon phóng xạ C14 từ 2500 – 2000 năm cách ngày nay, vì vậy di chỉ này được nhìn nhận như là chứng tích của một trong những dòng văn hóa – tộc người tham gia vào công cuộc tạo lập nền văn hóa Oc Eo ở đồng bằng Nam bộ vào những thế kỷ đầu Công nguyên. Tại Long An Tự trên Cù lao Minh (huyện Mỹ Cày) cán bộ Viện Khảo cổ học còn phát hiện dấu tích lớp gạch xây của một kiến trúc cổ, cùng với những mảnh vôi ám, hai trụ đá. Tại xã Phú Hưng người dân phát hiện một pho tượng Phật và một linga ... Những dấu tích này được xác định thuộc thời kỳ văn hóa Oc Eo.

Như đã nói ở trên, địa hình Bến Tre cũng là quang cảnh chung của vùng hạ châu thổ Cửu Long, nơi toàn những đảo phù sa lớn nhỏ được bao bọc bởi các sông chia nhánh ngày càng tỏa rộng về phía biển. Vì vậy, đồng bằng sông Cửu Long nói chung và khu vực Bến Tre nói riêng thường được quan niệm là “vùng đất mới”, kể từ sự có mặt của những đoàn lưu dân người Việt, người Hoa khai phá vào khoảng thế kỷ XVII – XVIII về sau. Lịch sử ghi nhận những đợt chuyển cư từ miền ngoài, chủ yếu từ vùng Ngũ Quảng, vào đất Đồng Nai Gia Định diễn ra không ồ ạt nhưng tương đối đều đặn và liên tục. Nương theo bờ biển lưu dân vào miền đất mới theo hai con đường

chính: bằng ghe xuồng từ cửa Cần Giờ ngược dòng Đồng Nai đến ngã ba Nhà Bè “ai về Gia Định Đồng Nai thì về”, rồi từ đó có thể theo sông rạch đổ về miền Tây. Hoặc vào thẳng cửa sông Tiền như cửa Tiểu, cửa Đại rồi ngược các dòng sông lớn tiến sâu vào nội địa, định cư trên giồng gò, cù lao, vùng đất cao ráo hai bên bờ sông hoặc ven kinh rạch... Bến Tre đã trở thành nơi lưu dân đi theo đường biển đến định cư nhiều nhất, từ những đoàn lưu dân tự phát gồm những người cùng quê hương bản quán, cùng dòng họ, theo quy luật “người đi trước rước người đi sau”, đến những đợt di dân do triều Nguyễn tổ chức “những người dân có vật lực ở xứ Quảng Nam, Điện Bàn, Quảng Ngãi, Quy Nhơn mộ vào Nam khai phá” như Lê Quý Đôn ghi chép trong **Phủ biên tạp lục**... Có thể nhận thấy nguồn gốc dân cư Bến Tre ngày nay đa số là từ miền Trung, nhất là từ phía Nam đèo Hải Vân. Khảo sát gần đây về gia phả, nhiều dòng họ ghi trong gia phả quê cũ ở Bắc nhưng cần lưu ý: “bắc” ở đây không mang nghĩa hai miền Nam Bắc như nay hiểu, mà người Nam bộ căn cứ vào giọng nói, hễ ai không nói tiếng Nam kỳ lục tỉnh thì đều gọi là “người xứ Bắc”, không phân biệt đó là người vùng Ngũ Quảng hay vùng đồng bằng sông Hồng... Tuy nhiên, đến Bến Tre cũng không có nghĩa là định cư lâu đời ở đây mà vì kể sinh nhai, do hôn nhân, do chiến tranh hay vì những lý do khác, nhiều gia đình đã di chuyển hay phân tán đi những nơi khác. Như gia đình tôi chẳng hạn, theo gia phả được ông nội tôi căn cứ ghi chép lại từ những năm đầu thế kỷ XX, khi ấy ông khoảng ngoài ba mươi tuổi, thì tổ đời thứ nhất của dòng họ bên nội tôi là hai ông bà sanh vào thế kỷ 18 ở Quy Nhơn hay Nghệ An chưa rõ, bởi lánh nạn nên hai ông bà dắt nhau chạy vào Nam kỳ. Lần hồi theo dòng Tiền giang đến Cù Lao Giêng, trước là làng Mỹ Hưng thuộc tổng An Bình tỉnh Châu Đốc, nay là làng Mỹ Chánh huyện Chợ Mới tỉnh An Giang. Còn quê ngoại tôi tuy ở xã Hoà An, thị xã Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp, nhưng hàng năm vào dịp gần tết, má tôi luôn cùng mấy cậu mấy dì về tảo mộ Ông tổ bên ngoại tôi, nay là một gò mồi đùn rất lớn nằm bên cạnh ngôi chùa cổ thanh vắng ở phường 2 thị xã Bến Tre. Theo lời kể truyền lại thì ông cũng người miền Trung vào lập nghiệp ở Bến Tre, sau này con cháu ngược sông Tiền vào đến vùng Cao Lãnh ngày nay... **Địa chí Bến Tre** cho biết: điều tra khảo sát từ 281 gia phả thành văn bao gồm cả chữ Hán, Nôm và chữ quốc ngữ, qua những câu chuyện kể không thành văn ở các huyện Châu Thành, Giồng Trôm, Ba Tri, Chợ Lách, Bình Đại, Mỏ Cày, Thạnh Phú và thị xã Bến Tre, có được kết quả như sau:

- Số người định cư trước thế kỷ XVIII: 3,6%
- Số người định cư trong thế kỷ XVIII: 32,5%
- Số người định cư trong thế kỷ XIX: 63,9%

Như vậy, có thể nhận biết một thực trạng là làn sóng di dân ồ ạt trong thế kỷ XIX nhiều hơn hai thế kỷ trước. Về nguồn gốc, trong 112 gia phả có nói đến xuất xứ ghi nhận như sau: 18 gia đình gốc các tỉnh phía Bắc từ Nghệ An trở ra (26%), 26 gia đình gốc từ Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên (23,2%), 68 gia đình gốc Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định (50,8%). Cứ liệu khảo sát trên đây tuy chưa nhiều nhưng kết hợp với các đặc điểm về phong tục tập quán và vốn văn nghệ dân gian, vốn từ vựng trong ngôn ngữ hàng ngày, cùng nhiều yếu tố văn hóa vật chất... cũng giúp ta xác định nguồn gốc dân cư Bến Tre. Từ nhiều nguồn gốc, xuất xứ khác nhau, những người lưu dân đã tìm được mảnh đất lành để hội tụ tại dải đất ba cù lao màu mỡ. Chính điều này đã góp phần hình thành, tích lũy sự phong phú về kinh nghiệm và kiến thức lao động sản xuất như trồng lúa, làm muối, đánh bắt thủy hải sản, làm các nghề thủ công cũng như sự đa dạng về sinh hoạt văn hóa vật chất và tinh thần trong cộng đồng dân cư ở Bến Tre.

Đặc biệt do vị trí địa lý thuận lợi, cư dân Bến Tre đã phát triển nghề thương hồ theo đường biển, đường sông. Từ thế kỷ XVIII – XIX cảng thị Ba Vát (hay Ba Việt) ở huyện Mỏ Cày là vùng dân cư đông đúc trù phú của cù lao Minh. “Nơi đây phố xá liền lạc, ghe thuyền đậu tiếp tục đến huyện lỵ Tân An. Cách đó 15 dặm rưỡi sông Mỏ Cày cũng có phố xá trù mật” như sách **Gia Định thành thông chí** miêu tả. Hay như **Đại Nam nhất thống chí** ghi nhận: “chợ Ba Vát ở thôn Phước Hạnh, lỵ sở của huyện Tân Minh, phố xá đông vui, thuyền bè tấp nập”. Nơi đây vào cuối thế kỷ XVIII đã xảy ra những cuộc đụng độ ác liệt giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh nên bị tàn phá nặng nề, dân chúng phân tán nhiều nơi, phải mất đến vài thập kỷ mới khôi phục được phần nào. Vào năm 2004 tại khu vực này nhân dân đã đào được 2 hũ tiền kim loại nặng đến hơn 100kg. Bảo tàng Bến Tre đã xác định được nhiều loại tiền Việt Nam và Trung Quốc niên đại từ thế kỷ IX, X đến giữa thế kỷ XIX, trong đó phần lớn là tiền thế kỷ XVII – giữa thế kỷ XIX. Tại đây còn tìm thấy nhiều di vật khác như một số lượng lớn đồ đất nung, gốm sứ dân dụng của Việt Nam và Trung Quốc cùng niên đại trên, những di vật này phù hợp với thời gian phồn thịnh của cảng thị cổ Ba Vát. Một số địa điểm ở thị xã và các huyện Ba Tri, Mỏ Cày, Thạnh Phú... đã phát hiện những mảnh gốm thô, hũ sành, gốm men màu, bình vôi, nhiều loại đèn dầu bằng gốm có quai treo sử dụng trên ghe xuồng hay có chân đế loe rộng vững chãi dùng trên nhà sàn. Nhiều gia đình ở Bến Tre nay vẫn còn lưu giữ những kỷ vật “ông bà để lại” như đồ gốm gia dụng, đòn chèo kiềng gốm Sài Gòn, chân đèn, lư đồng, hoành phi câu đối cổ...

Thời mở đất hơn 300 năm với biết bao công sức trí tuệ, mồ hôi và cả máu của những thế hệ lưu dân đổ xuống để biến nơi rừng hoang đầm lầy đất phèn mặn thành đồng ruộng, vườn tược, xóm làng trù phú... Trong suốt những thế kỷ ấy, người Bến Tre không chỉ phải đấu tranh với thiên nhiên hoang sơ rừng thiêng nước độc thú bầy mà còn phải chiến đấu bảo vệ cuộc sống yên bình của mình, nhất là trong buổi đầu chống thực dân Pháp xâm lược. Câu chuyện về *Ong già Ba Tri* được lưu truyền trong dân gian, vượt ra khỏi phạm vi Bến Tre, trở thành

hình tượng tiêu biểu cho người Bến Tre và người Nam bộ: cương trực, tôn trọng Đạo lý, chống lại cường quyền bảo vệ sự thật. Bến Tre là vùng *Địa linh nhân kiệt*, nơi đây gắn liền với tên tuổi nhiều nhân vật lịch sử – văn hóa của đất Bến Tre trong những thời kỳ khác nhau, mà dấu ấn để lại là một loại hình di tích đặc biệt: hệ thống đền thờ – lăng mộ cổ đã được cơ quan văn hóa của Tỉnh thống kê, trong đó có nhiều Di tích cấp Quốc gia. Những khu mộ cổ ở Bến Tre nhìn chung mang đặc điểm của loại hình mộ táng hợp chất cổ đặc trưng của vùng Gia Định – Đồng Nai. Đó là hợp chất các vật liệu vôi, cát, san hô, mật mía, nhựa cây ô dước, cấu trúc hầm mộ thường trong quan ngoài quách, phần mộ bên trên đắp nổi hình khối chữ nhật, hình mu rùa hay hình vương miện, có sân bia và tiền sảnh. Trang trí đơn giản nhưng trang nghiêm, thể hiện sự lưu tâm gìn giữ và bảo vệ của nhiều thế hệ người Bến Tre. Có thể kể đến đền thờ và khu mộ của một số danh nhân tiêu biểu trong thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX tại đất Bến Tre:

Võ Trường Toản: Cụ hiệu Sùng Đức, quê ở huyện Bình Dương phủ Tân Bình (Gia Định). Là một người học rộng tài cao, thông đạt kim cổ, cụ có nhiều học trò nổi tiếng như *Gia Định tam gia thi* gồm Trịnh Hoài Đức (tác giả Gia Định thành thông chí), Ngô Nhơn Tịnh, Lê Quang Định... Cụ mất năm 1792. Sau Hoà ước Nhâm Tuất 1862 ba tỉnh miền Đông Nam bộ rơi vào tay thực dân Pháp, một số trí thức - học trò của cụ không muốn di cốt cụ nằm lại ở vùng đất bị giặc chiếm nên đã tổ chức di dời hài cốt cụ về làng Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (lúc bấy giờ thuộc tỉnh Vĩnh Long, là vùng đất còn thuộc triều đình nhà Nguyễn). Văn bia dựng tại mộ cụ Võ trường Toản do Phan Thanh Giản soạn thảo.

Phan Thanh Giản (1796 – 1867): Ông sinh tại làng Tân Thạnh huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn – Vĩnh Long, nay thuộc tỉnh Bến Tre. Ông là vị Tiến sĩ đầu tiên của Nam kỳ vào năm 1826, làm quan trải qua 3 triều Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức với nhiều chức vụ quan trọng. Tháng 6 năm 1867, sau khi không giữ được thành Vĩnh Long, ông tuyệt thực 17 ngày rồi uống thuốc độc tự tử. Hai người con của ông là Phan Liêm – Phan Tôn sau đó đã thảo hịch, chiêu mộ hào kiệt Bến tre, Vĩnh Long, Sa Đéc khởi nghĩa chống Pháp và hy sinh anh dũng. Lăng mộ Phan Thanh Giản và ảnh thờ hiện còn ở làng Bảo Thạnh, huyện Ba Tri. Ngoài ra ông còn được thờ tại Lăng Ông (Bà Chiểu, quận Bình Thạnh, TP.HCM), cùng với Tả quân Lê Văn Duyệt và Tổng trấn Bắc thành Lê Chất.

Nguyễn Đình Chiểu (1822 – 1888): Khi quân Pháp chiếm thành Gia Định, Nguyễn Đình Chiểu về quê vợ ở làng Thanh Ba, huyện Cần Giuộc nay thuộc tỉnh Long An. Khi ba tỉnh miền Đông bị Pháp chiếm, Nguyễn Đình Chiểu rời về Ba Tri, Bến Tre. Tại đây nhà thơ tiếp tục mở trường dạy học, bốc thuốc chữa bệnh cho dân và sáng tác thơ văn chống Pháp đến cuối đời. Những tác phẩm nổi tiếng của ông đã được sáng tác trong thời kỳ này, nổi bật là bài *Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh*, tác phẩm *Ngư Tiều vãn đáp y thuật*... Ông mất ngày 3/7/1888 hưởng thọ 66 tuổi.

Con gái nhà thơ Nguyễn đình Chiểu – *nữ sĩ Sương Nguyệt Anh* (1864 – 1921), tên là Nguyễn Thị Ngọc Khuê. Bà thông thạo chữ Hán, chữ quốc ngữ, từng là chủ bút tờ báo phụ nữ đầu tiên ở Việt Nam là tờ Nữ giới chung, xuất bản năm 1918. Bà còn là tác giả nhiều bài thơ gửi gắm tâm sự yêu nước. Khu mộ của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu và vợ ông, bà Lê Thị Điền, cùng nữ sĩ Sương Nguyệt Anh – hiện ở An Đức huyện Ba Tri là một khu di tích gồm đền thờ, khu lưu niệm.

Phan Văn Trị (1830 – 1910): Ông sinh tại xã Thạnh Phú, huyện Giồng Trôm. Ông là một sĩ phu, bạn văn chương và có cùng chí hướng chống xâm lược với Nguyễn Thông và Nguyễn Đình Chiểu. Tác phẩm tiêu biểu của ông là những bài thơ phê phán gay gắt thái độ đầu hàng làm tay sai cho Pháp của Tôn Thọ Tường. Cuộc bút chiến của ông đã lôi cuốn đông đảo sĩ phu yêu nước Nam kỳ tham gia, có thể coi là một trong những cuộc đấu tranh tư tưởng lớn nhất trong lịch sử văn học nước nhà.

Đền kỷ niệm và Bia ký nhà bác học *Trương Vĩnh Ký (J.B.Petrus Ký, 1837 – 1898)* tại huyện Chợ Lách. Ông sinh ở Cái Mơn xã Vĩnh Thành huyện Chợ Lách trong một gia đình theo đạo Thiên Chúa. Ông thông thạo nhiều ngôn ngữ phương Tây và phương Đông, là tác giả của hơn 100 tác phẩm trong đó có nhiều công trình bằng chữ Pháp, quốc ngữ, biên soạn nhiều bộ từ điển... Ông mất năm 1898 tại Chợ Quán, Sài Gòn. Lăng mộ ông bà Trương Vĩnh Ký hiện còn tại quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

Bến Tre còn là quê hương nhiều nhân vật lịch sử Triều Nguyễn như Phó Tướng Trương Tấn Bửu (1752 – 1827), Chánh binh Nguyễn Ngọc Thăng – Lãnh Binh Thăng (1798 – 1866), ông Nghè Trương Gia Mô (1866 – 1929)... Ngoài ra, theo **Quốc Triều hương khoa lục**, vào thời Nguyễn đất Bến Tre có 31 nhà khoa bảng, từ triều Gia Long năm thứ 12 (Quý Dậu 1813) đến triều Tự Đức năm thứ 17 (Giáp Tý 1864).

Rời Bến Tre vào ngày cuối năm khi đất cù lao đang hồi hả khắc phục hậu quả của cơn bão Durian. Tiễn tôi qua phà Rạch Miễu, ngắm nhìn cây cầu dài nhất đồng bằng sông Cửu Long đang vươn cao bước dài nối hai bờ Tiền Giang, người chị Bến Tre – chiến sĩ của *đội quân tóc dài* khi xưa – thủ thỉ với tôi: Em à, chị ước mong mai này, khi không còn bị “cô lập” giữa sông biển như bây giờ, những nghề thủ công truyền thống của Bến Tre như sản xuất kẹo dừa, kẹo chuối, bánh phồng, hàng mỹ nghệ bằng gỗ, lá và gáo dừa... sẽ có điều kiện phát triển thành ngành công nghiệp, đặc sản của “xứ dừa” sẽ cùng sản phẩm những vùng miền khác trong cả nước hội

nhập vào thị trường quốc tế. Mai này, đời sống người dân Bến Tre sẽ ngày càng khấm khá, những mái nhà đơn sơ bằng cây bằng lá sẽ được thay thế bằng hàng chục ngàn, hàng trăm ngàn ngôi nhà vững chắc hơn để không cơn bão nào có thể tàn phá được. Và mỗi lần về lại Bến Tre, em vẫn được hòa mình vào cuộc sống êm đềm nhịp *đồng ca tài tử* trong những vườn dừa, vườn trái cây xanh ngát...

Từ lịch sử mở Đất với những bậc Tiền Nhân như thế, chị ơi, em tin Bến Tre sẽ thực hiện được mong ước giản dị ấy trong một ngày không xa!

THAM KHẢO

1. Thạch Phương – Đoàn Tứ (chủ biên): **Địa chí Bến Tre**. NXB KHXH, 2001.
2. Tài liệu Hội thảo Khoa học: **Di tích Giồng Nổi và Khảo cổ học tỉnh Bến Tre**. Sở Văn hóa Thông tin Bến Tre và Viện Khảo cổ học tổ chức tháng 12/2006.

NGUYỄN THI HẦU

Người vượt qua những khó khăn chất chồng để sống

Năng Xuân



Một buổi chiều thu đẹp nắng, anh Hai Rộng, trưởng ban nhân dân ấp dẫn nhóm anh chị em văn nghệ sĩ chúng tôi ghé vào một gia đình nông dân ở ấp Hai Thủ, xã cù lao Long Hòa. Cùng đi với nhóm Cần Thơ của chúng tôi còn có anh Lê Văn Trí, phó Chủ tịch xã Long Hòa và anh Trần Dũng, một cây viết đang sung sức của Hội Văn học – Nghệ thuật tỉnh Trà Vinh, tác giả của tập truyện ký “**Sống cửa sông**” vừa xuất bản năm 2006, đã để lại ấn tượng khó quên trong lòng độc giả. Căn nhà vách gỗ không lớn lắm, nền đất và mái lá đơn sơ nhưng rất gọn gàng đủ để nói lên tính cần mẫn, ngăn nắp của chủ gia. Đón khách là cặp vợ chồng trẻ, ước chừng suýt soát 40. Chắc ít khi có khách ở xa ghé thăm nên nhìn họ có vẻ hơi lúng túng, lảng xăng. Đó là gia đình anh Nguyễn Văn Tài và chị Đoàn Thị Bánh.

Sinh năm 1968 trong một gia đình nông dân nghèo ở ấp Hai Thủ, xã cù lao Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, anh Tài không có điều kiện đi học như những thanh niên khác. Đang học dở dang phổ thông cơ sở, anh phải nghỉ học đi làm mướn để vừa phụ giúp cha mẹ vừa kiếm kế sinh nhai. Có lẽ vừa đồng cảnh ngộ, vừa cảm thương cái nét chịu thương chịu khó ấy, cô Bảnh chẳng biết đã để ý anh từ lúc nào. Ông Tư bà Nguyệt khéo xe cho họ đẹp duyên chồng vợ năm cả hai vừa tròn 22 tuổi. Năm đầu tiên sống chung với cha mẹ. Năm sau, họ đã phải tách ra tự lập. Nghe anh Tài kể mới thật vui lòng: “*Cha mẹ hai bên cùng nghèo cả, tiền vốn cho hai vợ chồng ra riêng chỉ đủ mua lại căn nhà trị giá 7 gạ lúa, tài sản vền vẹn chỉ có chục chén và 2 cái xoong, một nấu cơm, một nấu canh, không có miếng đất cắm dùi*”.

Cứ như thế, chồng làm đất, đắp bờ, san vườn, lên ruộng ăn công, trong khi vợ thì chăm lá mướn. Thu nhập cả hai kiếm được tổng cộng 9.000 đ/ngày. Thời gian rảnh rỗi họ tranh thủ đặt lợp, chài cá, mò cua, bắt còng, bắt ba khía vừa tăng thu nhập vừa cải thiện bữa ăn. Do có nguồn thức ăn tự kiếm này và ý thức tiết kiệm nên chi phí sinh hoạt hàng ngày của họ chỉ tốn 1.500 đồng tiền mua một lít gạo. Cũng năm đó họ có đứa con trai đầu lòng, bốn năm sau thì có thêm mụn con gái nữa. Thế là lại phải lo thêm mấy miệng ăn. Nhờ trời cả hai vợ chồng và hai cháu bé đều khỏe mạnh và công việc cũng xuôi sẻ nên cũng có đồng ra đồng vào.

Vừa cần mẫn, chí thú làm ăn, vừa tần tiện, chất chiu, họ đã có lưng vốn để lo cho tương lai. Năm 27 tuổi, họ mua được 5 công đất ruộng, năng suất lúa một vụ ở vùng này khá khiêm tốn. Lấy công làm lời, tính bình quân 7 gạ/công thì mỗi năm họ cũng có thêm 350 gạ lúa. Kể từ đó mỗi năm họ lại dành dụm để làm giàu. Mặc dù lúa ở đây chất lượng kém lắm, lúa chín ngã dính bùn nên khi chở về Trà Vinh bán, dân trong nghề gọi là “lúa cồn”

hoặc “lúa bùn”, nhưng rồi “*tích thiếu tất thành đa*”. Đến năm 1999, quỹ đất của gia đình anh chị là 15.000 m².

Bước ngoặt cuộc đời đến với hầu hết bà con ở xã cù lao này là khi nhà nước có chủ trương chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp. Xã đã chỉ đạo bà con cải tạo diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản. Công việc lên ngân bao vuông nuôi giữ tôm cá đã đem lại bộ mặt mới cho nông thôn, trong đó có cả gia đình anh. Tài từ tốn kể lại: “*Vợ chồng em bắt đầu nuôi tôm từ năm 1999. Vụ đầu tiên em thả 20 thiên post 15 trên phần diện tích 1ha. Giá con giống hình như lúc đó là 70.000 đồng một thiên. Vì còn thiếu kinh nghiệm nên năm đó chỉ đủ vốn. Năm sau cũng thả với mật độ như vậy nhưng em cho ăn thêm thức ăn tự chế. Học hỏi bà con nông dân khác, em dùng lúa xay, trộn với ruốc rồi vò viên lại thả cho tôm ăn bổ sung. Thu hoạch năm này đạt 10 triệu, trừ chi phí tổng cộng các khoản chừng 3 triệu đồng thì vợ chồng em lời được 7 triệu*”.

Anh dừng lại rót nước mời anh chị em chúng tôi, rồi lại chậm rãi: “*Nghèo như tụi em có vậy cũng quý lắm rồi!*” Anh Lê Văn Trí, người hướng dẫn phái đoàn, tiếp lời anh: “*Từ sau khi điện vượt sông đến được với xã cù lao này thì đời sống của nông dân khởi sắc. Kết cấu hạ tầng cải thiện, bộ mặt kinh tế-xã hội thay da đổi thịt. Hiện toàn xã đã ngót nghét 70% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia*”.

Anh Tài đã làm xong phép tắc xã giao thông thường, nên chúng tôi lại tiếp tục câu chuyện tạm ngưng ban nãy. “*Ham nhất là vụ tôm năm 2005, khi ấy em thả mật độ 5 con/m², trên phần diện tích 4 ha. Doanh thu cả năm đạt 70 triệu đồng. Vui lắm anh ạ. Nhờ tiền nuôi tôm, tụi em sắm được xe máy, tivi, cho thằng con lớn học nghề sửa xe Honda, số còn lại tích lũy và đầu tư cho các vụ tiếp theo. Hiện tại, mỗi năm chúng em làm 2 vụ, vụ chính từ tháng 12 đến hết tháng 3, vụ sau từ tháng 4 đến hết tháng 7 âm lịch. Vụ sau này thường chỉ đạt bằng 30% vụ đầu. Vụ mới thu hoạch gần đây nhất, chúng em thu 20 triệu đồng, trừ số phí cũng lời được 5 triệu*”.

Tôi ngược mắt nhìn Tài. Khuôn mặt thư sinh dù đã rám hồng nắng gió, nhưng vẫn ánh lên niềm lạc quan khó tả, nên nhìn vẫn còn rất trẻ trung so với cuộc sống đồng quê chân lấm, tay bùn. Đôi bàn tay to bè, gân guốc, chai sạn đầy nghị lực của anh tưởng như thách thức mọi trở ngại. Chị Bảnh có nước da bánh mật mận mà, nụ cười thật dịu dàng, dễ mến. Nhìn chị có vẻ bền lեն và hơi ít nói. Nói đúng hơn thì chẳng ai không ngại khi phải nói về mình! Khi được hỏi, chị tủm tỉm cười nhìn chồng như cầu cứu. Hiểu ý vợ, Tài nhanh nhẹn đỡ lời. Có thể thấy rõ ràng hai anh chị này phối hợp với nhau rất ăn ý không chỉ trong chuyện làm ăn.

Anh Hai Rộng nhận xét: “*Gia đình Tài chính là tấm gương tiêu biểu của tinh thần vượt khó, đi lên từ hai bàn tay trắng. Ngoài tính cần kiệm đáng trân trọng, họ còn có tấm lòng vàng, biết yêu thương đùm bọc bà con lối xóm, sẵn sàng chia sẻ những kinh nghiệm, đồng thời chấp hành nghiêm túc mọi qui định của địa phương*”.

Có tiếng chuông điện thoại reo vang. Đầu dây bên kia, anh Lê Tân hỏi thăm công việc của nhóm và nhắc giờ quay lại Ủy ban nhân dân xã để cùng bàn thêm chút việc. Dù chưa muốn, chúng tôi cũng phải chia tay. Trên đường về, tôi còn theo anh Trần Dũng ghé vào đốt mấy cây nhang viếng vợ chồng chú Ba Ta, vốn là bạn già của anh vừa vội đi xa để nói đôi lời vĩnh biệt người đã khuất.

Đường về thị xã Trà Vinh lộng gió. Hoàng hôn lưu luyến rắc những vạt nắng vàng sậm còn sót lại cuối ngày lên những ngọn cây biếc xanh. Nhìn những hàng cây cổ thụ, bất giác gọi tôi nhớ về mấy câu thơ của tác giả Tăng Hữu Thơ viết trong bài “**Cây nội ô**”. Vừa chạy xe, tôi vừa khe khẽ ngâm nga:

“*Trăm tuổi cây tuổi phố
Mấy tháng trăm bề dâu?*”

Thật ra trong cây còn có bóng dáng của những trang đời! Cây vượt qua khắc nghiệt của thiên nhiên để tồn tại, tỏa bóng và tô xanh cho đất. Người vượt qua những khó khăn chắt chòu để sống và gầy dựng tương lai.

Ảnh vợ chồng anh Nguyễn Văn Tài

Trà Vinh, tháng 9/2006

NẮNG XUÂN

Cơ chi có một ngày...

Võ Quê

Với tôi, từ độ tuổi thiếu niên, đất nước Trung Hoa gấm vóc đã trở nên gần gũi thân quen qua từng trang văn học. Đó là những áng thơ Đường, là tiểu thuyết Tây Du Ký, Thủy Hử, Tam Quốc Chí, là Liêu Trai Chí Dị, Hồng Lâu Mộng. Tây Sương Ký, Kim Bình Mai, là những bộ truyện Tàu thời Xuân Thu chiến quốc do nhà xuất bản Tín Đức (Sài Gòn) ấn hành. Hồi ấy nhà nghèo, thất học nên ngoài thời gian đi bán bánh mì, cà-rem tôi thường vào Phòng đọc sách Công giáo Tiến hành bên cạnh rạp chiếu bóng Đại Chúng (Quảng Trị) đọc truyện Tàu. Đọc ngấu ngiến, đọc say mê. Tuổi nhỏ thường dễ nhớ nên các địa danh, nhân vật tiểu thuyết, lịch sử từ những trang sách cứ sinh động trong ký ức tôi. Từ thuở ấy tôi đã từng mơ có một ngày mình được đến xứ sở của những áng thơ Đường.

Và té ra mơ lâu thì cũng có ngày thành hiện thực. Tôi đã may mắn có được năm lần đặt chân lên đất Trung Hoa gấm vóc.

Lần thứ nhất (1974), tôi được đến điều dưỡng sáu tháng tại y viện Nam Khê Sơn, Quế Lâm. Y viện nằm bên dòng Ly Giang xanh trong thơ mộng. Về đẹp trữ tình của Ly Giang đã gợi nhớ, gợi thương cho những người con xứ Huế như tôi, anh Nguyễn Đắc Xuân, anh Thái Ngọc San, bác sĩ Thái Tuấn... hướng tâm về con sông Hương quê nhà đầm thắm, dịu dàng đang còn xa cách quá. Nhìn Ly Giang, không khỏi ngăn dòng cảm xúc về một nguồn tình hoài hương tha thiết, lắng sâu.

Về đẹp kỳ thú của thiên nhiên Quế Lâm qua những lần được tiếp cận, tham quan như Lô Dịch Nham, Thất Tinh Nham... tình cảm hiếu khách, hữu nghị của người dân Trung Hoa đã phần nào giúp tôi nguôi ngoai nỗi nhớ nhà đau đáu. Tôi đã có những ngày tháng đẹp và những kỷ niệm vui cùng các sinh viên Trung Quốc đến học tiếng Việt tại Y viện. Qua chị Triệu Ngọc Lan, hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Bắc Kinh, người mà sau này tôi đã gặp lại ba lần tại Huế, qua những câu chuyện nhiệt tình, trẻ trung, năng động của sinh viên nước bạn tôi đã phần nào hiểu sâu thêm về đất nước hùng vĩ, giàu huyền thoại, về con người Trung Quốc hào hiệp, nghĩa khí. Mỗi quan tâm của các thầy cô giáo, của sinh viên Trung Quốc đến cuộc chiến đấu trên mặt trận đường phố của tuổi trẻ học đường Miền Nam đã chứng tỏ rằng họ cũng có sự theo dõi sát sao về những diễn biến trên đất nước Việt Nam đang trong thời kỳ kháng Mỹ quyết liệt.

Với các bác sĩ, hộ lý người Trung Quốc trong Y viện Nam Khê Sơn, mối thân tình hữu nghị dành cho nhau lại càng đậm đà, thân ái. Chúng tôi đã từng cùng họ lên sân khấu đồng ca bài hát Việt Nam Trung Hoa của nhạc sĩ Đỗ Nhuận trong hào khí Việt Trung. Rồi những cuộc giao đấu bóng bàn. Rồi những chuyến tham quan, dã ngoại thăm thắng cảnh, thăm trường học sinh Việt Nam tại Quế Lâm... Mỗi cuộc vui, mỗi chuyến đi đã kết bền hơn sợi chỉ hồng hữu nghị. Những khuôn mặt, những cái tên Tào Lệ Hoa, Tổ Trân, Hạo Bình, Lâm Cường, Tổ Trân, Giang Kim Liên, Triệu Ngọc Lan... một thời ở Quế Lâm dường như cứ sáng lên, đậm lên trong tôi khi tôi viết những dòng này.

Lần thứ hai (1996), do GSTS Nguyễn Thuyết Phong giới thiệu và tổ chức Đoàn Ca Huế gồm 10 thành viên do tôi làm trưởng đoàn đã được mời tham dự Liên hoan Âm Nhạc Châu Á tại Hồng Kông. Do đã có dịp làm quen với khán giả nước ngoài trong cuộc Liên hoan Âm nhạc toàn nước Mỹ (1995) nhưng chúng tôi không khỏi lo lắng vì dòng nhạc cổ truyền Huế vốn tiếp thu, ảnh hưởng ít nhiều âm nhạc Trung Hoa (điệu Khách). Nhưng nỗi lo qua nhanh khi tại cuộc họp báo với các nhà báo Hồng Kông chúng tôi đã thuyết minh được tính chuyên biệt, độc đáo của âm nhạc truyền thống Huế khi trình tấu các bài bản thuộc làn điệu Khách, khi biểu diễn các nhạc cụ gốc Trung Hoa (tỳ bà, nguyệt, nhị...).

Thông thường, khi mỗi đoàn đã biểu diễn hết chương trình của mình thì về nước ngay. Nhưng riêng với đoàn Việt Nam chúng tôi thì ban tổ chức lại dành cho sự ưu ái đặc biệt khi thiết kế một chương trình tham quan Hồng Kông rất ngoạn mục, chu đáo. Hồng Kông đã cho tôi hiểu thêm về đức tính chịu thương, chịu khó của người dân lao động nơi này; về một thể hệ trẻ rất linh hoạt, năng nổ, sáng tạo khi kế thừa những giá trị, tinh hoa văn hóa truyền thống trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội để tạo nên một Hồng Kông hiện đại có bản sắc riêng.

Lần thứ ba (1968), cũng do GSTS Nguyễn Thuyết Phong giới thiệu và tổ chức tôi và đoàn Ca Huế gồm 4 thành viên được mời tham gia Liên hoan Âm nhạc Châu Á tại Đài Loan. Sau buổi nói chuyện có minh họa rất thành công về âm nhạc Việt Nam của GSTS Nguyễn Thuyết Phong tại trường Đại học Đài Loan, đoàn chúng tôi tiếp tục biểu diễn tại Thính đường của Trung tâm Văn hóa Đài Loan. Trong các lần lưu diễn ở nước ngoài, đây là lần đầu tiên tôi có ấn tượng mạnh về một khán phòng âm nhạc cổ truyền. Khán phòng này có 300 ghế khán giả. Trên sân khấu không có trang bị dàn âm thanh nào. Chỉ có ánh sáng trắng rất thanh nhã chiếu xuống không gian người biểu diễn. Đúng là một nơi biểu diễn lý tưởng cho Ca Huế thính phòng. Tiếng đàn thật, lời ca thật không thông qua một hệ thống máy móc trang âm hiện đại nào đã thanh thoát ngân vang, lan tỏa, thấm sâu vào tâm thức người nghe. Từ khán phòng ấy tôi liên tưởng đến Huế mình. Người ta có thể tốn hàng tỉ làm một sân khấu phục vụ cho vài ngày festival, tốn hàng tỉ cho một lễ khai mạc lễ hội hoặc thể dục thể thao gì đó nhưng chi tiền cho việc thực hiện một thính phòng ca Huế tri âm đầy đủ chuẩn mực phục vụ công chúng, du khách trong và ngoài nước lâu dài nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống âm nhạc dân tộc thì ít ai nghĩ tới.

Nhờ biểu diễn có hiệu quả các chương trình ca Huế tại Liên hoan mà một sinh viên Đài Loan đã có nhã hứng mời đoàn chúng tôi tham quan các danh thắng, bảo tàng ở Đài Bắc trọn một ngày và thưởng thức ẩm thực Đài Loan. Điều thú vị là trong tối hôm ấy tôi đã được một cô sinh viên cao học có tên tiếng Anh là Angel tặng tôi một

đĩa CD có bài hát phổ thơ Phong Kiều Dạ Bạc của Trương Kế vì ban chiều trên xe tắc xi tôi đã ngâm cho cô nghe bài thơ đó cùng bài thơ lục bát do nhà thơ Tần Đà dịch.

Lần thứ tư (2000), tôi được Ủy Ban Toàn Quốc Liên Hiệp Các Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam cấu tạo vào đoàn sang công tác ở Bắc Kinh, Thâm Quyển, Quảng Châu do ông Hà Xuân Trường làm trưởng đoàn cùng với nhà văn nữ Hoàng Ngọc Hà (Hội LHVHTT Hà Nội), nhà thơ Đinh Ân (Hội VHNT Sơn La). Bên cạnh các buổi làm việc với Hội Văn Liên, Hội Nhà Văn Trung Quốc và các Hội Văn Nghệ Quảng Châu, Thâm Quyển, đoàn được mời tham quan nhiều danh thắng, di tích lịch sử nổi tiếng mà không nói thì ai cũng biết như Vạn Lý Trường Thành ở Bắc Kinh, Cửa Sổ Nhìn ra Thế Giới ở Thâm Quyển, Nhà lưu niệm Bác Hồ ở Quảng Châu... Qua chuyến đi này, tôi hiểu rõ hơn về mối quan hệ văn hóa lâu đời giữa hai nước Việt Trung. Chính nhờ có truyền thống hữu nghị ấy mà giới văn nghệ sĩ hai nước đã nhanh chóng đồng cảm nhau trên nhiều lĩnh vực. Ai cũng muốn với bút lực sung mãn sẽ sáng tạo nên nhiều tác phẩm có giá trị nhân văn chan chứa tình người.

Lần thứ năm (2004), tôi được sang Vân Nam du lịch. Chuyến đi này không dài ngày nhưng nội dung tham quan thì súc tích, phong phú. Thiên nhiên cảnh tú. Thạch Lâm uy nghi đáng đá. Sơn thủy, thác động hữu tình. Con người Trung Hoa khai sơn phá thạch với nhiều kỳ tích cùng những huyền thoại đan xen giữa ảo và thực có sức cuốn hút sự tò mò, hiếu kỳ của du khách thập phương. Từ mảnh đất Vân Nam câu chuyện tình nổi tiếng giữa đại mỹ nhân Viên Viên, Ngô Tam Quế một thời chỉ biết qua phim truyện được tái hiện sinh động trên từng hiện vật, tranh ảnh lung linh màu sắc. Vân Nam đúng là xứ sở của kỳ hoa dị thảo làm tôi liên tưởng nhớ lại những ngày ở Quê Lâm đã từng đến xem một cuộc triển lãm hoa cúc với hàng trăm chủng loại khác nhau muôn hồng nghìn tía. Khi tôi đến Vân Nam được biết nơi đây cũng vừa mới bế mạc một cuộc triển lãm hoa. Từ thực tế lần tham quan này, tôi thấy lòng hiếu khách, cung cách, tư duy làm du lịch, của người Trung Hoa thật đáng khâm phục. Những đức tính quý báu ấy đã giúp họ thành công trong sự phát triển kinh tế quốc gia. Những tiềm năng thiên nhiên có giá trị đã được đánh thức. Những vốn liếng văn hóa, lịch sử, huyền tích được bảo tồn tôn tạo và khai thác triệt để tạo nên một dòng chảy từ quá khứ tới hiện tại và hướng về tương lai.

Với tôi, mỗi tỉnh, mỗi thành phố ở đất nước Trung Hoa cảnh tú đều có những nét độc đáo riêng biệt. Vì vậy dù đã may mắn có năm lần được ở, được ngao du nơi nước non này nhưng tôi vẫn còn mong muốn mình sẽ làm thêm những chuyến đi dài. Những địa danh quen thuộc Thượng Hải, Tứ Xuyên, Hàng Châu..., những thắng tích Hoàng Hạc Lâu, Tiền Đường, Lương Sơn Bạc... những gương mặt bằng hữu thân quý một thời từng in sâu vào trong ký ức tôi Thẩm Tú Anh (Quảng Châu), Chu Giang Bình, Gia Uy (Thâm Quyển)... vẫn đang có sức mê hoặc, cuốn hút tôi tìm về đất bạn. Tôi tự nhủ mình cơ chi có một ngày...

VỖ QUÊ

Tặng em đôi chiếu em nằm . . .

Nguyễn Thuý Nhã

Có lần trò chuyện ,bạn tôi đọc cho tôi nghe bài thơ đối đáp trong giai thoại văn chương rất thú vị của hai nhân vật nổi tiếng của Nguyễn Trãi và Thị Lộ như sau :

Đổi: *Ay ở đâu bán chiếu gon
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn
Xuân xanh nay được chừng bao nă
Đã có chồng chưa được mấy con .*

Đáp: *Em ở Tây Hồ bán chiếu gon
Can chi ông hỏi hết hay còn
Xuân xanh nay được tròn trăng lễ
Chồng còn chưa có, có chi con .*

Bài thơ ấy làm cho tôi liên tưởng những chiếc chiếu .Một vật dụng rất đời thường không thể thiếu trong đời sống của con người vì sự có mặt có lẽ rất lâu đời của nó. Tuy bây giờ chiếu ít còn được sử dụng cho những khung cảnh và cách bày trí tân thời . Nhưng ở những vùng nông thôn hay những nơi còn gắn bó với nét xưa thì chiếu vẫn giữ vị trí độc tôn khó đem thứ khác để thay thế được. Nói không ngoa thì ta cũng thấy chiếc chiếu đã đóng vai trò tích cực trong cuộc sống và nâng giá trị con người khi sử dụng đến nó. Ngày trước , khi nhà có lễ lộc , hay những nơi thờ phượng có lễ hội, đình đám ,người ta vẫn đem những chiếc chiếu đẹp nhất ,tốt nhất để trải ra rồi mời những người cao tuổi ,có chức sắc ngồi lên để bàn chuyện... Ngay cả trong các lễ nghi khác như cưới xin chiếu cũng được liệt vào hàng phẩm vật không thể thiếu của đôi tân hôn.

*“ Giúp em đôi chiếu em nằm
Đôi chân em đắp ,đôi trằm em đeo”*

Ông bà ngày xưa thường sắm sửa cho cặp vợ chồng mới cưới một cặp chiếu tốt có hình loan , phượng hay chữ song hỷ .Ý muốn cho hai người chung sống tâm đầu ý hợp vui vẻ bên nhau.

Phải thế chẳng mà mặc nhiên chiếc chiếu cũng trở thành nhân chứng cho bao mối tình được nên duyên nồng thắm cho đến ngày răng long đầu bạc. Còn nếu “ở chưa rách chiếu” đã thôi nhau thì lỗi đâu ở chiếc chiếu?. Có chăng tình đời đổi trắng thay đen.

Có lúc chiếu cũng tự ôm nỗi buồn khi phải ấp ủ cho những mối tình đơn phương như “Tình anh bán chiếu” mà khi còn nhỏ tôi được nghe nghệ sỹ Ut Trà Ôn với 4 câu ngâm rất thật tình và đầy đau khổ .

*“ Chiếu Cà Mau nhuộm màu tươi thắm !
Công anh cực lắm mưa nắng giải dầu
Chiếu này tôi chẳng bán đâu
Tìm cô không gặp gối đầu mỗi đêm!*

Nghĩ cho cùng dù là một vật hết sức bình thường nhưng lại có cái “hồn” của nó.

Khoảng từ những năm 80 trở lại đây chiếu lác ít người sử dụng vì những lẽ đã nói qua. Lại thêm nhiều loại chiếu mới xuất hiện như chiếu nilông ,chiếu tre Trung Quốc ...Nhiều người thích dùng loại chiếu này vì tiện giặt giũ, mau khô, lâu rách dễ xếp gọn... Nhưng nói gì thì nói tôi không thích các loại chiếu đó vì khi nằm có cảm giác ư ư mồ hôi dưới lưng chẳng thông thoáng chút nào. Nếu có dịp được nằm trên chiếc chiếu dệt bằng lác , nhất là khi mới mua về còn nghe phảng phất mùi đồng nội từ cây lác thoang thoang lên mũi thật nhẹ nhàng dễ chịu .

Nếu trên khắp mỗi miền đất nước có những địa danh mà khi nhắc đến người ta có quyền tự hào với những sản vật do chính nơi đó làm ra như câu ca dao ta nghe:

Chiếu Nga Sơn , gạch Bát Tràng
Vải tơ Nam Định , lụa hàng Hà Đông .

Tôi cũng tự tin để giới thiệu Tà Niên cũng có làng nghề nổi tiếng về chiếu của tỉnh Kiên Giang và của cả nước. Chả trách có một ông bạn tôi đã khẳng định khi nói về chiếu: “ Từ nhỏ tới lớn tôi đã “nằm” qua nhiều thứ chiếu nhưng chưa thấy chiếu nào bằng chiếu Tà Niên “. Không biết người bạn tôi có quá cường điệu về tinh thần sẵn có của người bản xứ hay không ,nhưng chính từ câu nói ấy đã thôi thúc để tôi làm một chuyến “ rong chơi” vào ngày cuối tuần để tìm hiểu thêm về nghề truyền thống ấy.

Nhà tôi tìm đến là nhà di Ba Sa, gia đình đã có ba thế hệ làm nghề dệt chiếu ở tại xã Vĩnh Hoà Hiệp Huyện Châu Thành tỉnh Kiên Giang , nổi tiếng với các lần tham dự triển lãm chiếu và đạt nhiều huy chương cao nhất trong nước. Có lẽ không nghĩ tôi là khách nên di và người con dâu vừa làm vừa chậm rãi nói chuyện rất tự nhiên.

Trước mắt tôi những tấm chiếu còn đang dệt dở .Những sợi lác nhiều màu sắc tươi thắm. Dệt chiếu phải có hai người ,dụng cụ làm chiếu gồm có:Khung cửi,cây không đập lác ,cây chui để đưa lác vào khung trên . Một cái bàn để quay bố thành sợi trần đưa qua không đập rồi mắc từng sợi theo khoảng cách đều vào khung cửi. Người ngồi trên làm động tác đập cây không để những cọng lác thật sát vào nhau. Người ngồi dưới dùng cây chui tròn bằng ngón tay theo khổ chiếu , cặp từng cọng lác vào cây chui để đưa vào khung trên. Khó nhất là dệt chiếu lầy,người ngồi dưới dùng cây chui đưa từng cọng lác vào khung trên ,phải nhớ được vị trí lên xuống , người ngồi trên phải dùng tay nhấn từng sợi trần mới ra hình , ra chữ .Muốn dệt một đôi chiếu lầy phải mất ba , bốn ngày.

Nguyên liệu chính để dệt chiếu là cây lác ,bố sợi và phẩm màu . Lác tươi mua về chẻ mỗi cọng làm 3 rồi đem phơi nắng (ba ngày) cọng lác khô se nhỏ lại có màu trắng xanh. Sau đó người ta đem nhuộm màu,thường có 3 màu chính là:Đỏ , vàng , xanh két. Chiếu dệt tốt , giữ kỷ năm

được cỡ ba năm. Vùng Vĩnh Quới xã Vĩnh Hoà Hiệp rất thích hợp cho cây lác phát triển nên được trồng nhiều. Thời gian sinh trưởng khoảng 3,5 tháng rưỡi là sử dụng được.

Chiếu Tà Niên cũng đã có lúc tìm cách mở rộng mô hình sản xuất thành lập hợp tác xã nhưng không tồn tại

được lâu vì những bất cập. Thiếu sự đầu tư đến nơi đến chốn, không có những cải tiến mới đáp ứng theo nhu cầu mẫu mã khách hàng đưa ra. Chiếc chỉ dệt được những mẫu đơn giản như : Bông lồng đèn , lá thủy ba , bông khu ốc , chữ in thường . Vì vậy chiếc chỉ ở dạng tự sản , tự tiêu ở trong tỉnh, chỉ ai biết đến mới đặt đem về nơi khác bán lại, hoặc Việt Kiều về nước muốn tìm cho mình một chút hơi ấm quê nhà hay mua biếu để làm quà thì rất sẵn sàng tìm đến .

Hiện nay ở Vĩnh Hoà Hiệp còn gần 100 hộ làm nghề , một con số không nhỏ để giữ chỗ đứng trọng yếu trong ngành tiểu thủ công nghiệp mang tính truyền thống cần được giữ gìn và phát huy .

Nghề dệt chiếu, một công việc dễ thu hút nhiều chị em phụ nữ tham gia vì nhẹ nhàng không mang tính thời vụ. Có thể vừa làm , vừa quán xuyến gia đình , kiếm thêm thu nhập kinh tế mà chi phí vốn lại không cao .

Nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương lại dồi dào không phải mất công tìm kiếm ... Vì công việc không phải dầm mưa dãi nắng ngoài vườn , ngoài ruộng nên các cô gái Tà Niên nổi tiếng xinh đẹp , trắng trẻo. Bởi thế mới có câu :

Trai Đông Thái – Gái Tà Niên

Cũng hàm ý ngoài sự xinh đẹp , còn khéo léo trong tay nghề dệt chiếu .

Nhìn đôi bàn tay dịu dàng thể hiện sự tỉ mỉ , trau chuốt để làm nên những chiếc chiếu tinh xảo. Tôi thầm nghĩ có cần phải khổ công để cải tiến thế này, thế nọ nữa hay không ? Hay chính sự giữ gìn nguyên sơ cái mộc mạc của công việc mới tạo thành vẻ đẹp , một vẻ đẹp mang tính nghệ thuật thủ công lâu đời để làm cảm hoá cái nhìn và nếp nghĩ của người tiêu dùng khi họ biết mình đang sử dụng những gì sẵn có trong thiên nhiên được làm ra từ bàn tay sáng tạo của con người . / .

NGUYỄN THUY NHÃ

Nặng nợ với trầu cau

Võ Đắc Danh

“Anh phụ em rồi nên không đến nữa, để phiên chợ buồn héo hắt lá trầu xanh . . .”. Nghe xong câu vọng cổ, dì Ba Em ngậm ngùi nói, cuộc đời dì cũng là một cuộc đời buồn mặc dù không phải bị phụ tình như cô gái bán trầu trong bài ca. Dì Ba kể rằng, năm 13 tuổi, dì đã ra ngồi bán trầu trước cổng chợ Bà Điểm, tính đến bây giờ đã gần 60 năm. Tôi nhẩm tính, 60 năm với 20 ngàn gánh trầu của 20 ngàn phiên chợ, oằn nặng một đời người, chai sạn đôi vai. Dì Ba nói rằng hồi ấy chợ Bà Điểm còn đốt đèn dầu mù u, dầu cá, những sạp hàng lót bằng tre, lợp bằng lá dừa nước, gần chợ có ba bến xe ngựa, một bến đi Gò Vấp, một bến đi Thới Thượng, một bến đi Hóc Môn. Năm 19 tuổi, cũng trong một phiên chợ, tình cờ dì quen một chàng trai rồi nên vợ nên chồng. Về Thới Thượng làm dâu được một năm dì mới hay chồng mình là “Việt cộng nằm vùng”, bị bại lộ, ông bỏ nhà theo kháng chiến rồi hy sinh, để lại cho dì một người con trai. Dì trở lại chợ Bà Điểm tiếp tục bán trầu nuôi con, thủ tiết thờ chồng. Người con trai ấy lớn lên chưa kịp bái hiếu cho mẹ thì lại chết vì tai nạn giao thông. Thế là dì Ba còn lại một mình, quạnh hiu trong căn nhà, thui thủi với gánh trầu mỗi ngày ra chợ. Dì nói hàng năm vào mùa cưới, mỗi ngày dì sắp năm bảy mâm trầu cau cho khách, những lúc tằm trầu bỏ vào mâm, dì thầm nguyện cầu cho đôi uyên ương trăm năm hạnh phúc. Chính niềm vui ấy làm cho dì quên đi sự cô quạnh của đời mình. Tôi hỏi bán trầu có khá lắm không, dì nói hồi xưa mỗi ngày bán vài chục giỏ trầu, mấy thiên cau, giờ thì mỗi ngày bán được vài ba ký trầu, một trăm quả cau là đắt lắm rồi, kiếm cũng được vài chục ngàn đồng. Được cái là vào mùa cưới, có ngày kiếm được mấy trăm ngàn, gặp những khách hàng có tình có nghĩa, thấy mình xếp khéo, xếp đẹp, họ thường thêm. Gần 60 mười năm bán trầu, dì Ba nghiệm ra rằng, đối với dì, trầu cau chỉ là chuyện mưu sinh, nhưng với cuộc đời, nó là sự ngọt ngào, thanh thần, là nguồn vui trong những câu chuyện của người già, là niềm tin cho hạnh phúc lứa đôi của những chàng trai, cô gái. Có những cặp vợ chồng giờ con đàn cháu đống, gặp lại dì bày tỏ niềm vui, nhắc lại mâm trầu cau ngày xưa dì sắp cho họ làm lễ cưới. Đó chính là niềm an ủi lớn lao cho cái nghiệp bán trầu.

Tôi lang thang trong sự mờ ảo tượng qua lời kể của dì Ba rằng chợ Bà Điểm ngày xưa là một thế giới của trầu cau, là nơi hội tụ của hàng trăm gánh trầu mỗi sáng. Nhưng bây giờ tìm kiếm mãi chỉ có bốn sạp trầu của dì Ba Em, dì Hai Trị, dì Ba Thắng nằm khiêm tốn trước cổng chợ, và phía bên kia đường, khuất trong những kiot thời trang là sạp trầu nhỏ bé của dì Hai Mỹ với mấy buồng cau lơ phơ và vài bọc trầu héo úa.

Khác với vẻ khắc khổ của dì Ba Em, dì Hai Mỹ như một bà tiên đơn hậu, ở tuổi 74, tóc trắng màu mây nhưng gương mặt tươi tắn, hồng hào. Tôi nói chắc hồi xưa dì Hai đẹp lắm. Dượng Ba cười bảo: “Đúng rồi, dì Hai mấy hồi xưa đẹp hạng nhì ở Mười Tám Thôn Vườn Trầu, còn người đẹp thứ nhất là ai thì tao không biết. Tao đeo bả gần ba năm, bạn bè bảo tao bỏ cuộc đi, không vô nổi con nhỏ đó đâu, nhưng tao kiên trì, cuối cùng bả cũng cho

tao cưới”. Dì Hai kể rằng, khi đám cưới xong, cả hai vợ chồng đều đi làm mướn. Khi làm cỏ, lúc hái trà. Rồi năm đứa con lần lượt ra đời, dì nghĩ, làm mướn thế này thì không thể nào ngóc đầu lên nổi, lấy gì nuôi con ăn học. Thế là dì chuyển sang mua bán trà cau. Cứ ba giờ rưỡi sáng dì thức dậy gánh trà ra chợ. Có lẽ nhờ cái duyên ăn nói ngọt ngào mà dì mua may bán đắt, mỗi phiên chợ dì mua được một chỉ vàng. Hồi ấy, cái thời vàng son của trà cau thì vàng lại rẻ, đất cũng rẻ, cho nên chẳng mấy năm dì mua được một công đất cho dựng Hai trồng được một vườn trà. Trà cau sinh ra đất, đất lại sinh ra trà cau. Thấm thoát đã gần nửa thế kỷ trôi qua kể từ ngày dì gánh trà ra chợ. Bây giờ dì Hai đã trở thành một người khá giả, năm người con của dì đều học hành đến nơi đến chốn, có cơ nghiệp riêng, được dì cấp đất, xây cho nhà cửa khang trang nối liền một dãy. Hỏi tại sao dì vẫn bán trà, dì nói: “Tụi nó cứ năn nỉ dì ở nhà an dưỡng, nhưng nghĩ thì nhớ chợ, nhớ trà không chịu nổi. Hùng đông, con dâu Ut đưa ra chợ, tiếp má dọn hàng, đến chín giờ nó ra dọn chợ, rước về. Dì có 15 đứa cháu nội, 2 đứa cháu ngoại, ngoan lắm, tiền bán trà dì để dành thưởng cho đứa nào có giấy khen, đứa nào đậu đại học thì dì thưởng đậm”.

Cùng nặng nợ với trà cau nhưng mỗi người có một tâm sự, một hoàn cảnh khác nhau. Dì Ba Thắng ngậm ngùi kể, nhà dì có hai thiên rưởi trà – tức 2500 nọc – có thể nói đây là vườn trà đẹp nhất ở Bà Điểm hiện nay nhưng nó đang đứng trước sự phá sản vì bị lỗ. Nhà có hai vợ chồng già với đứa con khờ, không ai chăm sóc nên phải thuê mướn nhân công. Chi phí lao động ngày càng cao mà trà thì càng ngày càng rớt giá. Mỗi phiên chợ dì bán hai đôi trà được sáu bảy chục ngàn đồng, trong khi tiền mướn hái hết 15 ngàn đồng, chưa kể các chi phí khác như mua phân, bón phân, tưới nước, làm cỏ . . . Mỗi năm dì vay ngân hàng 10 triệu đồng để đầu tư cho vườn trà rồi hàng ngày chất chiu từng phiên chợ trả nợ. Với bốn công đất vườn của dì hiện nay trị giá cả chục tỷ đồng, nhưng bán thì không đành, phá trà thì không nỡ, mà mỗi ngày không ra họp chợ thì lại nhớ trà cau không chịu được. Thôi thì đành lầy lắt vậy.

Anh Cao Văn Hai, chủ tịch xã Bà Điểm dẫn chúng tôi đến thăm vườn trà của chị Ba Yến, một vườn trà một thời nổi tiếng ở ấp Trung Lân. Nhưng bây giờ nó giống như một vườn du lịch bởi nhiều loại cây kiểng thay chỗ cho trà. Chị Yến nói vườn trà nhà chị hồi xưa cứ mười ngày hái một lứa, mỗi lứa sấm mười lượng vàng. Nhưng bây giờ thì ngược lại, một sự ngược lại khó tin, tức mỗi năm chị phải bỏ ra gần năm lượng vàng để tu bổ vườn trà mà chẳng thu lợi đồng nào. Giải thích lý do, chị nói, Bà Điểm bây giờ như cái ốc đảo giữa bốn bề đô thị, nước không thoát được nên trà bị úng, mà bỏ trà thì mảnh vườn sẽ vô hồn, sợ buồn tủi vong linh của tổ tiên. Ngôi nhà chị là ngôi nhà thờ, ngày trước có đến năm chị em ở chung, cũng nhờ trà cau mà con cháu được ăn học nên người, cũng nhờ trà cau mà mỗi thành viên trong gia tộc có vốn liếng ra Sài Gòn lập nghiệp. Ngày giỗ ông bà là ngày hội tụ con cháu ở khắp nơi. Việc đầu tiên khi đặt chân tới đây là đi thẳng ra phía sau ngắm nghía vườn trà. Một thói quen giản dị mà thiêng liêng, vì vậy mà chị phải gìn giữ vườn trà bằng mọi giá.

Anh Tư Diệp – chồng chị Yến – kể ngày xưa, cứ đến hừng đông là khắp các đường thôn, từng tốp, từng tốp người gánh trà ra chợ. Ngoài những con đường cái, từng đoàn xe ngựa lóc cọc nối nhau, lác lác những giỏ trà cau xuôi về hướng Sài Gòn. Cứ nhớ lại những hình ảnh ấy mà lòng nghe nuối tiếc. Chủ tịch Hai cũng vậy, anh vốn sinh ra và lớn lên trong hương vị của trà cau, giờ cứ nơm nớp, phập phồng khi thấy những chiếc xe ben gồng mình chở cát đá làm chấn động đất đai, lúc ấy, nhìn vườn trà, nhìn hàng cau anh nghe lòng đau nhói. Ở đời, người ta có thể bỏ ra tiền tỷ tỷ để tái tạo những gì đã mất, trong khi khát vọng lớn nhất của anh, của những người dân Bà Điểm là muốn giữ lại những gì đang có, lẽ nào lực bất tòng tâm !

VÕ ĐẮC DANH

Quê chồng

Đặng Huỳnh Lộc

1

Tình yêu của chị tôi và anh Nhân thật đầy bất trắc, có dịp tôi sẽ kể. Anh Nhân đến quê tôi đóng quân. Chị tôi và anh Nhân thương nhau. Một tình thương vượt qua khỏi tình thương quân dân. Trong một trận công đồn ven lộ Vòng cung thì anh Nhân hy sinh. Tin này đã làm cho chị tôi vật vã đến độ xanh xao, vàng vố. Làng xóm nói chị tôi và anh Nhân thương nhau nên anh Nhân hy sinh, chị tôi buồn. Nhưng sau đó làng xóm lại lờ ra tiếng vào nói chị tôi mang thai. Ba tôi thì gắng hỏi còn má tôi thì tri triết. Nhưng chị tôi cứ khóc, không nói. Chị tôi đã toan tự tử nhưng tụi tôi kịp ngăn lại. Cuối cùng thì thằng Lễ đã ra đời trong sự ruồng rẫy của gia đình tôi và trong sự cảm thông của làng xóm.

Sau khi anh Nhân hy sinh, ước muốn dẫn con về thăm quê chồng như đốt cháy ruột gan chị tôi. Suốt ngày chị cứ đứng ngồi không yên, miệng lẩm bẩm: “Để cho thằng Lễ nó biết quê nội”.

Đôi lần chị đã thử mạo hiểm, nhưng không thành. Chị xuống đến Cà Mau Nam thì quay lại. Trong những năm 1970 làm sao chị tôi có thể vượt qua được “bãi lửa” Thạnh Phú để xuống “túi bom” Đầm Thị Tường mà về Giáp Nước. Trở về nhà, chị không nói, không rằng. Suốt ngày chị cứ lảm lì. Chị làm cho cả nhà ái ngại. Ngay cả tôi là em trai út trong nhà cũng không dám mở lời, chia xẻ nỗi niềm mơ ước không thành của chị. Cuối cùng chị tôi đã tự an ủi: “Ráng chờ ngày độc lập”.

Rồi ngày độc lập cũng đến. Cuộc đời đã không phụ lòng một ngời phụ nữ có tình yêu đầy bất trắc như chị tôi. Tiếng súng vừa ngưng, mìn pháo còn giăng đầy. Chị tôi đã bỗng bể thuyền Lẽ về Giáp Nước.

Giáp Nước đẹp hơn anh Nhân kể. Con sông khúc khuỷu nằm như mơ màng ngủ giữa hai triền dứa nước xanh sẫm màu dịp lục. Từ ngã tư Giáp Nước, con sông lặng lẽ chảy về hai phía, một phía về với mệnh mệnh Đầm Thị Tường, một phía ra Vàm Đình hòa vào các nhánh sông, đến với điệp điệp trùng trùng khơi sóng nước biển Tây.

Quanh ngã tư Giáp Nước, những thân dừa cụt đột đứng chĩa lên trời dày như một bàn chông. Những thân dừa đen sạm trong nắng chiều hanh heo chẳng khác gì những ngôi mộ trong một nghĩa địa hoang tàn. Nhưng bên cạnh sự chết chóc đó là làng xóm trù phú với những mái nhà nhỏ ẩn mình trong những vườn cây xanh um. Bên cạnh sự hoang tàn như còn âm vọng vang tiếng súng là làng xóm trầm lặng. Sự tương phản đó chẳng khác gì sự bình yên sau một trận bom. Cuộc chiến tranh khốc liệt suốt hơn ba mươi năm vẫn không xóa đi được dấu vết trù phú của làng quê này. Qua khỏi ngã tư Giáp Nước đâu đâu cũng bắt gặp những thân dừa đầy vết đạn nhưng vẫn mang trĩu nặng những buồng trái oằn say.

Giáp Nước đẹp lạ kỳ. Sự tranh giành giữa đất đai và biển cả đã để lại Giáp Nước những đầm trảng nằm giữa một vùng lao sậy và những bụi rậm um tùm của loài cây họ quyết, như một vùng rừng sát ngập nước hoang sơ. Nhưng Giáp Nước không hoang sơ. Đình thần ở Vàm Đình có cả sắc thần của Vua Tự Đức phong tặng như là một chiếu chỉ cho phép lập làng, Đình Thành Hoàng ở Rạch Láng đã được lập ra hơn trăm nay.

Người ta nói từ Đầm Thị Tường vô Vàm Khâu Bè đi luôn theo sông Giáp Nước về phía Vàm Đình, tới đập Chín Quy thì tới nhà anh Nhân gần hơn. Nhưng chỗ Đập Chín Quy có “bãi lửa”, không đi được.

Đến ngã tư Giáp Nước, chị tôi rẽ phải vô vàm Rạch Láng để tìm nhà anh Nhân theo lời dặn của người chỉ đường. Chị ghé lại ngôi nhà đầu tiên - cũng theo người chỉ đường đã dặn. Ngôi nhà khá khang trang, mái lá còn mới chứng tỏ vừa mới cất. Ngôi nằm cạnh bên Đình Thành Hoàng, quay mặt về phía một trảng rộng với um tùm sậy, rặng nhưng trông rất thoáng đãng. Cái trảng rộng nằm nối với con sông nhỏ uốn khúc, mới nhìn tựa hồ như ráng, sậy và triền lá dừa nước chắn ngang con sông không có lối đi.

Chị kéo vai thằng Lẽ dừng lại trước ngôi nhà, khi nhìn thấy ngay cửa ra vào có gắn bức hoành bằng gỗ khắc ba chữ nho. Hồi nhỏ, chị có được ông Nội tôi dạy một ít để giúp ông viết liễn Tết. Nhưng chị học rất lười. Dù vậy chị vẫn có thể đọc được ba chữ nho khắc trên tấm hoành kia là “Trần Gia Trang”.

Chị tôi nép vào cánh cửa gọi:

- Chủ nhà ơi cho hỏi thăm!

Bước ra là một người đàn ông điềm đạm chưa tới lục tuần:

- Cô hỏi chi?

- Dạ, cháu hỏi nhà bác Hai Chánh!

- Hai Chánh? - Người đàn ông lên tiếng như hỏi lại chị tôi, vừa như tự hỏi - Ở đây có Út Chánh? Nhưng mà cô bà con sao với Hai Chánh?

Chị tôi chỉ thằng Lẽ, ngần ngại nói:

- Dạ, thằng nhỏ này là cháu Nội bác Hai Chánh.

- Trời ơi! - Người chủ nhà thẳng thốt. Con thằng Nhân sao? Còn cháu?

Chị tôi lại ngần ngại:

- Cháu là mẹ nó! Chị nói rồi nhìn xuống đất.

- Trời ơi! Người chủ nhà lại thẳng thốt một lần nữa. Vô. Vô nhà đi cháu! Ông nói trong hơi thở gấp.

Rồi ông gọi với ra nhà sau:

- Bà ơi, vợ thằng Nhân.

- Cái gì mà vợ thằng Nhân? Người đàn bà hỏi vọng ra.

Chị tôi sống trong ngập tràn hạnh phúc của làng xóm quê chồng. Má tôi bắt đầu cuống lên khi gần sáu tháng trời mà chị tôi chưa trở về. Bà bắt đầu nghĩ quẩn làm ba tôi cũng sốt ruột lây. Sau Tết 75, dường như Ba tôi đã hết chịu nổi. Vừa ra giêng, ông quyết định: “Thằng Út chuẩn bị ngày mai đi Cà Mau kiếm con Chuyền”. Má tôi nghi ngờ: “Cái gì? Thằng đi Cà Mau? Rủi...”. Má tôi chưa nói hết câu thì Ba tôi ngăn lại: “Bà cứ nói...”. Ba tôi cũng không nói hết câu.

Tôi ra cầu Phụng Hiệp, đứng đợi hết buổi sáng mới leo được lên chiếc xe đồ chạt như nệm cối để đi Cà Mau. Cà Mau heo hút thiệt. Trong cái gió Tết thoáng lạnh, trời thì mờ mây, mặt sông nước dâng tràn giáp mé chợ trông vừa buồn vừa lạ, gọi tôi có cảm giác nôn nao vừa như nhớ nhà mà vừa như nhớ một điều gì đó mà tôi cũng không rõ. Hình như là tôi nhớ chị tôi. Tội nghiệp. Tôi có năm anh em, chỉ có chị tôi là con gái, nên má tôi cưng như trứng mỏng. Sau khi ba anh của tôi hy sinh, chị tôi muốn gì má tôi cũng chiều. Bởi vậy...

Từ Cà Mau tôi đi hai ngày đường mới tới được Giáp Nước để tới nhà anh Nhân. Chị tôi cứ cuống lên như sợ ở nhà có chuyện gì. Nhà chồng của chị tôi cũng cuống lên vì mừng. Còn tôi thì sốt ruột định gặp được chị tôi thì về ngay sợ ở nhà trông. Nhưng tôi đã phải mắc kẹt lại Giáp Nước cả chục ngày mới từ giã được sau đám cúng cơm anh Nhân.

Những ngày đó tôi như quên mất tên. Mọi người cứ gọi tôi là “em vợ thằng Nhân” rồi thay phiên nhau kéo tôi đi giáp xóm hết nhà này đến nhà khác mà tôi không tìm được lời nào để từ chối. Đầu tiên, buổi sáng sau đêm tôi đến Giáp Nước, cậu Năm Mỹ ở gần nhà chồng chị tôi rủ tôi qua nhà ...uống trà. Bình trà chưa cạn thì anh Ba Đồi ở ngang kinh chống xuống qua rủ tôi và cậu Năm qua nhà anh ăn cơm. “Nhà còn con vịt, nghe mày xuống, hồi khuya chị Ba mày thức dậy nấu cháo”. Anh nói.

Tôi đến. Nhà anh Ba Đồi đã có mấy người ngồi quây quần. Ăn chưa xong bữa cháo, cậu Ba Thắng rủ cho bằng được tôi đến nhà chơi. Vậy là từ kinh Chín Quy tôi qua kinh Trâm Bầu. Rồi cứ vậy mà tôi hết nhà này đến nhà khác từ kinh Trâm Bầu qua Lung Lá, vô Bờ Mía. Tôi như người trong xóm. Tối đến thì “chủ nhà cuối cùng” đốt đuốc đưa về nhà chồng chị tôi. Cứ vậy mà tôi mắc kẹt lại Giáp Nước. Chị tôi nói hồi chị mới đến, ban đầu là bà mẹ chồng dẫn đi “giới thiệu vợ thằng Nhân”, sau đó thì hết nhà này đến nhà khác cũng “mời mọc” như vậy cả tháng trời.

Hôm nhà chồng chị tôi cúng cơm cho anh Nhân mà tôi cứ ngỡ như cả xóm cúng cơm cho anh Nhân. Tảng sáng, anh Ba Đồi xách tới cặp vịt rồi đi luôn ra nhà sau, cắt cổ cặp vịt xong bỏ đó, lên nhà trên uống trà. Lát sau, chị Ba Lợi ở đầu kinh bưng tới nửa thúng khoai môn. Cậu Ba Thắng từ kinh Trâm Bầu ra, quảy theo nửa giỏ đĩa cá đưa chị tôi: “Có cái đĩa, cậu đợi hôm qua mới tác”. Mợ Ba Thắng theo sau, bưng theo một thúng cải xanh và một bó đậu đũa. Mợ Ba Theo đem đến mấy trái mướp. Dì Năm Bích nhà kế bên xách tới hai trái bầu... Sản vật của cả xóm được cả xóm mang đến góp vào để cúng cơm anh Nhân.

Ngay sau ngày cúng cơm anh Nhân hôm mừng chín tháng hai Tết, tôi quảy quả trở về Hòa An. Sau đó chẳng bao lâu chị tôi trở về nhà. Chị nói: “Chị còn muốn ở lại Giáp Nước nhưng chị muốn thằng Lễ có cha nên chị về”. “Chị nói nghe lạ”. Tôi nói. Chị không nói gì.

Chị tôi ra Hòa An chứng nhận giấy tờ gì đó. Tôi hỏi, chị nói: “Chị muốn thằng Lễ được công nhận là con anh Nhân”. “Vậy nó là con ai mà không phải con anh Nhân”? Tôi bức bối. “Nhưng người ta không công nhận”. Chị nói buồn rầu. Xem xấp giấy chị cầm trên tay, tôi hiểu. Chị nói chị đi Cần Thơ tìm ông Tư Ngay tỉnh đội trưởng. Trở về, chị tôi đưa ra tờ xác nhận của ông Năm Khởi mỉm cười tự lự: “Còn đi tìm ông Chính ủy xác nhận”. Hai ngày sau, chị tôi trở về phờ phạc, nằm vùi. Ngày sau chị lại bỏ cơm. Ở nhà không ai dám hỏi han gì, sợ động đến chuyện chị đang buồn. Ngày sau nữa má tôi không chịu nổi, buộc miệng: “Con đi, chuyện ... ra sao”? “Không có gì”. Chị tôi nói. “Sao lại không có gì? Thôi bỏ đi. Thằng Lễ có bên Nội là được rồi”. Má tôi khuyên. “Còn chuyện học hành cho thằng Lễ nữa má ơi. Người ta đòi lý lịch”. Chị tôi nói trong nước mắt. Tôi rón rén: “Nhưng mà chuyện ra sao, chị nói em tiếp”? “Không ai tiếp được. Người chị kiếm nhờ xác nhận hy sinh rồi! Chị tôi thật sự nức nở.

Hai ngày sau chị tôi lại đi. Lại về. Rồi lại đi. Lại về... Cho đến ngày bên chồng chị tôi đến tìm thì chị đang ngã bệnh. Nghe chuyện, ông già chồng chị tôi điềm đạm: “Thôi con. Khó quá thì thôi”. Ông lại khuyên. “Ba với má lên xin phép ba với má con cho con với thằng Lễ về dưới ở. Còn chuyện nhà nước công nhận thằng Lễ là con liệt sĩ, Ba, má và các chú các cậu thằng Lễ sẽ lo.” Ông nói. Chị tôi rưng rưng.

Chị tôi còn bệnh chưa đi được. Mấy ngày sau thì bệnh chị tôi nặng hơn. Đưa vào bệnh viện, bác sĩ nói chị tôi bị suy nhược tổng quát, cơ thể không còn tiếp nhận được dinh dưỡng. Bệnh viện cho chị tôi “xuất viện”. Ba tôi quay mặt. Má tôi nức nở.

Mấy ngày sau thì chị tôi qua đời. Chị tôi mất khi chưa thực hiện được mơ ước là được công nhận là vợ liệt sĩ. Mơ ước đã làm nên cái chết của chị tôi sau những ngày đội nắng, dầm mưa, nhịn đói, chịu khát đi tìm người xác nhận chị là vợ anh Nhân.

Chôn chị tôi xong. Ông già chồng chị tôi nói ngắt quãng:

- Anh chị mất con còn vợ chồng tôi mất con dâu. Chuyện thằng Nhân, con Chuyền nên vợ nên chồng lẽ ra vợ chồng tôi phải biết. Nhưng chiến tranh, cách trở. Giờ hai đứa nó cũng không còn.

Trách nhiệm bây giờ là của người còn sống. Bởi vậy vợ chồng tôi muốn nói với anh chị, giáp năm cho phép vợ chồng tôi đem lư hương con Chuyền về dưới để các em nó thờ chung với thằng Nhân. Vợ choôi cũng muốn đem cháu nội về nuôi nếu được anh chị và các cháu cho phép.

Má tôi ngẩn ngại nhìn ba tôi. Ba tôi nói không úp mở:

- Nghĩa tử là nghĩa tận. Tình nghĩa vợ chồng là chuyện bá niên. Mẩu tử không thể tách rời. Ý anh chị, vợ chồng tôi hiểu. Nếu anh hỏi đem lư hương con Chuyền đi luôn bây giờ vợ chồng tôi cũng đồng ý. Nhưng con Chuyền mới chết, không có bàn thờ nhà cũng lạnh lẽo. Thôi thì mong anh chị chờ đến con Chuyền giáp năm. Còn chuyện thằng Lễ tới chừng đó tính luôn.

Tại nghiệp thằng Lễ, đến nay nó cũng chưa được công nhận là con liệt sĩ. Cũng may là nó chăm chỉ. Nó học hết đại học xây dựng mấy năm nay. Ngày mai đám giỗ anh Nhân mà nó đang tham gia khảo sát xây dựng cầu Mỹ Thuận nên không về được. Nó nhờ tôi đi thay xin lỗi nội nó. Chuyện vậy nên tôi mới về Cà Mau chứ chẳng có cơn gió lành nào đưa tôi đến như ông hỏi. Thôi ngủ đi, mai dậy sớm đi với tôi.

khi bắt gặp khung cảnh của hơn hai mươi năm về trước mà đêm qua Thảo đã kể. Khác chăng là quanh ngã tư Giáp Nước không còn “những thân dừa cụt đột như một bàn chông” mà Thảo đã nói. Thay vào đó là một dãy nhà cất theo ven sông trông khá hoang sơ. Cũng như tôi, Thảo nhận ra ngay cái nơi mà mình đã đến lần đầu cách đây hơn hai mươi năm khi anh nói: “Còn hai doi lá nữa là tới”.

Tàu ghé. Đi qua khỏi đập Chín Quy, Thảo nhắc:

- Chỗ này hồi đó là bãi lửa. Hồi tôi tới còn trái gài chưa ai dám đi bộ.

Tôi nhìn quanh “bãi lửa”, bây giờ là vài quán nước vắng khách và mấy căn nhà tạm bợ bên cạnh nhà máy xay lúa đang ngưng máy vì không có lúa. Dọc theo bờ kinh Chí Quy, tôi và Thảo đến nhà anh Nhân. Buổi trưa đầu năm nắng như đổ lửa báo một mùa mưa sớm. Giữa đường, một ông già nhận ra Thảo mừng rỡ, la toáng lên:

- Trời ơi, em vợ thằng Nhân!

Rồi ông hỏi đủ chuyện, nói đủ điều.

Khi sắp đến nhà anh Nhân, Thảo chỉ vào căn nhà cũ kỹ trống hoác, bên trong chỉ duy có chiếc sạp tre, hỏi:

- Nhà ai vậy chú? Hồi cháu tới chưa có.

Ông già sa sầm mặt:

- Ôi, nhà của xã lấy đất của liệt sĩ Nguyễn Văn Nô cất cho bí thư chi bộ ấp. Con Bích vợ thằng Nô đòi hỏi không trả, bà con trù ếm riết góc đầu không nổi nên nhà cửa trống hoác, trống hốc.

Rồi ông kể:

- Hồi tám hai, thỉnh không xã ra quyết định lấy phân nửa đất của thằng Nô chia cho thằng Sửu ở Lung Chim tới đây làm chi bộ ấp. Ở Lung Chim thằng Sửu cũng có đất, nhưng vợ nó thua bài bán hết rồi mới tới đây. Bữa Ba Thắng làm chính quyền ấp đo đất cặm bông tiêu, con Bích nhỏ dục. Ba Thắng tán con Bích hết một bộp tai. Con Bích la vang “chánh quyền đánh dân”. Nhưng cuối cùng thì đất cũng bị lấy. Con Bích kiện cả mười năm trời mà không ai giải quyết. Cho tới chín ba, xã kêu dân công lợi đắp nền nhà tính cất nhà khác cho thằng Sửu. Bà con tức quá xúm nhau mấy chục người qua nghĩa trang Giáp Nước đục nguyên khối xi măng của nhà nước xây để hài cốt thằng Nô đem về để lên chỗ nền nhà xã tính cất nhà cho thằng Sửu. Huyện cho công an qua nói thằng Nô là xã đội phó, có công lớn cho Phú Mỹ thành xã anh hùng, nên đòi lấy mộ thằng Nô về nghĩa trang huyện chôn để thực hiện chính sách. Bà con đâu có cho. Bà con nói, nếu thực hiện chính sách thì trả đất cho thằng Nô mới thực hiện chính sách. Cuối cùng huyện hứa trả đất, nhưng tới giờ còn bẻ co, đập nhẹp. Đó, cục mộ thằng Nô còn để sát bên vách nhà thằng Sửu đó, lòng cây khiêng bỏ vô nhà thằng Sửu bữa nào mà không được. Bà con chờ tới cúng cơm thằng Nô. Còn kể đó là nhà con Bích, vợ thằng Nô- vừa nói ông già vừa lia ngón tay theo hướng mình nói.

Máu “nghề nghiệp” làm tôi buộc miệng:

- Rồi ông Sửu còn làm bí thư chi bộ không chú?

- Đâu còn. Có đất rồi làm chi bộ chi? Mà hồi còn, dân cũng đã khai trừ nó rồi - Vừa nói, ông già vừa chỉ vào ngôi nhà.

Trong nhà, một người đàn ông dáng nhỏ thó đang nằm thu lu một mình trên bộ vạt tre nghiêng người nhìn ra.

Nói láp giáp mà đã tới nhà anh Nhân. Ngôi nhà nhỏ, cất sâu trong vườn, có lẽ là do thói quen cất nhà trong chiến tranh của ông chủ nhà. Tới trước sân nhà, ông già đi chung chúng tôi cất tiếng:- Chủ nhà ơi, ra coi có ai quen hôn...? Trong nhà anh Nhân có mấy người quay ra nhìn. Một người cất tiếng gần như thán thốt: “Trời, em vợ thằng Nhân!” Nhiều người chạy ào ra sân mừng rỡ. Thảo luống cuống:

- Cháu chào hết các chú các bác!

Từ nhà sau, một người phụ nữ vóc dáng nhỏ nhắn chạy ra mau mắn:

- Thằng Lễ đâu?

- Lễ nó bận khảo sát chuẩn bị làm cầu Mỹ Thuận nên không về được, nó nói cháu về xin lỗi bác với bác trai.

- Cái thằng!... Bà buông lỏng câu nói rồi quay ra nhà sau.

Đám giỗ anh Nhân khá buồn tẻ. “Những sản vật của cả xóm” như Thảo đã nói tôi không nhìn thấy đâu. Thay vào đó là mấy bọc bánh chợ, mấy chục chai nước ngọt để trên bàn thờ và dưới góc bàn thờ. Mọi người ăn uống qua loa rồi từ giả ra về.

Tối đến, tôi và Thảo được cậu Ba Thắng rủ lên nhà chơi. Trong ngọn đèn dầu leo lét nằm giữa kinh Trâm Bàu gọi tôi nhớ những năm tháng ở rừng. “Hồi chiến tranh, Giáp Nước chắc cũng như thế này đây”? Tôi thoáng nghĩ.

- Đám tiệc ở đây bây giờ buồn quá hả cậu? Tôi gọi chuyện.

- Ờ, nhiều người không có tiền nên không đi đám.

- Cậu được bao nhiêu ruộng?

- Sau giải phóng có chừng chục công. Các cùm tới nay sang thêm mấy chục công nữa, nên mùa rồi phải đóng thêm thuế phụ thu do làm ruộng nhiều. Chắc mùa này chỉ làm đủ ăn còn lại bỏ hoang một mớ, hoặc có ai sang thì sang lại. Làm ruộng nhiều phải chịu hai ba đầu thuế, không có lời. Đêm xuống sâu. Câu chuyện lan man sang toàn chuyện buồn. Thảo ngồi im lặng mỗi lần cậu Ba đưa ly rượu tới bưng lên uống, không nói gì. Trong ánh mắt thần không biết Thảo đang nghĩ gì? Thảo nhớ anh Nhân, nhớ chị Chuyển hay Thảo đang nghĩ đến chuyện thằng Lễ chưa được công nhận là con liệt sĩ?

Phải chi anh Nhân đừng hy sinh? Phải chi chị Chuyên đừng chết? Phải chi tôi đừng theo Thảo về Giáp Nước chắc lòng sẽ nhẹ nhàng hơn? Chai rượu đã cạn. Nhiều lúc cậu Ba Thắng, tôi và Thảo cùng ngồi im lặng, mỗi người theo đuổi theo từng ý nghĩ riêng. Còn tôi, bao nhiêu điều “phải chi” cứ dồn dồn trong đầu.

Cà Mau, 3/97

ĐĂNG HUỖNH LỘC

Vận rủi...

Đăng Huỳnh Lộc

Gần một tuần lễ dầm chân trong nước lũ, lưng phơi trần giữa một vùng trời “sáng nắng, chiều mưa” dọc đường từ Sài Gòn xuống Đồng Tháp qua An Giang, thân thể tôi nóng ran gần như lên cơn phát sốt khi sắp về đến Cần Thơ thì trên con “ngựa sắt” Vespa. Bụng đói cồn cào, phía Cần Thơ đang đổ mưa. Tôi lại tự nhủ, thân thể thế này mà lại lủi vào cơn mưa, về tới Sài Gòn có nước đi luôn vào... nghĩa địa “Bình Hưng Hòa”! Ngang qua khu Công nghiệp Trà Nóc, tôi cho xe chậm lại tìm một nơi có cái gì đó “bổ bụng”, tiện thể chờ cơn mưa qua.

Lúc tôi đang loay hoay cỏi ra khỏi người những thứ linh kinh, nào găng tay, áo khoác, khi ngẩng lên trước mặt tôi là một gã đàn ông phương phi đang nhìn thẳng vào tôi. Thay vì hỏi tôi muốn ăn gì, ông ta lại nói:

- Thấy quen lắm!

Tôi nhìn ông ta từ đầu tới chân và cố nén cảm xúc:

- Tôi và anh gặp nhau vài lần, cách đây mười hai năm. Nhưng gặp anh thì tôi nhớ ngay: Lư Tông Đức, tức Trứ, chủ Tổ hợp Sản xuất Anh Đào và là giám đốc Công ty Đại Phát và là chủ Cơ sở sản xuất dây điện Anh Đào.

Lư Tông Đức cười buồn:

- Hồi đó cách nay lâu rồi, tôi đã quên hết. Với anh thì tôi thấy quen lắm, nhưng phải nhắc mới nhớ!
- Nhưng tôi thì không quên, và chuyện của anh tôi xem như mình bị mắc nợ.

O

Hồi ấy, tôi là phóng viên kinh tế của một tờ báo tỉnh. Và, Lư Tông Đức được biết đến không riêng gì đối với giới làm báo. Sự ăn nên làm ra của Tổ hợp Sản xuất Anh Đào và sau đó là Công ty Đại Phát do Lư Tông Đức làm chủ đã trở thành niềm mơ ước của nhiều ông chủ sản xuất kinh doanh ở cái thị xã cuối cùng vốn là một bãi kho tàng đã chiến trong chiến tranh, vừa mới ngóc dậy sau vài năm giải phóng.

Tôi còn nhớ, vào nửa cuối năm 1981 từ căn nhà cũ kỹ ngang 4 mét, dài 13 mét tại số 112 Quang Trung, Khổng 2, Phường 5 bên bờ sông của một thị xã heo hút, Lư Tông Đức đã cho ra đời Tổ hợp Anh Đào với số vốn cố định và lưu động khiêm tốn. Cũng từ đó, từng lô hàng kem đánh răng, dầu gội đầu, mực học sinh mang nhãn hiệu Anh Đào lần lượt ra đời. Và, chẳng bao lâu sau Tổ hợp Anh Đào trở thành niềm tự hào của ngành công nghiệp ở cái thị xã cuối cùng đất này. Từng đoàn xe tải lần lượt đến chuyển hàng đi, nhiều vùng nông thôn sâu đang đói nhu yếu phẩm đã lần lượt nhận được sản phẩm của Anh Đào sản xuất. Rồi kem đánh răng Anh Đào lần lượt vượt biên giới đến với người lính đang làm nghĩa vụ trên đất bạn Campuchia theo hợp đồng của một đơn vị quân đội. Căn nhà ở số 112 Quang Trung cũng lần lượt đổi thay, và bảy năm sau nó trở thành một căn nhà ba tầng khang trang.

Một buổi sáng tháng 4/1988, người ta thấy trước cửa Tổ hợp Anh Đào lều tều của bảy năm trước trưng lên một bảng hiệu bắt mắt: Công ty Đại Phát! Nhưng Lư Tông Đức đâu hay rằng số phận đang chau mày với anh từ khi Công ty Đại Phát ra đời và điểm kết thúc của nó là khi anh quyết định dùng căn nhà 112 Quang Trung làm mặt bằng lắp đặt hệ thống máy sản xuất dây điện và vòng nhôm bao dũa chống chuột!

Buổi sáng như thường lệ, khi Đức đang bận rộn chuẩn bị cho một ngày sản xuất và những thành phẩm chuẩn bị giao hàng thì bất gặp trong chồng giấy tờ trên bàn một chiếc phong bì thư khổ lớn, bì thư là một tờ từ giấy A4 gấp đôi, được niêm lại. Bên trên góc trái phong bì là con dấu tròn đỏ của Ủy ban Nhân dân Thị xã; bên dưới là dòng chữ viết tay nắn nót đề kính gửi: Ông Lư Tông Đức, Chủ Công ty Đại Phát. Trên phong bì thư không có dấu bưu điện, chứng tỏ bức thư đã có người trực tiếp mang đến. Đức mở ra xem. Bên trong là một tờ giấy viết tay, nét chữ khá bay bướm:

Kính gửi: Ông Lư Tông Đức - Chủ Công ty Đại Phát.

Với tinh thần quan tâm đến các nhà sản xuất, những người góp phần tạo ra nhiều thêm sản phẩm cho xã hội và cũng là tác nhân góp phần làm giàu thêm nền kinh tế đất nước, đóng góp tích cực cho ngân sách địa phương.

Được sự chấp thuận của Thường trực UBND thị xã, Phòng Công nghiệp trân trọng kính mời Ông đến dự cuộc họp mặt thân mật với Thường trực UBND Thị xã và Lãnh đạo Phòng Công nghiệp Thị xã.

Vào lúc 16 giờ chiều nay

Tại Phòng họp UBND Thị xã.

Rất mong Ông sắp xếp công việc sản xuất để có mặt.

Bên dưới bức thư ký tên Trương Hoàng Giao, Trưởng Phòng Công nghiệp và là Chủ nhiệm Trung tâm Tín dụng Công nghiệp. Đức đọc lại bức thư một lần nữa và ngắm nghía cái tờ giấy đang cầm trên tay như thời trai trẻ anh ngắm nghía xem một bức thư tình, cố tìm những ẩn ý giữa các dòng chữ. Suốt bảy năm sản xuất kinh doanh, anh chưa một lần có dịp được gặp lãnh đạo ngành Công nghiệp Thị xã, trừ một lần cách đây bảy năm, sau gần một tháng chạy vay xin được phép mở Tổ hợp Sản xuất Anh Đào, anh đã được diện kiến Ông Trưởng Phòng Công nghiệp Thị xã để trình bày kế hoạch sản xuất và tui nghỉ ngơi chờ gần nửa giờ đồng để xin vốn vụn hai chữ bút phê: “Đồng ý”. Kể từ cuộc gặp đó, cho tới nay tiếp xúc với anh hàng tháng là một cán bộ thuế non choẹt. Mỗi lần đầu tháng anh ta đi đến bằng chiếc xe đạp, nhưng ít khi bước vào nhà mà đứng ngoài cửa để chờ nhận số tiền “dự nộp tiền thuế” hàng tháng mà ngành thuế đã ấn định cho Tổ hợp Anh Đào sau mỗi lần hiệp thương. Đương nhiên là mỗi lần trao tiền, Đức đều đưa thừa một ít gọi là tiền trà nước. Đến đầu tháng sau thì anh ta quay lại, thu tiếp số tiền “dự nộp tiền thuế” của tháng kế tiếp và trao cho Đức phiếu thu tiền thuế tháng trước được ký cách đó vài ngày. Lần gặp này thì quan trọng hơn nhiều, có cả Thường trực Ủy ban Nhân dân Thị xã. Đức nghĩ ngợi và suy t nữa thì anh bật lên thành tiếng: “Điềm lành hay dữ?”. Một lần nữa anh nhìn lại bức thư và linh cảm mách bảo với anh rằng thời thế đã thay đổi và anh sắp được gặp gỡ những con người đầy thiện chí. Đức liếc nhìn đồng hồ treo tường, mới chưa đầy 7 giờ sáng. Đức nhắm tính, bảy trừ mười hai là năm, cộng bốn là chín. Còn chín tiếng đồng hồ nữa mới đến giờ cho cuộc gặp gỡ thân mật! Chợt nghĩ đến lời lẽ của bức thư, bất giác Đức cảm thấy là mình đang mỉm cười.

Buổi chiều tháng 4 mát lành trong hơi xuân còn sót lại. Mặt sông Gành Hào nước lớn đang dâng, làm cho Đức cảm thấy cảnh vật xung quanh cái gì cũng đầy đặn. Thay vì đi quanh theo mép dốc để lên Cầu Quay cũ, anh lại vượt dốc đất đi thẳng lên mặt đường nhựa dẫn lên cầu. Khi đã bước lên cầu, anh cẩn thận nhìn xuống chân theo thói quen, thanh cầu bị gãy làm cho một đứa trẻ té chết ngày hôm qua đã được thay bằng một thanh gỗ xẻ ra từ một thân dừa. Trước mặt anh là một con dốc đồ dài dẫn đến Ủy ban Nhân dân Thị xã. Anh đưa tay vào túi, lôi ra chiếc “đồng hồ trái quýt” mà anh vẫn thường mang theo mỗi khi rời khỏi nhà. Còn mười lăm phút nữa mới tới giờ hẹn. Đến thì còn quá sớm mà ghé lại đây đó thì quá ít thời gian. Anh bước chậm lại và cảm thấy mình đang bước đi lú lú như chiếc kim gió trên mặt đồng hồ trái quýt! Bất giác anh phì cười một mình.

Đức lần thân trước trụ sở Ủy ban Nhân dân Thị xã một lúc, chờ đúng giờ mới bước vào. Khi nghe tên anh, cô thư ký nhanh nhẩu vừa rời ghế, vừa lên tiếng:

- Máy chủ đang chờ chủ bên phòng họp.

Theo hướng dẫn của cô thư ký, Đức bước vào. Trước mặt anh là chiếc bàn hình bầu dục với những chiếc ghế tựa xếp bao quanh đều đặn, bên kia mép bàn hai vị lãnh đạo cùng lúc đứng lên đưa tay ra. Cả hai Đức đều biết mặt, bên phải là Huỳnh Văn Bảo, Phó chủ tịch Thị xã và bên trái là Trương Hoàng Giao, người đã ký tên bức thư gửi cho Đức. Sau khi vị Phó chủ tịch đã yên vị, Trương Hoàng Giao mời Đức ngồi nhưng ông vẫn tiếp tục đứng. Ông mở lời bằng những lời lẽ khen tặng Tổ hợp Sản xuất Anh Đào đã mạnh dạn nâng lên thành mô hình Công ty Đại Phát, tham gia nhiều đóng góp cho thành tích địa phương, nhất là việc ủng hộ ứng trước tiền thuế của năm nay để địa phương hoàn thành chỉ tiêu ngân sách năm trước vượt thời gian. Sau đó ông thông báo nội dung cuộc gặp gỡ là Thường trực Ủy ban muốn lắng nghe những thuận lợi cũng như những khó khăn của Công ty Đại Phát. Đức ngồi nghe mà như uống từng lời. Để kết thúc bài “đích cua”, Trương Hoàng Giao khuyến khích:

- Lưới điện quốc gia sắp về đến xứ sở tận cùng tổ quốc chúng ta. Nhu cầu sử dụng dây điện trong tỉnh và của thị xã là rất lớn, nhưng cả tỉnh mình chưa có sơ sở sản xuất dây điện. Tương tự, hiện nay cơm dừa trở thành mặt hàng xuất khẩu chiến lược của tỉnh, mà dừa nhiều nơi chuột phá dữ quá. Nếu ông làm được cả vòng bao dừa chống chuột nữa thì càng hay. Ông coi có nguồn nào vay mượn mua máy, khi lắp đặt xong đi vào sản xuất, cho ra sản phẩm, Phòng Công nghiệp sẽ ủng hộ ông hết mình để ông hoàn vốn với lãi suất thấp nhất, chỉ khoảng 3%/tháng.

Như để cho bài “đích cua” thêm phần ép phê, Hoàng Giao nhìn sang Tám Bảo nói tiếp:

- Anh Tám phân công tôi phải mời cho được ông đến cuộc gặp gỡ này là chỉ có vậy. Thôi mình qua phòng bên ăn với nhau một bữa cơm cho vui!

Bữa cơm thật sự là một cuộc gặp gỡ thân mật. Dù đã bốn sáu tuổi đầu nhưng hình như anh chưa lần nào thử nếm qua cái vị đắng đắng, cái mùi nồng nồng của men bia. Hôm nay thì anh đã uống hết hai chai bia Sài Gòn 50. Cái thứ bia mà theo Trương Hoàng Giao là phải có ý kiến của Thường trực tiếp khách, thương nghiệp mới chịu bán. Khi vị Phó chủ tịch hỏi lại anh cái vụ sản xuất dây điện tính sao? Lư Tòng Đức trả lời trong ngà ngà hơi men:

- Sản xuất mà bán được hàng, nếu một tháng quay được một vòng vốn thì thường lời chỉ khoảng 4%, tức lời 4%/tháng. Nếu các anh chắc cho vay hoàn vốn 3%/tháng thì làm được.

Trương Hoàng Giao nói ngay:

- Sao lại không chắc! Anh Tám đây là Phó chủ tịch Thường trực phụ trách kinh tế, tôi là Trưởng Phòng Công nghiệp, vừa là Chủ nhiệm Trung tâm Tín dụng Công nghiệp. Ông không tin thì còn tin ai?

Đức lưỡng lự:

- Nếu chắc vậy thì một tháng nữa, tức nửa tháng năm tôi sẽ sản xuất ra dây điện.
- Còn vòng nhôm bao dũa chống chuột? – Tám Bảo hỏi.
- Cũng sẽ có luôn! – Đức nói.
- Hoan hô! Minh vô đi. – Trương Hoàng Giao đưa ly lên, hứng khời.

Câu chuyện về cuộc gặp gỡ thân mật được Đức kể lại với một số thân hữu. Có người khuyên: “Nếu làm được mà ngon ăn thì Phòng Công nghiệp hoặc Xí nghiệp Cơ khí hoặc Công nghiệp quốc doanh đã làm”. Đức cãi lại: “Nhưng hình như Nhà nước muốn tạo điều kiện để khuyến khích mình phát triển kinh tế tư nhân”. “Cái đó thì dễ coi”, có người nói.

Nhưng với người ta thì “dễ coi”, còn Đức thì vào cuộc. Để đi đến thực hiện việc đầu tư, Lư Tông Đức đã đi vay 40 lượng vàng 24 Kara với thời hạn một tháng, lãi suất 20%/tháng. Từ vốn vay này, tại nơi từng ăn nên làm ra từ kem đánh răng, dầu gội đầu, mực học sinh được lắp đặt một hệ thống máy sản xuất dây điện cùng với máy ép vòng bao dũa chống chuột. Và, thế là cái tám bảng hiệu Công ty Đại Phát được thay bằng dòng chữ khiêm tốn: “Tổ hợp sản xuất dây điện Anh Đào”. Giữa tháng 5/1988, Lư Tông Đức cho mời đại diện Ủy ban Nhân dân Thị xã và đại diện Phòng Công nghiệp đến Tổ hợp sản xuất dây điện Anh Đào để “trình làng” sản phẩm dây điện. Đến dự tất nhiên là có mặt Huỳnh Văn Bảo và Trương Hoàng Giao. Tại cuộc gặp gỡ không kém phần thân mật này, vị đại diện Ủy ban Nhân dân thị xã đã phát biểu và cho ý kiến chỉ đạo: Tổ hợp sản xuất dây điện Anh Đào phải phối hợp với Phòng Tài chính Thị xã để xây dựng giá bán sản phẩm dây điện, và Phòng Công nghiệp phải phối hợp với Trung tâm Tín dụng Công nghiệp lập kế hoạch cho Tổ hợp Anh Đào được vay vốn ưu đãi với lãi suất 3%/tháng đủ để hoàn vốn đầu tư. Ngay buổi chiều hôm đó, Đài Truyền Thanh Thị xã đã phát đi “toàn văn” bài phát biểu của vị Phó chủ tịch cùng với lời dẫn đầy ca tụng: Tổ hợp Sản xuất Anh Đào đã chuyển hướng hoạt động theo sự chỉ đạo!

Ngay hôm sau đó, Phòng Tài chính Thị xã đã lập tức ấn định giá bán dây điện cho Tổ hợp Anh Đào để tránh tư thương lợi dụng dây điện khan hiếm mà tăng giá, làm rối loạn thị trường! Còn việc xin vay hoàn vốn của Tổ hợp Anh Đào phải chờ Phòng Công nghiệp và Trung tâm Tín dụng Công nghiệp lập kế hoạch. Đức lặng lẽ chi ra mười hai triệu đồng để trả lãi cho bốn mươi lượng vàng vay. Rồi một tháng nữa lại chóng vánh tiếp tục trôi qua. Đức lại phải chi tiếp mười hai triệu đồng để tiền lãi, nhưng Phòng Công nghiệp và Trung tâm Tín dụng Công nghiệp vẫn chưa lập được kế hoạch cho Tổ hợp Anh Đào vay vốn. Thời hạn vay vốn bốn mươi lượng vàng đã quá hạn hai tháng, và mười hai triệu đồng tiền lãi từ bốn mươi lượng vàng vay đang chờ. Lư Tông Đức đành phải thế chấp giấy tờ căn nhà ba tầng số 112 Quang Trung cho Công ty Kinh doanh Vàng bạc Tỉnh để được vay mười lượng vàng với lãi suất 5%/tháng để trả bớt nợ.

Năm tháng sau đó Tổ hợp Anh Đào cũng chưa được Phòng Công nghiệp và Trung tâm Tín dụng Công nghiệp lập kế hoạch cho vay vốn. Lư Tông Đức lại phải đến Ngân hàng Công thương Tỉnh xin vay lần lượt với nhiều khế ước để có tiền trả nợ vàng vay vốn mua máy làm dây điện và để có vốn hoạt động.

Giá bán dây điện với lợi nhuận được Phòng Tài chính Thị xã ấn định, còn việc cho vay hoàn vốn đầu tư thì chưa thấy tâm hơi. Lư Tông Đức phải đứng trước gánh nặng nợ nần.

Chờ đợi mỏi mòn, cho đến một chiều cuối tháng 4/1989, Lư Tông Đức nhận được thông báo cũng với chữ ký quen thuộc của Trương Hoàng Giao là Trung tâm Tín dụng Công nghiệp đã có kế hoạch cho Tổ hợp Anh Đào vay vốn để hoàn vốn đầu tư hệ thống máy sản xuất dây điện. Đức nhẩm tính, như vậy là đúng tròn một năm kể từ ngày diễn ra cuộc họp thân mật giữa anh và Thường trực Ủy ban Thị xã cùng lãnh đạo Phòng Công nghiệp, nếu tính theo thời gian mà lẽ ra Phòng Công nghiệp phải thực hiện lời hứa cho vay hoàn vốn từ khi Tổ hợp Anh Đào sản xuất ra sản phẩm dây điện là một khoảng thời gian chờ đợi 10 tháng. Đó là một khoảng thời gian mà Lư Tông Đức đã phải mười lần trả lãi mười hai triệu đồng cho bốn mươi lượng vàng vay ban đầu để mua máy. Đó là khoảng thời gian mà Đức đã phải nộp lãi sáu lượng vàng cho mười lượng vàng vay ở Công ty Kinh doanh Vàng bạc. Đó là khoảng thời gian mà Đức đã phải nộp một trăm sáu mươi triệu đồng tiền lãi cho Ngân hàng Công thương Tỉnh cùng với vốn gốc hai trăm ba một triệu đồng. Đó là khoảng thời gian mà Đức đã phải trả lãi cho một Hợp tác xã Tín dụng Phường mười bốn triệu bảy trăm mười ngàn đồng cho số vốn vay bốn ba triệu bảy trăm ngàn đồng. Đó là khoảng thời gian mà Đức đã phải trả bảy trăm sau mươi ngàn đồng tiền lãi cho số vốn vay hai triệu đồng cho một hợp tác xã Tín dụng phường khác...

Đức mừng thầm tự nhủ, cái gì đến rồi cũng đến. Nhưng đến khi hoàn tất khế ước vay một trăm năm mươi triệu đồng của Trung tâm Tín dụng Công nghiệp Thị xã thì anh mới vỡ lẽ, tỷ lệ lãi suất tiền vay là 11,5%/tháng! Trong khi lợi nhuận do Phòng Tài chính ấn định cho Tổ hợp Anh Đào từ việc sản xuất dây điện là 4%/tháng. Nếu chấp nhận vay vốn thì con số “thâm thụt” mỗi tháng sẽ là 7,5% của một trăm năm mươi triệu tiền vay. Nhưng có còn hơn không. Có để thanh toán khoản nợ bốn mươi lượng vàng với lãi suất 20%/tháng mà Đức đã vay vốn ban đầu mua máy! Đức giống như một người đập gai, lấy gai lẻ để rồi tiếp tục bị gậy gai vào vết gai cũ. Đã nợ lại càng chồng nợ. Nhằm xoay sở tình thế nợ nần, anh quyết định chuyển hướng kinh doanh, mua về khung máy dệt khăn lông từ Tân Bình, máy cán nhựa PE từ Quận 10, máy ép túi nhựa từ Quận 5 để sản xuất mặt hàng mới: Khăn lạnh phục vụ cho năm du lịch 1990. Nhưng vào một ngày đầu tháng 10/1989, khi đang cho máy dệt khăn lông

chạy thử thì Đức bị bắt, toàn bộ tài sản bị niêm phong.

O

... Lư Tông Đức, tức Trứ, sinh năm 1942, trú quán số 112 Quang Trung, Khóm 2, Phường 5... Chủ cơ sở sản xuất dây điện “Anh Đào”... Cha: Lư Tài (chết); Mẹ: Trịnh Thị Màu, 71 tuổi. Vợ: Nguyễn Thị Mai, 40 tuổi. Con: 4 đứa (lớn 14 tuổi, nhỏ 7 tuổi). Can tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản Xã hội chủ nghĩa”. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên phạt 10 năm tù giam... Về trách nhiệm dân sự: Lư Tông Đức phải trả cho Công ty kinh doanh vàng bạc Tinh 10 lượng vàng từ 9,7 tuổi trở lên, nộp trả cho HTX Tín dụng Phường 2 số tiền là 10 triệu đồng, nộp trả cho Ngân hàng Công thương Cà Mau 85 triệu 200 ngàn đồng, nộp trả cho Trung tâm Tín dụng Công nghiệp Thị xã Cà Mau 142 triệu đồng, kê biên toàn bộ tài sản (gồm nhà cửa, máy móc trang thiết bị, nguyên liệu, hàng hóa tồn kho) phát mãi để trừ nợ. Án phí trong hạn ngạch phải nộp 12 triệu đồng; Án phí sơ thẩm phải nộp... Nếu sau bản án có hiệu lực một tháng mà bị cáo chưa thi hành án thì toàn bộ số nợ trên được tính theo lãi suất hiện hành. Các đồng chí công an đưa bị cáo về trại tiếp tục thụ hình...

Đó là tất cả những gì mà Hội đồng xét xử của Tòa án Nhân dân tỉnh Tỉnh đã tuyên trong bản án sơ thẩm được xử lưu động tại Phòng xử án Tòa án Nhân dân Thị xã trong buổi sáng ngày 24/5/1990 đối với Lư Tông Đức, chủ Tổ hợp Anh Đào.

Sau lời tuyên bố “Phiên tòa đến đây kết thúc” của vị chủ tọa, nhưng nhiều người có mặt trong phòng xử án vẫn cứ ngồi im, không ai muốn đứng lên – dường như họ không nỡ bỏ mặc Lư Tông Đức ra đi. Cuối cùng thì vị đại diện Trung tâm Tín dụng Công nghiệp Thị xã – cơ quan đã truy tố Lư Tông Đức, trầm ngâm đứng dậy với đôi mắt tự vấn như cảm thấy rằng mình có lỗi. Vị đại diện Công ty kinh doanh vàng bạc Tinh – cũng là “chủ nợ” của Lư Tông Đức đang ngồi kề bên tôi buông thõng một câu:

- Mức án tuyên quá nặng đối với một nhà sản xuất!

O

Sau phiên tòa, tôi đã viết một bài báo về “con đường dẫn đến phạm tội” của Lư Tông Đức. Nhưng bài báo chỉ còn lại là một mẩu tin về phiên tòa khi được đăng lên trang nhất. Ban biên tập giải thích “đây là án điểm về vay vốn tín dụng, không được thông tin về những khía cạnh khác!”. Vậy là với chuyện của Lư Tông Đức, tôi tự xem như mình bị mắc nợ. Không lâu sau, căn nhà của Đức được giao cho cơ quan Trọng tài kinh tế tỉnh quản lý, máy móc hàng hóa thì Phòng Công nghiệp Thị xã đến chở đi đâu đó. Mẹ, vợ và bốn con của Đức đi đâu tôi cũng không rõ. Nghe đâu trị giá căn nhà cùng với tài sản của Đức khi đối trừ nợ còn thừa một ít, nhưng những người thân của Đức đi đâu không rõ địa chỉ, nên không có người nhận.

Bây giờ thì Lư Tông Đức đang đứng trước mặt tôi, giữa một nhà hàng ăn uống đối diện với khu Công nghiệp Trà Nóc.

Tôi gọi chuyện: “Vi sao lại bỏ cái thị xã từng ăn nên làm ra mà ra đi?”

Anh lập lại: “Chuyện mười hai năm trước tôi đã quên hết! Bỏ xứ để làm lại từ đầu”.

Tôi tò mò: “Bắt đầu là chuyện gì?”

Anh nói: “Thiếu cái ăn thì mua bán cái ăn”!

Đức nói vậy, nhưng tôi hiểu cái máu mê máy móc chưa chịu ngủ yên trong anh, chắc vì vậy mà không phải vô cớ anh đến một nơi đối diện với Khu công nghiệp Trà Nóc để “làm lại từ đầu”.

Cần thơ, mùa triều cường 2002

ĐĂNG HUỖNH LỘC

Rừng báo bão

Đăng Huỳnh Lộc

1

Tôi đã nhận ra nơi quen thuộc nhưng lại có cảm giác như chưa đến đây bao giờ cả. Những ngôi nhà phân bố dọc triền sông như vừa từ nước mọc lên, lọt thỏm giữa vùng trống rỗng với những ô nước ẩn màu đất xám tựa khu định cư của dân tộc K'ho bên triền thung sâu.

Ngày trước, hai bên con sông này đầy ngập cánh rừng, đứng cách chừng trăm thước không dễ gì nhìn thấy mặt nhau, giờ chỉ còn lại duy nhất cây đước quỳ - nơi chúng tôi thường làm điểm hẹn trước khi vượt sông. Cây đước quỳ đứng nghiêng vẹo trước mệnh mông của gió, giống như con nai già vừa bị trúng đạn, gắng sức ngoái cổ nhìn lại vòm Máng Gào trước khi ngã gục.

Đang mùa lòng chung, cái mùa gió tranh ngon mà gió cứ ào ạt thổi. Từ khi bắt đầu có trí nhớ, dường như chưa lần nào tôi đứng trước cái gió oằn oại như thế này. Gió Nam Hòn Khoai từ vòm Ông Linh - Cả Quản mãi miết thổi vào, gió chướng từ vòm Rạch Tàu nghiệt ngã thổi sang, cuộn tròn tạo thành xoáy lốc, bốc từng nắm nước tung lên, khi thì ở đoạn vòm rạch Sát Cò, lúc ở khúc vịnh Nước Sôi. Trong âm thanh tiếng gió tôi nghe như có tiếng người đồng vọng, tiếng đồng đội tôi đã gởi phần thịt lại đất này hòa lẫn tiếng của những người còn sống.

Như thời thơ ấu, tôi thường ngồi nghe tiếng động cơ đều đều hát một bài hát quen thuộc, giờ đây trong âm thanh tiếng gió tôi như nghe có tiếng của ba tôi: "Con nên biết rằng mỗi thân được là một sinh linh, khi ngã xuống

góc không bao giờ tái sinh...". Dư âm ấy cứ điệp khúc, thì dồn dập, lúc lắng đọng xa xôi.

Trời đang sáng, hoàng hôn bỗng ập đến không hề báo trước. Nhớ ngày nào, những lúc ngồi chờ đến giờ vượt sông tôi thường say sưa ngồi nhìn ánh nắng vàng chiếu chênh chếch xuyên khoai vào khoảng cây rừng, khi mặt trời chậm chạp lùi xa trên biển phía Tây, để lại cảnh rừng chiều âm u, cũng là lúc các giang thuyền của Hạm đội nổi của Mỹ ngừng hoạt động trên sông. Ngày nay, các cánh rừng chỉ còn lại là những ô vuông trống rỗng phủ nước, trải hầu hết lên diện tích lâm phần, gồ ghề góc và cánh cây mục, nằm phơi trần trên mặt đất xám màu trầm tích như những tấm vải bố căng trên khung gỗ, bày la liệt trong phòng của một họa sĩ vừa quét dở lớp sơn dầu màu nền xám sẫm và có vẻ như chủ nhân của nó không còn muốn vẽ thêm một màu nào nữa lên đó.

Cánh rừng cũ đã biến mất như có phép phù thủy trong chuyện cổ tích, để cho hoàng hôn ập đến không phải trong chuyện cổ tích mà ngay trước mắt tôi. Cái gì sẽ còn biến mất nữa? Tôi tự hỏi. Những cơn mưa rừng dồn dập kéo dài đã biến mất, để lại giăng giăng mưa phùn trắng mỏng như màn lưới rê tôm bao phủ xuống vùng rừng và tiếng bìm bịp âm âm vang vọng gọi con nước lớn vào mỗi bình minh đã lâu rồi tôi không còn nghe lại ở giữa vùng rừng ngập mặn. Điều đó như nói với tôi rằng, thiên nhiên trông bề ngoài có vẻ đơn giản, nhưng không bao giờ bộc lộ hết một lần những điều bí ẩn của nó, chỉ trên cơ sở sử dụng con người mới có thể phát hiện hết sự phản ứng của thiên nhiên.

Đứng nhìn dòng sông Ông Trang bị khoét lồi lõm ven bờ do xói lở, những góc được già với bộ rễ chân nom tạo dáng vững chắc là vậy đã lần lượt thay nhau lao xuống dòng nước, kéo theo từng mảng đất, để lại ven bờ những dấu vết tựa hồ bom cũ làm tôi nhớ đến cảnh nhà thờ Xương Điền ở Văn Lý và cầu Kiên Chinh được xây dựng trên đất liền cách nay chừng 40 năm, giờ đang đứng chơi vơi giữa biển, cách bờ chừng 2 km. Và, mới đây thôi xói lở cũng đã rút đi hàng trăm ngôi ở cửa Gành Hào, bên dòng sông Năm Căn, bên dòng sông Ông Đốc ven rừng ngập mặn.

Cánh rừng nào sẽ che chắn đây, khi vùng Đất Mũi này phải đứng trước sự giận dữ của thiên nhiên, như thiên nhiên có lần đặt thủ đô Lisbon của Bồ Đào Nha trên bờ Đại Tây Dương nằm trong sự giận dữ của nó hồi 9,30 giờ sáng ngày 1 tháng 11 năm 1755. Cả thủ đô Lisbon tráng lệ đã không còn nhiều lắm những viên gạch nằm chồng lên nhau bởi sóng thần. Trận động đất làm 25.000 nhà, lâu đài, dinh thự đổ nát và biến mất; có ít nhất 35.000 người chết và mất tích (có nguồn tin nói số người chết và mất tích có đến 60.000 người). Cánh rừng nào sẽ che chắn đây, nếu cái vùng Mũi này phải nằm trong "Đêm kinh hoàng của tạo hóa" mà một nhà khoa học đã đặt tên cho đợt sóng thần ngày 5 tháng 11 năm 1962 trên bờ biển Curin và Camsatca. Đêm đêm, mực nước biển bỗng rút xa bờ biển Curin và Camsatca chừng 500 mét rồi dâng trào cuộn cuộn trở lại cao chừng 10 mét, tiến vào đất liền quét sạch vùng Bôicôvô và nhiều khu dân cư khác, không một người sống sót, cả vùng Bôicôvô chỉ còn sót lại một ngôi nhà duy nhất xây bằng đá. Thiên nhiên vốn tự cân bằng ngay cả trong chính sự biến đổi của nó, nếu có tác nhân phá vỡ sự cân bằng đó thiên nhiên không phải là không biết nổi loạn!

2

Thiên nhiên kỳ diệu đã bắt dòng hải lưu mang phù sa đến đây, đặt lên cái vùng Đất Mũi này nằm vào khu vực của vĩ tuyến 28 tựa hình một trái tim, nằm kẹp giữa biển Đông và Vịnh Thái Lan với những cửa sông ở biển phía Đông mở lối vào các dòng sông lớn, ăn sâu, đan chéo và chằng chịt trong nội địa rồi đi ra cùng với mệnh mệnh ở biển phía Tây với biên độ triều cao, hội đủ điều kiện thuận lợi cho việc hình thành rừng Sác. Theo dòng hải lưu, phù sa đã đến đây đọng đầy lại vùng Mũi này trong trò chơi của sóng biển quanh năm, tạo nên những dòng đất phù sa non ướt đầm nước mặn, phơi mình đón nhận những chùm rễ "long hút" của trái mấm như những chùm pháo hoa. Bộ rễ ấy vươn lên lộ thiên thành triệu triệu mũi chông, đâm vào sóng biển đang nặng trĩu những hạt phù sa... Khi nền đất vừa đủ độ cứng mà họ mấm đã cứng cố được thì các loài đước, vẹt, dà, giá... đã trở thành "cư dân" thứ hai đến đây trong quá trình diễn thế của rừng ngập mặn.

Cứ thế, cứ thế rừng Sác trở thành một tấm bình phong khổng lồ ngăn gió, giữ mây, chứa trên tán rừng một tầng dày hơi nước, chỉ cần một cơn gió lạnh thoáng đến cũng đủ làm nên cơn mưa.

Rừng Sác Cà Mau chẳng khác nào một đất nước với 46 dân tộc - các loài cây - trên một quốc gia thống nhất, cùng với hơn 200 loài chim là những ngoại kiều sẵn sàng cư trú... chính trị vĩnh viễn vì sự an toàn và ổn định của hệ sinh thái. Mới ngày nào nơi đây hãy còn là chốn bình yên cho loài vượn, đã hình thành nên tên đất Viên An. Chính nơi đây đã có hằng số sinh thái cao ngang bằng với cánh rừng ngập nước lớn nhất thế giới ở cửa sông Amazon của Brasil, vượt xa cánh rừng ở sông Hằng của Ấn Độ, hơn hẳn cánh rừng bên bờ sông Laruy của Philippin. Vậy mà giờ đây, giờ đây trước mắt tôi chỉ còn là mệnh mệnh của gió, mặt đất lâm phần san sát những ô vuông chứa nước nuôi tôm, quanh khu vực các trạm kiểm lâm, các lâm ngư trường chất giăng, đầy ắp, la liệt những đồng cây nhìn giống như những hàng mộ trong những nghĩa trang.

Trên những con sông hội tụ đã tạo nên rừng đang quặn mình gồng gánh những đoàn xuống nổi nhau dài dằng dặc đầy ắp cây rừng, tựa hồ những dòng máu đang lan chảy từ một cơ thể vừa bị phá vỡ.

Bóng đêm như muốn nói với con người ở đây điều gì mà bầu trời kéo từng cụm mây về đây vùn vùn. Ven bờ sông, sóng lại hát điệp khúc của gió ban ngày "...mỗi thân đước là một sinh linh".

Tôi tha thần bước dọc dài theo con đường mòn của xóm Ông Trang mà cứ tưởng như đang đi trên đám tro

tàn của rừng ngập mặn. Đất phù sa mới dưới chân, muối khoáng của biển mặn hòa vào đất tân sinh dưới chân, mùn bã - dấu vết của rừng xưa dưới chân nhưng cánh rừng cũ chỉ còn lại như là trong huyền thoại, một huyền thoại không phải bắt đầu bằng những chữ "ngày xưa, ngày xưa" mà là... "hồi đó". Như mỗi bận về quê, ông tôi hay kể: "Hồi đó ở đây là lô rừng tràm 388...", má tôi lại kể: "Hồi đó, rừng đước Cây Thơ bị máy bay Mỹ rải chất độc hóa...". Rồi đây, chẳng lẽ nào tôi lại kể với thế hệ sau tôi rằng: Hồi đó, hồi đó ở đây có rừng ngập mặn...

Sau lưng tôi là vàm sông Ông Trang chảy giữa xã Viên An. Trước mắt tôi là vàm Rạch Tàu, phía ấy ngọn đèn Hòn Khoai cứ cháy chớp tắc ngắt quãng từng lúc không đều tựa như tín hiệu cấp cứu. Mặt sông, con nước lớn đang dâng che phủ sự hoang tàn của xói lở hai bên bờ làm cho dòng sông như rộng ra hơn. Dòng bọt xầm ngầu phù sa đang dừng lại giữa hai đầu con sông, nơi giao thoa sóng triều. Phù sa cứ lắng lại đây như một sự vô tình. Nhưng thiên nhiên nào có vô tình, chúng đang cố gắng tự cân bằng để không tự phá vỡ ngay chính bản thân chúng. Nghĩ đến thiên nhiên, bất giác tôi lại liên tưởng đến tính năng của một trái lựu đạn!

Hai dòng bọt ngược chiều xầm ngầu phù sa, đang dừng lại chỗ giáp nước giữa hai đầu con sông nơi giao thoa sóng triều, dường như chúng đang trầm tư nghĩ rằng có nên dâng cao lên nữa hay không? Nếu dâng cao lên nữa và dâng cao lên nữa?

Vùng Mũi nằm kẹp giữa biển Đông và Vịnh Thái Lan với hàng trăm cửa sông ở biển phía Đông thâm nhập vào nội địa rồi ăn thông ra biển phía Tây bằng những con sông đang ngày càng tự mở rộng do xói lở vì không còn những ven rừng phòng hộ, trên những dòng sông ấy đang có bao nhiêu nơi "giáp nước" như vậy? Đang có bao nhiêu con sông từ nội địa cùng ăn thông ra hai phía biển để đón nhận thủy triều cùng lúc từ hai phía biển thâm nhập vào nội địa? Nếu biên độ triều dâng cao và dâng cao lên nữa?

Đêm, khi đang nằm ngủ trong ngôi nhà sàn của một ngư dân tôi chợt thức giấc vì âm thanh lồm bồm của cá thòi lòi chạy trốn con nước lớn dưới sàn nhà. Trong cơn mơ màng tôi thấy mình đang trôi vờ trong biển nước giữa một cơn nước dâng bất thường và cả vùng Mũi đang ngập trong nước mênh mông.

Tôi choàng dậy. Trời khuya thắm đẫm hơi lạnh của cơn bắc non, mảnh trăng cuối tháng nằm dán vào lưng trời như vành miệng nghiêng méo sấp bật khóc trên gương mặt vô hình. Nước lớn đang dâng lên vào đêm như thường lệ, ngọn đèn Hòn Khoai vẫn chớp tắc ngắt quãng không đều nhưng không có vẻ gì là tín hiệu cấp cứu. Giữa thình vảng, bất giác tôi lại nghĩ rằng nửa đêm về sáng là giờ của các nhà thơ chứ không phải là giờ của những tên sát nhân, những tên sát nhân ngày nay nào chỉ phạm tội vào ban đêm!

3.

Ngày nào, mỗi chúng tôi đều ngồi đợi bình minh đến. Cái khoảng giữa của ngày đêm thuở ấy đối với chúng tôi thật dung dị và vô cùng nghiệt ngã. Ánh ngày mới trong vắt xuyên vào khoảng cây rừng tạo thành hình rẽ quạt soi rõ triệu triệu giọt sương đang bay và âm thanh ma quái của các giang thuyền của Hạm đội bảy của Mỹ đang hoạt động trên sông Năm Căn như tiếng kêu xiết của tử thần... Nhưng chúng tôi đã có rừng che chắn, chúng tôi đã có cái điệp trùng của triệu sinh linh che chắn và chúng tôi vẫn sống cùng với sự có mặt của rừng, vì sự có mặt của rừng.

Ngày ấy, chúng tôi hiểu về rừng như là một sức mạnh chứ không chỉ là thể mạnh. Và, khi rừng bị xem là thể mạnh thì sức mạnh của rừng đã bị thuyết phục, sắp bị hủy diệt. Con người tuyệt đỉnh không thích sự tồn tại của những gì được gọi là thể mạnh chẳng? Có lẽ vì vậy mà con người đã khai thác nó, bòn rút nó cho đến khi nào mà nó hãy còn chưa cùng kiệt.

Không, rừng không chỉ là thể mạnh. Rừng còn tiềm ẩn cả sức mạnh của thiên nhiên. Hãy giữ lại thể mạnh của rừng, hãy bảo vệ thể mạnh của rừng và hãy cảnh giác sức mạnh của nó!

Bình minh. Một ngày mới lại đến. Những đoàn xuồng đầy áp cây rừng - dòng máu đang lan chảy từ một cơ thể vừa bị phá vỡ - đang nối nhau dài dằng dặc trên các dòng sông. Trên các dòng sông nước vẫn cứ ạt ào đổ xiết, dọc bờ đi quanh các xóm thôn nước đã dâng lên vượt bờ ngăn mặn chảy tràn qua tựa như những đập tràn của dãy dài những thác nước nhỏ.

Trời dập dềnh. Nhưng không khí không còn là sự mát lành, dễ chịu của mùa Đông nhiệt đới mà trở thành cái rét đậm còn cao sau những ngày nắng hè đổ dồn như trút lửa bằng những đường thẳng vuông góc với mặt đất xứ này. Mùa hè nhiệt đới không còn là cái nắng ầm ập và mùa đông nhiệt đới không còn là không khí mát lành lý tưởng nữa. Những thứ thuộc về trời đất tưởng chừng như ổn định giờ đã bị chuyển dịch. Thiên nhiên đang báo hiệu những điều bất thường.

Rừng ngập nước Cà Mau có biến mất, nhưng đất này không bao giờ trở thành sa mạc, đất tân sinh vẫn chưa đủ độ kết dính, phong hóa của cằn khô. Nó chỉ có thể bị vữa ra và biến mất, sự biến mất còn dễ dàng hơn khi chúng từng lớp, từng đợt hình thành. Mũi Cà Mau đang co rúm lại trước dòng hải lưu chuyển hướng.

Tôi cứ sợ viết chưa xong những dòng cuối cùng của bút ký này thì bão lại ập tới nơi đây, cả vùng Mũi đã ngập chìm trong nước. Rừng đang mang tin báo bão.

Cà Mau, những ngày nước dâng.

Rượu cay, muối đỏi...

Bích Ngân

Ông cưới ngoại tôi khi bà đã bước qua một đời chồng và đang cống trên lưng, năm đứa con thơ. Bằng nghĩa tình và bằng tấm lòng của người cha, ông mở vòng tay bao bọc, che chở, nuôi nấng đàn con cho tới lúc trưởng thành và lần lượt dựng vợ gả chồng cho từng đứa, để rồi chúng lại trao cho ông một đàn cháu. Tôi là một trong đám cháu út nhất đó.

Tôi nhớ, ông chưa bao giờ mặc nguyên bộ quần áo trừ khi ông đi dự cưới hỏi giỗ kỵ và những ngày cuối cùng trên giường bệnh. Gần như lúc nào ông cũng mặc chiếc quần lố, màu đất, lưng để trần, da nâu sạm dù ông đang đào đang cuốc đang gieo trồng, đang thu hoạch dưới trời dầm sương hay nắng như lửa đốt. Chiếc áo bao giờ ông cũng cuộn lại để trên bờ rẫy cạnh chai rượu để lưng lửng. Chiếc áo ấy chỉ có hữu dụng duy nhất là che chắn, ông túm nó thành cái túi, bọc mớ nhãn lồng chín ửng, trái thù lù chín vàng, trái côm áo chín đỏ... Đứa nào nhỏ được ông chia phần nhiều hơn. Đứa nào không ăn được trái chín thì được uống sữa đậu. Tối, ông lại cùi bên chiếc cối đá, xay nhuyễn đậu xanh đậu nành đã được bà ngoại rang vàng. Sữa bột thơm phức có đứa cũng chê, đòi sữa mẹ, khóc ỉ ỉ thâu đêm. Nhiều đêm thấy bà thức trắng, ông xót ruột, gằm gừ: "Con đứa nào trả về cho đứa nấy, việc nhà lo trước rồi mới lo tới việc thiên hạ!". Giận ông, bà lớn tiếng: "Ông đuổi bọn nhỏ tui cũng đi luôn!". Lưng cống, tay bông tay dất, bà thậm thui bước ra khỏi nhà. Thường bà cháu đi chưa quá một ngày, ông đã ngượng nghịu bọc trong áo những trái chín ngon nhất, tìm đến chỗ bà cháu tá túc, rước bà rước cháu về nhà.

Đêm, thấy cháu quấy, bà thức ông cũng không ngủ được. Ông tiếp củi cho chiếc bếp đun đều đều tỏa khói. Ông cầm chiếc quạt chằm bằng lá dừa phát khói bay về tứ phía. Khói cay lan tỏa. Nhiều con muỗi lờn khói bay vo ve đợi lúc bà lơ là một chút là sà xuống dớp vào thịt da của trẻ nhỏ. Ông tức lắm. Bỏ thêm củi thì sợ tội nhỏ không thờ nổi. Ấm vô cùng thì chúng không ưng. Chúng quen nhíp vông và tiếng ru. Thế là... ông đuổi đôi chân trần, mời mọc. Bầy muỗi đánh hơi, lập tức xúm lại bầu vào da thịt khét nằng của ông...

Ông trần mình, không nhúc nhích rồi chậm rãi, nhẹ nhàng, lấy ngón tay dí bếp từng con một. Bà lo, cự nự. Ông gãi sồn sột chỗ muỗi cắn sưng đỏ, cười hề hề: "Thầy kệ tui, miễn sao bà với sắp nhỏ đỡ muỗi cắn!".

Dần dần, việc "bẫy muỗi" lạ thường ấy thành quen, cũng quen như việc cái cơ thể tráng kiện tự đề kháng với rừng thiêng nước độc muỗi mòng của ông chưa từng đau bệnh bao giờ. Lúc đó, dưới cái nhìn của đám cháu mũi dãi chưa sạch, việc bẫy muỗi của ông còn là một thú vui, một trò tiêu khiển lạ đời sau cái tật ghiền rượu của ông. Nhưng rượu thì không phải là nước lã, ngay nước lã cũng không dễ có nếu trời không mưa ở giữa cánh rừng được bạt ngàn, cho nên không phải lúc nào cũng có để uống. Nhiều lần tôi thấy cái chai đựng rượu nằm chổng chơ trên sàn nhà, không còn một giọt. Ông ngồi, buồn thiu, đuổi dài đôi chân, rình giết từng con muỗi.

Ông lâm bệnh đột ngột.

Ba ngày sau, má tôi từ bệnh viện, nơi ông đang hấp hối với hai căn bệnh bộc phát cùng một lúc: Sốt rét ác tính và ung thư gan, trở về, hồi hã đưa lũ cháu chúng tôi đến gặp ông lần cuối.

Chỉ có mấy ngày mà ông không còn là ông nữa. Như một thân cây tróc gốc, ông nằm đó, bất động, da vàng ệch, mắt không mở nổi, nhắm nghiền. Nước mắt tôi chọt trào ra khi nhìn thấy trên mu bàn chân ông, một con muỗi đang mài mê hút máu...

BÍCH NGÂN

Thị dân...

Đặng Huỳnh Lộc

Nếu chỉ kể những người trong thân tộc mà ông Hai Thiệt còn có thể nhớ mang máng mặt mày, dáng dấp thì họ cũng đã có mặt ở vùng Gò Mây hơn trăm năm nay. Nếu tính cả thời tổ tiên đến khai khẩn khi Bình Hưng Hòa mới còn là hai thôn Bình Hưng và Bình Hưng Đông thuộc trấn Phiên An thì dòng họ ông đến đất Gò Mây đã ba trăm năm lẻ. Ngôi mộ tổ dòng họ Nguyễn của ông hiện còn nằm ở ấp 8 được chôn vào năm Chính Hòa thứ 16. Ông Nội ông kể, đời vua thứ 6 của triều Hậu Lê là vua Lê Hy Tông lên ngôi năm 1676, lấy niên hiệu là Vĩnh Trị, đến năm 1681 thì lấy niên hiệu là Chính Hòa. Ông tổ của dòng họ ông mất vào năm Chính Hòa thứ 16, tức năm 1697.

Là con cháu của một dòng họ đã gắn bó với đất Gò Mây lâu đời, tình cảm làng xóm của ông Hai Thiệt như được truyền đời, thấm vào máu như một sự thâm căn cố đế. Cứ mỗi lần có việc phải xa Gò Mây vài hôm là ông cảm thấy như muốn ngất mình... Ông đã quen tiếng chim chìa vôi xèo chiếc đuôi rẽ quạt, hót trong lùm hàng tre trước nhà mỗi sáng, tiếng con cu gù mỗi trưa ở tán gừa sau vườn, tiếng bò ọ đời chuồng mỗi khi chiều xế... Năm hôm, ba bữa mới có một chiếc máy bay lạc đường xẹt ngang rền rú phá sự yên tĩnh vùng quê của ông. Là nông dân ngoại thành, nhưng ông không lạ gì đời sống thành thị, ông không thể chịu nổi việc đánh giá giá trị của một

con người được đo, được đếm bằng những sở hữu riêng tư, ngỡ ngàng với việc người này so đo tài sản người khác. Ông quen với lối sống dung dị nông thôn và xem đó là một sự mầu mực. Ông Hai Thiết thích sự yên tĩnh của miền quê của ông, nơi có con đường từ nhà ông đi ra ngoài xóm nằm cạnh lũy tre ngang qua khu mộ ông bà...

Cái xóm ông Hai Thiết đang ở, hầu hết là dân nghèo, mấy năm gần đây một số gia đình bỗng khá lên nhờ bán đất. Vậy là bỗng chốc, trong xóm tách biệt kẻ giàu người nghèo. Mấy căn nhà cũ nát, vô giá trị giờ trở thành cơ hội cho những người sẵn vốn. Giá trị miếng đất không còn tính theo chiều dọc. Chỉ trong một thời gian ngắn, bộ mặt một con đường, một xóm nhà đổi thay thấy rõ, đất đai bị chia hẹp, những căn nhà gầy dẹt như những tấm bảng "thực nghiệm" lênh khênh trên ruộng lúa mọc lên, bất cần thẩm mỹ, bất kể cảnh quan... Cả xóm bỗng chốc trở thành chen chúc mang dáng dấp thị thành...

Ông Hai Thiết thấy mà chưa kịp nghĩ, cho tới sáng nay, khi sang nhà thằng em ở Ngã Năm Chuồng Chó dự đám cúng cơm, nghe nó nói, anh giờ đã thành thị dân, mà ông bỗng giật mình! Nó nói bằng giọng cời mỡ, mừng dùm mà trong bụng ông nghe giận. Vậy là nó muốn nói ông sống theo kiểu có thể coi phim hài cười hô hô khi nhà bên cạnh có đám ma, không còn biết xẻ chia mất mát, buồn vui với xóm, với làng. Đó là điều mà thuở giờ ông đã ghét cay, ghét đắng! Nếu nó không có bà con chắc là có chuyện.

Nhưng khi đạp xe về gần tới nhà, ông lại thấy thằng em ông nói có lý, xóm ông giờ mạnh mún trong quy hoạch phân lô, nhiều căn nhà hàng ba ào ra vệ đường phô trương sự bề thế, sang trọng. Một loại kiến trúc kiểu gì thì ông không biết, nhưng khi nhìn kỹ thì ông như người khách lạ khi đi giữa xóm mình! Vậy mà lâu nay ông không để ý. Thằng em ông nói nói có lý, ông đã có sự vô tâm của một thị dân với làng xóm xung quanh. Nhưng ông Hai Thiết không hiểu là lối sống thị dân đã nhấm vào ông hay những công trình kiến trúc nhà ở mọc lên dần xóa đi cảnh quan quen thuộc đã đẩy ông trở thành thị dân?

Trước mặt ông Hai Thiết là một ngôi biệt thự mới xây. Đó là nhà thằng Tư vừa bán đất. Tháng trước ông nghe nó nói, sẽ mượn kiến trúc sư vẽ một căn nhà theo ý nó. Vậy là căn nhà này đây, mái chóp, mái vòm, mái củ hành, mặt tiền nhôm kính và một khoảng sân kính cồng, cao tường. Giờ sao ông thấy khó vô nhà nó quá! Làm sao ông còn có thể dẫn con bò sữa cột góc ỏi trước nhà thằng Tư như trước để vào nhà nó lê la uống trà, nói chuyện. Hình như chuyện dành đất để làm vườn, trồng cây đã bị thằng Tư xem là lãng phí, còn vị kiến trúc sư thì đã làm đúng theo yêu cầu của nó, không kể gì đến tập quán định cư, quan hệ xóm làng! Kia nữa là nhà thằng Tám nằm quay ngang, chắc là nó cát theo hướng tuổi? Hai căn nhà của hai anh em nó nằm chỗi ngược thiết khó coi. Vậy mà tội nó cũng cất được bằng giấy phép hẳn hoi.

Ông Hai Thiết lại chợt nhớ đến mấy căn nhà ở Bàu Cát, mặt tiền nhôm, kính, đồ sộ, sáng trưng nhưng khi chếch góc nhìn thì lại giống như một căn nhà mã chở trên xe vào Bình Hưng Hòa để đốt. Mới đây, ông qua chợ Bàu Cát bằng con đường tắt mà ông vẫn hay đi, bỗng ông giật mình thấy có mấy căn nhà mới cất đã tận dụng hết từng mét vuông đất, đưa chân móng ra sát lề đường, làm cho đường phố ngày xưa làm cho ông cảm thấy vừa phải, thân mật bỗng trở thành chật hẹp. Xung quanh, mấy cao ốc vừa được cấy xen vào, làm cho không gian ông đã quen mắt bỗng bị phá vỡ, chật chội. Nơi ngày xưa ông vẫn thường lui tới, thân thuộc, giờ bỗng thấy mình trở thành khách lạ. Đường như càng có nhiều cao ốc thì lại tách biệt với ông.

Bỗng ông thấy vương mắt khi quẹo xe vô con đường vào xóm. Sao con đường hôm nay chật hẹp? Ờ, thằng Sáu đã phá cái bờ tre để cất nhà. Mà chắc là nó bán đất cho người khác cất nhà? Cái bờ tre là của nó, để hay phá là tùy nó. Nhưng mất cái bờ tre nên ông thấy lạ, nhìn bức tường gạch chưa tô chiếm mất trên bờ tre cũ ông càng thấy chướng. Vậy là con đường làng vô xóm nhà ông đã hẹp lại. Mà con đường lệ là nằm trên đất thằng Hai, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nó, nó đang nộp thuế. Nghe đâu là nó đang kêu bán. Không chừng rồi sẽ mất cả con đường lệ vô xóm. Càng nghĩ ông càng thấy sao mà lộn xộn. Thì ra, xóm ông đang hình thành một thứ văn hóa ở phô trương, đua đòi, mà lâu nay ông không để ý.

Về đến sân nhà, ông mừng thầm khi thấy có mấy chiếc xe dựng cặp bờ cau trước sân. Vậy là nhà có khách? Chắc mấy thằng cháu vừa bán đất đến thăm? Đang ngà rượu, ông muốn uống với ai đó thêm vài ly nữa. Khi ông vào nhà thì không phải, ba vị khách lạ hoắc ngồi cạnh chiếc bàn đặt giữa nhà trước bàn thờ ông bà. "Chắc là tội nó có đất đến gạ ông bán đất đây"? Ông thoáng nghĩ. Ba vị khách ngồi tĩnh khò.

- Mấy chú là ai? - Ông hỏi.

Cả ba đứng lên gần như nhất loạt đưa tay ra. Ông lúng túng không biết bắt tay người nào trước. Một người nói:

- Tụi cháu ở huyện...
- Ờ, tưởng ai. Cũng là con cháu trong nhà...
Người khách nói tiếp, đổi giọng:
- Tụi tui đến gặp ông có việc...
Ông Hai Thiết cảm thấy bị hẫng. Đang định đi thẳng lấy chai rượu, nhưng ông khựng lại:
- Chú cứ nói...
- Tụi tui đến gặp ông để thông báo là khu vực này nằm trong khu quy hoạch dân cư bậc cao, tụi tui đến kiểm kê để đền bù.
- Nghĩa là sao? - Ông Hỏi.

Khách nói:
- Nghĩa là ông cũng như bà con ở đây phải đi khỏi chỗ này, giao lại mặt bằng để nâng cấp hạ tầng cơ sở. Ông sẽ được nhận đền bù năm chục ngàn một mét vuông đất ruộng và chín chục ngàn một mét vuông đất thổ cư. Gia đình ông sẽ được ưu đãi tái định cư một nền nhà hai trăm mét vuông, nếu ông muốn mua thêm thì phải trả một triệu một mét vuông. Trước mắt, gia đình ông sẽ được giải quyết một căn chung cư ở ngang khu công nghiệp Vĩnh Lộc để ở, còn ông muốn nhận đất ở nơi khác thì tùy.
- Ở nơi khác là ở đâu? - Ông hỏi.
- Cái đó thì tui tui không biết. Ngày mai ông đến hỏi ban dự án!
Khách lạ giao cho ông một bản kê khai, rồi dặn:
- Cũng nói với ông luôn, ông có nhận tiền đền bù thì nhận, không nhận thì mai mốt nhà nước ra quyết định thu hồi đất thì không được đền bù.
Khách lạ vừa đi, bỗng chốc ông Hai Thiết nghe tỉnh rượu. Nhưng lạ quá. Khi có rượu thì ông Hai Thiết cảm thấy như trong đầu ông còn có cái gì đó, giờ tỉnh rượu thì lại như trống không.
- Bà đâu? - Bỗng ông lớn tiếng.

Vợ ông đang nấp phía sau vách buồng bước ra: "Giờ ông tính sao"? "Tính sao"?!... Ông Hai Thiết gằn giọng hỏi lại mà như tự hỏi.

"Tính sao"? Ông lại trầm tự hỏi. Ông nhớ đến căn chung cư của con em cao lêu nghêu bên hương lộ 14. Đành là cái chung cư hào nhoáng như trong ảnh, trên phim, nhưng làm sao có chỗ cột mấy con bò sữa? Rồi sẽ sống sao đây với cái gia đình mười bốn người, gồm ba thế hệ như gia đình ông trong một căn chung cư như căn chung cư của con em? Sao người ta không cất cho ông một căn nhà lắp ráp gì đó, rẻ tiền cũng được mà nó hợp với cách sống của ông cũng như những người như ông, đang chiếm số đông và đang làm cho thành phố này vận động?

Cạnh nhà ông Hai Thiết là nhà của một nhà thơ. Chắc là cũng muốn gần với bờ tre, tiếng chim mà nhà thơ này đã đến mua đất, cất nhà sống cạnh ông chừng năm năm nay. Giờ này chắc nhà thơ đã về? Ông vói tay lên góc bàn thờ cầm chai rượu, bước ra cửa. Tiện tay ông gỡ hai con khô chuột máng trên sào quần áo.

Cửa nhà đang mở, phía sau đang lóc cóc tiếng máy đánh chữ mà ông đã quá quen thuộc hàng đêm như quen tiếng con bò ọ ọ đời chuồng.

- Nhậu Tí ơi! - Ông gọi.

Tiếng máy đánh chữ ngừng bật. Tiếng nhà thơ từ nhà sau: "Cháu đây!"

- Nhậu mày! - Ông nói mà chưa nhìn thấy mặt.

Nhà thơ bước ra: "Cháu đang kẹt bài báo, nhưng nhậu được".

Ông Hai Thiết ngồi bệt xuống nền gạch. Gạch men mát lạnh làm ông nghe ớn lạnh xương sống. Ông uống. Nhà thơ uống. Sao hôm nay rượu không ngon như mọi khi. Mỗi ly rượu nuốt vào, ông Hai Thiết nghe trong cổ họng như vướng một vật gì đặng đặng như mật cóc. "Bữa nay buồn quá mày"? Ông nói. "Đề cháu kêu anh Ba Hòa, anh Sáu Quang"! Nhà thơ nói.

Ông uống mà nghe trong rượu có mật cóc. Nhà thơ đã say, bắt đầu đọc thơ: "Dẫu có sống giữa trời cuội vẫn là con nông dân". Ông nói: "Sao hôm nay buồn quá mày"! Nhà thơ lại đọc thơ: "Cái còn thì vẫn còn nguyên, cái tan thì tưởng vững bền cũng tan". Lỡ tai tuổi già đã nghén ngãng, đầu đã chênh choáng hơi men. Ông nghe nhà thơ đọc thơ mà không hiểu lắm, giống như người già ăn bắp rạn, hột nào bể thì béo. Nhưng ông biết là nhà thơ đang nói về mình.

Tiệc nhậu chưa tàn, nhưng ông đã. Như mọi khi, ông đứng lên, về nhà.

Về đến nhà, ông Hai Thiết như tỉnh rượu khi nhìn thấy tờ giấy kê khai của ba người khách lạ để lại nằm ở góc

bàn trước bàn thờ ông bà. Đi quanh quẩn trong nhà, định làm một cái gì đó, nhưng không biết làm gì. Đốt thuốc, ông leo lên võng. Ngoài cửa, bờ tre đang rì rào gió, tiếng tre kéo kẹt nghiêng vào nhau như truyền từ đất đến tai ông, làm ông nghe trong đầu lại chénh choáng hơi men. Ông cảm thấy mình bỗng bênh.

Vừa tảng sáng, ông Hai Thiết đốt thuốc lụi cặp bờ tre ra Hương lộ 13, đến chỗ Ban dự án, bên dưới tấm bảng lớn giữa trời có đề chữ New Hop. Phía trước Ban dự án vừa được treo một bản đồ có nhiều màu xanh đỏ. Tấm bản đồ chia nhiều ô vuông rồi rầm. Nhiều người ở cạnh xóm ông cũng có mặt. Một người trong Ban dự án giải thích với ông đây là tấm bản đồ quy hoạch phân lô và chỉ cho ông xem ô vuông thuộc đất của xóm ông đã bị cắt nhiều đường. Ông nhìn mà không hiểu. Trên tấm bản đồ hình như chỉ có đất xóm ông mà không có làng xóm của ông trong đó. Tấm bản đồ hoàn toàn vắng đi sự có mặt của con người, những con người cụ thể, sống động, phải lo toan, biết buồn vui, có nhân cách và có tính cách mà ông từng biết. Ông nghĩ, xóm ông không cần có khu dân cư bậc cao như ba người khách lạ hôm qua đã nói. Đối với ông chỉ cần có một làng xóm yên lành, lưu dấu lịch sử đất đai, tồn tại bản sắc văn hóa cộng đồng làng xóm trong truyền thống định cư. Và, khi cái xóm ông được quy hoạch thành khu dân cư bậc cao thì hơn ba trăm gia đình với hơn một ngàn con người, trong đó có nhiều con cháu của ông sẽ hình thành tâm lý, nhân cách sao đây? Hình như những điều đó nằm ngoài sự quan tâm của những người quy hoạch khi hình thành nên tấm bản đồ? Rồi đây, khi xóm ông thành khu dân cư bậc cao, không chừng cái đình làng Gò Cát, nơi từng được tổ tiên ông xem là cái “ngủ rồng” của một con rồng trong chính nhánh Cửu Long cũng lại sẽ kín cổng, cao tường và xa lạ như đình Tân Thạnh?

- Nguyễn Văn Thiệt!

Ông Hai Thiết giật mình nghe ai đó vừa kêu đúng tên mình. Hóa ra là cô thư ký của Ban dự án đã gọi. Ông bước vào, ngồi trước cô thư ký mặt đang lạnh tanh làm ông mừng tượng gương mặt con ông đốc phủ sứ Trần Tử Ca khi đi thu lúa ruộng mà ông Nội ông hay kể.

- Ông ký tên nhận tiền đền bù nhà, đất và hoa màu... - Cô thư ký nói.

- Tôi không nhận thì có sao không? - Ông hỏi.

- Thì coi như ông chống, mai mốt có quyết định thu hồi thì ông không được đền bù!

Ông lưỡng lự. Trong đầu ông lại liên hồi tự nghĩ "nhận, không nhận; nhận, không nhận..." như hồi nhỏ ông chơi trò bói hoa. Nhận thì coi như ông đã bán đi thành quả tổ tiên, mà không nhận thì coi như ông đã bỏ đi công lao khai phá, gìn giữ của mấy chục đời giao lại cho ông.

- Ông nhanh cho, nhận hay không thì bảo. Tôi bận lắm! - Cô thư ký giục.

Ông ký tên như một cái máy. Nhận gói tiền đã được gói sẵn có tám giấy đề tên họ ông có đầy đủ số nhà, xóm ấp mà nghe hệt hắng.

Bước ra cửa, ông rút gói tiền giấu dưới lớp áo, phía trước bụng mà cảm thấy như đang vụng trộm. Hồi nhỏ ông cũng đã giấu mấy trái ổi dưới lớp áo, trước bụng như vậy khi cùng mấy đứa bạn hái trộm ổi của bà Ba. Ông đi về nhà trong tâm trạng chénh choáng nửa say, nửa tỉnh.

Đi ngang nhà của nhà thơ, thấy nhà mở cửa. Ông ghé vào. Sở bố tiền vô góc nhà, ông đi thẳng ra sau. Nhà thơ đang ngồi, hai vai nhô lên khỏi mép bàn.

Nhà còn rượu hôn Tín? - Ông lên tiếng.

Còn sớm quá mà chú?

Tao nhậu một mình!

Sao vậy?

Buồn!

Thì cháu nhậu với chú.

Ông uống. Nhà thơ uống. Vẫn là thứ rượu mà ông và nhà thơ uống mỗi ngày, nhưng hôm nay ông không nghe có mùi vị gì. Ông uống. Nhà thơ uống. Rồi nhà thơ bắt đầu đọc thơ:

Ánh trăng qua đồng trở thành liềm gặt

Ngọn gió qua đồng ngọn gió màu xanh

Ngẩn nhìn trời sao long lanh

Thấy ông thần nông, thấy sông ngân chảy

Nơi con người có niềm vui gặt hái

Đôi bàn tay chai biết nắm chặt đời mình.

Ông ngồi nghe mà không thật hiểu. Nhưng ông biết là nhà thơ đang nói về ông. Bất giác ông nhìn vào hai bàn tay chai sần và cảm thấy như mình đã không còn có thể nắm chặt cuộc đời mình như trước.

ĐĂNG HUỖNH LỘC

Đi sẽ đến , tìm sẽ gặp

Có một dòng sông Hương chảy bên ngoài Tổ quốc: ý tưởng ấy thôi thúc tôi đi đến, tìm gặp “dòng-sông-tâm-thức” này. Và rồi tôi đã có dịp đến với Những ngày văn hóa Việt Nam tại Đức vào cuối năm 2002. Đã đi thì sẽ đến.

Từ sân bay Tân Sơn Nhất, quá cảnh Bangkok, sau đó bay đến Frankfurt, rồi chuyển sang máy bay khác tiếp tục đến Muenchen (Đức). Một chuyến bay xa xôi và lạ lẫm. Hầu như con người và cảnh vật nơi xứ người đều rất trật tự và bắt mắt. Ấn tượng đầu tiên là sân bay quốc tế Frankfurt, cứ một phút là có một chiếc máy bay cất cánh hoặc đáp xuống đường băng. Ấn tượng tiếp sau là con đường dẫn từ sân bay Muenchen về phố Franendorfertrage, hai bên đường trồng nhiều loại cây leo và loại hoa rực rỡ sắc màu. Những ngày văn hóa Việt Nam tại Muenchen (Đức) đã diễn ra với nhiều loại hình hoạt động nghệ thuật như biểu diễn tuồng Đông Lộ Dịch, Chương trình âm thực văn hóa Huế, giao lưu văn nghệ giữa đoàn và bà con đồng hương... đã thành công ngoài dự kiến. Những tập sách đã thay tôi nói được rất nhiều điều về Huế đẹp. Khi đi, tôi có mang theo một số tập sách Nhớ Huế và các tác phẩm của riêng mình...

Với người Huế xưa thì miếng trầu làm đầu câu chuyện, còn với tôi chính là những tập sách Huế thơ, về hương sen, chùa, làng, trường học..., về áo dài, món ăn Huế, về tình đồng hương, về mùa xuân, mùa thu, giọt mưa Huế... nơi quê nhà. Đường như con đường “đi và đến” không có cản ngại nào, mà trái lại thật tự nhiên, cởi mở và thân tình. Dưới bầu trời xám, mưa lất phất và lành lạnh trên những con đường xao xác lá vàng, hay trong khán phòng, hội trường hoặc ở ngoài hành lang, trên phố đi bộ, một số người Việt mà tôi chưa hề quen biết, đã tìm gặp tôi và vài người trong đoàn. Và rồi những tập Nhớ Huế là món quà mà bà con xa quê rất yêu thích. Họ mỗi người có một hoàn cảnh sống. Ái Vân là nghệ sĩ múa ba lê, đang sinh sống tại Muenchen bằng nghề múa của mình, chị Thanh Tùng làm công nhân của hãng, anh Đ. làm ở một công ty điện tử, anh chị L. thì mở cửa hàng bán buôn. Có người lấy vợ Đức, chồng Tây... Họ sống bươn bả và tất bật. Các thành phố Muenchen, Frankfurt, Saarbrücken, Berlin... mà tôi đã đến thì số người Huế xa xứ thường sống rải rác, ít có cơ hội gặp nhau. Hầu hết là “dân” đi Tây Đức du học trước năm 1975, số còn lại là “dân” đi hợp tác lao động ở Đông Đức sau năm 1975.

Gặp lại đồng hương thì họ cởi mở và thân thiện. Nghệ sĩ múa ba-lê Ái Vân sau một buổi chiều đọc Nhớ Huế, hôm sau gặp lại đã nhận xét: “Em đọc và có cảm giác như đang uống từng ngụm nước sông Hương” và gợi ý: “Em có thể múa trên nền giọng đọc thơ của anh và tiếng đàn bầu vào hôm giao lưu văn nghệ giữa đoàn và bà con đồng hương!”. Tôi đồng ý. Và tôi đã đọc bài thơ Một ngày cuối đông với câu mở đầu: “Nơi xa ấy, sông vẫn chảy một đời trong. Khi em còn là hạt bụi” làm nền cho Ái Vân múa rất uyển chuyển, điêu luyện và đầy ngẫu hứng, tài hoa. Cuối buổi giao lưu, chị H. tìm gặp tôi để tặng một món quà lưu niệm mang dấu ấn của Muenchen, rồi nói: “Anh biết không, em đọc say sưa quên cả giấc ngủ. Xin được hỏi anh, làm rằng mà các anh chị bên nớ viết hay rứa?”. Tôi nói với chị H. cũng như đã từng trao đổi với các cộng tác viên khác ở Huế, rằng: “Các anh các chị bên nhà đã viết với tất cả tấm lòng, còn người đọc thì đón nhận cũng hết lòng. Nhớ Huế đã đi từ trái tim đến trái tim!”. Tôi sẽ còn giữ lại hình ảnh của người phụ nữ lưu lạc, đôi mắt rưng rưng nhớ Huế đến nao lòng.

Từ nước Thụy Sĩ lân cận, anh Vĩnh Quân là một bác sĩ tự lái ô tô sang Muenchen để xem tuồng, nghe ca Huế. Anh là cháu gọi nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương bằng cô ruột. Anh gắn bó với đoàn suốt thời gian gặp gỡ giao lưu. Anh đọc các tập Nhớ Huế tại nhà nghỉ. Và câu nói của anh làm cho anh chị em trong đoàn rất vui: “Tôi đọc tập Hương vị Huế, biết thêm các món ăn cung đình và dân dã. Phong phú và hấp dẫn quá chừng! Từ nay, tôi có thể nói trạng về món ăn Huế ở bên Tây mà chưa chắc có ai qua mặt được tôi”.

Một người phụ nữ rất Huế ở Muenchen, không ai khác là Thái Kim Lan, chị du học và định cư tại Đức trước năm 1975. Chị là một người Huế có học vị tiến sĩ, đang là giáo sư triết học tại các trường đại học ở Muenchen. Chị đón đoàn sang giao lưu và biểu diễn. GS-TS Trần Văn Khê bay từ Pháp sang Muenchen tham dự nói với mọi người: “Ở bên Tây, chỉ có một mình Thái Kim Lan là làm được như vậy. Một mình làm được nhiều thứ hơn cả một tổ chức hẳn hoi. Từ văn bản, các thủ tục nhập cảnh để đón đoàn sang, rồi bố trí nhà nghỉ, nơi ăn ở, tổ chức giao lưu biểu diễn và còn làm M.C phiên dịch (từ tiếng Việt sang tiếng Đức và từ tiếng Đức sang tiếng Việt) thật “bảnh” và linh hoạt”. Nhà của anh chị Tài - Kim Lan ở phố Franendorfertra 64 (Muenchen). Nó như cái nhà Huế tại Đức vậy. Từ cách bài trí đồ đạc đều mang dấu ấn Huế, đặc biệt là khu vườn có cổng tre la ngà, sân vườn trồng các loại tre trúc, các hoa cúc, hồng, hải đường. Bức tượng đặt hướng về quê cũ... và Thái Kim Lan đã viết văn từ ngôi nhà này. Chị đã gắn bó với Nhớ Huế và trở thành một cây bút chủ lực với nhiều bút ký thật tài hoa và ấn tượng. Với những ngày văn hóa Việt Nam tại Muenchen, chị đã thiết kế các chương trình giao lưu biểu diễn mang đậm sắc thái Huế. Chị là một người Nhớ Huế thành đạt và tài hoa nơi xứ người.

Sau những ngày gặp gỡ giao lưu ở Đức, tôi tiếp tục đi đến một vài nước khác. Tôi đã ghé qua nước Áo chỉ vài giờ để tận mắt ngắm nhìn dòng sông Danube, tận tai nghe và thấy điệu valse bất hủ của nhà nhạc sĩ thiên tài J. Strauss viết về dòng sông này. Ở Áo, tôi đã không may mắn gặp một người Huế nào cả.

*

Hai ngày sau, tôi tiếp tục đến với những người Huế ở Paris (Pháp). Nơi ấy có những người Huế sống và nổi tiếng trước năm 1975. Trong sổ tay của tôi có địa chỉ của những người Huế và yêu Huế mà tôi từng biết đến như

GS-TS Trần Văn Khê và nhà quay phim “tài tử” Huỳnh Văn Tươi thì tôi đã được gặp ở Muenchen, còn có nhiều vị rất nổi tiếng mà tôi chưa được gặp. TS Võ Quang Yến, GS Cao Huy Thuần, Họa sĩ Lê Bá Đảng, Nhạc sĩ Thanh Hải, TS Thu Trang, TS Diễm My (cựu hoa khôi trường Đồng Khánh đầu thập niên 60), bác Lê Văn Lâu, Đại đức Thích Thiện Niệm (chùa Khuông Việt), nhạc sĩ Tôn Thất Tiết, anh Lê Huy Cận...

Suốt một buổi chiều và cả ngày hôm sau, tôi “tranh thủ” đi thăm thú các danh lam, thắng tích tại Paris như Bảo tàng Louvre, Lâu đài Versailles, đại lộ Champs Elysées, tháp Eiffel, đi du thuyền trên sông Seine, đến nhà thờ Notre Dame de Paris... Buổi tối, anh Tươi cùng tôi lên Montmartre, để nhìn ngắm toàn cảnh Paris về đêm, dạo vòng quanh đường đồi để xem những họa sĩ vẽ “dạo” chân dung người vãng lai. Montmartre về đêm rét ngọt. Phố nhà lơ xô. Nhà thờ Sacré Coeur cao ngạo. Nam nữ đi dạo dập dìu. Bất chợt câu thơ ủa đến: “Sài Gòn bây chừ chiều hay tối. Trời còn mưa hay đã vào thu?”. Và dường như sông Hương vẫn thăm thì bên tôi. Cái rét như vừa đủ nhớ quê nhà.

Trời Paris có rất nhiều mây tím. Phố đã xao xác lá phong vàng. Và tôi đến thăm anh Võ Quang Yến trong một ngày Paris có mây tím và xao xác lá phong vàng rơi trên vỉa hè. Nhà anh ở Sceaux (như anh vẫn thường ghi ở cuối bài viết của anh là Xô Thành). Nói là đến thăm nhưng chính xác là đến gặp. Tôi đã từng biết đến bút danh (cũng là họ và tên anh) trên báo Phổ Thông (xuất bản ở Sài Gòn trước 1975). Anh Yến đã có gửi bài về đăng trên Nhớ Huế nhưng anh và tôi thì chưa hề gặp mặt nhau. Anh Yến hơi bị “bất ngờ” khi chúng tôi đến nhà anh. Nhưng sau đó, câu chuyện Nhớ Huế đã làm cho chúng tôi dễ thân thiện và gần gũi như đã gặp, đã quen thân từ trước. Tôi gửi tặng anh mấy tập Nhớ Huế, tập thơ Sài Gòn Nhớ Huế và tập truyện Xa xứ (là hai phụ bản của Nhớ Huế). Trong câu chuyện, anh vẫn còn trách cứ bên nhà, than phiền về những nhiễu ở cửa khẩu sân bay Tân Sơn Nhất, rằng sự làm khó dễ và theo dõi Việt kiều về nước như thế là không cần thiết. Anh buồn lòng lắm, nhưng không thể không trở về thăm quê hương. Anh nhắc đến Hội người yêu Huế mà nhiều năm trước anh đã từng làm chủ tịch hội này. Anh giới thiệu chùa Khuông Việt, nơi gặp gỡ cuối tuần của nhiều người Huế tha phương. Anh hứa sẽ trở thành một cộng tác viên thường xuyên của Nhớ Huế. Và rất nhiệt tình, anh gửi cho tôi một bài viết mới cho Nhớ Huế. Đây là bài Vua Duy Tân ở đảo La Réunion (sau này được chọn in trong tập bút ký Tượng đài Sông Hương - 20040. Tôi tự nhủ “Minh đến thăm anh chỉ có tấm lòng, và thật cảm động là tôi đã được anh đáp trả lại bằng chính tấm lòng yêu Huế”. Anh còn nói vui: “Anh Lục đã qua bên ni, tìm gặp tôi như một “sứ giả” của Huế, thật là vất vả và quý hóa”. Chia tay anh chị Yến - Liliane, “được lời như cời tấm lòng”, chúng tôi tiếp tục chuyến thăm GS Cao Huy Thuần. Nhà anh ở quận 13 Paris. Anh Cao Huy Thuần trước năm 1975 là giảng viên Trường Đại học Huế, từng làm Tổng thư ký báo Lập Trường (tờ báo đấu tranh nổi tiếng tại Huế). Anh Thuần đã có các chuyến đi - về với Huế, rất rõ chuyện Huế, chuyện thời tiết khí hậu chính trị bên nhà. Anh hỏi tôi về những tình tiết của đám tang cổ nhạc sĩ Trịnh Công Sơn mà báo chí trong nước chưa nói đến. Anh cho biết các anh bên này đã làm lễ truy điệu bằng một chương trình văn nghệ rất đặc sắc và chính anh đã có một bài nói chuyện rất ấn tượng về âm nhạc Trịnh Công Sơn tại chương trình này. Tôi đã nhắc lại một hình ảnh cảm động hiếm thấy tại nhà anh Sơn. Cả đoàn Thiên sư áo vàng trên 60 người, sau khi hành lễ trước quan tài, đã cùng đồng ca bài “Một cõi đi về” của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Một tình tiết có một không hai của đám tang nhạc sĩ tài hoa này. Trước đó, anh Thuần đã gửi về bài Hai trăm năm ấy để in trên Nhớ Huế - tập 2), sau này được chọn in trong tập bút ký Tượng đài sông Hương (phụ bản của Nhớ Huế - ấn hành 2004). Những chuyện khá đau lòng của người ra đi sau 1975 cùng những câu chuyện còn bất cập trong việc đài ngộ trí thức tại chỗ và cả những HuHuế kiều là trí thức và có tấm lòng muốn đóng góp, xây dựng cho quê hương... dường như làm cho anh giảm bớt hứng thú và mong đợi. Tôi nói với anh là khi tôi đến Paris thì người đầu tiên mà tôi mong muốn gửi gắm và hy vọng là anh, rằng bên nhà các anh Hoàng Phủ Ngọc Phan, Nguyễn Đắc Xuân... từng giới thiệu anh với tôi như một người rất nhớ Huế. Anh hứa rồi sẽ gửi tiếp bài về cho Nhớ Huế, nhưng còn bây giờ thì đang quá bận với công tác giảng dạy tại Trường ĐH Paris 7.

Những cuộc gặp gỡ như thế thường để lại những dư âm. Và dư âm thì vô hình và lan tỏa... Tôi không muốn làm “sứ giả”, cũng không ưa có các chuyến thăm để từ đó nổ ra tranh luận, mà tôi chỉ muốn được như ngum nước sông Hương làm mát lòng người xa xứ. Chỉ cần gõ vào cánh cửa của Huế thì Huế sẽ mở lòng ra. Chỉ cần trao tặng nhau một cuốn Nhớ Huế thì cộng đồng sẽ xích lại gần hơn... Cuộc đi tìm còn ở phía trước. Và bất chợt tôi nhớ TS Trần Kiêm Đoàn ở bên kia bờ Đại Tây Dương. Một cú phôn đường dài nói chúng tôi lại chỉ trong giây lát. Đoàn rất vui khi biết tôi đã có mặt ở Đức và nay đang ở Pháp. Đoàn cho biết tháng trước anh đã sang Pháp. Đoàn nói “Ở đâu cũng thế, tại Mỹ hay Pháp, Đức, cộng đồng người Huế không chỉ là một, tuy nhiên nếu cứ đi tìm thì sẽ gặp”. Tôi báo cho Đoàn biết về diễn biến và hiệu quả của Những ngày văn hóa Việt Nam tại Muenchen, nhắc đến một “sứ giả” Nhớ Huế thứ thiệt là GS-TS Thái Kim Lan.

Đôi khi trong cuộc sống, có người không tìm mà vẫn thấy, chưa đi mà đã đến, đã gặp. Tôi đã gặp trong tình cảnh như thế với Hoàng Hy (Mỹ), Nguyễn Hữu Vinh (Đài Loan), Bùi Minh Đức (Mỹ), Hồng Lê Thọ (Nhật Bản), Võ Tá Hân (Singapore), Nguyễn Tường Bách (Đức), Phong Vũ (Canada). Sau khi trở về nước Nhớ Huế vẫn tiếp tục làm “cầu nối” với rất nhiều tấm lòng. Cùng với năm tháng tôi đã may mắn được nhận nhiều tấm lòng xa xứ. Dường như những người đang ở bên ngoài Tổ quốc đã tìm thấy được tín hiệu “từ trái tim đến trái tim” của Nhớ Huế.

Canh Bạc

Võ Đắc Danh



Năm 1999, anh T.N, bạn đồng nghiệp của tôi ở miền tây chuyển công tác lên Sài Gòn. Anh ra khu vực Gò Mây – xã Bình Hưng Hòa – mua 180 mét vuông đất để cất nhà, đất nông nghiệp giá 230 ngàn đồng một mét vuông, thủ tục sang tay, có hàng xóm làm chứng và chính quyền xã xác nhận. Anh xây ngôi nhà kiên cố gần 100 mét vuông, cũng không phép tắc gì, chỉ đóng 300 ngàn cho xã gọi là tiền phạt xây dựng trái phép. Vậy là an cư lạc nghiệp. Ngày tân gia, bạn bè tới chúc mừng, nhưng do nhà không có địa chỉ nên anh phải hẹn điểm đón tại cây xăng Vĩnh Lộc rồi dẫn bạn vào theo những con đường mòn len lỏi dưới những lũy tre. Thời ấy có cụm từ chung cho dân nhập cư là: Nhà không sổ, đường không tên, điện tự kéo, nước tự bơm.

Thế rồi năm năm sau, một buổi sáng năm 2004, anh nhận nhó báo tin: Nhà bị giải tỏa vì nằm trong dự án khu đô thị mới Vĩnh Lộc. Bạn bè lo ngại cho anh, đất không có giấy chủ quyền, nhà xây trái phép, hộ khẩu không có, rất dễ bị trắng tay. Nhưng rồi mấy tháng sau gặp lại anh, anh cười khoe mọi chuyện đã được dàn xếp, đất được tái định cư 98 phần trăm, nhà được bồi thường 95 triệu đồng, cao hơn giá gốc, trong thời gian giải tỏa, chờ tái định cư, anh được tạm cấp một căn hộ chung cư.

Hơn một năm sau, chúng tôi vào thăm anh, mọi chuyện thay đổi đến không ngờ, bạn bè nói vui rằng anh có số đỏ, mà thật ra trên đời này chưa thấy ai được may mắn như anh, từ chỗ mua đất chui, xây nhà chui giữa một vùng nông nghiệp hoang sơ giờ trở thành nhà mặt tiền trong khu đô thị mới, đường xá thênh thang, cơ sở hạ tầng cao cấp. Chẳng những không tốn thêm một xu nào mà hai lô đất của anh bây giờ trị giá gần cả tỷ đồng. Nhưng anh ngậm ngùi nói: “Thật ra mình chẳng phải may mắn gì. Việc quy hoạch đất đai hiện nay giống như một canh bạc. Ai biết thì thắng, ai thiếu hiểu biết thì thua, thậm chí thua thiệt cả một đời người .

Để hiểu rõ hơn thế nào là chuyện ăn thua trong canh bạc quy hoạch này, tôi giả dạng một người đi mua đất để lân la trong các quán cà phê.

Cô Hai Một kể rằng, gia đình cô có hai mẹ con, một con dâu, hai đứa cháu nội, cả đời cô sống nghề ruộng rẫy, chẳng biết quy hoạch là gì. Năm 2000, có mấy ông cán bộ đến nhà cho biết, đất của cô nằm trong quy hoạch khu đô thị mới, đã được Chính phủ phê duyệt. Tuy nhiên, quyền lợi của cô sẽ được bảo đảm tối đa, thậm chí cô có thể làm giàu. Sau khi tiến hành đo đạc, cán bộ báo cho cô biết, tổng diện tích đất của cô là 13.000 mét vuông, phần đất vườn được bồi hoàn 90.000đ một mét vuông, phần đất trồng lúa được bồi hoàn 50.000đ một mét vuông, tính chung, kể cả tài sản trên đất, cô sẽ được bồi hoàn 900 triệu đồng. Sau khi làm lộ xong, cô sẽ được cấp 196 mét vuông đất mặt tiền để tái định cư. Cô nghĩ, 13 công đất ông bà để lại, từ đời cha cô cho đến đời cô, quần quật quanh năm cày sâu cuốc bẫm, bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, chưa bao giờ cầm trên tay được một lượng vàng. Bây giờ, 900 triệu đồng, bằng 200 lượng vàng, lại được cái nền nhà mặt tiền gần 200 mét vuông giữa khu đô thị, có điện, có nước, chẳng thua dân chợ. Rõ ràng là một cuộc đổi đời. Cô ký biên bản thỏa thuận bồi hoàn rồi lên Ban quản lý dự án nhận 900 triệu đồng đem gửi ngân hàng, yên tâm chờ ngày nhận đất tái định cư.

Năm năm sau.

Giá vàng từ 4,5 triệu đồng một lượng lên 10 triệu đồng một lượng, số tiền cô gửi ngân hàng bỗng dưng mất đi một nửa. Giá đất trong khu quy hoạch từ 3 triệu đồng đến 7 triệu đồng một mét vuông. Cô nghe những người biết chuyện nhảm tính, giá thành của một mét vuông đất thổ cư trong khu quy hoạch dao động từ 600 ngàn đến 1 triệu đồng, bao gồm chi phí đền bù giải tỏa, san lấp mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi. Với 13.000 mét vuông đất của cô, nếu trừ đi 50 phần trăm diện tích đất công cộng, còn lại 6500 mét vuông đất nền nhân cho con số khiêm tốn là 3 triệu đồng trên mỗi mét vuông (tức là cái giá thấp nhất trong khu đô thị Vĩnh Lộc hiện nay mà Ban quản lý dự án đang mua lại của dân), trừ lại chi phí đầu tư thì ai sẽ thừa hưởng con số siêu lợi nhuận này ?

“Thua me gỡ bài cào”. Anh Trịnh Minh Thế, con trai của cô Hai Một đâm đơn khiếu nại đòi quyền thừa kế phần đất của mẹ để được tái định cư. Sau một cuộc giằng co, Ban quản lý dự án dàn xếp bằng cách trả lại cho cô Hai 1500 mét vuông để cô chia cho con, đồng thời cô phải thổi lại cho Ban quản lý dự án 135 triệu đồng, tính theo giá bồi hoàn đất vườn. Trên 1500 mét vuông ấy, anh Thế được tái định cư 12 phần trăm, tức 180 mét vuông mà không được nhận bồi hoàn. Thôi thì của đồ hốt lại, được bao nhiêu hay bấy nhiêu. Biên bản thỏa thuận bồi hoàn

mình đã ký, tiền bồi hoàn mình đã nhận, tất cả coi như ván đã đóng thuyền. Cô Hai Một buồn bã nói thế.

Người thứ hai thua đau đớn trong canh bạc này là ông Hai Tặc, một nông dân ba đời sống ở Gò Mây. Cũng như cô Hai Một, ông Hai Tặc có 7500 mét vuông đất trong quy hoạch, ông được bồi hoàn hơn 700 triệu đồng và 196 mét vuông đất tái định cư. Năm 2000, trước khi ký biên bản thỏa thuận bồi hoàn, có một người quen làm luật sư khuyên ông không nên ký, bởi hai lý do: Thứ nhất, đây là dự án kinh doanh của một doanh nghiệp chứ không phải là công trình phúc lợi xã hội, thứ hai, đây là biên bản thỏa thuận chứ không phải quyết định của cơ quan quyền lực nhà nước, vì vậy cần cân nhắc kỹ để tiếp tục thỏa thuận về quyền lợi của đôi bên. Có thể giữa chủ đất và chủ doanh nghiệp đi đến một thỏa thuận hợp tác, chuyển đất thành vốn để cùng chủ đầu tư chia lợi nhuận.

Không thể hình dung nổi một canh bạc đầy phức tạp trong khi 700 triệu đồng trước mắt ông đang là phần thắng trong tay. Vốn là một nông dân hiền lành và tử tế, nghĩ 700 triệu đồng đây là công lao của mẹ cha để lại, ông Hai Tặc mang đi chia cho ba người em gái, hai đứa cháu con của người em đã chết, mỗi người được năm ba chục triệu đồng, còn lại là phần của sáu đứa con, trong đó, ông đầu tư cho đứa con trai lớn một chiếc xe khách để kinh doanh.

Bây giờ, sau sáu năm, ông đã nghiệm ra rằng không phải mình thua một canh bạc mà thua cả một cuộc đời. Đất tái định cư chưa có, cũng không biết nó nằm ở vị trí nào. Còn ngôi nhà ông đang ở thì coi như ông chỉ ở trọ trong nhà mình vì tiền bồi hoàn ông đã nhận của người ta, nó là của người ta, không biết người ta sẽ cho xe ủi đến lúc nào. Tiền đã hết, chiếc xe thì bữa có khách, bữa không, sáu đứa con đã lần lượt có vợ có chồng nhưng chẳng lẽ cứ tiếp tục ở trọ trong căn nhà ông đang ở trọ ? Những câu hỏi cứ làm ông rai rứt. Sáng sáng, tôi thấy ông ra ngồi lặng lẽ trong quán cà phê ở đầu con đường mòn trước nhà, bên bụi tre gai, cái quán lá ấy cũng do ông cất trọ trên chính phần đất của mình. Ông cứ ngồi đó, chết lặng nghe mấy anh cò đất rau giá với khách mua. Ba triệu, bốn triệu, năm triệu, sáu triệu, bảy triệu đồng một mét vuông . . .

Con trai ông Hai Tặc – anh Liệt – pha cà phê, thỉnh thoảng xề xuống nói với tôi mà như trách ông già: “Nhiều người đất ít hơn tôi mà bây giờ được năm bảy cái nền, tại vì họ biết chuyện, lúc vận động họ cương, không chịu ký. Phải hỏi đó ông đừng ký thì bây giờ đâu đến nông nỗi này !”

Bạn tôi – anh T.N – trầm ngâm nói: “Có những người sau khi nhận một cục tiền rồi không biết phải làm gì, cứ lay quay ở trọ trên đất mình, ăn hết tiền rồi bán lúa non phần đất tái định cư cho cán bộ, nhân viên trong dự án với giá ba bốn trăm ngàn một mét vuông, dắt díu vợ con ra ngoại thành mua đất nông nghiệp ở tiếp . . . Than ôi ! Biết đến thuở nào người nông dân mới tự quy hoạch được đời mình !”

Ảnh:

H.1 : Ông Hai Tặc hàng ngày cứ ngồi trầm ngâm như chiêm nghiệm nỗi đau của một người thua cuộc

VỖ ĐẮC DANH

Paris , Mùa thu tím...

Nguyễn Thi Hậu

Paris có gì lạ không em?...*

Mùa thu năm ngoái, lần đầu tiên tôi đến Paris nhân chuyến công tác tại Bảo tàng Nghệ thuật Châu Á Guimet.

Mặc dù nghề nghiệp của tôi luôn phải “xê dịch” khá nhiều nhưng tôi vẫn không sao quen được với không khí ngột ngạt “toàn mùi máy lạnh” trên máy bay, ngay cả trên xe hơi hay xe lửa cũng vậy. Vậy nên sau chuyến bay dài đến 12 giờ trên chiếc Boeing của Vietnam Airline, khi bước xuống sân bay C. De Gaulle tôi cứ lơ mơ như người “không trọng lượng” vì suốt chuyến bay tôi chẳng ăn uống được chút gì ... Đang lo lắng không biết làm sao tìm được cửa ra của mình trong “mê hồn trận” ở cái sân bay khổng lồ này thì may quá, anh bạn đồng nghiệp làm việc ở bảo tàng Guimet đã đón tôi ngay khi tôi ra khỏi cửa máy bay và đưa tôi ra ngoài bằng cửa an ninh, không phải qua khu vực làm thủ tục. Lý do: vì tôi đi “áp tải” những cổ vật đưa sang Pháp trưng bày nên cần phải nhanh chóng đến khu vực hàng hóa để nhận những kiện hàng đặc biệt này.

Thủ tục nhận lô hàng quan trọng như vậy không ngờ rất đơn giản và nhanh chóng, nhanh chóng và đơn giản hơn khi chúng tôi làm thủ tục gửi hàng tại sân bay Tân Sơn Nhất (có lẽ vì đây là nhận chứ không phải xuất cổ vật chẳng ?). Cùng với anh bạn đồng nghiệp người Pháp và một số công nhân của một hãng chuyên đóng gói và vận chuyển hàng hóa, chỉ trong khoảng 30 phút chúng tôi đã hoàn tất mọi giấy tờ, đưa 30 thùng hàng rất nặng lên 4 chiếc xe tải “chuyên dụng” rồi về thẳng Paris. Ngồi ở cabin tôi cứ ngủ gà ngủ gật vì mệt quá... cũng may đường khá dài nên khi về đến bảo tàng Guimet tôi đã đủ tỉnh táo để có thể bắt tay ngay vào công việc.

Sau mấy ngày làm việc tại bảo tàng Guimet, các bạn đồng nghiệp có nhã ý dành thời gian ngắn ngủi còn lại của chuyến đi để tôi tự mình khám phá Paris – một Paris tôi từng biết qua những cuốn tiểu thuyết của các văn hào Pháp mà tôi đã say mê đọc từ khi còn thơ ấu...

Paris hiện ra không khác lắm so với trí tưởng tượng của tôi.

Đó là buổi sớm mai trên những con đường vắng lặng rợp bóng cây xanh, khách bộ hành thong thả trên vỉa

hè rộng rãi, vắng đầu đó tiếng động từ các cửa hiệu bánh mì, cửa hàng thực phẩm nhỏ đang mở cửa đón người khách đầu tiên... Những tiệm cà phê bày bàn ghế ra một phần vỉa hè, và dưới mái hiên bằng vải người Paris lại bắt đầu một ngày mới của mình bên ly cà phê bốc khói và những trang báo mở rộng... Ngay phía trên những cửa hàng và tiệm cà phê vẫn là những ô cửa sổ vuông vắn của toà nhà được xây dựng từ thế kỷ XIX, hầu như không có sự thay đổi về cấu trúc và trang trí nhưng vẫn thể hiện rõ sự chăm chút và lưu tâm gìn giữ. Vợ chồng anh bạn trẻ đồng nghiệp của tôi sống trong một toà nhà như vậy. Qua một khung cửa sắt hẹp, theo các bậc cầu thang gỗ cũ mòn nhưng sạch sẽ, tôi leo lên căn hộ của họ ở tận lầu 5. Căn hộ có 3 phòng không rộng lắm nhưng nội thất rất tiện nghi và hiện đại. Anh bảo, không gian trong nhà là của mình, có thể trang thiết bị lại cho phù hợp nhu cầu và sở thích nhưng không được thay đổi sửa chữa cấu trúc như coi nói, phá vách ngăn... vì sẽ làm giảm tuổi thọ của cả toà nhà. Cũng có thể nhận thấy, tuy đã “có tuổi” trên dưới trăm năm nhưng những toà nhà như vậy ở Paris chất lượng còn khá tốt. Nếu có hư hỏng thì sẽ được cơ quan quản lý cho sửa chữa ngay. Từ ban công có mấy chậu hoa và mặt ngoài nhìn xuống phố thì thuộc về không gian chung – không gian của thành phố nên không được phép tùy tiện thay đổi để bảo tồn vẻ đẹp và sự thống nhất trong kiến trúc của những khu phố cổ. Tuy ở khu vực trung tâm gần nhiều công sở nhưng tiền thuê nhà ở những khu nhà như vậy khá đắt, vì thế người ta vẫn thuê nhà ở nơi khác, âu cũng là một cách làm cho “sức ép dân số” lên những toà nhà và khu phố cổ được giảm đi đáng kể.

Khách sạn tôi ở nằm trong một con ngõ nhỏ, lòng đường vẫn còn nguyên những viên đá chẻ khắp khiêng. Mỗi chiều muộn trở về, tôi như nghe thấy tiếng bánh xe ngựa lăn trên đường, rồi chiếc xe song mã hiện ra trong sương thu với một người phụ nữ kiêu diễm trong bộ váy phồng và chiếc áo choàng cổ cao... Nhưng đấy chỉ là giấc mơ thoáng qua, khoảng từ 9 giờ tối đến 7 giờ sáng hôm sau, cái ngõ nhỏ này đã đầy xe hơi đậu kín hết chiều dài của ngõ (người Paris thật tài tình vô cùng khi có thể đậu xe sát cạnh nhau đến từng ...cm như vậy!). Ngôi nhà nhỏ nên các phòng cũng rất nhỏ, đồ đạc trong phòng làm tôi nhớ đến một câu truyện cổ Grim (“ai đã ngồi lên ghế của tôi, ai nằm lên giường của tôi? - các chú lùn kêu lên...”). Chỉ có chiếc TV treo trên tường là khá lớn! Nhìn góc nhà tắm, chợt thấy “thương” cho cô bạn Tây ở phòng bên, với thân hình của cô, chắc cô phải bước giết lùi vào nhà tắm thì mới có thể bước ra được! Thật ra cũng có sao đâu, khách sạn cho du lịch mà, khách đi suốt ngày, tối về vệ sinh qua loa rồi lăn ra ngủ, TV thì vẫn mở suốt đêm, để rồi sáng hôm sau lại khách lại miệt mài đi tiếp...

Mấy ngày ở Paris, một mình với ba lô, bản đồ, một tập vé có thể đi tất cả các tuyến metro và xe bus (mua liền 10 vé rẻ được 20%!), chân giày Adidas, quần jean áo khoác ngoài (trời thu nóng lạnh thất thường), với vốn tiếng Pháp đủ để ...xem bản đồ và chào hỏi xã giao, cứ thế tôi đi đến những địa danh đã in sâu trong tâm tưởng. Đến tháp Ep phen vào buổi chiều nắng vàng rực rỡ, nhìn thấy dòng người xếp hàng dưới chân tháp, tôi thấy tiếc – không phải tiếc mấy chục EUR mà tiếc vì thời gian của mình eo hẹp quá, không thể chờ đợi để “rồng rắn lên mây”. đành tự nhủ, thôi thì để dành lần sau (mà lòng vẫn biết chắc sẽ chẳng có lần sau!). Lên chuyến tàu du lịch dọc sông Xen, qua mỗi địa điểm đều có lời giới thiệu tỉ mỉ phát qua hệ thống loa trên tàu. Toà Thị chính Thành phố nằm bên dòng sông Xen đang mở cửa đón du khách. Hàng năm vào cuối hè, Toà Thị chính trở thành điểm du lịch hấp dẫn trong 10 ngày, khách du lịch và người dân Paris có thể vào tham quan tòa lâu đài cổ, rất lớn và đẹp này, cũng là nơi làm việc của những người đứng đầu thành phố. Tàu đi qua Cầu Vàng, bảo tàng Orsay, Nhà thờ Đức bà... Nhìn từ sông Xen, toà nhà thờ nổi tiếng này không quá đồ sộ, lạnh lùng và ám ảnh như khi nhìn chính diện... Ngày khác tôi đi xe bus đến khu La tinh, đồi Mông mac, rồi quay về khu vực có nhiều quán hàng của người Việt. Chiều tối đứng từ Khải Hoàn Môn nhìn ra Đại lộ Săng Elide, dòng xe hơi nối nhau không dứt ...Ừ nhỉ, đại lộ này có từ thế kỷ XIX, còn nguyên những viên đá chẻ lát đường và bọc vỉa hè, vậy mà đến nay vẫn đủ rộng cho 8 làn xe hơi, vỉa hè vẫn đủ thoáng cho hàng chục ngàn du khách tản bộ ngắm những cửa hàng, khách sạn sang trọng hai bên đường. Chợt nhớ đến khu vực Nhà thờ Đức bà và Bưu điện Sài Gòn – rộng hơn là những công sở ở khu vực Trung tâm thành phố – do người Pháp xây dựng từ những năm 1880 - 1890, khi mà dân số Sài Gòn chỉ mới vài trăm ngàn người, đến nay đã hơn 7 triệu nhưng các công trình ở đây vẫn thực hiện tốt các chức năng của mình. “Quy hoạch đô thị” phải là như thế?

Phần lớn thời gian của tôi là dành để tham quan một số bảo tàng lớn ở Paris. Có trong tay tấm thẻ của “Hiệp hội các bảo tàng Quốc gia Pháp”, tôi “lang thang” ở Bảo tàng Louvre một ngày nhưng cũng chỉ xem được phần về các nền văn minh phương Đông, còn những phần khác thì đúng là “cưỡi tên lửa ...xem hoa”! Nhất là khu trưng bày các tác phẩm thời văn hóa Phục Hưng, khách du lịch đông quá, không sao đến gần những bức vẽ, bức tượng nổi tiếng được, tôi phải đứng từ xa zoom máy chụp hình. Mỗi chân quá bèn ngồi nghỉ trên những bậc đá cẩm thạch trắng tinh với chiếc ba lô bên cạnh, lúc đứng lên chưa kịp cầm thì một người bảo vệ hiện ngay ra nhắc nhở – Paris vẫn cảnh giác với nạn khủng bố mà!

Khác với bảo tàng Louvre vốn là một cung điện, bảo tàng Orsay – trưng bày mỹ thuật hiện đại – được “cải tạo” và xây dựng lại từ một ga xe lửa. Cấu trúc bên ngoài hoàn toàn không thay đổi nhưng bên trong là những phòng trưng bày với phong cách và nhiều trang thiết bị hiện đại. Một vài bảo tàng lớn của nhà nước cũng vậy, thường sử dụng những toà nhà cổ, ở vào vị trí thuận lợi trên các tuyến đường, nhưng phần nội thất được làm

mới hoàn toàn để đáp ứng các chức năng hoạt động của bảo tàng hiện đại. Có thể nhận thấy Paris đang luôn cố gắng giữ cho được những gì làm cho Paris đã trở nên quen thuộc với thế giới và làm cho nhiều người yêu quý Paris. Đồng thời cũng làm cho nó ngày càng mới mẻ và hấp dẫn hơn.

Ngày cuối cùng tôi đi xuống Vec xay, cách Paris khoảng 40 km. Xe lửa cứ 20 phút có một chuyến, mua vé khứ hồi (tất nhiên, rẻ hơn mua 1 lượt!) và chỉ khoảng 30 phút sau thì đến nơi. Từ ga xe lửa đến khu lâu đài Vec xay đi bộ chừng 15 phút, qua 1 khu chợ trời, vài con phố nhỏ và một công viên rợp mát bóng cây, trông thật bình yên với thảm cỏ xanh và những hàng ghế gỗ dọc hai bên đường. Cũng như ở Louvre, một ngày cũng chẳng kịp xem hết những căn phòng chứa đầy bí ẩn trong lâu đài Vec xay, nhưng tôi đã được đi dạo trong khu vườn nổi tiếng... Những bồn hoa rực rỡ, hồ nước trong xanh có khối tượng những nàng tiên làm đài phun nước, thảm cỏ xanh ngút ngát giữa hàng tượng cẩm thạch trắng tinh, nép mình vào lối đi nhỏ bên hàng rào cây xén bằng phẳng... tưởng như chỉ một chút thôi, sau khúc quanh kia sẽ hiện ra những chàng ngự lâm quân can đảm...

Vài ngày ở Paris vụt qua rất nhanh. Tiễn tôi ra phi trường là bầu trời xanh vất của một sáng cuối thu, hàng cây cỏ thụ dọc theo các đại lộ những tán lá đã ngả vàng rực rỡ... Nhưng níu giữ trái tim tôi ở lại Paris là làn sương tím những buổi chiều nhạt nhòa, sắc tím nao nao của thảm Violet bên cạnh Viện bảo tàng Tự nhiên, và màu phớt tím dịu dàng của chiếc khăn choàng người bạn Paris gửi tặng... Chợt ước mong một ngày, nếu ai đó lần đầu đến với Hà Nội của tôi thì cũng sẽ có được cảm xúc như khi tôi đến Paris: lạ lẫm nhưng vô cùng quen thuộc, mới mẻ mà vẫn luôn cổ kính...

Suốt chuyến bay về, vắng bên tai tôi một giai điệu như một lời trách cứ... Ngày rời Paris, em đã bỏ quên cuộc tình...*

* Lời trong một bài hát.

NGUYỄN THỊ HẦU

Thời Của Ngựa

Võ Đắc Danh



Đức Hòa như một góc của hình tam giác đều nếu ta hình dung hai góc còn lại là Sài Gòn với Long An. Cũng ồn ào phố chợ, cũng đường xá thông thương, cũng tiếng còi xe inh ỏi. Nhưng tách khỏi phố chợ vài trăm mét, đi về phía Hòa Khánh, Đức Hòa Thượng, Đức Lập Thượng, Mỹ Hạnh... ta bắt gặp sự bình yên của một làng quê giống như là cổ tích: Những ngôi nhà ngói ba gian, nhà chữ đình ẩn trong những khu vườn cây ăn trái, những đồng lúa, những bờ tre, những hàng cau bên những con đường đất đỏ. Từ phía lộ nhìn vô, bên trái của những ngôi nhà ngói đỏ ấy là một dãy chuồng ngựa nổi dài ra tận phía sau vườn. Trong nhà, hai gian bên kê hai bộ ván ngựa đen bóng, gian giữa là chiếc bàn chữ H xưa đặt trước bàn thờ tổ tiên, trên bàn là bộ đồ trà gồm mấy cái tách nhỏ, một cái bình tích đặt trong trái dừa khô để giữ nhiệt.

Chủ của những ngôi nhà ấy, phần lớn là những chủ ngựa lừng danh, trong đó có những danh nài một thời hiên ngang trên trường đua Phú Thọ.

Chúng tôi gặp ông Chín Xèn trong một quán cà phê ngựa – tức là nơi gặp gỡ của những chủ ngựa vào buổi sáng, nhìn vóc dáng thô mộc, chân quê của ông, tôi cứ ngỡ ông là một người chăn ngựa mướn. Nhưng hỏi ra mới biết, Chín Xèn là một ông trùm trong làng ngựa Đức Hòa. Hỏi về chuyện nuôi ngựa, ông cứ ngập ngừng không muốn nói. Nhưng anh Trần Công Lập – cán bộ phòng kinh tế huyện Đức Hòa, đồng thời cũng là một người có bốn đời nuôi ngựa – cho biết: Chín Xèn hiện có trên 20 con ngựa, trong đó có những con ngựa đua nổi tiếng như Trường Sơn, Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây, Yên Linh, Pacific. Hỏi ông đã từng thắng bao nhiêu trận ở trường đua Phú Thọ, Chín Xèn lắc đầu bảo rằng làm sao mà nhớ nổi. Cứ bình quân mỗi năm một con thắng ba bốn trận, mỗi trận được bảy tám triệu đồng. Tính ra, mỗi năm Chín Xèn hốt của trường đua cả trăm triệu đồng. Nhưng theo anh Lập thì đối với Chín Xèn đó chỉ là những chuyện vui chơi. Cái chính là những trận thắng ấy nó tạo nên thương hiệu cho đàn ngựa của Chín Xèn. Ở Đức Hòa này, một chủ ngựa nuôi được năm bảy con là cùng, và hầu như mỗi người chỉ o bế được một con ngựa đua, trong khi đàn ngựa của Chín Xèn có trên 20 con mà trong đó có đến 5 con ngựa đua nổi tiếng. Hơn thế nữa, ngựa của Chín Xèn được giá nhất trong làng, một con ngựa to vài ba tháng tuổi đã có người dám mua tới giá bảy tám chục triệu đồng, thậm chí một con ngựa vừa chuẩn bị đi đo để vào cuộc đua, đã có người đến ngã giá 150 triệu đồng. Có nhiều tay Việt Kiều mê ngựa của Chín Xèn đến nỗi mua ngựa của ông rồi gửi lại cho ông nuôi, chịu toàn bộ chi phí bao gồm tiền công chăm sóc, tiền huấn luyện,

tiền thuốc, tiền lúa, tiền cỏ và cả tiền thưởng của những cuộc đua. Họ chỉ cần được sở hữu con ngựa trên giấy tờ để công bố tên ngựa và tên chủ trước trường đua. Tất nhiên, họ sẽ có đủ tự tin để cá độ chính con ngựa của mình.

Chín Xèn năm nay 60 tuổi, gia đình ông có bốn đời nuôi ngựa, ông là đời thứ ba. Ngay từ năm 1959, ông đã là một danh nài ở trường đua Phú Thọ, từng góp công làm rạng rỡ làng ngựa Đức Hòa. Cuộc đời ông gắn liền với những thăng trầm của đời ngựa suốt hơn nửa thế kỷ qua. Người ta nói sự thành bại, cay đắng hay vinh quang của con ngựa nó gắn liền với cuộc đời của chủ. Vì thế, Đức Hòa đang là thời của ngựa thì cũng chính là thời của Chín Xèn. Bên ngôi nhà ngói ba gian của ông bây giờ chuồng ngựa đã vây hai phía, ông đang xây dựng một trang trại ngựa giữa đồng. Chưa biết ông đang toan tính những kế hoạch gì cho ngựa, hỏi ông cũng không nói, nhưng nhìn đàn ngựa của ông, ai cũng biết ông đã là tỷ phú. Anh Trần Công Lập cho biết, nếu tính cả đàn ngựa của sáu anh em nhà Chín Xèn như Ba Hở, Tư Hực, Năm Thái, Ut Đức và những người con của họ đã ra riêng thì đàn ngựa trong thân tộc Chín Xèn có đến 200 con, có lẽ đây là đỉnh cao của một dòng họ nuôi ngựa ở Đức Hòa.

Chúng tôi đến nhà chú Ba Cường, cũng ngôi nhà ngói ba gian cổ kính nằm phía sau con đường đất đỏ, bên một bờ tre. Sau nhà là một vườn xoài, trước nhà là khoảng sân rộng tráng xi măng tiếp giáp với mấy hàng cau và cánh đồng mênh mông lúa. Một buổi trưa thật bình yên, người con trai của chú Ba mặc võng nằm ngủ dưới gốc xoài. Bên hông nhà, bốn chú ngựa trong chuồng đang nhor cỏ. Trong nhà, chú Ba nằm trên ván ngựa nghe radio. Giữa phòng khách treo hai bức ảnh con Minh Hương với hai lần về nhất tại trường đua Phú Thọ. Chú Ba Cường cho biết, ông là bí thư huyện ủy Đức Hòa về hưu năm 1991. Hồi ấy ông có thể tìm một ngôi nhà ở thị xã Tân An nhưng ông lại về đây, thờ cúng ông bà trong ngôi nhà của mẹ cha để lại.

Ông mua con Triệu Minh với giá 2,5 triệu đồng để nuôi cho vui. Thật ra – ông nói – sau khi trường đua Phú Thọ ngưng hoạt động, dân nuôi ngựa Đức Hòa đua nhau bán đồ bán tháo, nhiều người thương ngựa bán không đành thì cố giữ lại. Nhìn thấy cái cảnh cả chủ lẫn ngựa buồn chán như kẻ thất thời, chú Ba Cường lúc bấy giờ đang là bí thư huyện ủy – một người đã từng nuôi ngựa thời niên thiếu – bèn vận động thành lập trường đua Đức Hòa với mục đích tạo cho dân nuôi ngựa một sân chơi, cũng là để giữ gìn truyền thống của làng ngựa Đức Hòa. Cũng chính nhờ vậy mà ngay sau khi trường đua Phú Thọ phục hồi thì Đức Hòa đã có sẵn đàn ngựa oai hùng để vừa vào cuộc vừa cung cấp cho dân chơi ngựa ở Sài Gòn và các vùng lân cận vốn đã giải tán nhiều năm. Con Triệu Minh của chú Ba Cường cũng từ đó mà đẻ ra tiền, cứ mỗi con ngựa con vừa đẻ được vài tháng thì đã có người mua với giá ba bốn chục triệu đồng. Đến nay Triệu Minh đã đẻ được 9 con, ông đã bán 6 con, giữ lại 3 con để đua và phát triển đàn ngựa, trong đó, con Minh Hương đã về nhất hai trận, giờ ông cho phối giống, nó đã có chửa được 10 tháng. Ông nói, ngựa mẹ chỉ cần thắng hai trận thì ngựa con trở nên vô giá, nếu nó là ngựa đực thì bán ngay cũng được 50 triệu đồng, còn nếu là ngựa cái thì có khi lên đến cả trăm triệu.

Ở Đức Hòa, hầu như ai cũng biết đến con Mã Thành lừng danh một thời của ông Sáu Thực, nó có một lai lịch bách chiến bách thắng mấy đời. Bà cố của nó là con Mã Long Phi từng đua với con Trúc Mai, Anh Tuấn, Minh Hiệp nổi danh thời Pháp thuộc đã đi vào lịch sử trường đua Phú Thọ. Bà ngoại của Mã Thành là Mã Lợi, Mã Lợi đẻ ra Mã Thành mẹ, Mã Thành mẹ lại làm rạng rỡ dòng họ Mã của nó ở Phú Thọ vào những năm 90, lúc ấy có một Việt Kiều trả giá 20 ngàn USD nhưng ông Sáu Thực kiên quyết không bán. Sau đó Mã Thành mẹ đẻ ra Mã Thành con rồi chết. Cái chết của Mã Thành mẹ làm chấn động làng ngựa Đức Hòa và gây một cú sốc trong lịch sử ba đời nuôi ngựa của gia đình ông Sáu Thực. Nhưng may thay, chính con Mã Thành con bây giờ đã bù đắp sự mất mát của ông Sáu Thực bằng 30 trận thắng liên tục trong 10 năm qua. Bây giờ dù có ai mua Mã Thành con với giá bao nhiêu ông Sáu Thực cũng không bán. Nhiều tay đua ngựa đang trông chờ nó đẻ con để mua, và ai cũng biết rằng con của nó sẽ được tính bằng đơn vị tiền trăm triệu.

Ông Bảy Chối, em ruột ông Sáu Thực, một nài ngựa kỳ cựu của Đức Hòa hiện đang nuôi bảy con ngựa giống, trong đó có con Mã Hiệp mới lên ba tuổi đã xếp vào nhóm bảy. Ông Bảy Chối tự hào nói: “Nó đã nổi tiếng từ lúc hai tuổi, tham gia 9 trận đua, về nhất 3 trận, về nhì 3 trận. Mới đây có một tay đua ngựa ở Sài Gòn xuống ngã giá 130 triệu đồng, tôi định bán nhưng nó nghe được nó buồn không ăn lúa, thằng con tôi khóc suốt mướt nên thôi, giờ để nái bán ngựa con”. Ông Sáu Năm, một người mới nuôi ngựa sau này nhưng cũng nổi máu mê, ông dám vay 80 triệu đồng để phát triển đàn ngựa đến bảy con, trong đó có con Thái Phi đang trở thành “sao” của Đức Hòa. Ông nói, hồi năm kia tới lúc đáo nợ ngân hàng, ông đang nơm nớp lo thì con Thái Phi thắng cúp Tuổi trẻ được 15 triệu đồng, tiếp theo nó giành hai giải nhất được 16 triệu đồng và 9 giải nhì được 27 triệu đồng, tổng cộng nó đã trả nợ cho ông bằng những trận thắng là 58 triệu đồng. Một Việt Kiều vừa gạ ông với giá 120 triệu đồng nhưng ông không bán. Mới đây con Mai Hương đẻ ra con Nữ Hương, vừa được 7 tháng ông đã bán được 50 triệu đồng. Con Thái Phụng của ông vừa giành một giải nhất và hai giải nhì, thu được 15 triệu đồng.

Chưa có con sổ thống kê mỗi năm ngựa Đức Hòa giành lấy bao nhiêu giải nhất tại trường đua Phú Thọ. Nhưng người ta gọi Đức Hòa là xứ sở của “thần mã” từ thời Pháp thuộc đến bây giờ. Không thể nhớ hết những tên ngựa lừng danh gắn liền với tên chủ như: con Phước Vân của ông Bảy Môn, con Trường Sơn Đông của ông Bảy Nhạc, con Lữ Phụng của ông Hai Nguyên, con Kim Long của ông Hai Lô, con Atila của ông Tư Tạm, con Thoại Lan của ông Sáu Lực, con Xuân Lộc Hương của ông Ba Ngay, con Hiệp Hòa của ông Năm Hưng . . . Theo

anh Trần Công Lập thì Đức Hòa có trên 400 chủ ngựa đua, tổng số đàn ngựa trên 2000 con bao gồm ngựa con, ngựa đua và ngựa giống.

Cứ vào lúc hừng đông, từ bốn năm giờ sáng, hàng trăm người đạp xe dẫn ngựa đi quần khắp các nẻo đường thôn, tiếng chân ngựa lộp cộp tạo thành một âm thanh quen thuộc của Đức Hòa. Khi mặt trời lên, từng nhóm chủ ngựa kéo vào các quán cà phê dưới những vườn cây rợp bóng ở ven đường. Mỗi người một tờ báo trên tay – tờ tin của trường đua Phú Thọ – họ xem kết quả đua, xem lịch đua rồi râm rang bình phẩm. Những chú ngựa vây quanh bên ngoài như chú ý lắng nghe.

Có sự phong lưu nào hơn thế nữa ! Đúng là thời của ngựa Đức Hòa !

Ảnh:

Con Thoại Lan, niềm tự hào của ông Sáu Lực

VÕ ĐẮC DANH

Người H.Mông hôm nay .

Nguyễn Thị Thu Hiền



Chuyện xưa kể rằng có một đôi trai gái người Mông vì những tập tục phong kiến hà khắc nên không lấy được nhau. Chỉ đến khi có Tết độc lập 2- 9, được tự do đi chơi, họ mới gặp lại. Mừng tủi, đôi trai gái hẹn nhau năm nào cũng gặp vào ngày ấy, tại địa điểm ấy...

Không dừng mà thành, các đôi bạn tình khác theo đó cũng hẹn gặp. Và sự hẹn hò thông lệ đã trở thành ngày hội, thực sự trở thành ngày hội lớn của đồng bào dân tộc Mông hôm nay. Rải rác trên các triền núi **mùa đông mây nằm chưa trôi đi, mây mùa xuân đã sà xuống** từ Việt Bắc, Tây Bắc đến miền Tây Nghệ An, khác nhau đôi chút về tiếng nói, trang phục nhưng người H.Mông là một khối đại đoàn kết với văn hóa truyền thống, cùng hát **Tiếng hát gọi ca, Tiếng hát làm dâu**

Đường vào Tà Phình (Tân Lập- Mộc Châu) hôm nay được rải nhựa hơn 30km từ trung tâm huyện lỵ, hai bên đường xanh ngắt những đồng cỏ “tiền vua”, những nương ngô, những vạt đồi dong giềng khoe sắc tía, những quả bí xanh phủ đầy phần phoi mình trên đá như những chú lợn con. Mấy cô bé Mông vẫn váy áo truyền thống chơi cạnh đầm trường phổ thông cơ sở 20-11 chỉ cho chúng tôi vào một nhà đối diện. Các cô bé không chỉ, chắc chắn chúng tôi cũng ghé vào vì cô con gái nhà ấy đang may bên hiên nhà rất duyên. Ánh máy ảnh lóe lên khiến cô cúi đầu e thẹn. Từng tấm thổ cẩm được ghép lại thành váy, áo nhanh chóng. Một anh bạn đi cùng đoàn chúng tôi thở phào “ Thế là phụ nữ Mông được giải phóng khỏi lao động thủ công” mà chưa biết rằng đến giờ phụ nữ Mông vẫn cần mẫn và khéo léo dệt lanh, thêu hoa văn tỉ mỉ, thậm chí thêu ngược mà vẫn đẹp. Mấy khâu sẵn có trước nhiều hiên nhà cũng chỉ giúp phụ nữ Mông phần nào. Tục ngữ Mông đã chẳng có câu đầy sao: **Gái đẹp không biết làm lanh cũng xấu/ Trai khỏe không biết làm rầy cũng hèn**. Bao đời nay, cây lanh đã gắn bó với đồng bào tới mức trở thành biểu tượng trong văn hóa dân gian Mông. Theo sưu tầm và nghiên cứu của tiến sĩ Trần Hữu Sơn (giám đốc Sở VH-TT Lào Cai), sợi lanh là sợi dây dẫn đường giao linh hồn của vật dâng cúng cho người chết, là vật bảo vệ người Mông, là tín hiệu văn hóa tộc người, xuất hiện với tần số cao trong thơ ca dân gian. Cô con gái ngồi may bên hiên khe khe hát: **Cây lanh đổ hát vào cây thông/ Cây thông đổ nhòa trên mặt đất/ Đôi ta kết bạn tình hạnh phúc đường này/ Ta chỉ có đường nói mà không có đường lia...**

Ông chủ nhà bước ra tươi cười: “ Vào chơi đi!”. Bắp ngô nếp còn nguyên vị ngọt trên nương nóng hổi trên tay cầm, bát rượu ngô kê môi. Ông chủ nhà luôn miệng giục: “ Ăn đi !”, cười vui: “Ăn đi là ăn xong ở lại chứ không phải ăn rồi đi đâu đấy”. Thế mới thấy đồng bào ta vui tính thật. Ai đó đã nói cái lí của người Mông là hay lắm. Ông chủ Tráng A Nhà lại nói lí: “Mình không trồng cái thuốc phiện đâu, chỉ có điệu thuốc Lào đón khách thôi”. 15 năm tham gia công tác bảo vệ an ninh trật tự xã Tân Lập, đã được “lên báo” với những huy chương kháng chiến

chống Mỹ hạng nhất năm 1987, bằng khen của công an tỉnh về phong trào thi đua bảo vệ an ninh tổ quốc các năm 1978, 1985, 1988. Về hưu năm 1994, ông Nhà vẫn đi chống cây thuốc phiện. Ông là người ở bản này mua máy cày đầu tiên để trồng ngô, làm gương cho bà con bỏ cây thuốc phiện. Mua một cái máy cày hồi đó ấy à? Dạ, phải bán 18 bò, 6 trâu đấy. Giờ thì tốt rồi! Nhà mình có 2 ha với 4 lao động chính, vừa trồng ngô, vừa lúa, trồng mận. Đến mùa, ô tô vào tận đây thu mua ngô 1500 đồng/cân, được đầy chữ, không phải lo gửi đi xa nữa. Ô tô còn hiem chứ xe máy có nhà có tới 2- 3 cái, như nhà ông Vàng A Cán, Vàng A Sùng, Vàng A Lữ Tá... Cả bản giờ chỉ còn 5 hộ đói thôi vì không có nghiện nữa, không nghiện mới là giàu. Lối lí luận và tư duy mộc mạc của người Mông dễ đi vào lòng người vì thế. Trưởng phòng văn hóa Mộc Châu Nguyễn Đức Nguyên- người gắn bó với nhiều nếp văn hóa, tập tục của đồng bào đã chia sẻ cùng chúng tôi cảm nhận. Trong lịch sử, dân tộc Mông là một dân tộc có bản lĩnh kiên cường vững chắc như núi đá, dẻo dai, bền bỉ như cây lanh, rực rỡ, tươi thắm như hoa đào, ngọt ngào, đắm say như điệu khèn gọi bạn, ấm nồng như hương vị của rượu ngô, phóng khoáng, hào hoa song cũng rất khiêm nhường, mạnh mẽ nhưng vô cùng tinh tế. Anh Nguyên nhắc lại câu chuyện cổ xưa về các anh em dân tộc cùng chung cha mẹ, được cha mẹ bảo đi tìm nhà của mình, trong đó người Mông nghe tiếng gà gáy đã dậy đi sớm nhất nên ở trên tận núi cao. **Văn hóa của đồng bào Mông là văn hóa đậm chất núi đồi thể hiện những bản sắc độc đáo, tinh thần cộng đồng và ý thức dân tộc rất cao, hòa vào dòng chảy văn hóa của 54 dân tộc anh em tạo nên sự đa dạng, mang đậm đà bản sắc Việt Nam. Sự sáng tạo của người Mông về mặt văn hóa không những làm phong phú kho tàng văn hóa Việt Nam mà còn tỏa ánh hào quang hết sức đặc biệt trong nền văn minh nhân loại dù trong lịch sử, có giai đoạn rất dài đã bị xem nhẹ, phân biệt, suy thoái.**

Bản sắc thể hiện tập trung vào mùa lễ hội. Đã bao nhiêu năm rồi kể từ ngày đôi trai gái kia gặp lại nhau, kể từ mùa thu Cách mạng năm 1945... Những người Mông cao tuổi của các bản như già Vàng A Giảng 98 tuổi, già Vàng A Mua 96 tuổi ở Tà Phình kể lại cho lũ thanh Vàng A Trống rằng ngày 2- 9 Bác Hồ đọc tuyên ngôn khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là ngày người Mông ta coi đó là Tết độc lập. Réo rất lời ca “ Người Mông ơn Đảng”... Phải rủ nhau đi hội từ ngày 29- 8, phải xuống thị trấn Mộc Châu để được bộc lộ tình cảm của mình với Đảng, với Chính phủ đã đem cho người Mông ta một cuộc sống mới tốt đẹp, để được sống trong bầu không khí của quê hương. Từ phạm vi một địa phương nhỏ, mang tính tự phát, tiếng lành đồn xa nay đã trở thành ngày hội chung vui của toàn thể người Mông trong cả nước và một số nước bạn lân cận như Lào, Thái Lan... Trên cao nguyên Mộc Châu tươi đẹp, 2- 9 năm nào cũng hội tụ trai gái dập dìu. 2- 9- 2005, tỉnh Sơn La đã tổ chức thành ngày hội lớn cho đồng bào dân tộc Mông và hội tụ về Mộc Châu cả đồng bào dân tộc Mông của một số tỉnh lân cận. 2- 9 vừa qua, Bộ Văn hóa- thông tin với chủ trương đưa văn hóa về cơ sở đã thực sự khiến thị trấn cao nguyên như cô gái đẹp xuống chợ với bộ áo váy lanh mới nhất, đẹp nhất vui cùng bạn tình.

Tới hội, ai cũng chuẩn bị cho mình bộ trang phục đẹp nhất, rực rỡ nhất, trai thì đầu cuốn khăn, cổ đeo vòng, vai vác khèn, gái thì xúng xính áo váy, tay cầm đàn môi, rung rinh nhạc ngựa. 20000 người Mông tại Mộc Châu gồm 3 nhóm chính là Mông Lính, Mông Đu, Mông Đơ sinh sống ở 56 bản của 12 xã, thị trấn trên địa bàn huyện làm nên sắc màu địa phương. Từ khắp các ngã đường, người Mông của Tây Bắc, Việt Bắc, từ nước bạn Lào về mỗi lúc một đông vui. Các điệu khèn, điệu sáo bạn tình gọi nhau, rồi đánh yến, đánh tu lu, ăn thắng cố, uống rượu ngô, mua bán thổ cẩm và các nông lâm sản... Rất nhiều hoạt động hội lễ đã diễn ra như phiên chợ vùng cao với những gian hàng của nhiều địa phương, trò chơi dân gian... Và điệu dân ca được nhà thơ Chế Lan Viên cho là **Sáng thế ký** của người Mông được dịp ôn lại: **Ngày xưa ngày xưa, bà Trày sinh ra mặt đất/ Ông Trày tạo ra bầu trời/ Ông Trày làm xong, ra chỗ chân trời ngó xem...** Có mặt nơi đây trò chơi **Rồng áp trứng** tưởng như đã phai nhạt. Lễ **Nào xông** (ao ước đầu năm) đã thất truyền cũng được phục dựng. Ông Lùng thầu (người chủ hội) tay vung hương vòng quanh 2 con gà chơ cất tiết và 1 con lợn, đọc bài cúng mong thần thổ địa bảo vệ dân bản khỏe mạnh, súc vật không bị dịch bệnh, mùa màng tốt tươi, người người no đủ. Mang tính cộng đồng rất cao, lễ **Nào xông** còn có ý nghĩa giáo dục con cháu tính đoàn kết, đồng thời lập ra một quy ước để mọi người cùng thực hiện như: không chặt phá rừng, không trộm cắp của người khác, quy định chăn thả gia súc, quy định về cưới xin, ma chay.

Xem điệu nhảy **Tha kenh**, thi bắn nỏ, đẩy gậy, chúng tôi gặp lại hai cặp vợ chồng Tráng Láo Chờ- Và Thị Cá, Tráng A Thái- Sùng Thị Dờ đã gặp tại xã Lóng Sập mấy ngày trước đó. Hôm nay họ vẫn đi có đôi nhưng tới tối mừng 1 sẽ tách ra để tìm lại bạn tình cũ. Lóng Sập trong chúng tôi còn vẹn nguyên với tình cảm về một xã vùng biên. Nơi đây vẫn đang phổ cập tiểu học do một số bản trắng, y tế thôn bản mới có 70%, vẫn chiếm hơn 70% hộ nghèo nhưng có tới 9/13 đội văn nghệ. Lóng Sập hôm nay đã thực hiện giao đất, giao rừng cho dân xong, di dân tự do không còn, những tập tục lạc hậu như ma chay, cưới xin dài ngày, tệ nạn ma túy gần như hết, cả xã vừa qua đã thu gom được hơn 600 khẩu súng kíp- thứ vũ khí tự tạo độc hại. Bình yên để vui hội. Náo nức, có tới 6 huyện của tỉnh Sơn La giới thiệu quy trình sản xuất nhạc cụ, nấu rượu, rèn, làm mèn mèn, ghép thùng gỗ... Ông Giàng A Páo- trưởng thôn ở bản Pa Kha 1 xã Chiềng Tương huyện Yên Châu kể nghiệp nghề rèn đến đời thứ ba

của gia đình cho biết ở bản mình chỉ còn 1- 2 người rèn dao, không đủ cung cấp cho bà con, thành ra sửa chữa là nhiều. Con dao Mông nổi tiếng là sắc từ xưa tới nay khiến mọi người tới tấp rủ nhau mua được bàn tay người Mông rèn rất công phu, khác với những kiểu rèn thường thấy dưới xuôi. Khác từ cái pô (ống thổi lửa bằng thân cây khá to) cho tới bề thỏi và nhất là bàn tay cầm búa của người Mông chắc nịch. Ông Páo cười: “ Vui vì rèn tại đây để mọi người cùng xem. Trẻ con bây giờ ra ngoài va chạm nên lưỡi rèn quá !”. Con dao gắn bó cả cuộc đời người Mông, đến khi chết vẫn bỏ dao vào quan tài chôn cùng để xuống xứ ma lấy cái làm ăn...

Nồng sức mùi thắng cổ. Không thể đến lễ hội mà quên ăn thắng cổ. Cùng với các quầy hàng tấp nập khách mua, khách thăm quan tới tận 22 giờ đêm, mấy chảo thắng cổ của người chiến sĩ chống Mỹ năm xưa Thào A Páo quê gốc Bắc Hà, nay ở bản Pó Nhắng 1 xã Vân Hồ huyện Mộc Châu luôn thu hút những ai yêu nét ẩm thực độc đáo. Hầu như ai cũng nếm 1 bát cùng với nồng ấm rượu ngô cho mặn tình bầu bạn. Được huyện hỗ trợ kinh phí để phục vụ bà con miễn phí, ông Thào A Páo bảo: “ Phải làm thế nào để người ta nhớ...”

Làm thế nào để mọi người nhớ? Sự tận tâm cùng cách nấu thắng cổ của người lính già còn nhắc cho mọi người nhớ về hội lễ. Lễ hội thực sự và luôn luôn là ngày hội của đồng bào khi được đưa về cơ sở, để đồng bào là người sáng tạo, nuôi dưỡng- tâm sự của ông Vi Hồng Nhân (Vụ trưởng Vụ Văn hóa dân tộc- Bộ Văn hóa) và anh Nguyễn Đức Nguyên (trưởng phòng Văn hóa huyện Mộc Châu). Những cán bộ ngành văn hóa từ trung ương tới địa phương này đều coi đồng bào chính là người thầy, còn họ chỉ giúp đồng bào định hướng, không phá vỡ những nền tảng văn hóa...

Trở lại với câu chuyện về đôi trai gái người Mông xưa đã gặp lại được nhau ở rẻo đồi Mộc Châu (nay là điểm xây dựng nhà văn hóa to đẹp). Theo lời hẹn, năm nào họ cũng về gặp nhau vào dịp Tết 2-9, kể cả khi tuổi đã già. Năm ấy, bà lão đến chợ, ngồi ở góc đã định thuê áo cho bạn tình. Năm cơm đem theo bà không buồn ăn mà cứ đợi... Hội tan, tàn buổi chợ, vẫn không thấy ông lão đến. Cuối cùng, có một cô gái đến nói là cháu của ông lão và đưa cho bà chiếc vòng bạc mà ông nhắn gửi. Và cô gái đã đón bà lão về thăm gia đình mình, nhận anh em, cùng sum họp. Ngày hội đã thực sự trở thành ngày hội với nét văn hóa đầy nhân văn cao cả.

Mộc Châu 2- 9- 2006

NGUYỄN THI THU HIỀN

Hai bên cửa khẩu Mộc Bài

Huỳnh Kim

Sáng ngày 27-9-2006, Việt Nam và Campuchia khánh thành cột mốc đầu tiên trên tuyến biên giới hai nước ở cửa khẩu Mộc Bài - Bavet thuộc hai tỉnh Tây Ninh và Svay Rieng. Chiều hôm đó, đã thấy nhiều du khách chụp hình kỉ niệm tại đây. Cột mốc này nằm trên tuyến đường xuyên Á. Hai bên cột mốc, đang mọc lên hai khu kinh tế cửa khẩu mà mỗi bên, có một dáng vẻ riêng...

Tượng bưng casino

Trước sự kiện này một bữa, chúng tôi đã thuê xe ôm lên tới bến phà Neak Loeung, cách biên giới khoảng 110 cây số. Anh Val Thi, chạy xe ôm kiêm phiên dịch, rủ đi tiếp 60 cây số nữa tới Phnom Penh nhưng tôi quyết định quay về để kịp ngủ đêm tại Bavet. Ở bến phà Neak Loeung, thấy xe đồ xuống phà mà hành khách vẫn ngồi đầy trên mui; vài em nhỏ bán vé số (có cả vé số của tỉnh Tây Ninh) nói được tiếng Việt. Suốt hành trình, không gặp người ăn xin.

Chiều tối về tới Bavet, chúng tôi gặp lại những chiếc xe tải lớn từ Phnom Penh qua, đang đổ hàng cách cửa khẩu vài cây số. Những lô hàng rượu, thuốc lá, quần áo, giày dép... từ Thái Lan về nhanh chóng được chuyển vào các căn nhà nằm ven quốc lộ 1. “Nó sẽ được xé lẻ bằng đồng về Mộc Bài chứ không đi qua cửa khẩu” - anh Val Thi giải thích.

Từ cửa khẩu ngược lên chừng năm cây số, điện đã sáng trưng một vùng biên giới, các khu casino bắt đầu vào ca đêm. Ngoài trừ casino Las Vegas đang xây dang dở ở gần trường đá gà có tên là Xuyên Á, các casino khác lộng lẫy ánh đèn màu mà dù ở cách xa vài trăm mét vẫn đọc rõ tên: Volvo, New World, Bavet Mộc Bài, Kings Crown, Ma Cau...

Chờ tôi chạy trong mưa đêm rả rích, anh Val Thi nói: “Dân Bavet mua điện kéo từ bên Tây Ninh qua nhưng họ xài điện sang hơn dân Mộc Bài”. Thật ra, cũng như bên kia đường biên giới, sau lưng những “khu kinh tế” cặp hai bên quốc lộ như thế này là những cánh đồng lúa và xóm làng nghèo khó; nhiều nhà chưa có điện, phải thắp sáng bằng bình ắc-quy.

Tối hôm đó, chúng tôi ghé vào hai khu casino Bavet Mộc Bài và Kings Crown, mỗi nơi độ nửa giờ. Trời mưa mà người từ cửa khẩu vẫn đổ qua đông, lớp đi xe hơi, lớp chạy xe gắn máy. Trong casino Kings Crown, có

gần 1.000 người đang quây quần bên các sòng bài; bên kia có khoảng 500 khách. Anh Val Thi nói: “Hơn 90% khách là từ Việt Nam qua. Nhiều người chơi thâu đêm suốt sáng. Họ được phục vụ miễn phí khách sạn và ăn uống tại chỗ”. Chen trong đám đông, bám theo tôi là một cô gái khá xinh mang bản tên Khmer mà nói tiếng Việt giọng ngọt ngào: “Đổi đô-la chơi bài đi anh”.

Tối bữa đó, trong căn nhà trọ bình dân cách cửa khẩu chừng bảy cây số, anh Val Thi cho biết Chính phủ Campuchia chỉ cho mở casino ở các cửa khẩu biên giới giáp với Việt Nam và Thái Lan. Còn ông To Oun, chủ nhà trọ, thì cho hay giá đất ở đây ba năm trước, một mét tới (1 mét x 50 mét) 200 đô-la Mỹ, còn bây giờ là 10.000 đô-la. Ông To Oun cũng nói, khu casino này còn được “tiếp sức” bởi nhiều nhà đầu tư nước ngoài; như ở trên cánh đồng lúa gần nhà ông, một ông chủ Đài Loan đã thuê 20 héc ta đất để xây nhà máy sản xuất xe đạp xuất khẩu.

Xếp hàng... giảm giá

Trước khi sang Campuchia, chúng tôi đã ngủ hai đêm ở nhà trọ Tiến Dũng thuộc xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, cách chợ đường biên Mộc Bài gần hai cây số. Ông Xiêm, chủ nhà trọ, cho biết nhà của ông cũng như toàn bộ dân cư ở xã này sẽ phải di dời khi khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài mở rộng. Ông Xiêm nói: “Chưa ai chịu giá đất đền bù tối đa chỉ 125.000 đồng/mét vuông. Vì họ lo sẽ giống như hàng trăm hộ đã ra đi hai năm trước đây, bây giờ nhiều người không chạy xe ôm thì hàng ngày phải đi *xếp hàng giảm giá*”.

Cái cảnh “xếp hàng giảm giá” này đã quá quen thuộc với người dân địa phương. Hôm đó là thứ hai, mới 8 giờ sáng đã có gần 1.000 người xếp hàng trước cổng khu thương mại Mộc Bài. Bên trong là siêu thị Thế kỷ Vàng, siêu thị Smiling và chợ đường biên Mộc Bài với những kho hàng nhập khẩu bán miễn thuế. Lúc đầu không phải xếp hàng; nay thì mỗi người, bằng chứng minh thư hoặc hộ chiếu, được cấp một phiếu mua hàng miễn thuế trị giá 500.000 đồng trong một ngày. Đa phần dân nghèo ở đây chuyên đi xếp hàng để mua rượu ngoại và phụ tùng xe gắn máy Thái Lan bán lại; mỗi ngày một người kiếm được khoảng 10.000 đồng. Trong khi đó, đội quân xe ôm đông khoảng 300 người, chạy giỏi một người kiếm được 80.000 đồng/ngày.

Thấy chúng tôi loay hoay chụp hình, một ông nông dân chia tấm chứng minh thư tên Nguyễn Văn Lung ra, mời: “Tôi mua rượu cho anh nhen. Trả tôi 8.000 đồng thôi”.

Ông Đặng Xuân Đức, Giám đốc Công ty Chợ Đường biên Mộc Bài nói rằng nên tăng lên hai triệu đồng cho mỗi phiếu mua hàng giảm giá để người dân nghèo và cả doanh nghiệp được lợi hơn. Công ty của ông đã đầu tư vào đây hơn 35 tỉ đồng, thu hút 70 doanh nghiệp thuê mặt bằng kinh doanh hàng miễn thuế. Tháng 8-2006, các doanh nghiệp này bán hàng được hơn 25 tỉ đồng. Ông Đức nói, ngoài ba kho hàng đã đầy kín, sang năm công ty sẽ xây thêm hai kho nữa.

Bên kia con đường xuyên Á đối diện khu chợ này là một trung tâm thương mại vừa kinh doanh vừa xây dựng. Trên cánh đồng lúa rộng gần 50 héc ta ngày nào, giờ đây đã là Trung tâm Thương mại Hiệp Thành.

Đi tắt qua cổng siêu thị Thế kỷ Vàng, chúng tôi gặp trụ sở Ban Quản lý khu Kinh tế cửa khẩu Mộc Bài nằm gần trụ sở hải quan và biên phòng. Ông Dương Thành Ván, trưởng phòng Kế hoạch và đầu tư của ban này, cho biết cả khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài sẽ rộng hơn 21.000 héc ta, bằng một nửa diện tích hai huyện Bến Cầu và Trảng Bàng, với các khu công nghiệp, khu thương mại, khu dân cư và khu du lịch sinh thái.

Ông Ván nói: “Hiện nay đang làm khu thương mại và đô thị 1.355 héc ta nhưng ngân sách tỉnh và nhà đầu tư mới đền bù được hơn 400 héc ta; nhiều nơi còn “da beo” vì kẹt cơ chế đền bù giải tỏa và chưa có cơ sở hạ tầng”.

Về chuyện “xếp hàng giảm giá”, ông Ván cho biết máy tính ghi nhận mỗi ngày có khoảng 4.000 khách, riêng chủ nhật có tới 10.000 khách tham gia, trong đó chỉ có 10% là từ Campuchia qua. “Chúng tôi mong muốn đảo ngược tỉ lệ này, 90% khách từ phía Campuchia qua thì mới đúng nghĩa là khu kinh tế cửa khẩu” - ông Ván nhấn mạnh./.

HUYỀN KIM

Mẹ - Mặt Đất Bao Dung

Nguyễn Nguyễn An

Khi làm cha, tôi mới thấm tình mẹ. Tôi chứng kiến cảnh vợ tôi bồng thằng cu con sót xuội lơ trên tay suốt đêm, bảnh sáng đã hối hả chạy đến phòng khám xin số thứ tự chờ bác sĩ khám. Tôi là đứa trẻ hoang nghịch và ốm đau luôn, từ đó cho đến nay, tôi đã hành mẹ tôi biết mấy đoạn trường!

Năm tôi lên ba, bị mạch lương, mẹ tôi chạy thầy, chạy thuốc chi cũng không lành, nước mủ tanh hôi vẫn chảy rịn mấy năm liền. Bà ngoại tôi kể, tôi đau đớn khóc suốt ngày đêm, mẹ tôi thức chăm sóc cho tôi đến rạc người. Một hôm, ông hoạn lợn đi qua chỉ cho mẹ lấy thức ăn mới tiêu hoá trong ruột non con lợn vừa mổ đem ra bọc vải tám đắp lên mụt, sau một đêm, bắt được sáu con sâu to bằng đầu sợi chỉ, cái mụt tôi mới đóng sẹp lành hẳn. Rồi tôi trèo cây bị té rạn não, mẹ tôi đưa tôi đi viện, các bác sĩ người Pháp và người Việt phải khâu đến sáu mũi chỉ gân mèo. Đến nay, tôi hơn 54 tuổi, thường đau đầu luôn, vẫn còn nhờ mẹ chích lễ giảm đau. Rồi tôi đi tắm sông suýt chết trôi; rồi tôi hoang nghịch, bị bao tai nạn nữa, mẹ tôi đều gánh hết thảy. Ngày tháng chồng chất!

Năm 1964 tôi thi đỗ vào Đề Thất Trường Quốc Học. Tôi chạy ào về nhà khoe mẹ, mẹ tôi mừng phát khóc. Vậy mà tôi không biết làm vui mẹ, mới lên Đề Lục đã mê bida, chơi bida cá độ với thằng Mân bạn học cùng lớp. Chúng tôi nghỉ học nhiều ngày, nhà trường phát giấy mời cha mẹ. Lần thứ nhất, mẹ tôi giấu cha tôi xuống trường ; lần hai mẹ phải lạy lục cục bái lăm quý thầy mới cho tôi đi học lại và lần thứ ba tôi giấu mẹ, cùng với thằng Mân bỏ nhà đi bụi.

Hồi đó, thị xã Huế có xe buýt chạy từ trong phố ra ngoại ô, bến xe bên chợ Đông Ba, phía gần cầu Gia Hội, xe chạy các tuyến Bao Vinh, Đập Đá, An Hoà, Nam Giao, An Cựu...và cũng có xe Phi Long, Tiến Lực bắt khách đi Đà Nẵng. Tôi và Mân ngồi trên xe Tiến Lực chờ chạy. Chợt tôi thấy mẹ tôi như một bà điên đi từ trong chợ ra bến xe, hai mắt hoe đỏ, tóc búi sổ tung. Mẹ vừa đi vừa dáo dác tìm số xe. Tôi nghĩ, chắc đang lúc đi tìm tôi trong chợ, mẹ đã nghe ai thấy tôi mách cho mẹ, nên mẹ hốt hải chạy tìm. Tôi liền ngồi thụp xuống trốn mẹ. Nhưng linh cảm của tình mẹ thiêng liêng đã xui mẹ tôi tìm trúng chiếc xe tôi đang nấp. Bắt được tôi, mẹ nắm chặt tay tôi đứng khóc. Tôi ê mặt với những người chung quanh phải theo mẹ về nhà. Lần ấy Mân đi bụi luôn, sau này mấy lần tôi gặp nó, tôi thấy nó chơi thân với đám bụi đời, tui du đảng chuyên đâm thuê chém mướn như thằng Mười, Trọng H.... ở Phú Cam. Sau giải phóng ít lâu, cha Mân ở Bắc trở về quê sau mấy mươi năm xa cách thì Mân đang thi hành bản án 18 năm, cha Mân chết, Mân ra tù không được gặp cha buồn rầu đổ bệnh chết luôn. Nếu hồi đó tôi không được mẹ bắt lại ở chợ Đông Ba, chắc chi tôi con sống yên phận, lành lặn như hôm nay.

Mẹ tôi sinh mười người con, trong đó tám trai. Dù các em tôi ít hoang nghịch như tôi, nhưng tôi thấy không nhờ vậy mà mẹ tôi bớt khổ nhọc. Rồi lớp cháu nội của mẹ thi nhau ra đời, cho dù anh em tôi luôn cố dạy bảo chúng nên người, nhưng chắc chi toàn vẹn cả. Tôi tin trong đám cháu nội của mẹ cũng có nhiều đứa thay cha chú làm khổ mẹ. Mẹ tôi vì con, vì cháu khổ đến mẩn đời, chỉ vì mẹ yêu thương chúng tôi và tại mẹ là mẹ, là bà nội của các con, cháu chưa ngoan. Mẹ như mặt đất bao dung đựng sao hết nỗi buồn của tháng năm đắng đắng.

NGUYỄN NGUYỄN AN

Làm gì.... cho những người vô gia cư

Nguyễn Nguyễn An

Tôi đến Hội An vào một ngày tháng ba nắng ấm. Thị xã mênh mang một màu cổ tích. Mỗi khi nghĩ đến Hội An - một phố cổ trầm lắng đến một thị xã có ấn tượng trong mọi người, trong tôi luôn hiện ra những người đàn ông cốt cách nông dân thẳng thắn, bản lĩnh vững gót trước biển Cửa Đại hào phóng sóng gió với một tấm lòng thanh bạch. Cũng có thể tôi từng may mắn gặp gỡ những người con phố cổ suốt đời một lòng một dạ sống cho quê hương ; những con người tiềm tàng chất anh hùng và đã trở thành Anh hùng trong thời kỳ đổi mới như : Ông Nguyễn Sự, Chủ tịch UBND thị xã Hội An, nay Bí thư UBND thị xã Hội An ; nhà văn Cao Kim - anh thương binh nặng giàu nghị lực, tâm huyết với cuộc đời và trang viết, như con tằm vắt ruột nhả những dòng thơ vàng óng cho ngày mai tươi đẹp...

Lần này, từ Huế tôi chạy xe Honda đến Trung tâm Xã hội (TTXH) Hội An, tỉnh Quảng Nam. Mới vào cổng, tôi được một người đàn bà nhanh nhẩu, hỏi tôi cần gặp ai. Gần tôi, một thanh niên có thể bệnh Down ngồi trên xe lăn, mặt ngơ ngác và một số người tàn tật nằm, ngồi, đi lại thư thái trong phòng, trên hành lang, trong vuông sân khuôn viên Trung tâm. Vài phút sau, người đàn bà dẫn đến trước mặt tôi một người đàn ông có khuôn mặt nhân hậu với những bước đi khập khiễng ; ông từ trong đồng giày giáo với vữa bước ra chào tôi với nụ cười cởi mở thân thiện. Đó là ông Trần Văn Chí thương binh 2/4, Phó Giám đốc TTXH Hội An.

TTXH Hội An đang nuôi dưỡng 89 người, trong đó 21 nam. Theo Nghị định 600 của Bộ Lao động – Thương binh & Xã hội. Nam tuổi từ 60, nữ tuổi 55 và người tàn tật từ 18 tuổi trở lên được Hội đồng Giám định Y khoa Trung ương giám định 81% trở lên và thuộc diện già yếu neo đơn, không gia cư, không nơi nương tựa, không người thân, thì được nhận vào Trung tâm nuôi dưỡng với mức ăn 140.000\$/tháng/người, không tính những chi phí khác như, nước, điện... Riêng ở tỉnh Quảng Nam, UBND tỉnh cấp 150.000\$/tháng/người... Dù là vậy, mức ăn vẫn còn hạn chế, cho nên TTXH Hội An luôn thiết lập tốt mối quan hệ với các đoàn thể, cơ quan có lòng hảo tâm và tổ chức làm quạt rế, giúp vốn, cấp giống cho trại viên chăn nuôi, từng bước cải thiện, nâng cao đời sống của trại viên. Chẳng hạn, bữa điểm tâm mỗi người một gói xôi 1.000\$, bây giờ 2.000\$. Và hàng năm, Trung tâm cấp thêm cho trại viên từ 14 đến 15 triệu đồng để liên hoan tháng một lần với suất ăn tươi 20.000\$/người. Ngoài ra, trong những ngày lễ, ngày 8 tháng 3, ngày 20 tháng 10, Ban giám đốc cho trại viên đi tham quan, hội nghị và mời Hội bài chòi Hội An đến phục vụ giúp vui. Ngày 8 tháng 3 vừa qua, Trung tâm tổ chức buổi Hội nghị trại viên, nói lên người Phụ nữ anh hùng xưa và nay, trưa liên hoan, 14 giờ đưa trại viên đi tham quan hầm đường bộ Hải Vân rồi trở vào Đà Nẵng du thuyền trên sông Hàn, 21 giờ mới trở về Trung tâm. Hiện nay, Trung tâm đang xây thêm phòng để tới đây đón tiếp trại viên mới, bởi toàn tỉnh Quảng Nam có 4000 đối tượng tàn tật, trong đó cũng có nhiều đối tượng không gia đình, người thân cần nơi nương tựa.

Tôi đi qua nhiều phòng trong Trung tâm, phòng nào cũng có ti vi cho các trại viên nằm liệt hoặc không thích đi

lại. Các trại viên già yếu, què cụt đang nằm ngồi tịnh dưỡng trên những chiếc giường cá nhân của họ. Tôi mừng, bởi không thấy ai xanh xao, bọt bạc như những người cơ nhỡ lang thang, trước đây vào những thập niên bảy, tám mươi của thế kỷ 20, tôi từng gặp ở đầu chợ, sân ga, bến xe, bến tàu... và xúc động khi nhìn một bà lão gần 70 tuổi, ngồi thối trên thềm cơm nóng hổi bón cho một cụ già trên 80 tuổi. Đó là cụ Đặng Văn Sâm bán thân bất toại, được cụ bà Cao thị Tăng đồng cảnh ngộ, chung phòng thương tình chăm sóc. Tôi sang nhà nuôi lợn, các nữ trại viên đang xắt chuối, nấu cám lợn cho một đàn lợn mười mấy con, con nào con nấy cũng trên dưới 50kg. Đến nhà bếp, các phụ bếp đang chia từng phần cơm tối, phần nào cũng có khúc cá vàng ươm màu mỡ. Ông Chi nói : “Có người ăn nhanh, ăn chậm, có người mù, người liệt ăn không kịp với người khỏe. Chia phần ai cũng được ăn no. Hơn nữa các cụ già rồi chướng lấm, nhiều khi không vừa lòng chuyện gì, lấy không thèm ăn đó anh, mình phải nói dịu, nói ngọt họ mới nghe... Anh thấy chỗ ăn, chỗ ở sạch sẽ cũng nhờ chúng tôi đề ra tiêu chí phòng ở văn hoá. Một là Đạo đức lối sống, hai là Trật tự nội vụ, ba là Vệ sinh cá nhân vệ sinh nhà ở. Chúng tôi còn tổ chức cho họ có công việc làm nhẹ nhàng như quét nhà, quét sân, hái rau, chứ tuổi già để họ ngồi không dễ sinh chuyện lấm. Ai muốn đi ra ngoài phải ăn mặc bảnh bao, tuyệt đối không được đi xin... Bệnh tình thì có Bảo hiểm Y tế. Trung tâm có hợp đồng 8 hộ lý để đỡ đỡ, tắm giặt cho những người nằm một chỗ không tự làm được. Nuôi dưỡng họ như chăm con mọn vậy...” Tôi ngạc nhiên khi thấy ở Trung tâm có một thiết bị tập thể dục nhiều chức năng, một xe đạp tập thể dục và một ti vi trong hội trường nhỏ gồm nhiều dãy bàn ghế cho trại viên sinh hoạt đọc báo tuần ba lần. Cho dù, các trại viên không ai qua hết lớp 2, nhưng Trung tâm vẫn thường xuyên tổ chức mỗi tuần ba buổi đọc báo, lồng trong buổi đọc báo là buổi sinh hoạt để trại viên có gì không vừa ý với nhau phát biểu, bày tỏ nguyện vọng để Ban giám đốc tìm cách giải quyết. Trung tâm không chỉ chăm lo cho người sống mà còn lo đám tang chu đáo cho những trại viên qua đời. Khi một trại viên tạ thế, toàn thể 10 cán bộ, công nhân viên Trung tâm đều đưa đám tiễn biệt trại viên tới nơi an nghỉ cuối cùng và xây mộ cho họ có bia, có nắm đằng hoàng. Trước đây, Trung tâm từng nuôi dưỡng cụ Bùi Hay mấy chục năm ròng cho đến năm 2005, cụ qua đời, thọ 105 tuổi. Hai chị trại viên Nguyễn Thị Hoa, Trương Thị Út tâm sự : “Nhà nước nuôi ba bữa, tiền có mức, biết thu xếp, tiết kiệm cũng no đủ”, “Cán bộ thương yêu trại viên như con...”.

Tôi tận mắt chứng kiến cuộc sống của các trại viên trong ngày Chủ nhật và nhiều bằng khen của lãnh đạo tỉnh, trung ương khen thưởng Trung tâm, như : Năm 2002 Thủ tướng Phan Văn Khải khen TTXH Hội An đã có nhiều thành tích trong công tác xây dựng XHCN và BVTQ. Bằng khen của Bộ Thương binh & Xã hội và UBND tỉnh mỗi năm mỗi cái. Và bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam công nhận TTXH Hội An đạt danh hiệu Đơn vị có đời sống Văn hoá tốt... Tôi thật sự tin tưởng TTXH Hội An đúng là một địa chỉ ấm cúng cho những vô gia cư, người tàn tật, già yếu neo đơn, không nơi nương tựa. Bởi đa phần, khi họ còn ở trong những hốc hém ngoài xã hội, họ thường bị đói cơm, rách áo, cô đơn, lạnh lẽo. Họ được vào đây, cái đói cái rét đã lùi xa vĩnh viễn, sự nghiệt ngã của số phận dường như bớt đắng dối, đeo bám thân phận họ, mà hầu hết ai cũng có cuộc sống ổn định, thậm chí nhàn hạ trong những ngày bóng xế. Đó chính là những tấm lòng nhân hậu, cốt cách nông dân chất phát, hiền lành của người Hội An mà tôi hằng quý mến !

NGUYỄN NGUYỄN AN

Về Cà Mau thăm Nguyễn Ngọc Tư

Lê Phú Khải



Con người gây sóng gió trên văn đàn năm 2006 đang ngồi trước mặt tôi : Nguyễn Thị Ngọc Tư. Chỗ chúng tôi ngồi là một quán cơm ở Cà Mau, vừa ăn vừa nói chuyện. Ngọc Tư ngoài đời đẹp hơn những bức hình đã đăng báo, in trên bìa sách. Ngọc vậy đó ! Và đẹp hơn nhiều so với những điều cô tự "bôi bác" mình : " Còn tôi, hình dáng buồn cười, thô mộc, quê mùa, không trau chuốt" ! (Tập văn Nguyễn Ngọc Tư, NXB Trẻ TP.HCM, bìa 4). Cái không

trau chuốt thì có thật. Tư không xài một thứ mỹ phẩm nào như các phụ nữ thị thành mà người ta thường thấy. Với dáng thon thả, nhanh nhẹn, gương mặt thông minh, nói chuyện tự nhiên ... Nếu Ngọc Tư "trau chuốt" một chút thì "gái một con" này cũng ... "mòn con mắt"...

...Ngọc Tư ra đời một năm sau ngày Miền Nam giải phóng tại xã Tân Duyệt huyện Đàm Dơi - Cà Mau. Cái xã nơi Tư ra đời đã có lần tôi ngồi ghe trên rạch Đàm Chim chia đôi xã, để đến dự một cuộc hội thảo của bà con nuôi tôm ở 9 ấp phía Tây con rạch, đang điều đứng vì các kênh mương đều bị bồi lấp khô cạn, ruộng tôm đều thất bát ! Quê Tư là vậy, còn nghèo lắm, kênh rạch thì chẳng chịt, con người đi lại đều trên mặt nước, một bước cũng phải ghe xuồng ! Tư cầm bút viết văn từ cái hiện thực quê nghèo ấy và sớm nổi tiếng ngay từ tác phẩm đầu tay với tập truyện "Ngọn đèn không tắt" vào năm 2000. Nhận liền ba giải thưởng : Giải nhất cuộc vận động sáng tác văn học tuổi 20 lần thứ 2, giải B Hội nhà văn Việt Nam (vào năm 2001), Tặng thưởng dành cho tác giả trẻ của ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam. Sau " Ngọn đèn không tắt " các tập truyện Ông ngoại, Biển người mệnh mông, Giao thừa, Nước chảy mây trôi, Truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư, Tập văn Nguyễn Ngọc Tư lần lượt ra đời . . . Và mới đây với " Cánh đồng bất tận " gây sóng gió trên văn đàn . . . (ban đầu đăng trên báo Văn Nghệ, rồi SCL và Tuổi Trẻ).

...Cả ngàn bức thư, bài viết đã gửi về một tờ báo lớn ở Tp. HCM để trao đổi, tranh luận, chủ yếu là khen một truyện ngắn của Tư khi truyện ngắn đó bị phê phán (cũng trên tờ báo này) trước đó vài ngày. Rồi từ Hà Nội, một quan chức phải bay vô Tp. HCM, rồi xuống Cà Mau để "làm việc" với tỉnh, sau đó ra một văn bản dài đến 4 - 5 khổ giấy A4. Tôi đã đọc đến 3 lần cái văn bản đó, thấy nó "trung dung" ! Còn ở Cà Mau thì giới văn nghệ, quan chức chia làm hai phái, khen và chê khác nhau 180 độ ! Có người xưa kia là "thần tượng" của một số người ở Cà Mau, nay vì khen hoặc chê truyện ngắn của Ngọc Tư mà không còn là "thần tượng" nữa ! Với 1 truyện ngắn mà gây tiếng vang như vậy thì các nhà văn có nằm mơ cũng không thấy, có phải không các độc giả của tôi ? !

Tôi hỏi Ngọc Tư : - Đang viết những tùy bút, tạp văn ngọt ngào đến day dứt cả cõi lòng độc giả, bỗng Ngọc Tư cho ra đời một truyện ngắn (đúng ra là một truyện vừa) dữ dội và gai góc, điều gì dẫn đến bất ngờ đó ?

- Con nghĩ - Tư còn trẻ lắm, vừa tròn tuổi 30 cô xưng "con" với tôi một phần có lẽ vì tối qua tôi nhậu lai rai với cha cô, như hai người bạn già lâu ngày mới gặp nhau - người ta hay nghĩ Nam Bộ ít sâu sắc, nên con viết thử một cái gì đó cho sâu xa xem sao . . . nhưng chủ yếu là thử sức mình xem thế nào ? ! .

Ngọc Tư viết "Cánh đồng bất tận" trong bao lâu ?

- Thừa bốn tháng (!)
- Với một truyện ngắn mà viết đến 4 tháng là kỹ càng về thời gian lắm.
- Ban đầu định viết thành 1 tiểu thuyết, sau "cô" lại thành 1 truyện ngắn. Lâu là bởi cái kết, đã phải chọn nhiều cái kết và chưa thật hài lòng về cái kết đã chọn.
- Có hình mẫu thực ngoài đời nào không với "Cánh đồng bất tận" ?
- Không hề có. Tất cả là tưởng tượng và hư cấu !

Thế đó ! Tôi đã đi một ngày đường xe đò, ở lại Cà Mau cả tuần lễ, hẹn gặp Ngọc Tư và chỉ nói bấy nhiêu câu chuyện thôi. Nếu có ai nhận "Cánh đồng bất tận" là ở quê mình, địa phương mình thì thật là vô lý ! Càng vô lý hơn nếu ai đó quả quyết rằng ở Lạng Sơn hay Cao Bằng lại không có những "Cánh đồng bất tận" ?! Người ta đã nhầm lẫn khi đem kiểm chứng một truyện ngắn như kiểm chứng một bài báo !? Quyền lực của nhà văn là ở chỗ đó.

Thứ quyền lực vô hình . . . Viết đến đây tôi bỗng nhớ đến một cuộc hội thảo trước kia về cuốn tiểu thuyết "Đứng trước biển" của Nguyễn Mạnh Tuấn mà tôi đã dự. Trong cuộc hội thảo đó, có một bà đứng lên buộc tội là, nhân vật kế toán trong chuyện chính là ở cơ quan bà, bà đã bị nhà văn bôi nhọ. Nguyễn Mạnh Tuấn hỏi : Thừa chị, chồng chị kế toán ấy cấp gì ? Bà ta thừa : Đại tá ! Tuấn liền nói : Thế thì không phải rồi, nhân vật kế toán của tôi chồng là thiếu tướng cơ, bà đọc lại đi ! (Cả cuộc hội thảo đã cười ồ !). Lại có chị đứng lên thắc mắc : Sao nhà lại cay độc với nhân vật giám đốc thế, bao nhiêu cay đắng, khổ ải đều dồn cho nhân vật này chịu ? Nguyễn Mạnh Tuấn, đã thừa : - Chị cho tôi 15 phút thôi để tôi viết thêm một trang cuối, cho ông giám đốc này được cấp nhà, được lãnh huân chương và trúng luôn vé số độc đắc . . . thế là ông ta hết khổ ngay mà (!) Cả cuộc hội thảo lại cười ầm !

Quyền lực của nhà văn ghê gớm thế đó ! Muốn cho ai lên trung tướng, thượng tướng là người đó được lên ngay ! Muốn cho ai sung sướng cũng được ngay. Chỉ có nhà văn trung thực là khổ suốt đời mà thôi !

Trước khi chia tay Ngọc Tư tại quán cơm, tôi hỏi :

- Cuộc sống của Ngọc Tư hiện ra sao ? Ngoài lương ở Hội (*) nhuận bút có khá không ?

Tư lại cười : Ngoài lương Hội, còn "giữ" trang tạp văn cho Phụ nữ CN TP.HCM cùng với nhà thơ Đỗ Trung Quân, tháng viết 2 kỳ, mỗi kỳ nhận bút cũng khá (!) Còn công tác với

Thời báo Kinh tế SG nữa . . . Vậy cũng tạm tạm !

- Nhưng hết năm nay sẽ không viết cho Phụ nữ nữa ! '

- Ủa ! Sao kỳ vậy ? .

- Sợ bạn đọc chán, sợ lặp lại mình !!!

Về Tp.HCM, tôi tìm đọc các số Phụ nữ CN, thấy những trang tạp văn của Nguyễn Ngọc Tư vẫn sắc sảo, sâu lắng có sức lay động khác thường . . . Vậy mà Ngọc Tư vẫn luôn sợ mình sẽ làm nhàm chán cho người đọc (!) Trung thực với chính mình ; Đó là phẩm chất hàng đầu của Ngọc Tư - một nhà văn

Chú thích : (*) Hội văn học nghệ thuật tỉnh Cà Mau

LÊ PHÚ KHÀI

Biên giới Tây Nam, mùa nước nổi

Huỳnh Kim

Vừa trở về từ hội thảo “xuyên biên giới” tại Bangkok cho nhà báo sáu nước vùng sông Mêkông (do IPS và PMFI tổ chức với sự tài trợ của Quỹ Rockefeller), chúng tôi đã thâm nhập thực tế tại biên giới ba tỉnh An Giang (Việt Nam), Takeo và Kandal (Campuchia), giữa mùa nước nổi...

Tịnh Biên – Thum Đưng: Rộn ràng qua lại

Trên những cánh đồng lúa bạt ngàn giữa hai tỉnh An Giang và Takeo cách nay hơn ba tháng, giờ đây nước đã trắng đồng: nước đổ về từ dòng sông mẹ Mêkông. Một con đường dài khoảng ba cây số nổi trên biển nước nổi liền hai tỉnh này; đoạn giữa là cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên đang rộn ràng người, xe cộ và hàng hóa qua lại, dù trời đã trưa.

Ở hai đầu cửa khẩu, phía Takeo, có một bãi đất trống chạy dài từ núi Thum Đưng nổi ra quốc lộ 2; phía An Giang cũng có một khu đất rộng ở kế cầu Xuân Tô cặp quốc lộ 91. Đó là hai “khu kinh tế cửa khẩu” của Takeo và An Giang, đang ở giai đoạn khởi động. Hai bên đường, dưới đồng nước, nhiều ghe chài của dân biên giới đang thả lưới đánh cá linh – một loại cá nhỏ về nhiều trong mùa nước nổi.

Anh Nguyễn Hoàng Vũ, chạy xe ôm, đang chờ khách ở đầu cầu Xuân Tô, nói: “Năm nay nước đổ về không sung bằng năm ngoái, thấy dân đánh cá ít hơn dân chạy xe ôm”. Sau lưng anh là tấm bảng lớn đứng trầm mình dưới đồng nước, vẽ hàng chữ “Việt Nam – Campuchia hữu nghị, hợp tác cùng phát triển” bằng tiếng Khmer và tiếng Anh. Mặt sau tấm bảng hướng sang Takeo, cũng nội dung đó nhưng là tiếng Việt và tiếng Anh.

Một nhóm khoảng 50 người chạy xe ôm như Vũ, hầu hết từ trong huyện Tịnh Biên ra. Họ đang tụ tập trên khu đất trống qui hoạch làm khu kinh tế cửa khẩu Tịnh Biên của tỉnh An Giang. Tuy vậy, ít ai rành chuyện khu kinh tế này. Vũ nói: “Tụi tôi chỉ biết chạy xe ôm, mỗi ngày kiếm cỡ 80.000 đồng”. Khách của họ, nhiều nhất là nông dân hai bên qua lại trao đổi hàng nông sản hoặc là dân Tịnh Biên qua huyện Kirivong chơi đá gà. Chỉ cần trình tấm chứng minh thư biên giới cho đồn biên phòng là họ đi lại dễ dàng như đi chợ. Khách ngoài tỉnh thì phải có đủ hộ chiếu, visa.

Chỗ barie cửa khẩu trưa hôm đó, trong khoảng nửa giờ, thấy có hơn 100 người qua lại và chỉ có hai du khách phương Tây. Có tám xe tải lớn chở sắt, bột nhựa, vật liệu xây dựng... từ TPHCM về, đang làm thủ tục để sang xe đưa hàng qua Campuchia. Hàng phía bên kia về Việt Nam, nhiều nhất là giấy phế liệu, lúa, đậu... chở trên những chiếc xe gắn máy kéo thùng.

Ngày hôm sau quay lại đất Takeo dưới chân núi Thum Đưng, tôi cũng chỉ gặp những “núi” bao lúa chất trên mặt đường nhựa quốc lộ 2 - con đường mới được Nhật Bản tài trợ nâng cấp chạy thẳng về Phnôm Pênh cách đó hơn 120 cây số. Cặp vào quốc lộ, thấy có ba ghe nhỏ đang chuẩn bị chở lúa qua Tịnh Biên. Ở giữa đường vắng, gặp một xe kéo lúa bị hư máy; chủ xe, mấy anh bạn Campuchia vui vẻ cho tôi chụp hình rồi nói tiếng Việt lơ lớ: “Lúa chở qua Việt Nam bán lời hơn”.

Thấy xa xa giữa đồng nước nổi có hai chiếc vỏ lãi đang phóng như bay qua hướng chợ Tịnh Biên, hỏi hàng gì, anh bạn Campuchia nói: “Đường cát Thái Lan đi lậu đó!”.

Khánh Bình – Chrey Thum: Chờ một nhịp cầu

Rốt cuộc rồi chúng tôi cũng ngồi trong casino Chrey Thum, nằm cặp quốc lộ 21 của Campuchia, cách sông Bình Di non cây số. Bình Di là con sông nhỏ nổi liền huyện An Phú của tỉnh An Giang với huyện Koh Thum của

tỉnh Kandal. Từ đây lên Phnôm Pênh, chỉ còn hơn 70 cây số nữa - là con đường ngắn nhất nối thủ đô Campuchia với Việt Nam. Từ đây trở về bến phà Bình Di, theo quốc lộ 956 đi hơn 30 cây số nữa, vượt phà Cồn Tiên là gặp thị xã Châu Đốc của tỉnh An Giang.

“Khách tới đây phần lớn từ Việt Nam qua và Phnôm Pênh xuống, đông nhất là vào cuối tuần và ngày lễ” - anh Chan Yin, có tên Việt là Chí, quản lý sông bạc của casino, nói tiếng Việt rành rẽ. Anh khoe đã học tiếng Việt tại TPHCM ba năm trước khi làm cho ông chủ Kocan ở đây. Ngoài đánh bạc, casino này còn có khách sạn 100 phòng, nhà hàng, karaoke. Sau khi nhắc chúng tôi không được chụp hình ở bất kỳ đâu tại casino, anh Chan Yin nhanh nhẩu “tiếp thị” giá cả: giá phòng cho khách đánh bài là 7,5 đô/ngày, cho khách không đánh bài là 15 đô; karaoke từ 5-10 đô/giờ, bia Henneiken 1,7 đô/lon, thuốc lá 555 giá 9 đô/cây...

“Ông chủ Kocan đón đầu cơ hội làm ăn ở khu kinh tế cửa khẩu Khánh Bình – Chrey Thum đây”, Chan Yin nói tiếp: “Có một ông chủ khác người Malaysia đang xây một khu casino lớn hơn chỗ này”. Chúng tôi vừa đi ngang qua nơi đang xây dựng đó, nằm sát bờ sông Bình Di; một toà nhà “khổng lồ” màu xanh, ngoài casino còn có khách sạn 200 phòng, nghe nói có thể hoạt động vào cuối năm nay.

Vừa khi chúng tôi chia tay casino Chrey Thum thì có một đoàn khách quen của Chan Yin từ huyện Tân Châu qua. Một cô nhân viên người Khmer trẻ đẹp chào họ bằng tiếng Việt: “Xin mời mấy anh”.

Cách đó không xa, chỗ khu đất trống gần bến xe đò xã Chrey Thum, anh Natra, chuyên bán thịt heo đưa từ An Giang qua, cho biết miếng đất này đã có một ông chủ Campuchia ở Mỹ về mua rồi. “Ông tính kinh doanh địa ốc đây”, Natra nói tiếng Việt rồi móc điện thoại nói tiếng Khmer, hẹn vợ ở Phnôm Pênh, sẽ lái xe đưa “hàng” lên ngay.

Trở về chợ Long Bình bên kia sông Bình Di – nơi có hơn 100 sạp đầy nhóc vải và hàng nông sản thực phẩm, đồ gia dụng có gốc từ Việt Nam, Thái Lan, Campuchia... tôi nhận được vài con số của Chi cục Hải quan huyện An Phú: Tám tháng đầu năm 2006, hàng Việt Nam xuất qua Campuchia trị giá hơn 19 triệu đô-la Mỹ, nhiều nhất là phân bón, gạch men, thanh nhôm, nhựa gia dụng, vật liệu xây dựng... Không thấy nhắc gì tới hàng nhập khẩu chính ngạch.

Thế còn tương lai của khu kinh tế cửa khẩu Khánh Bình – Chrey Thum mà Chính phủ hai nước đã đồng ý mở ra từ năm ngoái? Trả lời chúng tôi, ông Phạm Minh Trí - Bí thư Huyện ủy huyện An Phú - nói: “Lệ thuộc rất nhiều vào cây cầu Bình Di đang chờ chọn vị trí xây dựng. Còn cầu Cồn Tiên thì có thể sang năm sẽ xong”. Ông Trí nhấn mạnh: “Chỉ tiếc là chuyện “kinh tế cửa khẩu” mình đề xuất trước nhưng làm chậm hơn phía bạn. Mình chờ Trung ương làm cơ sở hạ tầng còn phía bạn thì không chờ vì kinh tế tư nhân của họ đang sung hơn của mình, chỗ nào có lợi thì họ đầu tư”.

Nhìn qua bên kia bờ sông Bình Di, thấy có ba trụ ăng-ten viễn thông đứng không xa nhau là mấy. Anh Tấn Hưng, người thu thuế hoa chi ở chợ Long Bình, giải thích: “Tư nhân họ xây đó. Dân họ xài nhiều loại số điện thoại di động lắm”. ./.

21-9-06

HUYỀN KIM

Nơi Nguồn Sông Chim Hót

Nguyễn Nguyên An

Xe chở chúng tôi qua khu vực biên giới, cách Huế gần 80km, đến nhà rông thôn A Hươ, xã Nhâm, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế buổi chớm trưa. Xuống xe, tôi khẽ chạm chút co ro ngày đông cuối hạ, chút nhẹ nhàng ôn đới Đà Lạt và nhiều ánh mắt trong vắt thủy tinh của thiếu niên A Hươ. Em, thoăn thoắt trèo cây hái mít; em lúi húi bổ mít, lột mời chúng tôi. Mít A Hươ giữa mùa thu tháng chín, múp mít những múi vàng ươm chín tới, ăn giòn giòn, ngọt mật. Điều tôi cảm động hơn, là những ánh mắt lấp lánh thân thiện của bà con biên giới!

A Hươ, một trong tám thôn của xã Nhâm. Xã Nhâm nơi chưa phủ sóng điện thoại di động, có 10km đường biên Việt Lào chạy trên dãy Trường Sơn; nơi căn cứ kháng chiến, nơi nguồn sông chuyên chở dòng thác Cách Mạng, chảy miên man về phía đô thành, cho thành phố trầm kha những nỗi buồn, vén màn cổ tích bước ra, với vóc dáng lộng lẫy ngày nay. Xã Nhâm thành lập từ năm 1953, khi ấy một thôn Nhâm lẻ loi giữa núi dữ, rừng thiêng. Đồng bào Tà Ôi, Pa Cô, Pa Hy, Cơ Tu còn sống theo bộ tộc, du canh du cư, đất đai chưa phân định Lào Việt, đời sống chìm trong tăm tối, bệnh tật triền miên, mùa đông thiếu khó, mùa hè thiếu sản khoai. Qua thời chiến, nói không ngoa rằng, 1ha ở đây có 60 hố bom; lượng chất độc dioxin của quân đội viễn chinh Mỹ ném xuống, nhiều hơn bất cứ vùng nào trên trái đất. Hôm dự họp sơ kết 6 tháng đầu năm của Hội Bảo trợ NNT&TMC tỉnh, Anh hùng lực lượng vũ trang Hồ Đức Vai - Chủ tịch Hội NNT&TMC huyện bùi ngùi: "...Năm xưa,

Mỹ thả chất độc da cam cháy rụi hết núi rừng. Đồng bào trốn vào rừng sâu, ở trong các hang đá để tránh chất độc. Nhưng họ uống phải nước nhiễm chất dioxin, nên trong năm 1968, cả vùng A Lưới không có một đứa trẻ nào được ra đời, toàn bộ phụ nữ mang thai đều bị hư thai. Hàng ngàn người lớn do nhiễm chất độc quá nặng cũng chết..."... Và, hơn mười năm trước, đường sá xã Nhâm còn lổn nhổn đá núi, mùa nắng đất bazan cứng cứng ram ráp lòng bàn chân, mùa mưa ngập ngựa bùn lầy, có nơi bùn sục tận gối, tiện nghi vật chất, văn minh thị thành ngoài tầm tay với. Cho đến những năm gần đây, nhờ những người có trình độ, khát khao cống hiến kiến thức khoa học của mình tiếp thu được cho quê hương; nhờ những người dân kiên trung son sắt, một lòng một dạ yêu thôn bản và những chương trình dự án... của Chính phủ, toàn huyện A Lưới nói chung, xã Nhâm nói riêng đã có một sức nhảy vọt thần kỳ, bật dậy từ khắc nghiệt của thiên tai, dịch họa, từ thiếu thốn lạc hậu... thành một xã có tỷ lệ số thôn dùng điện Quốc gia 100% trên 8 thôn có điện, ngoài đường thăm nhựa đến trung tâm xã còn có đường cấp phối và 1km1 đường bê tông về A Hươ. Toàn xã có 88% số thôn dùng nước sạch, cùng với trường, trạm kang trang ổn định và phần lớn bà con ở nhà xây, 100% hộ có ti vi, 130 xe Honda/397hộ, mỗi thôn có một chảo Pa-ra-bôn, phát 5 kênh VTV. Tỷ lệ hộ nghèo 204/397 hộ chiếm 51, 38% theo chuẩn mực mới tăng 5% so với kế hoạch. Thu nhập người dân bình quân 150.000đ/1 tháng...

Ông Hồ Viên Pura, Chủ tịch UBND xã Nhâm cho biết, xã Nhâm có diện tích tự nhiên 3793 ha, dân số 1982 người/397 hộ. Trong đó, 127 đảng viên, 105 đoàn viên. Trước đây, xã cũng có cây cà phê mít, hạt to, cây cao lớn, năng suất kém, thu hái khó khăn. Từ năm 2001, Nông trường A Lưới đưa giống cà phê năng suất cao, thu hái tiện, về trồng và đầu tư phân bón, trả công chăm sóc. Đến nay, người dân trong xã bước vào mùa thu nhập thứ hai. Nông trường thu mua 1kg cà phê/500 đồng... ông cười hớn hậu, nói : "Mình ước muốn mỗi nhà đều có một vườn cà phê, để đồng bào miêng có thêm việc làm, thêm thu nhập, được làm giàu từ cây cà phê...".

Vào nhà anh Hồ Viên Thủy, tôi ngỡ trước đây Huân huy chương và bằng khen của nhà anh. Một Huân chương Kháng chiến Hạng Ba của bố mẹ anh. Một Huân chương Kháng chiến Hạng Nhất, một Huy chương kháng chiến Hạng Nhất và nhiều bằng, giấy khen của anh. Thủy đi bộ đội năm 1968, khi mười lăm tuổi. Vào Đảng năm 1987. Năm 1989 làm Trưởng Công an xã Nhâm đến nay. Thủy tâm sự, UBND xã Nhâm cách Huyện hơn 5km, cách cột mốc S5, 20km. Là một xã biên giới vùng sâu vùng xa, có địa hình phức tạp gò đồi, giáp giới nước bạn Lào, năm 1983 chỉ hơn 800 người/100 hộ. Anh cùng hai Phó Công an xã và 8 công an viên 8 thôn, kết hợp truyền truyền sâu rộng trong nhân dân và thường xuyên tuần phòng... nhưng quan trọng nhất vẫn là ý thức của đồng bào, mỗi người dân là tai, là mắt của xã, nên trong nhiều năm qua không có vụ việc gì đáng kể. Vài vụ trộm cắp gà vịt, được Công an xã mời họ hàng, già làng, trưởng bản giáo dục. Chẳng hạn ở thôn Tà Keo, một đối tượng trộm gạo, được Công an xã đưa ra giáo dục cộng đồng, nay rất tiến bộ, làm ăn chăm chỉ. Công an xã cũng bắt được 3 người Huế xâm nhập khu vực biên giới trái phép đào vàng, giải giao Công an huyện. Và một đối tượng ở A Ngo vào xã Nhâm trộm đầu máy CD. Đồng bào phát hiện báo với anh Xiệp bắt, giao trả A Ngo. Anh Thủy hồ hởi nói: "Năm 2003, xã Nhâm được vinh dự đón Phó Chủ tịch nước Trương Mỹ Hoa đến thăm".

Tôi lang thang vào núi tìm suối Bôm để ngụp lặn thoải thích trong dòng nước mát từ mái nhà Trường Sơn đổ về. Tôi là dân thành thị hiếm khi được nhìn những rặng núi ngút xanh, mù sương huyền thoại, ôm ấp vào lòng những bản làng, thung suối, nương rẫy và những ngọn đồi xanh mượt cà phê năm tuổi. Khi ngang rẫy bắp, tôi chợt nghe tiếng ai hát lanh lảnh giữa chiều hoang. Hoá ra đó là cô Viên Thị Dis, đội văn nghệ thôn A Hươ, đội văn nghệ này, cùng với sự nỗ lực của bà con, đã đưa về cho thôn Bằng Công Nhận Làng Văn Hoá do Thủ tướng Chính phủ tặng.

Thấy Dis vừa đi vừa thoăn thoắt bẻ bắp xen canh trong rẫy lúa, vừa hát bài: "Ó May Nhim Ape O'i...". (Đừng khóc các đồng chí ơi, mình nhớ gia đình mình gửi lá thư. Đừng khóc các đồng chí ơi, mình nhớ quê hương mình gửi lời thăm.... Đừng khóc các đồng chí ơi nhớ tới nhiệm vụ mình phải thực hiện cho nhanh. Đừng khóc các đồng chí ơi rút lui nhân dân thác mắc. Đừng khóc các đồng chí ơi mình hy sinh nhân dân đều nhớ...). Giọng hát của Dis tỉ tê như dòng suối mát chảy vào lòng đất đai trong những ngày khát hạ. Tôi khen:

- Dis hát hay lắm!
- Không hay nì.
- Con gái ở đây vẫn vừa làm vừa hát?
- Hát cho vui nì.
- Dis có người yêu chưa?
- Dis xấu lắm người ta không ưa.
- Sao Dis biết?
- Dis đi người ta xì xào nì...

Bố Cu Xe sinh năm 1932, đi bộ đội năm 1959. Năm 2004 đã có Huy Hiệu 40 Năm Tuổi Đảng. Bố là một trong những chiến sĩ còn sống sót trong trận đánh khốc liệt năm 1969 ở đồi không tên, trong rặng núi A Bia thuộc xã Nhâm. Hạ tuần tháng 1 năm 1969, 6 tiểu đoàn lính viễn chinh Mỹ phối hợp với binh lính của Quân lực Việt Nam Cộng hoà, gần 7000 tên, tràn lên chiếm điểm cao 672 để ngăn chặn đường vận chuyển của bộ đội ta. Trận này, 2.863 lính Mỹ và lính Sài Gòn bị tử trận, tướng Modison của Mỹ cũng bị thương. Đến nỗi, lính Mỹ còn sống sót khi

nhìn thấy ngọn đồi đầm máu, rừng rợn tử khí đã thốt lên Hamburger Hill - Đồi Thịt Băm. Chính ở đây, lính Mỹ đã băm xác liệt sĩ Cu Lối ra hàng ngàn mảnh, để trả thù! Từ đó, ngọn đồi có tên Đồi Thịt Băm (Hamburger Hill). Đây là một trận đánh vang dội, cùng với 81 ngày đêm giữ vững cố thành Quảng Trị và những chiến thắng khác, buộc Mỹ phải ngồi vào bàn hội nghị, ký Hiệp định Paris về việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình Việt Nam, vào lúc 11giờ30 ngày 27-1-1973 tại khách sạn Majestic ở Paris. Loanh quanh trong thôn A Hươu tôi còn được gặp mẹ Kăn Hót chuyên dệt vải Zeng. Tuy gần 80 tuổi nhưng mẹ vẫn dệt 2 ngày 1 tấm. Mẹ dón từ 20 đến 30 tấm, gửi đi bộ 5 ngày sang Lào đổi vàng, đổi cá nước ngọt phơi khô, đổi mật ong... Tôi lại đến nhà Kê Thị Cay xem đan chiếu lát, đan gùi. Những tấm chiếu lát ở đây nhiều hoa văn sắc sỡ, rất đẹp, dành làm của hồi môn cho những cô gái về nhà chồng và những chiếc gùi xinh xinh, gùi sự sống bà con lên nương, xuống rẫy...

Chúng tôi theo đường cấp phối đá sang thôn A Bả. Con đường vòng vèo đồ đèo xuống một thung xanh. Nhiều ngôi nhà mái tôn, mái ngói ngả màu năm tháng, thấp thoáng trong sắc xanh rừng quế, rừng trà và lô nhô những ngọn đồi cà phê um úp xanh thắm, cảnh như tranh của một tay hoạ sĩ phóng nét cợt tài hoa vẽ cảnh thôn dã, bình yên trong màu xanh bất tận của núi rừng nhiệt đới. Chúng tôi đi qua sân bóng chuyền, xuống hồ cá bên cạnh nhà rồng đã thấy già làng, trưởng thôn và các chức sắc phụ nữ, đoàn thanh niên, công an viên của thôn ra đón. Dù chỉ một con gà xé thịt, mấy nải chuối, dăm khúc mía cốm rượu, chúng tôi cũng ấm lòng bởi tình thương mến trọng thị của đồng bào A Bả. Khi trở lại A Hươu tôi gặp một bầy trẻ A Bả chạy ra tiễn biệt. Nói về nét ngây thơ trong sáng của thiếu nhi Việt Nam, ở đâu các em cũng hồn nhiên trong suốt như thiên thần. Nhưng tôi vẫn thấy, trong những khuôn mặt nheo nhúc nắng gió của các em thiếu nhi A Bả, nơi chưa có nước sạch tự chảy, có phần hồn nhiên rục rịch nhất.

Ra chợ A Lưới về Huế, tôi bất ngờ tao ngộ với những cánh hoa Mimosa ở xứ sở sương mù, đang run run cánh mỏng mảnh hồng mơ giữa rợn rợn thị tứ. Trong đầu tôi lời bài hát không trọn vẹn vang lên: "Mimosa từ đâu em tới đất này...". Tôi ngược mắt nhìn mái nhà Trường Sơn hùng tráng, nơi nguồn sông chim hót, đang dang đôi cánh vạm vỡ của mình ôm ấp A Lưới và thành phố Huế thân thương của tôi nằm phía biển đông...

Huế, tháng 9 năm 2006

NGUYỄN NGUYỄN AN

Tỏ tình với cuộc sống

Trần hữu Lục

"... Tôi chỉ là tên hát rong đi qua miền đất này để hát lên linh cảm của mình về những giấc mơ đời hư ảo...". Trịnh Công Sơn không chỉ dành riêng cho nhạc, mà còn cả cho tranh và thơ nữa. Ở một lúc khác, anh tự bạch: "Mỗi bài hát của tôi là một lời tỏ tình với cuộc sống, một lời nhắn nhủ thầm kín về những nỗi niềm tuyệt vọng, và cũng là một nỗi lòng tiếc nuối khôn nguôi đối với buổi chia lìa (một ngày nào đó) cùng mặt đất mà tôi đã một thời chia xẻ những buồn vui cùng mọi người". Và có lần "bị" phỏng vấn, anh nói: "Tôi chỉ viết lời cho những bài tình khúc của tôi. Bởi một lẽ đơn giản là tôi chỉ có những mối tình lãng đãng, sương khói, hoàn toàn không có gì cụ thể. Ngày xưa dường như cả thế hệ của tôi là như vậy, yêu một mái tóc, một dáng hình, mỗi ngày chỉ cần nhìn thấy mặt nhau, thấy em qua khung cửa sổ là cả ngày thấy vui. Có khi đạp xe sau lưng em mà em không biết mình là ai, vẫn thấy vui như thường. Diễm xưa cũng là một loại tình yêu như vậy... Ừ, kỳ lạ vậy, Khi đang yêu nhau, nghĩa là đang mãi yêu, đang đắm say với hạnh phúc. Chỉ đến khi mất mát, còn lại một mình, anh mới tự đối diện với mình mà nhận ra điều trước nay anh không hề nhìn thấy. Cũng không phải là gặm nhấm nỗi đau, mà là nhận diện nỗi đau...".

Người "hát rong" ấy cất tiếng hát: "Từng người tình bỏ ta đi như những dòng sông nhỏ", cũng là lúc yêu cuộc sống, yêu tất cả. Và từ đó cảm xúc thực sự đã đến với anh, đến với Hầy cứ vui như mọi ngày, Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui, Ở trọ, Một cõi đi về, Đóa hoa vô thường, Huyền thoại mẹ, Quỳnh hương, Tôi tìm tôi... Vâng, tình yêu thì vô cùng.

Trong bài hát Tôi tìm tôi, anh tự hỏi "Tôi là ai?" Câu hỏi không chỉ riêng cho mình, mà còn cho một vùng đất. Là ai? "Sài Gòn gánh gió trên vai mưa lầy lội. Tôi tìm chập chùng dấu vết hươu nai". Là ai nữa? "Trở lại hóa kiếp rong chơi giữa nơi này. Phố phường Sài Gòn nhớ nhớ quên quên". Và ai nữa? "Đi quanh tôi tìm hình bóng xưa quen. Đi đi tìm em cho tôi dấu vết bóng Phù Nam..." Câu hỏi cứ lặp đi lặp lại, mình đang sống đây nhưng mình đã là ai trong 300 năm trước. Lời thơ trong giai điệu như thế không phải chỉ mới có trong bài hát Tôi tìm tôi, mà trước đó đã xuất hiện trong nhiều bài hát của Trịnh Công Sơn. Anh đã rất "thi sĩ", rong chơi chữ nghĩa như thế trong thế giới âm nhạc của mình. Mỗi cõi đi về đều có để lại dấu ấn. Trịnh Công Sơn có cách nói riêng, bằng lời và bằng nhạc, nói như nhà văn Bửu Ý "Lời tách riêng, đó là những đoạn thơ hoặc là truyện thơ tâm sự về giọt mưa, giọt nắng, về một vùng biển đầy áp sự vắng mặt..." và "Ta còn chứng kiến một công cuộc thể nghiệm của tiếng Việt trên những chặng đường mới của ngôn ngữ với những kết hợp từ ngữ tài hoa, những góc độ thu hình lạ lẫm, những tri giác dày dặn nhiều tầng, khả năng tưởng tượng bay bổng".

Từ bài hát Tôi tìm tôi trở về hơn 30 năm trước, lời tách riêng vẫn là thơ, những câu thơ, đoạn thơ tài hoa và lay động. Đó là nét chấm phá, những hoa gấm cho sóng nhạc. Có thể "nhặt" ra những đoạn thơ khá hoàn chỉnh.

Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui

Chọn những bông hoa và những nụ cười.

Tôi nhặt gió trời mời em giữ lấy

Để mắt em cười tựa lá bay

(Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui)

Những câu thơ lục bát:

Con chim ở đậu cành tre

Con cá ở trọ trong khe nước nguồn

... Tôi nay ở trọ trần gian

Trăm năm về chốn xa xăm cuối trời.

(Ở trọ)

Những câu thơ bốn chữ:

... Nụ cười mong manh

Một hồn yếu đuối

Một bờ môi thom

Một hồn giấy mới

(Đóa hoa vô thường)

Những câu thơ năm chữ:

Em đi qua chuyến đò

Thấy con trăng đang nằm ngủ

Con sông là quán trọ

Và trăng tên lãng du

(Biết đâu nguồn cội)

Thơ trong nhạc Trịnh Công Sơn đã tạo nên sắc thái, tên tuổi của anh.

Không phải ai cũng có thể hiểu ngay lời thơ - ca từ của anh, nhưng giai điệu và lời thơ cứ xoắn xuýt nhau, mà độ “cảm” cứ thấm dần và sau đó mới hiểu được một phần tình ý của anh. Và có dịp đọc những câu thơ riêng lẻ, hoặc một bài thơ khá hoàn chỉnh của Trịnh Công Sơn, tôi mới cảm nhận hết sự tinh tế, nhẹ nhàng mà sâu lắng, châm phá mà tài hoa của anh. Có người nói Trịnh Công Sơn làm thơ rất sớm trước khi sáng tác bài hát Ướt mi. Chẳng cần đặt tên cho cảm xúc của mình, nhưng đọc Chùm thơ vô đề của anh in chung trong tuyển tập thơ Chút tình với thức và những bài thơ ngắn của anh được sáng tác tại Montréal (năm 1992), có thể “nhặt” ra những câu thơ thú vị bất ngờ. Nơi này là một bài thơ tứ tuyệt:

Chỗ em ngồi ngày xưa còn ấm lắm

Anh gối lên và ngủ một giấc dài

Em có hiểu đời cho em là mộng

Để anh về cứ tưởng một là hai.

Kia là một bài thơ lục bát:

Mặc đời ô trọc vừa qua

Tắm thân nhỏ nhặt người la mắng người

Buồn phiền vỡ mộng đường dài

Ta xin một góc ta ngồi với ta.

Như đã có một chỗ riêng cho người làm thơ - cô đơn mà gần gũi quá:

Đời ta nặng trĩu vô bờ

Chén cơm nguyệt quế em hờ hững sao

Mai sau nếu có bao giờ

Chén cơm nguyệt quế không hờ hững đâu.

Và nhân ái cả với chính mình:

Đường xa mộng mị vô thường

Trái tim chợt tỉnh, tôi nương nhen tôi

Một bài thơ khác có tên hẫng hoi - Như lời tựa - Trịnh Công Sơn đã viết: “Tôi người thợ nặng nề vác nặng những cuồng điên”, và sau đó giải bày: “Có những bài thơ viết vì một nỗi mơ màng không uẩn khúc. Những bài thơ tuyệt vọng. Những bài thơ sáng lạnh một tình cảm rợn rợn trong phúc chốc. Đừng nhớ niềm tuyệt vọng. Hãy nhớ trời cao. Mây và mây bay trên bầu trời lằng đằng. Tình yêu và gió. Gió thổi mênh mông một cuộc đời. Cuộc đời lặn dần...” Có thể, mai này ai mà biết được Trịnh Công Sơn sẽ đi đâu, về đâu? Nhưng những câu thơ của anh vẫn cứ ám ảnh tôi da diết:

“Có thể mai này không có gì nặng nợ với trăm luân cuộc đời gió hăm oan cứ thổi, mà tôi đi đi mãi.

Không cần ai giữ lại một tác lòng, tác lòng không đáng kể, vì có bao giờ ai hiểu rõ chút vô thường vô lượng của lòng tôi”.

Những câu thơ chiêm nghiệm “Có thiên đường cạnh nỗi đau”, giúp chúng ta hiểu thêm về “một góc ta ngồi

với ta” của Trịnh Công Sơn - con người thi sĩ trong con người nhạc sĩ, chất hoa gấm trong sóng nhạc. Một cõi riêng như thế đã hé lộ một cách đáng yêu.

TRẦN HỮU LỤC

Nấu lòng đất đai

Võ Đắc Danh

Hơn nửa thế kỷ trước, khi đặt chân đến vùng Bà Điểm, Hóc Môn này để khẩn hoang, trồng trầu trồng cau lập nghiệp, hẳn ông Hai Bình – cũng như nhiều cư dân khác – không thể hình dung ra rằng một ngày nào đó, mỗi mét vuông đất ở đây sẽ được tính bằng vàng chỉ, vàng cây.

Từng thập niên trôi qua, Mười Tám Thôn Vườn Trầu đã trở thành một địa danh lừng lẫy khắp Nam kỳ lục tỉnh, là biểu tượng cho thiên-thời-địa-lợi-nhơn-hòa của Sài Gòn-Gia Định. Ông Hai Bình hiểu và lấy làm tự hào về điều đó, cho nên, khi tám người con của ông lần lượt trưởng thành, gã chồng hay cưới vợ, ông cất cho một căn nhà bên cạnh để ra riêng. Ước nguyện của ông là sẽ có một xóm nhà mà trong đó toàn là những người ruột thịt để cộng hưởng cái hòa khí của làng mạc, đất đai. Nhưng ước nguyện ấy đã không thành. Khi bến xe An Sương mở ra, cầu vượt An Sương mở ra, con đường xuyên Á mở ra, cả bốn bề là đô thị, đất đai lên cơn sốt, người ta ầm ầm sang bán. Ông A, ông B, ông C gần đó, cả đời ky cốp từng đồng từng cắc, nghèo xác nghèo xơ, giờ cất bán vài cái nền nhà đã trở thành tỷ phú. Con cái ông Bình sầm xì rằng năm ngàn mét vuông đất của ông bây giờ giá chót cũng mười lăm tỷ, nếu chia đều ra thì mỗi người cũng ngót nghét hai trăm lượng vàng. Biết trước sẽ có chuyện chẳng lành, ông Bình họp các con lại bảo: “Xưa nay ba không có ý định chia đất, ba muốn các con sống chung và xem đất này là của chung, để con cháu tụi bây sau này lập gia đình cũng có đất cất nhà. Nhưng giờ ba thấy tình hình không ổn nên ba quyết định chia đều cho tám đứa bằng nhau, cứ phân ra thành tám lô rồi bốc thăm, đứa nào trúng lô nào thì lấy lô đó”. Nhưng quyết định của ông Hai Bình đã muộn. Chị Nguyễn Thị Phượng, người con gái thứ tư phản đối: “Phần tôi hai ngàn mét vuông, tôi đã canh tác bốn chục năm nay, chồng tôi đứng tên khai thuế từ năm 1975 đến giờ, tôi không chia cho ai hết”. Thấy chị con đông, anh em trong nhà thống nhất chia cho chị tám trăm mét vuông, nhưng chị kiên quyết không chịu. Thất vọng, buồn tủi và bất lực, ông Bình sinh bệnh và chết. Những cuộc tranh chấp tiếp tục diễn ra. Chị Phượng phân lô bán nền, anh em ngăn cản. Đất tranh chấp không ai dám mua. Chị cất nhà trọ. Anh em cầm búa ra đập tường. Hai bên ấu đã lẫn nhau. Những cuộc hoà giải của chính quyền xã không thành. Đất vẫn là đất nhưng lạnh lùng, tê buốt và luôn ẩn chứa mầm mống của chiến tranh. Mạnh ai nấy làm hàng rào, bít cả lối đi. Tôi chạy xe vào nhà chị Phượng phải leo vòng lên hàng ba của nhà người khác. Dường như có ai đó hiểu rằng tôi đi xác minh để bên chị Phượng. Một người phụ nữ tranh thủ đến nói nhỏ với tôi, giọng lạnh lùng và nghiêm khắc: “Cậu làm báo thì phải khách quan, phải hiểu rõ nguồn gốc của đất này trước khi viết báo”. Chị nhìn thẳng vào tôi rồi lặng lẽ bỏ đi.

Khác với cách tính toán của ông Hai Bình, bà Trần Thị Hớn cũng có tám người con nhưng tất cả được bà nuôi cho học hành đỗ đạt thành một gia đình trí thức có tiếng trong vùng. Bà có 1500 mét vuông đất hương quả. Năm 1999, bà làm tờ tương phân cho tám người con, mỗi người từ 120 đến 150 mét vuông, riêng bà giữ lại 480 mét vuông để dưỡng già. Theo quan niệm chia tài sản của người xưa, *giàu Ut ăn, khó Ut chịu*, hơn nữa bà sống với con trai Ut nên trước khi qua đời, bà lên xã lập giết ủy quyền phần đất của bà cho người con trai Ut để anh này lo thờ cúng tổ tiên. Thế nhưng, hai năm sau khi bà Hớn qua đời, bảy anh chị của Ut làm đơn kiện lên xã đòi chia thừa kế phần đất dưỡng già của mẹ, mỗi người 59 mét vuông. Trong cuộc họp hoà giải tại xã, họ cho rằng mặc dù Ut ở với mẹ nhưng nuôi mẹ thì tất cả cùng nuôi, có người lật sỗ tay đọc vanh vách những ngày tháng và các khoảng chi phí họ đi nuôi mẹ trong bệnh viện Trưng Vương. Anh cán bộ tư pháp xã nói rằng: “Hoà giải cho bà con nông dân thì dễ, còn hoà giải cho những người ăn học cao hơn mình rất khó, cuối cùng chúng tôi phải chuyển hồ sơ lên toà án huyện, xử sơ thẩm không xong, huyện chuyển hồ sơ lên cấp phúc thẩm, chưa biết kết quả ra sao, nhưng dù có ra sao đi nữa thì mình cũng không ngờ nổi những điều như vậy có thể xảy ra ở những người mệnh danh là kỹ sư, nhà giáo”.

Chúng tôi tìm đến nhà của ông Nguyễn Quốc Hưng theo tờ đơn ông tố cáo người con trai út của ông, anh Nguyễn Quốc Khang. Ở xứ Bà Điểm này, ông Hưng từng nổi tiếng là một người giàu có, nhiều ruộng nhiều vườn. Theo ông trình bày, ông có bốn người con, hai thửa đất ở xa lộ Đại Hàn và Trung Chánh ông chia cho ba người con lớn. Khang là con trai út nên ông ở với Khang trên phần đất hương quả 2500 mét vuông cùng với ngôi nhà ngói ba gian thờ cúng ông bà. Thế nhưng vợ chồng Khang bất hiếu, ngược đãi ông, thậm chí đánh đuổi ông ra khỏi nhà để giành đất. Tức giận, ông cất cho Khang 900 mét vuông ra ở riêng nhưng Khang vẫn không chịu, đòi giành trọn phần đất của ông.

Câu chuyện tưởng vậy mà không phải vậy. Ngồi đối diện với tôi là một ông già lẩm cẩm trên tám mươi tuổi và anh con trai hiền lành bốn mươi sáu tuổi. Khang nói: “Tôi là con trai út, nhận nuôi cha trên đất hương quả là chuyện bình thường. Nhưng từ khi đất đai lên giá, ông cứ phân lô bán nền liên tục để lấy tiền cung phụng cho bà bán vé số ở xóm trên. Ông nói rằng ông có con với bà ấy. Thử hỏi anh, ông tám mươi hai tuổi rồi mà có con trai năm tuổi, liệu có tin được không?”. Ông già quát: “Tổ cha mày, không phải con tao sao nó thương tao, thỉnh

thoảng nó tới ngủ với tao?”. Khang thở dài: “Tôi ngăn cản không cho ông bán đất, ông đuổi tôi ra khỏi nhà, tôi cất nhà bên cạnh, ông rào lại không cho tôi qua để ở một mình cho dễ bề quan hệ với bà kia”. Ai đúng ai sai trong câu chuyện giữa hai người chưa phân giải. Nhưng nhìn những tấm mê bồ, những cây tre và những sợi kẽm gai ngăn cách tình cha con, ai cũng thấy náo lòng.

Chị Cúc Hương, cán bộ tư pháp xã Bà Điểm nói rằng, ông bà xưa chia đất cho con cháu không phải đo đạc phân lô, có khi chỉ nói đại khái miếng A, miếng B nào đó, hoặc lấy cái bờ, con mương làm ranh giới. Nhưng rồi khi giá đất vọt lên một mét vuông năm bảy triệu đồng thì một vài tấc ranh cũng làm cho gia đình tan nát. Có những ranh đất chỉ đôi ba tấc thôi mà cán bộ tư pháp xã hoà giải suốt năm sáu năm vẫn không thành, anh em ruột thịt lại kéo nhau lên toà án huyện. Về pháp lý, cái ranh giới đất thì đã khó xác lập, còn cái tình thì đến đời con cháu họ cũng chưa chắc gì xóa được sự cách ngăn. Đất Hóc Môn là đất vốn có truyền thống dòng tộc lâu đời. Bởi vậy xưa nay ngày giỗ ở đây luôn được coi là quan trọng, là ngày tề tựu họ hàng thân tộc, cháu con, chòm xóm. Nhưng bây giờ, sau những vụ tranh chấp đất đai, có nhiều gia đình đến ngày giỗ ông bà thì mạnh ai nấy cúng, ngôi nhà thờ trở nên vắng vẻ, lạnh lùng.

Anh Thanh Hà, cán bộ thi hành án huyện Hóc Môn nói với tôi: “Nếu có dịp, anh đến ngồi dự các phiên tòa dân sự về những vụ tranh chấp đất đai trong họ hàng thân tộc, anh sẽ thấy rằng, đất càng lên giá bao nhiêu thì tình người càng xuống giá bấy nhiêu”.

VÕ ĐẮC DANH

Thư Sài Gòn

Trần hữu Lục

Những người xa quê, dù năm dù tháng vẫn giữ chút gì với Huế. Cái “chút” gì đó có khi là “Chút tình với Huế”, và đậm sâu trong tâm thức là “Nhớ Huế”.

Ở Sài Gòn mà nhớ Huế, chi mà nhiều khê rứa? Chẳng phải ở tận bên trời Tây hoặc xa nửa vòng trái đất; chẳng phải để “bày vẽ” cho khác người mới nhớ Huế. Có câu thơ rằng “Ở Ngự Viên mà nhớ Ngự Viên”, vậy thì nỗi nhớ ấy không thể đo bằng khoảng cách và thời gian được.

Nhiều người xa xứ mà vẫn thường nhắc nhở nhau, rằng “Tôi nhớ Huế, tức là tôi hiện hữu”. Và không chỉ nhớ một cách thâm lặng, nhớ Huế biểu hiện muôn mặt. Nó như một cách sống, mà những người ở địa phương khác cho rằng đây là cái “chất Huế”. Chất Huế làm cho mỗi cá nhân không chỉ tồn tại mà còn vươn lên trong cuộc sống và tạo dựng được tên tuổi.

Một lần về thăm đoàn làm phim Đất phương Nam ở tận Xẻo Quýt, gặp đạo diễn Vinh Sơn đang dàn dựng bộ phim trên đầm nước, nhà văn [Sơn Nam](#) nói vui: “Chỉ có dân Huế mới “mần” ăn như thế!”. Rồi ông giải thích thêm: “Còn trẻ mà ngon lắm à. Hiểu biết Nam bộ chẳng khác mấy ông lão tri điền. Hắn làm ra làm, chịu khó chịu khổ, tài hoa và năng động...”. Đây là nét tài hoa của một đạo diễn gốc Huế. Trước đó, Vinh Sơn cũng đã thành công với bộ phim Tuổi thơ dẫu đời được quay tại Huế. Theo dõi bước đi của Vinh Sơn trên mảnh đất điện ảnh, cái làm nên tài hoa của Vinh Sơn là cái chất văn hóa Phú Xuân - Huế. Nó là cái hồn của 300 năm con cháu chúa Nguyễn vào đất phương Nam khai phá. Xem phim của các đạo diễn Huế như Đặng Nhật Minh, Huy Thành, Lê Hoàng Hoa, Lê Mộng Hoàng, Nguyễn Vinh Sơn... có thể cảm nhận ra cái “chất Huế” như thế.

Bên kia sông Sài Gòn, qua một chuyến phà Thủ Thiêm, tôi đã bất ngờ đến thú vị trước những ngôi nhà rường Huế xưa được dựng lên nơi này. Nói rằng người Huế đã “rinh” nhà từ Huế vô đây là không ngoa chút nào. Đây là những ngôi nhà Huế. Mới đầu mọc lên vài nhà trên vùng đất được qui hoạch, nay đã có thêm nhiều ngôi nhà mới, đa số là của giới văn nghệ sĩ. Giữa không gian sông lạch hào phóng, giữa những ngôi nhà xây theo lối kiến trúc hiện đại, những ngôi nhà xưa với lối kiến trúc độc đáo. Có được ngôi nhà Huế rồi thì vườn cây, bến nước, cổng vào và trang trí nội thất cũng không thể khác “chất Huế” được. Có một làng Huế bên sông Sài Gòn!? Bác sĩ - nhà văn [Dương Đình Hùng](#) đã nhớ Huế, yêu Huế theo cách riêng của mình. Lặng lẽ mà tồn tại, cần mẫn mà lan tỏa và rồi những ngôi nhà Huế xưa đậm ấm, lặng lẽ, độc đáo đang hình thành dần một làng Huế tại Sài Gòn.

Vào thăm phòng tranh Huế mùa xuân, khai mạc tại Gallery Tự do, nhiều người khen rằng phòng tranh sang trọng và “rất Huế”. Có nhà báo nhận xét “Chỉ cần xem bức tranh lãng Tự Đức của họa sĩ Hồ Hoàng Đài cũng đủ thấy cả Huế rồi!”. Các bức tranh vẽ thiếu nữ Huế của họa sĩ Đỗ Duy Tuấn, Hồ Hoàng Đài, tranh trừu tượng của Lâm Triết, tranh “bừng cảm” 1 và 2 của Trương Thìn, tranh thiên nhiên và tĩnh vật của Thân Trọng Minh, Kim Quì, Nguyễn Thành, tranh vẽ hoa của Thu Hà, Lê Bá Trọng, Kim Minh, tranh của Minh Đức, Tôn Thất Bằng... đã mang lại thứ cảm giác gần gũi, thân thiết. Tuy chưa phải là tiêu biểu cho rất đông họa sĩ Huế đang sống, sáng tác tại thành phố Hồ Chí Minh, nhưng chừng ấy bức tranh cũng đủ cho thấy một phong cách hội họa của cố đô Huế. Cái chất Huế toát ra từ đường nét, sắc màu, thanh nhã, đậm thắm, tinh tế, có chút gì lặng lẽ, và cũng có những bút phá đầy ngẫu hứng. Dù vẽ bằng chất liệu nào, trường phái nào... thì mảng tranh Huế mùa xuân đã nói với người yêu tranh về tình yêu thật say đắm, nồng hậu của những họa sĩ Huế xa quê.

Trên nhiều lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, người nghệ sĩ Huế xa quê vẫn bộc lộ lúc thì rõ ràng, khi thì kín đáo. Âm nhạc của Nguyễn Văn Thương, Trịnh Công Sơn, Tôn Thất Lập, Nguyễn Nam, Trương Thìn, Nguyễn Phú Yên, Bảo Chấn, Bảo Phúc..., sân khấu với Kim Cương, Ngọc Giàu, Ái Như... giọng ca của Bích Hồng, Quang Linh, Vân Khánh, Mỹ Lê, Xuân An, Lê Hành... điện ảnh với Diễm My, Võ Sông Hương... Với thơ văn thì “chất Huế” đã định hình từ lâu trên văn đàn Sài Gòn, có thể thành lập một chi hội nhà văn Việt Nam gốc Huế tại TP.HCM. Từ các nhà văn lớp trước như Trần Thanh Địch, Thái Vũ, Lương An, Huy Phương, Trần Thanh Đạm, Cửu Thọ đến các nhà văn lớp sau như [Trần Hữu Lục](#), [Mường Mán](#), [Tôn Nữ Thu Thủy](#), Trương Nam Hương, Phan Triều Hải. Giới văn nghệ sĩ Huế đều có gắn bó với cộng đồng Huế. Sáng tác của họ dù có nhớ Huế hay không, đều thể hiện sinh động và khá tài hoa cái “chất Huế”.

Ở các lĩnh vực khác của đời sống, đông nhất là giới bác sĩ, thầy giáo, các nhà hoạt động kinh tế xã hội, các nhà doanh nghiệp, người thợ thủ công gốc Huế... đều ít nhiều bộc lộ “chất Huế”. Họ có cách yêu, nhớ Huế của người xa quê.

Mùa này, Huế có rất nhiều nắng. Ai về miền Trung? Ai ra xứ Huế? Ai cũng ao ước giá như mình được ra Huế vào lúc này. Chẳng có bút mực, máy tính nào diễn tả hết nỗi lòng...

TRẦN HỮU LỤC, Mẹ và con, Truyện ngắn – Bút ký. Hội Nhà Văn TP.HCM – NXB Trẻ sẽ xuất bản vào tháng 11-2006

[TRẦN HỮU LỤC](#)

Mêkông trong trí tưởng

[Huỳnh Kim](#)



Tuần rồi, gần 40 nhà báo sáu nước hạ lưu sông Mêkông (Việt Nam, Campuchia, Lào, Thái Lan, Myanmar và Trung Quốc) đã dự hội thảo chủ đề “Mêkông trong trí tưởng” tại Bangkok (Thái Lan) do Inter Press Service (IPS) và Probe Media Foundation Inc. (PMFI) tổ chức với sự tài trợ của Quỹ Rockefeller (Mỹ). Bốn ngày làm việc cật lực, một Mêkông “xuyên biên giới” đã đọng lại trong tâm trí mọi người...

Riêng và chung

Mêkông là con sông duy nhất chảy qua sáu nước châu Á trong hệ thống sông bao phủ trên một diện tích rộng 811.000 km², bắt nguồn từ núi Tangguala trên cao nguyên Qinghai của Tây Tạng (Trung Quốc). Dòng sông đã chảy hơn 4.800 kilômét, xuyên qua Trung Quốc, Myanmar, Lào, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam trước khi đổ ra biển Đông.

Nhà tổ chức hội thảo IPS và PMFI - những cơ quan truyền thông quốc tế - đã không “ôm” cả nước Trung Quốc bao la mà chỉ lấy tỉnh Vân Nam với dân số 43,76 triệu người để đưa vào hệ thống “sáu nước hạ lưu sông Mêkông”. Và mọi người hiểu rằng dòng sông mẹ Mêkông đã không còn là của riêng ai, nó đang chảy xuyên qua số phận của hơn 275 triệu con người.

Nói như bà Rosalia Sciortino - Giám đốc Quỹ Rockefeller vùng Đông Nam Á: “Mỗi nước đều khác nhau và đều đang cố gắng làm cho cộng đồng cùng sống tốt hơn và cùng phát triển, như dòng sông liên tục chảy đi”. Hay như lời bà Johanna Son – Giám đốc IPS vùng châu Á – Thái Bình Dương: “Tại sao Mê-kông? Vì sao phải xuyên biên giới? Chỉ cái chuyện cúm gia cầm đã là chuyện xuyên giới giới rồi, không ai có thể giải quyết một mình mà cho là ổn được”.

Hợp tác và phát triển

“Sau một thời gian dài “chiến tranh lạnh”, nay sáu nước sông Mêkông đã biết hợp tác, khai thác những con

đường và dòng sông xuyên biên giới để cùng nhau phát triển”, ông Rodolfo Severio - chuyên viên Viện Nghiên cứu Đông Nam Á của Singapore - nói như vậy và cho rằng, cần có sự hợp tác hữu hiệu hơn giữa Ủy hội sông Mê Kông với Trung Quốc, Nhật Bản, Úc và cả khối ASEAN trong thực thi những dự án xuyên biên giới của vùng này.

Tỉ như chuyện Trung Quốc, Lào, Thái Lan... đang làm nhiều công trình thủy điện và thủy lợi ở thượng lưu có thể làm thay đổi môi trường vùng hạ lưu sông Mê Kông, nhất là ở vùng đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam, ông Rodolfo Severio khẳng định: “Một nước riêng lẻ không thể nào tự giải quyết được những vấn đề này”. Ông nói thêm: “Cần có sự hợp tác để đưa ra những luật lệ chung giữa các nước sông Mê Kông với ASEAN và Trung Quốc liên quan đến một số dự án, thí dụ những dự án của Ngân hàng Thế giới giúp tăng khả năng hợp tác về huấn luyện, môi trường, năng lượng, giao thông... của sáu nước trong vùng”.

Thời gian và du lịch

Quá khứ, hiện tại và tương lai của sáu dân tộc vùng hạ lưu sông Mê Kông là một chủ đề mà giáo sư Charnit Kasetsiri ở trường Đại học Thammasat (Thái Lan) cho rằng, “Quá khứ không thể thay đổi nhưng hiện tại phải cứu tương lai không để lặp lại những sai lầm của quá khứ”. Ông tỏ ra day dứt khi nhắc lại vụ bạo động hồi năm 2003 của thanh niên Campuchia tại trụ sở Đại sứ quán Thái Lan ở Campuchia vì một tờ báo Thái Lan đã “nói xấu” phụ nữ Campuchia. “Tôi là người Thái Lan - ông nhấn mạnh - và tôi muốn nói rằng người Thái Lan cần phải hiểu đúng mình và hàng xóm gần của mình, nhất là Campuchia, Lào và Myanmar”.

Giáo sư Charnit Kasetsiri cho rằng trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay, các quốc gia sông Mê Kông cần nhìn lại những bài học lịch sử cho đúng và ông đề xuất: “Bộ giáo dục các nước trong vùng cần ngồi lại để xây dựng những cuốn sách giáo khoa đúng với quá khứ và hướng tới một tương lai hợp tác và thân thiện”.

Còn với lĩnh vực du lịch xuyên biên giới vùng Mê Kông, theo lời Giáo sư Mingsarn Kaosa-ard, Giám đốc Viện Nghiên cứu xã hội (Đại học Chiang Mai – Thái Lan): “Chính phủ không nên hạn chế thị trường” và “cần quan tâm hơn đến người nghèo làm ra sản phẩm du lịch” bởi vì theo bà, lâu nay lợi nhuận lớn từ ngành du lịch vào tay người giàu là chính.

Xuyên biên giới

Một loạt chủ đề khác về sử dụng vốn vay từ các tổ chức tài chính quốc tế cho các công trình xuyên biên giới, quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường sống, mậu dịch biên cương... cũng được thảo luận như những câu chuyện không chỉ của riêng mỗi quốc gia trong vùng.

Có mấy lời khuyên đáng nhớ. Thí dụ như của ông Toshiyuki Doi ở tổ chức Giám sát Mê Kông (Mekong Watch) của Nhật Bản: “Với công trình đường hành lang kinh tế Đông Tây xuyên bốn nước Myanmar – Thái Lan – Campuchia – Việt Nam do ADB và JICA tài trợ vốn, chính quyền mỗi nước và cả nhà tài trợ cần quan tâm hơn tới chuyện bảo vệ môi trường và xóa đói giảm nghèo cho người tái định cư chứ không đơn thuần chỉ lo chuyện phát triển kinh tế”.

Hoặc như lời Tiến sĩ Chavalit Vidthayanon - chuyên gia nước ngọt của tổ chức Động vật hoang dã Thế giới (WWF): “Lũ lụt vùng sông Mê Kông là hiện tượng tự nhiên, không phải là thảm họa. Nó đem lại lợi nhiều hơn hại; tôm cá nhiều hơn, phù sa và sinh thái tốt hơn”.

... Hết thảy những điều này, trong bốn tháng tới, mọi người hi vọng nó sẽ “thấm” vào những câu chuyện xuyên giới của chính họ - các nhà báo dự hội thảo - trong kế hoạch đi viết bài, chụp ảnh và quay phim dọc theo dòng sông mẹ Mê Kông./.

Hình ảnh : Các nhà báo Việt Nam, Trung Quốc, Myanmar tại hội thảo

HUYỀN KIM - SCL

Xuôi ngược tàu TN 1/2

Nguyễn Nguyên An

Huế vào thu, tôi khăn gói một vòng xuyên Việt bằng tàu TN1/2. Hơn 1 giờ khuya tôi xuống ga. Ga Huế gần 100 năm tuổi đang thao thức dưới nhạt nhoà ánh điện dịu xanh. Một vài khách đến sớm, đi lui tới trong sân ga yên ắng và một số thanh niên ngồi uống trà đón tiễn thân nhân dưới những vòm lá bồ đề ngái ngủ trong đêm. Nhớ, thời Ga Huế vào những thập niên bảy, tám mươi thế kỷ trước là nơi tụ hội các tay anh chị trà trộn gây án. Dân xích lô, xe thồ cũng thường bắt chẹt khách về tàu khuya với giá cao. Bây giờ, hành khách đến Ga Huế đều cảm thấy bình yên. Dù khuya khoắt thế nào, khách cũng có thể gặp nhân viên, anh em điều độ hoặc các anh bảo vệ chuyên ngành trực ca đêm chỉ dẫn, giúp đỡ.

Tôi dạo quanh một vòng 11 toa xe. Tôi thấy, toàn ghế ngồi cứng, nhưng toa xe sạch sẽ, toa-lét đầy đủ giấy nước ; các thiết bị đảm bảo. Hồi hôm, lúc 3 giờ sáng tàu lên đèo, các nhân viên toa đều ngồi trực ở những vòng quay hãm. Trưởng tàu Nguyễn Văn Tiến đi lui tới nhắc nhở anh em để đảm bảo an toàn cho tàu qua đèo. Tìm hiểu, tôi biết Tổ tàu TN1 có 32 người, gồm Tổ Cung ứng, trong đó 7 nữ và 1 Chi bộ. Ngoài 3 nhân viên mới, còn

lại đều thâm niên trên 25 năm. Đặc biệt, đây là một tổ tàu đa số nhân viên từng mặc áo lính, đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự nên sẵn lòng nhiệt tình. Tổ Cung ứng 10 người, chỉ có 3 nam. Tổ trưởng Cung ứng là anh Đinh Quang Nghiệp vào Đảng từ năm 1979. Tôi nhìn anh Trần Ngọc Quang với nấu ba nồi cơm cho một bữa ăn gần một nghìn suất, ba lò bếp ga bốc lửa, cường độ toả ra cực nóng! Anh Tiến tâm sự: "*Chúng tôi không ngại vất vả, miễn hành khách ngon miệng, hài lòng là chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ*". Tàu đến ga Sài Gòn gần 3 giờ sáng. Tôi là người khách cuối cùng bước ra ga vì nghe khách đi tàu cãi với nhân viên nhà ga khi có cháu nhỏ bị ách mua bán vé bổ sung. Tôi không phản đối nhân viên ga Sài Gòn bán bổ sung vé trẻ em cho các em. Nhưng nếu họ dụ dỗ, giải thích rõ ràng, có tình có lý cho khách, chắc khách vui lòng hơn khi buộc phải mua vé.

Khi trở về Huế, tôi cũng mua vé tàu TN2. Được gặp Trưởng tàu Nguyễn Trịnh Thanh - anh trưởng tàu S4 (TN22) năm nào mà tôi đã có ngõ lời khen, khi anh kịp thời lấy **Bảng Theo Dõi Địa Bàn Đường Sắt** điện báo trực ban Công an huyện Tuyên Hoá, Ga Đồng Lê triển khai vây bắt được hai thủ phạm trộm tài sản khách đi tàu, là Lê Văn Thuận và Phan Văn Diện, giúp thầy Thích Quang Tâm ở chùa Pháp Lâm (574 Ông Ích Khiêm, TP Đà Nẵng, nhận lại chiếc cặp sổ, trong đó có 10 triệu đồng, một sổ tiền gửi định kỳ có giá trị 100 triệu đồng và những giấy tờ quan trọng khác. Nguyễn Trịnh Thanh vẫn điềm đạm và khắc khổ bởi gió bụi đường dài như dạo nào. Tôi cũng gặp lại anh Nguyễn Văn Minh - Tổ trưởng Cung ứng. Anh Minh nói: "*Tổ cung ứng có 2 bếp xào công nghiệp, 2 bếp nấu cơm, 1 tủ hâm nóng và 1 tủ lạnh trữ đông để bảo quản thức ăn. Nếu đủ phương án Tổ Cung ứng phục vụ từ 5700 đến 5800 suất ăn, thường thường cũng 4000 đến 5000 suất*".

Qua trò chuyện với các anh chạy tàu TN1/2 tôi biết tàu TN 1/2 chạy Hà Nội - Sài Gòn hành trình 41 giờ và đón khách ở 26 ga, trong khi tàu SE1/2 chỉ đón 7 ga. Như vậy, TN 1/2 phải phục vụ khi tàu đủ phương án gần 6000 suất ăn. Có nghĩa tổ tàu TN 1/2 phải làm việc hơn gần ba lần so với tàu đẳng cấp cao, đồng thời bảo vệ an toàn chạy tàu, an toàn tuyệt đối cho hành khách đi tàu cũng gấp ba lần. Suốt ngày đêm nhiều bận đi loanh quanh trên TN 2, tôi thấy anh em tổ tàu TN 2 làm việc cật lực, hỏi một chị nữ nhân viên từng là sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam - hàm đại úy chuyển sang, chị nói: "*Làm việc tuy có nhọc hơn. Nhưng được hành khách vui vẻ tạm biệt và hẹn gặp lại, mình hạnh phúc lắm!*". Trên chuyến tàu này, cùng toa với tôi cô hai sư cô và một vị thầy tu ở chùa Thuyền Tôn Huế. Sư cô Thích Nữ Đắc Nguyên, trụ trì chùa **PL**, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, trên đường đưa cháu Như Ngọc về thăm gia đình. Sư cô kể, hồi cháu hơn một tháng tuổi, khi cô thức dậy 3 giờ 30 phút để công phu thờ đầu trong "Trú dạ lục thời" thì nghe tiếng trẻ sơ sinh oe...oe...rất yếu trước cổng chùa. Cô chạy ra xem, hoá ra đó là một đứa bé bị bỏ rơi. Bé bị muỗi, kiến cắn đến húp mắt và trướng bụng. Hai chân bé chọi một đồng cát sỏi ứn dưới chân. Sư cô đem vào chùa, tìm ra một mảnh giấy chữ viết rất đẹp, ghi vắn vắn: "*ngày sinh 18/4/2005*". Chùa ở gần Khu chế xuất nhiều chuyên gia người Đài Loan và một trường Đại học.... Khách thập phương đến chùa, ai cũng khen bé đẹp, có nét giống người nước ngoài. Tôi nhìn cháu Như Ngọc chạy chơi trên toa xe mà lòng thầm trách cha mẹ của cháu. Có thể, một bên "Ăn bánh trả tiền", một bên: "Tiền trao cháo múc" nên không nghĩ đến hậu quả đã làm khổ một sinh linh và nhiều người có lòng nhân ái khác!. Thầy và sư cô hài lòng khi được nhà tàu phục vụ cơm chay. Tuy chỉ muối vừng, cơm nóng, đậu hủ và rau muống luộc, nhưng tôi rất trân trọng bởi đây là sáng kiến của Tổ Cung ứng TN 2 đã linh động phục vụ các tu sĩ vì Phật sự phải bồn ba trên tuyến đường xuyên Việt.

Tàu TN 1/2 là tàu của những người có thu nhập thấp. Giá vé Hà Nội - Sài Gòn 380.000đồng, trong khi tàu khác ít nhất 420.000đồng ; khách đi tàu TN1/2 còn được phục vụ hơn hẳn hai bữa ăn. Do vậy, các Tổ tàu làm việc vất vả hơn nhiều lần, nhưng lúc nào tôi cũng thấy họ vui vẻ, hoà nhã, niềm nở đón tiễn khách đi tàu. Theo tôi, các tổ tàu TN 1/2 đã thực hiện đúng: "**Nụ cười trong suốt hành trình của bạn**" và gây nhiều ấn tượng tốt cho khách đi tàu Thống nhất Bắc Nam với giá rẻ.

Huế, ngày 7 tháng 9 năm 2006

NGUYỄN NGUYỄN AN

Kí sự đường xa : Bên dòng sông Thajin

Huỳnh Kim



Chảy ra vịnh Thái Lan, sông mang tên Thajin; trôi lên phương Bắc ghé qua thủ đô Bangkok, có nhánh mang

tên Chao Phraya. Họ, hàng trăm nghìn dân nhập cư, đang hòa nhập vào nền kinh tế Thái Lan với nhiều dáng dấp, tên gọi khác nhau; thẳm lặng chảy đi, trôi đi, qua cửa sông Thajin...

Lưng buổi sáng, nắng đã gay gắt trên cảng cá Samutsakorn. Hàng chục chiếc tàu đánh cá đang cập cảng, ba chiếc đang làm hàng. Có cả trăm ngư dân và dân bốc vác rần rần chuyển cá biển vào hai chiếc xe đông lạnh đậu gần đó. Tiếng Thái, tiếng Myanmar xen một ít tiếng Anh, rộn ràng như vỡ chợ. Anh Hang, dân vốc vác người Myanmar, nói tiếng Thái rào rào: “Vợ chồng tôi làm ở đây hai năm rồi, mỗi ngày tôi kiếm được 180 бат (gần 70.000 đồng), vừa đủ sống. Ở Myanmar, dân như tôi khó kiếm việc làm”.

Ông Arnon Tritrong, giám đốc cảng cá tỉnh Samutsakorn, cho biết có khoảng 1.200 người nhập cư làm nghề đi biển và bốc vác tại cảng này. “Cá biển từ đây được đưa lên phía Bắc và nhiều tỉnh khác ở Thái Lan” - ông Arnon nói tiếp: “Ngành này sinh lợi nhiều và tạo công ăn việc làm cho đại đa số dân nhập cư ở đây”. Ông cũng cho hay, mỗi tuần có khoảng 100 tàu đánh cá ra vào cảng và mỗi năm các dịch vụ tại cảng cho doanh thu khoảng nửa tỉ бат.

Theo thống kê của Quỹ Toàn cầu (The Global Fund), một tổ chức phi chính phủ ở Thái Lan, nước này hiện có khoảng 2,5 triệu dân nhập cư, trong đó 80% đến từ Myanmar, 10% từ Lào và 10% từ Campuchia. Riêng ở tỉnh Samutsakorn này - nơi cách biên giới Myanmar 200 kilômét - có chừng 200.000 dân nhập cư, đa phần đến từ Myanmar, nhưng chỉ có khoảng 90.000 người đăng kí, còn lại cư ngụ bất hợp pháp.

Bác sĩ Moleen, Phó giám đốc bệnh viện tỉnh Samutsakorn, cho biết người đăng kí nhập cư phải nộp 3.800 бат mỗi năm để có giấy phép lưu trú, hành nghề và hưởng những dịch vụ chăm sóc sức khỏe của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, số người không đăng kí vẫn thuê nhà và làm đủ thứ nghề gần với sông, biển và các chợ cá ở thị trấn này. Nhiều người sống ở đây từ ba năm, năm năm, mười năm; có người về nước rồi quay lại xin nhập cư tiếp.

“Tình hình khám chữa bệnh hiện nay khá tốt nhưng trong tương lai thì không rõ lắm”, bác sĩ Moleen nói. Giải thích với đoàn nhà báo từ sáu nước vùng hạ lưu sông Mekong tìm hiểu chuyện này, ông nhấn mạnh: “Chúng tôi cố gắng tránh các loại bệnh lây lan từ dân nhập cư sang cộng đồng dân địa phương, như các bệnh về phổi, hô hấp, sốt, cảm cúm, tiêu chảy, đờ mắt và nhất là HIV/AIDS”. Ông nói, bệnh viện tỉnh thường có đông bệnh nhân và mỗi năm phải chi khoảng 60 triệu бат cho họ, trong đó chính phủ lo gần một nửa còn lại là nguồn kinh phí của bệnh viện và từ các tổ chức phi chính phủ (NGO).

“Ngay trong ngôi nhà này cũng có một hộp bao cao su (condom boxes) như vậy” – chị Maw Zaw, người Myanmar, chuyên viên khu vực của tổ chức NGO mang tên Yêu Người Thái (Raks Thai Foundation), thông báo với đoàn nhà báo tại hội trường của cảng cá Samutsakorn, làm mọi người nhón nháo tìm xem hình dạng “cái hộp” đó ra sao. Chỉ là cái hộp cứng bình thường, có hai mái che như mái nhà. “Thị trấn này có 50 hộp đặt rải rác trong các khu dân cư có đông người nhập cư, một tháng họ xài hết khoảng 30.000 bao cao su” - chị Maw Zaw nói tiếp: “Những tình nguyện viên của chúng tôi cũng chính là dân nhập cư. Họ được tập huấn kỹ rồi chỉ vẽ cho từng người cách xài bao cao su và nhiều cách tự bảo vệ sức khỏe sao cho dễ hiểu và hiệu quả”.

Yêu Người Thái cũng như nhiều tổ chức NGO khác ở Thái Lan chuyên lo cho dân nhập cư, họ có mạng lưới hợp tác khá rộng, gần 20 đầu mối, từ địa phương tới trung ương. Họ lo nhiều việc với những chương trình, dự án khác nhau liên quan tới y tế, giáo dục, quan hệ cộng đồng... miễn sao giúp được cho dân nhập cư và dân địa phương sống hòa nhập được với nhau mạnh mẽ và luôn nhìn về ngày mai, dù hiện nay còn bao cảnh khổ.

Trưa nắng cháy da, chúng tôi ghé vào làng Krok-Krak thuộc huyện Muang của tỉnh Samutsakorn. Trong một con hẻm nhỏ nhiều rác, dãy nhà lợp tôn chừng ba chục căn, nằm san sát bên nhau nép mình dưới nắng, dù chỉ cách bờ sông Thajin vài trăm mét. Vắng hoe, không nghe tiếng người; té ra con nít không đi học thì theo cha mẹ đi làm ngoài cảng cá, chợ cá. Chỉ có một nhà mở cửa; một phụ nữ tên Ma Sein Htay đang ru thằng con trai ngủ võng trong cái nóng trưa hầm hập (*xem ảnh*). Chị nói, chồng chị đi biển rồi; có sáu người cùng thuê căn nhà nhỏ xíu này với giá 4.800 бат một tháng. Một phụ nữ khác đang hứng nước từ vòi nước công cộng của khu nhà tập thể, cũng giải thích chuyện ở một mình: chồng đi làm còn con gái thì gởi học tại một trung tâm dạy trẻ ở gần đó.

Chúng tôi lội bộ ra trung tâm này. Nó nằm bên đường làng, tên là Trung tâm dạy trẻ Krokra-nai, do tổ chức Yêu Người Thái lập ra từ hai năm nay. Tự dưng thấy vui lên và khỏe người ra khi nghe tiếng trẻ con ò a đánh vần. Tôi kịp chụp được tám hình đứa nào cũng đang tròn miệng đọc theo tiếng nhịp thước của cô giáo (*ảnh kèm*). Tới chừng nghe cô giáo Manunchaya Inklai kể, mới sực nhớ đây là lớp học của “dân nhập cư”. Mà quá nể: 85 em nhỏ này, từ 2 -14 tuổi, đang được dạy miễn phí bốn thứ tiếng: Myanmar, Mon (tiếng dân tộc thiểu số của 80% dân nhập cư Myanmar), tiếng Thái và tiếng Anh. Các em còn được học toán và nhiều kỹ năng sống. Chuyện về cái “hộp bao cao su” cũng có trong nội dung học của các em lớn tuổi (với nội dung tiếng Anh: Teaching Aerobic and life skills by Sex Workers).

Chị Hương Giang, gốc Hà Nội, làm việc cho Học viện Thực thi pháp luật quốc tế của Mỹ đóng tại Bangkok – người được nhà tổ chức Inter Press Service (IPS) mời làm phiên dịch hôm ấy, cho biết chính phủ Thái Lan đang khuyến khích phụ huynh đưa con em từ các lớp này vào học tại các trường của người dân địa phương.

Dịch xong câu chuyện đó, chị Hương Giang nhìn ra phía cửa sông Thajin, nhắc mọi người: “Con sông này chảy ra vịnh Thái Lan đấy”. ./.

HUỲNH KIM - SCL

Một ngày ở Côn Đảo

Nguyễn Đức Thiên

Gió cấp bảy .

Những lá cờ trên các tàu biển thẳng căng , phấp phập bay , không kịp cuộn mép .

Trong cảng , mà sóng cứ cuộn lên . Nhấp nhô , không ngớt . Người đứng trên cầu tàu bồng lên vì gió cuốn . Tất cả những tàu đánh cá đã vào cảng tránh gió . Những tàu khách loại nhỏ cũng ngừng chuyển ra Côn Đảo. Chỉ có tàu Côn Đảo 09 , con tàu lớn nhất hiện nay đưa khách ra đảo là đang xuống hàng , chuẩn bị ra khơi . Trừ những người vốn dân Côn Đảo ra vào thường xuyên thấy sóng , thấy gió là thân nhiên , còn tất cả những ai là du khách đều thần thờ lưỡng lự nhìn con sóng đuổi nhau ngoài xa mà ngao ngán .

Cách đây bảy tám năm tôi đã ra Côn Đảo , đi chung với những thanh niên tiên tiến Miền Đông trong một chuyến du khảo về nguồn . Những thanh niên trái tráng , khoẻ mạnh và ham vui , chẳng nghĩ gì đến sóng to gió cả . Còn lần này , ít thì cũng đã ngoài bốn mươi , nhiều thì cũng cập kê tuổi bảy mươi . Hình như háo hức lúc xuất phát từ Tây Ninh đến đây cũng giảm đi chút ít . Nhưng khi nghe anh em thủy thủ nhìn sóng gió bảo nhau : Có khi phải hoãn chuyến đi thì ai cũng ồ lên , vẻ như muốn phản đối . Đã ra đến cầu tàu rồi ở lại sao được .

Rồi con tàu cũng nhỏ neo . Mười ba giờ lên đèn trên sóng nước biển khơi . Con tàu khá lớn chở cả mấy trăm con người , và mấy tấn hàng hóa , vậy mà sóng biển cứ như giỡn người , quăng lên quật xuống , sàng qua , sót lại . Trong đoàn chúng tôi ai cũng say sóng . Có người nhắm nghiền con mắt suốt chuyến đi . Ay vậy mà khi mặt trời ló rạng . Nắng đỏ chan hòa trên boong tàu , thì tất cả mọi người đều lên hết trên boong , mắt hướng về một dải xanh mờ trước mắt : Côn Đảo .

Lần trước ra đảo , tôi bị cuốn hút vào những cuộc tiếp xúc triết miên của tuổi trẻ . Nên chỉ hiểu Côn Đảo giống như bao nhiêu người đã hiểu . Rằng Côn Đảo là một nhà tù khổng lồ . Côn Đảo là địa ngục trần gian . Côn Đảo với hàng vạn chiến sĩ cách mạng đã ngã xuống trước sự tàn bạo của kẻ thù . Côn Đảo là nơi giam giữ nhiều cán bộ cách mạng lão thành của Việt Nam . Và Côn Đảo với những cảnh đẹp ở Đầm Trầu , Hòn cau ... Đại khái là như thế . Nên ra đảo lần này , tôi quyết dành thời gian cho mình , để tìm hiểu kỹ hơn về hòn đảo này .

Tôi nhắc điện thoại kêu anh bạn đồng nghiệp Nguyễn Minh Thủ, trưởng Đài Truyền thanh truyền hình Côn Đảo . Vừa nghe tôi xưng danh , Thủ reo lên :

- Em biết rồi . Anh Chí Thành trong Vũng Tàu điện ra hôm trước . Em ra ngay . Anh ở khách sạn Phi Yến hả . Phòng 113 . Em biết rồi .

Sau cú điện thoại đó , tôi mới thả bước ra đường Tôn Đức Thắng , con đường cặp mé biển , nơi có cầu tàu đón khách từ muôn nơi về thăm Côn Đảo . Tất cả đã khác với cách đây bảy tám , năm . Nghe nói cơn bão số 5 năm nào đã tàn phá toàn bộ con đường này và cả các khách sạn Phi Yến kia . Hôm nay con đường đã thảm bê tông nhựa . Mà lại là đường đôi với hàng cây bàng cổ thụ để đã có hàng trăm năm tuổi . Ở Côn Đảo này đến cả cây bàng cũng có chuyện mà kể . Trong các trại giam ở Côn Đảo này cũng trồng những cây bàng . Ban đầu , lá bàng rụng đầy sân trại giam. Quả bàng cũng rớt đầy trên những lối đi trong trại . Sau này kẻ thù phát hiện ra rằng , lá bàng còn xanh có thể ăn được . Trái bàng lấy về đập ra , nhân của nó ăn béo bùi không khác gì hạt điều . Thế là bọn chúng cho lao dịch quét không để sót lại một chiếc lá , một trái bàng . Một chút gì cần cho sự sống chúng cũng muốt triệt tiêu . Dọc đường còn có những cây sứ khác với những cây sứ ở đất liền . Thân cây cứng cáp . Lá cây nổi cộm lên những đường gân khoẻ mạnh . Những bông sứ màu đỏ , thắm lại dưới cái nắng của sớm mai . Và những cây sứ cũng có đến trăm năm tuổi , vững chãi trước nắng , gió của đất biển .

Đi thêm vài bước chân nữa là đến cầu tàu 914 . Cho đến nay , lịch sử ghi lại rằng con số để gọi tên cầu tàu là con số những người tù chính trị đã bỏ thân ở đây khi xây những cầu tàu này . 914 là 914 chiến sĩ cách mạng hy sinh . Cầu tàu 871 là 871 chiến sĩ cách mạng hy sinh . Cầu tàu 915 là 915 chiến sĩ cách mạng hy sinh . Nhất định không phải là như thế . Kẻ thù coi cái mạng chiến sĩ cách mạng có khác gì mảnh dẻ rách , không lẽ chúng có công đếm từng chiến sĩ cách mạng của chúng ta hy sinh mà đặt tên cho cầu tàu . Còn chiến sĩ cách mạng của chúng ta , lao động khổ sai , nặng nhọc dưới đòn roi . Thấy đồng đội chết là mang chôn , hỏi ai đủ sức mà đếm có bao nhiêu đồng chí mình đã ngã xuống , rồi lấy con số ấy đặt tên cho cầu tàu . Bây giờ những cầu tàu tồn tại

với những con số để làm minh chứng cho cuộc đàn áp tàn khốc của kẻ thù với các chiến sĩ cách mạng , minh chứng cho sự hy sinh của những người cộng sản vững vàng khí tiết . Nhưng nhất định những người đã hy sinh trong chuỗi ngày cực nhọc khổ kia phải có hàng ngàn , và rất có thể là không đếm được . Sóng cứ vỗ vào chân cầu tàu , vào những viên đá , ào ạt và khắc khoải , như muốn nhắc hoài về những ngày khốc liệt kia , nhắc hoài về những hy sinh to lớn của bao người con yêu dấu của đất nước . Tôi đứng lặng trên cầu tàu , mắt cứ dán vào từng viên đá , từng bề xi măng , từng chiếc cọng sắt thò ra sau bao nhiêu năm bị nước biển làm cho sét rỉ . Các đồng chí ơi! Thân xác và máu xương các đồng chí là làm nên những cầu tàu này . Cho đến hôm nay , cầu tàu này nó mới thực cần cho cuộc sống . Đã đến lúc các đồng chí có thể yên nghỉ . Côn Đảo hôm nay đã có thêm cảng Bến Đầm , công sức bỏ ra nhiều lắm , mà không hề có ai chết . Côn Đảo hôm nay có thêm những con đường làm đẹp cho hòn đảo xinh xắn này , cũng không hề có một ai chết . Cả một bờ biển dài như thế được kè bằng đá , được đúc bê tông , cũng chỉ đổ mồ hôi , mà máu xương không hề rơi . Không , không hề có ai chết vì lao động để tạo dựng nên những công trình đang ngày càng mọc nhiều hơn trên Côn Đảo này . Không chỉ có thế : hoa hôm nay trên đảo nhiều hơn , cây trên đảo xanh hơn và nụ cười nhiều hơn trên môi những thiếu nữ , trên môi những em nhỏ , trên môi cả những người sống gần trọn đời người trong thế kỷ trước và vẫn đang còn sống đến thế kỷ này , trên đảo . Lần trước đến đảo , tôi cứ xót xa : Hai mươi vạn sĩ cách mạng đã bị đẩy ra Côn Đảo . Hai vạn người đã ngã xuống . Mới chỉ tìm được chưa đầy hai ngàn liệt sĩ . Mà lúc đó đảo mới chỉ có gần hai ngàn người . Tiếng gọi của hương hồn liệt sĩ cứ văng lên đâu đó trong nghĩa trang Hàng Dương , Hàng Keo , ngoài Hòn Cau , ngoài Cỏ Ống .

Chiều ấy , Nguyễn Minh Thủ đến tìm tôi . Thấy tôi có vẻ trầm uất , Thủ hỏi :

- Sao , người trên đảo đón tiếp anh không tốt hay sao ?

- Đâu có . Rất nồng hậu . Ban quản lý khu di tích Côn Đảo ra tận Bến Đầm đón tụi mình , còn tặng hoa nữa . Mình đang tự hỏi có nên gọi mấy cái cầu tàu kia theo những con số hay không ? Nhắc đến nó đau quá hà .

Thủ kêu lên :

- Này , anh đừng đại dốt nói điều này ra với các cụ cựu tù Côn Đảo nghe . Có một thời gian ở đây người ta đã bàn đến chuyện chỉ giữ lại vài khu đặc trưng để làm di tích tội ác kẻ thù và trường học cách mạng của ta thôi . Phá bỏ đi để xây dựng kinh tế . Nhưng các cụ đấu tranh quyết liệt lắm . Các cụ bảo : mỗi khu có một đặc thù riêng . Chuồng cọp của Mỹ khác , chuồng cọp của Pháp khác . Tại sao Pháp thì gọi là trại nọ trại kia , còn Mỹ thì gọi là trung tâm cải huấn Phú* này , Phú nọ . Để đó , giữ nguyên trạng . Càng lâu càng quý , nó sẽ thành vô giá đó . Ngấm ra các cụ đúng , nên bây giờ tất cả những gì Pháp , Mỹ xây dựng trên đảo còn giữ nguyên đó . Đến cả những chữ " Việt Nam cộng hòa muôn năm " cũng còn để . Hài hước phải không anh . Cái chính quyền đoán thọ đó mà " muôn năm " cái gì chứ . Không tin , mai anh đi tìm các cụ nói chuyện coi .

O

Thủ cho tôi mượn chiếc Futue biển số xanh và cử một cô phóng viên đưa tôi đi tìm những người cựu tù Côn Đảo còn ở trên đảo vào sáng hôm sau . Trong vòng nửa giờ đồng hồ mà kế hoạch của chúng tôi bị vỡ liên tục . Ai cũng có việc vào lúc sớm mai . Phải đến chín giờ sáng , tôi mới gặp được chị Nguyễn Thị Ni ở đường Võ Thị Sáu . Chị người quê ở Gò Công , Tiền Giang bị địch đẩy ra Côn Đảo vào những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước . Ngoài sau mười . Chị có vẻ không được khỏe .

- Các đây mấy ngày , tôi không đứng dậy được , không đi lại được kia . Mới khoẻ lại được đó ?

- Có phải di chứng của những ngày tù tội không chị ? - Tôi hỏi

- Chưa chắc đâu . Ngày xưa lúc đấu tranh , chúng bẻ tay tôi lòi cả cái xương nơi cổ tay này , bây giờ cũng đã hết rồi . Gần ba chục năm rồi còn gì .

- Nhưng chị vẫn còn nhớ ..

- Trời đất . Họa có nhắm mắt xuôi tay mới quên được chú em ơi . Cái hồi chuẩn bị ký kết Hiệp định Pa ri đó . Chúng bắt chị chụp hình , lặn tay . Lại gì chúng nữa . Chúng muốn biến chị em chúng tôi thành tù thường phạm hết để khởi trao trả đó . Chúng tôi đâu có chịu . Chúng nhảy xổ vào chị em chúng tôi , bẻ chân , bẻ tay chúng tôi , kéo ngược mặt lên để chụp hình . Hồi đó toàn cơm gạo hôi , mắm thối , làm gì có sức . Vậy mà chúng chẳng làm gì nổi . Thế là chúng ném lựu đạn cay vào phòng giam . Cái thứ lựu đạn cay khủng khiếp thực . Gặp nó mắt mở chẳng ra , gào không lên tiếng . Sau này tụi tôi mới có kinh nghiệm . Chứa sẵn nước tiểu vào lon Hygo đó . Hễ nó ném lựu đạn cay là lấy nước tiểu xoa lên mặt . Uống một miếng nước tiểu nữa thế là mắt mở được . Miệng tha hồ mà hô "đả đảo " . Không hiểu sao mình gan được như thế chứ .

Quả thực , ngày tôi cũng không thể hình dung ra được người phụ nữ bé nhỏ kia làm sao có thể kháng cự được với đám quan lính súng ống đầy mình ngày đó . Vẫn nụ cười hiền lành , chị bảo tôi :

- Tôi thực không muốn kể lại những chuyện tù đầy ngày ấy nữa . Nhiều khi tôi tự bảo : Những ngày ấy nó giống như ác mộng vậy . Quên được thì quên đi . Nói thì nói vậy thôi , khó quên lắm . Nhưng chú có thấy người ta nhớ chuyện vui nhiều hơn là nhớ những chuyện buồn , chuyện khổ không . Tôi là như vậy đấy . Tháng 3 năm

1974 , tôi được trao trả thao hiệp định Pari . Nghe như thế , nhưng không thể tin được . Lúc chúng chuyển tụi tôi ra sân bay Cỏ Ống tụi tôi bảo nhau : Đừng mang cái gì hết . Đồ thay trên người là được rồi . Mang nhiều , báo chí của chúng rêu rao ở tù Côn Đảo đầy đủ quá , phản tuyên truyền . Thì có cái gì đâu , toàn là thứ không đáng giá gì . Mấy cái khăn thuê trong tù , mấy cái lon Hygo , mấy cái muỗng ... Nhưng biết đâu chúng lợi dụng thì sao . Lên máy bay về Hồ Nai , chúng tôi mỗi người chỉ có một cái gói con con trong đó có mấy cái khăn thuê làm kỷ niệm . Ra đến Hồ Nai rồi , chúng tôi nghe tin tù chính trị không chừng chúng mang đi đổ ra biển . Biết làm gì bây giờ . Minh như cá nằm trên thớt . Mặc xác nó . Nhưng vài ngày sau , chúng lại đưa chúng tôi lên sân bay Lộc Ninh . Bước từ máy bay xuống , thấy anh em bộ đội mình đội mũ có ngôi sao vàng . Nhìn thấy ngôi sao vàng , tôi trào nước mắt . Về được với mẹ hiền rồi . Chúng tôi thường bảo nhau thế . Về với Đảng mà nói là về với mẹ hiền . Hai hàng bộ đội , rồi hai hàng các cháu thiếu niên trên tay là lá cờ giải phóng . Thấy chúng tôi bước xuống , cả đoàn người phía dưới hô vang : " Hoan hô các chiến sĩ cách mạng , từ các lao tù chiến thắng trở về " Những tiếng hoan hô vang trời đất , và chúng tôi nghẹn ngào vừa khóc vừa hô theo .

Chị đưa tay lên , chùi nhẹ những giọt nước mắt sắp lặn trên gò má :

- Tôi đã từng nhận công tác ở Thành phố Hồ Chí Minh , rồi về Tiền Giang công tác . Nhưng cuối cùng tôi lại muốn ra Côn Đảo sống . Ở đây thỉnh thoảng có bạn bè cùng ngồi tù ra , còn được gặp . Ở nơi khác làm sao gặp được . Lúc khỏe , còn tham gia tìm hài cốt liệt sĩ trên đảo . Mới rồi , anh em bên đội quy tập có cho tôi hay ra nhận hài cốt của tám người được chôn chung . Làm sao nhận được . Đành rước những hài cốt ấy về nghĩa trang , chôn cất ở nơi mộ vô danh . Thương lắm chú ơi . Trong số hài cốt ấy có một cái đình một táck còn đóng chắc vào xương sống . Đồng chí ấy chắc là bị chúng đóng đinh vào xương sống mới hy sinh đó .

Một lần nữa tôi lại thấy chị cúi thấp xuống như muốn che đi nét buồn trên gương mặt .

Thực tình tôi chưa muốn chia tay với chị khi chị đang buồn như thế . Tôi gợi chuyện về cái quây tập hóa nhà chị đề hồi về cuộc sống của chị hiện nay . Bán lại rai thôi . Bữa nào khỏe bán sớm , nghỉ muộn . Bữa nào yếu bán muộn , nghỉ sớm . Hai vợ chồng lương hưu hơn một triệu đồng . Con cái không có , làm chi nhiều cho mệt . Lại thêm một nỗi buồn nữa . Tuổi xuân chôn chặt trong tù . Tự do , quá thì mới lấy chồng làm nơi hủ hỉ tuổi già . Chẳng thể sinh con . Càng oán hận thêm những chấn song sắt , những rào kẽm gai , những họng súng và dùi cui của kẻ thù .

Khác với chị , anh Nguyễn Thanh Nhân , một cựu tù khác niềm nở tiếp tôi . Anh nói ngay :

- Cậu viết gì thì viết , nhưng không được nêu tên tôi ra nghe .

Căn nhà của một ông từng là phó chủ tịch huyện đảo này nghèo đến nao lòng cu4ng nằm trên đường Võ Thị Sáu . Một căn nhà nhà nước cấp . Tường đất trát vữa xi măng . Mấy cây cột mỗi một ăn lỗ chỗ . Gian tiếp khách chỉ kê được một cái bàn đá là chật . Có lẽ bây giờ hiếm có một ông từng là phó Chủ tịch huyện có một căn nhà khiêm tốn như thế .

- Tôi không muốn nêu tên vì : Cuộc đấu tranh trong tù ở Côn Đảo này diễn ra hằng ngày . Có những anh còn bắt khuất đến đâu còn chưa kể chuyện mình đâu đến lượt tôi .

Nhưng rồi câu chuyện của anh cuối cùng cũng vẫn dẫn về những ngày cơ cực trong lao tù Côn Đảo kia . Nhưng với anh , tất cả những chuyện ấy giống như chuyện tự nhiên phải vậy . Khi sa vào nanh vuốt của kẻ thù , thì thân con người ta có khác gì con vật . Chúng cho ăn thì được ăn . Chúng bỏ đói phải chịu đói . Đã có lúc chúng bỏ đói đến mười chín ngày . Nhưng khi chúng đồ cơm ngoài cửa bắt phải bốc ăn , nhất định không bốc . Phải giữ được khí tiết . Bởi thế trong tù có cả một chương trình học về bảo vệ khí tiết người Cộng sản . Cứ đến những ngày lễ lớn thế nào chúng cũng đàn áp . Đàn áp , mình vẫn tổ chức kỷ niệm . Muốn chống lại chúng thì phải chuẩn bị dự trữ nước và nuôi cơm mẻ . Chúng bỏ đói thì húp nước lã và mút cơm mẻ mà đấu tranh nữa .

- Cuối cùng , chúng cũng nhốt tôi sang Trại Chuồng bò sau một cuộc đấu tranh quyết liệt . Ở Côn Đảo này , trại nào cũng đổi tên , riêng trại Chuồng bò thì Pháp cũng gọi như thế và Mỹ cũng gọi như thế . Ai cứng đầu , đấu tranh quyết liệt là chúng quăng ra đó . Sống ở đó đến bỏ còn chết hướng là người . Năm đó , chúng tôi chuẩn bị để làm lễ kỷ niệm quốc tế lao động 1-5 tại Chuồng bò thì thấy thằng giám thị đến bảo chúng tôi : Các anh ra đi . Không đòi nào chúng tôi ra . Kinh nghiệm cho biết , đã ra đến Chuồng bò , hễ chúng gọi ra mà bước chân ra là chúng xả súng bắn chết hết . Vì thế chúng tôi kiên quyết không ra . Thằng giám thị bảo chúng tôi : Sài Gòn giải phóng rồi , mời các anh ra và tập trung trại 1 . Chúng tôi vẫn không tin . Chúng phải chờ người đại diện của trại lên trại 1 . Lúc đó chúng tôi mới biết tin chính thức Miền Nam hoàn toàn giải phóng . Có nghĩa là chúng tôi đã thoát khỏi cái địa ngục trần gian Côn Đảo rồi . Chúng tôi thành lập ngay đội bảo vệ đảo . Thoát cái , mọi chuyện đổi thay . Chúng tôi trở thành chủ nhân trên đảo , còn lính tráng của Ngụy quyền Sài Gòn trở thành tù nhân . Có điều chúng tôi không giam chúng trong trại như chúng từng giam chúng tôi . Địa ngục ấy chúng dùng cho chúng tôi , còn chúng ta , chúng ta đâu có cần đến một địa ngục trên trần gian này . Ngay sau đó , tôi ở lại đảo . Tôi là một trong số 156 người tù tình nguyện ở lại đảo . " Các anh phải ở lại bảo vệ đảo " . Đó là mệnh lệnh cuối cùng của Đảng ủy nhà tù Côn Đảo cho chúng tôi . Những ngày đầu còn kể nhiều về Côn Đảo ngục tù . Sau này ít kể hơn .

Mọi chuyện rồi cũng sẽ đi vào dĩ vãng cả . Cả một thế kỷ chiến tranh , là cái gạch nổi trong lịch sử dân tộc mình trước khi đến ngày hòa bình , thống nhất , độc lập . Thì chúng tôi cũng chỉ là cái gạch nổi nhỏ giữa một Côn Đảo địa ngục và Côn Đảo thiên đường hôm nay thôi .

O

Cô bé phóng viên đài Truyền thanh truyền hình Côn Đảo đưa tôi đến nhà phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo , Hoàng Nghĩa Doãn . Ngôi nhà ngay cạnh chợ Côn Đảo . Cũng be bé xinh xinh như bao nhiêu ngôi nhà khác trên đất Côn Đảo này . Phòng khách cũng chỉ đủ sải ba bốn bước chân cho cả bề ngang và bề dọc . Doãn đang cời trần cảm phấn dạy con học toán ngay con đường nhỏ hẹp láng xi măng trước nhà . Tôi làm quen :

- Sao , vẫn cách học của tù Côn Đảo hả ?

Doãn cười hiền lành :

- Ngày xưa các cụ chỉ có mảnh ngói , mảnh sành , vẽ trên nền xi măng trại tù còn học được chữ , học các bài thuốc chữa bệnh , học được cả triết học Mác – Lênin , học cả cắt may . Nay mình dùng đến phấn không bụi , sang quá còn gì .

Cái anh thượng tá quân đội sang làm chính quyền này thực dễ gần . Tôi hỏi có một câu thôi mà anh trả lời cái một là xong . Dân tôi mỗi năm mỗi người nộp ngân sách hơn một triệu đồng . Gần bốn ngàn dân mà nộp ngân sách bốn tỷ đồng . Côn Đảo bây giờ rõ ràng là đẹp hơn . Tất cả những con đường trong thị trấn đều đã láng nhựa . Cảng Bến Đầm nay mai sẽ là cảng trung chuyển quốc tế . Một nhà máy điện công suất ba ngàn ky-lo-oát sắp xây dựng xong để Côn Đảo có điện sáng 24/24 giờ mỗi ngày . Nước đá sản xuất mỗi ngày mười ngàn cây mới đủ cung cấp cho các tàu đánh cá . Cả đảo đã được hưởng nguồn nước sạch . Tất cả quần thể đảo trở thành vườn quốc gia . Ở đây còn có dải san hô phong phú , còn loài cá Dugon , tức là con bò biển , rất hiếm nơi trên thế giới còn .

- Nhưng mà vẫn còn băn khoăn anh ạ . – Doãn tiếp – Côn Đảo còn quá xa với đất liền . Chúng tôi đã có thêm tàu khách Côn Đảo 09 , lớn hơn những tàu trước , như vé cho khách du lịch còn đắt quá , ít thu hút người ra đảo . Xin Chính phủ đã cho xây dựng lại sân bay Cỏ Ống , nhưng đến nay vẫn chưa khởi công . Có sân bay này , chắc người đến Côn Đảo sẽ nhiều hơn . Đảo mới gần với đất liền của Tổ quốc hơn . Ngành du lịch trên đảo mới có một người theo dõi . Vài công ty du lịch đã đến Côn Đảo nhưng mới chỉ có các văn phòng giao dịch mà chưa đầu tư . Ngay cả ngành du lịch của tỉnh Vũng Tàu - Bà Rịa cũng chưa có kế hoạch tham gia du lịch Côn Đảo . Có anh du lịch tham đôi mua cả bãi biển Đầm Trầu , của chúng tôi. Nhưng chúng tôi không chịu . Phải thực nhiều doanh nghiệp du lịch tham gia vào Côn Đảo mới tạo ra sức cạnh tranh . Mà càng cạnh tranh nhiều thì khách du lịch mới đến đảo nhiều hơn . Ngày xưa Côn Đảo là đảo *ngục* , thì nay nhất định Côn Đảo phải là đảo *ngọc* .

Phải thông cảm với nỗi băn khoăn của Hoàng Nghĩa Doãn . Khi đứng trên bờ biển ngóng về đất liền , thấy con sóng cuộn dâng mà ngao ngán . Người trên đảo ngao ngán , thì người muốn ra đảo còn ngao ngán đến đâu . Côn Đảo còn xa lắm . Nhưng hôm nay , cả nước đã biết Côn Đảo là huyện văn hóa đầu tiên của cả nước . Hôm qua , khi gặp tôi Nguyễn Minh Thủ đã khoe chuyện này . Thủ quê đâu đó mãi ngoài miền Trung mà sao anh nói về Côn Đảo với giọng triu mến đến như thế :

- Cuối năm vừa rồi phát hiện có một số quán xá trên đảo có tiếp viên lạ và hoạt động không lành mạnh . – Thủ kể - Thế là có ngay một lệnh trục xuất 63 tiếp viên ra khỏi đảo . Mà thôi nói chuyện ngành khác làm gì , nói chuyện ngành em nè . Trên đảo của tụi em bây giờ dân đã có thể coi hai kênh của truyền hình Việt Nam . Trạm phát trên núi Thánh giá cao hơn sáu trăm mét đã tiếp một kênh của Đài Truyền thành phố Hồ Chí Minh . Nay mai chúng em sẽ tiếp thêm Đài truyền hình Cần Thơ nữa. Bên Cỏ Ống , chỉ có 27 hộ dân , mà chúng em cũng có một trạm phát truyền hình phục vụ nhân dân . Tiếc thực! Có cả những việc bây giờ chúng em làm là vì nhu cầu của lãnh đạo và nhân dân địa phương . Chứ hình như cũng sai nguyên tắc đó . Như chuyện sản xuất chương trình truyền hình chẳng hạn . Nghe đâu Truyền hình Việt Nam và cả Đài tỉnh nữa cũng không cho phép sản xuất chương trình . Với một huyện đảo như thế này mà không làm chương trình riêng thì căng lắm ... Chúng em cứ làm , sai đâu em chịu . Dân cần không làm sao được . Chỉ tiếc , huyện em là huyện của Vũng Tàu – Bà Rịa , mà không làm sao tiếp được sóng Đài tỉnh cho bà con trên đảo coi .

Côn Đảo bây giờ có ba cái không : Không mại dâm , không trộm cắp và không bụi . Thêm vào đó là cây lá xanh tươi . Bờ biển trải dài , biếc xanh và trong veo mặt nước . Nắng chan hòa , gió mát miên man, những con đường rộng phẳng . Thêm vào đó là tiếng cười vui vẻ của những đoàn khách du lịch và những nụ cười mến khách của người Côn Đảo . Vóc dáng một Côn Đảo Thiên đường đang dần hiện ra . Những băn khoăn của Hoàng Nghĩa Doãn , những tiếc nuối Nguyễn Minh Thủ cũng chỉ mong Côn Đảo từ một địa ngục trần gian trong quá khứ , thành một thiên đường trong nay mai .

Rời Côn Đảo cũng vào một ngày biển hơi động . Đứng trên boong tàu , anh bạn phóng viên quay phim Thanh Nhân , một người rất ít nói mà hôm nay cũng lý sự :

- Sóng nước thế này mà các cụ tù Côn Đảo dám làm bè vượt ngục thì kinh khủng thực . Đành rằng giữa cái sống và cái chết phải liều . Nhưng mà , cần thế thôi cũng đáng tuyên dương họ là anh hùng rồi .

Hình như Thanh Nhân nói đúng .

Con tàu Côn Đảo 09 ra khơi , hướng về đất liền . Phía trên cảng Bến Đầm vẫn thấy những bàn tay của những người đưa tiễn mãi không thôi .

12-3-2002

* Phú : Khi Mỹ tiếp quản Côn Đảo , chúng đổi tên các trại thành các trung tâm cải huấn với các tên như Phú Hải , Phú Sơn ...

NGUYỄN ĐỨC THIÊN

Đóa bạch lan trong mây trắng

Nguyễn Thanh Mừng

Trên đỉnh non thiêng Yên Tử, giữa mùa xuân uy nghi và hồn hậu - mùa hành hương về miền phúc địa lừng danh – tôi bấm máy nhắn tin về nhà, ngoài những câu ước truyền thống là cảm thức lịch sử, bằng một dòng cổ điển rằng mãi mãi nước non thánh thiện này hãy còn bên ta. Tôi trầm tĩnh nhưng không giấu được nỗi hào sảng, nói những lời như vậy khi hít thở hương vị và ánh sáng trong sự ứng thuận đầy khoan dung của vùng non nước thiên định đời Trần. Trải vạn dặm đường bay, một vạn mét cao và một triệu mét giờ, từ Phù Cát bay vào Tân Sơn Nhất rồi bay ra Nội Bài, trên chuyến xe tình mơ về Ưông Bí, rừng tùng hầy rất khói sương và bầu trời xiết bao huyền ảo. Chồng gậy trúc trèo qua nghìn nghìn bậc đá, tôi gắng giữ bước chân và hơi thở vững chãi để đúng lúc chính ngọ có thể thông dong ở đỉnh cao này, bên chùa Đồng và giữa mây trắng.

Giữa mây trắng là những nụ cười, của vĩnh hằng và của hữu hạn, của giải thoát và của tục lụy, của siêu hình và của cụ thể, của lịch sử và của hiện tại. Tôi khoan thai cảm lấy sự yên lặng trong trẻo đặt lên môi, như ánh sáng cứu giá của ngôn từ. Ở đó, cơ hồ tôi bắt gặp chính mình, cuộc đối thoại hoà điệu giữa thân và tâm, giữa giây lát và vô biên, giữa hạt bụi và trái đất, giữa khối lượng và năng lượng, giữa chất liệu và mối liên hệ. Trong thinh không vững bền, dường như nụ cười không phải là đặc quyền của chỉ con người mà còn là của cỏ cây, hoa lá, của đá sỏi, của bao sinh linh nương tựa giữa đất trời. Người ta đã ví vùng chóp núi này là đôi cánh én, là đóa hoa sen, là xứ trán voi đầu rồng, những ví von biểu hiện sự ngưỡng mộ, chớ che, nâng đỡ. Nâng đỡ cả cái bờ biển của triệu năm trước, qua cơn địa chấn đã hoá núi, dấu vết trầm tích hầy còn trên đá, chứng nhân là những mảnh san hô và vỏ ốc vỏ sò hoá thạch. Nâng đỡ những trái tim Việt ngàn xưa, rằng đằng sau cuộc chiến thắng oanh liệt huy hoàng, đằng sau khói ầm nộ nức của mùa màng phong vượng, còn cả tiếng thầm thĩ của phận người trong vũ trụ, của lẽ tử sinh, của cuộc dung thông huyền nhiệm. Khát vọng hiểu biết lớn và tình thương lớn được gây dựng tại trung tâm Yên Tử, mái nhà tâm cảm sau cuộc chiến tranh. Đứng ở đây, chân trời góc bể có thể thành giới hạn khi ta phóng tầm mắt ra xa nhưng không thành giới hạn trong ánh mắt soi vào nội tâm của mình.

Chùa Đồng tên chữ là Thiên Trúc, cái tên nguyên thủy từ đất Phật, là ngôi chùa chót vót trong hệ di tích Yên Tử. Lên đến nơi này, một cõi đá, đá to đá nhỏ xếp chồng như chim, như hoa, như linh thú là đã trải qua chùa Suối Tắm, chùa Cầm Thực, chùa Lân, chùa Giải Oan, chùa Hoa Yên, chùa Một Mái, chùa Bảo Sái, chùa Vân Tiêu và các am tháp, đá tượng, cổng trời. Ước Trai đã đề thơ núi Yên Tử: “Nhân miếu đương niên di tích tại – Bạch hào quang lý đồ trùng đồng” (Vua Trần Nhân Tông bảy giờ còn để dấu – Trông ánh hào quang trắng thấy rõ mắt đôi con người). Thật kỳ diệu là Trần Nhân Tông, ông vua thứ ba của triều Trần, với những chiến công hiển hách và với công cuộc tu tập đặc đạo. Người Việt nào mà chẳng nghe tên những hội nghị nức lòng như Diên Hồng và Bình Than hay danh tiếng những tướng lĩnh kiệt xuất Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật... Tất cả đều diễn ra dưới thời ông trị vì, làm nên hai lần chiến thắng Nguyên Mông, uy linh Đại Việt ngàn năm còn sáng chói. Sau mười lăm năm trên ngôi báu rạng rỡ “Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã – Sơn hà thiên cổ điện kim âu” (Thơ Trần Nhân Tông: Xã tắc hai phen bon ngựa đá – Non sông muôn thuở vững âu vàng), ông nhường ngôi cho con, đi chu du khắp hương ấp, sang tận lảng giềng Chiêm Thành, sau vào núi tu hành với pháp hiệu Hương Vân Đại Đầu Đà, trở thành ông tổ thứ nhất của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, được tôn xưng là Điều Ngự Giác Hoàng. Điều lạ lùng là lúc ông còn thơ ấu, khi vua cha Trần Thánh Tông đưa đi hành hương Yên Tử, ông đã có ý định ở lại cùng hạc nội mây ngàn và kinh điển nhà Phật. Vua cha nghe vậy vội đưa về kinh, truyền ngay ngôi báu. Trong năm mươi năm cuộc đời, dù rằng ở chức phận nào, từ thái tử đến hoàng đế, từ thái thượng hoàng đến thiền sư, ông đều thể hiện bản lĩnh tự tại sáng suốt với tính cách phóng khoáng, nhân từ mà sử sách mô tả là “được tinh anh thánh nhân, thuần túy đạo mạo, sắc thái như vàng, thể chất hoàn hảo, thần khí tươi sáng”. Ông chính là cha đẻ của Huyền Trân công chúa, người con dâu xứ Bình Định. Tôi muốn được nhắc những điều trên với niềm

ngưỡng mộ khi được trở về cùng mây trắng rừng tùng, cùng khói sương núi trúc, với một niềm kỳ vọng mãnh liệt của tâm thức. Trên đất nước này, dù tôi ở chốn Bình Định xa xôi, vẫn chìm trong ảo diệu thơ vương của những mối liên hệ nguồn mạch, với ngàn năm hồn Việt. Im lặng trên đá, tôi nới hơi thở của mình với thời gian đã qua và thời gian chưa tới, giữa núi cao trời rộng.

Không có nỗi niềm ấy, tôi không thể mang nỗi thể xác nặng nề của mình lên tới đỉnh núi thiêng. Người bảy tám mươi vẫn tới đích nhưng người chỉ bằng nửa số tuổi ấy có khi vẫn không thể, ấy là điều bình thường trong cuộc hành hương qua nghìn nghìn bậc đá, với đỉnh cao 1068 mét, thời gian lại gói gọn trong ngày. Thường những người tín mộ, hằng năm đều đi, bắt đầu từ tỉnh mơ, tối ngủ ở chùa Bảo Sái nửa chặng đường, sáng mai dậy sớm đi tiếp. Ngày cao điểm núi có thể lên đến vài ba nghìn người, như một xâu chuỗi linh động qua các sườn non, các bậc đá nối tiếp không hề có giây phút thiếu một bàn chân. Nói chung, khát vọng vẫn là ưu thế so với sức vóc. Khi mặt trời chênh chếch về tây, tôi cùng những người bạn đi thơ thần xuống núi trong gió chiều thanh thản, thỉnh thoảng điểm xuyết những hạt mưa xuân tinh trong và ngọt mát. Thấy các cụ già và em bé chào mời, tôi cảm ỉt bó mắng trúc nồn nà rất dễ thương, những trái cà tiên xinh xắn vàng ươm, những lá trà tiên thơm đượm nghe đâu do An Kỳ Sinh, một người tu tiên giờ hoá đá trên sườn núi, là người có công tìm ra chữa bệnh cho nhân gian. Bên cạnh đó, không thể thiếu giò phong lan và một chai rượu mơ óng ả, thỉnh thoảng dừng lại anh em ngửa cổ dốc một ngụm. Tất cả, đó là kỷ niệm Yên Tử, lạ lùng thay, lại hết sức quen thuộc dù lần đầu tiên tôi đặt chân về đây. Tôi cảm nhận Yên Tử như cảm nhận những vần thơ của Trần Nhân Tông, cổ điển lại hiện đại đến không ngờ: “Vạn sự thủy lưu thủy – Bách niên tâm ngữ tâm – ý Lan hoành ngọc dịch – Minh nguyệt mãn hung khâm” (Muôn việc như nước chảy theo nước – Trăm năm riêng lòng nói với lòng – Tựa lan can, cầm ngang sáo ngọc – Trăng sáng đầy ngực và bụng). Dường như ông vua anh hùng và thi sĩ muốn “chiết xuất” từ bước chân và hơi thở của thiên nhiên, chút mật ngọt của vũ trụ, nạp thêm năng lượng cho triều đại, cho trăm họ và cho chính mình.

Tôi từng bừng trong những liên tưởng xa xôi, tận hưởng suối nguồn róc rách trong mát của lịch sử. Trên đường về Bình Định, trời hazy rất xuân trong không khí cả nước đang hướng về kỷ niệm 30 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Trên chiếc Boeing tôi cùng trên ba trăm hành khách, từ Nội Bài vượt hơn nghìn cây số đường không là là đáp xuống Tân Sơn Nhất, bỗng nghe một giọng nữ êm dịu bằng tiếng Việt và tiếng Anh: “Cơ trưởng Nguyễn Thành Trung và phi hành đoàn xin cảm ơn và tạm biệt quý khách...”. Ba mươi năm trước, vào ngày này tháng này, Nguyễn Thành Trung đã có mười giây quý giá để quyết định tách khỏi đội hình bay của không lực cộng hoà, thực thi sứ mệnh trọng đại của người chiến sĩ cách mạng, ném bom vào Dinh Độc Lập. Tôi cũng từng vào Dinh Độc Lập xem chứng tích của tiếng bom Nguyễn Thành Trung, một trong những âm thanh báo hiệu ngày tận thế của chính quyền Sài Gòn mùa xuân 1975. Con đường của anh hùng phi công Nguyễn Thành Trung là con đường ly kỳ. Anh được tổ chức bố trí đi học lái máy bay phản lực ở Mỹ từ 1969 đến 1972, trải qua các căn cứ không quân ở Texas, Louisiana, Mississippi rồi về Biên Hoà trong vai “sĩ quan nguy”. Trong chiến công vang dội dùng máy bay địch phản lực F5E đánh lạc hướng phi đội, 8 giờ 30 sáng 8-4-1975 bay về đánh đòn cảnh cáo lên sào huyệt tổng thống nguy rồi bay ra sân bay Phước Long hạ cánh an toàn. Cùng với bao nhiêu chiến công nối tiếp chiến công của quân và dân ta trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, tiếng bom Nguyễn Thành Trung góp phần làm cho Nguyễn Văn Thiệu và bộ máy của ông ta hết sức hoang mang, đến 21-4-1975 thì buộc phải từ chức và sau đó là ngã rơi nước mắt trên đường lưu vong. Chưa hết, Nguyễn Thành Trung cấp tốc huấn luyện một phi đội bay thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam và ngày 28-4-1975 cất cánh với 5 chiếc A37 từ sân bay Phan Rang vào ném bom Tân Sơn Nhất, làm cho Đại sứ Mỹ Martin cùng bọn tàn quân hết sức hãi hùng, vội vàng cuốn gói tháo chạy trước khi Sài Gòn giải phóng. Và giờ đây, tôi rất cảm động khi đi trên chuyến máy bay mà phi công trưởng tổ bay là vị anh hùng không quân nổi tiếng, hiện là một nhà quản lý kinh tế, nhưng không dứt nỗi đam mê mây trời. Chắc chắn, khi Việt Nam mở đường bay tới Hoa Kỳ, anh sẽ là phi công Việt Nam đầu tiên lái Boeing 777 hạ cánh xuống sân bay San Francisco. Qua sự việc ấy, trong mắt thế giới này, hình ảnh đất nước Việt Nam thời mở cửa sẽ rất giàu ý nghĩa khi người thực hiện là một chứng nhân quan trọng của lịch sử, của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước kiên cường. Bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam trong việc sẵn sàng mở vòng tay bè bạn với năm châu bốn bể, truyền hơi ấm tin cậy trong cộng đồng nhân loại, chắc chắn đã được xác lập từ cội nguồn văn hoá truyền thống, của tự chủ và khoan dung, giữa bản sắc và hội nhập.

Tôi không dứt những suy nghĩ miên man về không gian và thời gian mà mình hằng sống. Trên đỉnh thiêng Yên Tử, dường như không gian đã làm thay một số việc mà lẽ ra, thời gian phải gánh vác. Thời gian, màu nhiệm thay, cũng đã đảm đương một số việc của không gian. Tất cả là sự nối kết của cõi người lam lũ và mơ mộng, của những gì đã có và những gì chưa có nhưng sẽ có, khi mình đi trên mặt đất thơm tho vẫn khôn nguôi hướng về cao xanh đầy ánh sáng, khi mỗi hơi thở bé nhỏ của con người hoà điệu trong hơi thở bao la của vũ trụ. Hoà mình vào thiên nhiên, dung hợp bản thể vào tiến trình, vào dòng chảy là cách người xưa tiếp cận thế giới. Trong thế giới ngày nay, người ta có nhắc đến khái niệm Đạo của vật lý (The Tao of Physics – tác phẩm của Fritjof Capra), một

khám phá về sự tương đồng giữa vật lý hiện đại và đạo học phương Đông, của Kinh Dịch, của Kinh Vệ Đà, của Kinh Hoa Nghiêm, của Đạo Đức Kinh... Tư duy suy luận thực chứng của phương Tây, ngàn năm sau dường như bắt gặp những trực cảm phương Đông cổ đại. Người Việt, bằng cách thức của mình, dường như đã có bản khế ước với bầu trời từ ngàn xưa mà Yên Tử chỉ là một trong những linh ảnh. Với ý nghĩ ấy, từ Yên Tử về Bình Định, trên không trung đầy những hình bóng vừa ngẫu nhiên vừa chủ định, vô cùng tuyệt đẹp của hiện tại, tôi đã khoan thai nói với ngàn năm mây trắng rằng dù ở một tỉnh lẻ xa xôi khuất nẻo, tôi vẫn có tôi giữa mọi không gian và thời gian mang tên cơ thể và linh hồn Việt.

Một đoá bạch lan bỗng nhiên nở sáng trên sân thượng nhà tôi, với sắc màu khô nguyên như ngà như ngọc. Mấy ngày trước, nó hãy còn là một nhánh lá xanh gầy giữa núi rừng Yên Tử, tôi cuộn lại bỏ vào túi xách chu du qua biết mấy bao la của những tầng trời. Vậy mà chỉ qua một đêm tiếp giáp với tro than và không khí Bình Định, tất cả rễ hốt nhiên le lói. Một đêm nữa, vòi hoa tinh trong bập bùng từ nách lá. Đêm thứ ba, ngọn lửa trinh trắng đã hết lòng bùng thức một vũ điệu mê hồn, có cơ từ chối hết mọi diễn đạt của ngôn ngữ trần thế. Vâng, dường như bông hoa nhẹ nhàng bước ra ngoài kinh sách để làm nên hương thơm của đời sống, thứ hương thơm vừa rạng rỡ vừa bí ẩn... Tôi không có ý định nhắc lại cuộc nhún tin từ chóp núi về mái nhà mình để huyền vi hoá thành những cảm ứng và mối liên hệ, dù rằng có nói như vậy thì chắc không hề giảm ý vị nồng nàn cho câu chuyện hành hương qua những ngã đường mây trắng.

NGUYỄN THANH MỪNG

Cleopatra- Nữ Hoàng bác học

Hoàng Xuân Phưởng

Cuối cùng chúng tôi cũng đến được thành phố Alexandria bên bờ Địa Trung Hải, nơi trị vì của nữ hoàng Cleopatra, vị pharaoh cuối cùng của Ai Cập, để cảm nhận đây đó dấu tích “*Lối xưa xe ngựa, hồn thu thảo. Bóng cũ lâu đài, ánh tịch dương*”.

Trong buổi huy hoàng của triều đại Ptolemy, thành phố Alexandria -lấy theo tên của Alexander Đại Đế- là trung tâm tôn giáo chính trị của Ai Cập, một trung tâm thương mại lớn nhất của thế giới, và nổi tiếng hơn cả là một trung tâm khoa học nghệ thuật có một không hai thời bấy giờ. Thành phố được xây dựng từ năm 332tcn, nằm gọn trên dải đất hẹp giữa một bên là biển Địa Trung Hải, bên kia là hồ Mareotis nối vào sông Nile. Thuở xưa cũng như ngày nay: Nắng, sóng và gió là hơi thở của thành phố, trong khi hệ thống các hải cảng –có đến trên chục cảng lớn- là mạch máu nối từ đây đến các thương cảng lớn nhỏ ở châu Á, châu Âu và châu Phi.

Vượt qua cổng Hoa Hồng trên đại lộ El Horreya, người đồng nghiệp của tôi ở Đại học Alexandria cho hay kinh thành cổ đại nằm giữa Cửa Mặt Trời ở phía đông và Cửa Mặt Trăng ở phía tây, được bao quanh bằng bức tường thành xây dựng từ năm 331tcn. Thành phố cổ quay mặt ra phía Cảng Lớn và được án ngữ phía ngoài bởi đảo Pharos. Một bố cục không gian tuyệt đẹp như thế đáp hòn non bộ. Một hình thể phong thủy không thể nào chê với mặt trước là biển mở ra thế giới rộng lớn, sau lưng là hồ cung cấp nước ngọt và lương thực từ các thung lũng sông Nile màu mỡ. Có lẽ thời bấy giờ vịnh Cảng Lớn phía đông nối liền với vịnh Eunostos phía tây và bao lấy Bến Hoàng Gia nằm trong khoảng tháp Cleopatra và mũi Lochias Silsila. Bên ngoài Cảng Eunostos là một bến tàu chiến cổ xưa nằm cạnh doi đất phía tây đảo Pharos.

Xe đưa chúng tôi qua đập Heptasdon nơi ngày nay ngăn cách Cảng Lớn và cảng phía tây để đến đảo Pharos, rồi rẽ tây về phía mũi Ras el Tin để thăm đền Poseidon nơi trước đây đặt bộ chỉ huy tiền tiêu của đạo hải quân hoàng gia. Trong những tia nắng cuối chiều Địa Trung Hải tôi cảm thấy như ở xa xa những chiến thuyền thất trận Arctium (năm 31tcn) đang tuyệt vọng tìm về bến đỗ! Trước mắt họ những tia sáng Hải Đăng không còn le lói, và rồi một bóng đen vĩnh viễn bao trùm đoàn quân. Ngọn Hải Đăng Alexandria đầu tiên đặt ở mồm đông đảo Pharos có chiều cao khoảng 120 mét, được xây dựng từ thế kỷ thứ III trước Công Nguyên dưới thời Ptolemy I Soter sang thời Ptolemy II Philadelphus và tồn tại ở đó cho đến thế kỷ thứ XIV trước khi đổ sụp rơi vào lòng biển. Trong khoảng thời gian 1600 năm đó Hải Đăng Pharos luôn dẫn đường cho tàu thuyền và chiến hạm di chuyển trên biển, ban đêm bằng ngọn lửa, ban ngày bằng tia nắng mặt trời phản chiếu trên kính kim loại mà theo truyền thuyết dân gian thì dưới thời Cleopatra các kính này được thiết kế hội tụ để có thể đốt cháy chiến hạm quân thù.

Thư viện Alexandria cổ đại rất lớn, được xây dựng trong khoảng năm 290tcn bên trong hoàng thành. Về sau người La Mã trưng dụng một phần khuôn viên thư viện để xây trường đua và amphitheatre. Khoảng năm 811 người Ả rập lấy vật liệu phế tích của thư viện và các công trình khác để xây lên đó đoạn tường thành ngăn cách người Do Thái ở phía đông, tập trung giữa khoảng nền lâu đài Cleopatra đến đền Pompey. Sáng kiến thiết lập thư viện gọi là Mouseion nhằm biến Alexandria thành một kinh đô học thuật là của Demetrius Phalereus. Ông này vốn là học trò của Aristotle và được nhà vua Ptolemy I Soter chọn làm người đầu tiên quản thủ thư viện –Bibliophylax-

cho đến năm 283tcn khi Ptolemy II Philadelphus lên ngôi. Đến đời Ptolemy III Euergetes thì Mouseion phát triển rất mạnh và một thư viện thứ hai được thiết lập năm 235tcn tại đền Serapis gần hồ Mareotis.

Thực ra Mouseion là khuôn mẫu đầu tiên của học viện. Nơi đây không chỉ thu thập, sao chép, phân loại và lưu trữ các nguồn tri thức nhân loại, mà còn là nơi hội tụ các nhà trí thức, các học giả từ khắp nơi đến đây học tập, nghiên cứu và làm việc. Thư viện bị đốt cháy lần đầu năm 48tcn khi Ptolemy XIII vây đánh Caesar và Cleopatra, rồi bị tàn phá cướp bóc nhiều lần trong nhiều trăm năm sau đó. Nhưng nhiều tri thức cổ đại lưu giữ tại đó vẫn còn lưu truyền qua các trường phái học thuật xuất thân từ Alexandria. Trong số hàng trăm nhà bác học lớn đã làm việc tại đó có nhà toán học Euclid, nhà vật lý Archimedes (287-212tcn), thi sĩ đồng thời là nhà thiên văn Eratosthenes (275-195tcn) người đã cùng con sự Aristarchus tính toán gần đúng bán kính Trái Đất, nhà sử học Manetho để lại các pho sử liệu đồ sộ về Ai Cập cổ đại, các nhà triết học Theodorus, Hegasias, Antiochus, và nhà thơ Aristophanes người được bổ nhiệm làm Bibliophylax đời thứ tư từ năm 257tcn.

Đặc biệt các trường phái y học Herophilus, Philinus và Heracleides phát triển nhanh chóng, trong đó có những thực nghiệm phẫu thuật trên cơ thể con người. Y thuật Alexandria là một phối hợp giữa những hiểu biết mới nhất của người Hy Lạp với kinh nghiệm truyền thống lâu đời của người Ai Cập. Macellinus trong thế kỷ thứ IV ghi lại rằng “y học mỗi ngày một lớn mạnh, các bác sĩ muốn có thể đứng trang trọng trong ngành học thuật này phải chứng tỏ được rằng họ đã được đào tạo ở Alexandria”. Chính Cleopatra cũng được đào tạo trong môi trường đó để trở thành một nhà y thuật và hóa dược lớn nhất thời đó song song với việc thủ giữ ngai vị nữ hoàng *Cleopatra VII Thea Philopator* từ năm 51 đến 30tcn. Vấn đề không chỉ là các đồn đoán mà được tờ Discovery News đặt ra gần đây khi Okasha el Daly ở Đại học Luân Đôn công bố dữ liệu thu thập được từ các bản thảo trung cổ viết bằng tiếng Ả Rập. Rõ ràng các học giả Ả Rập, vào một lúc nào đó trước khi thư viện hoàn toàn bị tàn phá, đã tiếp cận được các tài liệu trong đó có các bản thảo của riêng Nữ hoàng.

Cuốn *Muruj* do Al Masada viết trước năm 956 là bản sách Ả Rập đầu tiên đề cập đến nữ hoàng Cleopatra như một nhà bác học: “Bà là nhà thông thái, một triết gia, người nâng cao vị thế của các học giả và học hội”. Trái với cung cách khai thác đề tài Nữ hoàng như một con rối chính trị, một huyền thoại sắc đẹp, một người tình quyến rũ của Julius Caesar rồi Marcus Antonus, các nghiên cứu mới đây cho thấy bà là hoa trái kết tinh của một kinh đô học thuật lâu đời. Schwappach còn cho biết chính Nữ hoàng là người bảo trợ đền thờ Hathor ở Dendera, nơi ngày nay phụ nữ vẫn đến đó để được chữa lành cả về thể lý và tinh thần. Với các người Ả Rập, Cleopatra là một thầy thuốc, một nhà hoá dược thiết lập nhiều công thức mỹ phẩm. Các học giả trung cổ Ibn Fatik và Ibn Usaybiah cho rằng bà đã tiến hành khảo sát các giai đoạn phát triển thai nhi từ trong bụng mẹ... Chính những gì mới phát hiện gần đây về vai trò nữ hoàng Cleopatra đang thúc đẩy một phong trào nghiên cứu mới nhằm tìm kiếm các giá trị Ai Cập ở Alexandria.

HOÀNG XUÂN PHƯƠNG

Via Appia- Con đường làm nên đế chế

Hoàng Xuân Phương

Từ giữa các kim tự tháp Ai Cập cổ đại, đoàn chúng tôi trở lại Roma nơi khởi đầu con đường Via Appia. Được xây dựng từ năm 312 trước Công Nguyên bởi vị Censor khiếm thị Appius Claudius, Via Appia là con đường đầu tiên bằng xi-măng lát đá, cũng là con đường khởi nguyên của kỹ thuật xây dựng xa lộ trên thế giới. Con đường lịch sử này xuôi về đông nam đến vùng duyên hải miền tây nước Ý, rồi chuyển sang đông đến các hải cảng Brindisi, Tarent và Bari (H1), lúc bấy giờ đã giúp người La Mã mở cửa ra với phương Đông qua ngã Địa Trung Hải.

Trên thực tế, Via Appia hay kỹ thuật xây dựng xa lộ đã khởi đầu cho những bước đột phá của Cộng hòa La Mã (509-27tcn) dẫn đến phát triển toàn diện trong thời Đế quốc La Mã (27tcn-493). Kể từ đó một mạng lưới giao thông đường bộ được thiết lập trên toàn lãnh thổ rộng lớn, nối liền các *provinciae* –nay là các quốc gia độc lập- trải dài từ châu Âu sang châu Phi và châu Á đến tận Ấn Độ. Có cả thảy 372 con đường với tổng chiều dài lên đến 15.000 dặm, tạo thành một hệ thống lưu thông mà “*mọi con đường đều dẫn đến kinh thành La Mã*”. Điều làm chúng tôi ngạc nhiên là nhiều trong số các con đường đó còn được bảo tồn cho đến ngày nay, thậm chí một số còn được khai thác sử dụng cho đến hết thời đế quốc Đông La Mã là Byzantin (330-1453) sang thời đế chế Ottoman.

Xuất phát từ bức tường thành Servia ở trung tâm kinh thành La Mã rồi băng qua cổng thành Porta Capena, Via Appia chạy về phía nam song song với đại lộ Via Nova (H2). Phải khó khăn lắm tôi mới hiểu được ý cô Ann Alice rằng chúng tôi đang đi trên một xa lộ xưa nhất hành tinh. Chỉ khi đến dặm đường thứ ba –*III Miglio*- tôi mới

nhận ra ở đây có hai con đường song hành: Một con đường cũ gọi là Via Appia Antica được giữ nguyên trạng dành cho khách du lịch, và một con đường mới gọi là Via Appia Nouva được vị Giáo hoàng Pius VI cho xây dựng từ năm 1784, nhờ đó con đường cũ đến nay còn được nguyên vẹn. Hai thế giới xưa và nay, yên tĩnh và ồn ào, xa vắng và hối hả tất bật... chỉ nằm cách nhau có vài chục mét và tiếp tục đồng hành với nhau hàng chục cây số từ Sebastiano đến hồ Albano.

Con đường có chiều dài tổng cộng 563km. Đoạn đầu dài 195km từ Roma đến Napolis được xây dựng nhằm mục đích chuyển quân và tiếp liệu trong cuộc chiến thứ hai giữa liên minh Roma-Capua với người Samnites (323-304tcn). Đoạn đường này thẳng tắp xuyên qua vùng đồi phía nam Roma đến hồ Albano và cánh đồng sinh lầy Pontine rộng lớn, rồi uốn éo theo bờ biển giữa Terracina đến Formia trước khi đến Capua. Để xây dựng con đường khó khăn này người ta đã phải bạt thấp các ngọn đồi, lấp đầy các thung lũng, đắp cao nền đất đầm lầy sụt lún mà ngày nay chúng ta gọi là kỹ thuật highway hay xây dựng xa lộ. Kèm theo đó là vô vàn các hạng mục công trình từ mương hào thoát nước, các cầu cống, các đoạn tường chắn đất... và cả các đài chỉ huy cùng các mốc dặm đường gọi là *Miglio*. Mặt đường tại đây rộng 14 *pies*, khoảng 4,15 mét, được xây bằng các tảng đá basalt to lớn nhẵn bóng kết dính bởi loại xi-măng La Mã gồm vôi và tro núi lửa (H3). Nhiều nơi như ở Villettri mặt đường bằng phẳng đến độ chúng tôi không cảm nhận được xe đang chạy trên mặt đá của một Via Appia hơn 2300 năm tuổi.

Từ dặm đường thứ bảy nghĩa là vượt ra khỏi giao lộ đường vòng thành phố, Via Appia trải ra như những trang sách với bao nhiêu thời kỳ lịch sử in dấu hai bên vệ đường: Từ đài chỉ huy dựng tại Terre in Selci (H4&5) đến các cột đền Hercules, từ lăng tẩm của Quincus Verannius với những hàng vòm cung còn lại của hệ thống ống dẫn nước *aqueduct* đến hàng trăm ngôi mộ La Mã cổ đắp cao như những quả đồi, và cả hình bóng những cây thập tự giá nơi đóng đinh hàng ngàn nô lệ theo sau cuộc nổi dậy của Spartacus. Trong khi viếng thăm nhà thờ Domino Quo Vadis (H6) nổi danh với tác phẩm văn học cùng tên, người hướng dẫn lữ hành đã giải thích cho chúng tôi ý nghĩa của câu "*Venio Romam Iterum Crucifigi*" –đi đến La Mã để chịu đóng đinh- và rồi từ đó Thiên Chúa Giáo lan truyền nhanh chóng theo mọi nẻo đường La Mã.

Lăng mộ Hoàng đế Gallineus được xây dựng ở IX *Miglio* (dặm đường thứ 9). Đây cũng là *Mutatio* đầu tiên nơi mà các người đưa thư thời bấy giờ dừng lại để thay ngựa. Khoảng cách giữa các *Mutatio* hay trạm thư thường từ 10 đến 15km. Thực ra trong suốt thời kỳ khai thác hàng ngàn năm đó, Via Appia và các con đường La Mã khác bao hàm một hệ thống gồm các trại quân và kho tiếp vận lương thực, các trạm giao bưu và lưu chuyển mệnh lệnh hành chánh đến các *provinciae* đồng thời là nơi chăm sóc bệnh nhân và nhà nghỉ cho người cho ngựa, đặc biệt là các thương điểm tạo nên một mạng lưới hữu hiệu lưu thông phân phối hàng hóa trên toàn lãnh thổ rộng lớn của đế quốc. Có thể nói việc xây dựng Via Appia là khởi đầu cho việc hình thành một La Mã thực sự quyền uy và phát triển, cùng với sự giàu có và vinh quang cho đến hàng trăm năm. Tuy rằng lúc đầu con đường chỉ được thiết kế để sử dụng trong một thời gian nhất định với sự duy tu cá nhân và các sắc thuế đánh vào người đi đường.

Ngày thứ năm trong chuyến hành trình, chúng tôi thuyết phục công ty lữ hành kéo dài thời gian để tiếp tục di chuyển trên các con đường La Mã đến tận miền bắc Hy Lạp viếng thăm vị trí khảo cổ đoạn đường 3km ở Komotiti, nằm cách Thassoliniki khoảng 270km về phía đông. Đây là một đoạn của con đường Via Egnatia dài 861km, được xây dựng sau năm 146 trước Công Nguyên, chạy từ bờ biển Adriatic của Albani, băng qua Macedoni và Hy Lạp, rồi đi về hướng đông đến tận Thổ Nhĩ Kỳ. Đoạn đường khai quật có hình hộp rộng khoảng 10 mét, được xây bằng đá tảng với xi-măng vôi-pozzolan, bao gồm hai tường chắn ở hai bên và một dải ngăn cách ở giữa (H7). Các nhà nghiên cứu cho rằng dải ngăn cách được xây dựng nhằm tránh cho các đoàn xe ngựa khỏi đâm vào nhau, vì đây là con đường của các đạo binh La Mã tiến về phương đông, và rồi trở thành một trong các con đường bận rộn nhất vì nối về phía đông vào con đường tơ lụa từ Trung Á và về phía nam với con đường hương liệu từ Ấn Độ và Đông Nam Á.

HOÀNG XUÂN PHƯƠNG

Tam Đảo sương mù

Nguyễn Thanh Mừng

Mùa hè ở Tam Đảo cũng như các điểm nghỉ mát khác trong nước, là mùa có nhiều du khách, kẻ làm lụi người xanh xang, tìm về chốn non linh nước thiêng, hoa cỏ lạ lùng, danh sơn *nức tiếng đất Giao Chỉ* xưa như sách *An Nam chí* đã ghi chép. Dù những cái tên trong thư tịch cổ như am Song Tuyền, am Lưỡng Phong, thang Bộ Vân, cầu Đới Tuyết mà cổ nhân khẳng định là phong cảnh kỳ diệu, ngày nay không ai còn biết ở đâu trong cái xứ có ba ngọn núi bông bênh trong mây: núi Thiên Thị 1378 mét, núi Thạch Bàn 1388 mét và núi Phù Nghĩa 1400

mét. Nhưng có hề chi, giữa cõi trời Nam, người Việt đích thực nào mà chẳng trân trọng những truyền thuyết liên quan đến vua Hùng và liên quan đến những anh hùng hào kiệt giang tay đỡ lấy giang san suốt bốn nghìn năm lịch sử. Nghe nói núi Phù Nghĩa là nơi vợ chồng Lang Liêu đi hái lá dong về gói bánh chưng bánh dày dâng phụ vương, núi Thiên Thị là nơi thờ Trụ Quốc Mẫu Thái phu nhân, vợ Hùng Triệu Vương, mẹ Hùng Nghi Vương. Những sự tích về việc hậu duệ của Hùng Đạo Vương là Trần Nguyên Hãn nghe tiết lộ thiên cơ (Trần Nguyên Hãn thuở hàn vi làm nghề bán dầu, một đêm nghỉ chân nơi đền Quốc Mẫu ở chốn này đã nghe các thần đi hội nghị ở thiên đình về trao đổi với Quốc Mẫu về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn xa xôi rằng Lê Lợi được định đoạt làm vua và Nguyễn Trãi phụ tá, ông bèn băng đường tìm đến giúp rập, sau trở thành khai quốc công thần) hoặc chuyện vua Lê Nhân Tông phong thần núi làm Thanh Sơn đại vương để dâng lễ cầu mưa đã nói lên rất nhiều về sự gắn bó của Tam Đảo trong tâm linh Việt.

Một người bản địa rất tự hào nói với tôi rằng nơi đây chẳng những có bốn mùa trong một ngày mà còn bốn mùa trong một giờ, “*Đà Lạt của xứ Bắc*”, thuận đường thuận sá hơn Sa Pa xa xôi hoặc Mẫu Sơn biên ải. Người bạn nổi khổ Châu Kim và tôi đi lần la qua chợ, qua các dãy phố, lội suối thăm thác Bạc, trèo non lễ đền Mẫu, đền Bà Chúa Thượng Ngàn, trèo đến cả tháp truyền hình cao nhất nơi này, nói chung cũng tự nhận là tương đối chu đáo với chốn nước non nổi tiếng lần đầu đặt chân đến. Ngồi uống bia với hân bên ngã ba cạnh suối Bạc, chúng tôi nảy ra ý định chơi chữ khi nhìn khắp xung quanh toàn những giàn su su. Su su trên sườn núi, su su dưới khe sâu, su su trong vườn biệt thự, su su lan ra bên đường. Chợ quán cũng tràn đầy tiếng chào mời mua ngon su su. Ở đây người ta trồng su su để thu hoạch ngon là chính, thu hoạch quả là thứ yếu. Thứ đặc sản này chẳng những đến với chúng tôi trong từng bữa ăn trong Nhà sáng tác Tam Đảo mà còn đến với khứu giác chúng tôi trong cõi sương mù. Kiếp người nông dân bản địa khổ ải cùng nghề trồng su su đã thấm thấu trong một vẻ đối, khi tôi đã sương sương: “**Kiếp su su giữa cheo leo không yêu ớt, không lanh chanh, cam go tinh táo, lúc quăn quít, lúc la cà, thông phận dây dưa trườn bò mờ mang nơi ghềnh thác**”. Châu Kim không khen không chê, bảo rằng hơi hóc hiểm vì đã sử dụng nhiều từ láy mang tên các loài động thực vật nơi đây, kể ra cũng có tí nghiên cứu, ngoài cây *su su*, *ớt*, *chanh*, *cam*, *táo*, *quít*, *cà*, *thông*, *dưa*, còn có ba con vật là *cheo*, *bò*, *mang*. Nhắm nháp một tí, mười phút sau thấy đàn chuồn chuồn bay lượn sà qua, hân đột ngột xuất chiêu: “**Đời chuồn chuồn trong bí hiểm chẳng vờ vịt, chẳng luống cuống, cóc cần gặt gà, khi bòn chôn, khi rấn ròi, nai lưng hùng hổ bay đậu điều hành cuộc gió mưa**”. Hân quả là nhanh và có tí kiêu bạc khi ngầm ý mô tả cái nghề *văn nghệ văn gừng văn chanh văn ớt* của chúng tôi là *chuồn chuồn* là *rấn* là *nai* là *hổ* là *cóc*, thêm cả *gà*, *vịt*, *cà cuống*, còn gia cố món *bí* món *đậu* món *hành* để đối với *cheo*, *bò*, *mang*. Cũng là các loài động thực vật có sẵn ở nơi này.

Về nhân vật *cóc*, Tam Đảo ngoài có *cậu ông trời* phổ biến đâu cũng có, còn có riêng đặc sản cá cóc (sa đông) sắp tuyệt chủng, được ghi vào sách đỏ. Chúng tôi thú vị với trò chơi của mình và tự nhiên chuyển cuộc bia sang rượu pháo. Ở đây, người ta đựng rượu trong ống tre ngà (trang điểm sặc sỡ), gọi rượu ống, ngoài ra thêm hai bánh xe đặt chênh chếch như khẩu thần công, gọi là rượu pháo. Thực ra, đâu cũng vậy, rượu đã sơn phết quảng bá như thế này thường không ngon bằng thứ đến tận làng, múc ra từ chum lọ hay hứng từng giọt nhỏ tong tong qua đốt trúc. Hình như cả các danh tửu Mẫu Sơn, Bắc Hà, Sán Lùng, Làng Vân, Minh Mạng, Làng Chuồn, Hồng Đào, Gò Đen, Bàu Đá... đều chịu chung số phận này trong hành trình mà người ta hay đúc kết bằng cụm từ quen thuộc là mặt trái của cơ chế thị trường. Tôi có cái dở là ăn không nhiều uống không lắm mà cứ lần thần đi tìm những lò rượu đích thực, nhìn một cái, ngửi một chút, ném một tí tí là coi như rất đã, rất vỗ tay nhất trí! Ngoài chuyện ẩm thực, tôi cũng làm cái chuyện hơi bị đầy bề mờ kim là muốn lặn lội tìm trong 490 loài thực vật và 281 loài động vật những thứ quý hiếm như cá cóc, gà so cổ đỏ... để chụp hình. Nghe nói bên cạnh người Kinh, ở chân núi còn có người Sán Dìu, thường đi rừng lấy mật ong, hái quả hoang và cung cấp gà đồi, lợn mán, mít chuối cho chợ Tam Đảo. Tình cờ lật mục sưu tầm trên số tạp chí văn nghệ địa phương, thấy người Sán Dìu bảo rằng: “*Nim sluy, sli nhót phac va tô, tách cháo vồ – Hồng va tô, tách sì vồ*” (Cây sim nở hoa vào tháng tư, nếu hoa trắng nhiều thì được mùa lúa sớm, nếu hoa đỏ nhiều thì được mùa lúa muộn). Họ còn cho biết những kinh nghiệm, đại loại mặng tre mọc vào tháng chín ta, nếu mọc giữa búi thì rét, mọc bên ngoài thì trời nóng. Họ nhìn con vật, bảo rằng cóc xuống ao, nắng ấm ba ngày, cóc lên bờ, rét bảy ngày hoặc là tổ ong vò vẽ nếu đóng cao thì trời lũ lụt, đóng thấp thì trời hạn hán. Hồi nhỏ, sống ở nhà quê, việc trồng trọt săn bắt trên những sườn non là điều không lạ, bất chợt nghe những câu Sán Dìu đầy hình ảnh gần gũi với mình xưa, tôi rất cảm tình.

Chợ Tam Đảo có nhiều mùi vị của núi rừng lẫn trung du nhưng nhìn những quang gánh lấm láp, tôi chịu không thể phân biệt giữa người Kinh và người dân tộc thiểu số, bởi không tìm ra trang phục cũng như ngôn ngữ đặc trưng để nhận diện. Có chăng, là các thức quần áo thổ cẩm đã thành hàng công nghiệp mà chợ miền núi nào cũng có, không riêng gì Tam Đảo. Ngoài ra, ở đây còn có đàn tơ rưng mini (làm đồ chơi trẻ em) và nhà rông (làm nhà nghỉ), cả hai cái này đã dấy lên tí chút không khí... Tây Nguyên. Dù thẳng bạn Châu Kim vui tính của tôi đã nhắc nhở rằng tôi không phải là nhà dân tộc học và nhiệm vụ chính của tôi là rắc thêm tí hoa mộng lên khung trời

sương mù chứ đừng nên bắt bẻ xét nét thêm ốm người, tôi cũng cứ vương vấn một cách lần thẩn vì những chuyện như thế. Hẳn mua một chai măng chua, ít măng tươi về luộc chấm muối vừng để đưa cay và hẳn bảo rằng mình đang bồi hồi nhớ về mười hộ người Dao xa xưa phải bỏ làng mà đi do thực dân xưa đuổi, giờ không biết lưu lạc phương nào. Hẳn cũng bảo hẳn rất thương cảm những người cần lao bản địa, họ chính là hậu duệ của những phu phen khổ ải từ các tỉnh miền Bắc, bị trưng dụng đi phá đá mở đường, gánh gồng, khênh vác, xây cất khu nghỉ mát cho các quan Tây thời thuộc Pháp. Một trăm năm mươi ngôi biệt thự mọc lên từ 1904 đến 1939 là *làng Tây* đối lập với *làng An Nam* nhà dột cột xiêu tiêu điều mái rạ cách đó không xa. Cái thung lũng rộng khoảng hai cây số vuông quanh co lọt thỏm giữa những dãy núi Tam Đảo trùng điệp hơn 50 cây số chiều dài, bây giờ là thị trấn Tam Đảo sau khi đã làm kiếp làng kiếp xã (hai làng Lan Đình và Sơn Đình), thời Trần thuộc huyện Dương, thời Lê gọi huyện Tam Dương thuộc phủ Đoan Hùng, trấn Sơn Tây, thời Pháp thuộc tỉnh Vĩnh Yên. Sau này, thuộc Vĩnh Phú, khi tách tỉnh thuộc Vĩnh Phúc.

Tam Đảo giữa mùa hè nhưng nắng vàng vẫn hiem hoi. Nó như một thứ đặc sản dễ thương bên cạnh chuối rừng, quýt rừng, mật ong rừng, hoàng vũ lan kiều sa của chốn mệnh danh nước Nhược non Bồng. Nhưng đâu chỉ có thế. Nó như đấng tình quân, hoàng tử cưng của mặt trời, đang bận phiêu du với nghiệp lớn, thỉnh thoảng rũ bụi thiên lý, về ghé thăm người em sương mù đặng đặng gối chiếc chăn đơn, phả chút hơi ấm không bao giờ thừa thãi. Như còn nuối tiếc những cuộc gặp gỡ mộng mị ngắn ngủi ấy, người em sương mù cứ trào dâng, từ các chóp núi sà xuống, từ các rặng cây tỏa ra, bao phủ những con đường, những mái nhà, len lỏi vào các ô cửa sổ. Sương mù cho con người những cái bất ngờ. Có những lúc, trong mây bất ngờ hiện ra một người quen, gần chạm mặt mới nhận rõ. Có người bảo, nếu nhân cách hóa, sứ mệnh hóa những vùng đất, thì Đà Lạt, Bạch Mã, Sa Pa, Mẫu Sơn, Tam Đảo... đích thị là những nàng thơ. Cõi thơ thì luôn luôn gọi nhiều hơn tả, hàm súc để dư ba, dồn nén để miên man, ôm ấp vô biên những màu sắc, âm thanh nhịp điệu của trời. Nàng như một vị thiên sứ lam lũ cùng cõi người mà tiếp âm những rung cảm thần diệu của họ, trao truyền lại cho từng trái tim để sẻ chia, để đồng cảm, để đánh thức những thiên lương. Có phải vì thế mà người xưa đã thần tiên hóa ngôn từ khi nhắc về Tam Đảo, với những hình tượng bông bênh như Chợ Trời, Vườn Tiên, Am Gió, Thang Mây...

Lên Tam Đảo có cái thú lặn lội giữa miền xưa non nước vua Hùng, nhìn ra bốn xung quanh là những địa danh dễ làm lòng ta xao động như Mê Linh, Việt Trì, Ba Vì, ngã ba Hạc, nơi sông Lô hợp lưu với sông Hồng ... Đi trong Tam Đảo sương mù, tất nhiên là bên cạnh những điều thú vị là xiết bao trân trọng đối với thiên nhiên và lịch sử. Thăng cu Cuội, con trai út của tôi, năm nay bước sang năm đầu của bậc trung học, được cho đi nghỉ mát cùng đoàn văn nghệ sĩ Bình Định mười lăm người, lên đây bỗng phát huy năng khiếu thơ ca. Bốn bài thơ nho nhỏ của nó, dù gì cũng chỉ là những rung động thơm thảo của một trái tim non trước đất nước và con người Tam Đảo. Nhưng tôi tin, bằng tâm linh Việt, giữa cõi sương mù nghìn năm mây phủ này, hương vị của cõi nguồn vẫn mãi chờ che cho muôn thế hệ con Rồng cháu Tiên, trong đó có nó. Có một số văn nghệ sĩ An Giang và một số văn nghệ sĩ Hà Nội lên đây giao lưu từ mấy năm trước, bỗng đưa ra ý tưởng rất có thể nơi Au Cơ sinh bọc trứng một trăm con, chính là chốn thiêng liêng kỳ diệu này. Mặc dù trên núi Nghĩa Lĩnh, người ta cũng đã ghi nơi bà Au Cơ sinh trăm con và giếng cổ dùng để tắm, nhưng trong cõi Văn Lang xưa, nếu có ghi thêm Tiên Uyển (Vườn Tiên, giờ đã mất dấu trong cõi vô thường), cũng chẳng hữu tình hay sao? Nó thêm một lần biểu thị lòng yêu mến vô ngần của lớp hậu sinh về tổ tiên, nguồn cội.

Ngày tạm biệt Tam Đảo, chúng tôi ngược về Đất Tổ, lên núi Nghĩa Lĩnh thắp hương cho Đền Hùng. Ngoài trông mây trắng bay, chúng tôi lâng lâng niềm vinh hạnh rằng trong ba vạn sáu ngàn ngày của đời người, mình đã có những ngày thật thơ mộng với Tam Đảo sương mù. Nhấp nhô giữa biển mây là ba ngọn núi, một ngọn lô nhô người nhà trời (bằng đá) hợp chợ, một ngọn có chiếc bàn đá ngồi bàn thế sự, một ngọn vua Hùng thường cử các quan đến cầu việc nghĩa cho giang sơn xã tắc. Bản chất của thiên nhiên là sự nên thơ nên đã gọi cho con người những ý tưởng nhân ái và những ý tưởng nhân ái của con người cũng góp phần chính trong việc nên thơ hóa thiên nhiên.

Bằng chiếc lá dong thơm thảo, thiên nhiên Tam Đảo đã cung cấp cho lịch sử mùi hương vạn thuở. Chẳng biết những đêm ngủ ở Tam Đảo, có ai trong giấc mơ từng gặp ánh mắt hân hoan Lang Liêu, từng nghe âm vang những tiếng trống đồng và tiếng vỗ cánh của loài chim Lạc như giấc mơ của tôi.

Mùa hè 2006

NGUYỄN THANH MỪNG

Nơi ấy bây giờ-phần 1

Võ Đắc Danh

I-TRÍCH MỘT BÀI VIẾT CŨ

Cho đến bây giờ vẫn chưa ai biết được hai chữ Long Điền xuất xứ từ đâu. Kể cả những cụ già cao tuổi nhất trong làng cũng bảo rằng khi các cụ lớn lên thì đã nghe mảnh đất này mang tên ấy. Nhiều người hiểu về Long Điền bằng một khái niệm giản đơn theo từ Hán, tức là mảnh “đất rồng” .

Người ta kể rằng hồi đó Long Điền chiếm toàn bộ phần đất phía Đông huyện Giá Rai có bờ biển chạy dài từ cửa sông Gành Hào lên Vĩnh Mỹ. Dân cư thưa thớt bởi hơn hai phần ba đất đai thuộc rừng rậm, nhiều thú dữ. Vùng đồng bằng tuy nhỏ nhưng rất phì nhiêu do hai tên Huyện Kệ và Phủ Mầu làm chủ. Khoảng đầu thế kỷ XX, có một người Hoa tên Sồn chuyên làm nghề lái đường từ Gia Định về Bạc Liêu, không hiểu duyên cớ vì sao, có lẽ vì tên chủ hãng đường ở Gia Định sơ ý để lộ hũ bạc xuống ghe đường của tên Sồn mà sau chuyển đi ấy, tên Sồn từ giã nghề lái đường. Hắn mua được chức quan huyện và phần đất của Phủ Mầu. Từ đó, những người nông dân thuộc tá điền của Phủ Mầu bỗng dưng “đổi chủ”, trở thành tá điền của huyện Sồn. Mấy năm sau, huyện Sồn qua đời, con rể của hắn là tú tài Cộc lên thừa kế cơ ngơi. Tên chúa đất trẻ tuổi này lại càng ra sức bóc lột nặng nề hơn cả cha vợ.

Dưới hai tầng áp bức của chế độ thực dân, phong kiến, thật khó mà nói hết cái cảnh cơ bần đói khổ của kiếp sống tá điền:

“Bát cơm chan đầy nước mắt
Bây còn giăng khỏi miệng ta
Thằng giặc Tây- thằng chúa đất
Đứa đè cổ – đứa lột da “

Thế nhưng:

“Xiềng xích chúng bây không khóa được
Trời đầy chim và đất đầy hoa
Súng đạn chúng bây không bắn được
Lòng dân ta yêu nước thương nhà “

Tôi có cảm tưởng như những lời thơ ấy của Nguyễn Đình Thi viết dành riêng cho cái làng ven biển nhỏ nhoi này. Là bởi trong ký ức của mỗi người dân Long Điền vẫn còn đọng lại cái khí thế sôi sục của những ngày dùng giáo, dùng gươm, dùng tầm vông vạt nhọn đi đòi lại quyền làm người. Từ mùa thu năm ấy, mảnh đất đã gắn bó với cuộc đời người nông dân bằng tình yêu, có cả nước mắt, mồ hôi và xương máu.

... Anh Năm Phú dẫn tôi bằng qua cánh đồng sang nhà bác Sáu Long. Dù mùa gặt đã xong hơn bốn tháng nay nhưng cả một đồng rạ khô vẫn còn đủ sức chứng minh cho một năm trúng mùa cao sản. Năm Phú say sưa giới thiệu với tôi từng mảnh đất cấy giống lúa gì, mật độ gieo cấy bao nhiêu, năng suất mấy tấn một héc ta, của hộ nào nhận khoán và vượt khoán bao nhiêu... Tôi không ngạc nhiên vì sao đồng chí phó bí thư huyện ủy lại rành rẽ về mảnh đất này như thế. Bởi một lẽ giản đơn anh là bí thư xã Long Điền Đông A trước khi về làm phó bí thư huyện ủy. Nhưng đằng sau cái lẽ giản đơn ấy là cả một bước ngoặt lịch sử của một vùng đất, cũng chính là bước ngoặt của cuộc đời anh.

Tôi nhớ rất rõ vào tháng 3 năm 1982 có một bài báo viết về công tác xây dựng Đảng ở Long Điền Đông A đăng trên báo Minh Hải. Qua bài báo ấy, trường chính trị Châu Văn Đăng lập tức gửi công văn mời đồng chí bí thư xã Long Điền Đông A – tức Năm Phú- lên báo cáo kinh nghiệm về công tác xây dựng đảng bộ cơ sở vững mạnh cho các lớp chính trị của trường.

Người ta nói Năm Phú có công xây dựng Long Điền Đông A thành một tiền đồn kinh tế vững chắc của huyện trọng điểm Giá Rai. Mà điều chính yếu để dư luận quan tâm là Long Điền Đông A đi lên từ một chi bộ bị xếp vào loại yếu.

Đó là năm 1978, Long Điền Đông A tiến quân rầm rộ vào cuộc cách mạng quan hệ sản xuất. Tường sẽ nắm phần thắng trong tay. Ai ngờ đâu, đưa toàn bộ lao động vào hợp tác hóa nhưng không nắm vững cung cách làm ăn, cuối cùng tan rã. Đưa toàn bộ diện tích đất nông nghiệp vào sản xuất hè thu nhưng biện pháp kỹ thuật thì quá kém cỏi. Hai yếu tố ấy cộng lại thành sự đổ vỡ. Đổ vỡ của mùa màng, đời sống, đổ vỡ lòng tin và ý chí từ trong chi bộ đến quần chúng nhân dân. Sau đó người ta thấy những mảnh ruộng bỏ hoang vì một số nông dân bỏ đi làm ăn nơi khác.

Năm Phú sau khi tốt nghiệp trường Nguyễn Ái Quốc trở về thì huyện ủy Giá Rai lại giao cho anh “thực hành” những bài học được bằng hiện trạng Long Điền Đông A. Về mặt tình cảm mà nói. Năm Phú gắn bó với cái làng ven biển này bằng tiếng khóc chào đời của anh, bằng cả máu của người cha và một người anh đã hy sinh. Rồi đến lượt anh, bốn vết thương trên người cũng mang từ mảnh đất này trong những năm đánh Mỹ. Anh hiểu bà con, bạn bè, đồng chí đã từng che chở, sống chết cho nhau để cùng giữ đất. Nhưng bây giờ vì sao họ bỏ đất ra đi? Năm Phú lần dò tìm ra đầu dây của một chùm tơ rối. Cái mảnh đất có lúa, có muối, có biển, có rừng, có hoa màu, cây trái thật trù phú làm sao. Thế mà cái đói cái nghèo quanh năm còn đeo đẳng. Phải chăng vì bao thế hệ đi qua, không ai nghĩ đến chuyện làm giàu mà chỉ làm cho có ăn để lo đánh giặc? Anh nhìn qua mười bảy đảng viên trong chi bộ, hầu hết họ đều bỏ ngõ vì bao năm quen với chiến trường vừa bước sang làm kinh tế. Năm Phú nói với các đồng chí của anh bằng những lời tâm huyết: “Thưa các đồng chí, bằng mọi giá, chúng ta

phải xóa sạch nghèo nàn và lạc hậu! Nhưng xóa bằng cách nào đây ? Chúng ta có ruộng lúa, phải biết làm ra lúa, có ruộng muối phải biết làm ra muối; có bờ biển, phải khai thác cá tôm; có vườn, phải biết trồng hoa màu cây trái, phải biết nuôi cá, nuôi tôm, nuôi gia súc , gia cầm. Nhiệm vụ của mỗi đảng viên chúng ta bây giờ là phải tổ chức cho bà con làm những công việc đó. Tôi đề nghị mỗi đảng viên chúng ta phải là một điển hình cho quần chúng noi theo. Xem đây là một phương châm hành động. Điển hình ở đây là gì? Nghĩa là phải gương mẫu, từ tư cách đạo đức, tác phong sinh hoạt đến cung cách làm ăn, nhất là phải điển hình trên mặt trận lao động sản xuất. Chỉ ủy quyết định sẽ lấy hiệu quả lao động làm thước đo phẩm chất của mỗi đảng viên ...

Khí thế sản xuất của làng ven biển được bật lên từ đó. Năm Phú đích thân đến Viện nghiên cứu cây lúa trường Đại học Cần Thơ, gặp giáo sư Tiến sĩ Võ Tòng Xuân để tìm giống mới và học hỏi các biện pháp thâm canh . Năm ấy cũng là thời điểm phát thẻ đảng viên đợt đầu tiên. Năm Phú đổi giống mới và phát động cho mỗi đảng viên phải đi đầu phong trào thâm canh cây lúa. Anh lấy năng suất lúa làm một trong những tiêu chuẩn đánh giá chất lượng đảng viên để phát thẻ đảng. Kết quả của vụ mùa ấy, 16 đảng viên trong 18 đảng viên của chi bộ đã đạt năng suất từ 5 đến 7 tấn một héc ta . Sự kiện ấy đã diễn ra ngoài sức tưởng tượng của mọi người, vì bao đời qua năng suất lúa ở đây chưa bao giờ mỗi héc ta đạt trên 3 tấn. Sự kiện ấy cũng chính là sức thuyết phục mãnh liệt nhất để bà con Long Điền Đông A bước vào con đường hợp tác hóa bằng tất cả lòng tin và đưa toàn bộ diện tích đất canh tác thành cánh đồng cao sản .

Tháng mười năm 1982 , tức là hơn nửa năm sau khi Năm Phú được trường Đảng mời lên báo cáo kinh nghiệm xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh toàn diện qua một bài báo,, giáo sư tiến sĩ Võ Tòng Xuân dẫn đoàn phóng viên của Đài truyền hình Cần Thơ xuống phỏng vấn cung cách làm ăn của Năm Phú . Lúc chuẩn bị ra đồng, thấy đoàn khách bỏ dép . Năm Phú liền xua tay nói : “ Các đồng chí cứ mang dép tự nhiên. Chúng tôi còn chạy xe đạp đi thăm lúa kia mà !

Tưởng anh nói đùa, nhưng đến lúc ra đồng, chúng tôi mới hiểu đó là điều có thật. Đi qua hàng trăm héc ta , đều có những bờ mầu bằng phẳng, sạch khô, có thể đi bằng xe đạp. Và với hàng trăm héc ta ấy, Năm Phú vẫn thuộc lòng khi nói đến giống lúa, mật độ gieo cấy, lượng bón phân, thậm chí đến tính nết của người nhận khoán ...

Giáo sư Tiến sĩ Võ Tòng Xuân vừa cười tươi, rí tai anh kỹ sư đang khoan đất .

-Khác với những lần chúng ta đi lấy mẫu đất, hôm nay chúng ta lấy được một mẫu người .

Cánh đồng chìm trong ánh nắng chiều rực lên một màu vàng của lúa. Nhìn bốn phía, vườn cây xây thành một màu xanh bao quanh vừa lúa mênh mông .

Chúng tôi trở ra con đường làng từ ấp Bửu Điền II đi ngược lên Bửu Điền I. Hai ấp nằm dọc theo bờ kinh thẳng tắp chạy dài . Một bên là vườn dừa chắn ngang cánh đồng cao sản . Bên kia là ruộng muối nhưng vào mùa mưa thì đồng muối thuộc về thời vụ của cá tôm. Rải rác chỉ còn những tu muối trên bờ đề còn sót lại.

Đồng chí Châu Đông Á, chủ tịch ủy ban xã bây giờ như làm công việc thuyết trình thay cho Năm Phú.

-Nếu các anh đến đây vào những ngày sau tết sẽ thấy vui hơn bởi khí thế làm muối của các tập đoàn . Mấy năm gần đây , năm nào sản lượng muối của xã này cũng chiếm gần năm mươi phần trăm tổng sản lượng muối toàn tỉnh . Cũng bao nhiêu diện tích ấy thôi, nhưng các anh biết không, hồi trước mỗi héc ta chỉ có 5 tấn. Nhưng sau này chúng tôi chỉ đạo cho các tập đoàn đào thêm kinh dẫn nước , mở thêm sân và tăng cường các biện pháp kỹ thuật, bây giờ năng suất lên đến 25 tấn một héc ta . Và cũng chính vì đào thêm kinh dẫn nước mà đồng muối đã thêm một vụ tôm. Bình quân mỗi héc ta thu hoạch gần 500 kg tôm nguyên liệu cộng với 25 tấn muối . Các anh thử tính xem có phải tác đất tác vàng không ?

(Trích bút ký “ Chuyện kể ở một làng ven biển” , Tạp chí Văn nghệ Minh Hải , số đặc biệt 30-4-1985) .

II- NƠI ẤY BÂY GIỜ

Chúng tôi trở lại Long Điền Đông A sau gần ba năm đăng bài viết này. Bây giờ tất cả đã khác đi, tất cả đã đắm chìm trong một bầu không khí căng thẳng, nặng nề trùm lên làng xóm và xóa sạch dấu vết của ba năm về trước. Một cuộc biểu tình rầm rộ hồi cuối năm 1986 đã xảy ra và tới giờ vẫn còn âm ỷ làm đau đầu các nhà lãnh đạo đang thay nhau xuống giải quyết nhưng vẫn chưa có dấu hiệu tốt lành .

Rồi nạn đói tràn xuống trong năm nay, Long Điền Đông A như rơi vào vực thẳm. Mới qua Tết mà gần một ngàn gia đình không còn hạt lúa, nhiều hộ đã bán đất, bán trâu, đợ con hoặc bỏ xứ đi làm thuê ở mướn .

Muối Long Điền một thời nổi tiếng năm nay cũng đành chịu chết. Hàng chục ngàn tấn muối phơi trắng đồng nhưng những người làm muối đành ôm bụng đói vì giá cả rẻ mạt, bán một trăm ký muối chỉ mua được một ký gạo, mà có bán cũng chẳng ai mua. Trong khi đó , cách vài chục cây số ra chợ, muối bán lẻ tám mươi đồng một ký! Cuộc đời của dân làm muối là như vậy. Dường như trời đã dành cho họ một số phận hẩm hiu, qua cái thời bị Nhà nước ép giá, giờ đến lượt bọn tư thương !

Anh Phó chủ tịch xã lật quyển sổ tay, giọng ngạt ngào khi báo cho chúng tôi biết rằng Long Điền Đông A năm nay xuất hiện gần ba trăm hộ thuộc tầng lớp phú nông, họ cho vay rất nặng lãi , một trăm gia lúa thì đến mùa phải trả một trăm tám mươi gia. Ngoài việc cho vay, họ ứng trước lúa, gạo và tiền công lao động làm mùa rẻ mạt cho những người nghèo. Việc ứng trước tiền công cho người lao động không loại trừ một số cán bộ có chức , có

quyền và có tiền ở xã . Đó mới là chuyện đáng xấu hổ .Dường như họ chẳng còn nhớ và chẳng cần nhớ hồi chống Mỹ ai đã nuôi nấng đùm bọc họ ?

Cùng xuất hiện với phú nông là những tên cường hào mới mang thẻ đảng, chuyện bắt bớ đánh đập và ức hiếp quần chúng .

Dẫu tôi không cố tình so sánh , nhưng Long Điền Đông A như cố ý gợi nhớ trong tôi cái thời còn ngồi ở ghé nhà trường với một đề bài thi phân tích những dòng thơ Tố Hữu :

Ôi nhớ những năm nào thuở trước

Xóm làng ta xơ xác héo hon

Nửa đêm thuế thúc trống dồn

Sân đình máu chảy, đường thôn lính đầy .

Ở đây không có tiếng “ trống dồn” nhưng có cảnh đêm đêm loa phóng thanh lạnh lót trong xóm để kêu gọi, kêu xú, hăm dọa và truy tố những người nông dân thiếu thuế và thiếu nợ vật tư nông nghiệp của Nhà nước .

Lần theo tiếng loa thông báo khai trừ ông Bảy Thân ra khỏi Đảng với những tội danh: ông đã đồng tình với cuộc biểu tình, cho rằng biểu tình là đúng, quan hệ với một số phần tử xấu chống lại chủ trương Nhà nước, và những tội khác như : thuốc chết hai con heo của công an, không đóng thuế công thương nghiệp, bỏ họp Đảng ủy để đi đánh bài... Chúng tôi tìm đến nhà ông Bảy Thân vào một buổi tối, bà Bảy đang đau nặng nằm rên rỉ trên giường, Còn ông Bảy Thân thì ngồi thở hổn hển , có lẽ vì đang bức tức chiếc loa trên đầu xóm cứ dội vào tai ông .

-Cho tụi bây cứ phát thanh đi- ông nói , miệng chửi thẻ lập bập- Nhưng đồ cha thằng nào dám vào đây thu hồi thẻ đảng của tao, tao chém lã đầu !

Bà bảy vừa ôm bụng rên , vừa năn nỉ :

-Thôi đi ông ! Nóng nảy làm gì .

-Không nóng sau đờ ọc, bảy mươi tuổi đầu rồi , hồi tôi đi làm cách mạng tụi nó chưa đẻ, giờ nó muốn làm ông làm cha.

Nói đoạn, ông Bảy quay sang rót nước mời chúng tôi, giọng có phần dịu hơn : “ sống ở cái đảng bộ này , a dua theo tụi nó thì không được , còn đấu tranh cũng không được ,riết mình mang bệnh tức cũng chết! Mấy chú thử nghĩ, có cái nguyên tắc nào mà khai trừ một đảng viên ra khỏi đảng lại đem phát loa thông báo trong toàn xã như vậy không ? Tôi biết, tụi nó làm vậy là để gây hoang mang cho quần chúng , để họ thấy rằng tôi ủng hộ cuộc biểu tình của họ thì số phận tôi ra thế đó ! Thật là mĩa mai, thật là đầy mâu thuẫn! Nếu biểu tình là sai thì tại sao họ cách chức Chủ tịch huyện, chủ tịch xã và tổ chức mít tinh nhận lỗi với dân” ?

Ông Bảy dừng một lúc rồi tiếp:

-Tôi khẳng định cuộc biểu tình ấy đúng. Đúng là vì cuộc biểu tình ấy xảy ra không phải chỉ vì chuyện bắt bớ vợ chồng Bảy Liên Xô mà là chuyện tức nước vỡ bờ của bao nhiêu vụ việc. Một sự bùng nổ của bao nhiêu nỗi uất ức bị dồn nén, hơn nữa , dân ở đây có truyền thống biểu tình từ thời kỳ đấu tranh trực diện chống Mỹ Ngụy. Ai dạy họ biểu tình ? Vậy thì bây giờ họ biểu tình để chống đàn áp bất công thì tại sao cho họ tầm bậy? Tôi về hưu, sống ngay trước cái ủy ban xã này, làm nhân chứng cho bao nhiêu chuyện gai mắt chướng tai. Mấy chú thử nghĩ xem, bà Tám Ngân mẹ của hai liệt sĩ, nhà nghèo như ổ chuột, ông chồng đi làm mướn quanh năm, vậy mà chính quyền có lo được gì cho bà. Ngược lại , năm nào bà cũng làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước . Năm kia bà bị thất mùa, làm mười sáu công ruộng chỉ được một trăm ba mươi gia lúa .Thu hoạch xong có vô bờ được hột nào đâu, vì đóng thuế và trả nợ phân cho Nhà nước hết một trăm mười gia, còn hai mươi gia để giống, coi như trắng tay, lỗ công cày, công cấy, công gặt, công làm ra lúa hột, công phơi nắng dầm mưa ...Bả chờ một trăm mười gia ra nhập kho, thằng thủ kho chê lúa chưa khô, không chịu nhập. Bả năn nỉ: “Chú thông cảm cho nhập đi rồi tôi biểu chú chút đỉnh tiền cà phê “ .Nó đồng ý cho nhập , nhưng với điều kiện mỗi một trăm ký phải trừ hai ký. Trừ qua cán lại cuối cùng mất của bà chín gia. Vậy mà có yên đâu, bả về ngày trước thì chiều ngày sau xã ký giấy cho công an qua mời bả. Bả năn nỉ :“ Mấy chú về đi, tối nay tôi đi vay tiền, tám giờ sáng mai tôi lên trả đủ cho chó gì. Một trăm gia tôi còn trả được, có chín gia không lẽ tôi giựt của Nhà nước sao? Một hai nó bảo bà phải đi, bả không đi, nó bắn ba phát súng báo động, lập tức hai thằng khác nhào vô xóc nách bả lôi đi, rách nát hai tay áo và chảy máu hai đầu gối. Đến lúc làng xóm kéo đến phản đối, can ra , chúng mới chịu thôi .sáng hôm sau bả mang hai tấm bằng Tổ quốc ghi công lên trả cho ủy ban xã, bả khóc ròng nói : “ các ông đã đối xử với tôi như vậy , thì từ đây về sau đừng kể tôi là mẹ liệt sĩ nữa, tôi tủi thân lắm !” .

Hớp một miếng nước, ông Bảy kể lại :

-Còn ông Ba Xén, cũng trạc tuổi với tôi , cũng gia đình liệt sĩ, là xã viên hợp tác xã Quyết Thắng. Ông mang vô hợp tác xã nông nghiệp mười tám công ruộng , làm ba năm không khá nổi, phần bắt bớ vì những kiểu làm ăn bất chính, ông xin ra, Ban chủ nhiệm đồng ý cho ông ra nhưng chỉ cho ông mang ra nửa số đất. Ông không chịu, làm đơn đi kiện lên cấp trên . Một hôm , ủy ban xã mời ông lên giải quyết, họ lập biên bản buộc ông ký bàn giao cho hợp tác xã phân nửa số đất . Ông không ký và bỏ ra về, lập tức trưởng công an xã ra lệnh “ Lực lượng đâu, trói lại !” . Chúng nhào vô trói thúc ké ông lại và lôi ngược qua cầu khỉ, giam mấy ngày .

Khi thấy chúng lôi ngược ông Ba Xén qua cầu khỉ, tôi la : “ Tụi bây là chính quyền cách mạng hay đế quốc

? Cái cầu khỉ như vậy tao bắt tụi bây đi ngược thử coi tụi bây có đi được không “? Sáu Thành , chủ tịch xã quát vào mặt tôi : “ Ông cầm đi, ông biết gì mà chen vào ?”

Lại mấy ngày sau một sự việc diễn ra ngay trước cửa nhà tôi . Thằng Sáu Thành, chủ tịch xã nhậu say, gặp con Xuân con gái ông Chín Ty đi qua đường , hấn nhào đến ôm người ta , con nhỏ hốt hoảng bỏ chạy. Hấn ra lệnh cho du kích : “ Tụi bây rượt bắt con nhỏ tình báo ấy nhốt lại!”! Mấy thằng du kích không dám cãi lệnh, mà bắt cũng không dám bắt, nên giả vờ rượt. Con nhỏ chạy mất . Hấn nổi khùng nhào vô xã đội đánh bà già đang bị giam vì có con trốn nghĩa vụ . Hấn đánh mấy bạt tai, cũng may là có người can kịp ...

Câu chuyện của ông Bảy Thân vẫn chưa kết thúc nhưng giọng ông bị lẫn chìm trong tiếng loa phóng thanh thông báo khai trừ ông ra khỏi Đảng mỗi lúc một gần. Chúng tôi rời khỏi nhà ông, men theo con đường ra đê biển. Đêm xuống, làng xóm vắng tanh, chỉ có tiếng loa phóng thanh kêu gọi, kêu xầu và hăm dọa những người thiếu thốn.

III-TIN CỦA MỘT ĐÀI NƯỚC NGOÀI

Cuối năm 1986, một đài phát thanh nước ngoài đưa tin: ngày 21 tháng 12 năm 1986, tại xã Long Điền Đông A, tỉnh Minh Hải, hàng trăm nông dân đã kéo biểu tình đến tỉnh lỵ để phản đối sự đối xử bất công của chính quyền địa phương .

Bản tin của đài phát thanh nước ngoài này làm cho các nhà lãnh đạo ở đây nhận định rằng cuộc biểu tình ở Long Điền Đông A là do bàn tay kẻ địch, vì chỉ có kẻ địch nhúng tay vào nên tin tức mới đi quá nhanh như vậy . Và cũng chính vì nhận định ấy mà kẻ địch nào đó bị đổ lỗi thay cho những người trực tiếp gây ra .

Từ ấy đến nay, Long Điền Đông A trở thành đối tượng nghiên cứu của an ninh chính trị, và dần dần nó trở thành một cái tên gọi khá hấp dẫn ; “ Sự kiện Bảy Liên Xô “ .

IV-SỰ KIỆN BẢY LIÊN XÔ LÀ GÌ ?

Người ta kể về ông Bảy Liên Xô như một tên phiến loạn đang cầm đầu nhóm nông dân chống lại chủ trương Nhà nước và có âm mưu lật đổ chính quyền , rằng ở Long Điền Đông A hiện nay ai muốn trả nợ cho Nhà nước đều phải hỏi ý kiến ông Bảy Liên Xô, rằng tổ chức của Bảy Liên Xô hiện nay đang ráo riết trang bị vũ khí và quyn tiền để lập quĩ .

Đồng chí Tư Chuẩn, phó bí thư huyện ủy Giá Rai cũng kể với chúng tôi như vậy. Và anh nhận định thêm:

-Sau lưng Bảy Liên Xô là bàn tay kẻ địch, bên cạnh hẳn là một số tên lưu manh và tề nguỵ cũ, trong đó có tên Sũn là tình báo. Nhưng cái nguy hiểm nhất của tên Bảy Liên Xô là hẳn tập hợp rất đông đảo gia đình liệt sĩ và nông dân nghèo để chống lại ta .

Anh Sáu Hải, trưởng công an huyện thì tỏ ra thận trọng hơn :

-Đây là một dạng hoạt động rất kỳ lạ. Chúng tôi nghiên cứu mãi mà chưa tìm ra cái tên của tổ chức này là gì !

Nghe qua, chúng tôi vừa thấy hấp dẫn, vừa thấy kỳ cục, muốn bay nhanh đến cái “ căn cứ “ ấy để xem vị thủ lĩnh của những người nông dân này ra sao .

Khi chúng tôi chuẩn bị lên đường , anh Châu Đông Á , nguyên là chủ tịch xã Long Điền Đông A , hiện là phó phòng nông nghiệp huyện có vẻ dò xét hỏi :

-Mày định vô xã làm gì ?

Tôi thành thật trả lời :

-Tôi muốn gặp ông Bảy Liên Xô 1

-Mày gặp ông làm gì? Anh có vẻ hơi sững sốt .

-Thì cũng cần phải gặp chứ anh, nghề nghiệp mà !

Xe của huyện ủy đưa chúng tôi lên xóm Lung, từ đó chúng tôi quá giang xuống máy vào xã chừng hơn mười cây số. Lúc ấy, trời đã tối. Chúng tôi phải lần mò từ đầu kinh qua mấy chiếc cầu khỉ mới đến nhà ông Bảy Liên Xô .

Những ấn tượng ban đầu qua báo cáo của anh Tư Chuẩn và Sáu Hải làm cho chúng tôi dè dặt và tự nhiên có một linh cảm không lành trước đêm đen đang bủa vây trên xóm nhà thừa thớt, leo lét những ngọn đèn dầu và tất cả chìm trong im lặng. Tôi bắt đầu nghe sợ, cái sợ hãi khác thường không giống bất kỳ sự sợ hãi nào mà tôi đã trải qua .

Đứng trước cửa nhà ông Bảy Liên Xô, tôi hồi hộp gõ nhẹ cánh cửa:

-Chú Bảy ơi ! Chú Bảy !

Bỗng đứng trong nhà vụt tắt đèn và im lặng . Mặc cho tôi gọi rất lâu, cũng chẳng ai lên tiếng .

Tôi bỗng nghe xương sống mình ớn lạnh và cặp giò hơi run, Tôi chợt nhớ cái vẻ sững sốt của anh Đông Á hồi chiều. Hay là anh ta sợ mình đi vào vùng nguy hiểm chẳng ?

Tôi khều nhẹ ba người bạn đồng nghiệp, đi vòng lại nhà bên cách đó chừng ba trăm mét, gặp chị chủ nhà ngồi trước cửa . Tôi tự giới thiệu :

-Chúng tôi là phóng viên báo chí , muốn gặp chú Bảy Liên Xô , nhưng gọi cửa hoài không ai lên tiếng. Nhờ chị giúp chúng tôi ...

Chị chủ nhà nhìn tôi dò xét và ngập ngừng :

-Tôi ... không biết, các anh chờ chồng tôi về . Rồi chị quay sang bảo con . -Con chạy ra quán gọi ba về có khách !

Thật là kỳ lạ. Tôi có cảm giác như hồi chiến tranh, hễ giặc đi càn vào vùng giải phóng, khi chúng tôi hỏi bất cứ điều gì quan trọng thì đàn bà và trẻ con đều trả lời rằng : “ Tôi không biết !” .

Chúng tôi xin miếng nước uống và ngồi đợi. Khoảng mười phút sau, anh chủ nhà về đến, nét mặt có vẻ bức bối và cau có :

-Các anh tìm dưỡng năm tôi có chuyện gì ? Ông không có nhà .

Trước thái độ của anh chủ nhà, tôi bị hổng hột nên đâm ra ấp úng :

-Dạ, chúng tôi là phóng viên báo chí , muốn gặp chú Bảy Liên Xô để hỏi thăm chuyện lúa, phân và chuyện biểu tình năm ngoái .

-Các anh có tìm hiểu cũng không giải quyết được gì đâu, mất công lắm. Hết đoàn này tới đoàn khác, cứ tìm hiểu, tìm hiểu mà không giải quyết được cái con khỉ gì hết. Ông Sáu Kiên vô đây tìm hiểu mấy tháng rồi có giải quyết được gì đâu , giờ các anh tìm hiểu làm gì ?

Và anh bắt đầu chửi bới , lôi ra bao nhiêu chuyện phiền toái, bắt công đã trút xuống làng xóm, gia đình, họ hàng thân tộc anh hơn một năm qua.

Chúng tôi chỉ ngồi im lặng, và sự im lặng ấy dường như làm anh chủ nhà ân hận về thái độ của mình. Anh bắt đầu dịu giọng :

-Các anh là nhà báo. Tức là chung cánh với ông Sáu Kiên chứ gì ?

-Không-người bạn tôi trả lời- Sáu Kiên là giám đốc Sở văn hóa, khác với chúng tôi!

-Vậy mà tôi tưởng... xin lỗi , nãy giờ tôi hơi hằn học không đúng chỗ.

-Nhưng nếu chúng tôi là cánh Sáu Kiên thì có gì làm anh hằn học dữ vậy?

-Có chứ, Sáu Kiên vô đây chỉ đạo phát loa nói xấu gia đình thân tộc tôi, xúc phạm đến ông nội tôi, làm chia rẽ bà con họ hàng tôi .

-Xin lỗi, chúng tôi chưa được biết tên anh ?

-Tôi thứ hai, tên Hiệp. Tôi kêu vợ ông Bảy Liên Xô bằng cô, kêu Năm Phú bằng cậu. Nói thật các anh thương, trong vụ tranh chấp lúa phân này, tôi khổ lắm. Bên nào cũng ruột thịt cả. Thân tộc tôi, bên nội bên ngoại, tất cả có 48 liệt sĩ, giờ chia rẽ thù ghét nhau, cũng vì chuyện phân,lúa.

Hai Hiệp kể:

Hồi cuối năm 1985, cậu Năm Phú,cậu ruột của tôi,thường trực huyện ủy Giá rai về thăm nhà, đã phổ biến với gia đình và một số bà con trong xóm rằng năm nay huyện giải quyết số phân tồn kho, bán bằng tiền cho vài xã có thành tích huy động lương thực, giá mỗi ký năm đồng .

Cậu động viên bà con nên đi mua sớm,để qua tết hết số phân tồn kho,phân mới nhập về sẽ bán bằng lúa.Năm Phú còn bày thêm rằng: bà con chuẩn bị mỗi nhà nuôi một con heo, đến cuối mùa bán heo trả tiền cho Nhà nước, còn lúa để lại ăn ...

Mặc dù lúc bấy giờ giá năm đồng một ký phân, tính ra cao hơn ba ký lúa, và nhận phân trước Tết , để tới mùa sẽ bị hao hụt , song người nông dân sau khi tính lời tính lỗ họ nghĩ rằng trả bằng tiền thì có nhiều cách để trả, hoặc lúc ấy lúa trên thị trường lên giá, họ bán lúa trả vẫn lời hơn. Đối với họ, một ký phân đổi ba ký lúa, một cái giá cắt cổ mà họ đã cam chịu gần chục năm qua. Những năm thất mùa họ đã phui tay sau khi trả nợ phân và đóng thuế cho Nhà nước. Nhiều người không đủ lúa trả phải đi vay .

Thế là các tập đoàn trưởng ùn ùn đi làm thủ tục ra huyện nhận phân.Đến huyện , họ gặp ông Sáu Danh, phó phòng nông nghiệp và ông Chín Việt, phó Giám đốc Cty vật tư nông nghiệp cũng động viên và giải thích: Phân bán bằng tiền sao các anh không mua về rải cho đã tay một năm. Cứ nhận đi, khi nào được thông báo thì các anh làm thủ tục ra ngân hàng vay tiền trả cho công ty. Một ký năm đồng, lãi hai lai, tức năm đồng hai .”

Trong bằng hợp đồng ứng trước vật tư năm ấy cũng chỉ ghi rõ lượng phân còn cọt “số lúa phải trả “ thì trống, kèm theo bằng hợp đồng là hóa đơn kiêm phiếu xuất kho ghi giá mỗi ký năm đồng và tổng số tiền phải trả.

Thế là họ yên chí, các tập đoàn trưởng khi chia phân cho từng hộ tập đoàn viên cũng chỉ phổ biến một câu ngắn gọn: giá mỗi ký năm đồng, tới mùa lãi hai lai, tức năm đồng hai. Có thể nói, bao nhiêu năm qua, với giá một ký phân đổi ba ký lúa, người nông dân chưa bao giờ dám bón cho một công ruộng quá hai mươi ký phân. Vậy mà năm ấy, có người bón một công từ ba mươi đến năm mươi ký. Được Nhà nước “ chơi đẹp” một năm , đại gì không bón cho đã tay !

Nhưng rồi cuối năm 1986, khi vụ mùa thu hoạch xong, lúa vô bồ, bà con thở phào nhẹ nhõm nghĩ mình sẽ ăn gọn được một vụ mùa và họ rủ nhau đi bán heo để trả nợ phân thì dùng một cái, họ nhận được giấy báo nợ đòi một ký phân bằng ba ký lúa .

-Thế này là thế nào ? mấy ông thấy lúa lên giá rồi bẻ chĩa phải không?

Người ta la àm lên như vậy. Cuộc huy động lương thực diễn ra gặp phải sự phản ứng quyết liệt. Xã báo cáo về huyện, huyện phân công đồng chí Nguyễn Tấn Lực, chủ tịch ủy ban huyện dẫn theo một lực lượng công

an hùng hậu xuống Long Điền Đông A. Họ đi đến đâu, còng số 8 treo trên đầu súng AK khua lắc cắc. Hễ ai chống đối, đòi trả một ký phân năm đồng sẽ bị còng ngay lập tức.

Chủ tịch huyện họp dân và tuyên bố:

Trong 23 xã và 3 thị trấn của huyện này, chưa ai ăn ngược nói ngạo bằng dân Long Điền Đông A. Ai bán cho các anh một ký phân năm đồng? Tại sao Đảng nói các anh không nghe mà các anh lại nghe tin xuống ghe?

Một số tập đoàn trưởng cãi lại:

-Chính Năm Phú, Sáu Danh, Sáu Việt và Đông Á nói như vậy!

-Văn bản đâu? Chủ tịch huyện hỏi.

Các tập đoàn trưởng mang hợp đồng kinh tế ra:

-Đây, chứng từ ghi rõ một ký năm đồng!

Cuộc cãi vã cứ diễn ra. Chủ tịch xã Châu Đông Á thảo một công văn gửi xuống các tập đoàn sản xuất để đính chính lại rằng: Đầu năm 1986 huyện ủy và ủy ban nhân dân huyện có bàn bạc chuyện bán phân bằng tiền nhưng chưa nhất trí. Khuyết điểm này là do Công ty vật tư nông nghiệp huyện không thông báo kịp thời từ đầu vụ để các tập đoàn đi làm lại hợp đồng. Công ty vật tư nông nghiệp đã nhận thiếu sót với ủy ban xã. Nay thông báo chính thức, yêu cầu bà con chấp hành chủ trương chung, trả một ký phân bằng ba ký lúa "...

Sau công văn ấy, ủy ban huyện rút Châu Đông Á về huyện làm phó phòng nông nghiệp. Sáu Danh và Chính Việt lần lượt cũng được chuyển đi khỏi phòng nông nghiệp và Công ty vật tư.

Những ngày trung tuần tháng 12-1986, chiến dịch huy động lương thực ở Long Điền Đông A diễn ra như một trận càn phối hợp giữa ba lực lượng công an huyện, công an xã và du kích xã dưới sự chỉ đạo trực tiếp của chủ tịch huyện Nguyễn Tấn Lực. Họ đi đến đâu thì cảnh bắt bớ diễn ra đến đó. Trong vòng sáu ngày đã có tám người bị bắt giam trên xã. Mỗi cuộc bắt bớ đều có xô xát xảy ra. Có chị mới sanh chưa đầy tháng cũng bị lôi kéo rách quần rách áo. Người ta để nguyên hình hài rách rưới như vậy kéo lên xã. Từ các ấp Vĩnh Điền, Bửu Đông, những đoàn người rầm rập kéo lên. Từ xã, lực lượng công an chạy xuống. Họ căng hàng ngang chia súng vào đoàn người. Họ cắt sẵn những bó dây chuối để thành đống dưới chân. Nhưng có lẽ họ cảm thấy không thể trói cùng một lúc bảy tám chục người nên bèn thương lượng và trả tự do cho những người bị bắt.

Trước sự xung đột càng gay gắt diễn ra, ngày 18 tháng 12 ông Bảy Liên Xô cùng vài người trong xóm rủ nhau lên ủy ban nhân dân tỉnh để phản ánh và khiếu nại vì sao huyện bán phân cho họ bằng tiền, nhưng cuối mùa lại đói lúa. Đến ủy ban tỉnh không được ai tiếp, họ kéo sang Hội đồng trọng tài kinh tế. Sau khi xem xong các văn bản hợp đồng mua bán vật tư, ông trọng tài kinh tế trả lời:

-Chuyện này có lẽ do lúa bị trượt giá nên mấy ông huyện tính lại cho hợp lý. Các anh về đi, ngày 23 tới, tôi sẽ cho người xuống xác minh rồi giải quyết sau!

Ngày 19 họ trở về và thông báo với bà con rằng ngày 23 trọng tài kinh tế xuống giải quyết.

Khoảng 8 giờ sáng ngày 21, bất ngờ ông Bảy Liên Xô thấy một lực lượng công an và bộ đội từ ba bên bốn phía kéo đến bao vây nhà ông. Họ đọc lệnh bắt ông về tội vận động quần chúng chống lại chủ trương Nhà nước. Bà Bảy Liên Xô bước ra ngăn cản. Cuộc bắt bớ trở thành xô xát, ẩu đã lẫn nhau. Súng nổ. Hàng trăm đồng bào kéo đến giành giựt với công an. Bên này lôi đi, bên kia kéo lại. Bà Hai Giáp, chị vợ ông Bảy Liên Xô bị đánh, bị xô chết giắc. Bà Bảy Vịnh, mẹ vợ ông Bảy Liên Xô gần tám mươi tuổi bị công an ném lên bụi bông giấy, rách áo, xước da, chảy máu. Bà Bảy Liên Xô bị lôi tuột hết quần áo và bị trói bứt một vòng da trên hai cánh tay.

Cuối cùng, công an cũng bắt được ông Bảy Liên Xô về huyện, bà con tổ chức ngay cuộc biểu tình trên tám mươi người. Họ dùng ghe chõ bà Hai Giáp và bà Bảy Liên Xô lên Bạc Liêu. Đến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, họ vừa đi vừa hô khẩu hiệu: "Đả đảo chính quyền áp bức bắt công! Ủng hộ Đảng cộng sản Việt Nam! Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm!"

Cũng lúc ấy ở Long Điền Đông A, trạm truyền thanh thông báo rằng: "Vợ chồng tên Bảy Liên Xô can tội phản quốc, cấu kết với tình báo CIA chống lại chính quyền cách mạng". Họ đến trường phổ thông cơ sở thông báo với học sinh và đề nghị các em phải về thông báo lại cho gia đình, vận động gia đình phải trả lại nợ phân cho nhà nước theo chủ trương chung một ký phân bằng ba ký lúa, đừng có nghe theo yêu sách của Bảy Liên Xô.

Theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, bảy ngày sau ông Bảy Liên Xô được trả tự do với lệnh tha của công an huyện ghi tội danh: "Tàng trữ vũ khí trái phép". Đồng chí Nguyễn Văn Để, Trưởng ban dân vận mặt trận của Tỉnh ủy cùng với Ban thường vụ huyện ủy Giá Rai xuống Long Điền Đông A tổ chức mít tinh cho cán bộ tự phê trước dân. Cách chức sáu Thành chủ tịch xã, Nguyễn Tấn Lực chủ tịch huyện và bồi thường hai mươi ngàn đồng tiền chữa bệnh cho bà Hai giáp và bà Bảy Liên Xô, còn việc trả nợ phân bằng lúa hay bằng tiền, tạm thời gác lại chờ chủ trương của Tỉnh ủy.

Sau sự kiện ấy, chính quyền địa phương cho rằng họ bị xử ép. Đành rằng họ bắt ông Bảy Liên Xô như vậy là hơi vội vàng, bắt chưa đúng lúc. Nhưng đồng chí Trưởng ban dân vận mặt trận tỉnh bắt họ phải tự phê và kiểm thảo họ trước dân là điều sỉ nhục đối với chính quyền. Từ đó, họ mang trong thâm tâm một niềm cay cú và ngấm ngầm chờ cơ hội để trả đũa cho thỏa lòng tự ái.

Người dân, suốt cuộc đời theo đảng, trung thành sống chết với Đảng, nay quá đau xót vì thấy rằng tình

cảm thiêng liêng ấy dầu gì cũng bị tổn thương. Họ bàn bạc nhau: Cái Tết năm ấy sẽ mang rượu thịt, bánh mứt lên xã cùng với cán bộ tổ chức vui Xuân để xóa đi chuyện cũ, cho nghĩa đảng tình dân được khăng khít, cùng nhau xây dựng xóm làng. Họ giao công việc ấy cho anh Hồ Duyên Hải, thương binh tập đoàn trưởng tập đoàn tám đi quan hệ. Anh Hải nhờ anh Bí thư chi bộ ấp mang ý kiến lên bàn bạc với ủy ban xã, ủy ban xã nhất trí.

Nhưng đến ngày mùng tám tết, khi bà con kéo lên thì xã ủy không tiếp. Bà con vừa ngượng, vừa lờ bộ vì đã gom góp tiền bạc mua rượu thịt bánh mứt, giờ biết mang đi đâu. Bàn đi tính lại, họ kéo qua nhà ông Bảy Thân. Ông Bảy Thân cũng không còn cách nào từ chối, đành phải tiếp. Họ uống hết bốn mươi lít rượu, rồi say sưa, lời qua tiếng lại, múa ca nhảy nhót, náo loạn một khúc xóm. Một bà mẹ liệt sĩ quá say, vừa leo qua cầu khỉ, vừa hát: “ta thắng như chẻ tre, ta tiến như nước tràn, cùng múa như lời ca”.

Sự việc ấy được xã báo cáo lên huyện rằng cánh ông Bảy Liên Xô có ý đồ chiếm ủy ban xã để ăn mừng chiến thắng, họ khiêu khích chính quyền nên mới hát bài: “Ta thắng như chẻ tre”. Ông Bảy Thân bị quy kết là mất quan điểm lập trường, chứa chấp những phần tử xấu. Đó là một trong những lý do để khai trừ ông ra khỏi Đảng.

Ông Bảy liên Xô từ đó trở thành cái gai nhọn của chính quyền, và tất cả những người không chịu trả nợ phân bằng lúa, có thái độ kháng cự đều được xem là “nhóm của Bảy liên Xô”. Họ bị loại ra khỏi vị trí bình thường, trở thành đối tượng nghiên cứu của các nhà an ninh chính trị và trinh sát kỹ thuật.

Bước sang vụ mùa 87, huyện chủ trương không bán vật tư nông nghiệp cho họ. Nhiều tập đoàn nhận phân về phân phối xong, ủy ban xã ra lệnh cho tập đoàn trưởng đi thu hồi lại. Nhưng cuộc biểu tình nhỏ lại diễn ra. Từng đoàn người kéo nhau đi khiếu nại. Bí thư xã tuyên bố:

-Các bà cứ đi thử xem, nếu năm nay Nhà nước bán phân cho các bà thì tôi xin từ chức.

Họ kéo nhau ra huyện nằm vạ, huyện không giải quyết. Họ lại kéo lên tỉnh. Tỉnh điện về cho huyện. Huyện hứa, họ về huyện, huyện lại nói khi nào họ chịu trả nợ phân 86 theo giá một phân ba lúa thì huyện mới bán phân cho vụ mùa 87. Họ lại kéo nhau lên tỉnh, tỉnh điện về bảo huyện giải quyết. Họ lại về huyện. Lần này huyện giải quyết bán nhưng lại ghi kèm số nợ cũ vào bảng hợp đồng. Họ lại kéo nhau lên tỉnh lần nữa.

Cuối cùng khi nhận được phân về đến nhà thì lúa trổ, không còn bón kịp. Đành chịu thất mùa, có người thất trắng, lúa thuê còn không có để đóng, lúa đâu để trả nợ phân? Mà phân còn để nguyên trong bao đó, Nhà nước có đòi phân thì họ trả lại, chớ có bón xuống ruộng đâu mà trả lúa. Rốt cuộc, Long Điền Đông A, một xã dẫn đầu ở Minh Hải về năng suất lúa, mỗi năm gần mười ngàn tấn. Nhà nước huy động hai, ba ngàn tấn, năm 1987, sản lượng còn lại chỉ trên năm ngàn tấn, Nhà nước huy động trảy da tróc vẩy, dùng cả biện pháp hành chánh mà chỉ được hai trăm tấn.

Tất cả những hậu quả đó, người ta lại đổ lỗi cho ông Bảy Liên Xô!

Đêm ấy, trước khi chia tay, trong bầu không khí thân mật, anh Hai Hiệp nói:

Các anh muốn gặp ông Bảy Liên Xô thì chiều mai đến đây, tụi mình lai rai chơi!

Chiều hôm sau, chúng tôi trở lại nhà Hai Hiệp. Nhưng nhà đóng cửa. Chúng tôi, nằm dài ngoài đồng rơm đợi anh hơn một tiếng đồng hồ. Lúc ấy, mặt trời sắp lặn. Hai Hiệp trở về với nét mặt lạnh lùng, dè dặt làm chúng tôi thất vọng. Anh Hối:

-Các anh có giấy tờ gì để chứng minh các anh là nhà báo không?

Tôi giật mình hỏi lại:

-Chỉ vậy anh?

Hai Hiệp nói nghiêm chỉnh:

-Các anh cảm phiền đưa giấy cho tôi và lập danh sách đoàn các anh gồm có mấy người, ở cơ quan nào và cần gặp ông với nội dung gì. Tôi mang lên trình với ông, nếu ông đồng ý thì các anh mới gặp được.

Tôi hơi choáng người trước cách đặt vấn đề của Hai Hiệp. Có lẽ không còn nghi ngờ gì nữa, ông Bảy Liên Xô là một thủ lĩnh, có liên lạc và có tổng hành dinh. Thú thật, một nhà báo địa phương loại vô danh tiểu tốt như tôi, cũng chưa bao giờ gặp ai với những thủ tục rắc rối thế này.

Ngẫm nghĩ một lát, tôi đành lấy thẻ nhà báo trao cho Hai Hiệp và ghi mảnh giấy nhỏ kèm theo:

Kính gửi Chú Bảy.

Tụi cháu là phóng viên báo chí và Đài tiếng nói nhân dân Minh Hải, gồm có bốn người, cần gặp chú để hiểu rõ hơn về hoàn cảnh của chú và những thắc mắc của bà con nông dân.

Rất mong được gặp chú.

Người đại diện

ĐẮC DANH

Nơi ấy bây giờ-phần 2

Võ Đắc Danh

Hai Hiệp cầm giấy tờ, thót lên xe đạp rồi mất hút sau chòm cây. Chúng tôi nằm trên đồng rơm đợi anh đến

khi trời chập choạng tối. Anh trở về và gọi thằng con trai chừng bảy tuổi ra bảo nó:

-Con dẫn mấy chú này lên nhà bà Cô Hai. Đi tắt đường đồng cho nhanh !

Theo chân thằng nhỏ, chúng tôi băng đồng và đột ngay vào “ tổng hành dinh” của Bảy Liên Xô. Đó là ngôi nhà lá nhỏ của bà Hai Giáp, chị vợ ông .

Trong bóng tối lờ mờ, “ vị thủ lĩnh” bước ra đón chúng tôi, mình mặc chiếc quần cụt rộng thùng thình và chiếc áo Pygiama đóng phên mang nhiều mảnh vá. Đầu ông hói cao, mắt xéch, mặt ngạnh, trán dô ra, cặp môi xệ xuống. Con người thoạt nhìn đã thấy đầy vẻ ngang tàng khí phách .

-Mấy chú mới tới hả ?

Anh phóng viên dài phát thanh dường như không nín cười được nên phát ra một giọng khô hời:

-Mèn ơi! Trông chú giản dị thế này mà sao muốn gặp phải làm thủ tục rắc rối quá vậy?

Ông Bảy liên Xô cười ngượng, trao giấy tờ lại cho chúng tôi và nói:

-Biết đâu mấy chú là công an giả danh nhà báo để bắt cóc tôi thì sao. Đời bây giờ, người thật việc thật thì ít, người giả việc giả thì nhiều quá, biết đâu mà lường được. Thú thật , từ hôm cô Nguyệt Anh bị bắt cóc đến nay, tội tôi trốn luôn, không ai dám ngủ nhà hết. Mùa rầy này coi như bỏ, có ai làm được gì đâu. Khổ sở lắm mấy chú ơi! Thôi vào nhà uống nước, nói chuyện chơi chớ đứng ngoài hoài sao. Đây là nhà của chị vợ tôi, bà bị đánh chết giấc kỳ bắt tôi đó. Ông chồng và hai thằng con bả đều là liệt sĩ mà bị đối xử như vậy đó !

Như đã sắp xếp sẵn, chúng tôi vừa bước vào nhà chừng năm phút thì khách cũng kéo đến đầy nhà . Năm Bé, Chín Cửu, mấy người được xếp vào danh sách lưu manh cũng có mặt . Kể đến là những người đàn bà con mọn, những cụ già, những thanh niên... Nói chung, họ đều là những người nông dân thật thà chất phác, những người đầu tắt mặt tối quanh năm mài miệt với ruộng đồng và hơn thế nữa, cuộc đời họ đã từng sống kiếp tá điền, đã từng đi qua hai cuộc chiến tranh. Có người đã từng bị đày ra Côn Sơn, Phú Quốc, có người mang trên mình năm bảy vết thương. Họ sống trung thực, thật thà nhưng đầy bản lĩnh, thậm chí ngang tàng, sẵn sàng đập nát bất cứ cái gì mà họ cho là tráo trở, bất công .

Hơn mười năm qua, họ lại không được bình yên với bao nhiêu lần xáo trộn của những cung cách làm ăn phi lý, của sự đàn áp bất công. Nhưng họ vẫn âm thầm làm đội quân chủ lực, đổ giọt mồ hôi để nuôi dưỡng mọi người, trong đó có một lớp người sống bám. Họ không cần biết những kẻ ăn gạo của họ đã đối xử với họ thế nào .

Căn nhà bà Hai Giáp đêm ấy chật người, không đủ chỗ ngồi. Họ phải trải chiếu ngồi dưới đất . Chúng tôi chỉ ngồi im lặng lắng nghe những lời tâm tình của từng số phận, từng bi kịch khác nhau ở mỗi con người. Một niềm ân hận dày vò trong tôi bởi những mường tượng đầy lý thú về họ qua lời đồn, qua báo cáo của đồng chí phó bí thư huyện ủy. Tôi chợt giật mình khi nghĩ rằng : nếu như tôi chỉ ngồi thu thập tài liệu ở Viện kiểm sát , ở Sở Công an và ở đoàn chỉ đạo của anh Sáu Kiên thì tôi sẽ viết về những người nông dân ở đây như thế nào ? chắc rằng tôi sẽ kết tội ông Bảy Liên Xô là tên phản động, chắc rằng ông sẽ xuất hiện trên bài viết của tôi hoàn toàn ngược lại với tất cả những gì mà tôi sẽ kể dưới đây .

Ông Bảy Liên Xô tham gia kháng chiến chống Pháp rồi tập kết ra Bắc . Năm 1962 vượt Trường Sơn vào Nam, chiến đấu ở miền Đông cho đến ngày giải phóng

Năm 1976, ông trở về làng cũ ở Long Điền thì gia đình ông không còn ai sống sót. Cha ông làm liên lạc cho cách mạng bị giặc bắt và đánh chết. Người em ruột của ông nuôi chứa cán bộ cũng bị máy bay ném bom giết chết. Cả nhà cửa , vợ chồng con cái người em cùng với một cơ sở Đảng bị vùi dập dưới hố bom. Ông hồi hương như một người khách lạ, hơn nữa đời người vẫn chưa có vợ con .

Cái tên Bảy Liên Xô thật ra là tên của vợ ông bây giờ. Bà Bảy tên thật là Trần Thị Liên. Năm mươi chín tuổi, sắp làm đám cưới, bà đã từ hôn và trốn gia đình đi theo kháng chiến .

Năm 1965, bà làm huyện đội phó huyện Giá Rai và lập gia đình với đồng chí Thắm, trưởng ban tuyên huấn xã Long Điền. Năm 1969 , đồng chí Thắm hy sinh trong lúc bà vừa có thai ba tháng. Đứa bé ra đời trong một trận càn ác liệt, bà phải tự sinh đẻ dưới bụi cây. Sau đó bà đau nặng, á khẩu một thời gian không cầm súng chiến đấu được, bà nhận sự phân công của tổ chức giả người mắc bệnh thần kinh ra hoạt động bán hợp pháp ở thị trấn Giá Rai để gây dựng cơ sở .

Năm 1971, do hai tên chiêu hồi chỉ điểm, bà bị bắt giam và đánh đập đến tàn phế. Gia đình phải bán trâu bán lúa để chạy lo cho bà được thả ra. Từ đó , bà trở về căn cứ chữa bệnh cho đến ngày giải phóng. Do hậu quả của những trận đòn tra tấn, bà trở thành người bệnh hoạn và nghỉ công tác, trở về địa phương sống với gia đình bên chồng ở xã Long Điền Tây, gần gia đình cũ của ông Bảy Liên Xô.

Nhờ bà con xóm làng mai mối, năm 1976 hai người cưới nhau. Lúc bấy giờ ông Bảy Liên Xô đã gần năm mươi tuổi. Năm 1977, ông từ quân khu 8 chuyển về quân khu 9 cũng là lúc họ sinh được đứa con trai. Bà Bảy lúc ấy bị đau thần kinh thiệt, lúc điên lúc tỉnh, đầu rụng không còn sợi tóc . Họ không có nhà ở , phải ở đậu trong cái chuồng trâu hoặc bên nhà cha vợ . Đứng trước cảnh nghèo túng, không tiền chạy thuốc và để cứu lấy hạnh phúc muộn màng mới vừa tìm được ở cái tuổi năm mươi , ông Bảy Liên Xô đành bỏ ngủ với cấp hàm đại úy.

Hai cuộc đời ấy cuối cùng trở về địa phương với hai bàn tay trắng sống hẩm hiu như kẻ bị bỏ rơi, rũ sạch

công lao của một thời kháng chiến . Dưới cặp mắt của chính quyền địa phương ông Bảy Liên Xô là một kẻ đào ngũ sống bất hợp pháp, vì vậy mà qua bao nhiêu lần điều chỉnh ruộng đất, họ không hề cấp cho vợ chồng một cục đất chọi chim. Vợ chồng ông phải tự mua đất làm ruộng sống .

Buồn chán cho số phận, bất mãn chính quyền địa phương cộng với tình hình ngang bướng, ông Bảy Liên Xô trở thành con người sống lầm lũi, bất cần, ôm lấy cuộc đời riêng với bao tâm sự ngổn ngang. Gần mười năm sống ở Long Điền Đông A, hầu như ông tách hẳn mối quan hệ tình cảm với chính quyền. Mặc dù không có mâu thuẫn gì với nhau, nhưng bên trong, chính quyền vẫn cảm nhận rằng ông bất mãn và khinh thường họ. Ngược lại ông cũng cảm nhận được rằng họ chẳng ưa ông .

Xã phát động phong trào làm đất đỏ, ông không làm, chủ tịch xã đến vận động ông : “Chú là người có công lao trong kháng chiến, nay về địa phương cũng nên làm gương cho bà con” . Ông nói : “ tao là thằng đánh giặc mướn ở miền Đông, chẳng có công lao gì ở đây cả, giờ về đây với hai bàn tay trắng , tui bây có ngó ngang gì tới tao đâu mà bảo tao làm gương” . Chính quyền xã đến thu thuế nông nghiệp, ông nói:” tui bây không cấp đất cho tao, đất này tao tự mua, tao không đóng thuế “ .

Thật ra, việc bắt người thiếu thuế đối với Long Điền Đông A là chuyện bình thường, có người thiếu nửa ký lúa cũng phải mang đi đóng đủ. Nhưng với ông Bảy Liên Xô, hầu như cán bộ xã ở đây đều ngán ông ở cái tính ngang bướng và nhiều lý lẽ . Thậm chí lúc ông bỏ ngũ có mang về nhà một khẩu súng cạcbin , một khẩu 54 và một trái lựu đạn nhưng chính quyền xã cũng không dám thu hồi . Có lần bí thư chi bộ ập đến thương lượng với ông đổi khẩu K54 với khẩu Col 12 của bí thư xã, nếu ông chịu đổi, bí thư xã sẽ bù cho ông 20 gia lúa . Ông từ chối và nói: “Súng này của quân khu!” Một lần khác , bí thư chi bộ ập uống rượu say, đến hỏi mượn khẩu súng của ông để đeo lấy le vài ngày, ông không cho mượn, rồi thôi

Từ những định kiến lặt vặt ấy dẫn đến sự kiện ông bị bắt vô cớ, quần chúng kéo biểu tình, chính quyền nhận khuyết điểm, cách chức chủ tịch huyện, chủ tịch xã và cảnh cáo phó công an huyện làm cho nhiều cán bộ cay cú nghĩ rằng đối với ông Bảy Liên Xô, họ là người thua cuộc. “Cũng vì tên Bảy Liên Xô mà chúng ta mất đi một chủ tịch huyện”. Từ đó , vấn đề Long Điền Đông A trở thành “sự kiện Bảy Liên Xô”. Mọi sự phản ứng của quần chúng trong việc trả nợ phân bằng lúa, người ta đều đổ tội cho ông Bảy Liên Xô, rằng ông là kẻ cầm đầu những người nông dân chống lại chủ trương Nhà nước. Ông Bảy Liên Xô phải sống trong sự rình rập, theo dõi và vu khống của chính quyền. Á p báo cáo về xã, xã báo cáo về huyện, huyện báo cáo về tỉnh, tỉnh báo cáo về Trung ương, những bản báo cáo đi qua nhiều trung gian, mỗi cấp lên một ít, cuối cùng ông Bảy Liên Xô trở thành: “tên thủ lĩnh” của một nhóm người bạo loạn. Thay vì vận động , giáo dục để ngăn ngừa sai phạm, người ta âm thầm mở cửa khám và chờ đợi ông trở thành tội phạm để tổng giam.

Trong bất cứ cuộc đấu tranh nào, chắc ai cũng cần đồng minh và phe cánh, cần có tổ chức và lựa chọn những biện pháp tối ưu. Ở đây, hàng trăm người nông dân đang yêu cầu Nhà nước phải giải quyết rõ ràng. Vì sao huyện bán phân tồn kho cho họ một ký năm đồng cuối mùa lại đòi ba ký lúa, rồi bắt bớ, mắng chửi và ức hiếp quần chúng. Vì sao Năm Phú, Đông Á, Sáu Danh, Chín Việt, những cán bộ đã phổ biến chủ trương ấy giờ lại bảo rằng họ không có nói? Vì sao hợp đồng kinh tế đã ghi rõ ràng như vậy giờ lại nói rằng đó là phân tạm ứng, chưa có giá chính thức, rằng hóa đơn kiểm phiếu xuất kho ghi giá năm đồng một ký phân chỉ có giá trị thanh toán giữa vật tư với ngân hàng ?

Cứ thế, một bên đòi thu nợ phân bằng lúa, một bên kháng cự quyết liệt đòi trả bằng tiền. Cái nguyên nhân chủ yếu để tạo ra cuộc tranh chấp này thì bị bưng bít mất đi, các cấp lãnh đạo ngồi lại với nhau để tìm ra nguyên nhân khác, lúc thì đổ lỗi cho kẻ địch, lúc lại đổ lỗi cho ông Bảy Liên Xô . Rồi thành lập Ban chuyên án hình sự và an ninh quốc gia .

Long Điền Đông A, xã vừa nhận tám huân chương lao động của Hội đồng Nhà nước và đang làm thủ tục để được tuyên dương xã anh hùng, kẻ đó đã sa vào một hang cùng không lối thoát .

V - MÀN HAI CỦA TÁN THÂM KỊCH

Cuối năm 1987, tỉnh ủy cử anh sáu Kiên, Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin cùng với Đoàn cán bộ huyện Giá Rai xuống Long Điền Đông A để giải quyết vấn đề gọi là “ Sự kiện Bảy Liên Xô”, hay nói cách khác, giải quyết những hậu quả của cuộc biểu tình năm 1986.

Dư luận thắc mắc rằng vì sao ông Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin lại được phân công đi giải quyết một vấn đề hoàn toàn không thuộc về chức năng của ngành văn hóa? Có người nhận định rằng sự kiện Long Điền Đông A cần một người tể nhị, có văn hóa như Sáu Kiên để tiếp xúc với quần chúng thì sẽ có sức thuyết phục hơn . Trong hàng ngũ các nhà lãnh đạo ở đây, Sáu Kiên từng nổi tiếng là người duy nhất đọc hết bộ Lê-Nin toàn tập .

Từ nhận định tốt đẹp ấy, người ta hy vọng rằng vấn đề Long Điền Đông A sẽ được kết thúc trong vòng ngắn gọn để trả lại vị trí xứng đáng của một xã điển hình, một con chim đầu đàn của Minh Hải, một tiền đồn vững chắc của huyện trọng điểm Giá Rai.

Theo chủ trương của tỉnh ủy, muốn giải quyết được vấn đề Long Điền Đông A, trước hết cần làm sáng tỏ xem huyện ủy có chủ trương bán phân tồn kho với giá năm đồng một ký hay không. Nếu huyện ủy có chủ trương thì huyện ủy chịu trách nhiệm. Còn nếu như huyện ủy không có chủ trương thì cá nhân nào phổ biến sai phải có

biện pháp kỷ luật trước dân. Vấn đề cuối cùng là phải vận động, giải thích và thuyết phục quần chúng chấp nhận chủ trương chung của Nhà nước để họ chịu trả nợ theo giá mỗi ký phân bằng ba ký lúa. Sau khi họ ký nợ xong, nếu hộ nào không có lúa trả thì cho họ trả dài hạn trong thời gian ba năm. Sau ba năm, nếu họ thật sự không có khả năng trả thì nhà nước xóa nợ.

Người ta nhận định rằng nếu chủ trương ấy đến với Long Điền Đông A trước cuộc đấu tranh xảy ra hồi cuối năm 1986 thì chỉ cần thực hiện hai biện pháp đầu tiên là người nông dân sẵn sàng chờ lúa đi trả nợ phân mà không một lời phản đối. Còn bây giờ, tuy đã muốn nhưng nếu chủ trương ấy được thực hiện bằng tất cả lòng kiên nhẫn với quan điểm lấy dân làm gốc, cùng bàn bạc với dân bằng sự nhiệt tâm để làm sáng tỏ thì chắc rằng, họ sẽ đem cái nghĩa tình phóng khoáng có sẵn của người nông dân ra mà đối đãi, như anh Hai Hiệp đã nói với chúng tôi: “Nói thật với các anh, năm đồng bạc bây giờ mua không được cục kẹo bòn bon, nhưng nếu mấy ông huyện chịu thật, đừng chơi kiểu lật lọng, đừng ức hiếp, và nếu mấy ông chịu chơi, xóa nợ đi, tôi, thằng Hai Hiệp này sẽ đưa lại nhà nước mỗi ký phân bốn ký lúa chứ không phải ba. Hồi kháng chiến, người ta hiến năm bảy chục gia lúa, hiến cả mạng người còn không tiếc. Còn chơi kiểu anh Sáu Kiên bây giờ, phát loa kêu xấu hổ, xin lỗi, đừng hòng ai trả hạt lúa nào!”

Vậy là trái ngược với người ta nhận định.

Nếu như chiến dịch huy động lương thực ở đây hồi cuối năm 1986 do vị chủ tịch huyện chỉ huy được trang bị bằng công số 8, súng AK và dây chuối thì bây giờ có khác. Đoàn cán bộ của anh Sáu Kiên được trang bị bằng các phương tiện thông tin đại chúng, nào máy quay phim camera, nào Video cassette, nào máy ảnh, máy phóng thanh và một tổ phóng viên báo chí để viết tin, bài phát loa tại chỗ. Sau khi rà soát lại các phương tiện, ông Giám đốc Sở văn hóa tuyên bố: “Vậy là đầy đủ phương tiện hết rồi phải không, kỳ này mà trị không được đám dân này, tôi sẽ từ chức giám đốc và cạo đầu vô chùa tu luôn!”

Màn hai của tấn thảm kịch ở Long Điền Đông A được thay đổi như thế nên cách dàn dựng có bài bản hơn, bố cục chặt chẽ hơn và thể hiện chất văn hóa thông tin cao hơn.

Đầu tiên, các tập đoàn trưởng được mời đi đóng phim, bộ phim do Giám đốc Sở Văn hóa biên kịch và đạo diễn.

Mấy hôm sau, quần chúng được mời đến kho lúa xem Video cassette do đoàn chỉ đạo huy động lương thực chiếu phục vụ không phải mua vé. Bà con ùn ùn rủ nhau đi xem. Nhưng kỳ lạ thay, trước giờ chiếu phim chính, họ thấy trên màn ảnh xuất hiện các anh tập đoàn trưởng của họ, mặt mày ngơ ngáo, mất hết thần sắc, miệng thì ngập ngừng nói rằng việc bán phân bằng tiền họ chỉ nghe lập lờ qua những tin đồn thất thiệt rồi phổ biến lại với bà con, không có ai công bố chính thức. Nay họ nhận thiếu sót và yêu cầu bà con thực hiện chủ trương chung, trả nợ một ký phân bằng ba ký lúa.

Mặc cho khán giả chửi thề ồm ồm, nhổ toẹt nước miếng bỏ về, mặc cho những xung đột, những mâu thuẫn xảy ra giữa những người nông dân với tập đoàn trưởng, mặc cho các anh tập đoàn trưởng kia bị dày vò đau khổ, cắn rứt lương tâm... nhà đạo diễn cứ yên trí rằng những thước phim ấy đã chứng minh cho quần chúng thấy rằng họ không còn lý do gì để vịn vào một ký phân năm đồng nữa, họ không còn lý do gì để chống đối việc phải trả một ký phân bằng ba ký lúa.

Có lẽ anh Sáu Kiên rất hài lòng khi xử lý trường đoạn này chăng?

Đêm ấy nằm thao thức ở Long Điền Đông A, tôi chợt liên tưởng đến vở cải lương Người ven đô phản ánh cuộc đấu tranh của nhân dân Mười Tám Thôn Vườn Trầu trong thời kỳ luật 10/59 với nhân vật Tám Khỏe, một người nông dân trung thành với cách mạng bị chính quyền Ngô Đình Diệm buộc ông phải ly khai với cộng sản, vì chúng nghĩ rằng nếu quật được ông thì cả Mười Tám Thôn Vườn Trầu không còn ai theo cộng sản. Ông nhất định không chịu. Chúng khống chế ông bằng cách thả chó béc-giê vào đám tù nhân, trong đó có con gái ông rồi chúng ra lệnh cho ông: “Nói đi rồi tôi tha cho họ, chỉ cần nói nhỏ thôi, nói đủ tôi nghe thôi, nhưng tiếng nói của ông sẽ cứu những người ấy khỏi bị chó béc-giê xé xác, trong đó có con ông”. Thế là ngày hôm sau, khắp Mười Tám Thôn Vườn Trầu người ta nghe tiếng ông Tám Khỏe vang dội trên loa phóng thanh: “Tôi, tôi là Tám Khỏe, tôi xin tuyên bố ly khai với cộng sản!” Chúng chỉ cần một lời nói như thế, mặc cho ông Tám Khỏe bị dày vò, điên loạn.

Giá như cái thời ấy có camera và Video Cassette thì chắc chắn rằng hình ảnh ông Tám Khỏe sẽ bị đem đi chiếu khắp Mười Tám Thôn Vườn Trầu cho dân chúng nhìn xem.

Song, ông Tám Khỏe chỉ là nhân vật trong vở cải lương. Còn những anh tập đoàn trưởng xuất hiện trên màn ảnh nhỏ ở đây để tuyên bố với dân chúng rằng không có ai phổ biến việc bán phân bằng tiền lại là những con người thật.

Chị Nguyễn Thị Cúc, vợ anh Mai Ngọc Có, tập đoàn trưởng tập đoàn 7 kể với chúng tôi:

-Chồng tôi hiền như cục đất, tháng năm nói một tiếng, tháng mười nói một tiếng, làm sao cãi lại mấy ông. Chính ông Năm Phú, bà con cô cậu ruột với tôi chứ xa lạ gì. Năm đó ông về đây nhậu, đôn đốc anh Có một hai phải đi mua phân cho gấp vì đây là phân tồn kho, bán bằng tiền, không mua kịp để qua tết phân mới nhập về sẽ bán bằng lúa. Năm Phú còn bảo tôi nuôi heo để tới mùa bán heo trả tiền phân, để lúa lại ăn. Chồng tôi ra huyện

nhận phân, mấy ông ngoài huyện cũng nói vậy nên ảnh mới về phổ biến lại cho bà con, mấy ông nói rồi mấy ông chối. Hôm rồi bắt anh Có đi mấy ngày để quay phim rồi đem lên chiếu, nói ngược trở lại cho bà con người ta oán ghét ... Đối với gia đình tôi, anh Có đã nói như vậy mà ảnh lại là tập đoàn trưởng nên ảnh phải ký nợ để làm gương. Tôi cũng tưởng đâu ký rồi để đó, trả dần trong ba năm vì năm nay thất mùa, gia đình tôi nuôi ba miệng ăn mà giờ này còn không được bốn mươi gia lúa. Tôi ký nợ xong mấy ông bắt phải vét bỏ để trả. Năm ấy cũng vì tưởng mấy ông bán phân bằng tiền nên gia đình tôi mua sáu bảy trăm ký, giờ quy ra lúa, tôi phải nợ trên hai tấn lúa, lấy gì trả. Tôi năn nỉ mấy ông cho trả năm trăm ký lúa, còn lại ký nợ sang năm sau. Mấy ông không chịu, kèn cựa qua lại cuối cùng mấy ông bắt phải trả bảy trăm ký. Tôi chờ năm trăm ký ra nhập kho, còn lại hai trăm ký tôi năn nỉ mấy ông cho tôi nợ qua tết, đến ngày thu hoạch rẫy, tôi nhờ hành bán, mua lúa trả thêm vì hiện giờ nhà tôi chỉ còn đủ lúa ăn đến Tết, mấy ông không chịu. Ông Hai Nhàn, Chủ tịch Hội nông dân huyện đến hăm dọa tôi:

-Đúng bốn giờ chiều nay, chị không chờ thêm hai trăm ký lúa ra nhập kho cho đủ bảy trăm ký thì chị đừng trách!

Tức quá không kèm được, tôi nói:

-Mấy ông làm quá chắc tôi tự vận chết chứ sống gì nổi.

Tưởng nói thế ông động lòng, ai ngờ ông thách:

-Chị chết đi, chết mười mạng như chị tôi cũng không tiếc, miễn sao chị trả đủ lúa cho nhà nước thì thôi.

Nói đến đây, dường như uất ức đến tột cùng, chị Cúc khóc nức lên:

-Mấy chú nghĩ coi, vậy là mấy ông cần lúa chứ đâu cần dân. Nói thật, tôi chỉ sợ mình chết rồi không ai nuôi con, nếu không nghĩ thế thì tôi đã uống thuốc rầy ngay trước mặt mấy ông hôm ấy cho thấu trời thấu đất.

Anh Trần Ngọc Quang, tổ trưởng tổ đoàn kết số 1, rầu rĩ than với chúng tôi:

-Ông Sáu Kiên bắt tôi đi quay phim tố cáo cánh ông Bảy Liên Xô. Ông hứa với tôi là ông quay vậy chứ ông không chiếu, cuối cùng ông chiếu, làm cho dòng họ ông Bảy Liên Xô thù ghét, hăm dọa tôi. Bây giờ tôi không dám đi đâu hết!

Vợ anh Quang vừa khóc vừa nói:

-Khổ lắm mấy chú ơi! Hễ được lòng dân thì mất lòng Đảng. Còn làm cho vừa lòng Đảng thì mất lòng dân. Riết rồi không biết làm sao mà sống, chắc tôi phải dỡ nhà đi nơi khác!

Chiến dịch đôn thu được tiến hành bằng nhiều biện pháp và mỗi biện pháp được áp dụng cho từng đối tượng khác nhau sau khi đã điều tra, phân loại.

Nếu là cán bộ, Đảng viên, họ sẽ bị cách chức hoặc khai trừ Đảng nếu không chịu trả nợ phân bằng lúa. Một số Đảng viên lúc đầu chống lại quyết liệt, kêu gọi quần chúng đấu tranh đến cùng. Nay họ vẫn âm thầm chịu đựng, có người quay lưng lại với quần chúng để lập công, cũng có người muốn tiếp tục đấu tranh nhưng không dám ra mặt. Họ tâm sự với quần chúng:

-Tôi kẹt là Đảng viên nên không tranh đấu được, bà con cố gắng tranh đấu, trong đó cũng có quyền lợi của tôi!

Đối tượng thứ hai là những người có thân nhân là cán bộ, Đảng viên thì những cán bộ Đảng viên ấy phải có trách nhiệm vận động thân nhân mình trả nợ. Nếu họ không hoàn thành nhiệm vụ sẽ bị xử lý.

Chị Trần Thị Chính ở tập đoàn 4 kể:

-Lúc đầu tôi cũng đấu tranh quyết liệt như bao nhiêu người khác. Nhưng sau khi đoàn cán bộ của ông Sáu Kiên về đây, hai thằng em bà con của tôi công tác ngoài huyện cũng về. Cả hai đưa nó đều là thường vụ huyện ủy, một đưa làm trưởng ban kiểm tra Đảng, một đưa làm trưởng phòng Công an. Tụi nó năn nỉ tôi: "-Chị cứ phản đối hoài thì kẹt cho tụi em lắm. Bây giờ chị ký nợ đi rồi trả từ từ trong thời gian ba năm. Đâu phải bắt chị trả một lần mà chị sợ". Vì thương em út, sợ kèn với mấy ông thì ảnh hưởng đến công tác của tụi nó. Tôi ký nợ và chờ đi trả bảy trăm ký lúa. Còn lại hơn một tấn, hẹn lại năm sau. Ai dè hai thằng em tôi về huyện mấy ngày thì Bí thư và Chủ tịch xã mời tôi lên nạt hùm nạt tướng, bảo tôi phải trả dứt nợ cho nhà nước. Tôi nói lúa tôi hiện giờ chỉ còn đủ ăn tới tháng sáu, trả hết rồi vợ chồng con cái tôi nhịn đói hay sao. Bí thư xã quát:

-Chị không còn lúa nhưng chị có trâu, có ghe, có tài sản. Chị bán tài sản mua lúa trả!

Giận quá tôi nói:

-Bây giờ ghe tôi đó, trâu tôi đó, nếu bán được mấy ông kiếm mỗi bán dùm đi

Chủ tịch xã dọa tôi:

-Chị thiếu nợ nhà nước mà chị còn ăn nói kiêu đó phải không? Bây giờ tôi nói dứt khoát, nếu chị chịu trả thì ký tên vào biên bản, bằng không tôi nhốt chị ở đây!

Tôi không chịu trả, họ cho người dẫn tôi qua cơ quan công an và bảo tôi nhắn người nhà mang mừng mền, quần áo lên ở đó, khi nào đồng ý trả hết lúa mới được về. Tôi ngồi ở đó đến trưa thấy không có ai canh giữ, tôi lợi về nhà.

Mấy ngày sau, chủ tịch xã gửi giấy mời tôi nữa. Nhưng tôi không lên xã mà đi ra huyện tìm hai thằng em và kể lại sự việc cho nó nghe. Tụi nó suy nghĩ một hồi rồi nói: "-Chị cứ về đi, tụi em sẽ can thiệp, không sao đâu". Từ đó đến nay, mấy ông xã không mời tôi nữa.

Đối tượng thứ ba là những người có ghe đánh cá. Anh Tám Bé, chủ tịch xã kể với chúng tôi:

-Ông Sáu Kiên ra lệnh cho tôi : những người có ghe đi biển mà không chịu trả nợ phân bằng lúa cho lượng du kích đến kéo ghe họ lên bờ .Tôi đề nghị ông phải ra lệnh bằng văn bản và ký tên chịu trách nhiệm tôi mới dám làm , để sau này khỏi đổ tội cho nhau , phải ký đúng cái tên Nguyễn Trung Kiên của ông đang làm Giám đốc Sở văn hóa tôi mới chịu. Cuối cùng ông chịu viết lệnh bằng văn bản. Thú thật, lúc ấy cầm tờ lệnh trên tay, tôi hơi bần thần vì thấy biện pháp này táo bạo quá, tôi dằn dừ mãi không dám thi hành . Ông quy kết tôi có hùn hạp làm ăn với mấy chủ ghe, sợ mất quyền lợi nên không dám ra tay. Cuối cùng để hoàn thành nhiệm vụ mà khỏi bị dân oán ghét, tôi nhờ ông trưởng đồn biên phòng lên can thiệp .

Ông Sáu Tổ ở tập đoàn 6 tâm sự với chúng tôi :

-Tôi chờ bảy chục gia lúa đi trả mà tôi ray rức, khổ tâm đến rơi nước mắt. Không phải tôi tiếc của mà vì tôi trả trong lúc chưa được giải oan, trong lúc mọi vấn đề chưa được làm sáng tỏ. Hôm ấy tôi bị mời lên Ủy ban xã, chủ tịch xã và trưởng đồn biên phòng dẫn tôi ra căn chòi nhỏ phía sau vườn. Anh trưởng đồn biên phòng nói :

-Một trong những tiêu chuẩn để được hành nghề đánh cá là người ngư dân phải chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Nhà nước. Theo báo cáo của Ủy ban xã thì ở đây còn nhiều ngư dân chưa thanh toán dứt điểm nợ phân năm 1986 với Nhà nước, trong đó có ông. Hôm nay chúng tôi mời ông lên đây để báo cho ông biết rằng, nếu ông không chịu chờ lúa đi trả thì tôi, trưởng đồn công an biên phòng ở vùng này sẽ thu hồi sổ đề ba, không cho ông ra biển .

Tôi thanh minh :

-Việc tôi nợ phân năm 86 là vì huyện bán cho chúng tôi bằng tiền nhưng cuối mùa đòi lúa và xảy ra cuộc tranh chấp đến nay chưa giải quyết chớ phải tôi không chấp hành chủ trương của Nhà nước đâu. Chúng tôi đang khiếu nại và chờ cấp trên xuống đây phân xử.

Chủ tịch xã hằn học cướp lời tôi :

-Tôi bảo cho anh biết, bè lũ côn đồ của tên Bảy Liên Xô sắp bị tiêu diệt hết rồi, anh đừng dựa vào chúng mà đợi chờ , hy vọng gì nữa. Một ký phân ba ký lúa, anh trả đi! Trả để được ra biển làm ăn.

Gương mặt ông Sáu Tổ toát lên một vẻ gì như vừa đặng cay, vừa mai mỉa :

-Thật lạ lùng và kỳ dị- ông nói- tôi không hiểu “ bè lũ của tên Bảy Liên Xô” là gì và tại sao họ gọi như vậy. Chúng tôi, những người nông dân đồng đội đồng thuyền, đồng cam cộng khổ. Đảng đã từng dạy chúng tôi phải biết thương yêu , đoàn kết để đấu tranh, chống sự áp bức bất công. Thế mà bây giờ ...

Bà Liễu Thị Mai , bảy mươi tuổi , đầu cạo trọc , mặc áo cà sa lặn lội đi tìm chúng tôi trên con đê biển dài hơn 5 cây số dưới cơn nắng cháy da để “ kể cho bớt những điều oan ức trong lòng”. Bà nói như vậy và kể : Đảng nói lấy dân làm gốc tôi chưa thấy, chỉ thấy số phận mình như cái gốc mắm ngoài ven biển, mặc cho gió đẩy sóng xô. Mấy ông bán phân bằng tiền giờ lại đi đòi lúa, dân không chịu trả, mấy ông đồ thừa tại ông Nguyễn Văn Linh nói lấy dân làm gốc nên giờ mới sinh ra rắc rối .

Hôm rồi ông Tư Tâm đến nhà bảo tôi ký nợ,tôi không chịu ký,tôi nói nếu đòi tiền thì tôi trả, còn đòi lúa thì tôi không trả, ông mắng vào mặt tôi:

-Bà giựt của nhà nước phải không? Nếu bà không chịu trả, tôi mắc loa phóng thanh trước cửa nhà bà tôi bôi xấu,tôi nói bà ăn giựt.

Tôi nói với ông:

Chú đừng nói như vậy. Sở dĩ tôi chưa chịu trả là vì tôi thấy trong vụ này có nhiều chuyện bất công chớ ai lại đi ăn giựt cho xấu hổ. Hồi kháng chiến tôi hiến cho nhà nước mấy chục gia lúa, tôi có câu nệ gì đâu.

Ông lại quát vào mặt tôi:

-Cuộc kháng chiến thành công không phải có một mình bà đóng góp , bà đừng kể lể.

Rồi ông bảo hai người kia lập biên bản,nhưng biên bản lại ghi tên con tôi. Tôi phản đối:

Các ông lập biên bản thì cứ lập, tôi sẵn sàng ký, nhưng phải ghi tên tôi vì tôi là chủ hộ, tôi mua phân nhà nước chớ không phải con tôi .

Ông Tư Tâm lại nói :

-Bà già cả rồi, bà có biết gì mà ghi tên bà.

Chắc mấy ông nghĩ tôi già cả,tu hành,khó bắt bớ nên ghi tên con tôi để bắt nó cho dễ hơn.

Anh phóng viên dài phát thanh nót một câu như để thử lòng bà cụ :

-Nếu như trước đây huyện có chủ trương bán phân bằng tiền và chủ trương ấy sai lầm.Bây giờ họ nhận thiếu sót thì bà chịu trả bằng lúa không?

-Không!

-Sao vậy, người ta lỡ làm sai, bây giờ người ta sửa , chẳng lẽ bà không tha thứ sao?

-Không phải hẹp hòi gì mà không tha thứ.Nhưng trước không thảo,sau thảo,bà lão không cần!

Tôi giạt mình trước câu trả lời của bà cụ.Và tôi đã nghiệm ra. Phải chăng mọi vấn đề của Long Điền Đông A nằm quần quanh trong câu nói ấy.Một câu tục ngữ đầy nghĩa nhân và đạo lý.Trước không thảo,sau thảo,bà lão không cần!

Ở đây, trước đã không thảo, sau lại càng không thảo nên Long Điền Đông A mới sa lầy vào hang cùng không lối thoát. Phải chăng vì cái tâm pháp bị thay bằng luật pháp và tinh thần cảnh giác cách mạng được áp dụng cao độ đến chi phối hết những điều thuộc về đạo lý, nghĩa nhân.

Biện pháp thứ tư là điều tra lý lịch, thổi phồng tội trạng của những người dính dáng với chế độ cũ trong chiến tranh, đem ra phóng thanh, bêu xấu họ khắp xóm làng để họ hoảng sợ mà không dám đấu tranh. Long Điền Đông A bị chìm trong không khí nặng nề, căng thẳng bởi tiếng loa phóng thanh hằng đêm ngân dài trong thôn xóm, bêu xấu người này, hăm dọa truy tố người kia, bươi móc quá khứ người nọ. Những con người ấy đâu có bịt tay cũng không chạy trốn được tiếng loa đau lòng nhức óc, khơi dậy những vết thương mà họ đã cố hàn gắn mười mấy năm qua, dồn họ vào tận chân tường không lối thoát. Họ là ai?

Anh Huỳnh Sũn tâm sự với chúng tôi, giọng nghẹn ngào như muốn khóc:

-Hồi trước tôi bị bắt đi phòng vệ dân sự hai mươi một ngày, sau đó chúng đưa tôi đi học khóa Liên toán trường ở Chi Lăng, tôi bán hai trăm gia lúa lấy tiền lo lót để được ở lại và khỏi phải đi phòng vệ. Sau giải phóng, tôi làm ấp đội trưởng, bắt được mấy trăn vượt biên, nộp cho nhà nước không biết bao nhiêu vàng bạc. Vậy mà bây giờ xã báo cáo về huyện nói tôi là tình báo CIA. Thú thật, hồi đó mặc dù tôi là phòng vệ, nhưng ban ngày đi cuộc rầy, làm ruộng gặp cán bộ nắm vùng của mình, tôi vẫn tâm tình, thân mật như anh em. Còn bây giờ, kể từ ngày chị Nguyệt Anh bị bắt cóc đến nay, tôi phải trốn, ban đêm ra đồng ngủ bờ ngủ bụi.

Ông Hai Tế kể:

-Hồi đó tôi bị tình nghi là Việt Cộng, chúng bắt tôi ra quận, tôi phải bán hai trăm gia lúa để lo lót. Nhưng có một người quen làm việc ngoài quận bảo tôi: “Ông dứt tiền cho thằng này thì mai một thằng khác cũng bắt ông, thay vì ông đưa số tiền ấy cho tôi, tôi lo cho ông cái giấy chứng nhận mật thám, có gì ông trình ra, bảo đảm hơn”. Tôi về bàn bạc với cơ sở trong này, mấy ông đồng ý, tôi mang tiền đi lo, khi lấy được cái giấy, tôi cũng mang về trình cho mấy ông. Vậy mà bây giờ mấy ông quy kết tôi là mật thám nguy, lại bươi móc cả chuyện ông già tôi hồi trước làm tay sai cho Pháp. Chỉ có cái chuyện tôi không chịu trả nợ phân bằng lúa mà sinh sự ra như vậy. Vợ tôi là hội trưởng phụ nữ ấp, cũng bị bắt lên xã nhốt một đêm, đến khi bà con kéo lên đấu tranh mấy ông mới thả về.

Một thanh niên ngoài hai mươi tuổi, cầm chiếc loa tay đi đọc đài trong xóm để bêu xấu người già với những lời văn cầu thả và thô thiển: “Mời đồng bào nghe chúng tôi thông báo về hành động của hai tên Nguyễn Thị Bảy (tức vợ Bảy Vót) và Nguyễn Thị Tư (tức Sáu Nhàn): hai tên này trước đây là gia đình nguy quân, theo Mỹ, nay tiếp tục chống đối chủ trương Nhà nước, không chịu trả nợ phân bằng lúa, cương quyết đòi trả phân bằng tiền, lại lên lút vận động người khác chống đối. Nếu như hai bà không chịu thanh toán dứt điểm nợ vật tư năm 1986 và tiếp tục lên lút, vận động người khác chống đối chủ trương, sẽ bị đem ra xét xử theo pháp luật hiện hành của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam!”

Trong những cuốn băng ghi âm của anh Sáu Kiên mà chúng tôi còn giữ lại cũng có một bài phóng thanh tương tự như thế, nghĩa là bà Sáu Nhàn và bà Bảy Vót bị trấn áp bằng cả loa phóng thanh lẫn với loa tay.

Sự trấn áp bằng máy phóng thanh không chỉ dành riêng cho những gia đình “nguy quân, theo Mỹ” mà cả những gia đình cách mạng chí cốt tiêu biểu nhất trong cái làng này. Anh Hồ Duyên Hải, trung úy quân đội nhân dân, thương binh loại 2/4 được giải ngũ về làm tập đoàn trưởng tập đoàn tám ấp Bửu Đông, cha anh là Trung tá tình đội phó tỉnh Minh Hải đã từ trần sau giải phóng. Cũng như bao nhiêu người khác, anh đại diện cho tập đoàn đi mua mười một tấn phân, lúc ấy công ty vật tư nông nghiệp huyện cũng nói với anh phân này bán bằng tiền, anh về chia cho bà con và cũng phổ biến như vậy, nay huyện đòi trả bằng lúa, không ai chịu trả trong lúc anh đang khiếu nại chưa được giải quyết thì công ty vật tư nông nghiệp huyện lại phát đơn đề nghị khởi tố anh ra tòa. Suốt mấy đêm liền, loa phóng thanh phát vang trong xóm, đọc đơn đề nghị khởi tố và mời anh Hải ra huyện thanh toán nợ vật tư. Bài phóng thanh ấy chúng tôi vẫn còn giữ lại.

Kính gửi: Ủy Ban nhân dân tỉnh Minh Hải, Tòa án nhân dân tỉnh Minh Hải, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Minh Hải, Sở Tư pháp Minh Hải, Công an tỉnh Minh Hải, Hội đồng trọng tài kinh tế tỉnh Minh Hải, Ủy Ban nhân dân huyện Giá Rai, Tòa án nhân dân huyện Giá Rai, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giá Rai, phòng Tư pháp huyện Giá Rai, Công an huyện Giá Rai và hội đồng trọng tài kinh tế huyện Giá Rai.

Nay công ty vật tư nông nghiệp huyện Giá Rai đề nghị khởi tố về việc như sau:

Tháng 1 năm 1986, ông Hồ Duyên Hải là tập đoàn trưởng tập đoàn 8 ấp Bửu Đông, xã Long Điền Đông A, đại diện cho tập đoàn làm hợp đồng với công ty vật tư nông nghiệp huyện, tạm ứng 11.500 kg phân urê, quy ra bằng 34.500 kg lúa. Đến nay ông Hải vẫn chưa trả lúa cho nhà nước mà đòi trả bằng tiền mỗi ký năm đồng.

Nay chúng tôi làm đơn này đề nghị các cơ quan pháp chế nhà nước đưa ông Hồ Duyên Hải ra xét xử trước Tòa án nhân dân.

Anh Hải buồn rầu than vãn với chúng tôi:

-Cũng cái chuyện lúa phân này mà gia đình tôi điều đứng. Tôi thì nhức óc đau lòng với cái loa phóng thanh của ông Sáu Kiên, má tôi cũng bị ông lôi ra bêu riếu rằng bà bây giờ hư hỏng, tối ngày lo bán đất, đánh bài, không trả nợ phân. Thử hỏi má tôi già cả rồi, những lúc nhàn rỗi đi đánh bài tứ sắc với mấy bà già để giải trí thì tội tình gì. Còn ba tôi, chết rồi cũng không yên, cũng bị mấy ông lôi ra nói xấu rằng hồi còn sống ông ngoại tình với bà này bà

nợ.

Lúa, phân, tiền . Sự kiện ấy bây giờ chỉ còn là cái cớ để xô đẩy con người vào vòng xáo trộn với bao nhiêu sự phiền toái, trong lúc họ đang cần chén cơm, manh áo và những nhu cầu tối thiểu của đời sống tinh thần.

-Hết phần 2-

NƠI ẤY BÂY GIỜ-phần 3 hết

Võ Đắc Danh

VỤ ÁN NGUYỄN THỊ NGUYỆT ANH VÀ GIA ĐÌNH BÀ BẦY VÓT- KHÚC BI ĐÁT TRONG TÁN THẨM KỊCH DÀI

Bà Bầy Vót nợ sáu trăm ký phân, giờ nếu quy ra lúa thì bà mắc nợ một ngàn tám trăm ký lúa. Cũng vì cuộc tranh chấp này mà bà đã bị loa phóng thanh kêu xúu khắp xóm làng, và người con gái thứ hai của bà ,chị Nguyễn Thị Nguyệt Anh, một người đi đầu trong cuộc đấu tranh này đã bị Công an huyện bắt cóc nửa đêm.

Sự việc ấy được Trần Minh Mẫn, kế toán của trạm thu mua hải sản, thuộc Liên hiệp xí nghiệp thủy sản Gành Hào , là con rể của chị Nguyệt Anh kể lại như sau :

-Đêm 12 tháng 2/88, tức đêm 23 tết, tôi đang ngủ tại nhà mẹ vợ tôi. Khoảng 12 giờ đêm, tôi giật mình nghe tiếng cạy cửa sột soạt, rồi tiếng cắt dây gài cửa. Tưởng kẻ trộm vào nhà , tôi la lớn:

-Ai?

-Một người công an bước vào, tôi nhận ra là anh Thành, trinh sát kỹ thuật của Công an huyện thường lui tới trạm thu mua và quen biết với tôi. Thành nói :

-Mẫn bình tĩnh, không có việc gì đâu em!

Mẹ tôi từ trong phòng bước ra hỏi :

-Chuyện gì vậy cậu?

Thành vừa trả lời vừa ra lệnh:

-Có lệnh bắt chị. Các đồng chí thi hành !

Ba người công an từ ngoài cửa nhào vô, hai người xoắn nách, một người hốt chân mẹ tôi khiêng đi. Ra khỏi cửa, mẹ tôi nói:

-Các cậu cho tôi lấy quần áo theo.

Tôi nghe Thành ra lệnh:

-Bóp cổ lại!

Mẹ tôi không nói thêm được tiếng nào, họ khiêng xuống võ lãi rồi nổ máy chở đi. Thấy một tốp công an còn đứng quanh nhà, tôi nói:

-Các anh bắt người kiểu này, lỡ tôi tưởng ăn trộm,tôi đâm chết thì sao?

Vợ tôi nhào ra khóc lóc thì liền sau đó, tiếng loa phóng thanh phát lên vang dội:" Thi hành lệnh của Viện kiểm sát,Công an huyện Giá Rai đã bắt tên Nguyễn Thị Nguyệt Anh. Đề nghị đồng bào hãy bình tĩnh và trật tự, ai ở nhà này, không được đi lại, không được can gián vào vụ án Nguyễn Thị Nguyệt Anh. Nếu ai cố tình vi phạm sẽ bị trừng trị theo pháp luật Nhà nước "

Ba ngày sau, anh trưởng phòng tổ chức của Liên hiệp Xí nghiệp mời tôi về cho tôi biết là tôi bị đình chỉ công tác. Tôi hỏi lý do,anh nói rằng đây là lệnh của Ban Giám đốc, anh chỉ biết đại khái rằng tôi có liên can đến vụ án của mẹ vợ tôi. Đến ngày 31 tháng 3,Ban Giám đốc ra quyết định chính thức buộc tôi thôi việc,ghi rõ lý do: "Hành động chống đối địa phương, bao che cho Nguyễn Thị Nguyệt Anh vi phạm chính trị ".

Tôi nghĩ rằng đây là sự đàn áp thô bạo, họ làm vậy là để tôi hoảng sợ mà không dám đấu tranh. Nếu thật sự tôi đã can dự vào vụ án chính trị như đã ghi trong quyết định thì tôi đã vào tù chứ đâu chỉ bị buộc thôi việc .

Chị Nguyệt Anh bị giam biệt tích, gia đình không được thăm nuôi. Bà bầy Vót cùng với một số bà con trong xóm kéo nhau ra huyện. Công an huyện trả lời rằng họ đã giải về công an tỉnh, họ lại kéo nhau lên tỉnh. Công an tỉnh không biết, họ lên Viện kiểm sát tỉnh, Viện kiểm sát cũng không biết, họ qua trụ sở tiếp dân của Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân viết giấy giới thiệu cho họ về Công an huyện, đề nghị Công an huyện trả lời. Cuối cùng Công an huyện cho biết là họ đã "gửi" chị Nguyệt Anh về trại giam của tỉnh. Bà Bầy Vót lại lên Công an tỉnh nhờ ông phó Giám đốc giới thiệu cho gia đình đi thăm. Bà đến trại giam cũng không được vào thăm,người ta nói chị Nguyệt Anh còn trong thời gian điều tra, chưa hoàn thành hồ sơ vụ án.

Những ngày tháng ấy, gia đình bà Bầy Vót sầu thảm như một đám tang. Suốt ngày, bà cứ lẩn quẩn như một người loạn trí. Mỗi lần chiếc loa phóng thanh phát ra đọc đến tên bà thì bà lại lấy tờ giấy báo công ra xem như muốn thanh minh rằng gia đình bà không phải là "ngụy quân,theo Mỹ", nhưng bà thanh minh được với ai ? Chính quyền xã cho rằng đó là tờ giấy giả .

Một hôm, có một người đàn bà lạ tìm gặp chúng tôi,chị nói :

-Ông Bảy Đại ở bên xã Long Điền Đông C muốn gặp cậu nhưng ông đau nặng không đi được . Ông nhờ tôi tìm gặp mấy cậu nói rằng nếu mấy cậu là người có tấm lòng nhân ái thì chịu khó đến nhà ông làm nhân chứng

cho ông nói đôi điều trước máy ghi âm của mấy cậu rồi ông có chết ông cũng vui .

Trưa hôm sau, trời nắng như lửa đốt, chúng tôi lợi bộ hơn mười cây số qua xã C tìm đến nhà ông Bảy Đại thì con ông cho biết rằng ông đang hấp hối, Ủy ban xã vừa chở ông ra bệnh viện Giá Rai. Chúng tôi vội vã đón xe Honda ôm về huyện.

Ông Bảy đang nằm trên giường bệnh, người chỉ còn như một bộ xương được bọc lớp da, cặp mắt trắng dờ và trũng rất sâu trông đáng sợ. Ông thở từng hơi nặng nhọc và thỉnh thoảng cất lên những tiếng ho khan.

Trong không khí ồn ào người bệnh lẫn người nuôi ,lớp nằm, lớp ngồi trên những chiếc giường ken nhau dày đặc. Nhưng không còn cách nào khác trước một con người đang hấp hối muốn để lại lời nhắn nhủ cuối cùng, chúng tôi phải mang máy móc ra làm việc trong một điều kiện hết sức oái oăm .

-Ở đời phải có nhân, có đức, có trước có sau các cháu ạ. Đừng bao giờ vất chanh bỏ vỏ, nhất là đối với nông dân. Người nông dân, dù không tham gia kháng chiến, họ cũng có công làm ra hạt lúa nuôi ta. Khất khe, ti tiện, toan tính thiệt hơn với họ là có tội. Bác thấy người nông dân bây giờ bị phản bội nhiều quá, có những sự phản bội tàn nhẫn đến đau lòng .

Hồi xưa bác làm xã đội trưởng Long Điền Đông, cái xã hồi ấy rộng mênh mông chớ không phải chia năm xẻ bảy như bây giờ. Gia đình bà Bảy Vót hồi đó nuôi chứa cán bộ không thể tính bằng lúa tạ lúa thiên. Bà nuôi còn chu đáo hơn cái bếp ăn tập thể bây giờ, bởi cái bếp ăn bây giờ còn có khẩu phần, có giờ giấc, phải đóng gạo, đóng tiền ăn . Bà bảy Vót hồi đó nuôi mình đâu cần thứ đó. Thắng Phước, con trai bà hồi đó đi giữ trâu bị bắt lính. Hai vợ chồng bà bán lúa chạy lo, bác không cho, bác bàn với bà cứ để cho nó đi rồi mình móc nôi, để nó gửi vũ khí về cho mình đánh giặc. Bà đồng ý cho nó đi, và cũng chính bà đứng ra móc nôi và mang súng đạn về giao cho bác. Mỗi lần như vậy bác đều báo cáo với xã ủy chớ đâu phải không, vậy mà bây giờ họ nỡ đối xử với người ta như vậy .

Còn con Nguyệt Anh hồi đó nó luôn dẫn đầu các cuộc biểu tình đấu tranh trực diện. Mỗi lần biểu tình mà không có nó là người ta không dám đi. Nó bị bắt bớ, đánh đập đến tàn phế, mang bệnh hậu cho đến bây giờ. Lẽ ra nó phải được hưởng chế độ thương binh, đảng này lại bị vu khống đủ thứ chuyện xấu xa, và cuối cùng bị bắt giam cũng chỉ vì cái máu đấu tranh của nó .

Mấy tháng qua, đứng trước cảnh khổ của gia đình bà Bảy Vót bị người ta đối xử tàn tệ như vậy, bác không can thiệp được, phần vì bệnh hoạn, phần vì bất lực khi mình đã về hưu, làm dân ở một xã khác, cái giấy xác nhận của bác họ còn cho là giấy giả thì qua đó nói ai nghe. Bác cắn rứt lương tâm mà không biết làm gì. Nghe nói có mấy cháu là nhà báo vô đó để tìm sự thật, bác cũng muốn gặp các cháu để nói lên một sự thật đang bị ruồng rẫy, đang bị bôi nhọ một cách nhẫn tâm.Các cháu đã không phụ lòng bác mà lặn lội đến đây, bác cảm ơn các cháu. Bây giờ có nhắm mắt xuôi tay,bác cũng nhẹ nhàng...

Không biết từ lúc nào ,cả phòng bệnh im phăng phắc. Có những bệnh nhân đang nằm cũng gắng ngồi dậy lắng nghe. Tất nhiên, họ không thể hiểu hết những điều ông Bảy Đại vừa nói. Nhưng ít ra, họ cũng hiểu được rằng, công việc của chúng tôi bày ra ở đây không có gì lạ lùng, quái gở như họ ngạc nhiên ngay từ lúc ban đầu, và cũng không làm cho họ phải khó chịu như tôi đã nghĩ.

Khi ngồi chép lại những dòng này qua chiếc máy ghi âm với lời kể đứt quãng từng đoạn bởi tiếng ho của ông bảy Đại, tôi liên tưởng đến hình hài da bọc xương và đôi mắt dờ đục trũng sâu của ông, tôi không tin rằng ông còn sống nữa .

Tôi không có ý thanh minh cho bà Bảy Vót- điều đó chỉ là trò cười mai mỉa đối với những người trực tiếp hoặc gián làm chủ chiếc loa phóng thanh ở Long Điền Đông A- Tôi chỉ cố gắng làm thỏa mãn niềm khát khao được nói lên sự thật của ông Bảy Đại, để khi ông từ giả cõi đời này khỏi mang theo những điều ngang trái .

CÒN LẠI GÌ Ở LONG ĐIỀN ĐÔNG A?

Sau vụ bắt cóc chị Nguyệt Anh cùng với sự trấn áp bằng các phương tiện thông tin đại chúng, những người chống đối mạnh trong việc trả nợ phần bằng lúa như bị dồn đến tận chân tường. Họ vừa cảnh giác sợ bị bắt cóc ban đêm, vừa ngấm ngầm tử thủ. Ban đêm, họ bỏ nhà kéo nhau đi ngủ bờ ngủ bụi và thủ sẵn dao găm, dao mác và thuốc độc trong người. Họ sẽ dùng dao chống lại và uống thuốc tự tử, chớ không để bị bắt.

Mặc dù công an chìm đang bủa vây ở Long Điền Đông A để truy tìm bàn tay kẻ địch nhưng hầu như họ không phát hiện ra điều đó. Công an thì đi theo dõi coi ai là kẻ địch, ngược lại, quần chúng thì theo dõi coi ai là công an. Họ sống trong cảnh phập phồng lo sợ không biết mình sẽ bị bắt cóc giờ nào. Cứ thế, sự đối kháng giữa quần chúng với chính quyền càng ngày càng căng thẳng. Các nhà lãnh đạo ở đây nghĩ rằng chỉ có bắt giam ông Bảy Liên Xô thì Long Điền Đông A mới thu được nợ và mọi chuyện sẽ êm xuôi. Nhưng đã lỡ thua một lần, bây giờ không dám bắt khi chưa hoàn chỉnh hồ sơ để kết tội rõ ràng. Nhưng không bắt thì để đó như một cái gai nhọn. Cho nên một mặt họ rình rập đợi chờ ông bảy Liên Xô trở thành tội phạm, một mặt họ tố cáo ông về Bộ Nội Vụ . Bộ Nội Vụ giao về cho Công an tỉnh .

Một chồng hồ sơ về ông bảy Liên Xô dày cộm, nhưng tội trạng thì không biết tội gì: “Tên Trần Văn Hai, tức Bảy Liên Xô, nguyên là đại úy quân đội nhân dân Việt Nam. Sinh năm 1931, tại ấp Lập Điền , xã Long Điền Tây ,huyện Giá Rai, tỉnh Minh Hải.Tham gia cách mạng ngày 19 tháng 1 năm 1950, vào Đảng ngày 31 tháng 6 năm

1956. Năm 1954, tập kết ra Bắc, năm 1962 vượt Trường Sơn vào Nam, công tác trong đoàn vận tải tại miền Đông Nam Bộ. Sau giải phóng, chuyển về quân khu 8. Năm 1976, hai quân khu Đồng Láng sát nhập, Trần Văn Hai về công tác tại Cục hậu cần Quân khu 9. Ngày 14 tháng 4 năm 1977, hấn chống lệnh điều động sang biên giới Tây Nam của Quân khu 9 và đào ngũ về sống bất hợp pháp ở Long Điền Đông A, tàng trữ vũ khí trái phép, không chấp hành chủ trương chính sách của Nhà nước, cụ thể là không đóng thuế nông nghiệp và lợi dụng sơ hở của nhà nước trong thủ tục hợp đồng ứng trước vật tư nông nghiệp năm 86, hấn vận động quần chúng chống lại chính quyền địa phương trong việc thu nợ phân...”

Đối chiếu với luật hình sự, ông Bảy Liên Xô không vi phạm vào điều khoản nào để có đủ yếu tố bắt giam.

Thật ra, sau này khi làm việc với Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, tôi mới hiểu ra điều đó. Còn những ngày sống ở Long Điền Đông A, những nguồn tin về cuộc chuẩn bị vây bắt ông Bảy Liên Xô cứ đến dồn dập trong nội bộ các nhà chức trách. Có người thì nói rằng Bộ Nội Vụ bắt, có người lại nói rằng quân khu 9 bắt. Người ta nhận định rằng quân khu 9 bắt sẽ hợp lý hơn vì ông Bảy Liên Xô nguyên là sĩ quan của Cục Hậu Cần quân khu 9. Và lại, nếu quân khu 9 bắt ông Bảy Liên Xô thì quần chúng sẽ không có lý do nào để đổ lỗi cho chính quyền địa phương. Đó là một hiểm kế để tránh được cuộc đấu tranh có thể xảy ra như lần trước.

Không khí ở Long Điền Đông A vào những ngày ấy thật nặng nề khủng khiếp. Nỗi hoang mang, bất bình, cay đắng cứ ẩn hiện trong ánh mắt của mỗi con người. Đoàn cán bộ huy động lương thực của anh Sáu Kiên thì rút về một điểm, giữ tư thế im lặng để đợi chờ một điều gì đó.

Tờ công lệnh của chúng tôi đã hết ngày đi nhưng không thể nào về được, cứ phập phồng linh cảm một cuộc đổ máu xảy ra trên mảnh đất này, nếu ông Bảy Liên Xô bị bắt.

Ngồi quanh chiếc bàn vuông trong căn chòi nhỏ sau vườn, anh Chủ tịch xã trầm ngâm như muốn giữ bí mật khi chúng tôi hỏi về thực trạng Long Điền Đông A.

-Vấn đề Long Điền Đông A hiện nay không loại trừ bàn tay kẻ địch núp sau lưng tên Bảy Liên Xô. Tỉnh đang tăng cường lực lượng trinh sát xuống đây hoạt động nhưng kết quả như thế nào thì chúng tôi không thể báo cho các anh biết được !

Anh phóng viên dài phát thanh nói:

-Dĩ nhiên đó là nguyên tắc. Nhưng ngoài những vấn đề thuộc về nghiệp vụ an ninh, anh có thể cho chúng tôi biết hướng giải quyết của các anh như thế nào trước sự bế tắc của Long Điền Đông A, đặc biệt là vấn đề nợ phân năm 86 đang tranh chấp.

Anh Chủ tịch xã lại ngập ngừng ;

-Muốn giải quyết được vấn đề này, theo đánh giá của Đoàn chỉ đạo huy động lương thực thì chỉ có bắt tên Bảy Liên Xô để quần chúng họ không còn chỗ dựa mà chống lại ta nữa. Và theo tôi được biết thì mình sẽ bắt, bắt trong nay mai, nhưng không phải mình bắt mà Quân khu bắt.

Chúng tôi bàn bạc với nhau và đi đến một quyết định: đến ở tại nhà ông Bảy Liên Xô để làm nhân chứng cho đến giờ phút cuối cùng. Nếu có lỡ bị trúng nhảm dao của thân tộc ông Bảy Liên Xô hoặc đạn lạc của quân khu thì trong bốn đứa tôi, ít ra cũng còn một đứa sống sót. Bằng mọi cách chúng tôi sẽ cố gắng để lại vài bức ảnh hay một đoạn băng ghi âm về trận xung đột này.

Có lẽ những ngày sống ở Long Điền Đông A, đó là đêm hệ thần kinh của tôi căng thẳng nhất, đêm của sự chờ đợi cái tai họa trút xuống ngay căn nhà này- căn nhà ông Bảy Liên Xô- chắc là khiếp đảm hơn trận xô xát hồi cuối năm 86. Liệu có nên báo cho ông biết rằng ông sắp bị bắt hay không? Tôi cứ dằn vò, cắn rứt, cứ hồi hộp, xoắn xang. Trái tim thì bảo nói đi, đừng che giấu. Nhưng cái đầu thì bảo không, anh đừng quên rằng anh là một nhà báo, là công cụ của Đảng, đừng để mất lập trường giai cấp. Tôi dừng lại và nghiền ngẫm hai chữ giai cấp đến nát như rồi nhìn vợ chồng ông Bảy Liên Xô mà nghe đầy mâu thuẫn. Chợt câu danh ngôn của một triết gia nào đó len đến nhắc nhở tôi: “ Người ta thường ân hận khi đã nói hơn là khi chưa nói”. Vậy là tôi có cớ để lý giải cho sự im lặng của mình.

Khoảng hơn bảy giờ tối thì Chín Cửu, Bảy Nguyên, Hai Hiệp và Tư Sương- anh con trai duy nhất còn sống sót của bà Hai Giáp – cũng đến. Bảy Nguyên- Tư Sương là cháu bà Bảy Liên Xô, Chín Cửu là em ruột, họ là những người được chính quyền xem là cánh du côn do ông Bảy Liên Xô tập hợp.

Ông Bảy Liên Xô dù không biết uống rượu nhưng cũng lật đật đốt đèn ra ao chài cá me lên nấu canh chua rau nhúc và mua chai rượu để về đãi chúng tôi, bà Bảy thì ngồi say sưa kể chuyện, bà kể như chưa bao giờ được kể với ai về cuộc đời riêng. Cuộc đời ấy bắt đầu từ năm mười chín tuổi, một người con gái chỉ còn hai ngày nữa mặc áo cô dâu, đã trốn vô rừng mặc áo lục quân làm du kích. Cuộc đời ấy, cuộc đời của vị chỉ huy đội quân tóc dài một thời lừng lẫy. Cuộc đời ấy, cuộc đời của một người vợ để tang chồng trong lúc mới mang thai. Cuộc đời ấy, cuộc đời của một người mẹ tự đỡ đẻ sinh con trong bụi cây rồi lấp đi vết máu và ẵm con xuống hầm bí mật trong một trận càn. Cuộc đời ấy, cuộc đời của một người tù bị tra tấn dã man và trải qua những cơn điên loạn, và cuộc đời ấy...

Bà Bảy Liên Xô không cảm được nước mắt khi xăn tay áo lên cho chúng tôi xem vết sẹo bị trói bằng dây gân bút hai vòng da trên hai cánh tay hơn một năm qua vẫn còn nổi vòng lên dày cộm. Nhưng bà cô giấu đi

không dám kể lại chuyện bị lôi kéo tuột hết áo quần.

Khoảng mười giờ đêm, khi những người khách ra về thì vợ chồng ông Bảy Liên Xô cũng bỏ nhà đi ngủ nơi khác. Ông dặn chúng tôi :

-Sáng mai, nhà ông già vợ tôi làm heo cúng miếu, khoảng chín giờ, mấy cậu lên chơi .

Sáng hôm sau, tôi còn đang mơ màng chợt tỉnh thì nghe có tiếng đối thoại sau hè :

-Có ba cháu ở nhà không ?

-Dạ không .

-Cháu đi tìm ba cháu về nói có chú ở Quân khu 9 xuống đây làm việc với ba cháu .

Tôi giật mình tức mừng dậy thì thấy một người mặc quân phục đội nón cối bước vào. Nhưng lạ quá, tưởng ai lại là anh Hoàng Thêm, hội viên Hội nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam, phó Ban biên tập tờ đặc san Đất Mũi của Sở Văn hóa Thông tin ? Rồi cũng không cần suy nghĩ, tôi hiểu ngay ra đây là diễn viên của nhà đạo diễn Sáu Kiên. Người thứ hai bước vào mang quân hàm Trung tá .

Có lẽ cả Sáu Kiên lẫn anh Hoàng Thêm đều không ngờ rằng chúng tôi “ sẵn ở đây. Song , vì sự tôn trọng tối thiểu với nhau, và lại việc ai nấy làm nên chúng tôi cố gắng không biểu lộ điều gì cho anh đỡ sợ và giữ gìn bí mật cho anh đóng trọn vai tuồng. Thấy chúng tôi quen với anh Hoàng Thêm, ông Trung tá có vẻ lo ngại, vừa tỏ ra khó chịu trước sự có mặt của chúng tôi .

Chỉ năm phút sau, anh Hai Hiệp đến. Hai Hiệp vẫn sử dụng bài bản y như lần đầu anh tiếp chúng tôi :

-Chú tìm được Năm tôi có việc gì ?

Và, trước thái độ của Hai Hiệp, ông trung tá cũng ngập ngừng như tôi lần trước:

-Dạ, tôi ở phòng cán bộ quân khu 9, muốn gặp anh Bảy Liên Xô để ... ông lại ngập ngừng- để làm việc. Vì ảnh bỏ ngũ lâu quá rồi. Quân khu muốn mời anh về để hỏi thăm hoàn cảnh cuộc sống và giải quyết chính sách. Tiện đó quân khu cũng muốn biết thêm về những mâu thuẫn giữa anh với chính quyền địa phương.

Hai Hiệp nói như ra lệnh:

-Chú viết cho mấy chữ đi . Chú tên họ, địa chỉ và nội dung cần gặp, tôi mang đến ông, nếu đồng ý gặp thì ông về.

Ông trung tá giật mình trở mắt nhìn Hai Hiệp. Nhưng rồi ông cũng mở cặp lấy giấy viết ra ghi .

Trong thời gian chờ đợi Hai Hiệp, tôi đứng ra làm chủ nhà đi nấu nước pha trà và làm quen với ông trung tá. Đó là ông Bảy Lương, trưởng phòng tổ chức cán bộ quân khu. Giữa ông và ông Bảy liên Xô chưa hề quen biết nhau, vì ông Bảy Liên Xô về quân khu 9 chưa được bao lâu thì bỏ ngũ, bấy giờ ông Bảy Lương cũng chưa phải là Trung tá trưởng phòng cán bộ như bây giờ .

Chúng tôi uống chưa hết bình trà thì Hai Hiệp trở về. Anh thông báo:

-Bữa nay nhà nội tôi cúng miếu, được Năm tôi mời chú lên dùng cơm và làm việc luôn.

Hai Hiệp đạp xe đi trước, chúng tôi kéo theo sau.

Nhà ông Bảy Vịnh hôm ấy như ngày hội của thân tộc. Con cháu ông ở các nơi tụ tập về đông đủ và khi được tin Quân khu xuống bắt ông Bảy Liên Xô, làng xóm xôn xao kéo đến, họ phập phồng chờ đợi, và những người đàn ông trong thân tộc ấy đang chuẩn bị cái gì, ai biết được ?

Sau khi cúng kiến, tiệc tùng ăn uống xong, cũng không ai chịu về .

Ông Bảy Lương mở đề công việc với mấy lời mào đầu ngắn gọn :

-Tôi được Quân khu phân công mang thư xuống đây mời anh về làm việc. Thật ra thì từ ngày anh về địa phương đến nay, Quân khu cũng không biết đời sống anh ra sao , chỉ có gần đây, chúng tôi được nghe địa phương và viện kiểm sát tối cao thông báo về những mâu thuẫn giữa anh với chính quyền địa phương . Cho nên Quân khu muốn mời anh về để nghe anh báo cáo. Trước là để làm lại các thủ tục để giải quyết chế độ, chính sách quân đội cho anh, đồng thời Quân khu cũng muốn hiểu rõ hơn về những mâu thuẫn giữa anh với chính quyền để cùng nhau tìm cách giải quyết cho êm đẹp.

Ông Bảy Lương trao thư mời cho ông Bảy Liên Xô .

Ngày 3 tháng 4 năm 1988

Kính gửi : Đ/c Trần Văn Hai (Bảy Liên Xô)

Cục Chính trị Quân khu 9 được chính quyền địa phương và Viện Kiểm sát tối cao thông báo về mối quan hệ giữa gia đình đồng chí với chính quyền địa phương có những sự việc chưa thống nhất.

Cục Chính trị chúng tôi được biết đồng chí đã về địa phương giải quyết công việc gia đình từ tháng 4 năm 1977 .

Vì là cán bộ quân đội và để biết sự thật đầu đuôi mối quan hệ đó thế nào.Cục Chính trị xin mời đồng chí về Cục để tường trình, cùng đánh giá phân tích sự việc để góp phần giải quyết vấn đề có cơ sở vững chắc.

Mong đồng chí sắp xếp công việc gia đình, có mặt tại nhà khách Quân khu, (T80) đường Lộ Tê, phường An Thới, thành phố Cần Thơ vào ngày 9-4-88. Chúc đồng chí và gia đình mạnh khỏe.

Thân ái !

KT. Chủ nhiệm Cục Chính trị Quân khu 9

Phó Chủ nhiệm : Đại tá Trần Anh Đông

Đọc xong lá thư, ông Bảy Liên Xô vừa mỉm cười, vừa tức giận:

-Các anh định bắt khéo tôi chứ gì. Tôi biết quá mà, tỉnh này quy kết tôi cầm đầu nhân dân ở đây chống chủ trương nhà nước, muốn bắt tôi nhưng không dám bắt vì biết rằng tôi là người vô tội nên nhờ các anh bắt tôi về giam lỏng ở nhà khách quân khu cho mấy ông dễ dàng hoành hành dân chúng. Nhưng Quân khu đâu còn trách nhiệm gì với tôi nữa mà mời. Tôi bỏ ngũ mười một năm nay rồi, tôi đã là công dân của xã này rồi, còn dính líu gì với Quân khu nữa đâu. Sau lần bị bắt năm 86, tôi có lên gặp Cục trưởng Cục hậu cần hỏi rằng nếu như bây giờ tôi sống ở địa phương không được thì Cục hậu cần có cho tôi trở lại không ? Ông đã trả lời dứt khoát rằng Cục hậu cần không còn trách nhiệm với tôi nữa. Không ai có thể chấp nhận sự trở lại của một sĩ quan đã đào ngũ mười năm. Vậy thì bây giờ anh nói mời tôi về để giải quyết chính sách là giải quyết cái gì ? Tại sao mười một năm qua các anh bỏ rơi tôi rồi bây giờ lại mời về giải quyết chính sách ngay lúc này. Ngay lúc cuộc đấu tranh của chúng tôi với chính quyền địa phương chưa ngã ngũ. Lại càng phi lý hơn khi các anh mời tôi về để giải quyết mâu thuẫn giữa tôi với chính quyền địa phương. Bởi tôi đâu còn là người của Quân khu mà các anh tham gia giải quyết. Giả sử như trong cuộc tranh chấp lúa, phân tiền này tôi đúng thì quân khu có đứng ra bênh vực tôi được không ?

Và nếu tôi sai thì quân khu sẽ xử lý tôi hay chính quyền địa phương xử lý tôi theo luật pháp nhà nước ? Anh trả lời đi ! Anh trả lời không được thì anh mời tôi về trên có ý nghĩa gì ?

-Tôi chỉ đến đây với tư cách là người liên lạc thôi anh Bảy ạ, còn đi hay không đó là quyền của anh. Nhưng theo tôi thì anh nên đi để sau này có chuyện gì khỏi phải ân hận .

-Tôi không đi và cũng không có gì phải ân hận. Anh về nói lại với Quân khu rằng tôi cảm ơn sự quan tâm của quân khu, không phải tôi không đi là vì tôi phụ lòng các anh đâu. Khi nào mọi chuyện ổn rồi tôi sẽ lên thăm các anh để nói lại tình xưa nghĩa cũ của những đời lính với nhau. Còn bây giờ thì tôi không thể đi được vì cuộc đấu tranh ở đây chưa ngã ngũ, dòng họ , thân tộc, bà con chòm xóm chúng tôi đang bị chính quyền ức hiếp , tôi đã khiếu nại lên tới Trung ương nhưng chưa được giải quyết và những ngày này chúng tôi đang chờ đợi sự công bằng. Nhưng nếu cuối cùng chúng tôi bị xử ép thì có lẽ xứ này sẽ xảy ra trận đổ máu như cánh đồng Nọc Nạn ngày xưa .

Ông Bảy Lương bắt tay vợ chồng Ông Bảy Liên Xô rồi từ giã ra về. Tôi thấy ông Bảy Liên Xô bước vào cánh cửa phía trong, vén vạt áo sau lưng rút ra con dao, dắt vào kẹt vách. Cả nhà thở phào nhẹ nhõm.

Buổi trưa hôm ấy, chúng tôi đến nhà ông Sáu Xum, trụ sở đã chiến của đoàn chỉ đạo huy động lương thực. Vị Giám đốc Sở Văn hóa thông tin đang mặc quần cụt, ở trần, đeo kiếng mát ngồi trên chiếc võng bắc ngang bộ ván để nói chuyện với một số cán bộ về chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch và tình hình phân hóa giai cấp ở Long Điền Đông A hiện nay .

Chúng tôi vừa bước vào, ông cười hỏi :

-Sao, đêm qua tụi bây ngủ nhà Bảy Liên Xô, nghe vợ nó khóc, tụi bây cảm động lắm phải không ? Cũng chưa đã lắm đâu, tụi bây cứ đi tìm hiểu tiếp tục đi rồi sẽ thấy, xung quanh cái chuyện phân, tiền, lúa này mà bao nhiêu gia đình chia rẽ, dòng họ phân tán, xung đột, thù ghét lẫn nhau, lý thú chưa từng thấy. Một thiên tiểu thuyết đó, tụi bây tha hồ viết .

Tôi giật mình và tự hỏi: Cái sự dao động bên ngực trái của anh là cái gì ? Có còn là một trái tim?

Ông Bảy Lương quay sang nói với chúng tôi :

-Mấy cậu nhớ dùm nghe, hồi này thằng Bảy Liên Xô nó nói với tôi rằng nếu nó đi thì dân ở đây người ta sẽ trả nợ hết, cho nên nó không chịu đi .

Anh phóng viên Đài phát thanh nói :

-Không phải vậy đâu chú Bảy, hồi này cháu có ghi âm !

Sáu Kiến một tay vỗ lên đầu võng nói:

-Tôi đã mang chiếc võng này xuống đây bốn tháng rồi. Nói thật với tụi bây, đối với Bảy Liên Xô bây giờ tao không cần bàn nữa, Bộ Nội Vụ đã kết luận rồi, Tỉnh ủy và công an tỉnh cũng đã kết luận rồi, khỏi phải nói thêm điều gì nữa hết, giờ chỉ còn hành động mà thôi !

-Bây giờ thế này anh sáu ạ- Tôi nói- Anh, với tư cách là Trưởng đoàn chỉ đạo công tác ở đây, được thường vụ Tỉnh ủy phân công trực tiếp. Chúng tôi muốn anh phát biểu vài nhận định về vấn đề Long Điền Đông A trước khi chúng tôi rời khỏi nơi đây.

-Không. Tụi bây đừng mong cạy miệng tao một điều gì cả. Tao không thể bày tỏ quan điểm của tao trong lúc này được. Tụi bây cứ tự tìm hiểu lấy và đừng bao giờ ghi tên tao trong bài viết của mình .

-Nhưng tôi có quyền phỏng vấn anh .

-Tao cũng có quyền không trả lời.

Tôi nói nửa đùa, nửa thật .

Nếu vậy thì tôi sẽ viết rằng: “ Khi chúng tôi đến phỏng vấn vị Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin về vấn đề Long Điền Đông A, chẳng những ông không trả lời mà còn bảo rằng tụi bây đừng mong cạy miệng tao một điều gì

cả “.

Sáu Kiên có vẻ hốt hoảng :

-Không được, phải viết như thế này: “ Sở dĩ Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin không trả lời là vì ông không muốn bày tỏ quan điểm của mình trên báo chí khi vấn đề chưa được kết luận “ .

Anh Sáu Kiên nói thêm :

-Tụi bây có biết rằng sự phân hóa giai cấp ở đây hiện nay đang diễn ra như thế nào và vì sao không ? Điều đó không phải là chuyện đơn giản, và tụi bây có biết rằng ở đây hiện giờ kẻ địch đang hoạt động bằng những thủ đoạn tinh vi như thế nào không ? Chúng đang sử dụng gia đình liệt sĩ và nông dân nghèo để chống lại ta. Nếu như họ đấu tranh để cuối cùng được trả một ký phân năm đồng sẽ lời gấp trăm lần trả ba ký lúa. Vì vậy mà chúng đánh ngay vào tâm lý của họ, chúng lợi dụng cái óc tự hữu của người nông dân để mà kích động. Chúng còn dùng một thủ đoạn khác tinh vi hơn nữa, tụi bây có biết đó là thủ đoạn gì không? Chúng sử dụng giai cấp phú nông để khống chế giai cấp bần nông không cho họ trả nợ phân nhà nước. Nếu như ai còn đang thiếu nợ lúa vay mà trả nợ phân nhà nước thì những tên chủ nợ sẽ lập tức đến đòi nợ hoặc sẽ không tiếp tục cho vay nếu lỡ họ thiếu ăn. Tao chỉ nói đại khái những vấn đề như vậy để tụi bây thận trọng trong viết lách, còn thực tế như thế nào thì tụi bây tự tìm hiểu lấy, đừng hòng cạy miệng tao. Long Điền Đông A là một cuộc thi, tụi bây nên hiểu như vậy, và bài ai nấy làm, không được “ cộp bì “ .

-Nhưng như vậy thì tôi đã “ cạy miệng” được anh rồi còn gì nữa!

Sáu Kiên nhìn tôi cười và có vẻ giựt mình. Tôi nói tiếp:

-Thật ra thì tôi cũng chỉ cần anh phát biểu vài nhận định như thế thôi . Còn thực tế như thế nào thì dĩ nhiên chúng tôi tự tìm hiểu lấy, và chúng tôi đã tìm hiểu.

Chiều hôm ấy, buổi chiều cuối cùng ở Long Điền Đông A , chúng tôi thả dọc dài theo con đê biển về chỗ bến tàu. Chiều xuống ở đây buồn thê thảm. Dọc theo bờ đê, một bên là dãy nhà chòi xơ xác, nằm trơ trọi không một bóng cây. Bên kia là đồng muối, đang vào mùa thu hoạch, những đồng muối vung đầy ngất ngùng dưới chân đê và chạy dài trông mịt mịt, chúng bị ối động trong trận khủng hoảng thừa. Xa tít ngoài kia, bao quanh đồng lúa là cánh rừng chòi lúp xúp, giáp với màu trắng xóa mù khơi và mệnh mông của biển.

Những đứa trẻ đen đúa, trần truồng vác cần câu đi giựt cá bóng kẻo theo những đồng kinh dọc ngang đang dâng đầy con nước lớn. Chúng vừa đi vừa ngêu ngao hát:

Bán phân thì bán bằng tiền

Cuối mùa lấy lúa làm phiên nhân dân

Dân ta tức giận đấu tranh

Bắt dân nhốt khám tanh banh xã nhà ...

Nghe câu hát ấy , anh phóng viên đài phát thanh (vốn là người sưu tầm văn học dân gian) giật mình chừng lại :

-Này, mẩu cháu, đến đọc lại cho mấy chú nghe lần nữa đi .

Lũ trẻ hốt hoảng gọi nhau :

-Ý chết, cán bộ tụi bây ơi, mấy ông bắt bây giờ- Rồi chúng vừa chạy vừa quay lại nói với chúng tôi. Mấy câu này của ông Bình Khùng đặt chớ không phải của tụi tui đâu nghen !

Vậy là chuyện lúa,phân, tiền đã trở thành văn học dân gian, đã hằn sâu trong ý thức của Long Điền . Tôi chợt nghĩ, chắc giờ này anh sáu Kiên đang nằm lắc lư trên võng. Nếu một ngày nào vô tình anh nghe được những câu ca dao ấy, anh sẽ khẳng định xuất xứ của nó như thế nào? Từ trong ý thức của người nông dân hay “ từ cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch ?”

x

x x

-Không thể được đâu anh Hai ạ, các anh đã dựng lên những nhân chứng giả để bưng bít sự thật, các anh đã tạo ra sự phân hóa, xung đột trong nội bộ nông dân, và chính các anh đã xô đẩy họ về phía đối kháng với chính quyền rồi các anh lại đổ lỗi cho bàn tay kẻ địch. Long Điền Đông A đang dự báo cho một trận đổ máu xảy ra nếu các anh tiếp tục trấn áp, tiếp tục chà đạp cái sự thật đang là nỗi oan ức trong lòng của mỗi người dân.

Anh Rina, thường vụ tỉnh ủy đang làm bí thư huyện Giá Rai, một người vốn bình dân,thật thà và nhân hậu. Anh rầu rĩ đưa mắt nhìn về cánh đồng Nọc Nạn hiện ra trước cửa nhà anh , cách không đầy hai trăm mét. Nơi ấy đang chuẩn bị làm lễ kỷ niệm sáu mươi năm cuộc manh động của gia đình Mười Chúc.

-Thật ra thì tôi đi tìm sự thật-Tôi nói tiếp- là để viết bài chớ không phải để nói với anh, vì tôi không phải là cán bộ thanh tra đi thu thập tài liệu về báo cáo. Nhưng vì lợi dụng, phải, tôi lợi dụng mối quan hệ giữa anh với gia đình tôi vừa là họ hàng thân tộc, vừa gắn bó với nhau trong chiến tranh để xóa đi cái khoảng cách nhau về địa vị, để có thể móc ruột ra mà nói với nhau về sự thật, vì tôi sợ sau khi tôi viết xong bài báo thì lúc ấy đã muộn màng...

Anh Rina ngập ngừng nói :

-Thật ra thì bấy lâu nay thường vụ tỉnh ủy chỉ được nghe báo cáo của anh Sáu kiên. Những điều chú vừa cung cấp cho tôi đều hoàn toàn ngược lại. Vậy thì chẳng lẽ vấn đề Long Điền Đông A lại có hai sự thật khác nhau

sau ? Tôi sẽ đề nghị tỉnh ủy tổ chức cuộc họp báo để cùng bàn bạc, thống nhất quan điểm với nhau.

Hai ngày sau, chúng tôi được mời đi họp báo. Nhưng cuối cùng, đó không phải là cuộc họp báo. Đồng chí trưởng ban tuyên huấn mời các cơ quan báo chí đến để thông báo chỉ thị của thường vụ tỉnh : Các cơ quan báo chí không được can thiệp vào vấn đề Long Điền Đông A khi chưa được thường vụ tỉnh ủy kết luận.

Tôi ân hận vì mình đã móc ruột với anh Rina. Phải, người ta thường ân hận khi đã nói hơn là khi chưa nói. Nhưng tôi nghĩ dầu sao thì những điều tôi đã nói ra cũng không hoàn toàn vô tác dụng.

Những ngày sau đó, đoàn chỉ đạo của anh Sáu Kiên được lệnh rút về, huyện ủy Giá Rai cử đoàn cán bộ khác gồm hai mươi người xuống Long Điền Đông A để làm những công tác khác : củng cố các đoàn thể quần chúng, các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao để làm giảm bớt không khí nặng nề, căng thẳng. Còn chuyện luá, phân, tiền và “ sự kiện Bảy Liên Xô” tạm dừng lại, để tính sau. Nghĩa là cơ thể của Long Điền Đông A trong cơn đau quần quai được tạm thời tiêm một mũi thuốc an thần, còn liều thuốc lấy dân làm gốc , chưa ai dám sử dụng trong lúc này. .

ĐIỀU RAY RỨC SAU CÙNG

Cách đây lâu lắm, có lần tôi đến nhà xuất bản Mũi Cà Mau, gặp nhà thơ Lê Chí. Tôi vừa bước vào cửa thì anh Chí nói ngay:

-Hôm rày mày đi đâu lâu qua, anh Sáu Kiên kiếm mày để rủ mày đi Long Điền Đông A với anh, dạo này anh đi chỉ đạo huy động lương thực ở dưới.

Tôi đâm ra tiếc rẻ vì Long Điền Đông A đối với tôi tuy không phải là nơi chôn nhau cắt rún nhưng lại là chỗ tôi yêu thương, có nhiều kỷ niệm. Tôi đã viết về nơi ấy năm bài báo thì còn gì là không gắn bó đến thâm sâu. Hơn nữa nếu được cùng đi với anh Sáu Kiên thì chắc sẽ có nhiều chuyện lý thú.

Mấy tháng sau, vào một buổi chiều, tôi đang ngồi uống trà với anh Lê Chí tại Nhà xuất bản Mũi Cà Mau thì bất ngờ anh Sáu Kiên đến. Được biết anh từ Long Điền Đông A mới về, tôi hỏi ở dưới có gì vui không, anh nói mà như trách :

-Tụi bây cứ ru rú ở nhà mà biết gì. Thời buổi này mà cứ ngồi nhà nặn óc ra hư cấu. Tao về chữa bệnh cho bà già ít hôm rồi trở xuống Long Điền Đông A, mày sắp xếp đi dưới với tao. Ở dưới bao nhiêu chuyện lý thú đến lạ lùng . Mày chỉ cần chịu khó thu thập tài liệu rồi viết y sự thật cũng thành tiểu thuyết, khỏi tốn công tưởng tượng, hư cấu gì cả. Có khi nào mày nghĩ con của một đồng chí thương binh mà phải đi ở đợ không? Rồi có khi nào mày nghĩ một Chi ủy viên phụ trách công tác tổ chức mà mê tin dị đoan đến tán gia bại sản rồi bệnh hoạn luôn không? Cứ xuống dưới đi, cả thiên tiểu thuyết đang chờ mày ở dưới!

Nghe anh nói, tôi cố gắng dẹp hết mọi chuyện để đi .

Và bây giờ tôi viết.

Biết nói thế nào để anh Sáu hiểu được tôi? Mỗi lần ngồi viết của tôi chạm phải tên anh thì tay tôi run và tim tôi đau nhói. Có xa lạ gì đâu, giữa anh với tôi là chỗ họ hàng, gần lắm! Chính điều đó làm tôi đau, bởi cái thân tộc nó bắt người ta phải luôn luôn suy nghĩ .

Anh Sáu là người đọc nhiều, chắc anh nhớ trong đoạn cuối truyện ngắn” Nợ nước mắt” của nhà văn Trang Thế Hy có câu : “ Thật ra, tôi không muốn đem anh vào câu chuyện giữa tôi với chị Ba cho thêm phiền phức, nhưng dầu tôi có gạt anh ra khỏi trang giấy này đi nữa thì anh vẫn xuất hiện ở ngoài đời, tiếp tục vấy hủ và tiếp tục đứng vững”

Ở đây, ngoài lý do ấy còn một lý do khác nữa. Tôi và anh, hai người cùng đứng trước sự đổ vỡ của Long Điền Đông A với hai vị trí khác nhau. Nhưng ở vị trí của anh, anh có thể gạt bỏ cái nguyên nhân có thật để đổ thừa cho kẻ địch hoặc ông Bảy Liên Xô. Còn ở vị trí của tôi- một người đi tìm và bảo vệ sự thật- nếu gạt anh ra khỏi trang viết này thì tôi biết tìm sự thật ở đâu ?

Anh thông cảm mà đừng giận tôi nghe anh Sáu! Tôi biết từ ngày rời khỏi Long Điền Đông A đến nay, anh mang nhiều tâm trạng đắng cay, buồn giận của một người vừa bỏ cuộc thi. Tôi hy vọng rằng trong nỗi buồn giận ấy, theo thời gian, anh sẽ chữa một chỗ để tự buồn giận chính mình ./.

Tạp chí Văn Tp HCM

Số 1&2 năm 1988

-Hết-